HUỲNH ÁI TÔNG

Tìm hiểu về Cải lương

Hiên PHẬT HỌC
2018

Mục Lục

Về Cải lương …….……..…… 9
Nguồn gốc Cải lương ……..….. 13
Các đoàn hát Cải lương……..……...…. 31
Đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ và Huỳnh Long ……..... 61
Soạn giả tuồng Cải lương …….. 67
- Trương Duy Toản (1885-1957) …… 69
- Trần Phong Sắc (1873-1928) …… 73
- Nguyễn Trọng Quyền (1876-1953) …….. 75
- Nguyễn Tri Khương (1890-1962) ……...…. 79
- Năm Châu (1906-1978) …… 81
- Trần Hữu Trang (1906-1966) …….….. 89
- Huỳnh Thủ Trung (1907-1964) …… 93
- Lê Hoài Nở (1909-2000) …….. 99
- Mộng Vân (1910-1950) ……..…… 103
- Duy Lân (1910-1973) ……. 109
- Bảy Nam (1913-2004) …… 111
- Điêu Huyền(1915-1983) ……. 113
- Nhị Kiều (1921-2010) ……...……. 117
- Nguyễn Phương (1922-20 ..) ……. 121
- Thanh Cao (1923-2013) …….……. 123
- Thu An (1923-2005) …….…….. 127

- Quy Sắc (1924-2010) 131
- Viễn Châu (1924-2016) 133
- Trần Hà (1928-2016) 137
- Kiên Giang (1929-2014) 139
- Hà Triều (1931-2003) 143
- Hoa Phượng (1933-1984) 147
- Thế Châu (1936-2005) 151
- Hương Sắc (1940-2014) 155
- Yên Lang (1940-2016) 157
- Yên Ba (1941-2001) 161
- Loan Thảo (1942-1982) 165
Các nghệ sĩ cải lương 175
- Tám Danh (1901-1976) 177
- Bảy Nhiêu (1902-197?) 181
- Ba Du (1904-1984) 185
- Năm Châu (1906-1978) 186
- Tư Chơi (1907-1964) 191
- Bà Năm Sa Đéc (1907-1988) 195
- Sáu Trâm (190?-197?) 198
- Năm Phỉ (1908-1954) 200
- Ba Vân (1908-1988) 204
- Phùng Há (1911-2009) 206
- Cô Tư Sạng (1911-1954) 214
- Năm Nghĩa (1911-1959) 218
- Tư Út (1912-1948) 220
- Bảy Nam (1913-2004) 222
- Thành Tôn (1913-1997) 225
- Cô Ba Bến Tre (1914-19..) 229
- Sáu Ngọc Sương (1915-2000) 230
- Bảy Cao (1916-1996) 233
- Cô Năm Cần Thơ (1917-1997) 235
- Cô Ba Trà Vinh (1917-2004) 240
- Cô Ba Thanh Loan (1917-1982) 245
- Ái Liên (1918-1991) 248
- Út Trà Ôn (1919-1997) 251
- Ba Xây (1920-2009) 253

- Huỳnh Thái (1920-1970) ……... 256
- Bích Hợp (192X-1978) ……..……. 259
- Kim Xuân (192X-20 ..) ……..…… 260
- Minh Tơ (1922-1984) …….……... 263
- Kim Cúc (1922-1991) ……..…….. 265
- Hoàng Giang (1922-2002) ……...……... 267
- Việt Hùng (1923-2001) ……..…… 270
- Kim Chung (1923-2008) ……..…… 273
- Tám Vân (1924-2010) ……...…. 275
- Minh Chí (1924-1995) ……..….. 279
- Minh Điển (1924-1996) …….. 280
- Kim Chưởng (1926-2014) …….. 285
- Văn Ngà (1926-2010) ……. 288
- Kim Lan (1926-2000) ……. 291
- Văn Chung (1927-2018) ……. 294
- Hề Minh (1929-1985) ……. 296
- Kim Quang (1929-1989) …… 299
- Trường Xuân (1929-1998) ……. 302
- Bích Thuận (1930-20..) …….. 307
- Ngọc Nuôi (1930-2002) ……. 311
- Hữu Phước (1932-1997) ……. 316
- Kim Hoàng (1932-2017) ……...……. 322
- Thanh Hải (1933-2014) …….. 325
- Thành Được (1934-20..) …… 331
- Văn Hường (1934-20..) ……. 337
- Út Bạch Lan (1935-2016) …….. 339
- Thanh Hương (1936-1974) ……. 344
- Hùng Cường (1936-1996) ……. 346
- Minh Cảnh (1937-20..) ……. 351
- Nam Hùng (1937-20 ..) ……. 356
- Hùng Minh (1938-20 ..) ……. 359
- Minh Đức (1938-20 ..) ……. 364
- Lan Chi (1939- ?) …….. 366
- Kim Giác (1939-20 ..) …… 368
- Bích Sơn (1939-20..) ……...……... 370
- Thanh Tú (1939-20 ..) ……. 374

- Út Hiền (1940-1986) …….. 380
- Út Hậu (1940-2001) ……... 384
- Tấn Tài (1940-2011) …….. 387
- Hương Sắc (1940-2014) …… 392
- Ánh Hoa (1941-20 ..) …… 395
- Hề Sa (1941-20 ..) …….. 398
- Diệp Lang (1941-20..) ……... 401
- Thanh Nga (1942-1978) ……..... 404
- Ngọc Hương (1942-2017) …….. 408
- Dũng Thanh Lâm (1942-2004) ……... 409
- Phương Quang (1942-2018) ……...… 413
- Hoài Trúc Phương (1943-2014) …… 417
- Kim Ngọc (1943-2011) …….. 421
- Thanh Sang (1943-2017) …… 423
- Thanh Thanh Hoa (1943-2009) …….. 425
- Minh Phụng (1944-2005) ……... 428
- Ánh Hồng (1944-20 ..) …….. 431
- Hoàng Ấn (1944-2008) …….. 436
- Bửu Truyện (1945-199X) …….. 437
- Thanh Thế (1945-20 ..) ……..... 440
- Ngọc Giàu (1945-20 ..) …… 443
- Bạch Tuyết (1945-20 ..) …… 445
- Hồng Nga (1945-20 ..) …….. 449
- Diệu Hiền (1945-20 ..) …….. 453
- Trương Ánh Loan (194X-1979) …… 456
- Phú Quý (1946-20 ..) …… 458
- Ngọc Bích (1947-20 ..) …….. 462
- Phương Bình (1947-20 ..) …….. 467
- Thanh Điền (1947-20 ..) ……...… 470
- Xuân Yến (1947-20 ..) ……... 472
- Hoài Thanh (1947-20 ..) …… 477
- Kim Tuyến (1947-20 ..) …… 480
- Hương Huyền (1947-20 ..) ……...… 482
- Mộng Tuyền (1947-20 ..) …….. 486
- Phượng Liên (1947-20 ..) …….. 491
- Thanh Nguyệt (1947-20 ..) …… 495

- Lệ Thủy (1948-20 ..) ……. 500
- Thanh Tòng (1948-2016) …… 504
- Đức Lợi (1948-20 ..) …….. 506
- Bạch Mai (1948-20 ..) …… 510
- Thanh Tuấn (1948-20 ..) …… 513
- Minh Vương (1949-20 ..) ……... 518
- Bo Bo Hoàng (1949-20 ..) …… 521
- Bảo Quốc (1949-20 ..) ……..…… 526
- Ngọc Đáng (1949-20 ..) …… 530
- Kiều Mai Lý (1949-19 ..) ……..…… 535
- Kiều Lệ Mai (1949-20 ..) ……... 541
- Đỗ Quyên (195X-20 ..) …….. 543
- Tô Kim Hồng (1950-20 ..) …… 546
- Thanh Bạch (1950-20 ..) …… 552
- Trường Sơn (1950-20 ..) …… 556
- Mỹ Châu (1950-20 ..) ……..…… 560
- Chí Tâm (1950-20 ..) …… 565
- Kiều Phượng Loan (1951-20 ..) …… 570
- Bạch Lê (1951-20 ..) …….. 574
- Đức Minh (1952-2014) ……..…… 579
- Giang Châu (1952-20 ..) …… 584
- Hà Mỹ Xuân (1952-20 ..) …….. 587
- Ngọc Đan Thanh (1952-20 ..) …… 592
- Tú Trinh (1952-20 ..) …… 596
- Thoại Miêu (1953-20 ..) ……..…… 601
- Tuấn Thanh (1953-20 ..) …… 603
- Kim Hương (1954-20 ..) …… 608
- Thanh Kim Huệ (1955-20 ..) …… 611
- Hương Lan (1956-20 ..) …… 615
- Phượng Mai (1956-20 ..) ……..… 619
- Hữu Huệ (1956-20 ..) …… 624
- Tài Linh (1956-20 ..) ……..... 628
- Bình Trang (1957-20 ..) …… 632
- Hương Chung Thủy (1958-20 ..) ……... 637
- Vũ Linh (1958-20 ..) …….. 639
- Thanh Hằng (1959-20 ..) ……..…… 641

- Linh Huệ (1959-20 ..) …… 644
- Phương Hồng Thủy (1960-20 ..) ……..… 649
- Cẩm Thu (1960-20 ..) …… 653
- Tuấn Châu (1963-20 ..) …… 655
- Thanh Thanh Tâm (1963-20 ..) …… 660
- Kim Tử Long (1966-20 ..) …… 663
- Thanh Thủy (1966-20 ..) …… 666
- Thoại Mỹ (1969-20 ..) ……..…… 669
- Chinh Nhân (1970-2016) …… 673
- Cẩm Tiên (1970-20 ..) ……..…… 677
- Ngọc Huyền (1970-20 ..) …….…….. 679
- Thanh Ngân (1972-20 ..) ……..…… 681
- Kim Tiểu Long (1975-20 ..) …….. 684
- Tú Sương (1977-20 ..) ……... 687
- Bình Tinh (1981-20 ..) ……... 690
Những nhân tố thúc đẩy Cải lương phát triển ……..….. 693
- Đất nước thanh bình, đời sống dân chúng sung túc … 693
- Các giải thưởng …….…….. 695
. Trần Tấn Quốc và Giải Thanh Tâm …….. 695
. Giải Kim Khánh của Nhật báo Trắng Đen …… 702
Những yếu tố làm cho Cải lương tuột dốc ……..…… 705
- Do tình hình chánh trị và an ninh ……...…… 705
- Do phương tiện truyền hình …… 705
- Khán giả thay đổi quan điểm giải trí …….. 706
- Là phương tiện nghệ thuật vị xã hội chủ nghĩa …….. 706
Phần sau cùng …….……..….. 707
Tài liệu sử dụng …….. 709
Bảng tra Phương danh soạn giả và nghệ sĩ theo vần abc … 709

Về Cải lương

Cải lương là một loại hình nghệ thuật trình diễn trên sân khấu, miền Nam có sông nước hữu tình, cách nay chừng 7, 8 mươi năm, khi phương tiện đi lại bằng cơ giới rất hiếm, sự giao thương chủ yếu bằng ghe, đi lại chủ yếu bằng xuồng. Xa hơn, thời gian trước đó nữa, những đêm trăng thanh, gió mát người bơi xuồng trên sông, vừa bơi xuồng vừa hò những câu hát, câu ca dao. Khung cảnh đó, sau những ngày mùa, để giải trí người ta tụ năm, tụ bảy trải chiếu trước sân, hay sang hơn ngồi quanh bình trà, dĩa bánh trên bộ ván trong nhà, kẻ đàn người hát. Từ đó nó hình thành đàn ca tài tử.

Từ đàn ca tài tử, người ta phụ họa thêm điệu bộ, rồi đưa lên sân khấu phụ diễn cho gánh xiếc, phụ diễn cho chiếu bóng, cũng chịu ảnh hưởng từ hát bội có tuồng tích, thế là cải lương ra đời với tuồng tích từ *Kim Vân Kiều*, từ *Lục Vân Tiên*, từ *Gia Long tẩu quốc*…

Những chi tiết đó thúc đẩy tôi tìm hiểu về Cải lương, về nguồn gốc, về các gánh hát, về những đào kép… về những yếu tố thúc

đẩy cải lương phát triển huy hoàng, về những nhân tố làm cho Cải lương xuống dốc thảm thương.

Người ta hát hò trên sông vào ban đêm tôi có nghe, người lối xóm đàn ca tài tử ngoai sân, trong nhà tôi có dự, thuở nhỏ cúng Đình hát bội tôi có xem, lớn lên chút nữa gánh hát của Bảy Cao hát ở Đình làng bên cạnh tôi cũng có xem, rồi đi học ở Châu Đốc, học bài tới khuya, đoàn cải lương Minh Chí - Việt Hùng, hát ở rạp Lạc Thành tại đầu nhà lồng chợ, gần nhà, chờ tới lúc thả giàn vào xem màn chót.

Đến khi lên Sàigòn, họa sĩ Loka cho vé đi xem Thành Được và Bích Sơn trình diền tuồng *Khi hoa anh đào nở* trên sân khấu Thúy Nga, vài năm sau nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu mua 3 cái vé cho thân mẫu, cô em gái và tôi đi xem vở tuồng *Áo cưới trước cổng chùa* hình như ở rạp Nguyễn Văn Hảo, lần đó Bảo Quốc đóng một vai em của Thanh Nga, cậu ta lớ ngớ không thuộc tuồng, Thanh Nga phải nhắc.

Sau 1975, sau khi Thanh Nga đã mất, người quen bên cạnh nhà cho vé mời đi xem đoàn Thanh Minh trình diễn ở rạp Đại Đồng vở tuồng *Thái Hậu Vương Vân Nga* do Kim Hương thủ vai chánh, một tuồng khác trình diễn ở một rạp gần chợ Nancy, có Kiều Phượng Loan thủ vai chính. Rồi thỉnh thoảng xem cải lương trên truyền hình với *Sân khấu về khuya, Bên cầu dệt lụa…*

Nói rằng mê hát Cải lương thì chắc là chưa đúng, nhưng có xem một số tuồng hát, có biết một số Đoàn hát, một số nghệ sĩ và chỉ có một lần duy nhất tiếp cận nghệ sĩ Bạch Tuyết, lần đó khoảng năm 2005, tôi đến nhà Bạch Tuyết ở đường Phạm Ngọc Thạch, để xin một ít bài Bạch Tuyết viết về Phật Giáo, lần đó Bạch Tuyết có trao cho tôi 1 tập Photocopy chừng mươi,

mười lăm bài, nhưng do tôi không có thì giờ gõ vi tính, nên tôi không có đăng bài nào trên nguyệt san Phật Học do tôi chủ trương, ấn hành tại Mỹ.

Cải lương đối với tôi chỉ có thế, nhưng tôi muốn viết để tìm hiểu về nó. Vào rồi mới thấy nó như hỏa mù, có nhiều người viết nhưng mỗi người viết một khía cạnh, viết dạng tùy bút, viết lại một đề tài không có chi mới lạ.

Vương Hồng Sển viết dưới dạng tùy bút, có nhiều chi tiết có giá trị, Nguyễn Phương là soạn giả, ông có hàng chục năm theo đoàn hát, ông rành từ đoàn hát nầy đến đoàn hát nọ, từ anh kép nầy đến cô đào kia, ông có nhiều bài viết về Cải lương.

Ngoài ra còn có Ngành Mai, Thanh Hiệp cùng viết nhiều bài về nghệ sĩ Cải lương, Ngành Mai có xuất bản quyển *100 năm Cải lương Việt Nam* xuất bản năm 2014, *Bước đường Cải lương* của Nguyễn Tuấn Khanh phát hành năm 2014, soạn giả Nguyễn Phương có quyển *Buồn vui đời nghệ sĩ* xuất bản năm 2005, và *Ngũ đại gia sân kháu cải lương* xuất bản năm 2000, Hồ Trường An có *Sàn gỗ màn nhung* xuất bản năm 1996, Trần Văn Khải có *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam*, xuất bản năm 1970, Vương Hồng Sển có *Hồi ký 50 năm mê hát* xuất bản năm 1960.

Như vậy có nhiều sách viết về nghệ thuật sân khấu Cải lương, tôi tiếc rằng mình không có trong tay những quyển sách ấy để đọc, tuy tôi có sách của Vương Hồng Sển và Trần Văn Khải, nhưng nó lại nằm trong tủ sách ở Sàigòn, nên nội dung bộ sách nầy dựa vào tài liệu trên Mạng, trong đó nhiều nhất là bài viết của soạn giả Nguyễn Phương và Vương Hồng Sển.

Nguyễn Phương sinh năm 1922, tốt nghiệp Trường Bá Nghệ năm 1941, theo nghề Cải lương từ năm 1948 đến năm 1989 đi

định cư ở Canada, ông có trên 40 năm theo nghiệp cầm ca Cải lương. Ông Vương Hồng Sển ra trường Chasseloup Laubat, đi làm thư ký tại Trường Bá Nghệ từ năm 1923 đến năm 1939. Tôi tốt nghiệp Trường Cao Thắng năm 1964, cũng là Trường Bá Nghệ xưa, theo dấu người trước tôi soạn sách nầy, nhưng hầu hết là những bài viết của soạn giả Nguyễn Phương và một ít tác giả khác, tôi chỉ thay đổi chút ít để cho nó được đồng nhất trong tập sách.

Mong quý tác giả có bài biết nhận nơi đây sự biết ơn của tôi, nhờ những bài viết của nhiều tác giả mới có tập sách nầy.

Sau khi khép sách lại rồi, nội dung sẽ có ít nhiều thiếu sót khó tránh khỏi, hy vọng sớm sẽ được sửa chữa cho hoàn hảo hơn.

Anh Đào Hiên Mậu Tuất Niên

Soạn giả

866423052016

*

Nguồn gốc Cải Lương.

Cải lương được hoàn chỉnh như ngày hôm nay, đã trải qua một thời gian dài biến đổi, tưởng cũng nên biết sơ qua về nguồn gốc cải lương.

Cải lương là một loại hình kịch hát có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam, hình thành trên cơ sở dân ca miền đồng bằng sông Cửu Long và nhạc tế lễ. chữ "cải lương" (改良) theo nghĩa Hán Việt là sửa đổi cho trở nên tốt hơn.

Trong cải lương có những bài bản cổ nhạc. Những bài bản này chắc chắn là được lưu truyền từ kinh đô Huế bằng chứng trong thi ca còn ghi lại:

Lớp sau Thanh Giản tiếng đồn,
Là Phan Hiển Đạo với Tôn Thọ Tường
Ông thời nho nhã văn chương,
Ông thời thi phú tốt đường diệu công.
Ông về thác Vĩnh Kim Đông,
Ông ra giúp nước bụng đồng tương tri.
Một còn một mất trọn nghì,
Ngàn thu gương tạc Nam kỳ danh nho.

Thi rằng:

Nối dấu văn tinh rạng vẻ son,
Rủi ro thời thế tiếng không tròn;
Cõi bờ chủ mới lăm vun quén,
Cờ biển ân vua nghĩ héo don.
Tri kỷ mấy lời ghi bụng nhớ,
Dạ đài một giấc nín hơi ngon.
Khúc đờn lưu thủy trôi dòng bích,
Mà giọng kìm tranh điệu Huế còn.

(Trích *Điếu Cổ Hạ Kim thi tập* - Nguyễn Liêng Phong)

Khi thụ nghiệp ở Huế, cả Phan Hiển Đạo và Tôn Thọ Tường đều có học đàn, về Nam truyền lại cho người khác, ngoài ra còn có nhạc lễ đó là những nguồn gốc âm nhạc truyền bá trong Nam, để từ đó lúc trà dư, tửu hậu, sau những ngày nhọc mệt ở đồng áng, những tay đờn đã họp lại hòa đờn và những người

biết ca, cũng góp giọng ca của mình, để làm cho buổi hòa đờn thêm đậm nét văn nghệ.

Tôn Thọ Tường (1825-1877)

Người bình dân, muốn tổ chức đàn ca, người ta chỉ cần mời một hai người biết đàn tụ họp tại nhà của ai đó, rồi họ tổ chức đàn ca hoặc ngồi lên chiếc chiếu, trải trên bộ ván trong nhà, hoặc trải chiếc đệm ngoài sân, những người đàn, ca ngồi quanh chiếc đệm, giữa chiếc đệm hay trên bộ ván người ta để bình trà với dĩa bánh, kẹo. Sau khi hòa đàn hoặc có người ca theo đàn, lúc ngừng nghỉ, giải lao người ta ăn bánh kẹo, uống nước trà, cùng nhau góp ý về bản nhạc, giọng ca, ngón đàn của người sử dụng.

Những nhà giàu, khi có tiệc tùng gã cưới, mừng thăng quan tiến chức, mừng nhà mới, mừng con cháu thôi nôi, đầy tháng, họ tổ chức tại nhà những buổi hòa đờn có ca hát, vô hình trung hình thành nhóm Đàn ca tài tử.

Những người khác đến nghe hoặc ngồi ké vào bộ ván hoặc chiếc đệm, hoặc trên đôi guốc gỗ của mình, có khi tìm một khúc củi khô ngồi lên cho quần áo khỏi dính bụi đất. Họ là

những thính giả thưởng thức giọng ca tiếng đàn của Ban nhạc đàn ca tài tử. Gọi là tài tử, theo quyển tự điển *Đai nam quốc âm tự vị* (1895) của Huình Tịnh Paulus Của thì chữ tài tử có nghĩa là kẻ có tài riêng, kẻ chuyên nghề cổ nhạc, nhạc công.

Trước thế kỷ 20, miền Nam đã hình thành đàn ca tài tử. Do đó năm 1900, có Hội chợ quốc tế ở Pháp, một ban đàn ca tài tử được đưa sang đó trình diễn tại nhà hát Đông Dương.

Vũ điệu Khmer - Dàn nhạc tài tử bên phải sân khấu tại Paris năm 1900

Mời nghe giọng ca tài tử ở tại Sàigòn năm 1900:

Giọng ca Sàigòn năm 1900.

Khoảng năm 1905, ở Cái Thia thuộc tỉnh Mỹ Tho có ban Đàn ca tài tử do ông Nguyễn Tống Triều, còn gọi là Tư Triều dựng nên, gồm có Tư Triều chơi đàn Kìm, Chín Quán chơi đàn Độc huyền, Mười Lý thổi ống tiêu, Bảy Vô chơi đàn Cò, cô Hai Nhiễu và cô Ba Đắc chơi đàn Tranh, cô Ba Đắc ca.

Nguyễn Tống Triều ngồi trên tràng kỷ

Năm 1906, Ban Đàn ca tài tử nầy được chọn đi trình diễn ở cuộc Triển lãm tại Marseille, Pháp quốc. Họ ở đây được 1 tháng, Ban tổ chức có để cho họ trình diễn trên sân khấu, được đông đảo khán giả đến xem và tán thưởng.

Hình trên Ban Đàn ca tài tử ở Marseille năm 1906, Tư Triều đứng giữa 2 người đàn Nhị

Trong hồi ký, ông Vương Hồng Sển có kể lại:

"Lúc bấy giờ, lối năm 1912, chúng tôi tòng học tại tỉnh lỵ Mỹ Tho, có đến xem. Cách chưng dọn sân khấu còn đơn sơ. Cái màn bạc dùng làm tấm phong (fond), kế đó có lót một bộ ván, trước bộ ván có để một cái bàn chưng cheo. Hai bên sân khấu có để cây kiểng xem rậm đám và khán giả có cảm giác đứng trước một cái phòng khách hạng trung lưu. Các tài tử ngồi trên bộ ván và mặc quốc phục xem nghiêm trang. Cô Ba Đắc ca rất hay và biết đủ các bài cổ điển. Nhất là cô ca bản Tứ Đại oán "Bùi Kiệm - Nguyệt Nga" rất duyên dáng.

Cô Ba Đắc

Bản Tứ Đại lớp đầu:

Kiệm từ khi thi rớt trở về,
Bùi ông mắng nhiếc nhún trề,
Cũng tại mầy ham bề vui chơi,
Kiệm thưa:- Tài bất thắng thời,
Con dễ nào không lo bề công danh.
Tuổi con còn xuân xanh.
Cái ơn mẹ cha, con chưa đáp đền đó cha ôi !

Đây là một bài ca đối thoại giữa Bùi Ông, Bùi Kiệm và Nguyệt Nga. Nó khơi nguồn cho các soạn giả đặt những bài ca có đối đáp cho điệu Cải lương sau này."

Đàn ca tài tử của Tự Triều, mỗi tối Thứ Bảy trình diễn tại Minh Tân khách sạn ở gần nhà ga xe lửa Mỹ Tho. Người đến nghe loại nhạc tài tử này càng ngày càng đông. Thầy Hộ chủ rạp hát bóng Casino ở Mỹ Tho thấy khách sạn Minh Tân đông khách, mới nghĩ đến việc đem ban nhạc này trình diễn trước giờ chiếu phim. Bắt đầu từ đó mới có phụ diễn cổ nhạc trên sân khấu hát bóng. Ca nhạc tài tử bước lên sân khấu đầu tiên là sân khấu chiếu bóng.

Đàn ca tài tử tại Minh Tân Khách Sạn và rạp chớp bóng Casino ở Mỹ Tho, tại nhà hàng Cữu Long ở Sàigòn. Ca điệu Tứ đại oán của bài "Bùi Kiệm-Nguyệt Nga" do Mạnh Tự Trương Duy Toản biên sọan ăn khách nhất lúc bấy giờ.

Trong thời kỳ ấy, Mỹ Tho là đầu mối xe lửa đi Sàigòn. Các du khách ở Miền Tây, Nam Phần như Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Bạc Liêu, Rạch Giá, Long Xuyên… muốn đi Sàigòn đều phải ghé trạm Mỹ Tho. Có khi phải nghỉ lại một đêm rồi sáng đáp xe lửa Mỹ Tho đi Sàigòn.

Ga xe lửa Mỹ Tho

Trong số du khách có ông Tống Hữu Định người làng Long Châu, làm phó cai tổng Bình Long, tỉnh Vĩnh Long từng tham gia phong trào Duy Tân, ông thứ mười hai trong gia đình, nên được người dân tôn xưng là ông Phó Mười Hai. Ông có tính ham mê đờn ca, chiều chiều ông thường cho mời những người yêu thích nhạc tài tử đến nhà chơi. Nhân khi dừng chân ở Mỹ Tho ông nghe cô Ba Đắc ca bài Tứ đại với một giọng gần như có đối đáp, nhưng cô không ra bộ. Sau về nhà ông nảy ra ý kiến cho người ca đứng trên ván vừa ca vừa ra bộ, sau đó phân vai, người ca đoạn Bùi Ông, kẻ ca đoạn Bùi Kiệm, người ca đoạn Nguyệt Nga, đối đáp nhau vừa ca vừa ra bộ. Do nội dung bài ca có kịch tính lại được người biễu diễn khá linh hoạt, nên lớp ca dễ được hoan nghênh, và ngày càng được phổ biến rộng rãi.. Điệu ca ra bộ phát sinh từ đó, lối năm 1915 hay1916.

Từ đó, Ca ra bộ ngày càng được nhiều người mến mộ, trở nên thịnh hành. Có ông André Lê Văn Thận, công tử quê ở Sa Đéc, sau khi ra trường Chasseloup Laubart, làm "cò tàu", coi sóc một chiếc tàu Messageries Fluviales của chủ Tây, chạy từ Hậu Giang lên Mỹ Tho, sau nghỉ làm, giao du với các thầy đờn và danh ca, đi từ nhà các điền chủ ở tỉnh này qua tỉnh nọ tổ chức đàn ca, nhờ đó có kinh nghiệm giao dịch. Nhơn lúc thấy gánh xiếc Huê-Kỳ Harmstrong-circus sang Sàigòn và các tỉnh trình

diễn, thấy gánh xiếc Huê-Kỳ hốt bạc, nên thầy Thận nảy ý bắt chước, tại quê nhà ở Sa-Đéc, thầy Thận tụ hội anh em bày ra lập gánh xiếc, xen những màn ca nhạc tài tử, ca ra bộ với những nghệ sĩ như: Tư Hương (vai Bùi Ông), Bảy Thông (đày tớ của Bùi Kiệm), Tám Cang (Bùi Kiệm), cô Hai Cúc (Nguyệt Nga) ... Tết ta năm 1917, gánh hát của thầy Thận ra mắt mang tên "Cirque Jeune Annam et Ca ra bộ Sadec – amis" hay còn được gọi là "Gánh hát Thầy Thận". Hình thức ca ra bộ xen kẽ vào các tiết mục xiếc, vừa có tác dụng giải trí, vừa làm giãn thần kinh của khán giả nên rất được hoan nghênh.

Đêm 6-11-1918 tại nhà hát Tây Sàigòn, nay là Nhà hát Thành phố, trình diễn vở tuồng *Pháp Việt nhất gia*, soạn giả viết toàn văn vần, loại biến ngẫu gần như của hát bội, nhưng lại không có điệu Nam, Khách, Thán, Bạch, Ngâm ... gì hết. Đào kép chỉ nói lối, khi thì theo điệu Ai, khi lại trở Xuân, không múa may gì, cũng không trống kèn inh ỏi. Trong hậu trường có dàn cổ nhạc nhưng chỉ để hòa tấu bản Madelen lúc sân khấu mở màn và sự hiện diện của toàn bộ đào kép khi đã hóa trang xong, đứng xếp hàng chào khán giả, gọi là táp-bơ-lô vi-văng (tableau vivant), sau đó thì đệm theo từng điệu lối của đào kép. Khi đó, nhà báo Lê Hoàng Hưu, trên báo chí Sàigòn ca ngợi lối hát này và gọi nó là hát "bộ", tức là một sự cải tiến của "hát bội".

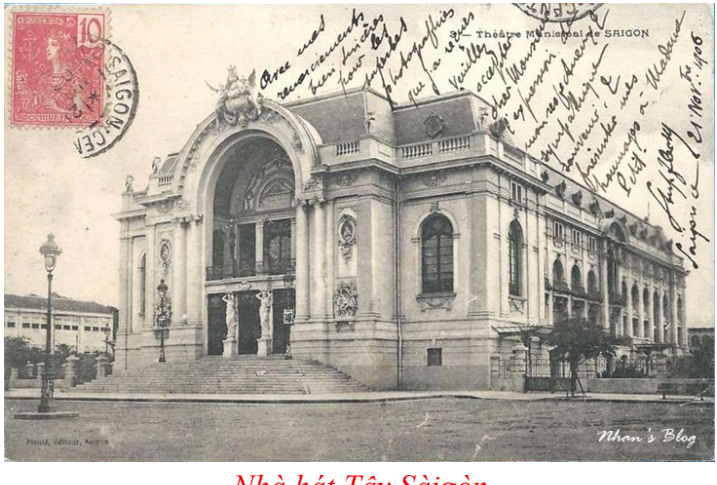

Nhà hát Tây Sàigòn

Vào năm 1918, ông Năm Tú, trương biển hiệu "Ban hát cải lương Châu Văn Tú", ông coi đó là một phát minh thương hiệu của riêng mình, nghiêm cấm các ban hát khác không được lấy tên là: "cải lương…". Ông Năm Tú lấy hai chữ cải lương là thuật ngữ của các nhà báo, dịch giả đã sử dụng, nhờ có ông lấy hai chữ "cải lượng", nó đã trở thành tên gọi, cho một loại hình sân khấu đặc sắc của miền Nam.

Châu Văn Tú

Vở cải lương đầu tiên là "Kim Vân Kiều" do soạn giả Trương Duy Toản sáng tác, do Ban hát cải lương Châu Văn Tú trình diễn lần đầu tiên đêm 13-11-1918 tại Rạp hát thầy Năm Tú ở Mỹ Tho.

Trương Duy Toản (1885-1957)

Đến năm 1920, khi gánh Tân Thinh của ông Trương Văn Thông khai trương, hai ông Nguyễn Quốc Biểu và Lâm Hoài

Nghĩa viết thành hai câu đối treo trước cửa rạp hát trên đường Yersin, Sàigòn:

Cải cách hát ca theo tiến bộ
Lương truyền tuồng tích sánh văn minh

Danh từ cải lương có lẽ rút từ câu :

***Cải** biến kỳ sự,*
*Sử ích tự thiên **lương***

Người ta kêu gánh hát Tân Thinh là gánh hát cải lương, và từ đó các gánh hát khác, người ta cũng kêu là gánh hát cải lương.

Như vậy từ cải lương chỉ cho loại hình nghệ thuật diễn tuồng có ca nhạc phát xuất từ "Ban hát cải lương Châu Văn Tú", cũng từ 2 chữ đầu câu liễn vừa rồi. Có tài liệu cho rằng Ban hay Đoàn cải lương là tên bảng hiệu, còn Gánh là do trước kia, sơ khởi những đoàn hát bội khi di chuyển phải gánh theo ít dụng cụ như áo mão, bàn ghế …, nên được gọi là gánh hát bội, theo đó cũng gọi là gánh hát cải lương.

Vào năm 1922, gánh hát của Thầy Thận có tên là "Cirquee Jeune Annam" lên Sàigon trình diễn tại rạp Modern đường d'Espagne, nay là đường Lê Thánh Tôn. khoảng giữa đường Phan Bội Châu và Trương Định (chỗ dầu cù là Mac-Phsu cũ). Sau đó, gánh thầy Thận rã, Thầy Năm Tú, mua lại xác gánh nầy, rủ hết các tài-tử và chuộc luôn tuồng tập của thầy Thận xáp nhập vào gánh của mình. Ngay sau đó, Thầy Năm Tú đem gánh hát lên diễn tại Sàigòn, ngày đầu trình diễn là 12-11-1922, đào kép hầu hết là của gánh hát Thầy Thận cũ.

Tại Bạc Liêu, có nhạc sĩ Sáu Lầu sáng tác bài Dạ Cổ Hoài Lang, đêm nghe tiếng trống sang canh nhớ chàng. Nhạc sĩ Sáu Lầu tên thật là Cao Văn Lầu sinh ngày 22-12-1892 tại xóm Cái Cui, làng Chí Mỹ, sau nhập với làng Thuận Mỹ thành xã Thuận Mỹ, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, năm 1901, ông theo gia đình đến lập nghiệp tại Bạc Liêu. Thuở nhỏ có học chữ Nho rồi

học lớp Nhì năm thứ hai (Cours moyen 2è année), tức lớp Bốn ngày nay, sau đó quy y đầu Phật tại chùa Vĩnh Phước, Bạc Liêu. Sau rời cửa Phật trở về nhà, lập gia đình. Ông có học nhạc với nhạc sư Lê Tài Khị.

Lê Tài Khị, được gọi là Nhạc Khị, ông sinh vào khoảng tháng 3 năm Canh Ngọ (1870) tại thôn Láng Giài thuộc tổng Thạnh Hòa, lúc đó thuộc phủ Ba Xuyên, nay là ấp Láng Giài thuộc huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, sống trọn đời ở đây cho đến khi mãn phần vào cuối năm Mậu Tý (1948), có vợ là bà Lê Thị Hai cũng là người cùng xóm, hai vợ chồng ông chỉ có hai con gồm một gái một trai tên Lê Thị Sang và Lê Văn Túc tức Ba Chột, cũng là nhạc sĩ nổi tiếng cùng thời với Cao Văn Lầu.

Lê Tài Khị (1870-1948)

Sáu Lầu sử dụng rành đàn tranh, cò, kìm và trống lễ. Khoảng năm 1918, do hoàn cảnh gia đình gây cho ông xúc cảm sáng tác bài *Dạ Cổ Hoài Lang*. Ông bầu Gánh Hoa Sen, tức nghệ sĩ Bảy Cao thuật lại chuyện cảnh tình gia đình của ông Sáu Lầu như sau:

"...Hồi đó chú sáu Lầu bị cha mẹ ruột buộc ông phải để vợ, vì chú sáu cưới thiếm sáu về ba năm rồi không có sanh con. Người xưa có câu "Tam niên vô tử bất thành thê". Ba năm vợ

chồng ăn ở với nhau mà không con thì không còn vợ chồng nữa. Thêm vào đó quan niệm "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" Tội không có con là tội bất hiếu lớn nhứt. Chú Sáu Lầu vì chữ hiếu, phải xa vợ, nhưng chú cũng yêu thương vợ, đâu có thể nói bỏ là bỏ được. Bởi vậy chú gởi thiếm sáu ở đậu trong chái nhà của ba tôi. Rồi chú lén cha mẹ về thăm thiếm Sáu ở lại trong đêm. Chái nhà của ba tôi trở thành điểm hẹn hò, kết nối mối tình dang dở của chú Sáu Lầu. Mỗi ngày má tôi nấu cơm cho hai vợ chồng chú Sáu, tôi dọn cơm và thu dọn chén dĩa sau đó. Tôi thấy chú thiếm nói chuyện với nhau, thiếm khóc thì chú lấy cây đờn kìm đờn, thiếm nghe một hồi thì im không khóc nữa. Tôi nghe đờn, tôi lẩn quẩn đứng đó, chú Sáu thấy vậy, mới hỏi tôi: Mầy muốn học ca học đờn không? Tôi mừng quýnh, nói chú dạy tôi học liền. Vì việc dạy tôi học đờn, học ca, chú Sáu Lầu tới nhà tôi thường hơn, không sợ lời người dị nghị nên có khi ở lại hai ba ngày. Thiếm Sáu cũng biết dán đồ mã, nên giúp việc cho ba tôi. Có lẽ Trời thương không nỡ bắt hai vợ chồng Chú Sáu chia ly hoài nên chú Sáu nhiều lần đến thăm vợ như thăm bẩy, thì Thiếm Sáu ốm nghén. Vợ chồng chú Sáu cho ba má tôi hay tin nầy. Ba tôi nói: Được rồi, để tao đi nói với ba má mầy, rước vợ mầy về bên nhà như hồi mới cưới. Chú thiếm sáu mừng như đang khát nước gặp mưa rào".

Cao Văn Lâu (1892-1976)

Tập Ích Ban của Vương Có thành lập tại Thốt Nốt Long Xuyên năm 1920, đến năm 1922 trình diễn ở Bạc Liêu, trong Ban nầy có nghệ sĩ Bảy Nhiêu, nghe được bản Dạ Cổ Hoài Lang của nhạc sĩ Sáu Lầu, ông học ca rồi cùng soạn giả Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đưa điệu ca này vào tuồng hát, được khán giả nhiệt liệt tán thưởng, từ đó bản Vọng cổ không ngừng cải tiến và sân khấu cải lương nhờ bản vọng cổ càng ngày càng được khán giả ưa chuộng. Bản Dạ Cổ Hoài Lang chép theo bản do nghệ sĩ Hương Lan ca:

Từ là từ phu tướng
Bảo kiếm sắc phong lên đàng
Vào ra luống trông tin chàng
Năm canh mơ màng
Em luống trông tin chàng
Ôi gan vàng quặn đau.

Đường dù xa ong bướm
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang
Em luống trông tin bạn
Ngày mỏi mòn như đá vọng phu
Vọng phu vọng luống trong tin chàng
Sao nỡ phủ phàng

Chàng là chàng có hay
Đêm thiếp nằm luống những sầu tây
Bao thuở đó đây sum vầy
Duyên sắc cầm lạt phai

Là nguyện cho chàng
Hai chữ an bình an
Trở lại gia đàng
Cho én nhạn hiệp đôi.

Mời nghe bản Dạ cổ hoài lang do danh ca Hương Lan trình bày:

https://www.youtube.com/watch?v=rq3ymcxipJ4&list=RDrq3ymcxipJ4&t=78

Bản "Dạ Cổ Hoài Lang", *Tiếng nhạn kêu sương* nhịp 4, do Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung sáng tác:

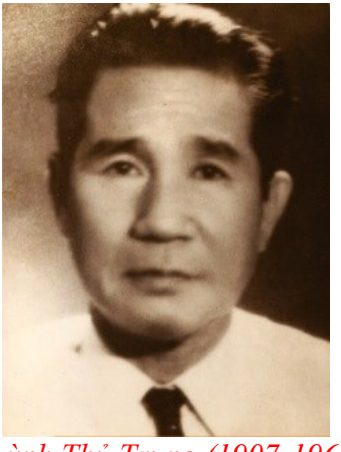

Huỳnh Thủ Trung (1907-1964)

Con nhạn đành kêu sương nơi biển Bắc,

Én cam khóc hận dưới trời Nam,

Thảm thương thay Ngưu-Nữ chia lòng

Kẻ ăn thảm người lại nuốt nồng,

Người ra đi ruột tím gan bầm,

Kẻ ở lại, tâm xào phế can.

Bản "Vọng Cổ" *Văng vẳng tiếng chuông chùa* nhịp 8 do Năm Nghĩa - Lư Hòa Nghĩa sáng tác:

Lư Hòa Nghĩa (1911-1959)

Văng vẳng tiếng chuông chùa, giọng công phu xa đưa của đoàn sư vãi.

Ba tiếng chuông ngân, giọng chuông thức tỉnh dường như khêu gợi mối bi tình trên cỏi tạm trần ai.

Chớ để đa mang làm chi, khối tương tư oằn vai mệt xác, càng nặng dạ đau lòng.

Tôi tưởng ai mà năm canh mơ màng trằn trọc, chỉ nghe giọng thê lương buồn thảm của đàn dế khêu gợi bên cánh đồng.

Chồng chất mối tơ duyên, tôi biết cùng ai đâu hầu giải tỏ mối duyên phần.

Mây hồng một giải xa xa, kìa đàn chim líu lo chíu chit dường như khêu gợi nỗi lòng của người đang oằn quại thê lương

Danh ca Năm Nghĩa mở màn cho lối ca vọng cổ nhịp 8, rồi lần lượt nhịp 16, nhịp 32. 64, 128. Sau nầy, nhờ vào bản vọng cổ mà nhiều nam nữ nghệ sĩ được phong vương, được phong cải lương chi bảo, được phong nữ hoàng sân khấu …

Cảm tưởng của cha đẻ bản "Dạ Cổ Hoài Lang" từ nhịp 2 lần lượt thành nhịp 4, nhịp 8, nhịp 16, nhịp 32…

Ông Sáu Lầu nói: *"Phải cám ơn thằng Năm Nghĩa, nếu nó không chế biến ra thành bản vọng cổ Bạc Liêu 8 nhịp thì bài "Dạ Cổ Hoài Lang" của tôi cũng giống như các bài Oán, bài Nam "Bất Biến" theo khuôn khổ cũ như bao nhiêu bản cổ nhạc thì làm sao mà nó được phát triển và được mọi giới ưa thích như ngày nay".*

Nhạc sĩ Sáu Lầu mất năm 1976, thọ 84 tuổi.

Dẫu sao thì Hát Bội cũng là một nhân tố quan trọng, nếu không muốn cho đó là nhân tố chính, cùng với Đàn ca tài tử, Ca ra bộ hình thành nên Cải lương, mặc dù khởi đầu nhờ phụ diễn vào Xiếc, vào Chiếu bóng.

Gánh hát bội xưa vào cuối thế kỷ 19

Nơi sản sinh ra Cải lương là Mỹ Tho, nhưng nơi cái nôi nuôi dưỡng cho Cải lương chắp cánh bay cao, bay xa là dãi đất nằm

giữa sông Tiền và sông Hậu, nào là Cao Văn Lầu, Lư Hòa Nghĩa, Bảy Cao, Út Trà Ôn, Thành Được, Hùng Cường, Bà Năm Sa Đéc, Cô Ba Trà Vinh, Bạch Tuyết, Lệ Thủy, Hương Thủy.

Tóm lại Cải lương là một loại hình nghệ thuật trình diễn, phát xuất từ nhạc lễ, nhạc cung đình rồi hình thành đàn ca tài tử vào cuối thế kỷ 19, dần dần biến cải sang Ca ra bộ vào khoảng năm 1915, cuối cùng là cải lương năm 1918, nhưng được hoàn chỉnh vào năm 1922 sau khi có bản Dạ cổ hoài lang của Sáu Lầu được soạn giả Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền và nghệ sĩ Bảy Nhiêu đưa lên sân khấu Tấn Ích Ban trình diễn.

Tài liệu tham khảo:

- Vương Hồng Sển *Lịch sử hình thành Cải lương* Web: http://diendan.cailuongso.com
- Nguyễn Đức Hiệp *Tuyển tập Nguyễn Đức Hiệp*. Blog: Nam Kỳ Lục Tỉnh

866406042018

Các Đoàn hát cải lương

Đi đầu trong việc xây dựng nên cải lương là những nhạc sĩ hay còn gọi là thầy đàn, đã đề cập ở phần trước như Phan Hiển Đạo, Tôn Thọ Tường, Nguyễn Tường Bá, Lê Tài Khị, Cao Văn Lầu …

Kế đó là những gánh hát cải lương, nhờ có những gánh hát nầy, các soạn giả thuở trước gọi là thầy tuồng mới sáng tác những tuồng hát, lồng vào đó là những bài ca, tùy hoàn cảnh áp dụng bài ca với những bản vắn vui hay buồn, ăn khách nhất là bản ca vọng cổ, nó thường làm nên tên tuổi diễn viên với giọng ca điêu luyện, kèm thêm chút nhan sắc.

Chúng ta đã biết trước tiên vào dịp Tết **năm 1917 "Cirque Jeune Annam et Ca ra bộ Sadec - amis"** hay còn được gọi là "Gánh hát Thầy Thận", được khai trương tại Sa Đéc.

Năm 1918, có **"Gánh hát cải lương Châu Văn Tú"** do Thầy Năm Tú thành lập ở Mỹ Tho. Thầy Năm Tú tên thật là Châu Văn Tú, cũng gọi Pierre Tú vì có du học ở Pháp và có Pháp tịch, sinh ở làng Vĩnh Kim, Mỹ Tho, nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ông là người Việt đầu tiên mua xe hơi ở Nam Kỳ năm 1907. Trung và Bắc Kỳ có xe hơi chậm hơn vào năm 1913, hai nhà giàu mua xe kế tiếp là ông Nguyễn Văn Đương ở tỉnh Thanh Hóa và ông Bạch Thái Bưởi ở Hà Nội.

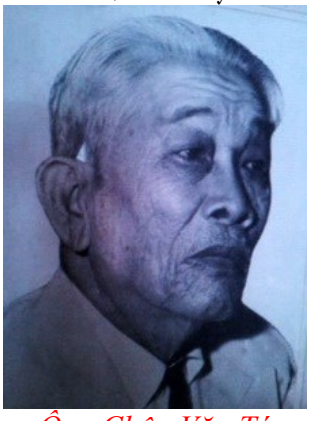

Ông Châu Văn Tú

Thầy Năm Tú lập gánh với thầy tuồng là soạn giả, đạo diễn. Đó là ông Mạnh Tự Trương Duy Toản, một nhà Nho yêu nước, hoạt động trong phong trào Đông Du.

Gánh hát cải lương Châu Văn Tú

Đầu năm 1918 thầy Năm Tú xây rạp riêng cho gánh hát gần chợ Mỹ Tho. Đây là rạp cải lương đầu tiên của Việt Nam. Sân

khấu rộng, cao, hai bên hông có nhiều lớp cánh gà. Trên sân khấu của gánh hát thầy Năm Tú, cảnh trí được bày vẽ, có phong màn như kịch nhà hát tây, y trang đẹp mắt, tuồng tích hẳn hòi, lối trình diễn khác hẳn với hát bội đương thời, nên lúc nào cũng được khán giả ái mộ đông đảo.

Gánh hát nầy khai trương và trình diễn lần đầu tiên tại rạp hát Châu Văn Tú ở Mỹ Tho.

Sau Gánh hát cải lương Châu Văn Tú, là gánh **Đồng bào Nam** của bà Tư Sự, ở Mỹ Tho ra đời **giữa năm 1919**, bảng hiệu "Gánh hát kim thời Đồng bào Nam Mỹ Tho". Qua bảng hiệu ấy, cho thấy bà Tư Sự không dám sử dụng hai chữ cải lương do ông Năm Tú giữ bản quyền, bà phải sử dụng chữ "kim thời" là hát mới, diễn tuồng mới. Soạn giả là ông Trần Phong Sắc, soạn các vở: *Tham phú phụ bần, Cô ba lưu lạc, Bội thê thiên xử*... Có các diễn viên khá nổi tiếng sau này là trụ cột của sân khấu cải lương như: Tám Danh, Năm Phỉ, Hai Giỏi, Hai Nữ, Ba Du, Ba Thâu, Hai Thà, Năm Thiềng, Sáu Huề…

Tháng 6 năm 1919, do ông Hai Cu và Hai Quản vận động giới thợ bạc ở Mỹ Tho thành lập gánh hát **Nam Đồng Ban**. soạn giả Nguyễn Công Mạnh viết các vở: *Ơn đền oán trả, Thiện ác hữu báo*... Ban diễn được một năm ở các tỉnh đồng bằng Mỹ Tho, Hậu Giang, sang đến năm 1920 tan rã. Các diễn viên có Năm Phỉ, Hai Giỏi, Hai Quảng, Bảy Thăng, Mười Lùn, hề Năm Tỵ, Sáu Chánh, Tư Út, Hai Ngời, Hai Nữ, Ba Điều, Sáu Chức, Hai Thà, Sáu Đảnh, Hai Bông… Do tổ chức của Ban chưa ổn định thì xảy ra cái chết bất ngờ của kép chánh Hai Giỏi, thêm vào sự mất đoàn kết giữa các cổ đông, khiến cho ban hát tan rã.

Vào **tháng 10 năm 1919**, **Tân Phước Nam** ra đời tại Sóc Trăng biển hiệu "Gánh hát tân thời Tân Phước Nam", gánh do ông thầy thuốc Trần-Văn-Minh, lương y sở tại. Ông Minh học thuốc ở Hà-Nội về, ông gốc gác ở Mỹ Tho. Về thầy tuồng của

gánh hát có đến ba người: người lãnh vai đạo diễn là thầy Tư Quốc, làm y tá trên dưỡng đường tỉnh ly; ngoài ra có ông giáo Quyển và ông giáo Trần-Tấn-Chức sáng tác để các vở tuồng, cả hai cùng dạy trường tỉnh Sốc-Trăng, ông Quyển dạy lớp Tư, ông Chức dạy lớp Nhì, cả hai đều học vấn uyên thâm. Gánh hát trình diễn các vở: *Bá di thúc tề, Châu mãi thần* của Trần Tấn Chức. Diễn viên có: Tư Út - Phạm Thế Đẩu, Tư Kiều, Ba Nhàn, Hai Nhỏ, Ba Thẹo, Bảy Cừ, Năm Được…Tân Phước Nam diễn được sáu tháng thì tan rã tại Vĩnh Long.

Vào **cuối năm 1919**, ông Hai Hon ở Cần Thơ lập gánh **Tân Hưng**, soạn giả Trần Phong Sắc từ ban hát khác chuyển về. Tân Hưng Ban diễn lại những vở cũ của Trần Phong Sắc. Các diễn viên khá nổi như Tư Thạch, Kim Hui, Năm Phỉ, hề Năm Tỵ… Ban diễn được tám tháng tan rã tại Cần thơ.

"**Sĩ Đồng Ban**" của Ông Bảy Sô ở Long Xuyên và "**Kỳ Lân Ban**" của Bà Huyện Xây ở Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long được thành lập trong khoảng thời gian nầy.

Năm 1920, ông Trương Văn Thông còn gọi là Năm Thông, một nghiệp chủ có bề thế ở Tân Qui Đông, tỉnh Sa Đéc, mang tiền bạc lên Sàigòn lập **Gánh hát cải lương Tân Thinh**, có đôi câu đối do hai soạn giả Lâm Hoài Nghĩa và Nguyễn Quốc Biểu nghĩ ra treo ở dưới bảng hiệu tại rạp Thành Xương đường Yersin, Quận 2, Sàigòn:

Cải cách hát ca theo tiến bộ,
Lương truyền tuồng tích sánh văn minh.

Đoàn có những diễn viên khá nổi danh như Hai Nhiễu, Hai Nữ, Bảy Nam, hề Chín Phót, Chín ích, Năm Phồi, Ba Ngưu, Hai Thành…

Sang **năm 1921**, cải lương phát triển mạnh, nhiều ban hát mới xuất hiện, có thanh thế. **Văn Hí Ban** do ông Huỳnh Kim Vui, còn được gọi là Thầy Mười Vui làm ở sở Cảnh Sát, thành lập Ban nầy ở Chợ Lớn,, tuyên ngôn diễn cải lương tuồng Tầu. Soạn giả Đào Trí Phú, viết các vở *Kỳ duyên phố, Triệu Kinh Nương*... Mấy vở công diễn hướng cải lương tuồng Tầu thành công vì sân khấu mới, đẹp sang trọng, diễn viên ca cải lương pha Tiều Quảng hấp dẫn.

Diễn viên Văn Hý Ban có Ba Mật, Chín Thêu, Tư Dầu, Hai Tỷ, Tư Thạnh, Tư Đề, Năm Phỉ, Mười Nhường, Kim Hui… Văn Hý ban trở thành ban lớn nhất Sàigòn - Chợ Lớn, làm nhiều ban cải lương khác ở các tỉnh, không dám lên diễn vì sợ thất thu, không hoành tráng, không lộng lẫy bằng.

Năm 1921 tại Thốt Nốt tỉnh Long Xuyên, ông Vương Có, con của chủ hảng rượu thành lập **Tập Ích Ban**. Ban nầy nổi tiếng do đào tạo diễn viên của riêng mình để chuyên diễn cải lương Tiều Quảng. Diễn viên có một số người Hoa, người Việt, nhiều diễn viên sau này khá nổi tiếng như Bảy Nhiêu, Tư Thới, Văn Chuông… Tập Ích Ban có lớp diễn viên trẻ đẹp như Năm Hỷ, Sáu Ty, Sáu Trâm, Hai Hiến, Ba Vinh, Kiều Loan, Song Hỷ, Lâm Sanh, Dương Hoa, Đại Hồng, Tần Văn, Kiều My…

Soạn giả của Tập Ích Ban là Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, ông sáng tác các vở: *Tây Sương Ký, Thế nhận oan ương, Lưu Hiền nữ, Tình phai phấn lạt, Châu Trần phải nghĩa*... Tập Ích Ban là ban hát đầu tiên tổ chức chặt chẽ, có quy chế sinh hoạt, trả lương tháng cho diễn viên theo định mức tài năng. Nghệ thuật ca diễn, diễn vũ đạo trụ bộ gần giống tuồng cổ, ca cải lương pha Tiều Quảng, trang phục kim sa, kim tuyến lộng lẫy. Sân khấu cảnh trí tả thực, hoành tráng đẹp và hấp dẫn.

Đến **tháng 4 năm 1926**, Nam Đồng Ban do Hai Cu tái lập lại tại Mỹ Tho, chiêu nạp diễn viên lấy biển hiệu là **Tái Đồng**

Ban. Soạn giả của ban là Nguyễn Công Mạnh, có thêm hai soạn giả mới Năm Châu và Tư Chơi. Diễn viên có: Ba Du, Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mẹo, Tư út, Tư Anh, Hai Ngời, Tư Nhỏ, Ba Điều, Ba Liên, Ba Nhàn, Phùng Há, Hai Bông, hề: Năm Tỵ, Sáu Chánh.

Đây là ban hát mạnh, nhiều diễn viên nổi tiếng, hai diễn viên hài thay nhau pha trò chọc cười, góp phần hấp dẫn, đáp ứng bốn đặc tính cải lương: bi – hùng – trữ tình – vui hài.

Năm 1926, đoàn **Phước Cương** được thành lập, tên đoàn Phước Cương chính là tên ghép giữa các ông Lê Công Phước và Nguyễn Ngọc Cương khi hai người chung nhau lập gánh. Do trước kia du học ở Pháp cả hai cùng quen biết khi học về kịch nghệ, gánh nầy diễn tuồng cải lương tâm lý xã hội Việt Pháp hoạt động ở Sàigòn - Chợ Lớn và các tỉnh Nam Bộ, chính ông Nguyễn Ngọc Cương rút các tuồng gay cấn của hát bội cải biên qua cải lương, điển hình nhứt là tuồng *Xử án Bàng Quý Phi*... lại khéo phỏng theo tuồng Pháp, để diễn các tuồng xã hội như *Tứ đổ tường, Tơ vương đến thác*...

Ông Nguyễn Ngọc Cương (- 1946)

Đoàn Phước Cương sau là gánh hát lớn, với nhiều đào kép nổi tiếng như Năm Nhỏ, Năm Phỉ, Bảy Nam, Năm Châu, Bảy Nhiêu, Ba Du, Sáu Chương, Bảy Lựu, Tám Danh, Tư Huệ... soạn giả chính là Mười Giảng - Đặng Công Danh.

Trình diễn tại công viên Bois de Vincennes Paris năm 1931

Năm 1931, Đoàn cải lương Phước Cương được chọn đưa sang Pháp, trình diễn ở Hội Chợ Thuộc Địa tại Paris, có trình diễn nơi công viên Bois de Vincennes. Đoàn có Năm Nhỏ, Năm Phỉ, Bảy Nhiêu, Tám Danh… đã diễn tuồng xã hội *Tứ đổ tường*, diễn các trích đoạn tuồng *Phụng Nghi Đình, Xử án Bàng Quý Phi*... thu được thành công lớn, được Hoàng hậu Hà Lan mời sang hát tại hoàng cung 15 ngày đêm. Sau đó ông và đoàn tiếp tục lưu diễn tại các nhà hát Paris, thu được lợi nhuận cao. Sau gần một năm lưu diễn ở nước ngoài, đoàn trở về Bắc, đi lưu diễn từ Hà Nội cho đến Sàigòn.

Năm 1927, ông Trần Đắc ở Cần Thơ lập gánh cải lương **Trần Đắc** công diễn ngày 15-9-1927 tại thành phố Cần Thơ. Ban Trần Đắc diễn cải lương tâm lý xã hội tuồng Việt và tuồng Tây.

Ông Trần Đắc quê ở Mỹ Tho, công tử điền chủ gánh hát lớn bậc nhất Nam Kỳ thời ấy, có nhiều diễn viên từ các ban khác chuyển về như: Kim Thoa, Sáu Huề, năm Châu, Phùng Há, Tư út, Tư Anh, Ba Thâu, Năm Thiềng, Ba Nhàn, Tư Sạng, Sáu Huề, Ba Liên… Tác giả biên kịch có Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung, Năm Châu - Nguyễn Thành Châu, Tư Trang - Trần Hữu Trang… Năm Châu soạn vở *Giá trị và danh dự*, phỏng theo kịch bản văn học Pháp Lecid của Corneille. ông Tư Chơi vở *Khúc oan vô lượng*, Tư Trang vở *Lửa đỏ lòng son*… Ban hát Trần Đắc chủ chương diễn các vở cải lương tâm lý xã hội, dù là tuồng Việt hay tuồng Pháp chỉ theo một hướng. Đây là một hướng mới, ca diễn cải lương ngọt mùi, mùi mẫn, sướt mướt, bắt đầu ảnh hưởng văn học lãng mạn Pháp.

Từ Anh, Năm Châu, Tư Út, Phùng Há, Ba Liên trong tuồng "Khúc Oan Vô Lượng", gánh Trần Đắc (Cần Thơ) diễn trên sân khấu khoảng giữa sau thập niên 1930.

Năm 1928, **Đồng Nữ Ban** do cô Trần Ngọc Viện còn được gọi là cô Ba Viện thành lập tại Mỹ Tho, Ban nầy các diễn viên toàn là nữ, diễn những vở tuồng tích yêu nước, nên bị nhà cầm quyền buộc giải thể năm 1929. Soạn giả có ông Nguyễn Tri Khương (1884-1962) là cháu nội của Nguyễn Tri Phương, diễn vở *Giọt máu chung tình* rất được khán giả tán thưởng. Cô Ba Viện (1884-1944) là chị của Bảy Triều (1897-1931), cô ruột của Giáo sư Trần Văn Khê (1921-2015), nghệ sĩ Trần Văn Trạch (1924-1994).

Nữ Đồng Ban (1928-1029) Cô Trần Ngọc Vẹn (1884-1944) ngồi ở giữa

Đến **giữa năm 1928**, sau khi lấy nghệ sĩ Phùng Há làm vợ, Bạch Công tử tách ra và lập **gánh Huỳnh Kỳ** với sự tham gia của các nghệ sĩ: Phùng Há, Ba Vân, Năm Phỉ, Tám Du, Năm Thiện, Ba Thâu, Ba Đồng, Chín Móm, Năm Kiệt, Hai Sự, Hai Nữ, Tư Bé, Tư Hélènne... Danh tiếng của Huỳnh Kỳ nhờ vào cô đào nổi danh Phùng Há và là bầu gánh. Báo chí thời bấy giờ vinh danh George Phước và Phùng Há là cặp trai tài gái sắc.

Lê Công Phước (1901-1950)

Vở cải lương nổi tiếng của gánh hát Huỳnh Kỳ là *Giọt máu chung tình*, do soạn giả Nguyễn Công Mạnh dàn dựng.

Báo *Trung Lập* ra ngày 16 Septembre 1929 viết "Ban hát Huỳnh Kỳ là một ban hát không cần tô điểm ai cũng biết là một gánh hát vừa hay vừa đẹp từ đào kép cho tới mũ mão, từ cô Bảy Phùng Há tới chị đào quèn, từ anh Võ Đông Sơ đến vai hề diễn… đều tận lực thủ bổn cho nên xem thật xuất sắc thần tình"… Ngoài *Giọt máu chung tình*, gánh hát Huỳnh Kỳ còn diễn nhiều vở gây tiếng vang là: *Anh hùng liệt nữ nước Nam, Mẫu tử tình thâm* ...

Ngoài việc lưu diễn khắp nơi, Bạch Công tử còn xây dựng rạp hát cũng với tên Huỳnh Kỳ, bên cạnh ngôi nhà của ông tại Mỹ Tho (ngôi nhà được cất khoảng năm 1920, theo mô típ kiến trúc Tây) để làm nơi gánh hát biểu diễn thường xuyên.

Thời đó những gánh hát khác đều đi bằng ghe chèo thì Bạch Công tử lại sắm một lúc tới 3 chiếc ghe có gắn máy dùng để chở đào kép đi lưu diễn và được trang bị như là du thuyền. Theo mô tả thì chiếc đi đầu chở Bạch Công tử và Phùng Há, có lầu, phía trước có cột cờ và treo cờ vàng, biểu tượng của gánh Huỳnh Kỳ. Đào kép thì đi trên chiếc ghe thứ hai, được ngăn thành nhiều phòng, nhiều ô cửa sổ, có bếp ăn, chỗ vệ sinh... Chiếc thứ ba thì chở thầy đờn, nhân viên phục vụ và cả một đội

bóng. Mỗi khi gánh hát đi tới đâu, Bạch Công tử cho đào kép lên bờ đứng xếp hàng và bắt tay xã giao với chính quyền sở tại. Sau đó thì hát bản Đoàn ca, cờ vàng được kéo lên và Bạch Công tử lấy súng lục ra đưa lên trời nổ liền mấy phát. Sau đó, trong lúc đào kép lo chuẩn bị cho đêm diễn thì đội bóng thi đấu giao hữu với đội bóng của địa phương, với mục đích thu hút khán giả tối đi xem hát. Và cho dù thắng hay thua, đội bạn cũng được chiêu đãi và mời xem hát. Khi gánh hát dời đi nơi khác, Bạch Công tử lại cho kéo cờ vàng, đốt pháo và rút súng lục ra bắn. Khán giả thì đứng chen trên bờ vẫy tay chào.

Nhờ lưu diễn bằng ghe nên thời đó dù ở những vùng chợ quê xa xôi như Vĩnh Kim, Ba Dừa, Cái Thia... đều có gánh hát tới.

Vở tuồng ăn khách nhất của gánh Huỳnh Kỳ là *Giọt máu chung tình*, do Năm Thiên đóng vai Võ Đông Sơ và Phùng Há vai Bạch Thu Hà.

Khoảng năm 1932, do tác động của khủng hoảng kinh tế, nhiều gánh hát cải lương ở Nam bộ lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Gánh hát Huỳnh Kỳ của Bạch Công tử cũng không ngoại lệ.

Báo Trung Lập tường thuật vào đêm 5/4/1932, gánh Huỳnh Kỳ diễn tuồng *Trái đạo tam cang*. Đây là hát đêm chót ở Phú Nhuận, Bạch Công tử dự tính qua ngày 7 sẽ dời qua rạp Thành Xương, nhưng vợ chồng lại gây lộn một trận kịch liệt, sáng hôm sau cô Bảy Phùng Há dọn đồ rời gánh.

Qua hôm sau, Bạch Công tử kêu một người quen tên là Lương Văn Muồi ở Cái Bè lên Sài Gòn và tuyên bố "cho không" gánh hát cho người này. Ông Muồi gom đồ đạc của gánh Huỳnh Kỳ xuống ghe chở về Cái Bè, bỏ lại hơn 80 người, gồm diễn viên, thầy đờn, nhân viên phục vụ, bạn theo ghe của gánh, rồi sau đó mỗi người một ngả. Cô Bảy Phùng Há thì về mướn một căn phố trệt ở Mỹ Tho sống tạm.

TRONG TRƯỜNG MỸ-THUẬT NƯỚC NHÀ

Gánh cải-lương «Huỳnh-Kỳ» vì sao mà phải tan rã?

Vì cậu Phước Georges là chủ gánh « Huỳnh-Kỳ » và cô Phùng-Há là đào nhứt của gánh hát ấy, ghen tương hờn giận nhau sao đó mà khiến cho gánh hát phải tan rã và một bọn trên 80 người trong gánh hát phải hóa ra thất-nghiệp.

Gánh «Huỳnh-kỳ» rã ! Poài, rã thiệt chớ không phải rã chơi, rã mà không mong gì có ngày hiệp lại được.

Một gánh hát có giá trị và danh tiếng như gánh «Huỳnh-kỳ» bỗng đương lai rã, thật cũng là một cái tin đáng lạ lắm vậy. Huống chi nếu ai biết vợ chồng ông bầu gánh «Huỳnh kỳ» đối đãi với nhau làm sao thì đối với

tháng để lo chạy thuốc men.

Cứ theo người ta nói, thì trong lúc ấy Cậu-Tư để cô Phùng-Há nằm tại nhà của một vị thầy thuốc bổn-quốc tên S..... ở cách Saigon 30 cây số (?)... Tình phai, nghĩa lợt vì đâu..

Trong lúc cô Phùng-Há nằm dưỡng bịnh tại nhà vị thầy thuốc S... kia thì lâu lâu Cậu Tư cũng có đi thăm vợ. Nhưng trong túc

Báo Trung Lập số ra ngày 27 Avril 1932 đăng tường thuật về sự rã gánh Huỳnh Kỳ

Đoàn Hoa Sen năm 1951. Đoàn Hậu Tấn của ông bầu Phạm Minh Tấn đến cuối năm 1945 thì giải thể (không rõ vì nguyên nhân gì), chia đoàn ra làm hai, giao cho Bảy Cao và Năm Nghĩa mỗi người một nửa. Đó là năm ra đời của hai đoàn Hậu Tấn Bảy Cao và Hậu Tấn Năm Nghĩa.

Đoàn Hậu Tấn Bảy Cao khai trương với vở Cô gái Quảng Trị đã được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Dần dần theo sở thích

của người xem, ông đã phát huy triệt để những vở kiếm hiệp, những vở mới thuộc loại hương xa của soạn giả Mộng Vân. Các vở *Lưỡng Long đại hiệp, Hồng châu hiệp nữ* và *Đề Thám* ... của Mộng Vân đã làm cho Bảy Cao nổi tiếng.

Đến năm 1951, Đoàn Hậu Tấn Bảy Cao, đổi tên là Hoa Sen, một thời gian mang tên Hồng Long, nhưng chỉ hai năm sau đổi lại là Hoa Sen.

Cũng giống như Năm Nghĩa, Bảy Cao vừa là diễn viên vừa điều hành đoàn hát nên không có thì giờ biên soạn kịch bản, vì vậy số lượng kịch bản của ông không nhiều, như: *Đàn chim sắt, Mộng hòa bình, Nợ núi sông, Đêm lạnh trong tù, Tình trên đảo tuyết, Sanh dưỡng đạo đồng, Người mẹ Việt Nam.*

Đến năm 1970, đoàn Hoa Sen ngưng hoạt động.

Đoàn Thanh Minh năm 1949. Cuối năm 1945, ông Phạm Minh Tấn chia đoàn ra làm hai, giao cho Bảy Cao và Năm Nghĩa mỗi người một nửa. Đó là năm ra đời của hai đoàn Hậu Tấn Năm Nghĩa.

Đến năm 1950, đoàn nầy cải danh thành đoàn Thanh Minh. Trong thập niên 1955 đến năm 1965, Đoàn Thanh Minh được kể là một đoàn hát mạnh nhứt vì đoàn tập trung được những diễn viên thượng thặng của sân khấu cải lương, đoàn cũng có nhiều soạn giả thường trực nên có nhiều tuồng hay tích lạ. Về diễn viên tài ba, bên kép có Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được,Việt Hùng, Hoàng Giang, Văn Ngà, Ba Xây, Minh Tấn, Minh Điển, Vinh Sang, Hề Châu Hí, Hề Kim Quang, Hề Núi, và có Năm Châu, Kim Cúc, Ba Vân, Phùng Há, Năm Sadec về cộng tác với Đoàn trong vài năm. Về phía đào, có Út Bạch Lan, Ngọc Nuôi, Thu Ba, Ngọc Giàu, Kim Giác, Thanh Nga, Hoàng Vân, Thanh Hiền, Thanh Lệ, Ngọc Chúng…

Đoàn Cải Lương Thanh Minh

Đoàn Thanh Minh - Thanh Nga năm 1959. Sau khi Thanh Nga được giải Thanh Tâm năm 1958 và năm 1959, Năm Nghĩa đột ngột qua đời. Bà bầu Thơ đổi tên đoàn từ Thanh Minh thành Thanh Minh - Thanh Nga từ năm 1960, tập trung toàn những ngôi sao như Út Trà Ôn, Thành Được, Việt Hùng, Hữu Phước, Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Mộng Tuyền…

Bà Bầu Thơ - Nguyễn Thị Thơ (- 1988)

Đoàn Cải lương Thanh Minh - Thanh Nga hoạt động trong thời gian 23 năm, có gần 70 nghệ sĩ và 27 soạn giả xuất sắc nhất của sân khấu cải lương miền Nam làm việc dưới quyền điều khiển của bầu Thơ. Đây là gánh hát duy nhất của miền Nam diễn thường trực tại rạp Quốc Thanh mà lúc nào cũng đông nghẹt khán giả.

Do từ biến cố Mậu Thân, kế đến phong trào phim chưởng Hồng Kông, sân khấu cải lương bị ế khách. Năm 1972 bà Bầu Thơ cho mướn xác gánh để đoàn đi tỉnh trình diễn. Đến tháng 8 năm 1975, bà Bầu Thơ mới điều hành lại Thanh Minh - Thanh Nga, trình diễn những vở *Bên cầu dệt lụa, Tiếng trống Mê Linh, Thái hậu Dương Vân Nga* ... đã vực dậy sân khấu cải lương, nhưng sau đó năm 1978, Thanh Nga bị ám sát chết, sang năm 1979 các đoàn hát cải lương bị sung vào tập thể, nhiều đoàn bị rã gánh. Đoàn Thanh Minh - Thanh Nga, không bị rã gánh lúc đó, nhưng về sau đổi thành bảng hiệu Thanh Nga, còn bà Bầu Thơ năm 1981 giao hẳn gánh hát cho nhà cầm quyền, lui về ẩn thân, rồi qua đời năm 1988.

Trên sân khấu Thanh Minh - Thanh Nga đã trình diễn các tuồng sử và dã sử Việt Nam như *Đồ Bàn di hận, Biên thùy nỗi sóng, Tình tráng sĩ, Núi Liễu sông Bằng, Nẽo tắt Hoành Sơn, Hồi trống Vân Lâu, Cầu gổ Hoàng Mai Thôn, Ngược dòng sông Lỗi, Chiếc lá giữa dòng, đường về Núi Lam, Cành đào Thăng Long, Sương gió Chiêm Thành, Nguyễn Trãi biệt đông Quan, Áo gấm khôi nguyên,Ngược sóng Phú Lương, Thiên Thần trên thiết mã, Nhan sắc phi tần, Bên cầu dệt lụa, Tiếng trống Mê Linh, Thái hậu Vương Vân Nga…* tuồng xã hội Việt Nam như *Nửa đời hương phấn, Con gái chị Hằng, Tấm lòng của biển, Tuyệt tình ca, Tần nương thất, Đêm vĩnh biệt, Mưa rừng, Đôi mắt người xưa, Ngã rẽ tâm tình, Bóng chim tăm cá, Người tình của biển, Hai hình ảnh một cuộc đời, Bọt biển, Chuyện ba trái tim, Chuyện xóm mình, Tiền rừng bạc biển, Chuyện tình 17, Tình xuân muôn tuổi, Bông hồng cài áo, Lỡ*

bước sang ngang, Hai chuyến xe hoa, Yêu trong hồng hơn, Thầy Cai Tổng Bồi, Đời hai mặt, Chén Cơm đô thành…

Bầu Thơ được tặng mỹ danh là "bầu của những ông, bà bầu" vì nhiều nghệ sĩ, đạo diễn, tác giả từ Đoàn Cải lương Thanh Minh - Thanh Nga tách ra, đã học và áp dụng theo cách làm của bà Bầu Thơ để điều hành gánh hát của họ.

Năm 1950, **Đoàn Kim Chung** thành lập ở Bắc có tên là Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt, chủ nhân là ông Trần Viết Long, một công tử con nhà giàu ở Hà Nội. Ông Long từng đi du học bên Pháp, bên Đức nhưng khi về nước đã không làm cho cơ quan nào, mà đi... làm cải lương. Do ông phải lòng cô đào tài sắc Kim Chung, rồi đứng ra thành lập đoàn Kim Chung - Tiếng chuông vàng Bắc Việt.

Ông Trần Viết Long (1922-2003)

Khi đình chiến Pháp – Việt năm 1954, theo làn sóng đồng bào di cư, ông Long mang đoàn Kim Chung vào Nam. Khi mới vào Nam đoàn Kim Chung phải đi lưu diễn như các gánh trong Nam. Thế nhưng, đoàn đã thất bại ngay trong đợt đầu tiên này, bởi tuy là cải lương đó, nhưng đồng bào ở đây lại không quen với lối ca hát của đào kép đất Bắc. Lại nữa lúc mới vào cũng không thông thạo đường đi nước bước. Thiên thời, địa lợi, nhân hòa cũng không kinh nghiệm như các gánh trong Nam. Hơn nữa đoàn Bích Hợp mới ra đời thời gian ngắn đã chết, làm

cho Kim Chung cũng phải bối rối. Ấy thế là Bầu Long phải đánh liều, thuê rạp Aristo để nằm hát thường trực.

Rạp Aristo trên đường Lê Lai, Sàigòn

Nghe nói ông Bầu Long mướn rạp dài hạn để gánh Kim Chung hát thường trực thì giới cải lương đã mỉm cười, thậm chí có người còn nói rằng chỉ có ở Biên Hòa về mới làm như vậy ! Đó là câu nói mà thiên hạ dùng để nói người bị tâm thần, vì Biên Hòa là nơi có Bệnh Viện Dưỡng Trí, mà thông thường người ta gọi là "nhà thương điên".

Rồi giờ đây một đoàn cải lương từ miền Bắc vào, lại thuê một rạp hát dài hạn, mà rạp đó lại là rạp Aristo, các gánh cải lương trong Nam không gánh nào muốn về rạp này, trừ trường hợp bị kẹt rạp. Bởi nếu như đem so sánh với những rạp hát khác ở Sài Gòn, thì rạp Aristo nằm ở địa điểm bất lợi, chỉ có một con đường phía trước rạp, không có đường chạy ngang thông ra nhiều hướng như rạp Thành Xương, và còn kém xa hơn nữa nếu so với rạp Nguyễn Văn Hảo rộng rãi, lại là địa điểm thuận lợi cho khán giả từ miền Lục Tỉnh lên đậu ghe ở bến sông Cầu Ông Lãnh, vừa mua bán, vừa đi coi hát giải trí. Do vậy mà hiếm đoàn hát muốn về đây, trừ trường hợp các rạp khác không còn trống, thì mới thuê mướn rạp Aristo này. Rạp Aristo là một

rạp hát cải lương ở ngay trung tâm Sài Gòn mà giờ đây người ta không còn thấy nữa, có còn chăng là trong ký ức những người hâm mộ cải lương, họ sẽ hình dung được ngay, nếu như có ai nhắc tới. Rạp Aristo, còn có tên là Trung Ương Hí Viện, nằm trên con đường chạy dọc theo bờ tường rào nhà ga xe lửa, mà thời Pháp có tên là Colonel Grimaux, đường Lê Lai sau này. Có lẽ do yếu thế, ít đoàn hát thuê mướn, nên khi được đoàn Kim Chung thuê dài hạn, hợp đồng 5 năm và trả tiền từ năm một, thì chủ rạp đồng ý ngay, dù rằng giá thuê quá rẽ. Nghe nói khoảng một phần ba giá tiền cho các gánh nếu như thuê chỉ một tuần. Ông bầu Long có cái suy nghĩ nếu như giá thuê rạp rẻ thì dù ít khán giả vẫn không lỗ lã, vì không tốn kém di chuyển như hầu hết các gánh.

Thế nhưng, cái may mắn của đoàn Kim Chung là khi ký hợp đồng rồi thì đêm nào khán giả cũng đông chật rạp, là điều không ai ngờ được. Tuồng có sẵn ngoài Bắc mang hát lại hằng đêm, khán giả xem đông, không phải là khán giả của Sài Gòn, mà là khán giả thuộc đồng bào di cư miền Bắc, vào đây còn nằm tại Sài Gòn chưa được biết định cư đâu cả. Họ còn tiền bạc, họ đang nhớ đến quê hương miền Bắc, chợt có gánh hát ngoài Bắc vào, đương nhiên họ ủng hộ hết mình. Giai đoạn đầu của Kim Chung kiếm tiền dễ dàng, ăn bạc là vì thế.

Thế nhưng, đoàn cải lương Kim Chung không những trụ diễn lâu dài tại rạp Aristo mà còn gây kinh ngạc cho giới cải lương qua việc diễn nhiều ngày chỉ có một vở hát *Trăng Giãi Đêm Sương* được diễn liên tục trên 40 đêm. Có thể nói rằng, đây là vở cải lương được hát liên tục trên sân khấu lần đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn. Và từ đó, chuyện hát nhiều ngày một vở diễn bắt đầu được các đoàn cải lương khác áp dụng.

Có thể nói phần lớn tài danh sân khấu cải lương đã ở dưới trướng của Bầu Long. Các nghệ sĩ tên tuổi phục vụ cho Kim Chung người ta phải kể: Út Trà Ôn, Hùng Cường, Tấn Tài, Út

Bạch Lan, Thanh Hải, Diệu Hiền, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Thanh Kim Huệ, Minh Cảnh, Minh Phụng, Minh Vương...

Là bầu gánh hát từ ngoài Bắc vô Nam, làm ăn phát đạt nhờ cải lương, ông Bầu Long đã có cái nhìn của một nhà kinh doanh nghệ thuật, mà những đồng nghiệp khác đã khâm phục, chẳng hạn như chuyến đi Pháp, thay vì như đoàn Thanh Minh Thanh Nga cho đoàn trình diễn ở Paris trước, rồi sau đó mới đi tỉnh, bởi thủ đô nước Pháp là nơi tập trung đông đảo người Việt hơn ở những nơi khác, nhưng ông Bầu Long lại áp dụng đường lối khác, ông cho đoàn Kim Chung đi tới miền Nam nước Pháp trình diễn trước, và Paris là địa điểm sau cùng. Trước tiên đoàn diễn 5 đêm tại Nice, một thành phố có đông Việt kiều, và tiếp đó là các tỉnh cũng rất nhiều kiều bào ta. Cái đáng nể của ông Bầu Long là làm được cái việc mà trước đó đoàn Thanh Minh Thanh Nga đã phải chịu thua.

Số là trước đó nhà tiền đạo Nguyễn Văn Quận, quản lý của đoàn Thanh Minh Thanh Nga đã cố hết sức cũng không tìm mướn được rạp ở các tỉnh Lyon và Toulouse, đến đỗi đề nghị với đại diện Việt kiều ở đây tìm rạp tổ chức lấy, đoàn sẽ đến hát không lấy tiền, chỉ lấy tiền do khán giả tặng, nhưng đại diện ở đây cũng không tìm được rạp. Vậy mà ông Bầu Long đã thuê được rạp ở 2 tỉnh có đông Việt kiều này và dĩ nhiên thành công thích đáng. Còn tại thành phố Marseille thì Kim Chung hốt bạc suốt cả tuần. Địa điểm sau cùng trước khi về nước là thủ đô Paris, tuy đoàn không được Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa chiếu cố như Thanh Minh Thanh Nga, nhưng lại được ông Đại Sứ Nguyễn Quốc Định đại diện thường trực của phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa cạnh Unesco tiếp đón, và ông Nguyễn Đình Hưng phụ tá cũng có mặt, đồng thời đãi nghệ sĩ một bữa ăn trưa tại trụ sở Unesco.

Sau 1975, ông Bầu Long và đào Kim Chung cùng gia đình đi Pháp. Đến năm 1981 thì ông về nước mang theo dự tính xây dựng lại đoàn Kim Chung. Nhưng rồi đã không làm gì được vì

lực bất tòng tâm. Lại thêm tuổi già sức yếu, ông đành ẩn thân cho đến năm 2003 thì về với Tổ nghiệp cải lương, thọ 81 tuổi. Và bà vợ của ông, cô đào Kim Chung mất sau ông 5 năm tại Tân Bình, thọ 85 tuổi.

Năm 1954, Út Trà Ôn cùng với Thanh Tao, Kim Chưởng, Thúy Nga thành lập đoàn **Kim Thanh** Út Trà Ôn. Đoàn gồm có "tứ trụ giám đốc" hai nam hai nữ, đã diễn khai trương vào ngày 4/1/1955 tại rạp Aristo - Trung Ương hí viện - ở đường Lê Lai.

Năm 1957, khi bộ tứ Bầu gánh Kim Thanh: Út Trà Ôn, Kim Chưởng, Thúy Nga, Thanh Tao rã phần hùng, giải tán đoàn cải lương Kim Thanh - Út Trà Ôn, nữ nghệ sĩ Thúy Nga quy tụ một số nghệ sĩ cũ của Kim Thanh, thành lập **đoàn Thúy Nga - Phước Trọng**, mời nghệ sĩ Thành Được làm kép chánh với contrat 150.000 đồng trong hai năm.

Vở tuồng khai trương của đoàn cải lương Thúy Nga - Phước Trọng là vở *Ngưu Lang - Chức Nữ* của soạn giả Kiên Giang, Thành Được thủ vai Ngưu Lang, nữ nghệ sĩ Bích Sơn vai Chức Nữ, vở tuồng chỉ đạt được sự thành công tương đối. Sau đó, đoàn Thúy Nga - Phước Trọng trình diễn vở cải lương hương xa (Nhựt Bổn) *Khi Hoa Anh Đào Nở* của Hà Triều - Hoa Phượng, với kép chánh Thành Được trong vai kiếm sĩ Tô Điền Sơn. Vở tuồng Khi Hoa Anh Đào Nở đã thành công lớn về mặt nghệ thuật lẫn tài chánh. Đoàn nầy diễn viên Thành Được, kiều nữ Bích Sơn, Thúy Nga, Kim Hoàng, Như Mai….

Năm 1957, gánh Kim Thanh giảo tán, Kim Chưởng cùng Ngọc Hương gom đào kép thành lập **đoàn Ngọc Hương – Kim Chưởng**

Năm 1960, nghệ sĩ Kim Chưởng tách ra thành lập gánh hát riêng là **gánh hát Kim Chưởng**. Gánh hát hội tụ nhiều nghệ sĩ có tiếng thời bấy giờ như: Út Bạch Lan, Thành Được, Diệp

Lang, Dũng Thanh Lâm, Ánh Hồng, Phương Quang, Phượng Liên, Thanh Nguyệt...

Bầu Kim Chưởng - Cao Thị Chưởng (1926-2014)

Thời đó, gánh hát Kim Chưởng được xếp trong hàng ngũ những gánh hát nổi tiếng, ngang hàng với các gánh hát Kim Chung, Thanh Minh, Út Trà Ôn, Hương Mùa Thu, Dạ Lý Hương..

Sau 75 năm quản lý gánh hát Kim Chưởng, cho đến khi nhà nước có quyết định quốc hữu hóa bà đã xin nghỉ.

Năm 1962, Út Trà Ôn và người bạn thân là nghệ sĩ Hoàng Giang lập gánh **Thống Nhứt.** Thế là sau một thời gian đứng trong hàng ngũ cải lương, đoàn Thống Nhứt trong hoàn cảnh khó khăn càng về sau càng xuống dốc, Cậu Mười Út cố gắng chống cự với mọi khó khăn trở ngại, nhưng một con én không thể làm được Mùa Xuân. Trong giai đoạn chót, đoàn Thống Nhứt cũng cố tăng cường thêm ba ngôi sao tân nhạc là Phương Dung, Việt Ấn, Tùng Lâm. Có thêm ba cây xanh dờn bên tân nhạc tăng cường, ông bầu Út Trà Ôn còn phải ngất ngư thêm, vì mỗi đêm bán vé chưa tới 20 ngàn mà phải trả tiền cho 3 người tân nhạc này gồm có: Phương Dung 3.000; Tùng Lâm 2.000; Việt Ấn 1.500 đồng.

Đoàn Cải Lương Thống Nhứt

Kết quả sau một tuần lễ có thêm ba nghệ sĩ tân nhạc, ông bầu Út Trà Ôn phải tuyên bố rã gánh vào tháng 8 năm 1965, sau hơn 3 năm hoạt động, Đoàn Thống Nhứt rã! Xác gánh được đưa về trại ở đình Tân Kiển, Chợ Quán.

Năm 1962, ông Ba Bản thành lập **đoàn cải lương Thủ Đô**, Giám Đốc Nghệ Thuật, tức là đạo diễn Ba Vân, Giám đốc kỷ thuật Thu An, Trưởng Ban Trang Trí, dàn cảnh, phác họa kiểu mẫu y trang và quảng cáo : họa sĩ Thiếu Linh, soạn giả thường trực Thu An, Thiếu Linh.

Diễn viên : Út Trà Ôn, Thanh Hải, Hoàng Giang, Ba Vân, Năm Hùng, Nguyễn văn Dữ, người khỗng lồ, hề Bảy Xê…

Nữ diễn viên Ngọc Hương, Thanh Thanh Hoa, Thanh Hoàng, sau đổi tên là Bo Bo Hoàng, Kim Giác, Ngọc Lan, Hồng Hoa,…

Trả lời phỏng vấn của các ký giả kịch trường, ông Bầu Ba bản nói : "N*gười ta có thành kiến với "cải lương", họ cho là nghệ sĩ hát cải lương ăn mặc không đúng tính chất của nhân vật trong tuồng, không đúng với kiểu mẫu của dân tộc mà nội dung tuồng đề cập đến, cảnh trí trang trí sơ sài, cảnh nhà giàu hay cảnh nhà nghèo tuồng nào cũng dùng chung một cảnh đó, không hấp dẫn và cảnh trí không làm nền để tăng thêm chất diễm tình của câu chuyện tuồng. Do đó nhiều sinh viên, nhiều nhà trí thức không đến xem hát cải lương. Gần đây đoàn Thanh Minh Thanh Nga có nhiều tuồng hay, văn chương chắt lọc, cảnh trí, y trang đẹp, Đoàn Thanh Minh Thanh Nga chủ trương diễn những vở tuồng xã hội. Riêng đoàn hát Thủ Đô, tôi chủ trương đoàn Thủ Đô sẽ giới thiệu đến khán giả những vở tuồng dã sử Việt Nam, những vở tuồng hương xa rút trong kho tàng văn học của thế giới. Tuồng của đoàn Thủ Đô phải là tuồng có văn chương xúc tích, đậm chất thơ và nhạc. Chúng tôi sẽ thực hiện cảnh trí dưới hình thức một sân khấu đại vĩ tuyến, mỗi cảnh làm bối cảnh cho tuồng phải đẹp như một bức tranh, làm tăng thêm tính chất thơ mộng, diểm huyền hay một bối cảnh rực lửa tùy theo tình huống của vở tuồng. Diễn viên sẽ được ông Ba Vân, Giám đốc nghệ thuật tập tuồng, luyện ca và chú trọng cách hát, cách ca sao cho hay và đẹp. Chúng tôi muốn ngoài số khán giả xưa nay yêu mến nghệ sĩ và nghệ thuật cải lương, đoàn hát Thủ Đô – Ba Bản sẽ được các khán giả trí thức, các sinh viên đại học đến xem hát và nhờ các ký giả kịch trường góp ý nâng cao nghệ thuật sân khấu cải lương."*

Đoàn hát cải lương Thủ Đô – Ba Bản khai trương bảng hiệu với vở tuồng dã sử Việt Nam, tuồng *Tiếng Trống Sang Canh* của Thu An tại rạp hát Thái Bình đường Phạm Ngũ Lão, gần chợ Thái Bình.

Đến năm 1964, nội bộ Ban Giám Đốc đoàn hát Thủ Đô – Ba Bản lũng cũng, bà Nguyễn Thị Phước, vợ hai của ông bầu Ba Bản viết tuồng cải lương với hy vọng được trình diễn trên sân khấu Thủ Đô. Bà Phước là cựu sinh viên đại học, cựu quản trị

viên hãng dĩa Hoành Sơn, bà từng viết vọng cổ và chập cải lương ngắn nên nhân đọc truyện Le compte de Monte Cristo (Bá Tước Kích Tôn Sơn) bà phóng tác thành một vở cải lương. Trước đây trong đoàn Thủ Đô, nhiều soạn giả muốn đưa tuồng dựng trên sân khấu Thủ Đô phải chấp nhận cho soạn giả Thu An sửa và đứng tên họp soạn, chia đôi tiền bản quyền. Bà Phước đụng phải cái thế độc quyền về tuồng tích của Thu An, Bà không chấp nhận để tên soạn giả hợp soạn với Thu An, nên vợ chồng Thu An - Ngọc Hương rút lui, rời đoàn hát để lập gánh hát Hương Mùa Thu. Cùng với Thu An - Ngọc Hương, nghệ sĩ Thanh Hải, Ngọc Lan, Hoàng Giang, Kim Giác, hề Minh cũng rời đoàn Thủ Đô gia nhập gánh Hương Mùa Thu của Thu An - Ngọc Hương. Kim Giác, Ngọc Lan là chị em ruột của Ngọc Hương.

Út Trà Ôn cũng rời đoàn cùng soạn giả Thiếu Linh gia nhập Đoàn Dạ Lý Hương của bầu Xuân. Ông Ba Bản cũng cố đoàn hát với số nghệ sĩ đợt hai: Dũng Thanh Lâm thay cho Út Trà Ôn, Mỹ Uyên Chi thay cho Ngọc Hương, Hoài Trúc Phương thay cho Thanh Hải, Hoàng Liêm thay cho Hoàng Giang, Tô Kiều Lan thay cho Kim Giác, Diệu Huê thay cho Thanh Thanh Hoa… Các soạn giả mới có Đặng Hiền Lương, Kiều Lê, Võ Hoài Nam, Nguyễn Phước…

Ông Ba Bản thấy Thủ Đô đợt hai không thành công như ý muốn của ông, ông lập hãng làm nút áo plastic, sang gánh hát cho vợ chồng nghệ sĩ Tấn Tài – Như Ngọc để lập thành đoàn Thủ Đô - Tấn Tài.

Bà Phước sang Pháp rồi sang Mỹ vào đầu năm 1970, nên bà bão lãnh cho ông Ba Bản sang Mỹ năm 1982. Ông Ba Bản sống ở San Diego và mất trong tháng 11 năm 2012, thọ 97 tuổi. Ông Bầu Ba Bản tên thật Phan Văn Bản, sanh năm 1915, trước khi vô nghiệp làm Bầu cải lương, ông Ba Bản là chủ hãng dĩa Hoành Sơn, hãng dĩa tọa lạc trên một khu đất rộng , phía bên

tay mặt đường Công Lý hướng đi phi trường Tân Sơn Nhứt, cách cầu Công Lý độ 300 thước.

Từ năm 1947, Hãng Dĩa Hoành Sơn là hãng sản xuất dĩa cổ nhạc lớn nhứt ở Saigon Chợ Lớn.

Tuy chỉ làm bầu gánh hát trong vòng 3 năm, ông bầu Ba Bản đã đem một sinh khí mới cho sân khấu cải lương. Khán giả trí thức, bác sĩ, giáo sư, học sinh đại học đến xem hát cải lương nhiều hơn trước và có người tham gia viết tuồng, viết báo về kịch trường như luật sư Dương Tấn Trương, ông, bà bác sĩ Kim Tương, bác sĩ Âu Ngọc Hồ, nhiều bác sĩ, kỷ sư, sĩ quan trong quân đội VNCH… Về y phục trên sân khấu của nghệ sĩ, có một thời gian dài sau khi đoàn Thủ Đô giải tán, cách ăn mặc của nghệ sĩ trên sân khấu trong các tuồng Xã Hội được xem như những mẫu y phục thời thượng.

Năm 1963, **Đoàn Dạ Lý Hương** ra đời, là một đại ban vững mạnh. Giám đốc là Bầu Xuân, tên thật là Diệp Nam Thắng sanh năm 1927 tại Bình Trị Đông, Gia Đinh, phó giám đốc đoàn là ông Nguyễn Văn Hiếu, giám đốc nghệ thuật là nghệ sĩ Ba Vân, đài trưởng là đạo diễn Hoàng Việt. Soạn giả thường trực: Thiếu Linh, Hà Triều, Hoa Phượng. Coi như mãi đến lần thứ ba thành lập đoàn hát Bầu Xuân mới thành công và đoàn Dạ Lý Hương trở thành một trong năm đoàn loại A thời bấy giờ.

Bầu Xuân - Diệp Nam Thắng (1927-)

Năm 1964, Dạ Lý Hương cải tiến có mời thêm những nghệ sĩ về đoàn như Út Trà Ôn, Ngọc Bích, Hoàng Giang, Văn Chung, Bạch Tuyết, Hùng Cường. Sau này còn có Viễn Châu về làm soạn giả thường trực. Đoàn cho ra đời những kịch bản xã hội ăn khách như: *Tuyệt Tình Ca* (Ông Cò Quận 9), *Nỗi Buồn Con Gái, Thảm Kịch Tuổi Xanh, Trường Kịch 20 Năm, Lấy Chồng Xứ Lạ...*

Đoàn Dạ Lý Hương oai trùm suốt thời gian gần 5 năm, thì bị cái Tết Mậu Thân, cải lương khủng hoảng, xuống dốc trầm trọng, nhiều đoàn hát rã gánh, đoàn nào còn sống cũng tình trạng ngất ngư, một đêm hát vài ba đêm nghỉ. Dĩ nhiên đoàn Dạ Lý Hương cũng không tránh khỏi tình trạng bấp bênh. Tuy vậy nhờ có vốn nhiều, đoàn cũng sống cầm chừng chớ không cho rã gánh.

Đến tháng 10-1974 đoàn Dạ Lý Hương diễn vở hát cuối cùng là *Người Thua Cuộc* của soạn giả Nguyên Thảo tại rạp Quốc Thanh có mặt nữ nghệ sĩ Thanh Nga. Đêm ấy đoàn có 300 khán giả đến xem, Thanh Nga từ chối không lãnh lương. Cô nói vì "khán giả chỉ có 300 người, khán giả ít lắm, nghệ sĩ lãnh lương kỳ quá"... Sau đó đoàn Dạ Lý Hương giải thể sau 12 năm hoạt động.

Sau 30-4-1975 ông Bầu Xuân thành lập trở lại đoàn Dạ Lý Hương thuộc Tỉnh Sông Bé. Đến năm 1978, Bầu Xuân định dàn dựng vở "Kiều" trên sân khấu của ông và hỏi ý kiến nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu. Năm Châu đã khuyên Bầu Xuân không nên dựng diễn vở "Kiều" vì sẽ gặp chuyện không may, ông nêu trường hợp đoàn Bạch Tuyết - Hùng Cường diễn "Kiều" rồi liền sau đó đoàn hát này bi rã gánh. Bầu Xuân có vẻ không tin điều này. Sau này khi nghệ sĩ Năm Châu qua đời, giữa năm 1978, Bầu Xuân nhờ đạo diễn Hoàng Sa dựng vở "Kiều" diễn tại Miễu Quốc Công (Vĩnh Long) khán giả đầy rạp suốt một tuần lễ. Đến đêm chót tại đây, Bầu Xuân bị nạn, phải đi học tập nơi xa suốt thời gian 3 năm 9 tháng.

Giữa năm 1964 đôi vợ chồng soạn giả Thu An và đào Ngọc Hương thành lập **Đoàn Hương Mùa Thu**, đứng trong hàng đại ban, hát ở các rạp lớn Sài Gòn, coi như ngang hàng với các đoàn Thanh Minh Thanh Nga, Kim Chung, Kim Chưởng. Có điều kiện gánh hát nhà nên cuộc đời nghệ thuật của Ngọc Hương ngày một đi lên, và tuồng nào có Ngọc Hương hát trên sân khấu thì sau đó người ta lại thấy tuồng được thu dĩa hát để phổ biến rộng rãi hơn.

Khi còn ở đoàn Thủ Đô thì Ngọc Hương chuyên đóng các vai tiểu thơ đài các, vai công chúa như trong tuồng *Cây Quạt Lụa Hồng*, Ngọc Hương đóng vai công chúa Huyền Trân.

Tới lúc lập gánh Hương Mùa Thu, soạn giả Thu An lại viết tuồng dựng lên toàn bối cảnh nhà quê nghèo nàn, cho Ngọc Hương đóng vai cô gái quê nghèo. Cái đáng suy gẫm là trước ngày kỷ niệm đệ nhứt chu niên, ngày thành lập gánh Hương Mùa Thu, soạn giả Thu An đã ráo riết cho tập dượt vở hát *Bà Chúa Ăn Mày*, dựng lên một đám ăn mày, đồng thời cho bà xã Ngọc Hương thủ vai bà chúa ăn mày. Thiên hạ nói làm chúa ăn mày thì khá cái nỗi gì chớ, sớm muộn gì cũng nghèo! Tại sao Thu An lại không kiêng cữ gì hết?

Thu An - Nguyễn Văn Sáu (1923-2005)

Từ sau cái Tết Mậu Thân thì đoàn Hương Mùa Thu ngày một xuống dốc, không còn hát ở Đô Thành mà phải lui về tỉnh lẻ để sống. Rồi cũng chẳng bao lâu thì bắt đầu xuống hát quận lỵ,

bởi thời điểm này các rạp ở tỉnh lỵ, thị xã bị thuê hết để chiếu phim chưởng.

Đại ban Hương Mùa Thu lúc mới khai trương bảng hiệu thì được liệt vào hạng "A", nhưng sau một thời gian 4, 5 năm thì xuống hạng "B" rồi tới hạng "C" và tiếp tục xuống nữa, xuống nữa… Cặp vợ chồng Thu An, Ngọc Hương trôi nổi từ chợ này đến đình làng khác, cho đến một ngày nọ thì tấp vô Cù Lao Rồng. Rồi thì rã gánh luôn!

Năm 1971, sau khi rời khỏi Đoàn Dạ Lý Hương của ông Bầu Xuân một thời gian, Hùng cường và Bạch Tuyết thành lập Đoàn cải lương **Hùng Cường - Bạch Tuyết**. Loạt vở để đời như *Yêu người điên, Yêu người say, Tiền rừng bạc biển, Tuyệt tình ca, rồi Trăng thề vườn thúy, Má hồng phận bạc, Cho trọn cuộc tình…* của cặp đôi này khiến khán giả ầm ầm đến rạp như sóng thần. Từ đó, Hùng Cường – Bạch Tuyết được xưng tụng là cặp đôi "Sóng thần". Tên và hình ảnh của hai người xuất hiện đầy rẫy trên mặt báo, pano quảng cáo hay khắp các nẻo đường Sài Gòn.

Cặp đôi Hùng Cường – Bạch Tuyết toàn vẹn đến mức ca, diễn đều hay; hát tân nhạc, cổ nhạc đều tốt. Đến khi gặp nhau, họ mới hiểu vì sao đối phương toàn gây nên những sự kiện chấn

động như vậy. Hùng Cường từ trước vở *Mộng đẹp đêm trăng*, quả thực chưa từng hát cải lương nhưng vốn rất mê cổ nhạc, lại có nền tảng nhạc lý vững chắc. Ông tự bỏ công sức nghiên cứu, lại vừa thuê nhạc sĩ đến nhà khổ luyện ngày đêm.

Đoàn cải lương Hùng Cường Bạch Tuyết được rất đông người hâm mộ, tuy nhiên, do không biết cách quản lý, sau một thời gian đã ngưng hoạt động.

Chúng ta đã biết cải lương sơ khởi từ năm 1917, trải qua các thời kỳ, phát triển rực rở vào các năm 1955 đến 1963, rồi do những cuộc biến động ở thành thị, chiến tranh ở thôn quê, giới nghiêm vào ban đêm đã là những nhân tố cản trở cải lương, nhất là sau trận Tết Mậu Thân, tình hình an ninh khắp miền Nam ngày càng tồi tệ, khán giả ít đi xem hát, cải lương sống lây lất qua ngày.

Thời vàng son của Cải Lương vào thập niên 1960, có 5 đại ban: Thanh Minh – Thanh Nga, Kim Chung, Kim Chưởng, Hương Mùa Thu, Dạ Lý Hương với các bầu gánh là Bầu Thơ, Bầu Long, Bầu Kim Chưởng, Bầu Thu An và Bầu Xuân. Trong số đó có bà Bầu Thơ là danh tiếng hơn cả do:

Soạn giả cộng tác với đoàn Thanh Minh Thanh Nga có Năm Châu, Tư Trang, Duy Lân, Năm Nở, điêu Huyền, Quang Phục, Bảo Quốc(tức soạn giả Năm Nghĩa), Lê Khanh, Nguyễn Phương, Kiên Giang Hà Huy Hà, Hà Triều - Hoa Phượng, Thiếu Linh, Hoàng Khâm, Hoàng Việt, Thành Phát, Thu An, Yên Ba, Ngọc Huyền Lan, Viễn Châu, Mộc Linh, Tám Vân - Nhị Kiều, Hoài Ngọc, Phương Ngọc, Thái Thụy Phong, Quy Sắc, Nguyễn Liêu, Thế Châu…

Cũng là Bầu của nhiều nam diễn viên danh tiếng như Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Việt Hùng, Hoàng Giang, Văn Ngà, Ba Xây, Minh Tấn, Minh Điển, Vinh Sang, Hề Châu Hí, Hề Kim Quang, Hề Núi.

Nữ diễn viên có Kim Anh, Kim Chưởng, Thúy Nga, Bà Năm Sadec, Ba Thanh Loan, Phùng Há, Kim Cúc, Ngọc Chúng, Mai Búp, Hoàng Vân, Thu Ba, Kim Giác, Ngọc Nuôi, Bích Sơn, Ngọc Giàu, Bảy Quát, Ut Bạch Lan, Bạch Tuyết, Thanh Hương, Thanh Nga, Thanh Thanh Hoa, Diệu Hiền, Mộng Tuyền, Hương Lan, Mai Lan, Hồng Nga, Trang Bích Liễu, Phương nh, Kim Hoa, Thúy Lan, Bo Bo Hoàng, Kim Hương, Hà Mỹ Xuân, Mỹ Hiền.

Bà Bầu Thơ còn khuyến khích các soạn giả sáng tác và cho trình diễn những vở tuồng xã hội trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga như các tuồng *Nửa đời hương phấn, Con gái chị Hằng, Tấm lòng của Biển, Tuyệt Tình Ca, Tần Nương Thất, đêm Vĩnh Biệt, Mưa rừng, Đôi mắt người xưa, Ngã rẽ tâm tình, Bóng chim tăm cá, Người tình của Biển, Hai hình ảnh một cuộc đời, Bọt Biển, Chuyện Ba trái tim, Chuyện Xóm mình, Tiền rừng bạc biển, Chuyện tình 17, Tình xuân muôn tuổi, Bông hồng cài áo, Lỡ bước sang ngang, Hai chuyến xe hoa, Yêu trong hồng hơn, Thầy Cai Tổng Bồi, Đời hai mặt, Chén Cơm đô thành…*

Cho đến biến cố 1975, nhà cầm quyền cộng sản kiểm sát, điều hành các đoàn hát, dùng nó làm phương tiện tuyên truyền, nên dần dần xa rời thị hiếu của người dân, cải lương đi vào ngỏ cụt.

Gần đây, người ta vực dậy bằng cách trở lại xưa, tổ chức từng nhóm nhỏ Đàn ca tài tử, có nơi để giải trí, có nơi phục vụ khách du lịch. Viễn ảnh cho thấy Cải lương khó phục hoạt như xưa.

Tài liệu tham khảo:

- Vương Hồng Sển *Lịch sử hình thành Cải lương* Web: http://diendan.cailuongso.com
- Nguyễn Đức Hiệp *Tuyển tập Nguyễn Đức Hiệp*. Web: Nam Kỳ Lục Tỉnh

Đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ và Huỳnh Long

Từ Ca ra bộ, cộng với hát bội tiến đến Cải lương, nhưng cũng có một dòng chảy nghệ thuật trình diễn khác, từ Hát bội pha với Cải lương, được gọi là Cải lương tuồng cổ, thêm những giai điệu Hồ Quảng, được gọi là Cải lương Hồ Quảng, Hồ Quảng là vùng đất Hồ Nam Hồ Bắc và Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Hoa. Có 2 đoàn cải lương tuồng cổ đóng đô tại đất Sàigòn, nên được báo chí, người thưởng ngoạn nói đến nhiều. Đó là đoàn Cải lương tuồng cổ Minh Tơ và Huỳnh Long.

Đoàn Cải lương tuồng cổ Minh Tơ

Lần về nguồn gốc, người ta biết từ nhỏ, ông Nguyễn Văn Thắng, tức Bầu Thắng, sinh năm 1895, tại làng Thuận Lễ, tỉnh Tân An. Ông được cha là kép hát bội tên Vĩnh, mẹ là đào hát bội tên Xuân truyền nghề. Từ năm 14 tuổi, ông đã diễn thành công các vai kép con trong các vở hát bội: vai Hoàng tử trong vở tuồng *San Hậu*, vai ông Hoàng trắng trong vở tuồng *Trần trá hôn*, vai La Nhơn trong vở tuồng *Đại chiến Đồ Lưu*, vai Bùi Ngươn Khánh trong vở tuồng *Thuyết đường*... trong gánh hát bội. Đến năm 20 tuổi, ông nổi danh khắp lục tỉnh là một kép giỏi với các tuồng viết từ truyện Trung Hoa, như: *Tiết Nhơn Quí chinh Đông, La Thông tảo Bắc, Lữ Bố – Châu Du – Triệu Tử* theo truyện *Tam quốc chí*, *Địch Thanh* theo truyện *Ngũ Hổ bình Tây*... Năm 1924, bà bầu Ba Ngoạn muốn sang gánh hát bội cho Bầu Thắng. Ông đã bàn với vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc bán hết nữ trang ngày cưới, mua trả góp gánh hát để ông bà làm bầu. Vì theo ông, chỉ có làm bầu mới thực hiện ước mơ truyền nghề cho con cháu và định hình một dòng chảy nghệ thuật của gia tộc. Năm 1925, gánh hát bội Vĩnh Xuân Ban của Bầu Thắng ra đời, trụ tại đình Cầu Quan, có tên là đình Thái Hưng, góc đường Yersin - Phạm Ngũ Lão, quận 1 – Tp. HCM ngày nay.

Ông Bầu Thắng có 8 người con, ba người con đi theo kháng chiến chống thực dân Pháp: Hai Chỉ, Năm Xù, Sáu Quan và năm người con theo nghề hát: Minh Tơ, Khánh Hồng, Huỳnh Mai, Bạch Cúc, Đức Phú.

Năm 1939, ông Bầu Thắng qua đời, bà Nguyễn Thị Ngọc tiếp tục lèo lái gánh hát, đổi bảng hiệu thành "Vĩnh Xuân Ban – Khánh Hồng" năm 1945. Bộ môn hát bội vào thời điểm này đã bắt đầu bị thu hẹp đất sống. Để thích nghi với thực tế, nghệ sĩ Minh Tơ và vợ là nghệ sĩ Bảy Sự cùng với hai em là nghệ sĩ Khánh Hồng, Đức Phú sang đoàn cải lương Phụng Hảo của nghệ sĩ Phùng Há để học hát cải lương. Nghệ thuật hát bội pha cải lương ra đời từ bước ngoặt này.

Vào thập niên 50 - 60, nhiều gánh cải lương ra đời, tạo nên sự cạnh tranh. Để tồn tại, mỗi gánh hát phải tìm cách lôi kéo khán giả bằng tuồng tích, lối biểu diễn trên sân khấu… Đoàn cải lương tuồng Tàu Khánh Hồng - Minh Tơ ra đời vào lúc nầy, lại có được một lợi thế lớn khi thu nhận môt số nghệ sĩ của gánh hát Hồng Kông ở lại Sàigòn sau một chuyến lưu diễn tại Việt Nam.

Các nghệ sĩ này đã hướng dẫn nghệ sĩ trong đoàn hát những động tác vũ đạo, múa giáo, đánh gươm… được sử dụng ở các tuồng hát có xuất xứ từ Quảng Đông. Những chất liệu này rất phù hợp trong bối cảnh nhiều đoàn hát có tuồng được sáng tác dựa trên nội dung các câu truyện của Trung Quốc.

Để có chất liệu âm nhạc mới và khác biệt, nghệ sĩ Minh Tơ và em trai là nghệ sĩ Đức Phú, người rất giỏi về âm nhạc đã quyết định sử dụng thêm chất liệu âm nhạc từ tuồng Quảng Đông, cho các tuồng cải lương của Minh Tơ. Từ đó, bảng hiệu đoàn Cải lương tuồng Tàu Khánh Hồng – Minh Tơ được đổi tên thành đoàn Cải lương Hồ Quảng Khánh Hồng - Minh Tơ.

Trải qua nhiều biến cố thời cuộc, gánh hát Vĩnh Xuân Ban lần lượt đổi sang nhiều tên như đoàn Bầu Thắng – Khánh Hồng, đoàn cải lương tuồng tàu Khánh Hồng - Minh Tơ, đoàn cải lương Hồ Quảng Khánh Hồng – Minh Tơ. Vào đầu thập niên 1970, đoàn Cải lương Hồ Quảng Khánh Hồng – Minh Tơ rã gánh, cuối cùng là sau 1975, nghệ sĩ Minh Tơ được thành lập đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ. Đến thập niên 1990, Đoàn Cải lương tuồng cổ Minh Tơ rã gánh sau một thời gian nghệ sĩ Minh Tơ đã rời xa sân khấu.

Đoàn Khánh Hồng – Minh Tơ hay Minh Tơ có những nghệ sĩ hữu danh như: Minh Tơ , Khánh Hoàng, Thành Tôn, Bửu Truyện, Thanh Thế, Phượng Mai, Mộng Lành, Thanh Tòng, Bạch Lê, Thành Lộc, Thanh Hoàng cũng là Bo Bo Hoàng, Xuân Yến, Thanh Loan, Trường Sơn, Công Minh, Hữu Cảnh, Quế Trân, Trinh Trinh, Tú Sương, Vũ Luân, Bình Tinh, Chấn Cường, Chinh Nhân.

Nghệ sĩ Thanh Tòng hướng dẫn cho con cháu trong gia tộc

Đoàn Cải lương tuồng cổ Minh Tơ đã trình diễn những tuồng tích như: *Quan Công phó hội Châu Du, Thần nữ dâng Ngũ Linh Kỳ, Tào Tháo tam bang Đổng Quí Phi, Quan Công phò*

nhị tẩu, Lý Đạo Thành xử án Thượng Dương, Thánh Gióng Phù Đổng Thiên Vương, Câu thơ yên ngựa, Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài…

Đoàn Cải lương tuồng cổ Huỳnh Long

Về đoàn Cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, trước tiên là đoàn Chánh Thành, do đôi nghệ sĩ Bảy Huỳnh và Ngọc Hương thành lập. Ông bầu Bảy Huỳnh tên thật là Nguyễn Ngọc Huỳnh và vợ là nữ nghệ sĩ Ngọc Hương tên thật Phạm Thị Hương, nỗi danh trong các thập niên 40, 50, là một cặp diễn viên chánh của đoàn Tấn Thành Ban tại đình Nhơn Hòa Cầu Muối. Đoàn Chánh Thành nhiều lần thay đổi bảng hiệu,có tên là đoàn Kim Mai. Kim Mai vốn là nghệ danh lúc ban đầu của Bạch Mai.

Vợ chồng đôi nghệ sĩ hát bội Bảy Huỳnh và Ngọc Hương có 9 người con: Bạch Mai, Thanh Bạch, Hữu Tánh, Trung Ãnh, Kim Phượng, Thanh Châu, Bạch Nga, Trung Cuộc, Bạch Lan. Những người con theo nghề của cha mẹ có: Bạch Mai, Thanh Bạch, Hữu Tánh, Bạch Nga, Bạch Lan đều là những nghệ sĩ cải lương Hồ Quảng, nỗi danh trong các thập niên 1970, 1980, 1990…

Khi ông bầu Bảy Huỳnh cộng tác với ông bầu Tư Lù lập thành bốn đoàn Thanh Bình – Kim Mai thì Bạch Mai, Đức Lợi, Ngọc Đáng và Thanh Bạch là bốn diễn viên chánh của đoàn Thanh Bình – Kim Mai 1, hát thường trực tại đình Nhơn Hòa Cầu Muối.

Năm 1974, sau khi Bảy Huỳnh đã mất, Thanh Bạch vì giận anh rể là Đức Lợi ký hợp đồng đi hát cho đoàn hát bội pha cải lương Thiên Hương, nên khi đoàn Thanh Bình - Kim Mai hát ở rạp Ô Môn – Bình Thủy, Cần Thơ. Thanh Bạch cho rã gánh, đưa xác gánh về đình Nhơn Hòa Cầu Muối. Hai chị em Bạch Mai và Thanh Bạch về Saigon hát cho đoàn Hoa Xuân - Mười Vàng, hát thu cho đài truyền hình có Ban Huỳnh Long, Ban

Vân Kiều, Ban Phụng Hảo, Ban cải lương Hồ Quảng Khánh Hồng,…cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sau năm 1975, vợ Bảy Huỳnh đứng đơn thành lập đoàn Cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, do nghệ sĩ Thanh Bạch lãnh đạo, vở tuồng đầu tiên là *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu thành*, tuồng này rất ăn khách, sở dĩ đoàn Huỳnh Long tạo được uy thế từ năm 1975 đến năm 1979 là nhờ vào nhạc sĩ Hoàng Hầu Bình, ông biết phía Minh Tơ rất bảo thủ vẫn giữ nguyên lối hát theo Quảng Đông nên đã thay đổi lối hát của Huỳnh Long theo lối kinh kịch của Bắc Kinh, vì vậy rất mới lạ và ăn khách, tuy nhiên thời vàng son của Huỳnh Long đến thập niên 1980 thì chấm dứt, vì lúc đó không cho diễn tuồng lịch sử Trung Hoa mà đoàn Huỳnh Long đã vi phạm, và cuối cùng thì bị nhà nước lấy đoàn, vụ này khiến cho Thanh Bạch phải chạy về nương náu bên đoàn Minh Tơ, tại đây Thanh Bạch mới có dịp gặp Bạch Lê diễn chung, rồi cưới gả nên duyên vợ chồng.

Thanh Bạch và Bạch Lê vượt biên, ngày 27 tháng 3 năm 1990 tới đất Pháp, đã định cư tại Paris, hiện đã có ba con sanh tại Pháp. Con trai lớn tên Nguyễn Ngọc Bảo Tân, hai con gái Nguyễn Ngọc Bảo Tâm và Nguyễn Ngọc Bảo Châu.

Các nghệ sĩ đã góp mặt trình diễn trên sân khấu Cải Lương tuồng cổ Huỳnh Long có Bạch Mai, Đức Lợi, Thanh Thới, Minh Lương, Bạch Lan, Hiếu Cảnh, Điền Phương, Hữu Huệ, Bạch Lợi, Thái Sơn, Tuyết Vân, Hồng Sáp, Thanh Hoàng, Trung Cuộc, Ngọc Lan Hương, Vũ Linh, Kim Tử Long, Thanh Bạch

Đoàn Cải Lương tuồng cổ Huỳnh Long diễn các vở tuồng *San Hậu, Đường về San Hậu, Ngũ Sắc Châu, Bí mật Thành Cổ Loa, Rạng ngọc Côn Sơn*, *Mãi còn niềm tin, Về đất Kinh Châu*, tức tuồng *Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả* đổi tên, *Hùm Thiêng Yên Thế, Lá Chắn Biên Thùy, Tấm Cám…*

Những nghệ sĩ hiện nay bám đoàn như Hữu nghĩa, con trai cố nghệ sĩ Hửu Lợi, Thanh Hương, Chinh Nhân, Bình Tinh, Cát Phượng, Mỹ Lợi, Nguyên Dũng, Hiếu Cảnh, Hửu Huệ, Điền Phong,Thanh Linh, Trường Lộc, Tuấn Anh...Nếu xem qua các trích đoạn đều thấy các nghệ sĩ trẻ yêu nghề, giọng hay, vũ đạo đẹp..

Các thế hệ đoàn Cải lương tuồng cổ Huỳnh Long

Cho đến biến cố 1975, nhà cầm quyền cộng sản kiểm sát, điều hành các đoàn hát, dùng nó làm phương tiện tuyên truyền, nên dần dần xa rời thị hiếu của người dân, cải lương đi vào ngỏ cụt.

Gần đây, người ta vực dậy bằng cách trở lại xưa, tổ chức từng nhóm nhỏ Đàn ca tài tử, có nơi để giải trí, có nơi phục vụ khách du lịch. Viễn ảnh cho thấy Cải lương khó phục hoạt như xưa.

Soạn giả tuồng cải lương

Cùng thời với soạn giả tiền phong Mạnh Tự Trương Duy Toản, Trần Phong Sắc và Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, có các ông Giáo Quyển, Giáo Chức và ông Tư Quốc soạn giả của gánh hát Tân Phước Nam của ông thầy thuốc Minh ở Sóc Trăng, ông Mười Giảng Nguyễn Công Mạnh, ông Lâm Hoài Nghĩa, Nguyễn Quốc Biểu, ông Phạm Công Bình, Châu Hồng Đào, Trần Quang Hiển, Lê Quang Hộ, Ngô Văn Nghị, Đoàn Quan Tấn, ông Hồ Văn Trung tức nhà văn Hồ Biểu Chánh, ông Lê Quang Liêm tức đốc phủ Bảy, ông Trần Chánh Chiếu…

Các ông kể trên đều là những soạn giả đã viết những tuồng cải lương trong các năm từ 1918 đến 1924. Đó là những nhà trí thức học giả, có ông là giáo sư trường Chasseloup Laubat Saigon, có ông làm tới chức Đốc Phủ Sứ, có ông vừa là công chức của Ty Soái Phủ vừa là nhà văn hữu danh.

Các ông soạn những tuồng lịch sử Việt Nam như *Gia Long Tầu Quốc, Pháp Việt Nhứt Gia, Giọt Máu Chung Tình tức Võ Đông*

Sơ - Bạch Thu Hà… , tuồng xã hội như *Tham Phú Phụ Bần, Tối Độc Phụ Nhơn Tâm…* tuồng Việt Nam theo các tích truyện xưa như *Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Thúy Kiều – Kim Trọng, Lâm Sanh Xuân Nương, Lưu Bình Dương Lễ… tuồng theo tích truyện Tàu : Phụng Nghi Đình, Châu Mãi Thần Ly Thê, Thái Sư Văn Trọng, Mổ Tim Tỷ Can, Thôi Tử Thí Tề Quân…*

Cho nên soạn giả trước tiên được đề cập đến, không ai khác hơn là ông Mạnh Tự Trương Duy Toản, kế tiếp là Trần Phong Sắc và Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, sau đó sẽ đề cập tới các soạn giả nối tiếp Nguyễn Trọng Quyền, họ có những vở hát còn được nhắc nhở, lưu truyền cho đến ngày nay và mai sau, sẽ được ghi vào dòng lịch sử Cải lương.

Trương Duy Toản

Mạnh Tự - Trương Duy Toản (1885-1957)

Ông Trương Duy Toản sinh năm Ất Dậu (1885) tại huyện Tam Bình, nay thuộc xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long. Thuở nhỏ, ông học chữ Hán, sau chuyển sang học chữ Quốc ngữ và Pháp ngữ ở Sàigòn.

Năm 1905, ông ra trường làm Kinh lịch tại văn phòng tòa Khâm sứ Nam Vang, Campuchia.

Năm 1907, ông đổi về Sàigòn. Tại đây, ông tham gia Hội Minh Tân do Trần Chánh Chiếu đứng đầu.

Để cổ động mọi người hưởng ứng phong trào Minh Tân, đồng thời phản đối việc chính quyền thực dân truất phế vua Thành Thái, ông viết một bài ca theo điệu "tứ đại cảnh" rồi cho đăng trên báo *Lục tỉnh tân văn* số 24 ra ngày 30 tháng 4 năm 1908.

Sau đó, ông sang Nhật Bản hoạt động trong phong trào Đông Du, làm thư ký cho hai nhà cách mạng là Phan Bội Châu và Kỳ Ngoại hầu Cường Để.

Tháng 9 năm 1908, để làm tan rã phong trào này, Pháp ký hiệp ước với Nhật Bản. Theo đó, Nhật Bản sẽ không cho các nhà cách mạng và lưu học sinh Việt Nam ở đất nước của họ nữa. Do đó, một số phải sang Trung Quốc, một số phải trở về nước, trong đó có Trương Duy Toản.

Năm 1910, ông cho xuất bản quyển tiểu thuyết *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* và gây được tiếng vang. Theo GS. Nguyễn Huệ Chi, ông viết truyện này trong khoảng thời gian ông đang là một thành viên nồng cốt của Việt Nam Quang phục hội ở Nam Kỳ

Năm 1913, Trương Duy Toản bí mật đến Thượng Hải tìm gặp Cường Để. Gặp lúc nhà cách mạng này đang gấp rút khởi hành sang Châu Âu để vừa tránh bị cảnh sát Hương Cảng khủng bố, vừa để tìm gặp các nhà yêu nước ở bên ấy, Trương Duy Toản bèn đi theo để làm thông dịch viên.

Đến Paris, Trương Duy Toản nhận sứ mệnh gặp Phan Châu Trinh, nhờ đưa thư Cường Để lên chính phủ Pháp phê phán chính sách thuộc địa ở Đông Dương. Theo GS. Nguyễn Huệ Chi, thì khi Trương Duy Toản ở đây, nhờ tiếp xúc với Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut, vừa từ Sàigòn về Pháp để gặp Cường Để, mà biết được ý định của Pháp là muốn bắt giữ Cường Để, nên vị hoàng thân này đã kịp trốn về Trung Quốc, chỉ có ông Toản và Đỗ Văn Y thì bị Pháp bắt được, đưa đi quản thúc tại Pyrénées, rồi giam vào ngục Santé Prison de la Sant. Khoảng năm 1916, Trương Duy Toản bị trục xuất về nước, rồi bị nhà cầm quyền Nam Kỳ đưa xuống an trí ở làng Nhơn Ái, huyện Phong Điền, tỉnh Cần Thơ.

Trong những ngày bị quản chế, ông sáng tác các bài ca cho ban nhạc tài tử Ái Nghĩa để ca trong các thôn xóm. Nghe tiếng ông, nhóm *Sa Đéc - Amis* của ông bầu Trần Văn Thận, còn được gọi là André Thận, có nhờ ông soạn các bài liên ca như *Bùi Kiệm thi rớt trở về, Kim Kiều hạnh ngộ* phổ theo điệu tứ đại oán để trình diễn. Đấy chính là các bài ca ra bộ, tức là lối kể chuyện bằng lời ca có kèm điệu bộ để minh hoạ nội dung, ra đời năm 1917.

Được người dân ưa thích, ông tiến thêm một bước nữa là soạn hẳn thành vở cải lương, đó là ba vở: *Lục Vân Tiên, Kim Vân*

Kiều (hồi 1) và *Lưu Yến Ngọc cứu cha đại hiếu*; trong đó vở Kim Vân Kiều là vở ăn khách nhất của gánh thầy Năm Tú.

Thấy đối phương đã ít theo dõi mình, lại được sự giúp đỡ của Trần Chánh Chiếu và Nguyễn Văn Của, một ông chủ nhà in được nhà cầm quyền Pháp nể trọng, Trương Duy Toản bèn trở lại nghề báo.

Năm 1918, ông Châu Văn Tú thành lập Gánh hát cải lương Châu Văn Tú, ông Trương Duy Toản được mời đảm nhiệm chức "Thầy Tuồng" tức soạn giả kiêm đạo diễn cho gánh hát.

Năm 1919, Trương Duy Toản viết cho tờ *Thời vụ báo* ở Sàigòn. Năm 1924, ông làm chủ bút tờ *Trung Lập,* đồng thời giữ mục "Thiên hạ đồn" được nhiều người đọc, cho đến 1933.

Năm 1930, ông viết cho tờ *Sài Thành*. Sau khi tờ này bị đóng cửa, năm 1936, ông chủ trương tờ *Dân quyền,* do Cendsieux đứng tên xin thành lập, nhưng rồi bị tịch thu ngay từ số đầu vì có bài vận động cho Đông Dương đại hội.

Những năm kháng chiến chống Pháp 1946 đến 1954, ông sống tại Sàigòn với nghề làm báo. Năm 1955, ông viết một hồi ký *Phong trào cách mạng trong Nam Kỳ,* đăng liên tiếp trên tuần báo *Tiến thủ* của Lê Văn Thử với bút hiệu *Đổng Hổ*. Đây là tác phẩm cuối cùng của ông.

Cuối đời, ông về an dưỡng ở khu Thanh Đa, Sàigòn. Năm 1957, Trương Duy Toản mất, thọ 72 tuổi, được đưa về an táng tại quê nhà Tam Bình, Vĩnh Long.

Tác phẩm:

Về văn, các tác phẩm chính của Trương Duy Toản, có:

- *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi, F.H.Schneider xuất bản, Sàigòn, 1910. Theo Nguyễn Huệ Chi thì cốt truyện ly kỳ nhưng cách kể quá vắn tắt, nhiều chỗ còn sáo và biền ngẫu.

- *Truyện Đơn Hùng Tín An Nam tục kêu Ba Tính* (truyện. Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn, 1925). Theo Bằng Giang thì ở đây ông đã dựng lại chân dung của một đại ca phản phất hình ảnh của nhóm anh hùng Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử.

- *Phong trào cách mạng trong Nam* (hồi ký, 1956).

Về tuồng, có:

- *Kim Vân Kiều.*
- *Lục Vân Tiên.*
- *Trang Châu mộng hồ điệp.*
- *Hạnh Nguyên cống Hồ.*
- *Trang Tử cổ bồn ca.*
- *Lưu Yến Ngọc cứu cha đại hiếu* (đã diễn, sau in thành sách năm 1930).

Trích bài ca:

Bản Tứ-Đại lớp đầu

Kiệm từ khi thi rớt trở về,
Bùi ông mắng nhiếc nhún trề:
Cũng tại mầy ham bề vui chơi,
Kiệm thưa: Tài bất thắng thời.
Con dễ nào không lo bề công danh,
Tuổi con còn xuân xanh.
Cái ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ôi!

Trần Phong Sắc

Trần Phong Sắc - Trần Đình Diệm (1873-1928)

Soạn giả Trần Phong Sắc tên thật là Trần Đình Diệm bút danh Đằng Huy tự Phong Sắc, sanh năm 1973 tại làng Bình Lập, Tân An. Ông sinh ra trong một gia đình thuộc dòng họ Trần có học vấn, gốc ở Gò Công. Lớn lên trong buổi giao thời khi Nho học đang tàn lụi và Tây học mới hình thành ở miền Nam, ông chịu ảnh hưởng gia đình thông thạo cả chữ Hán và chữ quốc ngữ.

Ông là thầy giáo dạy môn luân lý ở Trường Sơ học tỉnh Tân An. Ông ăn chay trường, tu theo đạo Phật, soạn Kinh sách nhà Phật, ông viết sách, dịch truyện Tàu, tham gia cộng tác với báo *Nông Cổ Mín Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn.*

Tác phẩm dịch đầu tay của ông là *Truyện Nhạc Phi* cùng dịch với Phụng Hoàng San in năm 1905. Ông dịch khoảng trên 50 truyện Tàu.

Khi phong trào lập gánh hát nổi lên vào thập niên 1910, Trần Phong Sắc cùng với Mạnh Tự Trương Duy Toản và Nguyễn Trọng Quyền là ba soạn giả danh tiếng thời bấy giờ.

Khi gánh Đồng bào Nam của bà Tư Sự, ở Mỹ Tho ra đời giữa năm 1919, ông Trần Phong Sắc, được mời về làm Thầy tuồng,

ông soạn các vở hát: *Tham phú phụ bần, Cô ba lưu lạc, Bội thê thiên xử…*

Vào cuối năm 1919, Tân Hưng Ban của ông Hai Hia ở Cần Thơ được thành lập, ông Trần Phong Sắc được mời về làm thầy tuồng cho Ban nầy.

Ông là soạn giả của những tuồng hát:

- *Bội thê thiên xử.*
- *Cô ba lưu lạc.*
- *Hạng Võ biệt Ngu Cơ.*
- *Nguyệt Kiểu xuất gia.*
- *Tham phú phụ bần…*

Ông là tác giả nhừng sách:

- *Huấn nữ quốc âm ca* (1911)
- *Kim Vân Kiều án* (1914)
- *Tân tiếu lâm*
- *Sĩ hữu bá hạnh (1925)*
- *Vệ sanh thực trị (1927)*
- *Bán dạ phi đầu* (tập 1, 2 năm 1925 và tập 3, 4 năm 1926)
- *Hậu Vân Tiên diễn ca* (1925)
- *Ấu viên tất độc* (tiểu học giáo khoa thư, 1925)

Ông là dịch giả nhiều truyện Tàu như:

- *Tam hạ Nam đường diễn nghĩa (1906)*
- *Phong Thần diễn nghĩa (1906)*
- *La Thông tảo Bắc (1906)*
- *Đại Hồng bào hải thoại (1907)*
- *Tiết Đinh San chinh Tây (1907)*

….

Ông mất năm 1928, tương truyền rằng do một trận hỏa hoạn gây ra, phát sanh tại nhà ông. Ông thọ 55 tuổi.

Nguyễn Trọng Quyền

Mộc Quán - Nguyễn Trọng Quyền (1876-1953)

Ông Nguyễn Trọng Quyền bút danh Mộc Quán, sinh năm Đinh Sửu (1876), tại làng Thạnh Hòa, xã Trung Nhứt, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên, nay thuộc tỉnh Cần Thơ, con của ông Nguyễn Văn Tường và bà Trương Thị Thạnh.

Lúc nhỏ, ông học hết chương trình Tiểu học, rồi ở nhà học chữ Nho với cha và tự học thêm Pháp văn. Ông làm thư ký cho hãng rượu nếp hiệu Phước Hiệp do ông Vương Thiệu (Năm Tiệm) làm chủ. Ông Quyền rất giỏi tiếng Tiều. Ông Vương Thiệu nguyên là một nghệ sĩ đoàn hát Tiều giải nghệ để kinh doanh nghề nấu rượu nên trong những cuộc tiệc nội bộ của hãng rượu Phước HIệp, ông Vương Thiệu rước đoàn hát Tiều về hát cho công nhân xem. Ông Nguyễn Trọng Quyền nhân các dịp đó, làm quen với các kép hát Tiều, học đờn cò và học hát.

Năm 1903, lúc ông được 27 tuổi, ông sáng tác thơ tuồng để dạy con cháu cách cư xử ở đời như thơ Thoại Bạch Viên (còn gọi là thơ Chệt Xuội), Trùng Ma Phụ Giám và Xử Hạnh Ca.

Năm 1916, ông Vương Có, con của chủ hãng rượu Phước Hiệp, nhân thấy nhiều chủ bầu các gánh hát ở Tiền Giang và Hậu Giang làm giàu mau lẹ nhờ gánh hát rất đông khách nên ông xin cha ông giúp vốn lập ra đoàn cải lương Tập Ích Ban. Ông Nguyễn Trọng Quyền, thơ ký của hãng rượu Phước Hiệp được mời làm thầy tuồng.

Gánh hát Tập Ích Ban (1921) được tổ chức rập khuôn theo một gánh hát Tiều, soạn giả Nguyễn Trọng Quyền lấy bút danh là Mộc Quán. Các nam nữ diễn viên đều được đặt cho nghệ danh theo tên người Hoa như nghệ sĩ Bảy Nhiêu thành tên Lâm Sinh, cô Sáu Trâm thành tên Ngọc Xoa, nghệ sĩ Tư Thới thành tên Dương Hòa, Hai Hiến thành tên Kiều Mị, Hai Hí thành tên Song Hỷ…

Suốt 7 năm làm thầy tuồng gánh hát Tập Ích Ban, ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đã viết 27 tuồng dựa theo cốt truyện Tàu, dã sử Việt Nam và xã hội mà một số lớn các di cảo còn được nghệ sĩ Phùng Há gìn giữ như tuồng *Châu Trần Tiết Nghĩa, Tây Sương Ký, Thố Nhận Oan Ương* và tuồng *Bội Phu Quả Báo* , sáng tác phẩm của ông Phạm Công Bình năm 1923, được ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền nhuận sắc năm 1924.

Sau khi nghe Bảy Nhiêu ca bản *Dạ cổ hoài lang* của Sáu Lầu, Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đã đưa bản Dạ cổ hoài lang vào vở "*Bội phu quả báo*". Vở cải lương nói về cô Lý Ngọc Thơ tham giàu mà phụ nghĩa tào khang. Đoạn Lý Ngọc Thơ ân hận, tự trầm xuống suối, soạn giả Mộc Quán đã cho cô ca 20 câu theo bản "Dạ cổ hoài lang" với lời ca mới như sau:

1. Nhìn rày, kia khe đá
2. Phần số khiến có đau phiền
3. Vì xưa phối duyên Khôn – Tuyền

……..…

19. Tỉnh ngộ lấy lương tâm này
20. Khuyên khá đừng bội phu, bớ ai!

Nhờ có học hát Tiều và nghiên cứu lối hát Hí Khúc Trung Quốc, ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đứng ra tập các tuồng Tàu của ông sáng tác, ông chỉ dạy cho các nghệ sĩ những lối múa theo tuồng Tàu, cách dâng rượu, múa thương, múa đao đến các nghi thức diễn các lớp vào triều, tư thế của tiểu thư, mệnh phụ hay các văn quan võ tướng. Lớp lang, điệu hát, điệu múa ăn khớp với lời ca, bài hát do ông soạn khiến cho các nghệ sĩ lãnh hội được một lối hát mới, thoát khỏi những gò bó khi còn trong thời kỳ Ca Ra Bộ.

Năm 1928, ông Nguyễn Trọng Quyền được ông Bầu Lê Phước Georges và nữ nghệ sĩ Phùng Há mời về làm thầy tuồng cho gánhn hát Huỳnh Kỳ. Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đã viết 12 tuồng cho gánh hát Huỳnh Kỳ.

Năm 1929, ông được mời về làm thầy tuồng cho gánhn hát Hữu Thành của ông bầu Nguyễn Bá Phương ở Thốt Nốt. Ông đã viết 5 tuồng cho gánh hát Hữu Thành.

Năm 1935, ông Nguyễn Bữu ở Trà Vinh và cô Phùng Há lập ra gánh hát Phụng Hảo 3, mời ông Nguyễn Trọng Quyền làm thầy tuồng. Ông Quyền đã viết 7 tuồng cho gánh hát Phụng Hảo 3 mà hai vở tuồng San Hậu và Phụng Nghi Đình đến nay vẫn được nhiều đoàn hát khác đem ra sử dụng.

Năm 1937, gánh hát Hữu Thành tái sinh và gánh hát Kỳ Quan của ông Năm Hý ở Thốt Nốt thành lập. Hai gánh hát nầy mời ông Nguyễn Trọng Quyền làm thầy tuồng chung cho hai gánh hát. Thời gian này ông Quyền sáng tác 17 tuồng.

Năm 1939, ông Quyền làm thầy tuồng cho gánh hát Ngự Bình của Bầu Tư Thới, ông đã sáng tác 8 vở tuồng Tàu và dã sử cho đoàn hát Ngự Bình.

Năm 1952, ông Châu Văn Sáu tức Bầu Nhơn cùng với cô Phùng Há lập đoàn cải lương Phụng Hảo 4. Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền viết một vở tuồng, lấy nước Nhựt làm bối cảnh cho câu chuyện, tựa tuồng là Luống Cày Rướm Máu. Tuồng nầy được hát một tuần lễ tại rạp Nguyễn Văn Hảo, kế đó phải tạm ngưng vì ông bầu Châu Văn Sáu và cô Phùng Há được tin là ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền bị đứt mạch máu não, đưa vào nhà thương Châu Đốc và trút hơi thở cuối cùng vào ngày 21 tháng 9 năm Quý Tỵ (1953). Thọ 77 tuổi.

Cô Phùng Há, ông bầu Châu Văn Sáu, nghệ sĩ Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Ba Vân, Từ Anh, Kim Cúc, Kim Lan về Thốt Nốt dự lễ an táng ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền tại xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt. Cô Phùng Há đứng ra xây một ngôi mộ cho ông tại ấp Phụng Thạnh 2, xã Trung Nhứt vì cô Phùng Há vừa là đệ tử, vừa là dưỡng nữ của ông Mộc Quán.

Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền làm thầy tuồng được 50 năm, sáng tác được 85 vở tuồng cải lương nổi danh. Ngoài ra ông còn là một nhà thơ và viết nhiều thể loại với các bút danh Mộc Quán, Thốc Sơn, Hưng Hoành, Cái Sơn Bô Lão.

Ngoài 85 tuồng cải lương, ông còn sáng tác 7 tập thơ tuồng, 12 tập sách dạy con cháu cách xử sự ở đời và trên 100 bài thơ các loại. Ngoài tác phẩm Trùng Ma Phụ Giám, ông còn viết Phu Thê Ngôn Luận và 113 câu hát đối đáp. Số sáng tác phẩm của ông vừa được kể ra, hiện nay đã được tái bản và lưu giữ nơi các cơ quan văn hóa của tỉnh Cần Thơ. Các tuồng có bút tích của ông Mộc Quán hiện được cô Phùng Há cất giữ.

Các nghệ sĩ cải lương hậu bối ngày nay đều tôn vinh cụ Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền là một vị Hậu Tổ của Cải Lương.

Nguyễn Tri Khương

Nguyễn Tri Khương (1890-1962)

Soạn giả Nguyễn Tri Khương sinh năm 1890, người làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, nay thuộc xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ông nội ông là danh thần Nguyễn Tri Phương. Thân phụ ông là ông Nguyễn Tri Túc, là một điền chủ của tỉnh Mỹ Tho, từng giữ chức Ủy viên hội đồng tỉnh, thích bắn súng hơi, chụp hình nghệ thuật, từng được bằng danh dự do Hội Nhiếp ảnh chuyên nghiệp bên Pháp trao tặng. Ông là con thứ 4 trong gia đình, vì vậy còn được gọi là Năm Khương theo thông lệ Nam Bộ.

Sinh thời, ông Hội đồng Nguyễn Tri Túc được dân gian xem là người hào hoa phong nhã, giúp đỡ người nghèo, khắp làng xã, ai ai cũng thương yêu, quý chuộng. Ông Hội đồng cũng thường tổ chức những buổi đờn ca tài tử tại nhà với sự tham gia của những nghệ sĩ tài tử nổi tiếng đến từ Cần Đước, Cần Thơ và nhiều tỉnh xa; nuôi nghệ sĩ tài tử trong nhà để truyền ngón, truyền nghề cho hai người con trai.

Ông là cậu ruột của Giáo sư Trần Văn Khê.

Do ảnh hưởng giáo dục của thân phụ, ông Năm Khương, vốn được đánh giá là thông minh đỉnh ngộ từ nhỏ, tiếp thu được cả Nho học và Tây học. Ông không chỉ được xem là văn hay chữ tốt, học võ cũng được thầy khen. Ngoài ra, ông cũng tinh thông về lễ nhạc truyền thống, đặc biệt là ngón thổi sáo được cho là thiên phú, có hơi thổi vừa dài, vừa mạnh.

Nhờ giáo dục cơ bản toàn diện, năm 20 tuổi, ông đi theo nghiệp giáo làng, dạy vỡ lòng cho các trẻ em trong vùng. Tương truyền năm 1920, khi em gái thứ 7 của ông, tục gọi là bà Tám Dành đang mang thai, ông đã sang nhà thông gia xin phép đưa em gái về để hàng ngày thổi sáo cho bào thai nghe. Đứa trẻ đó chính là giáo sư Trần Văn Khê nổi tiếng sau này.

Năm 1926, khi gánh hát Đồng Nữ Ban của bà Trần Ngọc Viện, tục gọi là cô Ba Viện, cựu giáo sư trường nữ sinh Áo Tím được thành lập, ông được mời viết vở tuồng mới chuyển thể quyển tiểu thuyết *Giọt máu chung tình* của nhà văn Nguyễn Hữu Ngởi, tức Tân Dân Tử, ra thành vở cải lương mang tên là *Giọt lệ chung tình*. Đồng thời ông được mời tham gia vào dàn nhạc của gánh cải lương vì chẳng những ông thổi sáo hay, ông lại còn biết sử dụng đờn cò, đờn kìm và kể cả đánh trống. Ngoài ra, ông còn sáng tác nhiều bài bản đờn ca tài tử mới như *Yến tước tranh ngôn* là chim én tranh luận với chim sẻ, theo hơi Bắc; *Phong suy tịch liễu* là gió lay cành liễu rũ, theo hơi Xuân nữ, tiết tấu nhanh; *Thất trĩ bi hùng* là chim trĩ buồn lẻ bạn, theo hơi Ai.

Khoảng giữa năm 1928, lần đầu tiên gánh hát Đoàn Nữ Ban ra mắt khán giả vở *Giọt lệ chung tình*, diễn tại cầu Ba Lung, xã Vĩnh Kim, được nhân dân háo hức cổ vũ. Vở diễn khá dài, diễn trong khoảng 5 giờ đồng hồ mới kết thúc, do đó phải hát đến hai đêm.

Theo thông lệ bấy giờ, mở đầu gánh hát là đào kép đứng hết trên sân khấu đồng ca bài La Madelon, sau khi hết tuồng các gánh hát khác phải đồng ca bài La Marseillaise. Riêng ở Đồng Nữ Ban, ông đặt một bài ca cảm ơn khán giả và hẹn gặp trong đêm sau, viết theo bản *Long hổ hội*. Tất cả lời đối thoại trong tuồng đều mang tính chất văn chương rõ rệt. Các câu nói lối Xuân, lối Ai đều viết theo lối văn biền ngẫu, nội dung nhiều đoạn rất mạnh, nói lên tâm tư của dân tộc Việt Nam lúc đó đang có tinh thần chống chính sách đô hộ thuộc địa.

Sau thành công của *Giọt lệ chung tình*, ông tiếp tục dàn dựng thêm hai vở mới là *Hiệp tình quân tử* và *Bên nghĩa bên tình*. Gánh Đồng Nữ Ban lưu diễn nhiều nơi như Mỹ Tho, Bến Tre, Cao Lãnh, Cần Thơ, Rạch Giá, Thủ Dầu Một, Sàigòn… Do thành viên lãnh đạo của gánh hát từng liên can đến hồ sơ quốc sự, cũng như nội dung mang tinh thần dân tộc rất rõ ràng, chính quyền thực dân tìm mọi cách ngăn cản và ra quyết định cấm gánh hát hoạt động.

Sau khi gánh hát tan rã, ông trở về làng Đông Hoà. Do uy tín của mình, ông được làng bầu vào ban Hội tề, lần lần được lên chức Hương cả. Vì vậy, cuối đời ông được gọi là ông Cả Năm.

Những năm cuối đời, ông vẫn tiếp tục sáng tác những bài ca và những vở kịch nhỏ như những bài *Túy tửu lạc ngôn* là Say rượu nói bậy, *Hồ điệp xuyên hoa* là Con bướm vờn hoa, *Non sông một chèo*..., hầu hết mang nội dung truyền bá chữ quốc ngữ. Thậm chí, ông còn lên Sàigòn đóng phim, thường là những vai nông dân già, hoặc tham gia thổi ống tiêu làm nhạc nền cho phim. Ông đã giúp cho Trần Văn Khê hoàn thành luận án Tiến sĩ bằng cách cung cấp tư liệu âm nhạc tài tử miền Nam.

Ông qua đời tại quê nhà vào năm 1962. Thọ 72 tuổi. Ông là lớp soạn giả tiền phong, soạn những vở tuồng tích Việt Nam, làm nền tảng cho những vở tuồng xã hội sau nầy.

Năm Châu

Năm Châu - Nguyễn Thành Châu (1906-1978)

Năm Châu, tên thật Nguyễn Thành Châu, sinh ngày 9 tháng 1 năm 1906, tại tổng Thuận Trị, làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang. Thân phụ của ông là một công chức Tòa Bố, tỉnh Mỹ Tho, vì làm mếch lòng Tỉnh trưởng nên bị thuyên chuyển ra làm việc ở đảo Phú Quốc, tỉnh Rạch Giá.

Lúc Năm Châu học năm thứ hai Ban Thành Chung trường Trung học Mỹ Tho, nhân dịp nghỉ hè, ông ra Phú Quốc thăm cha. Đến ngày tựu trường, vì bão tố, tàu bè không trở về đất liền kịp ngày nhập học, ông bị trễ nên bị cúp học bổng và bị đuổi. Gia đình định cho ông tiếp tục học ở trường Taberd, nhưng ông quyết định tự lập, theo nghiệp cầm ca, gia nhập gánh hát thầy Năm Tú năm 1922.

Từ năm 1922-1924, ông hát cho đoàn hát thầy Năm Tú, diễn các tuồng *Bùi Kiệm Nguyệt Nga, Trang Tử thử vợ, Thúy Kiều – Kim Trọng, Lục Vân Tiên…*

Từ năm 1925 -1928, nghệ sĩ Năm Châu tham gia đoàn hát Tái Đồng Ban của ông Bầu Hai Cu, chủ tiệm vàng ở Mỹ Tho.

Đại đa số đào kép mà ông bầu Hai Cu quy tụ dưới bảng hiệu Tái Đồng Ban là dân Mỹ Tho, trước đó là người đã cộng tác với gánh Nam Đồng Ban, cũng do ông làm bầu. Vì con trai của ông Hai Cu là kép chính Hai Giỏi chết, Hai Giỏi là người chồng đầu tiên của nghệ sĩ tài danh Năm Phỉ. Khi Hai Giỏi bị bịnh mất, cô Năm Phỉ buồn quá, bỏ gánh hát mà đi nên ông Hai Cu cho rã gánh hát Nam Đồng Ban. Năm sau, ông lấy xác gánh Nam Đồng Ban, thành lập Tái Đồng Ban với thành phần đào kép như: Phùng Há, Ba Nhàn, Ba Liên, Ba Điều, Tư Nhỏ, Sáu Trâm, Sáu Tỵ, và Năm Châu, Tám Mẹo, Ba Du, Tư Út, Từ Anh, Hai Ngởi, Hai Bông, Bảy Nhiêu, Tư Thới. Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung gia nhập Tái Đồng Ban với tư cách là nhạc sĩ đàn đoản.

Cô Sáu Trâm là người Hoa lai Việt (Triều Châu), quê ở Thốt Nốt, Long Xuyên.

Sáu Trâm thủ vai Bạch Thu Hà và Năm Châu, vai Võ Đông Sơ tuồng *Giọt máu chung tình* là cặp đào kép ăn khách nhất lúc bấy giờ. Sáu Trâm ca, diễn theo lối hát Tiều, ảnh hưởng cũ của gánh Tập Ích Ban, nhiều động tác tượng trưng "tả ý" như lối hát bội. Năm Châu phải chỉ dẫn, tập luyện lại cho Sáu Trâm để khi ca, diễn chung, ăn ý, rặp ràng với nhau.

Khi Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp đào kép diễn xuất ăn khách nhất thì mối tình đầu nảy nở, Năm Châu và chị Sáu Trâm trở thành cặp vợ chồng xứng lứa vừa đôi nhất trong giới nghệ sĩ cải lương lúc bấy giờ.

Lúc đó, trong Tái Đồng Ban, cô Phùng Há ca diễn và sắc vóc đẹp hơn cô Sáu Trâm nên vô tình đẩy cô Sáu Trâm xuống hàng "đào nhì". Năm Châu lại tỏ ra quá quyến luyến, chỉ lo dạy cho cô Phùng Há nên cô Sáu Trâm ghen, buồn duyên tủi phận, âm thầm rời gánh hát đột ngột. Năm Châu và nhiều bạn bè của anh đổ xô đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng bặt mất dạng cô Sáu Trâm.

24 năm sau, có người gặp lại cô Sáu Trâm ở Thốt Nốt, cô tâm sự: "*Lúc đó, tôi ghen quá, trở về quê nhà ở Long Xuyên, cũng có ý đợi "ảnh" xuống rước trở lên gánh hát. Nhưng rồi "ảnh" mê sân khấu hơn vợ nhà. "Ảnh" theo gánh hát miết. Tôi cũng không thể tự mình trở lại gánh hát, thành ra tôi ở với má tôi. Khi biết anh Năm Châu sống chung với cô Tư Sạng và có với nhau một đứa con, tôi trở lại nghề hát, trong lòng nuôi ý định là sẽ hát hay hơn chị Phùng Há hay cô Tư Sạng, đó là vì tự ái nghề nghiệp và cũng là cái ý ganh tỵ của một người đàn bà, muốn làm cho mình đẹp hơn, giỏi hơn tình địch của mình.*

Tôi đi theo gánh hát Văn Hí Ban, rồi gia nhập lại gánh hát Tập Ích Ban 2, nhưng tôi càng ngày càng hiểu rõ là khi một người đàn ông đã bỏ vợ, có thêm một người vợ khác, đẹp hơn, giỏi

hơn người vợ cũ thì người cũ khó bề giành lại được chồng mình. Nhất là trong nghề ca hát, nếu không có thầy tuồng nâng đỡ, dìu dắt, không có bạn đồng diễn đồng sắc, đồng tài thì diễn viên khó có thể thành công lớn. Nghĩ vậy nên tôi giải nghệ, không theo gánh hát nữa, tôi trở về Long Xuyên, giúp má tôi trong việc buôn bán".

Tình cảm giữa đôi diễn viên trai tài gái sắc Năm Châu –Phùng Há vừa chớm nở thì ông thầy đờn kiêm soạn giả Tư Chơi đến trước một bước, ông sống chung với cô Phùng Há và có đứa con gái đầu lòng năm 1927, đặt tên là Bửu Chánh. Hai năm sau, cuộc tình duyên nầy tan rã, ông Tư Chơi rời gánh hát Tái Đồng Ban, cô Phùng Há về Hạc San bên Tàu thăm quê nội, gởi con gái Bửu Trân cho em ruột của cô là Trương Liên Hảo dưỡng nuôi. Chồng của Liên Hảo họ Lý, cải họ cho dưỡng nữ là Lý Bửu Trân.

Do Phùng Há gá nghĩa với Tư Chơi, nên năm 1928 Năm Châu sánh duyên cùng cô Tư Sạng, khi 2 người đang cùng hoạt động trong gánh hát *Tái Đồng Ban,* họ có 5 người con:

- Nguyễn Thành Văn (trưởng nam), chủ rạp hát bóng *Tây Đô* tỉnh Cần Thơ, trước 1975.
- Nguyễn Ngọc Bê đã đi tu.
- Nguyễn Trúc Thanh, tập kết ra Bắc, nay đã về hưu.
- Nguyễn Thanh Hương (1936-1974), tức nữ nghệ sĩ Thanh Hương, nổi tiếng qua bài vọng cổ *Cô Bán Đèn Hoa Giấy*, vợ của danh hề Văn Chung, sau sống chung với Hùng Minh.
- Nguyễn Thanh Trúc tự Antoinne, thành viên đoàn Việt Kịch Năm Châu và đoàn cải lương Saigon 1, chồng của nữ diễn viên Kiều Trúc Phượng trong đoàn cải lương Saigon 1.

Từ năm 1929 đến năm 1932, thời gian nghệ sĩ Năm Châu cộng tác với gánh hát Huỳnh Kỳ, ông đã sáng tác các tuồng *Tội của Ai, Ngọn Cờ Hiệp Sĩ, (1927), Tiếng Nói Trái Tim (1928), Bằng Hữu Binh Nhung* (phóng tác theo *Les trois mousquetaires* của

Alexandre Dumas fils), *Hồn Chinh Phụ* (1930), *Mộng Hoàng Công Chúa*, sau đổi tựa là *Huyền Châu Nữ,* hai vở nầy hợp soạn với soạn giả Tư Trang, *Túy Hoa Vương Nữ*, phóng tác theo truyện Marie Tudor của Victor Hugo và hai vở kịch *Tố Hoa Nương, Đêm Không Ngày. Vở Đêm Không Ngày* sau viết thành tuồng cải lương *Đêm Dài Vô Tận.*

Năm 1932, Năm Châu gia nhập gánh hát Trần Đắc của ông Bầu kiêm đại điền chủ Trần Đắc Nghĩa ở Cần Thơ. Sau đó Phùng Há cùng gia nhập gánh hát nầy.

Khúc Oan Vô lượng trên sân khấu Trần Đắc

Trên sân khấu Trần Đắc, trong khi soạn giả Huỳnh Thủ Trung tức Tư Chơi tiếp tục sáng tác những vở tuồng tình cảm xã hội như *Khúc Oan Vô Lượng, Lở Tay Trót Đã nhúng chàm, Tôi Xin Chừa, Hai Mặt còn Trơ, Ai Là Bạn Chung Tình, Em Muốn Tự Do*, thì soạn giả Nguyễn Thành Châu tức nghệ sĩ Năm Châu mở một hướng sáng tác mới. Anh tung ra một loạt tuồng phóng tác theo các tiểu thuyết nổi tiếng hay các vở kịch kinh điển của văn học Pháp như *Giá Trị và danh dự* (phóng tác Le Cid của Pierre Corneille), *Bằng Hữu Binh* Nhung (Les trois mousquetaires của Alexandre Dumas fils), *Áo Người Quân Tử* (L'homme en habit), *Túy Hoa Vương Nữ* (Marie Tudor của Victor Hugo), *Miếng Thịt Người* (Le marchand de Venise), *Gió Ngược Chiều* (Ruy Blas), *Tơ Vương Đến Thác* (La dame aux camélias)…

Năm 1935, ông Ngô Văn Mạnh, tự Năm Mạnh thành lập hãng dĩa ASIA. Ông Năm Mạnh ký giao kèo độc quyền với cô Tư Sạng và đã tung ra thị trường bộ dĩa tròng kim nhũ chữ đen với nhan đề là Trảm Trịnh Ân, Đào Tam Xuân báo phu cừu do các danh ca Tư Xe và Tư Sạng ca. Năm 1937, cô Tư Sạng bỏ Năm Châu về với ông Năm Mạnh.

Tháng 3 năm 1946, nhóm nghệ sĩ chuyên nghiệp gồm Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Duy Lân, Tư Út, Từ Anh, Hai Tiền, Ba Thâu, Sáu Ngọc Sương lấy xác gánh Nam Phương để thành lập "Nhóm con Tằm". "Nhóm con Tằm" thu hút thêm nhiều nghệ sĩ tài danh như Bảy Nhiêu, Năm Nở, Tư Chơi, Năm Phỉ, Bảy Nam, Kim Thoa, Kim Cúc, Kim Lan…

Người vợ thứ ba của Năm Châu là nữ nghệ sĩ Kim Cúc, con gái lớn của nghệ sĩ tiền phong Bảy Nhiêu , là người vợ cuối của Năm Châu từ năm 1948 cho đến ngày ông mãn phần năm 1978.

Nghệ sĩ Năm Châu và Kim Cúc có sáu người con:

- Nguyễn Thị Xuân Hợi, con gái đầu lòng tốt nghiệp piano trường Quốc Gia Âm Nhạc Sàigòn.
- Nguyễn Thị Nguyệt Thu, tốt nghiệp Violon, vợ thứ của soạn giả Hoa Phượng.
- Nguyễn Thị Kim Khánh.
- Nguyễn Thị Ngọc Thanh.
- Nguyễn Thị Hồng Dung, là đạo diễn cải lương.
- Nguyễn Thành Long.

Năm 1948, nghệ sĩ Năm Châu thành lập Ban Việt Kịch Năm Châu. Nữ nghệ sĩ Kim Cúc, dưới bàn tay phù thủy của đạo diễn Năm Châu, đã làm rung động trái tim của khán giả hâm mộ qua các vai: Nữ hoàng Túy Hoa trong tuồng *Dân chúng trước pháp trường*, vai cô Bê trong tuồng *Khi người điên biết yêu*, vai

Hoàng hậu trong tuồng *Gió ngược chiều*, vai Tây Thi trong *Tây Thi – Gái nước Việt*, vai Hoàng hậu trong tuồng *Hàm Lệ, Thái Tử nước Đan Mạch*, vai vợ người chiến binh trong vở *Người mặt cháy*…

Từ năm 1962, Năm Châu được mời làm giáo sư kịch nghệ của trường QuốcGia Âm Nhạc Sàigòn, sau đó Kim Cúc, Duy Lân, Năm Nở, Ngọc Ánh và nhạc sĩ Hai Khuê, Sáu Tửng, cũng được mời làm giáo sư giảng dạy tại trường nầy…

Phùng Há – Năm Châu trên sân khấu

Đọc lại bài của soạn giả Nguyễn Phương viết về Sáu mươi năm mối tình dang dở của đôi nghệ sĩ tài danh Phùng Há - Năm Châu:

"Ngày anh Năm Châu mất (5/1977), cô Bảy hay tin, chạy vào nhà thương, vấp té liên hồi. Chúng tôi phải chạy ra đỡ, dìu cô vô. Cô khóc, nắm vai anh Năm Châu lay gọi, như muốn vực anh Năm dậy: "*Khoan, anh khoan đi. Anh có nghe không? Anh phải nghe tôi nói rồi mới yên lòng ra đi được. Tôi biết anh vẫn còn uất hận trong lòng. Sở dĩ tôi làm vậy... là vì anh, vì thương anh, thương vợ con anh. Giờ này... tới giờ phút này, tôi vẫn yêu anh*". Cô Bảy khóc ngất, nói như mê sảng với người tình

xưa mà không nhớ là xung quanh cô lúc đó có rất nhiều người, có cả chị Kim Cúc là người vợ đương thời của anh Năm Châu. Chị Kim Cúc vỗ về cô Bảy: *"Chị Bảy, trước khi xuôi tay nhắm mắt, ảnh còn gọi tên chị, hỏi chị ở đâu..."*. Kim Cúc không thể nói nhiều hơn nữa, vì cô Bảy đã ôm chị mà khóc ngất.

Phải có những tâm hồn đồng điệu mới giữ được mối tình hàng nửa thế kỷ chưa phai. Phải có tâm hồn cao cả mới biết yêu và nén hờn ghen, chia sẻ nhau nỗi đau và an ủi cả người tình địch của mình như chị Kim Cúc đã làm."

Nghệ sĩ Năm Châu mãn phần ngày 21 tháng 4 năm 1978, thọ 72 tuổi. An táng tại nghĩa trang nghệ sĩ ở Gò Vấp.

Sau đó vài năm, các con của Năm Châu bốc mộ phần, cải táng tại xã Phú Kiết, tỉnh Tiền Giang.

Soạn giả Năm Châu đã để lại cho sân khấu cải lương những tác phẩm để đời rất có giá trị về mặt văn chương nghệ thuật như *Sân khấu về khuya, Ngao, Sò, Ốc, Hến…*

Tuồng *Sân khấu về khuya*

https://www.youtube.com/watch?v=Uug_gKX2r3U

Trần Hữu Trang

Tư Trang - Trần Hữu Trang (1906-1966)

Soạn giả Trần Hữu Trang SN 1906 tại xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho, nay thuộc tỉnh Tiền Giang. Sinh trong một gia đình nông dân. Đây cũng là quê hương của bao nghệ sĩ cải lương có tên tuổi như Hai Giỏi, Năm Châu, Bảy Nhiêu, Phùng Há, Năm Phỉ, Tư Chơi, Tư Anh, Hai Thông…Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình trung nông sa sút. Đời ông nội còn có căn nhà vào loại khá. Đến đời cha đã phải đi làm thuê. Bản thân ông đã phải làm thợ hớt tóc.

Sống ở Mỹ Tho, chiếc nôi của hoạt động văn hóa, nghệ thuật lúc bấy giờ, ông đã sớm bộc lộ một tinh thần yêu nước. Trong giai đoạn 1926-1928, ông "tham gia phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, dự các buổi diễn thuyết của Phan Châu Trinh" [5; tr.1788]. "Ông đã liên hệ với phong trào cộng sản ngay từ hồi 1930 – 1931" [3; tr.460]. Có lần, một chiến sĩ cách mạng bị mật thám bám riết, phải chạy vào hiệu hớt tóc của Trần Hữu Trang. Ông đã che giấu và còn tặng 20 đồng làm lộ phí [Theo 4; tr. 15]. Trong thời gian Trần Hữu Trang gắn bó với gánh hát Phụng Hảo của nghệ sĩ Phùng Há, chiến sĩ cộng sản Nguyễn Chí Diểu đã từng đến gặp ông để trao đổi về khuynh hướng sáng tác "tả thực xã hội" [Theo 4; tr. 22]. Một khuynh hướng sáng tác mà thời bấy giờ viết bất cứ vở cải lương ông đều tuân theo.

Ngay từ nhỏ ông đã say mê đàn hát. Lúc đầu ông đi theo các gánh hát làm thư kí chép vở, sau đó được Mười Giảng (tức Đặng Công Danh) hướng dẫn dạy dỗ.

Kịch bản đầu tay *Lửa đỏ lòng son* của ông sáng tác vào năm 1928, tiếp theo đó là vở *Tâm hồn nghệ sĩ.* Những sáng tác này tuy còn nhiều hạn chế nhưng đã có sự mới mẻ về hình thức lẫn nội dung, đặc biệt đã đưa cuộc sống đương thời vào trong sân khấu cải lương, làm cho sân khấu cải lương đậm chất tả thực xã hội. Những năm 1930, ông cho ra đời hàng loạt sáng tác: *Tô Ánh Nguyệt* năm 1934, *Lan và Điệp* năm 1936, *Đời cô Lựu* năm 1937. Ông cộng tác với các gánh hát Trần Đắc, Năm Phỉ, Phụng Hảo, Năm Châu.

Thời kỳ thập niên 1930, tài năng nghệ thuật của ông đã đạt được nhiều thành tựu, đã làm cho tên tuổi của ông trở nên nổi tiếng. Những năm sau ông cộng tác với các gánh hát Trần Đắc, Năm Phỉ, Phụng Hảo, Năm Châu. Những sáng tác sau đó gây tiếng vang như *Tìm hạnh phúc, Mộng hoa vương, Chị chồng tôi, Tình lụy*, *Khi người điên biết yêu* viết chung với Năm Châu, Lê Hoài Nở, đã tạo nhiều dấu ấn.

Những sáng tác của ông không chỉ thành công ăn khách mà còn là những sáng tác xuất sắc của sân khấu cải lương trước Cách mạng. Những sáng tác ấy xoáy sâu vào hiện thực xã hội, đã phơi bày số phận những người dân bất hạnh hay đề cập đến những bi kịch của tình yêu và hôn nhân trong hoàn cảnh xã hội đương thời. Các vở diễn của Trần Hữu Trang gợi lên giá trị tố cáo, vạch trần những tệ nạn và sự thối nát của xã hội, là khát vọng giải phóng con người thoát khỏi mọi dây trói của lễ giáo, hủ tục. Với gần 30 kịch bản mang nội dung tư tưởng tiến bộ và giá trị nhân văn sâu sắc, Trần Hữu Trang là một trong những soạn giả lớn của nghệ thuật cải lương Nam Bộ.

Ở Trần Hữu Trang ngoài tình yêu dành cho nghệ thuật truyền thống của dân tộc, ông còn là một cán bộ tham gia kháng chiến

chống Pháp từ những ngày đầu khởi nghĩa. Ông đã có lúc tạm rời sân khấu để trực tiếp tham gia kháng chiến cứu nước trong cương vị Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến xã Phú Kiết quê hương. Năm 1947, ông vào Sài Gòn làm công tác vận động văn nghệ sĩ, trí thức trong vỏ bọc của một nghệ sĩ Đoàn cải lương "Con tằm".

Phục vụ sân khấu cải lương, Tư Trang là một trong những người sáng lập Hội Nghệ sĩ Ái hữu và hoạt động trong Ban chấp hành. Sau Cách mạng tháng 8, do hoàn cảnh công việc nên ông không sáng tác nhiều. Năm 1946, ông cho ra vở *Hậu chiến trường*. Đến 1960, phong trào Đồng khởi nổi lên, ông vào khu và giữ chức chủ tịch Hội Văn nghệ Giải phóng. Hai mươi năm sau năm 1966, ông mới bắt tay viết kịch bản mới về người chiến sĩ cách mạng Nguyễn Văn Trỗi. Thế nhưng kịch bản đã không thể hoàn thành được. Năm 1966, lần đầu tiên máy bay B52 oanh kích vào Trung ương Cục miền Nam ở biên giới Việt Miên, Trần Hữu Trang thiệt mạng trong trận bom này, ông lìa đời vào ngày 20-11-1966, thọ 60 tuổi .

Trần Hữu Trang đã được Nhà nước truy tặng Huân chương Thành đồng. Trong đợt 1 (1996) ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. Tên ông còn được đặt tên cho một con đường, một ngôi trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ông còn được đặt cho tên Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang và giải thưởng Trần Hữu Trang, một giải thưởng lớn mà nhiều nghệ sĩ ước ao.

Những tác phẩm tiêu biểu của ông:

- *Tô Ánh Nguyệt* (1934)
- *Lan và Điệp* (1936)
- *Đời cô Lựu* (1937)
- *Tìm hạnh phúc*
- *Mộng hoa vương*
- *Chị chồng tôi*

- *Tình lụy*
- *Khi người điên biết yêu* (cùng với Năm Châu, Lê Hoài Nở)
- *Hậu chiến trường* (1946)

Với gần 30 vở cải lương Trần Hữu Trang đã miêu tả cái hiện thực xã hội mà ông sống cùng thời. Ông xoáy sâu trực diện vào hiện thực xã hội đó. Những sáng tác này đã phơi bày số phận những người dân bất hạnh hay đề cập đến những bi kịch của tình yêu và hôn nhân trong hoàn cảnh xã hội đương thời. Các vở diễn của ông có giá trị tố cáo, vạch trần những tệ nạn và sự thối nát của xã hội. Và các vở cải lương đó cũng là tiếng nói của khát vọng giải phóng con người. Chúng ta hiểu vì sao mà những vở diễn của ông, lại được đón nhận nồng nhiệt lúc đương thời và lưu lại cho đến ngày nay.

Đời Cô Lựu

https://www.youtube.com/watch?v=eDlryT84zx8&list=PLKW-JRq6XcxXY4Jq0P1ZjOUYjfmW93mvl&index=5

Huỳnh Thủ Trung

Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung (1907-1964)

Nghệ sĩ Tư Chơi sinh năm 1907 tại Bến Tre. Tư Chơi giỏi chữ Nho, biết tiếng Anh và làm thơ rất hay. Ông cũng là một nhạc sĩ tài danh, chuyên đờn đoản. Bài vọng cổ *Tiếng nhạn kêu sương* nhịp tư của nghệ sĩ Tư Chơi mở đầu cho bản *Dạ cổ hoài lang* của ông Sáu Lầu phát triển dần lên nhịp 8, nhịp 16, 32, 64..

Đây là bài vọng cổ nhịp tư, rút trong tuồng *Khúc Oan Vô Lượng* của soạn giả Huỳnh Thủ Trung tự Tư Chơi, do cô Phùng Há ca. Cô Phùng Há thủ vai Bích Vân than thở với con gái về việc chồng là Lê Gia Khanh do Năm Châu thủ diễn, bị hàm oan vì tội sát nhân và bị đày ra Côn Đảo. Tuồng *Khúc Oan Vô Lượng* hát trên sân khấu Huỳnh Kỳ, sau đó dược tái diễn trên sân khấu Trần Đắc.

Đêm nào ngọn đèn khuya, mẹ đây chong trắng dĩa.

Chàng ôi, nếu có gặp nhau họa chỉ trong giấc mộng huỳnh lương.

Trời đất ôi! Vợ chồng tôi đang vui câu đầm ấm nơi cảnh gia đường,

Vì ai gieo oan mà để cho thiếp phải cam dồn dập nơi khốn cảnh đoạn trường.

Hơn bốn năm trường tựa nơi cánh cửa thiếp trông chờ.

Đã biết rằng tuyệt vô hy vọng mà lòng mong thiếp những hoài mong.

Con ôi! Có lẽ khi cha con bây giờ, vì nỗi cách xa vợ con, lìa nơi cố quán,

Nên đã tóc rối với da chì, chịu hàm sầu nơi hải đảo, mòn mỏi mình ve.

Lại còn lúc đêm khuya, mẹ vẳng nghe tiếng con hàn quyên kêu lẻ bạn,

Mẹ đây ngơ ngẩn tâm hồn, mẹ mở cửa trông ra kìa là muôn dặm trùng dương.

Mờ mịt xa trông phù vân bích thủy, gió đưa cơn sóng dợn muôn đường.

Cái cánh buồm ai xa xa, khi ẩn khi hiện trên mặt bể, mẹ tưởng khi cha con về, nhưng nào đâu phải cha con về!

Năm 1926, Phùng Há cùng các nghệ sĩ Năm Châu và Tư Chơi, Ba Du gia nhập gánh hát Tái Đồng Ban của ông Hai Cu. Tư Chơi là nhạc sĩ chơi đàn đoản, tập cho Phùng Há ca hát rồi hai người đi đến hôn nhân. Nghệ sĩ Tư Chơi là người chồng đầu tiên của Phùng Há.

Chỉ sau hai năm sống chung, cuộc hôn nhân giữa nghệ sĩ Tư Chơi và ngôi sao Phùng Há tan rã. Tư Chơi rời gánh hát Tái Đồng Ban, bà Phùng Há về thăm quê nội Trung Hoa, gửi con gái là Bửu Trân (1926 - 1959) cho người em ruột dưỡng nuôi.

Ông mất vợ, xa con và con gái của ông cũng không mang họ của ông, lấy họ Lý của dưỡng phụ, vết thương lòng của ông sau khi chia tay với Phùng Há lớn hơn nhiều người nghĩ.

Sau này khi lấy được nghệ sĩ Kim Thoa - một nghệ sĩ hát hay, xinh đẹp và tài danh, ông Tư Chơi không nguôi nhớ đến bà Phùng Há, thậm chí trong lúc ngủ và những lúc riêng tư vợ chồng, ông còn gọi tên bà.

Tư Chơi – Kim Thoa và con trai, ảnh chụp năm 1939

Điều đó không khỏi gieo nỗi niềm cho bà Kim Thoa và góp phần dẫn đến sự chia tay dù hai người đã sống cùng nhau nhiều năm. Họ có một con trai là Huỳnh Thủ Hiếu.

Vì còn nặng tình với nghệ sĩ Phùng Há, sau khi chia tay và trở thành chồng của nghệ sĩ Kim Thoa, soạn giả Tư Chơi vừa viết nhiều vở tuồng "hương xa" cho đoàn Phụng Hảo của Phùng Há, vừa viết tuồng xã hội cho đoàn Kim Thoa của vợ mình.

Soạn giả Tư Chơi sáng tác nhiều tuồng xã hội như *Khúc oan vô lượng, Lỡ tay trót đã nhúng chàm, Tiếng nhạn kêu sương, Tôi xin chừa, Hai mặt còn trơ, Ai là bạn chung tình, Em muốn tự do*... Các tuồng này đã làm mưa làm gió trên các sân khấu Huỳnh Kỳ, Trần Đắc từ Nam chí Bắc, với những ngôi sao sân khấu Phùng Há, Năm Châu, Tư Út, Kim Thoa, Kim Hui, Tư Thạch...

Soạn giả Tư Chơi cũng là người đầu tiên đưa nhạc Tây vào sân khấu cải lương. Thời đó các bản nhạc tình của Pháp rất thịnh hành ở Sài Gòn, Hà Nội và các thành phố lớn ở Việt Nam như bài *J'ai deux amours, Marinella, Ma Tikiki Ma Tonkinoise, Tant qu'il y aura des étoiles*... do nam ca sĩ Tino Rossi và nữ ca sĩ Joséphine Baker ca.

Ông viết lời Việt nhạc Tây cho diễn viên ca trong tuồng của ông. Không chỉ dùng nhạc Tây, ông còn sáng tác nhiều bài tân nhạc cho tuồng cải lương ông soạn.

Đoàn cải lương Kim Thoa là gánh hát đại ban ăn khách nhất từ Saigon đến HàNội và tất cả các tỉnh thành trong toàn quốc. Gánh hát Kim Thoa cũng gặt hái thành công rực rở khi đi lưu diễn ở Nam Vang, ở Lao…Ông Bầu kiêm soạn giả Tư Chơi giàu quá sức giàu, có villa, nhà lầu, có cả tàu kéo, ghe chài, xe hơi và phố cho mướn, nhưng ông lại là một người vừa nghiện rượu vừa mê gái nên ông bị vợ nhà bỏ. Ông bèn bán hết ghe chài, tàu kéo, villa, phố xá, gởi hết số tiền bán gia sản đó cho các nhà hàng, quán rượu và đến đó uống rượu say mèm hằng ngày, say như một cái hủ chìm, uống rượu để trừ dần cho hết số bạc đã ký gởi.

Dần dà, ông chìm vào men rượu, hủy diệt cuộc đời. Hãy đọc một đoạn văn của Bửu Trân viết về cha mình, Huỳnh Thủ Trung được ký giả Trần Tấn Quốc cho đăng báo *Tiếng Dội Kịch Trường* năm 1960, nhân kỷ niệm một năm sau khi cô Bửu Trân mất vì bị bịnh ung thư máu tại nhà thương Grall. Chính cô Phùng Há đưa trang nhựt ký này nhờ Trần Tấn Quốc đăng, để kỷ niệm cô con gái thân thương và cũng để minh định lòng hiếu thảo của cô Bửu Trân đối với cha mình:

"Cha mình, nghệ sĩ Huỳnh Thủ Trung (nghệ danh Tư Chơi) là người chồng trước nhứt của má (Phùng Há), một nhạc sĩ điêu luyện mà người ta thường nói là tiếng đờn đoản như tiếng chim hót. Cha mình cũng là một tác giả lừng danh. Ngay như lần đầu tiên khi mình ở Hạc San về, mình gặp lại Cha ở sau rạp Nguyễn Văn Hảo thì má của mình đang diễn tuồng của Cha mình sáng tác. Cha mình là một con người tài hoa, Nho học cũng thông, tiếng Tây, tiếng Anh cũng giỏi. Những vở tuồng Cha dịch ra từ tiếng Pháp, tiếng Hoa, cho mãi tới bây giờ người ta vẫn đem ra trình diễn. Cha là nhà cách tân sân khấu. Những hình thức mới lạ của sân khấu Đông Tây cũng đều được Cha đưa ra thực hiện trên sân khấu cải lương. Nhưng Cha thất chí vì cái gì mình không biết mà trở thành con sâu rượu, sống bê tha, không cần biết tới ai nữa mà cũng chẳng cần ai biết tới mình. Nghĩ tới tình cảnh của Cha, mình buồn quá nhưng không biết làm sao cho Cha mình đừng buồn nữa…"

Rồi nhiều điều nảy sinh trong cuộc sống chung làm rạn nứt mối quan hệ giữa ông và nghệ sĩ Kim Thoa, dẫn đến cuộc chia tay khoảng thời gian trước năm 1954. Đến năm 1959, con gái Bửu Trân mất khiến ông suy sụp hẳn.

Theo như soạn giả Nguyễn Phương kể về Tư Chơi:

Tết năm 1954, gánh hát Thanh Minh hát tại rạp Nguyễn Văn Hảo. Ông Bầu Ngjĩa tổ chức cho múa lân sau rạp hát và lân đi vòng quanh rạp từ đường Galliéni (tức đường Hưng Đạo)

vòng ngang vũ trường Tour D' Ivoire rồi theo đường Bùi Viện vòng ra trước rạp. Tôi cũng theo đoàn múa lân vui với các bạn. Tới gần nhà của ông chủ hãng dĩa Tứ Hải, tôi thấy có một người say rượu, lảo đảo bước đi. Người đó đi đến gần tôi, vổ vai tôi hỏi : *"Chú em! Chú em có nhớ tôi không?"*

Tôi vội trả lời: "*Em nhớ anh Tư chớ...Anh là bậc thầy của sân khấu, là ngôi sao sân khấu, nghệ sĩ tụi em làm sao mà không nhớ, không biết anh chứ!"*

– Thôi! Bỏ đi… Tao hỏi có một câu, mầy nổ một hơi như tụi nó đốt pháo kia kìa… Đi… Đi nhậu với anh Tư mầy…".

Tôi nói: "*Anh là ngôi sao sân khấu, dù có lúc bị mây che mờ, nhưng ngôi sao vẫn là ngôi sao. Tài năng của anh vẫn có thể dành lại cho anh một vị trí xứng đáng trên vòm trời nghệ thuật."*

Anh Tư Chơi lắc đầu: *"Những nghệ sĩ khác… những ngôi sao kia dù có xa rời sân khấu nhưng vẫn còn hình dánh của những vì sao. Còn tôi bây giờ là một cái khối nát vụn chẳng còn hình thù gì rõ rệt của một vì sao. Thôi, dẹp cái chuyện buồn đó đi. Chú có thương tui thì uống với tui đêm nay."*

Đêm đó, anh Tư làm một ly, tôi lỳ một lam, cứ chén thù chén tạc như vậy cho tới khuya. Con lân Thanh Minh đã dẹp trống, dẹp đồng lố, bọn họ đi ngủ hay đi ăn nhậu ở đâu đó rồi. Dàn đèn rọi chiếu phía sau rạp hát cũng đã tắt, trả lại cái bóng tối cố hữu của cái hẻm của tiên ông và tiên cô, chỉ còn một già một trẻ say ngất ngưởng bên chiếc bàn thấp lè tè của cái quán cóc bên vệ đường.

Vợ tôi thấy khuya quá mà tôi chưa về nhà, bèn ra rạp kiếm, thấy tôi nằm gục bên bàn rượu với anh Tư Chơi. Cô bán rượu cũng đi về đâu mất rồi, vợ tôi bèn kêu xe cyclo chở tôi về nhà

và kêu mấy anh dàn cảnh khiêng anh Tư Chơi vô rạp để cho anh ngủ dưới hầm sân khấu.

Thật là một cái Tết quá vui vì đó là cái Tết của năm hòa bình đầu tiên và cũng là một cái Tết quá thắm thía cho tôi khi tôi nghĩ về Tư Chơi, một người không biết sẽ đi về ngỏ rẽ nào của cuộc đời. Sau cái Tết đó, không ai biết anh Tư Chơi đi đâu, ở đâu.

Soạn giả Tư Chơi mất ngày 06 tháng 07 năm 1964, an táng tại nghĩa trang nghệ sĩ, do Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ an táng và lập mộ.

Từng có một thời lừng lẫy, là một vì sao sáng chói nhất trên bầu trời nghệ thuật sân khấu cải lương các thập niên 1930, 1940, 1950, song nghệ sĩ Tư Chơi thỉnh thoảng được nhắc đến, chỉ vì ông là người chồng đầu tiên của nghệ sĩ tài danh Phùng Há trên sân khấu Cải lương.

Lê Hoài Nở

Năm Nở - Lê Hoài Nở (1909-2000)

Soạn giả Năm Nở tên thật là Lê Hoài Nở, sinh năm 1909, làng Tân Hưng, huyện Lại Vung, tỉnh Sadec. Thân phụ là Cai tổng Hoài, địa chủ, có mấy chục mẫu ruộng, vườn cam, quít và trại nuôi vịt bầy, vịt hãng, nên khi ông thi đậu bằng Tiểu Học (CEPCI) ở tỉnh Sadec, được cha ông cho lên Sàigòn học. Ông thi rớt bằng Thành Chung, về quê nhà, làm thầy giáo trong làng năm 1930.

Là công tử vườn, thầy giáo Năm Nở ngoài giờ dạy học, chơi đá banh, đá gà, đá cá và đờn ca tài tử. Ông sử dụng thành thạo đờn kìm, đờn cò. Tiếng đàn và giọng ca của ông mượt mà, sâu lắng, làm rung động biết bao con tim của các cô thôn nữ ở những nơi mà Ban đờn ca tài tử của ông đến diễn.

Ông Cai Tổng Hoài thất cử Hội đồng nhiều lần, thất chí, sanh bịnh rồi mất. Lúc đó ông mới biết cha ông vay nợ Chà Chetty, vung tiền mua phiếu tranh cử. Thất cử, tự ái, vay nợ tiếp để khóa sau tái tranh cử. Nợ Chà nặng lãi, tiền lời trả không nổi, chồng lên thành nợ mới, cứ vậy, nhiều năm sau, không trả nổi nên Chà Chetty kiện ra Tòa, tịch thu ruộng vườn và trại vịt.

Năm 1938. Lê Hoài Nở rời quê, lên Saigòn, gia nhập gánh hát Nam Hưng của ông bầu kiêm vua cờ bạc Sáu Ngọ. Nhờ biết đờn ca và có học thức, anh Năm Nở nhanh chóng trở thành kép chánh.

Năm 1940, Năm Nở hợp tác với Năm Châu và Tám Bang, chủ nhà hàng Bồng Lai – Saigon, lập gánh hát cải lương Năm Châu. Dịp này, Năm Nở dựng trên sân khấu Năm Châu nhiều tuồng của ông sáng tác *Những Kẻ Vứt đi!, Thử yêu chồng, Hội Yêu Chồng, Vó Ngựa Truy Phong, Khi Người Điên Biết Yêu.* Soạn giả Năm Nở nổi danh là người chuyên sáng tác tuồng cải lương xã hội trào phúng.

Năm 1948, Năm Nở và các nghệ sĩ tiền phong thành lập Hội Nghệ Sĩ Ái hữu Tương Tế, ông được bầu vô Ban Chấp Hành.

Cũng trong năm 1948, ông lập gánh hát cải lương Sống Mới, có các diễn viên cải lương Sáu Nết, Sáu Ngọc Sương, Duy Lân, Duy Chức, Ba Thâu. Ông viết 6 kịch bản cho đoàn Sống Mới: *Anh Chị Ăn Mày, Nỗi Lòng Chị bếp, Hăm Ba Đưa Ông Táo Về Trời, Ông Huyện Hàm…Hàm, Thử Làm Vợ Bé, Sở Chữa Lửa Đụng Hãng Xăng Dầu.*

Đoàn hát Sống Mới lưu diễn, nhà chức trách tỉnh cấm hát vì cho là tuồng hát *Ông Huyện Hàm ...Hàm, Cưới Vợ Bé Ăn Tết*... châm biếm các quan chức. Vì cứ bị cấm hát, đoàn hát thất thu, rã gánh.

Năm 1954, soạn giả Năm Nở về ở xóm Bàn Cờ, rồi đình Phú Thanh, mở quán nhậu với bảng hiệu Năm Nở Nhậu Chơi.

Năm 1962, các nghệ sĩ Năm Nở, Năm Châu, Duy Lân, Hoàng Trọng Miên, Phùng Há, Ngọc Ánh, nhạc sĩ Hai Khuê, Nguyễn Hữu Ba được mời làm Giáo sư Trường Quốc Gia Âm Nhạc & Kịch Nghệ Saigon do ông Nguyễn Phụng làm Giám Đốc. Học trò tốt nghiệp khóa đầu tiên, soạn giả Năm Nở đã góp phần đào tạo có: Tuyết Sĩ hiện ở Santa Ana, Mai Thành diễn viên kiêm giáo viên kịch nghệ trường Đại Học Sân Khấu Điện Ảnh Sàigòn, cô Phương Ánh, Hương Xuân, Đỗ Quyên, đào chánh các Đoàn Thanh Minh Thanh Nga, Dạ Lý Hương, Thủ Đô.

Năm 1967, con trai của ông du học ở Pháp, xin cho cha mẹ sang Pháp trị bịnh. Chiến cuộc Việt Nam ngày càng lan rộng, ông bà Năm Nở kéo dài thời gian trị bịnh ở Pháp. Để giải quyết vấn đề sinh sống, Năm Nở mở nhà hàng ở khu Montmartre, Restaurant Sào Nam. Sào Nam lấy ý từ "Chim Việt Cành Nam".

Năm 1976, vợ chồng Năm Nở về Việt Nam thăm nhà rồi ở lại luôn. Lê Hoài Nở không ngờ gặp rắc rối với nhà cầm quyền đương thời. Họ bảo ông là Việt Kiều, là dân của nước Pháp nên khi quá thời hạn lưu trú ở Việt Nam thì họ trục xuất về Pháp.

Năm Nở làm đơn khiếu nại, nói lúc ông rời Việt Nam là với lý do đi trị bịnh, ông không hề xin "Di Dân", không phải "Vượt Biên", không vô Quốc Tịch Pháp, chưa từ bỏ Quốc Tịch Việt Nam và cũng không có án tiết gì để bị truất quốc tịch Việt Nam, vậy tại sao ông không được ở Việt Nam? Ở Pháp, ông cũng chưa hề được công nhận là công dân của nước Pháp. Giấy thông hành do chánh phủ Cộng Hòa cấp năm 1974 vẫn còn hiệu lực. Tuy nhiên, Năm Nở quên cái "thủ tục đầu tiên" - Tiền đâu?, nên đơn khiếu nại của ông không được cứu xét.

Trước nhứt, ông không có hộ khẩu ở Sàigòn hay bất cứ ở tỉnh, huyện nào của Việt Nam, thứ hai là ông không có quyền làm chủ căn nhà cũ của mình, ông không có thẻ căn cước do chánh quyền mới cấp, vậy nên ông ta không có quyền công dân. Dân Việt Nam "chánh cống" mà sống trên đất nước Việt Nam lại phải sống như một người ở "lậu", đó là một chuyện nghịch lý khó tin!

Soạn giả Lê Hoài Nở chuyên viết tuồng cải lương trào phúng, đưa ra những chuyện nghịch lý ở đời để cười chơi, vậy mà khi chính cuộc đời của ông gặp chuyện nghịch lý, ông "cười" không nổi! Ông định chấm dứt câu chuyện "Thủ Tục Giấy Tờ" nghịch lý đó bằng cách tự vận chết đi cho rồi, nhưng các bạn Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu hay được, vận động cho hai ông bà được ở lại Sài gòn, nhưng không có hộ khẩu.

Ở lại Việt Nam, từ năm 1976 đến ngày mất, 25 tháng 5 năm 2000, qua 24 năm dài đăng đẳng, soạn giả tài danh Lê Hoài Nở không sáng tác được một tác phẩm nào, Sở VHTT không cho ông quyền tự do sáng tác, không thấy ông xuất hiện ở những nơi như rạp hát, Hội Sân Khấu, Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu Tương Tế. Lê Hoài Nở tâm sự:

"Không hộ khẩu, lo chạy mua gạo, mua nhu yếu phẩm, hầu hạ, chầu chực ở các hợp tác xã, mất không biết bao nhiêu là thời giờ, lại còn bị đuổi nhà, nhà bị giải tỏa, ở không yên, sống chật

vật, làm sao mà có tâm trí nào để sáng tác tuồng tích? Viết gì đây? Dám phê phán ai, dám cười cợt ai? Viết rồi tuồng cũng không kiểm duyệt được, không có đoàn nào dám hát, vậy thì viết sao được mà viết? Bẻ cong ngòi bút, tôi không làm được. Viết theo mệnh lệnh, tôi cũng không làm được. Có một chuyện tôi làm được: "đó là làm thinh!".

Ông quyết tâm trở về quê hương sau khi chiến tranh chấm dứt, lúc mới về thì mang nhiều hoài bão, nhưng càng ở lâu thì càng thắm thía, ngậm đắng nuốt cay, im hơi lặng tiếng cho tới ngày chết. Đó là cái kết quả mà ông phải nhận lấy khi quyết định trở về Việt Nam sau năm 1975.

Soạn giả Lê Hoài Nở mất ngày 25 tháng 5 năm 2000, tức 24 tháng 4 âm lịch Canh Thìn, tại nhà ở bờ sông Nhiêu Lộc, tên cũ là sông Thị Nghè Saigon, thượng hưởng 92 tuổi.

Mộng Vân

Mộng Vân - Trần Tấn Trung (1910-1950)

Soạn giả Mộng Vân tên thật là Phan Long Trung, sau đổi lại Trần Tấn Trung, lấy bút hiệu là Mộng Vân – cái tên thơ mộng này được ông dùng làm nghệ danh trong cả cuộc đời. Lúc sinh

thời Mộng Vân vốn là một nhà báo, một nhạc sĩ, cũng vừa là một soạn giả; mỗi lãnh vực ông đều nổi bật với nhiều ưu điểm lớn; tiếng tăm của ông vang dội khắp nơi, tác phẩm nghệ thuật của ông một thời được ái mộ nhất. Thế mà từ trước nay tài liệu nói về cuộc đời của ông rất hiếm hòi, ít ai biết nhiều về người nghệ sĩ tài hòa này, cả đến thân nhân và đệ tử của ông mỗi người cũng chỉ biết được một vài phương diện.

Theo lời vợ của ông là bà Phạm Ngọc Dung thì ông sinh năm Canh Tuất 1910, tại làng Vĩnh Lợi tổng Thạnh Hòa tỉnh Bạc Liêu, nơi sinh của ông hiện nay thuộc khu vực Trà Văn thị xã Bạc Liêu, thuở nhỏ ông học chữ Nho với ông Cả Tòng và có đến trường để học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, nhờ trời phú cho trí thông minh nên ông học rất giỏi. Nhưng ông là người có chí khí hơn người, nên sau khi rời khỏi ghế nhà trường ông không làm việc cho Pháp.

Ông sớm có ý thức về cách mạng, nhất là cách mạng văn hóa, nên khi được Trần Đình Tuệ mời ông cộng tác cho tờ báo La Cloche Fêlée (Cái chuông rè), ông thấy đây là phương tiện rất tốt để thực hành ý định của mình, nên đã viết một số bài báo để phản ảnh tình hình xã hội lúc bấy giờ, trong những bài viết ông luôn gói ghém ý nghĩa cải tạo xã hội và canh tân đất nước. Lúc đó ông chưa chính thức gia nhập tổ chức cách mạng nào, nhưng vẫn thường xuyên qua lại và trao đổi ý kiến với nhà cách mạng Nguyễn An Ninh nên bị mật thám Pháp theo dõi. Đến đầu năm 1928 ông mới chính thức tham gia Hội Kín - một tổ chức chống Pháp của Nguyễn An Ninh, nhưng đến cuối năm đó, trong một đêm họp mặt với Nguyễn An Ninh và nhiều chiến sĩ cách mạng khác, do tin tức bị lộ nên bị địch vây bắt; Nguyễn An Ninh và một số đồng chí bị tống giam còn ông và Trần Đình Tuệ trốn thoát, nhưng sau đó lại phải bỏ xứ sang Nam Vang để lánh mặt; cũng trong thời gian này ông phải sửa tên họ từ Phan Long Trung thành Trần Tấn Trung để tránh sự truy tầm của Pháp.

Trong thời thơ ấu khi còn là học sinh, Mộng Vân đã để ý đến cổ nhạc, lại may mắn được học nhạc với một bậc danh sư là Nhạc Khị nên tiến bộ rất nhanh; như trên đã nói ông vốn là cậu bé thông minh nên học chữ cũng mau mà học nhạc cũng giỏi, chỉ trong vài năm là Mộng Vân đã nắm bắt được gần như trọn vẹn sở đắc của thầy. Nhưng sau đó vì phải bận rộn trong nhiều công việc nên chưa phát huy cái khả năng về cổ nhạc. Mãi đến khi trốn chạy lên Nam Vang ông mới có thì giờ nghiên cứu lại mọi vấn đề về cổ nhạc mà ông đã học được.

Mặc dù Mộng Vân đờn rất giỏi, nhưng ông không chỉ siêng năng luyện tiếng đờn mà còn chú ý về mặt sáng tác. Một số đồng môn huynh đệ của Mộng Vân từng nói ông đã chịu ảnh hưởng về tư tưởng và việc làm của Trịnh Thiên Tư; điều này có lẽ đúng, vì các sáng tác phẩm của ông đa số đều mượn "*cổ*" nói "*kim*", đa số đều có ý nghĩa canh tân trong đó.

Năm 1932, Mộng Vân đã viết xong một kịch bản lớn – đây là vở cải lương đầu tay của ông mang tên *Quan Công hiển thánh*, vở này đề cao tình bè bạn, lòng trung nghĩa và tính ngay thẳng của con người. Sau khi viết xong kịch bản, Mộng Vân trở về An Giang nhờ người mang tập bản thảo xuống Bạc Liêu trao cho soạn giả Trịnh Thiên Tư nhờ góp ý. Trịnh Thiên Tư sau khi xem xong nhận thấy nội dung của kịch bản rất hay, tình tiết nhân vật rất hấp dẫn thật phù hợp với hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ, nên đã giới thiệu với ông Đốc Tùng. Lúc này ông Đốc Tùng đang quy tụ đào kép để lập đoàn Thái Dương may lại được một vở tuồng hay như thế nên ông đã chọn để khai trương cho đoàn hát của ông.

Trong đêm khai trương mặc dù là tuồng tích mới, diễn viên cũng mới, không sao tránh được những bỡ ngỡ lúc đầu nhưng với phục trang sặc sỡ, cảnh trí huy hoàng và giọng ca thật mùi của dàn đào kép Hai Nhuận, Chín Quy, Tư Luông, Năm Út, Ba Chương, tức Ba Vàm Lẻo, Năm Đặng… nên được khán giả ái mộ và hoan nghênh nhiệt liệt; các nhạc sĩ nổi tiếng vào bậc

nhất ở Bạc Liêu Lúc bấy giờ như: Sáu Lầu, Ba Chột, Hai Tài, Bảy Cuội, Bảy Giáo, Mười Đờn đều có mặt trong ban nhạc của vở diễn, khiến cho đêm khai trương càng thêm long trọng .

Năm 1933, ở Bạc Liêu lại xuất hiện một đoàn hát mới đó là đoàn Huỳnh Vân của Ký Huỳnh và Tám Tắc Vân; soạn giả Mộng Vân đã viết vở *Nghĩa nhẹ hơn tình* cho đoàn này khai trương, cũng được sự ủng hộ rất nhiệt tình của khán giả.

Trong ba năm từ 1934 đến 1936, ông đã viết tiếp các vở *Gương Quốc Sĩ, Tráng sĩ Kinh Kha, Lưỡng Lonng đại hiệp, Hồng châu hiệp nữ* cho các đoàn Tân Hí và Hề Lập. Mỗi vở trong bốn vở này đều có cái hay riêng, nhưng vở *Tráng sĩ Kinh Kha* được mọi người chú ý, kể như là vở tuồng ăn khách lúc bấy giờ; riêng hai vở *Lưỡng Long đại hiệp* và *Hồng châu hiệp nữ,* còn có tên *Gìn nhiệm vụ* đã làm cho Bảy Cao nổi tiếng.

Tư năm 1937 đến năm 1939, Mộng Vân đã biên soạn một loạt các vở: *Huyết chiếu hận thù, Cõi lòng tan nát, Lửa lòng thiếu phụ, Hồng Long quái khách I, Hồng Long quái khách II , Hồng Long quái khách III , Hiệp khách xa trường, Lữ Thành Đồng, Độc Long lão hiệp, Mộ cô Hồng* còn có tên *Hiếu nặng hơn tình* và *Tình trong suối lệ), Thuyền về, Đảng Chiếc lá vàng I, Đảng Chiếc lá vàng II, Đêm kinh khủng, Trường xích đạo I, Trường xích đạo II, Trường xích đạo III, Tướng cướp Tuyệt Long Sơn* vở này trước đó đã có hai tên: *Tráng sĩ Kích* và *Tráng si Mách, Người ba mặt* và *Hiệp Vân Long*. Riêng ba thứ *Hồng long quái khách* thường được khán giả gọi nôm na là *Con rồng đỏ* nhưng sau đó lại đổi tên là *Long hình quái khách*; còn vở *Đảng chiếc lá vàng* sau đó cũng được sửa lại là *Chiếc lá vàng.*

Năm 1940, ông Trần Khâm Thành (Năm Thành) và vợ là bà Phạm Thị Điệp (Chín Điệp) lại lập đoàn Chấn Hưng ở Bạc Liêu, Mộng Vân đã đưa vở *Trong khói lửa* cho đoàn này khai trương. Từ đó đến năm 1943, ông tiếp tục biên soạn rất nhiều vở cho nhiều đoàn hát khác như: *Bích Liên vương nữ, Ái tình*

và nghĩa vụ, Trái tim không máu I, Trái tim không máu II, Người cha tội ác, Xâu chuỗi ngọc I, Xâu chuỗi ngọc II, Xâu chuỗi ngọc III ba vở này lúc đầu có tên la *Mặt nạ đỏ, Tuổi thanh niên trong hai quan niệm, Máu kẻ thù* còn có tên *Ông Ba đập đá, Giọt máu công nhân,* sau đổi lại *Bảo Nguyệt nương), Giọt máu sông Hằng* trước đó có tên là *Cành hoa trước gió,* sau đó được Nghệ sĩ Bảy Cao sửa lại chút ít và đổi tên là *Hoàng Hà đẫm máu, Bên kia thành, Mối tình tan vỡ* sau đổi là *Hoàng tử lưng gù.*

Năm 1944, Mộng Vân lập đoàn hát Mộng Vân, các nghệ sĩ nhờ kịch bản của ông mà nổi tiếng nên đã trở về gia nhập rất đông. Trong thời gian này Mộng Vân rất bận bịu, ông phải làm bầu, vừa làm soạn giả kiêm cả đạo diễn; ông đã viết các vở thật ăn khách cho đoàn của ông như : *Đêm tơ vương, Lửa thù, Tố nữ, Thử lửa, Triều Tiên vong quốc sử I, Triều Tiên vong quốc sử II, Sự chiến thắng của trái tim*. Cũng trong thời gian đó, nếu có đoàn hát nào yêu cầu về tuồng tích ông cũng sẵn sàng phục vụ; ví dụ như năm 1946, ông Tư Chức lập đoàn Oanh Vàng, Mộng Vân đã viết vở *714* cho ông Tư khai trương; tiếp theo là đoàn Tân Tiến ra đời, ông cũng viết luôn hai vở *Cành vàng trong lửa đỏ* và *Đội quân tình nguyện*; đến khi Tư Râu lập đoàn Sao Mai cũng sử dụng của ông hai vở *Chuỗi hận ngày xuân* va *Bác sĩ Thần Phương*; sau đó theo lời yêu cầu của ông Tư Long và cô Tư Len, Mộng Vân đã viết ba vở *Trên hoang đảo, Ái tình và huyết nhục, Đề Thám* cho đoàn Tân Xuân.

Trong thời gian đoàn Hậu Tấn Bảy Cao và Hậu Tấn Năm Nghĩa ra đời, Mộng Vân đã ủng hộ cho hai người đồng hương của mình bằng hai vở tuồng rất hấp dẫn: Bảy Cao với vở *Cô gái Quảng Trị* và Năm Nghĩa với vở *Ngũ Tử Tư quá quan*; sau đó ông còn viết thêm cho Năm Nghĩa các vở *Phạm Lãi Tây Thi, Đôi Bạch Loan I* và *Đôi Bạch Loan II*.

Trong khoảng cuối của cuộc đời, Mộng Vân vẫn còn đủ sức để biên soạn một loạt kịch bản rất đặc sắc cho các đoàn Nhạn

Trắng, Thanh Minh, Hoa Sen… đó là các vở *Ba ngọn đèn xanh, Lưỡi bén hơn gươm, Bên chiến lũy, Hội nghị nhị cường, Ngày về của thương binh* và vở cuối cùng là *Đất nước lâm nguy* đã viết xong vào đầu năm 1948. Năm đó cũng là thời điểm Mộng Vân lâm bệnh, bệnh của ông càng lúc càng nặng đến nỗi ông không thể sáng tác được nữa, tình trạng ấy kéo dài được hơn một năm thì ông từ giã cõi đời. Cái chết của ông kể như một mất mát lớn, không những cho giới cổ nhạc Bạc Liêu mà còn cho cả ngành Cải lương Việt Nam.

Trong cuộc Hội thảo khoa học về *Hiện tượng Mộng Vân* tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 03 năm 1991, nghệ sĩ Bảy Cao - Lê Văn Cao đã xác nhận Mộng Vân là người đầu tiên kéo dài bản *Dạ cổ hoài lang* từ nhịp 2 sang nhịp 4 mà điển hình là bài *Bá Lý Hề*, ông còn nói thêm : *"Lúc đó nghệ sĩ Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung cũng có sáng tác một bài nhan đề là "Ác lặn non đoài" cũng theo thể điệu này"*. Thực ra Mộng Vân không phải là người đầu tiên chuyển đổi bản *Dạ cổ hoài lang* từ nhịp 2 sang nhịp 4, nhưng đúng là người đầu tiên chuyển đổi bản *Vọng cổ nhịp 8* thành bản *Vọng cổ nhịp 16*; chính nhạc sĩ Trần Tấn Hưng đã xác nhận *"Sau khi bản Vọng cổ nhịp 8 của Năm Nghĩa ra đời tuy là một phát kiến lớn, nhưng Mộng Vân nói độ mùi chưa đủ nên sau đó ít lâu ông đã biên soạn nhạc bản Vọng cổ nhịp 16"*; nhạc sĩ Trần Tấn Hưng còn nhấn mạnh *"Chính tôi đã căn cứ vào bản này để chế tác ra bản Vọng cổ nhịp 32"*. Như vậy, tuy Mộng Vân không phải là người đầu tiên chuyển đổi bản *Dạ cổ hoài lang* nhịp 2 sang nhịp 4, nhưng chính là người đầu tiên chuyển đổi bản *Vọng cổ* nhịp 8 thành nhịp 16; ông đã trực tiếp góp công bồi đắp cho bản *Vọng cổ* càng ngày càng phòng phú hơn .

Soạn giả Mộng Vân mất năm 1950, Đoàn cải lương Mộng Vân của ông do bầu Ba Tẹt cùng vợ là đào chánh Kim Anh tiếp tục điều khiển đoàn hát Mộng Vân cho đến 1952 thì rã gánh. Kim Anh về hát cho đoàn Thanh Minh của Năm Nghĩa.

Soạn giả Mộng Vân thật đúng là con người vượt bậc, chỉ riêng về phần sáng tác của ông trong 16 năm cuối đời đã biên soạn 68 kịch bản, chưa kể một số kịch bản chưa ghi nhận được và sáng tác hơn 30 nhạc khúc - một thời gian ngắn như thế mà hoàn thành được số lượng tác phẩm nghệ thuật lớn lao và giá trị như thế, quả thật ở Việt Nam khó có người thứ hai. Có thể nói Mộng Vân đã cống hiến gần như trọn vẹn cuộc đời của mình để bồi đắp cho nền cổ nhạc Nam bộ và đã mở ra một trường phái sân khấu cho Cải lương Việt Nam.

Duy Lân

Duy Lân - Trần Văn Lân (1910-1973)

Duy Lân tên thật là Trần Văn Lân, sinh năm 1910 ở Vĩnh Long. Con trai ông Trần Văn Thiệt, chủ rạp hát Cầu Lâu ở Vĩnh Long, một trong những người khai sinh ra lối hát ca ra bộ, nên từ khi còn đi học, Duy lân đã say mê sân khấu. Khi bị giam tại khám lớn Sài Gòn, Duy Lân đã cùng đôi bạn cùng soạn vở bằng gạch vụn viết lên nề xi-măng rồi tập dợt, để cho dịp lễ Tết ban kịch nhà tù đem trình diễn cho bạn tù xem và được hoan nghênh nhiệt liệt. Sau đó ông bị tên giám đốc Tây cho giam xuống ca-sô, cùm chặt hai chân suốt bốn ngày đêm.Sau khi ra tù , ông bắt đầu theo gánh hát,các gánh Phụng Hảo, Nam Phi, Con Tằm… và cùng nghệ sĩ Bảy Nam lập ra gánh Năm Lân.

Duy Lân đã đóng các vai như : Đông Bình Dương vở *Mạnh Lệ Quân thoát hải*), Kiều quốc sĩ vở *Máu nhuộm Phụng hoàng cung*, Hoàn Phủ Hòe vở *Gánh cải Trạng Nguyên* và một số vai trong các tuồng xã hội. Ngoài ra ông còn biên soạn một số vở cải lương: *Máu nhuộm Phụng hoàng cung, Giai nhân và ác quỷ, Người ăn mày trên sông Luông, Nữ phiên vương , đoạn tuyệt…*

Ông là tác giả của những vở tuồng cải lương nổi tiếng trước thập niên 1950: *Nữ thiêng vương, Mỵ Ê Vương phi, Đế Thiên Đế Thích, Máu nhuộm phụng hoàng cung, Hai người điên giữa kinh thành, Vua mặt sắt, Người ăn mày trên sông Luông, Đoạn tuyệt, Gánh hàng hoa, Giai nhân và ác quỷ,* phần nhiều những vở tuồng trên đã được trình diễn ở đoàn hát Năm Phỉ.

Năm 1948 , ông sang Pháp, được biểu diễn tại nhà Mutualité ở Paris, trước tổng hội sinh viện Việt kiều và sinh viên nước ngoài.

Về sau ông làm đạo diễn đoàn Kim Thoa. Đêm 19-12-1955, đoàn Kim Thoa diễn vở *Lấp sông Gianh* khi nghệ sĩ Ba Cương vừa nói dứt câu " Lấp sông Gianh để nêu cao ngọn cờ thống nhất " thì một quả lựu đạn do bọn tay sai Mỹ Ngụy ném đã phát nổ khiến hơn 50 người bị thương và 3 người tử vong trong đó có : nghệ sĩ Ba Cương , kí giả Nguyễn Mai, còn Duy Lân bị đứt phần dưới đầu gối chân trái.

Duy Lân còn là một giáo sư kịch nghệ của Trường quốc gia âm nhạc cùng thời với các nghệ sĩ Năm Châu, Phùng Há, Bích Thuân, Hoàng Trọng Biên; là một trong những người đầu tiên góp công sáng lập Hội Nghệ sĩ ái hữu cùng thời với Trần Hữu Trang, Nguyễn Thành Châu, Ba Vân, Phùng Há, Ngọc Vân...; Trưởng ban tuyển chọn giải Thanh Tâm năm 1960, năm phát HCV cho hai nghệ sĩ Ngọc Giàu và Bích Sơn.

Duy Lân mất ngày 18 tháng 4 năm 1973. Thọ 63 tuổi. An táng tại Nghĩa trang Nghệ sĩ, Hạnh Thông Tây Gò vấp, Tp. HCM.

Bảy Nam

Bảy Nam - Lê Thị Nam (1913-2004)

Nghệ sĩ Bảy Nam tên thật là Lê Thị Nam sinh năm 1913 tại Mỹ Tho, Tiền Giang. Thân sinh ra bà là một kỹ sư cầu cống, họ Lê tên Công, vốn là người thích chữ nghĩa nên đã chọn câu "Công Thành Danh Toại, Phỉ Chí Nam Nhi, Bia Truyền Tạc Để" để đặt tên cho 11 người con của mình.

Sau khi thân phụ qua đời, năm 14 tuổi, nghệ sĩ Bảy Nam đã được nghệ sĩ Năm Phỉ - đào chánh của gánh Phước Cương - hướng dẫn nghề hát và nhanh chóng nổi tiếng qua các vai diễn.

Năm 19 tuổi, cô Bảy Nam, nhờ nguồn tài chánh của ông chồng đầu tiên giàu có, là vua cờ bạc vùng Chợ Lớn Sáu Ngọ, đã thành lập, điều khiển và kiêm cả vai trò đạo diễn cho gánh đại bạn Nam Hưng vốn quy tụ được nhiều nghệ sĩ hàng đầu lúc bấy giờ.

Không chỉ làm bầu gánh, nghệ sĩ Bảy Nam hàng đêm còn đóng vai chánh cho những tuồng hát của gánh này nữa. Mặc dù trong nhiều năm nghệ sĩ Bảy Nam nổi tiếng và được nhiều mến mộ qua nhiều vai diễn, kể cả vai Điêu Thuyền trong các tuồng

Điêu Thuyền Hí Lữ Bố, Điêu Thuyền Bái Nguyệt…, bà đặc biệt còn thành công trong các vai nam oai phong lẫm liệt như Quan Công, Lữ Bố, hay các vai ông lão như Vương Tư Đồ, Lý Nhu.

Không dừng lại ở tài nghệ diễn xuất và khả năng quán xuyến một gánh hát đại ban, nghệ sĩ Bảy Nam còn là nữ soạn giả cải lương đầu tiên của Việt Nam, từng biên soạn những vở ăn khách như *Gươm Vàng Máu Đỏ, Lê Lợi Khởi Nghĩa, Nỗi Đau Lòng Mẹ, Người Đàn Bà Việt Nam, Tiêu Anh Phụng Loạn Trào…*

Nhưng gánh Nam Hưng phải giải tán vào năm 1935, vì bà Bảy Nam ôm đồm quá nhiều việc, nên khó tránh những sơ suất, thất thoát. Và gánh này được được sát nhập với gánh Phước Cương của người chị là Cô Năm Phỉ để trở thành gánh Đại Phước Cương.

Năm 1937, Cô Năm Phỉ ra đi và thành lập đoàn cải lương Năm Phỉ, sau khi chồng của cô – ông Nguyễn Ngọc Cương – chính thức lấy người em gái là Cô Bảy Nam làm vợ. Nghệ sĩ Kim Cương là một trong 3 người con của hai ông bà.

Khoảng cuối thập niên 1940, gánh Đại Phước Cương sa sút vào khi ông Nguyễn Ngọc Cương lâm trọng bệnh và qua đời khi gánh này đang trên đường lưu diễn ở Phan Thiết năm 1944. Chồng bà mất trên đường lưu diễn, tứ cố vô thân vào lúc gánh hát sa sút, bà không có tiền an táng người thân, phải nhờ sự giúp đỡ của các vị Mạnh Thường Quân ái mộ cải lương ở địa phương.

Khoảng 6 năm sau khi ông Nguyễn Ngọc Cương qua đời, soạn giả Duy Lân của đoàn hát Nam Phong, nơi bà Bảy Nam là một trong những nghệ sĩ nồng cốt, đã gá nghĩa vợ chồng với bà. Bầu gánh Nam Phong là cô chín Bia, em ruột bà Bảy Nam, và đào chánh của gánh lúc bấy giờ là nghệ sĩ Kim Cương.

Nghệ sĩ Bảy Nam không những nổi tiếng trong lãnh vực cải lương, mà còn được nhiều mến mộ trong lãnh vực kịch nghệ, điện ảnh. Theo soạn giả Nguyễn Phương thì bà là nữ nghệ sĩ đầu tiên ở Saigòn được công ty điện ảnh Intermondial mời đóng với các diễn viên như Daniel Gélin, Anne Méchard trong phim Mort en Fraude của đạo diễn Marcel Camus.

Và bà từng tham gia trong các bộ phim Việt Nam như *Hoa Lục Bình, Ngọn Cỏ Gió Đùa, Về Nguồn, Một Thoáng Đam Mê…*

Có lẽ khó có ai thay thế nghệ sĩ Bảy Nam qua các vai diễn xuất sắc của bà trong những vở kịch như Bông Hồng Cài Áo, Vực Thẳm Chiều Cao… Và nhất là, khán giả khó mà cầm được nước mắt khi xem vở Lá Sầu Riêng, với hình ảnh Bà Bảy Nam qua vai người mẹ quê, nghèo khổ trong chiếc áo dài sờn vai, lắm chỗ vá, đầu đội chiếc nón lá bung vành, tai mang cái giỏ đệm xác xơ, đã phải nén đau thương, uất nghẹn, lê những bước chân ngập ngừng tới nhà xui gia bất đắc dĩ vốn là cường hào ác bá để thăm người con gái

Bà Bảy Nam qua đời lúc 12g50 ngày 18-8-2004, tại nhà riêng, an táng tại nghĩa trang Nghệ sĩ Tp.HCM. Thọ 91 tuổi.

Nghệ sĩ tài danh Bảy Nam mất đi, để lại cho đời 20 tuồng, kịch và một cuốn hồi ký về cuộc đời sân khấu của bà.

Điêu Huyền

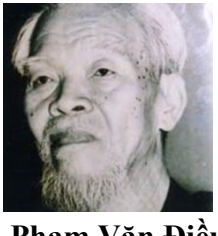

Điêu Huyền - Phạm Văn Điều (1915-1983)

Soạn giả Điêu Huyền tên thật là Phạm Văn Điều sinh năm 1915, tại xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, tỉnh Cần Thơ, nay là Thành phố Cần Thơ. Ông, là người con thứ chín trong một gia đình 11 anh em, thường được gọi thân mật là Chín Điều.

Lúc học Collège de Cantho, sau cải danh là Trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ, Điêu Huyền là 1 trong số 3 người được cấp học bổng. Ngoài ra, Điêu Huyền còn giỏi ở nhiều lĩnh vực khác. Ông có "hoa tay", viết chữ rất đẹp, kể cả viết chữ Hán. Với tài hoa đó, ông tự tay thiết kế cảnh trí, phông màn cho vở cải lương *Mười năm gian khổ* do Đoàn cải lương Lam Sơn biểu diễn. Tài hoa này thể hiện ở chỗ ông còn là soạn giả vở diễn vừa nêu. Cái máu đờn ca tài tử có trong ông ngay từ khi còn nhỏ. Trước năm 1930, ở Nhơn Nghĩa có nhóm đờn ca tài tử Ái Nghĩa, tên cũ của Nhơn Nghĩa với 12 anh em tham gia, là một trong vài ban đờn ca tài tử sớm nhất ở Cần Thơ. Trong ban đờn ca tài tử Ái Nghĩa có ông anh thứ năm của Điêu Huyền là Phạm Văn Cận đờn cò rất giỏi. Nhờ đó, Điêu Huyền theo nhóm, mon men viết tuồng. Khi theo học Collège de Cantho, ông gặp nhạc sĩ Lưu Hữu Phước. Lưu Hữu Phước chơi mandolin, Điêu Huyền chơi đờn tranh. Họ thành bạn thân từ đó.

Khoảng năm 1952-1954, Điêu Huyền làm ở Ty Thông tin Cần Thơ. Đây là giai đoạn ông viết nhiều vở cải lương. Địa chí Cần Thơ trang 565 viết: "Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đoàn tuyên truyền lưu động tỉnh được thành lập, vừa tuyên truyền, vừa diễn kịch *Thiếu nhi thời loạn* của soạn giả Điêu Huyền, tiêu biểu cho giai đoạn này ....

Cũng vào khoảng giữa năm 1952, Đoàn cải lương Lam Sơn thuộc Ty Thông tin tỉnh Cần Thơ ra đời, do soạn giả Điêu Huyền làm trưởng đoàn, vở cải lương *Mười năm gian khổ* do ông soạn đã trở thành vở diễn chính của đoàn".

Cũng nổi tiếng là vở *Chim Việt cành Nam*, nhưng *Mười năm gian khổ* còn có tên *Chén cháo Chí Linh* là vở cải lương nổi tiếng nhất của ông trong giai đoạn này, diễn rộng rãi ở miền Tây Nam bộ. Đáng chú ý là vở *Nợ máu trả bằng máu* khi diễn sơ khảo rất được nhân dân yêu thích, nhưng không được công diễn vì Tỉnh ủy phê là "tả khuynh"...

Sau năm 1945, Điêu Huyền lập đoàn văn nghệ tại ấp nhà, diễn viên chủ yếu là con cháu và người trong dòng họ. Vở tuồng nổi tiếng nhất là *Thiếu sinh thời loạn*, phản ánh tình yêu nước của lớp trẻ.

Năm 1954, ông lên Sàigòn tìm kế sinh nhai với việc sáng tác tuồng cải lương. Những tác phẩm trong thời kỳ này của ông phần lớn thuộc loại dã sử, nói về người Việt cùng đồng bào dân tộc ít người đâu lưng chung cật chống xâm lăng. Đáng chú ý là vở *Ánh lửa rừng khuya*, sáng tác khoảng năm 1980-1981, với bối cảnh là cuộc chiến biên giới Tây Nam đánh quân Polpot.

dTác phẩm cuối cùng của Điêu Huyền là vở *Gió bụi biên thùy* khoảng năm 1982-1983. Khi đoàn cải lương diễn vở này ngoài Bắc trở về, đưa số tiền nhuận bút, Điêu Huyền nói cả đời ông không bao giờ mơ thấy được.

Năm 1983. Một bữa ăn cơm xong, đi rửa chén, Điêu Huyền kêu nhức đầu, triệu chứng cao huyết áp, ngã ngang, đụng đầu vào lavabo, qua đời ở nhà riêng tại Tp. HCM. Thọ 68 tuổi.

Soạn giả Điêu Huyền qua đời đã lâu nhưng người hâm mộ cải lương vẫn luôn nhớ đến các vở *Khách sạn Hào Hoa, Tìm lại cuộc đời, Cây sầu riêng trổ bông, Kiếp chồng chung*... nhưng "đình đám" nhất vẫn là vở *Tiếng hò sông Hậu*. Xem vở này, ai cũng ghét thậm tệ nhân vật Hội đồng Dư. *Tiếng hò sông Hậu* thành công vì gây dựng được niềm tin trong lòng khán giả về luật nhân quả nhãn tiền: kẻ xấu, kẻ ác bị trừng phạt hoặc họ sẽ hồi tâm quay về nẻo chính.

Ngoài tài nghề sáng tác, soạn giả Điêu Thuyền còn là giám đốc kỹ thuật cho nhiều đại ban Cải lương trước 1975, riêng trong đó có gánh Cải lương Kiên Giang mà NSND Bạch Tuyết không thể nào quên. Đó là gánh Cải lương đầu tiên chị Bạch Tuyết khởi nghiệp và được soạn giả Điêu Thuyền giới thiệu và nhận chị làm con nuôi từ đó.

Có thể nói, soạn giả Điêu Huyền là một trong những nhân cách nghệ thuật lớn đầy tài hoa bên cạnh các ngòn bút cả đời theo nghiệp Tổ như: Hà Triều - Hoa Phượng, Thu An, Hoàng Khâm, Nhị Kiều, Quy Sắc… ông là cung đàn trỗi lên những nốt nhạc mùa xuân vĩnh cửu trong lòng yêu mến của biết bao thế hệ nghệ sĩ, khán giả yêu sân khấu kịch hát dân tộc.

Khách sạn hào hoa

https://www.youtube.com/watch?v=V_oolXbDT_Q&t=333s

Nhị Kiều

Nhị Kiều - Quản Thị Minh Nguyệt (1921-20)

Soạn giả Nhị Kiều tên là Quản Thị Minh Nguyệt, sanh năm 1921, tại làng An Thạnh, huyện Mõ Cày, tỉnh Bến Tre. Cô viết tuồng lúc khởi đầu thì ký tên là Cô Nguyệt, rồi Hoàng Thị Nguyệt và sau cùng chị đổi bút danh là soạn giả Nhị Kiều.

Năm 1954, Đoàn hát Việt Kịch Năm Châu xuống tỉnh Bến Tre biểu diễn, lúc đó cô đã 33 tuổi. Đem lòng ái mộ nghệ sĩ Tám Vân, người đóng vai Duy Bạt trong tuồng *Gió ngược chiều*, cô quyết định sánh duyên cùng ông, theo ông trên khắp nẻo đường lưu diễn.

Yêu chồng và đam mê sân khấu, cô học cách soạn tuồng, học viết và học ca cổ.

Văn chương của soạn giả Nhị Kiều nhiều nữ tính, nhẹ nhàng, ngay trong những đoạn gay cấn thì lời văn của cô vẫn mộc mạc, chân chất. Chuyện tuồng phần lớn được xây dụng một mạch có đầu có kết, như thể loại kể chuyện, ảnh hưởng nhiều từ tiểu thuyết của nhà văn Hồ Biểu Chánh.

Cô Nguyệt nói về tên soạn giả Nhị Kiều như sau: “Tôi bị rất nhiều người ganh ghét và họ thường nói là muốn gặp bà bầu Thơ, chủ gánh Thanh Minh Thanh Nga , phải qua “hai cái

cầu." Họ nghĩ Nhị Kiều là hai cái cầu nhưng thực sự ý nghĩa của nó không phải vậy.

Tôi có người chị ruột tên là Quản Thị Trúc Mai, tức Hoàng Trúc Mai, giỏi làm thơ viết văn. Do đó tôi mượn một câu thơ của Tào Tháo: "Đồng Tước Chung Thân Tỏa Nhị Kiều" tự đặt bút danh Nhị Kiều để kỷ niệm gia đình tôi có hai người con gái theo nghiệp văn chương " .

Từ 1963 đến năm 1972, Nhị Kiều đứng tên hợp soạn với các soạn giả sau đây:

- Với thi sĩ Anh Tuyến, tuồng *Hương Lúa Tình Quê, Trăng Rụng Bến Từ Châu, Kim Hồ Điệp, Lỗi Tình Cố Nhân.*

– Với soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng tuồng *Khói Sóng Tiêu Tương.*

– Với soạn giả Thanh Cao, tuồng *Những Đứa Con Lai.*

– Với soạn giả Nguyễn Đạt, tuồng *Mùa Sen Trắng Nở, Mạnh Lệ Quân, Thạch Phá Thiên, Đường Về Vạn Kiếp.*

– Với nhóm Bông Lan (soạn giả Hoàng Lan) tuồng *Bao Công Xử Án Trần Thế Mỹ, Sở Vân, Đường Nào Lên Thiên Thai.*

– Với soạn giả Thế Châu: tuồng *Qua Cầu Đắng Cay, Tâm Sự Cha Tôi, Thanh Xà Bạch Xà, Anh Bảy Chà, Mùa Thu Lá Bay, Cánh Chim Bạt Gió.*

Nhị Kiều cũng phóng tác theo tiểu thuyết của Ngọc Linh thành tuồng *Nắng Sớm Mưa Chiều*, và phóng tác tiểu thuyết của Trang Thề Hy thành tuồng *Vầng Trăng Bên Kia Sông*.

Kịch bản *Mùa thu lá bay* và *Truyền thuyết tình yêu* là hai tác phẩm nổi tiếng của Nhị Kiều, đưa tên tuổi nghệ sĩ Bạch Tuyết

vai Hàn Ni, cố nghệ sĩ Minh Phụng vai Văn Lâu, nghệ sĩ Vũ Linh Phi Cát, nghệ sĩ Thanh Thanh Tâm, nghệ sĩ Kiều Phượng Loan, Thanh Hằng vai nữ vương lên đỉnh cao nghệ thuật ca diễn.

Sau năm 1975, soạn giả Nhị Kiều có tuồng thu vidéo: *Hoa Cẩm Chướng, Huyền Thoại Một Chuyện Tình, Giọt Mưa Thu, Lỡ Chuyến Đò Thương, Vết Thương Kỷ Niệm, Vị Đắng Lá Sầu Đâu, Trăng Nước Lạc Dương Thành, Người Khách Thương Hồ, Nửa Đêm Chợt Tỉnh, Lòng Người Bạc Đen…*

Tám Vân - Nhị Kiều khi còn trẻ

Từ năm 1995 đến nay, nữ soạn giả Nhị Kiều và nghệ sĩ Tám Vân về sống cùng các con ở xã Bình Nhâm, quận Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương. Một khu vườn yên tịnh bao quanh ngôi nhà nhỏ, cạnh ngôi nhà được cất thêm một chái nhà tranh. Đây là nơi đôi vợ chồng nghệ sĩ Tám Vân - Nhị Kiều sống an hưởng tuổi già.

Hơn bốn mươi năm theo chồng lang thang theo nhiều đoàn hát, nữ soạn giả Nhị Kiều hợp soạn với nhiều soạn giả nổi danh của những thập niên 60, 70, bà cũng phóng tác theo các tiểu thuyết của các nhà văn nhà báo.

Khi phong trào thu vidéo cải lương phát triển rộn rịp thì bà cũng có mặt trong hàng ngũ của những soạn giả được đặt hàng

nhiều nhất, nữ soạn giả Nhị Kiều được kể là một soạn giả viết nhiều nhất, viết nhanh nhất và cũng là một soạn giả già nhất còn minh mẫn, còn nhớ trước nhớ sau và sáng tạo ra chuyện tuồng được.

Tám Vân - Nhị Kiều khi đã về chiều

Nữ soạn giả Nhị Kiều đã trút hơi thở cuối cùng tại nhà riêng lúc 5 giờ 30 sáng ngày 5-11-2010. Thọ 90 tuổi.

Hoa đồng cỏ nội

https://www.youtube.com/watch?v=uPdWf8OhqPo&t=408s

Nguyễn Phương

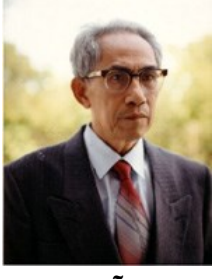

Nguyễn Phương - Nguyễn Văn Hòa (1922-20)

Soạn giả Nguyễn Phương tên thật là Nguyễn Văn Hòa, sanh ngày 1 tháng 7, 1922, tại làng Điều Hòa , Mỹ Tho. Ông có theo học Trung học Mỹ Tho, rồi theo học và tốt nghiệp trường Bách nghệ Sài Gòn năm 1940 , sau đó ông đi học tiếp ở Hà Nội, trường Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp 2 năm.

Năm 1943, ông được bổ nhiệm làm ở Ph òng kỹ thuật thuộc Sở Bưu Điện ở Sài Gòn. Nhà ông ở đường hẻm Cá Hấp, gần rạp hát Thành Xương với đường Cầu Quang, nên ông thường tới coi hát cho nên tôi quen được với nhiều nghệ sĩ.

Đến năm 1948, có người bạn rủ theo Gánh hát Tiếng Chuông của Bầu Căn. Từ năm 1948 cho tới năm 1989, ông bỏ luôn nhiệm sở theo gánh hát liên tục hơn 40 năm, ông học hỏi với các soạn giả viết tuồng rồi tôi trở thành soạn giả.

Ông cọng tác với các đòan như đoàn Tiếng Chuông Bầu Căn, Đoàn Ánh Sàng bầu Tập. Đoàn Diễn Kịch Năm Châu, Đoàn Kim Thoa, Đoàn Thanh Minh của bầu Nghĩa, Đoàn Thanh Minh Thanh Nga của Bầu Thơ, Đoàn Dạ Lý Hương của Bầu Xuân. Đồng thời lúc đó ông cũng là Trưởng Ban Cải Luơng Phát Thanh Phương Nam, của Đài Phát Thanh Sàigòn, rồi trưởng ban Kịch Phương Nam, đài Truyền hình Sàigòn.

Soạn giả Nguyễn Phương đã viết hơn 100 vỡ tuồng cải lương: *Đôi Mắt Người Xưa, Ngã Rẽ Tâm Tình, Bọt Biển, Tình Xuân Muôn Tuổi, Hoa Đồng Cỏ Nội, Người Tình Của Biển, Chuyện Tình 17, Tiền Rừng Bạc Biển, Chén Trà Của Quỹ, Bóng Chim Tăm Cá…*

Ông cũng viết kịch thường xuyên, cộng tác với kịch Sống của Túy Hồng, với ban kịch của Kim Cương, với ban kịch của Thẩm Thúy Hằng với Chương Trình Lúc Không Giờ của Đài Truyền Hình do đạo diễn Lê Hòang Hoa phụ trách .

Về phim thì ông là tác giả của các truyện phim *Triệu Phú Bất Đắc Dĩ*, của Mỹ Vân phim. *Sống Đời Tôi* với *Lệnh Bà Xã* của Mỹ Ảnh phim, *Chàng Ngốc Gặp Hên* của Trùng Dương phim, *Con Ma Nhà Họ Hứa* của Dạ Lý Hương phim.

Sau năm 1975, ông là chuyên viên kỹ thuật sân khấu của các đoàn hát Thanh Nga, rồi Sàigòn 3, đoàn Phước Chung, đoàn Hương Nam, đoàn Sàigòn 2.

Từ năm 1989, ông định cư ở Canada, năm 2006 soạn giả Nguyễn Phương phụ trách chương trình Cổ nhạc của Ban Việt Ngữ Đài ACTD (RFA).

Nguyễn Phương là tác giả của quyển *Ngũ Đại Gia Của Sân Khấu Cải Lương* được xuất bản ở Montreal, Canada vào năm 2000. Ông lại cho xuất bản thêm một tác phẩm khác mang tên *Buồn Vui Đời Nghệ Sĩ*, ấn hành năm 2005.

Nguyễn Phương là soạn giả đa năng, ông vừa sáng tác tuồng cải lương, viết kịch, viết phim truyện lại viết văn, ông đã thố lộ tâm tình:

"Viết hồi ký Buồn Vui Đời Nghệ Sĩ, tôi ghi lại những kỷ niệm của một thời mà tôi lang thang trên bước đường nghệ thuật sân khấu. Trong những kỷ niệm đó, "tôi", "cái tôi" chỉ là một

phần cá thể rất nhỏ của tôi, hoà nhập với cả một tập thể nghệ sĩ để cùng làm chứng nhân của một thời điểm mà xã hội Việt Nam còn có ý khinh bạc đối với người nghệ sĩ, xem họ như những kẻ xướng ca vô loại."

Đôi mắt người xưa

https://www.youtube.com/watch?v=5roc_BuWI84

Thanh Cao

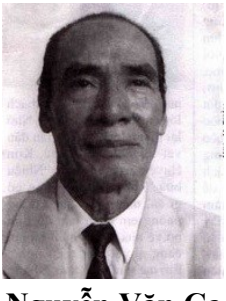

Thanh Cao – Nguyễn Văn Cao (1923-2013)

Soạn giả Thanh Cao tên thật là Nguyễn Văn Cao, còn được gọi là Tám Cao, sanh năm 1923 tại làng Cổ Cò, Cái Bè. Anh học

trường Tiểu Học Cái Bè, lúc đó các xã Cổ Cò, Mỹ Thiện, Cái Thia, Giòng Dứa có phong trào đờn ca tài tử nên anh Tám Cao theo chú bác trong thôn xóm học đờn ca. Anh biết đờn kìm, biết ca đầy đủ các bản ba Nam, sáu Bắc, Bảy bài và vọng cổ, giọng hát rất trong, giọng ca khỏe khoắn, hơi ngân dài và êm dịu nên nổi tiếng là danh ca Tám Cao trong ban đàn ca tài tử của quận Cái Bè.

Năm 1939, Bà Giáo Chuẩn bầu gánh hát Tiếng Chuông, trong dịp hát ở rạp Thầy Năm Tú, nghe tiếng danh ca Tám Cao ở Cổ Cò, phái quản lý mời anh đến ký giao kèo về hát cho gánh hát Tiếng Chuông và đặt cho anh nghệ danh Thanh Cao vì giọng ca vọng cổ của anh cao vút và ngân vang như giọng ca của danh ca Thanh Tao.

Nghệ sĩ Thanh Cao, 16 tuổi trở thành kép chánh của gánh hát Tiếng chuông nhờ có sắc vóc đẹp trai, cao ráo, nước da trắng, ca vọng cổ mùi và hát rất hay các bài bản ngắn của soạn giả Mộng Vân. Anh đã hát qua các tuồng *Trộm Mắt Phật, Cánh Bườm Đen, Chiếc Lá Vàng, Kích Tôn Sơn Bá Tước*,… Lúc đó, kép Thanh Cao được khán giả ái mộ nồng nhiệt nên được các bầu gánh hát tranh nhau mời anh ký giao kèo. Nghệ sĩ Thanh Cao đã hát qua các gánh hát Mộng Vân, Tỷ Phượng. Đây là hai gánh hát tiêu biểu của dòng sân khấu kiếm hiệp thời đó.

Năm 1947, nghệ sĩ Thanh Cao sáng tác vở tuồng cải lương đầu tiên, mang tựa đề *Phi Vân Kiếm Khách*, được dàn dựng trên sân khấu Tỷ Phượng. Vở tuồng *Phi Vân Kiếm Khách* rất ăn khách, vì tuy mới sáng tác một vở đầu tay nhưng nghệ sĩ Thanh Cao từng hát nhiều tuồng loại kiếm hiệp của soạn giả bậc thầy Mộng Vân nên anh biết chọn cốt chuyện có nhiều tình tiết sôi động để tạo điều kiện cho diễn viên phô trương những màn ca diễn hấp dẫn đậm chất cải lương. Nghệ sĩ Thanh Cao thủ vai kép chánh trong tuồng, có nhiều lớp ca vọng cổ hớp hồn khán giả, do đó danh tiếng của Thanh Cao càng nổi bật.

Trong thập niên 40, miền Nam có rất ít soạn giả cải lương. Các soạn giả kỳ cựu như Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, Mạnh Tư Trương Duy Toản, các ông Nguyễn Công Mạnh, Nguyễn Thành Châu, Tư Chơi, Năm Nở đều là những người có trình độ cao về Nho học hoặc Tây học; có các soạn giả học ít hơn nhưng có trình độ ca, diễn cao, được gọi là danh ca thường trở thành bầu gánh hát như Bảy Cao, bầu gánh Hậu Tấn - Bảy Cao, Năm Nghĩa, bầu gánh Hậu Tấn – Năm Nghĩa, soạn giả Vân Sinh kiêm bầu gánh Tân Hương Hoa. Soạn giả trẻ tuổi kiêm danh ca Thanh Cao có tác phẩm ăn khách được giới ái mộ sân khấu cải lương đánh giá là một hiện tượng đặc biệt nên có người hào phú xuất tiền lập gánh hát để anh đứng tên coi như là một phần hùn để cùng người đó lèo lái gánh hát nhưng nghệ sĩ Thanh Cao thích hát hơn là làm bầu gánh. Đó là gánh hát Đuốc Việt của bầu Hơn, chồng của cô đào chánh Ngọc An. Soạn giả Thanh Cao tuy không nhận phần hùn làm bầu với cái tên đang ăn khách của anh nhưng Thanh Cao vẫn tận tình giúp bầu Hơn.

Chính trong việc giúp bầu Hơn điều khiển đoàn hát, soạn giả Thanh Cao bộc lộ khả năng quản lý đoàn hát, khả năng ca diễn và đào tạo các nghệ sĩ trẻ, đồng thời nghệ sĩ Thanh Cao biểu lộ cái tâm cái đức của một nghệ sĩ đàn anh đối với các nghệ sĩ đàn em và các công nhân sân khấu. Những khi số thu của đoàn yếu kém thì anh yêu cầu chủ nhân vẫn phát lương đủ cho các anh công nhân sân khấu, các anh chị em đào kép phụ và vệ sĩ. Anh là kép chánh nhưng anh nhận lương đờ mi hay ít hơn, đồng thời vận động với các nghệ sĩ đào kép chánh khác cũng tình nguyện chia cơm xẻ áo với các em vệ sĩ, công nhân sân khấu trong những lúc đoàn hát gặp khó khăn.

Soạn giả Thanh Cao đã cộng tác với đoàn hát Tiếng Chuông Bầu Cang, đoàn Đuốc Việt bầu Hơn, đoàn Bích Sơn - Ngọc An và anh làm soạn giả thường trực đoàn Kim Chung của bầu Long.

Các soạn phẩm nổi tiếng của soạn giả Thanh Cao trước năm 1975 có các vở *Người Nhạn Trắng, Phạm Công Cúc Hoa, Ngai Vàng Hay Ghế Gổ, Hai Dòng Sửa Mẹ, Tôi không làm Hoàng Hậu, Người Việt Trên Đất Khách, Huyền Trân Công Chúa,…*

Sau năm 1975, ông chuyển thể hai kịch bản *Tô Hiến Thành Xử Án* và *Nhiếp Chính Ỷ Lan* của Soạn giả Bùi Trọng Nghĩa và Hoàng Yến. Ông cũng có sáng tác vở *Vụ Án Lệ Chi Viên.*

Nghệ sĩ Thanh Cao là một thành viên tích cực hoạt động trong Ban chấp hành Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu Tương Tế trong nhiều khóa kể từ năm thành lập Hội 1948 cho đến nay. Có thể kể các nghệ sĩ lão thành làm việc cho Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu không biết mỏi mệt có Bà Phùng Há, Bà Kim Chưởng, và ba soạn giả Ngọc Văn, Thanh Cao, Kiên Giang.

Trong thập niên 80, sau khi nghệ sĩ Minh Tơ mất, soạn giả Thanh Cao được đề cử làm trưởng đoàn cải lương Minh Tơ. Thời gian này nghệ sĩ Thanh Cao góp phần đào tạo nhiều nghệ sĩ kế thừa.

Về gia đình thì nghệ sĩ Thanh Cao có vợ là nữ nghệ sĩ Lệ Thơ. Nữ nghệ sĩ Lệ Thơ là đào lẳng độc, cùng cộng tác chung một đoàn với chồng là nghệ sĩ Thanh Cao trong nhiều đoàn hát. Hai ông bà có ba người con trai, không ai theo nghề hát của cha mẹ. Sau đó nữ nghệ sĩ Lệ Thơ bị bệnh tâm thần và mất đã lâu.

Nay Thanh Cao, tuy đã nghỉ sáng tác hay không hoạt động sân khấu nữa nhưng tâm tình của ông vẫn gắn bó với bạn đồng nghiệp và các nghệ sĩ trẻ. Khi nhắc đến thời hoàng kim cải lương, đôi mắt ông sáng rở, miệng luôn mỉm cười và nhắc lại nhiều kỷ niệm đẹp với các đoàn hát và nghệ sĩ mà ông có dịp cùng làm việc khi xưa.

Nhắc lại cơn suy thoái của sân khấu cải lương, ông nói: … Cải lương xuống dốc vì… chúng ta không biết khán giả yêu gì,

ghét gì, thích gì và thị hiếu của họ phát triển ra sao? Chất cải lương bị tàn phá dữ dội cũng vì nhiều kịch bản, nhiều đạo diễn thiếu hiểu biết về đặc trưng của nó. Người ta luôn lầm tưởng nó là Kịch Hát. Cải lương không phải là kịch hát vì cái chủ của nó vốn là bài bản, giai điệu cải lương và cái dòng phát triển của nó là dòng của một câu chuyện kể…

Soạn giả Thanh Cao qua đời ngày 25-10-2013, thọ 90 tuổi.

Thu An

Thu An – Nguyễn Văn Sáu (1923-2005)

Soạn giả Thu An tên thật là Nguyễn Văn Sáu, sinh ngày 3-10-1923 tại Hương Khánh Trung, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Soạn giả Thu An nguyên là nhạc sĩ đờn cò ở Bến Tre, tham gia kháng chiến từ những năm 1946-1947. Sau đó lại về thành và được ông Ba Bản đem lên Sài Gòn làm việc ở hãng dĩa hát Hoành Sơn với nhiệm vụ trưởng phòng thu thanh. Nói cho oai chứ thực chất là người giữ chìa khóa mở cửa cho nghệ sĩ đến thu dĩa hát.

Cái may mắn của Thu An là nhờ làm việc và cư ngụ tại hãng dĩa hát Hoành Sơn, rồi tập sự viết tuồng loại ngắn để thu dĩa hát. Lúc ấy Út Trà Ôn đến thu dĩa đã khuyến khích Thu An nên viết tuồng cải lương sân khấu có ăn hơn, hễ có hát là có tiền

bản quyền, chớ không như thu dĩa chỉ lãnh tiền một lần rồi thôi.

Nghe theo lời đệ nhứt danh ca, Thu An kêu soạn giả Hoàng Khâm cùng với mình viết tuồng và chẳng bao lâu thì vở hát *Lỡ Bước Sang Ngang* ra đời đề tên soạn giả Thu An-Hoàng Khâm, trình diễn trên sân khấu Thanh Minh năm 1959. Thời điểm này bảng hiệu đoàn Thanh Minh chưa có chữ Thanh Nga, dù rằng cô đã 17 tuổi đóng vai chánh Cẩm Nhung trong tuồng. Và Út Trà Ôn với vai trò Chú Ba Mỏ Lết cũng khá nổi trong vở hát này.

Vở hát *Lỡ Bước Sang Ngang* coi như thành công, hát nhiều đêm vẫn còn đông đảo khán giả. Thu An thừa thắng xông lên tiếp tục viết tuồng, và thời vận may đưa đến: Ông Ba Bản thành lập đoàn Thủ Đô đã sử dụng vở tuồng *Tiếng Trống Sang Canh* của Thu An để khai lương bảng hiệu. Đồng thời Thu An được ông Ba Bản tin cậy giao cho chức giám đốc kỹ thuật kiêm soạn giả thường trực.

Với vị thế khá nặng ký này, Thu An đã chiếm được trái tim cô đào chánh trẻ đẹp Ngọc Hương và sự nghiệp lên hương. Hằng đêm Thu An vừa lãnh tiền bản quyền soạn giả là 6 phần trăm trên tổng số thu, lại vừa lãnh tiền làm giám đốc kỹ thuật sân khấu. Còn đào Ngọc Hương thì lãnh lương đào chánh cao hơn bất cứ đoàn nào.

Tiền vô như nước, không đầy hai năm cặp vợ chồng này đã mua xe hơi, tậu biệt thự ở Phú Nhuận, gần hãng dĩa hát Hoành Sơn.

Thế nhưng, dù được ưu đãi thế mấy đi nữa cũng chẳng vừa lòng, cặp Thu An, Ngọc Hương rời bỏ đoàn Thủ Đô đi sang đoàn Kim Chưởng, Thu An vẫn được giữ địa vị giám đốc kỹ thuật kiêm soạn giả, và Ngọc Hương thì lãnh vai đào chánh thay thế Út Bạch Lan vừa rời đoàn.

Đến 1964 thì vợ chồng Thu An, Ngọc Hương nhảy ra lập gánh với bảng hiệu Hương Mùa Thu, đứng trong hàng đại ban, hát ở các rạp lớn Sàigòn, coi như ngang hàng với các đoàn Thanh Minh Thanh Nga, Kim Chung, Kim Chưởng. Có điều kiện gánh hát nhà nên cuộc đời nghệ thuật của Ngọc Hương ngày một đi lên, và tuồng nào có Ngọc Hương hát trên sân khấu thì sau đó người ta lại thấy tuồng được thu dĩa hát để phổ biến rộng rãi hơn.

Lúc bấy giờ có người nói rằng khi còn ở đoàn Thủ Đô thì Ngọc Hương chuyên đóng các vai tiểu thơ đài các, vai công chúa như trong tuồng *Cây Quạt Lụa Hồng*, đào Ngọc Hương đóng vai công chúa Huyền Trân. Tới lúc lập gánh Hương Mùa Thu thì không hiểu sao Thu An lại viết tuồng dựng lên toàn bối cảnh nhà quê nghèo nàn, cho Ngọc Hương đóng vai cô gái quê nghèo. Cái đáng suy gẫm là trước ngày kỷ niệm đệ nhứt chu niên ngày thành lập gánh Hương Mùa Thu, soạn giả Thu An đã ráo riết cho tập dượt vở hát *Bà Chúa Ăn Mày*, dựng lên một đám ăn mày, đồng thời cho bà xã Ngọc Hương thủ vai bà chúa ăn mày. Thiên hạ nói làm chúa ăn mày thì khá cái nỗi gì chớ, sớm muộn gì cũng nghèo! Tại sao Thu An lại không kiêng cữ gì hết?

Từ sau cái Tết Mậu Thân thì đoàn Hương Mùa Thu ngày một xuống dốc, không còn hát ở Đô Thành mà phải lui về tỉnh lẻ để sống. Rồi cũng chẳng bao lâu thì bắt đầu xuống hát quận lỵ, bởi thời điểm này các rạp ở tỉnh lỵ, thị xã bị Tàu thuê hết để chiếu phim chưởng.

Đại ban Hương Mùa Thu lúc mới khai trương bảng hiệu thì được liệt vào hạng "A", nhưng sau một thời gian 4, 5 năm thì xuống hạng "B" rồi tới hạng "C" và tiếp tục xuống nữa, xuống nữa… Cặp vợ chồng Thu An, Ngọc Hương trôi nổi từ chợ này đến đình làng khác, cho đến một ngày nọ thì tấp vô Cù Lao Rồng. Rồi thì rã gánh luôn!

Những năm tháng hoạt động sân khấu, sáng tác, soạn giả Thu An đã viết trên 300 tuồng cải lương, bài ca cổ… Trong đó, có nhiều vở tuồng, bài ca cổ được nhiều thế hệ công chúng mến mộ như: *Tiếng trống sang canh, Chiếc áo ân tình, Hai chiều ly biệt, Cô gái sông Đà, Ảo ảnh Châu Bích Lệ, Người anh khác mẹ, Con cò trắng, Gánh cỏ sông Hàn, Lá của rừng xanh, Tỉnh mộng, Một ánh sao rơi, Nhặt cánh mai vàng, Tiếng hát đền Bá Lạc...*

Trước năm 1975, soạn giả Thu An được giới nghệ sĩ sân khấu đánh giá là một trong năm soạn giả viết kịch bản cải lương hay nhất ở Sài Gòn, cùng thời với các soạn giả Hà Triều, Hoa Phượng, Thiếu Linh, Hoàng Khâm.

Sau một thời gian lâm bệnh nặng, soạn giả Thu An đã qua đời lúc 2 giờ ngày 10 -10-2005, tại Tp. HCM, thọ 83 tuổi.

Hai chiều ly biệt

https://www.youtube.com/watch?v=cMzJcyDfbPw

Quy Sắc

Quy Sắc - Nguyễn Phú Quý (1924-2010)

Soạn giả Quy Sắc tên thật là Nguyễn Phú Quý, sinh năm 1924 tại Thủ Dầu Một, Bình Dương.Ông. Nghệ danh Quy Sắc là cách chơi chữ đánh vần tên của ông.

Ông đỗ Thành chung vào thời Pháp thuộc và là thầy giáo dạy Việt văn lúc còn trẻ.

Soạn giả Quy Sắc sau khi thành công bài vọng cổ "Cô Bán Đèn Hoa Giấy," ông tiếp tục tiến xa hơn vào nghiệp cầm ca. Ông đã tự học viết tuồng và tuồng cải lương đầu tiên của ông là *Nghiệp giáo*.

Nghiệp soạn giả đến với ông khi ông gặp soạn giả Nguyễn Phương và soạn giả Kiên Giang khi ông làm gia sư cho nghệ sĩ Thanh Nga. Ông và soạn giả Kiên Giang đã hợp tác cho ra đời tuồng cải lương nổi tiếng *Người vợ không bao giờ cưới* (Sơn nữ Phà Ca).

Năm 1972, ông viết ba tuồng cải lương cho gánh Bạch Tuyết-Hùng Cường.

Ông cũng viết tuồng cải lương cung cấp cho đài phát thanh Sàigòn với các vở tuồng ngắn, thường là hát một giờ đồng hồ là hết tuồng, có nghĩa là chỉ phát một lần. Nếu như tuồng nào bắt buộc kéo dài quá, thì cũng chỉ phát thanh hai đêm, mỗi đêm một giờ.

Viết cho đài phát thanh tiền thù lao tuy ít nhưng chắc ăn, mỗi tháng đài tổng kết là lãnh tiền. Soạn giả Quy Sắc, và soạn giả Điêu Huyền thường xuyên có tuồng mới phục vụ cho chương trình cải lương ngắn này.

Nhận thấy nghề viết tuồng, viết bài ca cuộc sống khá vững vàng, Quy Sắc bỏ hẳn nghề dạy học, để tập trung tim óc vào viết tuồng, viết bài ca. Thời gian sau thì đài phát thanh Sài Gòn thu nhận thêm nhiều ban văn nghệ, kể cả các ban kịch nói, đã chia nhau giờ thu thanh và dĩ nhiên mỗi ban họ có kịch bản riêng, đã ảnh hưởng nhiều đến tinh thần, đời sống của các soạn giả yêu nghề đang cộng tác với đài.

Trước mỗi tuần đều có thu thanh, sau cả tháng cũng chưa tới phiên. Do đó mà Quy Sắc trở lại viết bài ca vọng cổ và tuồng cải lương ngắn cung cấp cho hãng dĩa hát. Tuồng ngắn của Quy Sắc được vô dĩa như: *Tình Cô Gái Huế*, *Duyên Ai Nấy Gặp, Cành Hoa Trước Gió*… Về bài vọng cổ sáu câu thì có: *Anh Nữ Trước Pháp Trường* do Lệ Thủy ca, *Duyên Nợ* do Thành Được ca, *Cây Trứng Cá Sau Vườn* do Minh Cảnh ca…

Đồng thời Quy Sắc cũng viết tuồng cải lương dài ba tiếng đồng hồ hát trên sân khấu, vở hát đầu tiên của ông mang tên *Nghiệp Giáo* diễn trên sân khấu Thanh Minh, kế đó là tuồng *Hối Hận*, tuồng *Người Vợ Không Bao Giờ Cưới*, viết chung với Kiên Giang. Quy Sắc cũng viết tuồng Mễ Tây Cơ, tuồng Nhật, tuồng Tàu…

May mắn của ông là được trưởng thành trong lòng một sân khấu cải lương đang hồi cực thịnh, và những tác phẩm của ông đã góp phần làm phong phú thêm cho bộ mặt sân khấu. Tóm lại từ một nhà giáo bước vào địa hạt cải lương, Quy Sắc được kể như thành công và tiếp tục đeo đuổi sự nghiệp sân khấu.

Viết tuồng cho các gánh hát một thời gian thì Quy Sắc được làm giám đốc đoàn Sao Ngàn Phương kiêm soạn giả, tức dưới

quyền có trên 30 người. Nhưng càng cao danh vọng càng nhiều gian nan!

Số là soạn giả Quy Sắc, giám đốc đoàn Sao Ngàn Phương, nhưng đoàn bị lủng củng từ khi mới ra đời, càng ngày càng lục đục trầm trọng. Họ chẳng giải quyết gì cả, trái lại mâu thuẫn, mờ ám đầy dẫy, nên việc gì đã đến phải đến.

Khi đoàn này trình diễn lại rạp Quốc Thanh, thì bà Lê Thị Chi, chủ nhân đoàn Sao Ngàn Phương, có nhờ thừa phát lại tống đạt cho soạn giả Quy Sắc một văn thơ chấm dứt nhiệm vụ Giám đốc. Đồng thời yêu cầu Quy Sắc thanh toán tất cả tiền bạc, sổ sách … và bà giành quyền truy tố Quy Sắc ra trước pháp luật.

Vậy là đôi bên đã căng thẳng, sự việc nổ bùng, không thể hàn gắn vì đã đến lúc họ giải quyết với nhau bằng luật pháp.

Quy Sắc bắt đầu chán ngán nghiệp cải lương, thời gian sau thì gặp biến cố Tết Mậu Thân, cải lương xuống dốc thậm tệ, nên mặc dù đang được Thanh Minh Thanh Nga mời làm giám đốc kỹ thuật, Quy Sắc cũng cương quyết không nhận lãnh.

Soạn giả Quy Sắc qua đời ngày 07 tháng 01 năm 2010, tại nhà riêng C16 cư xá Vĩnh Hội, phường 5, Quận 4, Tp. HCM. Thọ 86 tuổi.

Viễn Châu

Viễn Châu - Huỳnh Trí Bá (1924-2016)

Soạn giả Viễn Châu tên thật Huỳnh Trí Bá, sinh năm 1924, tại xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông xuất thân trong gia đình vọng tộc, thân phụ là Hương cả, là con thứ sáu trong gia đình, nên ông còn có tên gọi là Bảy Bá**,** là danh cầm đàn tranh.

Thuở nhỏ, ông học quốc văn ở trường làng và học Hán văn với những bậc túc nho ở tại nhà. Ngoài ra, khi còn học ở trường, ông đã mê đờn ca, cả tân lẫn cổ, thường có mặt trong các buổi đờn ca tài tử, hoặc cùng bạn bè tổ chức đờn ca. Ông mày mò những ngón đờn học lỏm qua đĩa hát nhựa cũng như các nhóm đờn ca tài tử ở làng quê. Đến năm 19 tuổi, ông đàn thạo các loại đàn tranh, vĩ cầm, guitar và được nhiều người khen ngợi.

Năm 1942, ông tham gia Ban cổ nhạc Đài Phát thanh Pháp Á Sàigòn. Tuy nhiên, dấu ấn đầu tiên trong sự nghiệp văn hóa nghệ thuật của ông là truyện ngắn đầu tay *Chàng trẻ tuổi* được đăng trên báo Dân Mới và bài thơ *Thời mộng* được đăng trên báo Tổng Xã Mới trong năm đó.

Cuối năm 1943, ông theo đoàn Tố Như lưu diễn. Hai tháng sau, ông tham gia gánh ca kịch của Năm Châu ra Hà Nội lưu diễn.

Trên bước đường nghệ thuật của mình, ông có cơ hội tiếp xúc với các nghệ sĩ tài danh thời bấy giờ như Năm Châu, Lê Hoài Nở, Trần Hữu Trang, Duy Lân,... và học hỏi được nhiều kỹ năng về tư duy sáng tác.

Tuy nhiên, "chuyến lưu diễn" của ông nhanh chóng kết thúc khi đoàn vừa về tới Sàigòn thì người anh kế của ông là Huỳnh Thanh Tòng bắt ông về quê, không cho theo đoàn hát nữa.

Cuối năm 1945, Pháp nổ súng tái chiếm Đông Dương. Bấy giờ, ông đã viết vở cải lương đầu tay *Hồn chiến sĩ*, với nội dung cổ vũ cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Vở tuồng đã được Ủy ban Kháng chiến hành chánh quận Trà Cú, lúc bấy giờ là quận

Trần Chí Nam, tổ chức biểu diễn bán vé để góp quỹ kháng chiến.

Năm 1946, quân Pháp kiểm soát phần lớn vùng Trà Vinh. Người anh Huỳnh Thanh Tòng của ông bị quân Pháp bắt và bị bức tử ở đồn Long Toàn, Trà Vinh. Để tránh bắt bớ do từng cầm súng chống Pháp, ông bỏ xứ Đôn Châu lên Vĩnh Long tá túc trong nhà một người bạn rồi sau đó phiêu bạt lên Sàigòn, tìm đến đoàn Năm Châu, lúc này đổi tên là đoàn Con Tằm, để nương nhờ và theo nghiệp nghệ thuật cải lương từ đó.

Tại Sàigòn, ông bí mật hoạt động cho Ban công tác thành ở Sàigòn. Không lâu sau, ông bị người Pháp bắt giữ cùng với 4 người khác để khai thác. Mặc dù không đủ bằng chứng kết tội, ông vẫn bị giam giữ mà không xét xử, sau đó bị đày đi an trí ở Cẩm Giang, Tây Ninh.

Mãi đến cuối năm 1949, ông mới được trả tự do. Ông mới trốn thoát và trở lại Sàigòn, lại tìm đến đoàn Con Tằm với cái tên mới Trương Văn Bảy. Năm 1950, ông viết vở cải lương *Nát cánh hoa rừng* với bút danh Viễn Châu, phóng tác từ truyện đường rừng của Khái Hưng. Đây là vở cải lương đầu tiên của ông được đoàn Việt kịch Năm Châu trình diễn trên sân khấu đại ban tại Sàigòn cũng trong năm 1950, được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt.

Từ đó, tên tuổi Viễn Châu bắt đầu được giới mộ điệu chú ý. Các tác phẩm biểu diễn đàn tranh của ông được nhiều hãng đĩa thu thanh và phát hành liên tục. Đương thời, ngón đờn tranh Bảy Bá được xem là một trong 3 ngón đờn cổ nhạc đã được giới mộ điệu đánh giá cao và coi như bậc thầy là Năm Cơ (đàn sến) – Bảy Bá (đàn tranh) – Văn Vỹ (guitar phím lõm).

Ngoài đoàn Việt kịch Năm Châu, ông còn cộng tác với các đoàn hát: Kim Thanh Út Trà Ôn năm 1955, Thanh Tao năm 1958, Thanh Nga năm 1962, Dạ Lý Hương năm 1969, Tân Hoa

Lan năm 1969. Đồng thời, ông còn cộng tác với các hãng đĩa Việt Nam năm 1950, Kim Long năm 1951, Việt Hải năm 1953, Thăng Long năm 1954, Sống Mới năm 1968, Nhạc ngày xanh năm 1969, Hồn nước năm 1973, của Ngọc Chánh sản xuất băng từ,…

Sau năm 1975, ông cộng tác với Đoàn Văn công năm 1975), hãng băng Sài Gòn Audio năm 1978 và nhiều đoàn hát ở các tỉnh. Năm 1984, ông cùng đoàn nghệ thuật 284 lưu diễn ở các nước Tây Âu như: Đức, Bỉ, Pháp, Ý.

Cả cuộc đời ông từ năm 1950 trở đi toàn tâm ý dồn hết cho nghệ thuật cải lương. Mặc dù tuổi cao và bệnh trọng, nhưng ông vẫn miệt mài sáng tác.

Các vở tuồng cải lương do Viễn Châu sáng tác có:

Nát cánh hoa rừng, Lá trầu xanh. Cô gái bán sầu riêng, Tình mẫu tử, Đời cô Nga, Sau bức màn nhung, Bông ô môi, Chuyện tình Hàn Mặc Tử, Chuyện tình Lan và Điệp, Quân vương và thiếp, Qua cơn ác mộng, Nợ tình, Hoa Mộc Lan, Con gái Hoa Mộc Lan, Hai nụ cười xuân, Ai điên ai tỉnh….

Ông cũng viết hồi ký về cuộc đời và sự nghiệp của mình.

Ông được mệnh danh là "vua của các vị vua cải lương", "là người tạo danh cho các nghệ sĩ", bởi qua nhiều sáng tác của ông, nhiều nghệ sĩ khi thể hiện đã được cái ưa thích để đông đảo người xem chú ý hơn, ví dụ như: Mỹ Châu với bài *Hòn vọng phu*, Út Trà Ôn với *Tình anh bán chiếu*,...

Bên cạnh đó, ông cũng sáng tác ra nhiều bài vọng cổ hài hước mà sau này được nhiều gương mặt nổi danh như nghệ sĩ Văn Hường, Hề Sa,...

Soạn giả Viễn Châu mất ngày 1 tháng 2 năm 2016 tại nhà riêng, sau đó hỏa thiêu tại Bình Hưng Hòa, Tp. HCM. Thọ 86 tuổi.

Tình mẫu tử

https://www.youtube.com/watch?v=J86Lfvcwo-8&t=9s

Trần Hà

Trần Hà - Nguyễn Văn Thiệt (1928-2016)

Soạn giả Trần Hà tên thật là Nguyễn Văn Thiệt sinh năm 1928, tại làng Nhâm Lăng, Châu Thành, Sóc Trăng.

Ông học phổ thông ở quê nhà Sóc Trăng lúc nhỏ cho đến năm 1947, sau khi mẹ ông qua đời. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp. Ông tham gia trong ngành công an Sóc Trăng 9 năm. Sau đó ông được phân công làm việc ở Ban Binh vận liên tỉnh miền Đông.

Sự nghiêp sáng tác của ông bắt nguồn từ thời gian làm công tác binh vận và năng khiếu sáng tác văn thơ. Tác phẩm đầu tay của ông là *Mê Linh nữ kiệt*.

Sau năm 1954, ông ở lại miền Nam, đến năm 1958, ông cho ra đời hai tác phẩm gây tiếng vang là *Mái tóc người vợ trẻ* và *Nửa mảnh tim*.

Ông gắn bó với các Đoàn cải lương: Kim Chung, Thủ Đô, Kim Chưởng, Thúy Nga, Dạ Lý Hương,... trong những năm 1958 đến năm 1975. Ngoài ra ông còn hỗ trợ xây dựng thương hiệu của Đoàn cải lương Thăng Long Huỳnh Thái.

Ông là Ủy viên Ban Thường vụ Hội Sân khấu Tp. HCM. khóa 1, cán bộ của Sở Văn hóa Thông tin Tp. HCM. từ năm 1976 đến 1993. Ông tiếp tục công tác cho đến năm 1997 thì về hưu.

Soạn phẩm cải lương của ông gồm có:

Khách sạn Hào Hoa, *Liễu Chương Đài*, *Mê Linh nữ kiệt*, *Nửa mảnh tim*, *Mái tóc ngày vợ trẻ*, *Bóng hồng sa mạc*, *Nữ chúa một đêm*, *Nạn con rơi*, *Chấp cánh chim bằng (*viết cùng Thế Châu*)*.

Ông có viết hồi ký *Khi bức màn nhung khép lại*.

Tác phẩm mang lại danh tiếng của soạn giả Trần Hà là *Khách sạn Hào Hoa*.

Ông qua đời ngày 21 tháng 1 năm 2016 tại Bệnh viện nhân dân Gia Định. Thọ 88 tuổi.

Chấp cánh chim bằng

https://www.youtube.com/watch?v=Gbox4-Qol7w

Kiên Giang

Kiên Giang - Trương Khương Trinh (1929-2014)

Soạn giả Kiên Giang tên thật là Trương Khương Trinh, sinh ngày 17 tháng 2 năm 1929, nhưng chính xác ngày sinh của ông theo gia đình cho biết là năm 1927, tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá, nay thuộc tỉnh Kiên Giang, là đồng hương của nhà văn Sơn Nam. Năm 1943, ông theo học trường tư Lê Bá Cang tại Sàigòn.

Ngoài làm thơ, bài thơ nổi tiếng của ông *Hoa* trắng *thôi cài trên áo tím* sáng tác tại Bến Tre ngày 14-11-1957, Kiên Giang – với nghệ danh là Hà Huy Hà – còn là soạn giả cải lương rất nổi tiếng cùng với Năm Châu, Viễn Châu, Quy Sắc,... Ông được xem là thầy của hai soạn giả nổi tiếng khác là Hà Triều – Hoa Phượng.

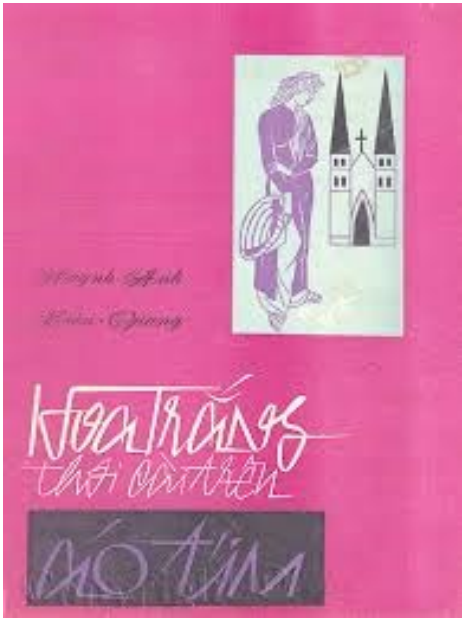

Các tác phẩm cải lương của ông có thể kể đến *Áo cưới trước cổng chùa*, *Người vợ không bao giờ cưới*, trong đó, *Người vợ không bao giờ cưới* đã giúp cho nghệ sĩ Thanh Nga đạt giải Thanh Tâm và trở thành một ngôi sao trong giới cải lương.

Ngày 10-10-1974, Ký giả đi ăn mày ở Sàigòn

Trước 1975, Kiên Giang còn làm ký giả kịch trường cho nhiều tờ báo lớn của Sàigòn như *Tiếng chuông*, *Tiếng dội*, *Lập trường*, *Điện tín*, *Tia sáng*,... Ông từng tham gia phong trào ký giả đi ăn mày và dẫn đầu đoàn biểu tình chống lại những quy chế khắt khe do chính quyền Việt Nam Cộng hòa áp đặt lên giới báo chí. Vì hành động này mà Kiên Giang phải vào tù.

Sau 1975, Kiên Giang làm Phó Đoàn cải lương Thanh Nga, kiêm cán bộ Phòng nghệ thuật sân khấu. Ông từng làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh qua 3 nhiệm kỳ.

Các vở tuồng cải lương do Kiên Giang soạn có:

Người đẹp bán tơ (1956) *Con đò Thủ Thiêm* (1957), *Người vợ không bao giờ cưới* (1958 – với Phúc - Nguyên). *Ngưu Lang Chức Nữ, Áo cưới trước cổng chùa, Phấn lá men rừng, Từ trường học đến trường làng, Dòng nước ngược, Chia đều hạnh phúc, Trương Chi Mỵ Nương, Mây chiều xuyên nguyệt thôn,*

Sương phủ nửa chừng xuân, Chén cơm sông núi, Hồi trống trường làng, Lưu Bình - Dương Lễ...

Nhà văn Sơn Nam (1926-2008) khi còn sống, đã nói về nhà thơ Kiên Giang như sau:

Kiên Giang là một thi sĩ thành công, một soạn giả đã đưa thi ca vào sân khấu, để lại cho đời những vở tuồng mang đậm chất thơ như Áo cưới trước cổng chùa, Người đẹp bán tơ, Ngưu Lang Chức Nữ, Sơn nữ Phà Ca... Còn trong thơ ca, Kiên Giang đã viết những câu thơ mà nhiều nhà nghiên cứu cứ ngỡ là ca dao: "Ong bầu vờn đọt mù u / Lấy chồng càng sớm tiếng ru càng buồn". Thơ Kiên Giang cũng như thơ Nguyễn Bính có nét chung bình dị, mộc mạc, nhưng một bên là chân quê Nam Bộ, còn một bên là chân quê Bắc Bộ.

Nhà thơ, soạn giả Kiên Giang qua đời lúc 18 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2014, tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Tp. HCM. Hưởng thọ 86 tuổi. Ông được an táng tại Nghĩa trang Bình Dương, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Áo cưới trước cổng chùa

https://www.youtube.com/watch?v=Q_BiqSd7N50

Hà Triều

Hà Triều - Đặng Nguơn Chúc (1931-2003)

Soạn giả Hà Triều tên thật là Đặng Ngươn Chúc, sinh năm 1931 tại xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Rạch Giá, nay là tỉnh Kiên Giang.

Thuở nhỏ, do có điều kiện, ngoài việc học văn hóa, ông còn được học cơ bản về nhạc lý. Năm 14 tuổi, ông tham gia và trở thành nhạc công duy nhất chơi đàn banjoline và mandoline, đệm đàn trong các buổi biểu diễn Đoàn văn nghệ Thiếu nhi Cứu quốc Khu 9, do Trương Khương Trinh làm trưởng đoàn. Năm 17 tuổi, ông được cử theo học Trường Trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố, đến năm 19 tuổi được phân bổ vào ngành công an.

Năm 1954, ông không tập kết ra Bắc mà ở lại miền Nam sống công khai. Do chưa tìm được việc làm, ông lên Sàigòn tìm đến nhà người trưởng đoàn cũ, bấy giờ là ký giả kịch trường Hà Huy Hà ở xóm sau nhà thờ Chợ Quán, nay là đường Phan Văn Trị, quận 5, nhờ giúp đỡ kế sinh nhai. Nhờ có nét chữ tốt, ông được giao công việc chép thơ và bản thảo kịch bản cải lương. Sẵn có máu văn nghệ, số vốn kiến thức nghệ thuật, chính trị ở trường Nguyễn Văn Tố, ông cũng tập viết bài ca lẻ (ba Nam, sáu Bắc) với đề tài có tính lịch sử cho nhạc sĩ Bảy Quới ở Đài Phát thanh Sàigòn, và một số bài phê bình sân khấu đăng trên trang Điện ảnh kịch trường của Báo *Công nhân*.

Năm 1955, ông gặp lại một người bạn cũ thời kháng chiến là Lương Kế Nghiệp, lúc này cũng đang lưu lạc lên Sàigòn tìm kế sinh nhai. Năm 1956, ông giới thiệu bạn mình với Hà Huy Hà và được gợi ý 2 ông cùng hợp tác viết kịch bản cải lương. Ông bèn lấy nhuận bút mấy bài báo mời Lương Kế Nghiệp đi xem vở *Tình tráng sĩ* của đoàn Thanh Minh để tham khảo. Cả hai soạn nội dung rồi chia nhau viết, chỉ một tuần là xong, đem đưa cho soạn giả Kiên Giang - Trương Khương Trinh xem. Ông gật đầu đem đi dựng trên sân khấu Minh Chí - Việt Hùng.

Ban đầu, tên vở được giám đốc kỹ thuật hãng đĩa ASIA - Thái Thụy đặt là *Tình quê hương* vì có nội dung chống quân nhà Minh, sau được đổi lại là *Vì quê hương*. Nhưng đến gần ngày khai trương vẫn chưa có tên soạn giả, bị hối thúc, Đặng Ngươn Chúc lấy tên mấy người em của mình ghép lại thành Hà Triều, còn Lương Kế Nghiệp đặt bút danh là Hoa Phượng cho ướt át. Với kịch bản đầu tay, bút danh Hà Triều - Hoa Phượng ra đời.

Hai vở diễn đầu tay *Vì quê hương* và *Sau cơn gió lốc* chẳng mấy thành công. Năm 1957, soạn giả Kiên Giang được nghệ sĩ Thúy Nga mời về làm chỉ đạo nghệ thuật và lo việc tuồng tích cho đoàn. Vì thế, ông đã đặt hàng Hà Triều - Hoa Phượng viết vở khai trương. Ban đầu, kịch bản mang tên *Lối vào cung cấm*, nhưng được soạn giả Kiên Giang đề nghị đổi sang dạng tình cảm kiếm hiệp Phù Tang với tên mới *Khi hoa anh đào nở*, có thiết kế mỹ thuật, tranh cảnh, âm nhạc mang âm hưởng Nhật Bản. Vở diễn liên tục trong 4 tuần, thu được thành công rực rỡ.

Trong 10 năm từ năm1955 đến năm 1965, liên danh Hà Triều - Hoa Phượng đã viết chung khoảng 50 vở hát. Kể từ thành công của vở *Khi hoa anh đào nở*, nhiều vở được khán giả hoan nghênh như *Tấm lòng của biển*, *Cô gái Đồ Long*, *Nửa đời hương phấn*, *Nỗi buồn con gái,* còn gọi là *Tần nương thất*, *Thái hậu Dương Vân Nga*, *Bóng hồng sa mạc*, *Khói sóng tiêu tương*... nhưng thành công lớn nhất là những tuồng xã hội. Từ những kịch bản đó, nhiều nghệ sĩ đã thành danh như Thành

Được, Tấn Tài, Thanh Sang, Bạch Tuyết, Ngọc Giàu, Thanh Tuấn, Lệ Thủy, Minh Vương, Hồng Nga, Thanh Nguyệt, Kim Ngọc… Ngoài ra, hai ông còn viết 1 vở kịch cho đoàn Thẩm Thúy Hằng là vở *Sông dài* và cũng được hoan nghênh nhiệt liệt, sau này còn được chuyển thể thành phim điện ảnh và cải lương. Ông còn viết sách: *Cải lương - Tính dân tộc*.

Tài năng của họ mang lại kết quả bất ngờ, một cô gái nhà bên nơi 2 người ở trọ, vì mến mộ tài năng đã làm vợ soạn giả Hoa Phượng. Con họ đặt tên theo phong thái cải lương là Nhứt Nương, Nhị Lang, Tam Lang... và gọi Hà Triều là "Ba Hai".

Hai ông cộng tác với đoàn Thanh Minh - Thanh Nga từ đầu năm 1960. Đến năm 1964, đoàn hát Dạ Lý Hương của bầu Xuân ra đời. Hà Triều - Hoa Phượng được mời về cộng tác. Trên sân khấu mới này, cặp Hà Triều - Hoa Phượng lại nổi danh thêm với một loạt tuồng "chưởng": *Cô gái Đồ Long*, *Anh hùng xạ điêu*, *Lệnh xé xác* viết chung với Tuấn Khanh, *Thiên hà lang quân*... Đến năm 1965, đoàn Dạ Lý Hương diễn vở xã hội *Nỗi buồn con gái* hay *Tần nương thất* của Hà Triều - Hoa Phượng, vở hát này được Ban tuyển chọn giải Thanh Tâm bình chọn là tuồng cải lương hay nhất trong năm với số điểm vượt xa các vở hát khác để phát giải "Vở hát đoạt giải hay nhất".

Bất ngờ, sau khi diễn xong tuồng *Nỗi buồn con gái*, liên danh Hà Triều - Hoa Phượng lặng lẽ chia tay - gây nhiều thắc mắc và tiếc rẻ trong giới nghệ sĩ và khán giả mến mộ.

Nguyên nhân của sự chia tay bí ẩn này mãi đến 40 năm sau mới được soạn giả Kiên Giang tiết lộ:

"Hai đứa nó không có mâu thuẫn giận hờn gì, nhưng buộc phải chia tay nhau vì bị bọn "mật vụ" phát hiện cả hai đứa nó còn là "một liên danh" từng hoạt động chung cho cách mạng từ thời Việt Minh. Sau ngày chia tay với Hà Triều, Hoa Phượng còn trong tuổi "quân dịch" nên bằng mọi cách nó phải tránh né để

yên thân, nên từ năm 1966 Hoa Phượng phải bỏ Sàigòn ra miền Trung sống lây lất với các đoàn hát nhỏ trong nhiều năm, nhưng vẫn không yên với bọn mật vụ tay sai chế độ cũ, và anh đã nhiều lần bị bắt vì chúng nghi anh "nằm vùng"..."

Những lý giải của soạn giả Kiên Giang nói trên là ý kiến riêng của ông và điều này ngoài soạn giả Kiên Giang chưa có ai xác nhận. Tuy nhiên, mối quan hệ thân tình giữa hai người vẫn được duy trì và được con cháu Hà Triều – Hoa Phượng tiếp nối cho đến tận ngày Hà Triều qua đời.

Sau khi liên danh tan rã, cũng như Hoa Phượng, Hà Triều lưu lạc khắp miền Nam, viết các kịch bản cho các đoàn diễn địa phương. Ngoài ra, ông còn chuyển thể vở kịch nói *Lá sầu riêng* của soạn giả kịch nói Hoàng Dũng, bút danh của nghệ sĩ kịch nói Kim Cương, với phần nhạc cải lương của Thế Châu. Vở cải lương này được trìng diễn nhiều lần, gần nhất là năm 2006 do Trung tâm Thúy Nga sản xuất, ca sĩ Hương Lan thủ vai chính.

Tuy vẫn tiếp tục viết nhiều kịch cho đến ngày qua đời, nhưng ông không ghi được dấu ấn như lúc còn liên danh với Hoa Phượng, một phần cũng do sự thoái trào của sân khấu cải lương. Trong cuộc sống riêng tư, mãi đến hơn 60 tuổi, Hà Triều mới gặp một người vợ cùng tá túc trong căn phòng nhỏ hẹp cạnh rạp Hưng Đạo, nhưng không bao lâu thì người vợ cũng âm thầm bỏ đi. Ông tiếp tục sống cô độc dù vẫn luôn được nhiều người quan tâm ưu ái cho đến khi qua đời.

Hà Triều sáng tác:

- *Lá sầu riêng* (chuyển thể từ vở kịch nói)

Đồng tác giả với Hoa Phượng:

- *Khi hoa anh đào nở (1957), Nửa đời hương phấn, Tấm lòng của biển, Mưa rừng* (1961), *Thái hậu Dương Vân Nga, Bóng*

hồng sa mạc, Khói sóng tiêu tương, Rồi 30 năm sau, Đêm vĩnh biệt, Sông dài (kịch nói), *Cô gái Đồ Long, Anh hùng xạ điêu, Lệnh xé xác* (chung với Tuấn Khanh), *Thiên hà lang quân, Tần nương thất* hay *Nỗi buồn con gái* (1965)…

Hà Triều qua đời ngày 13 tháng 5 năm 2003 tại Tp. HCM. Thọ 72 tuổi và được chôn cất tại nghĩa trang Chùa Nghệ sĩ.

Tần nương thất

https://www.youtube.com/watch?v=OXGIQAQNQ_k

Hoa Phượng

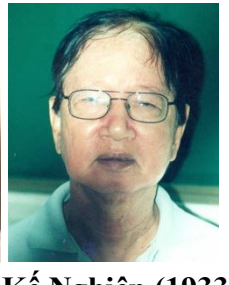

Hoa Phượng – Lương Kế Nghiệp (1933-1984)

Soạn giả Hoa Phượng tên thật là Lương Kế Nghiệp; sinh tại Núi Sập, huyện Thoại Sơn, An Giang. Năm 1947, ông tham gia kháng chiến và từng làm thơ ký tại Ty công an Long Châu Hà.

Năm 1955, ông gặp lại một người bạn cũ thời kháng chiến là Đặng Ngươn Chúc, lúc này cũng đang lưu lạc lên Sàigòn tìm kế sinh nhai. Cả hai cùng hợp tác soạn nội dung tuồng cải lương rồi chia nhau viết, chỉ một tuần là xong, đem đưa nhà thơ kiêm soạn giả Kiên Giang xem. Thấy hay, soạn giả Kiên Giang đem đi dựng trên sân khấu Minh Chí - Việt Hùng. Ban đầu, tên vở được giám đốc kỹ thuật hãng đĩa ASIA - Thái Thụy đặt là *Tình quê hương* vì có nội dung chống quân Minh, sau được đổi lại là *Vì quê hương*. Về tên soạn giả, Đặng Ngươn Chúc đã lấy bút hiệu Hà Triều; còn Lương Kế Nghiệp đặt bút danh là Hoa Phượng, để ghi nhớ tuổi học trò.

Hai vở diễn đầu tay *Vì quê hương* và *Sau cơn gió lốc* chẳng mấy thành công. Năm 1957, soạn giả Kiên Giang được nghệ sĩ Thúy Nga mời về làm chỉ đạo nghệ thuật và lo việc tuồng tích cho đoàn. Vì thế, ông đã đặt hàng Hà Triều - Hoa Phượng viết vở khai trương. Ban đầu, kịch bản mang tên *Lối vào cung cấm*, nhưng được soạn giả Kiên Giang đề nghị đổi sang dạng tình cảm kiếm hiệp Phù Tang với tên mới *Khi hoa anh đào nở*, với thiết kế mỹ thuật, phác thảo mô hình tranh cảnh, âm nhạc mang âm hưởng Nhật Bản... Vở diễn được công diễn liên tục trong 4 tuần, thu được thành công rực rỡ.

Ngoài *Khi hoa anh đào nở*, hai soạn giả còn soạn nhiều vở tuồng nữa, mà trong đó có *Nửa đời hương phấn* cũng rất thành công và được gánh hát Thanh Minh biểu diễn. Những vở tuồng của hai ông thường có nội dung xã hội với lời ca thông thường, hợp với người bình dân và đi thẳng vào thực tế ngoài đời. Ngoài ra, hai ông còn viết 1 vở kịch cho đoàn Thẩm Thúy Hằng là vở *Sông dài* và cũng được hoan nghênh nhiệt liệt, sau này còn được chuyển thể thành phim điện ảnh và cải lương. Ông còn viết sách: *7 bước viết kịch bản sân khấu*.

Đến năm 1965, đoàn Dạ Lý Hương diễn vở xã hội *Nỗi buồn con gái* hay *Tần nương thất* của Hà Triều - Hoa Phượng, vở hát này được Ban tuyển chọn giải Thanh Tâm bình chọn là tuồng cải lương hay nhất trong năm với số điểm vượt xa các vở hát khác để phát giải "Vở hát đoạt giải hay nhất".

Sau vở *Tần nương thất*, đôi soạn giả nầy không còn soạn chung tác phẩm nào khác, kẻ lưu lạc miền Trung, người ở miền Nam, người ta không hiểu lý do bí ẩn nào đã tách rời 2 soạn giả tài danh nầy. Chỉ có soạn giả Kiên Giang, người dẫn dắt 2 ông vào con đư`ơng nghệ thuật sân khấu cải lương giải thích: Họ tách rời nhau vì bị mật vụ theo dõi, do 2 ông từng theo kháng chiến trước năm 1954.

Sau đó, Hoa Phượng tách riêng ra và tự viết tuồng riêng, trong đó có cộng tác với Ngọc Điệp viết tuồng *Tuyệt tình ca*, tức là *Ông Cò Quận 9* cũng rất thành công.

Hoa Phượng có những soạn phẩm cải lương sau đây:

Luật giang hồ, Giữa chốn bụi hồng, Đi biển một mình, Đời phụ anh hùng, Trường tương tư, Hòn đảo thần Vệ Nữ (chuyển thể), Quán rượu Nam Hưng, Trận tuyến thầm lặng, Hạt bụi non cao, Lý mùa xuân. Anh Hai Thìn...

Cùng viết chung với Hà Triều:

- *Khi hoa anh đào nở (1957), Nửa đời hương phấn, Tấm lòng của biển, Mưa rừng* (1961), *Thái hậu Dương Vân Nga, Bóng hồng sa mạc, Khói sóng tiêu tương, Rồi 30 năm sau, Đêm vĩnh biệt, Sông dài* (kịch nói), *Cô gái Đồ Long, Anh hùng xạ điêu, Lệnh xé xác* (chung với Tuấn Khanh), *Thiên hà lang quân, Tần nương thất* hay *Nỗi buồn con gái* (1965) *Đường gươm Nguyên Bá …*

Ngoài ra Hoa Phượng còn có các vở cải lương, viết chung với các soạn giả khác:

- *Tuyệt tình ca* hay *Ông Cò quận 9* viết chung với Ngọc Điệp.
- *Mây bốn phương trời* viết chung với Yến Linh.
- *Trương Chi - Mỵ Nương* viết chung với Kiên Giang.
- *Bóng tối và ánh sáng* viết chung với Ngọc Linh.

Nhìn chung, Hoa Phượng được đánh giá là "*bậc thầy, người anh, người đồng nghiệp thân thiết và tri âm của nhiều nghệ sĩ sân khấu; đồng thời còn là một soạn giả quen thuộc đối với những ai yêu mến bộ môn nghệ thuật cải lương của Việt Nam*".

Hoa Phượng qua đời ngày 22 tháng 10 năm 1984. Thọ 51 tuổi.

Sau này, bạn bè và người thân của hai ông đã quyết định chọn ngày 22 tháng 10 hàng năm làm ngày giỗ chung cho đôi bạn tri kỷ trong làng cải lương.

Tuyệt tình ca

https://www.youtube.com/watch?v=VegUjLfxypY&t=1203s

Thế Châu

Thế Châu - Ngô Văn Long (1936-2005)

Thế Châu tên thật là Ngô Văn Long, sinh năm 1936, lớn lên ở miền quê nổi tiếng trái cây Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương. Thập niên 1960 của thế kỷ trước, ông đã là thầy giáo làng khi tròn 18 tuổi. Tuy bộ môn nghệ thuật cải lương đã ra đời nhưng còn nhiều hạn chế, ở thôn quê ít có dịp xem, vì nhu cầu giải trí thưởng thức nghệ thuật ca cổ, cải lương thầy giáo Long đã tích lũy đồng tiền lương dạy học ít ỏi để mua một máy hát đĩa, loại quay dây thiều, dùng vào việc giải trí sau một ngày dạy học. Cứ mỗi khi mặt trời lặn là sân nhà ông đầy người ngồi chờ nghe ông mở đĩa hát ca cổ, cải lương… Thế rồi ca cổ, cải lương cứ ngấm dần vào tâm hồn ông giáo.

Mùa hè 1964, Ty Giáo dục Bình Dương tổ chức hội thi văn nghệ cho các trường trong tỉnh, trường Tiểu học Lái Thiêu đăng ký dự thi vở cải lương "Lê Lai cứu chúa" do thầy giáo Long sáng tác. Với bút danh Thái Châu lần hội thi ấy trường ông được giải nhất tỉnh.

Lúc sáng tác vở *Lê Lai cứu chúa* dựa theo lịch sử ông chuyển thể cải lương với dạng nghiệp dư cho chương trình văn nghệ địa phương, không ngờ được giải thưởng nhất tỉnh. Trong lần

liên hoan văn nghệ ấy soạn giả Loan Thảo đã xem và biết được nên tìm đến gặp Thế Châu trao đổi kết bạn và hợp tác sáng tác, từ đó Thế Châu được nhiều tác giả nổi tiếng lúc bây giờ biết và hợp tác sáng tác như: Nhị Kiều, Hoa Phượng, Loan Phượng cùng soạn thảo một số vở cải lương chuyên nghiệp với ông.

Từ 1965-1975, thầy giáo Long vẫn dạy và viết nhiều vở được dàn dựng trên sân khấu Cải lương Đại ban như: Dạ Lý Hương, Kim Chung, Tân Thủ Đô… Ông đã soạn chung với soạn giả Nhị Kiều như: *Qua cầu đắng cay, Tâm sự cha tôi, Vợ tạm chồng hờ*... Viết chung với soạn giả Hoa Phượng, Loan Thảo như: *Bến tương tư, An Lộc Sơn, Hành khất Đại Hiệp*.... Ông cũng tự viết một mình các vở: *Thủ cung xa, Sao trời lại xanh*…

Sau 1975, tiếp tục viết chung rất nhiều vở, ông được sân khấu Đoàn Cải lương Thanh Minh Thanh Nga mời cộng tác, ông sáng tác riêng những vở của mình cho đoàn như: *Bên cầu dệt lụa, Hoa tím bằng lăng, Tấm Cám, Mùa gió chướng*…

Đây là thời điểm vàng son rực rỡ trong cuộc đời theo nghiệp tổ sáng giá đời ông mà vở *Bên cầu dệt lụa* là đỉnh cao để lại trong lòng khán giả mộ điệu khó quên với tâm lý nhân vật "Trần Minh, Nhuận Điền" là những hình ảnh cao đẹp của tình bằng hữu, mà nhất là Huỳnh Nga trọn đạo phu thê, phẩm hạnh đáng được trân trọng.

Năm 1976, vở diễn *Bên cầu dệt lụa* ra đời thành công, soạn giả Thế Châu xác định cải lương là cái nghiệp của mình, nên ông đã rời bục giảng.

Năm 1981, ông cùng hợp tác sáng tác với soạn giả Trần Hà vở *Theo dấu chân hồng* và được dàn dựng cho Đoàn Cải lương Sài Gòn II.

Năm 1983, ông thôi luôn nghề nhà giáo và rời luôn nghiệp cải lương chuyển sang lĩnh vực kinh doanh củi, gỗ. Sau 3 năm lăn

lộn chốn thương trường cơ chế thị trường bất ổn! Việc mua bán củi, gỗ lỗ lã, vốn liếng hụt hẳng ông phải bán cả ngôi nhà đang ở nhưng cũng không thu được đồng lời, như vậy cả vốn lẫn tài sản đều tiêu tan nên việc kinh doanh của ông đi vào bế tắc!

Phải chăng nghiệp tổ còn nặng nợ vương mang? Nên đầu năm 1987, soạn giả Thế Châu trở lại với sân khấu cải lương. Ông cùng soạn giả Trần Hà tiếp tục nghiệp văn chương, hợp tác sáng tác 2 vở: *Chắp cánh chim bằng, Quang Trung hoàng đế của tình yêu* cho Đoàn Cải lương Sài Gòn III.

Sau 1 năm cộng tác với soạn giả Trần Hà và Đoàn Cải lương Sài Gòn III, năm 1988, ông về cộng tác với Đoàn 2-84, Tp. HCM.

Năm 1990, ông hợp tác cùng soạn giả Lê Duy Hạnh sáng tác vở *Lời ru của biển* cho Hội thi sân khấu cải lương chuyên nghiệp. Vở được huy chương vàng hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc. Kể từ đó soạn giả Thế Châu cũng tạm dừng viết kịch bản cho sân khấu cải lương.

Thế Châu là người ít nói, hay cười và nhạy cảm nên rất dễ hòa nhập cùng cảm xúc của soạn giả khác, chính vì sự đồng cảm ấy mà ông đã viết được nhiều loại tuồng: Hương xa, màu sắc, tâm lý xã hội… Sau năm 1975, Thế Châu viết hàng loạt và trong đó có tuồng "Bên Cầu Dệt Lụa" được coi như nổi tiếng nhứt.

Trường hợp tuồng *Bên cầu dệt lụa* bị đạo tuồng nhiều đến nỗi người ta gán cho nó là một "vở quốc tế của dân hát chui" và Thế Châu nổi tiếng chứ không có miếng, Thế Châu muốn yên thân nên cũng không đi kiện cáo vì biết trước là phe ta sẽ binh vực phe ta.

Ngoài cái thời kể trên, *Bên Cầu Dệt Lụa* còn được cái Thế là có nhiều nghệ sĩ tài danh thủ diễn các vai tuồng như: Thanh Nga trong vai Quỳnh Nga, Xuân Lan vai Công Chúa, Thanh

Sang vai Trần Minh, Ngọc Nuôi vai Trần Mẫu, Hoàng Giang trong vai quan Huyện, Thanh Tú trong vai Nhuận Điền, Văn Ngà trong vai Vua.

Sau năm 1975, có nhiều thay đổi lớn trong tâm hồn của người dân miền Nam, có những trường hợp Ông trở thành Thằng, Thằng trở thành Ông, người ta hy vọng và nuôi mộng tưởng về giá trị thủy chung giữa vợ chồng, về tình mẹ con, về tình bạn chân thành.

Vở tuồng Bên Cầu Dệt Lụa của Thế Châu đã đem lại cho khán giả một niềm vui khi được nhắc nhở về đạo đức thủy chung của người Việt Nam.

Soạn giả Thế Châu mãn phần tại Saigon ngày 1 tháng 2 năm 2005. Thọ 69 tuổi.

Bên cầu dệt lụa

https://www.youtube.com/watch?v=dqsntNG7pCM

Hương Sắc

Hương Sắc - Trần Văn Hướng (1940-2014)

Nghệ sĩ - soạn giả Hương Sắc tên thật là Trần Văn Hướng sinh năm 1940 tại Cần Đước, Long An. Gia đình ông có 9 anh chị em, Hương Sắc thứ 9 và nghệ sĩ Hương Huyền, cha của nghệ sĩ Thanh Hằng thứ 10. Người chị thứ ba là bà Ba Khan sinh năm 1926, sau này lấy chồng, lập nghiệp và thành công ở Sàigòn.

Năm 1957, bà Ba Khan mê cải lương, lại có tài sản nên lập gánh hát mời 2 diễn viên nổi tiếng là Minh Chí và Việt Hùng về đoàn mình, lấy tên 2 ngôi sao này làm tên đoàn và ngày khai trương rất thành công.

Đoàn Minh Chí – Việt Hùng ra mắt tại rạp Thành Xương vở *Đường Lên Xứ Thái* của soạn giả Mộc Linh, nội nhật tên tuổi giàn đào kép như Minh Chí, Việt Hùng, Kim Nên là thân mẫu của ca sĩ Thái Châu, Ánh Hoa.. đã thu hút rất nhiều khán giả.

Khi đoàn Minh Chí – Việt Hùng đi diễn, thì ở nhà 2 anh em Hương Sắc và Hương Huyền lên Quán Lệ Liễu xin ca. Đây là một nhà hàng ca nhạc tài tử ở Thị Nghè, tối tối có khách vào ăn uống, ai ca hay thì ghi danh lên hát. Tuy hát không có tiền nhưng người lên hát phải ca giỏi bởi trên sân khấu Lệ Liễu, thầy đờn lúc đó là nhạc sĩ Văn Vĩ, Năm Cơ. Mê ca quá, mà lại chẳng biết nhịp nhàng, Hương Huyền có lần gặp riêng nhạc sĩ Văn Vĩ tâm sự: "*Anh em tụi cháu mê ca hát quá, mà chưa biết*

nhịp nhàng gì, mà chỉ cứ ca "nhóng" theo đại, có cách nào hát được không chú?". Nhạc sĩ Văn Vĩ trả lời: "*Ca nhóng, thì phải ca một cách tự nhiên, chứ tụi cháu mà ca ngượng, là tui bị ngượng theo.. Cứ ca thẳng băng, ca tới đâu tui chạy theo tới đó, chứ ca sượng, là tui sượng luôn. Nhớ nha..*". Theo lời chỉ dẫn đó, Hương Huyền Hương Sắc lên sân khấu ca ào ào, khách ngồi dưới thấy tưởng dân chuyên nghiệp, vỗ tay rần rần. Từ đó, tên tuổi hai anh em, bắt đầu được biết đến trong giới đờn ca tài tử.

Đoàn Minh Chí – Việt Hùng, sau hơn một năm hoạt động, do xích mích nội bộ, đoàn đành phải dẹp. Đến đầu năm 1960, nhân tiện thấy 2 cậu em của mình hát hò càng ngày càng khá, với lòng thương yêu em, nhân tiện xác gánh còn, bà Ba Khan một lần nữa bỏ ra một số tiền thành lập Đoàn Bạch Vân khai trương với vở *Qua Mùa Gió Loạn* tại rạp Thanh Bình với thành phần đào kép Ngọc Ẩn, Bích Sơn, Thanh Thủy, Hương Sắc, Hương Huyền.. Trong đoàn Bạch Vân, còn có một nữ nghệ sĩ tài giỏi, đó là Kim Hoa, con gái của nữ nghệ sĩ Tư Helene, trong năm đó, cô và nghệ sĩ Hương Huyền phải lòng rồi lấy nhau, đến năm 1961 thì hạ sinh ra Thanh Hằng, về sau là một nữ nghệ sĩ xinh đẹp tài giỏi. Năm 1991, Thanh Hằng đoạt Huy Chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Về tài nghệ, Hương Sắc sở trường những vai kép độc mùi. Ông nhiễm Minh Chí nên người ta hay gọi là Minh Chí 2 với lối ca rổn rảng. Ông nổi tiếng với 4 lớp Xuân Tình trong *Tống Tửu Đơn Hùng Tín.*

Cuối năm 1962 Bạch Vân rã gánh, nghệ sĩ Hương Sắc ghi danh vào Khóa Sĩ Quan 17 Nguyễn Thái Học trường Võ Bị Thủ Đức. Năm 64, chuẩn úy Hương Sắc ra trường đóng đô ở Pleiku được ở trong Khối Chiến Tranh Chính Trị. sau đó anh về cộng tác với Ban Văn Nghệ Địa Phương Quân.

Năm 1966, Hương Sắc là trung úy và có cậu em Hương Huyền về theo. Chỉ một năm sau, năm 1967, ban Văn Nghệ Địa Phương Quân sáp nhập vào Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương. Năm 1973, Hương Sắc được thăng chức Đại Úy Biệt Đoàn Phó Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương phụ trách Khối Ca Nhạc Kịch cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Hương Sắc có những vở tuồng nổi tiếng như

- *Từ Hải sa cơ*
- *Đường về núi Ngự,*
- *Bóng hạc chiều thu,*
- *Lá cờ khởi nghĩa Lam Sơn…*

Ông kết hôn với ca sĩ Trúc Ly và có 2 con. Cô con gái tên Trần Ngọc Hương Lý và cậu con trai Trần Kinh Luân, cả hai đều không ai nối nghiệp cầm ca.

Sau năm 1975, Hương Sắc phải đi học tập cải tạo đến năm 1981 mới trở về nhà. Đi diện HO định cư tại Mỹ vào năm 1993. Nhiều năm gần đây, Hương Sắc sống trong một khu nhà dưỡng lão trong vùng thung lũng hoa vàng San José.

Soạn giả Hương Sắc qua đời lúc 1 giờ 23 ngày 16 tháng 2 năm 2014, nhằm chiều 29 Tết năm Quý Tỵ, tại San Jose, California, Mỹ. Thọ 75 tuổi.

Yên Lang

Yên Lang - Nguyễn Ngọc Thanh (1940-2016)

Nguyễn Ngọc Thanh sinh năm 1940 tại Giồng Me, Cầu Kè, Bạc Liêu, nay thuộc phường 2, thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu, Việt Nam.

Năm 1955 ông rời quê lên Sàigòn. Khi đang học tại Trường Trung học Tân Thịnh ở Sàigòn, ông đã gặp nhà thơ Hoài Ngọc và ký giả Phong Vân, những người được cho là đã khuyến khích ông dấn thân vào công việc sáng tác cải lương sau này, dù ông từng rất đam mê thơ văn và từng mong muốn trở thành một nhà thơ. Ông từng tham gia làng văn nghệ Sàigòn với tư cách là một người làm thơ. Với bút danh Huyền Thanh Huyền, Yên Lang đã từng viết văn, làm thơ cho tuần báo *Tầm Nguyên* và báo *Nhân Loại*.

Theo một số nguồn, khi học trung học, Yên Lang đã sáng tác vở kịch nói *Đường lên ải Bắc* trong niên học đầu tiên, khiến ông được chọn làm học sinh giỏi và đã được tham dự trại hè Đà Lạt cùng với hai học sinh khác.

Năm 1960, vở tuồng đầu tiên của ông viết chung với soạn giả Nguyễn Liêu mang tên *Nắng chiều lên cổ tháp* ra đời và được dàn dựng bởi đoàn Song Kiều. Vở thứ hai của ông là vở *Bếp lửa chiều ly biệt* do đoàn Bạch Vân dàn dựng, cũng viết chung với Nguyễn Liêu. Vở thứ ba của ông là vở *Đường về quê ngoại* do ông tự sáng tác, được đoàn Song Kiều biểu diễn, đã gây ra tiếng vang lớn. Yên Lang cho rằng ông đã bắt đầu sự nghiệp từ năm 1960.

Năm 1963, khi bị tuồng cải lương *Đường về quê ngoại* cuốn hút, ông bầu Long của đoàn Kim Chung đã chú ý đến Yên Lang và đã hẹn gặp ông tại văn phòng Kim Chung ở Sài Gòn để bàn việc cộng tác khi hai đoàn hát đang cùng diễn tại Tuy Hòa, Phú Yên, đoàn Kim Chung hát ở rạp Diên Hồng và đoàn Song Kiều, tức đoàn Yên Lang đang làm việc, lúc đó hát ở rạp Nhạn Tháp. Tháng 6 năm 1963 đoàn Song Kiều về hát tại rạp Biên Hùng, Biên Hòa, Yên Lang trở về Sàigòn thăm cô mình

và đã đến văn phòng Kim Chung để gặp ông bầu Long, tại đây Yên Lang được ông bầu thuyết phục và đã đồng ý làm soạn giả thường trực của đoàn. Chỉ sau đó vài tháng thì đoàn Song Kiều tan rã. Tuồng *Đường về quê ngoại* được ông đổi thành *Manh áo quê nghèo* sau khi làm soạn giả thường trực cho đoàn cải lương Kim Chung, và vở tuồng này đã được khán giả yêu cầu đoàn Kim Chung diễn lại nhiều lần. Đây cũng là kịch bản cải lương đầu tiên của ông được diễn trên sân khấu Kim Chung và đã được trình diễn liên tục trong một tháng tại rạp Olympic ở đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn. Yên Lang đã là soạn giả thường trực cho đoàn Kim Chung từ năm 1963 đến cuối tháng 4 năm 1975.

Năm 1963, ông bắt đầu nổi tiếng với những tuồng cải lương thuộc thể loại "kiếm hiệp kỳ tình", là thể loại rất được yêu thích tại Việt Nam trong những năm 1960, 1970. Ông từng là soạn giả của các đoàn Song Kiều, Bạch Vân, Việt Nam Minh Vương, Kim Chung, Dạ Lý Hương, Việt Nam, Du Sĩ Ca Quốc Trầm… và lâu nhất là với đoàn Kim Chung. Nhiều nghệ sĩ cải lương đã nổi tiếng vì những vở tuồng của ông.

Ngoài sáng tác, ông còn đào tạo cho nhiều người khác, như soạn giả Nguyên Thảo là em ruột của ông, tác giả của *Kiếp nào có yêu nhau*, và Lam Tuyền, người chuyển thể *Lá sầu riêng*, là con trai ông.

Ông kết hôn với Kiều Oanh, là đào chánh và là con gái của ông bầu đoàn Song Kiều là Năm Thành và bà Chín Điệp trong thời gian làm soạn giả cho đoàn Song Kiều. Đám cưới của hai ông bà được tổ chức tại rạp Chung Bá, nay là rạp Cao Văn Lầu, rước dâu rồi về nhà tại Giồng Me, Cầu Kè, Bạc Liêu. Theo một nguồn thì nghệ sĩ Kiều Oanh, tên thật là Trần Thị Kiều Oanh, là con ruột của ông bầu gánh Chấn Hưng, nhưng từ khi còn nhỏ bà đã được ông bầu đoàn Song Kiều nhận làm con nuôi, khiến Yên Lang trở thành rể của hai ông bầu của hai gánh hát nổi tiếng đương thời.

Vốn là sĩ quan trong ngành Cảnh sát Quốc gia Việt Nam Cộng hòa, sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc vào năm 1975, Yên Lang đã bị đưa đi cải tạo trong 6 năm, năm 1995 cả gia đình ông đến định cư ở Hoa Kỳ diện HO, theo báo Thanh Niên thì ông phải xuất ngoại "vì manh áo chén cơm". Ban đầu ông định cư ở Atlanta, Georgia, sau lại chuyển về San Diego, California. Khi được Tường Dũ, Tô Kiều Phương, Nhật Hồng... khuyến khích, ông cùng với vợ đã chuyển về sống tại Sài Gòn Nhỏ.

Ông đã sáng tác nhiều kịch bản cải lương nổi tiếng như:

- *Bão biển, Bão cát, Băng Tuyền nữ chúa, Bếp lửa chiều ly biệt, Cuối mùa lá rụng, Đêm lạnh chùa hoang, Đường về quê ngoại*, sau là *Manh áo quê nghèo, Hỏa Sơn thần nữ, Khi trời lạnh sương khuya, Máu nhuộm sân chùa* hay *Pháo hồng tiễn bước em đi, Mùa thu trên Bạch Mã Sơn, Nắng chiều lên cổ tháp* (1960), *Nắng thu về ngõ trúc, Người phu khiêng kiệu cưới, Ngựa hoang về núi, Nhất kiếm bá vương, Thủ lĩnh Cốc Sơn, Tình bằng hữu, Tình hận trên băng hồ, Tây Thi.*

Sáng tác sau năm 1975:

- *Khi rừng thu thay lá, Kỷ niệm thời con gái,Một chuyện tình buồn.*

Sáng tác chung với các soạn giả khác:

- *Bẻ kiếm bên trời* (viết chung với Thiên Lý)
- *Quán khuya sầu viễn khách* (viết chung với Hồng Điệp)
- *Tâm sự loài chim biển* hay *Áo Vũ Cơ Hàn* (viết chung với Nguyên Thảo)
- *Thằng điên vùng Bến Hạ* (viết chung với Nguyên Thảo)

Các tuồng cải lương do ông sáng tác được đánh giá là có cốt truyện "hấp dẫn", bố cục gọn gàng và hợp lý. Các kịch bản của ông thường dùng những từ ngữ bình dân và dễ hiểu, không cầu

kỳ, dễ hát và dễ thuộc. Đa số các kịch bản của Yên Lang đều thuộc thể loại kiếm hiệp, hương xa.

Do ruột bị biến chứng và suy thận, Yên Lang đã qua đời tại Bệnh viện Garden Grove, California vào lúc 8 giờ 55 phút ngày 5 tháng 6 năm 2017, sau một thời gian hôn mê sâu. Thọ 77 tuổi. Tang lễ của ông được tổ chức tại nhà quàn Peek Funeral Home, khu Bolsa, thành phố Wesminster, California rồi hỏa táng.

Yên Ba

Yên Ba - Nguyễn Hữu Giác (1941-2001)

Soạn giả Yên Ba tên thật là Nguyễn Hữu Giác, sinh năm 1941. quê quán tỉnh Bình Thuận. Anh sinh ra trong một gia đình dân dã, cha mất sớm, mẹ vào chùa qui y. Năm 13 tuổi, Hữu Giác vào Sàigòn làm nghề đánh giày, để kiếm tiền vào học ở các trường bán công. Nhưng rồi cũng bế tắt việc học, nên anh theo đoàn Cải Lương để có chỗ gởi thân chứ chẳng có chuyên môn gì cả.

Ban đầu Hữu Giác chỉ làm nhiệm vụ kéo mản ở sân khấu, kéo màn được một thời gian thì một hôm, do đầu óc đang nghĩ đâu đâu, anh quên cả kéo màn để chuyển cảnh. Ông bầu đuổi anh xuống hậu đài. Do nhỏ con, ốm yếu, làm hậu đài cũng không xong, cuối cùng anh bị chủ đuổi việc.

Túng quá, Giác xin chạy bàn cho một nhà hàng. Thấy anh thật thà, đẹp trai, thông minh, lại gặp hoàn cảnh khó khăn nên bà chủ nhà hàng thương và nhận anh làm con nuôi. Thế là Giác lại

được tiếp tục đi học. Anh học tới Đệ nhị, tức hết lớp 11 ngày nay, thì nhà hàng bị đóng cửa. Gia đình má nuôi về Quy Nhơn làm ăn, còn Nguyễn Hữu Giác thì theo một người thợ nấu của nhà hàng về đất Gò Công.

Ở Gò Công, Nguyễn Hữu Giác về Gò Nổi, bên phà Mỹ Lợi để tìm việc, nhưng chẳng có việc gì làm được lâu. Anh lại nhờ người thợ nấu đi xin việc khác, cuối cùng anh được làm thư ký cho làng Tân Quy. Một lần đi làm thẻ căn cước, loại chứng minh nhân dân ngày nay, anh gặp người con gái xinh đẹp, đó là Phạm Thị Hạnh, một người buôn bán ở chợ Hòa Đồng, nay gọi là chợ Vĩnh Bình, thị trấn của huyện Gò Công Tây, hai người cảm mến và đi đến hôn nhân. Ở Vĩnh Bình, anh bị bắt đi lính. Làm lính văn phòng được vài tháng thì anh bỏ trốn, về lại Sài Gòn kiếm sống. Ở Sàigòn, anh quyết định phải "tầm sư học đạo" để gắn bó với sân khấu cải lương. Và rồi anh tìm đến Hà Triều và Hoa Phượng, hai soạn giả có tiếng ở Sàigòn trong thập niên 60 của thế kỷ 20. Từ đây, cánh cửa đang mở ra với đời anh. Anh lấy những tháng năm lận đận của đời mình để cùng Hoa Phượng xây dựng một cốt truyện. Thế là thầy và trò: Soạn giả Hoa Phượng và anh chỉ mất vài tuần là có ngay kịch bản *Chuyến xe hôn lễ.* Kịch bản này được dàn dựng và ra mắt trên sân khấu Thủ Đô II, do Minh Phụng đóng vai chánh. Công chúng từng biết tên soạn giả Hoa Phượng, bây giờ biết thêm một soạn giả mới: Yên Ba, bút danh của Nguyễn Hữu Giác.

Năm 1965, sau thắng lợi của *Chuyến xe hôn lễ,* Yên Ba chuẩn bị cho một kịch bản mới. Lần này anh hợp soạn với Loan Thảo để cho ra đời *Tiếng hạc trong trăng*. Câu chuyện cảm động về chàng Bình Thiếu Quân dẫn em gái mù Xuyên Lan đi tìm Lý Bình Thanh để đưa thơ, nhưng khi đến thì gặp bọn cướp, may nhờ có hiệp sĩ Tô Điền giải cứu. Kịch bản này được các nghệ sĩ Thành Được, Thanh Nga, Thanh Sang, Hoàng Giang, Kim Giác, Tám Vân... thực hiện, đoạt giải Thanh Tâm (1966). Danh tiếng soạn giả Yên Ba nổi lên từ đó.

Nhận ra mình đã ở trong "làng sân khấu cải lương" vào thời điểm cực thịnh của miền Nam, Yên Ba dồn tất cả sức lực cho các kịch bản cải lương. Liên tiếp các kịch bản được hợp soạn, hoặc của riêng Yên Ba được ra đời. Vở *Cho trọn cuộc tình* của Yên Ba được diễn trên sân khấu Dạ Lý Hương do nghệ sĩ Hùng Cường và Bạch Tuyết thủ vai chính, đã lay động mạnh trái tim khán giả hồi đó. Nội dung kể về bi kịch của gia đình Dũng - một võ sĩ quyền anh nổi tiếng đã "gác găng" phải sống ly thân với người vợ xinh đẹp và giàu có là Yến Lan. Khi Dũng không còn nổi tiếng, Yến Lan đi theo tiếng gọi của một tên "Sở Khanh". Còn Dũng thì yêu thương cô bé Thúy An - một cô gái sinh ra trong một gia đình bất hạnh, phải ở viện mồ côi, trong lúc con riêng của Yến Lan là Thành từng yêu đơn phương Thúy An. Sau khi bị tên "Sở Khanh" lường gạt, xúi bán biệt thự mà Dũng tạo ra, Yến Lan muốn trở lại với Dũng. Nhưng đã muộn. Dũng tìm cách xa Thúy An cho Thúy An và Thành được yêu nhau. Một ngày nọ, Yến Lan trở về, thấy cây súng của tên "Sở Khanh" trong nhà, bà bắn tên Sở Khanh và bắn luôn cả Dũng khi Dũng ngăn bà lại. Tỉnh lại, bà đau đớn biết mình đã giết chồng. Bên cạnh, Thúy An và Thành đang khóc lóc xót thương cho Dũng. Vở này đã tạo ra sóng gió trên sân khấu cải lương Sàigòn. Năm 1971, vở đoạt được giải Kim Khánh. Năm 1972, được khán giả bình chọn là kịch bản hay nhất do báo *Sân khấu kịch trường* tổ chức. Sau năm 1975, được Sàigòn video sản xuất thành phim cải lương.

Sau ngày miền Nam giải phóng 30-4-1975, soạn giả Yên Ba tiếp tục làm việc cho đoàn cải lương Phước Chung do nghệ sĩ ưu tú Thanh Hùng làm trưởng đoàn. Cuối năm 1980, anh xin nghỉ việc về quê vợ Gò Công Tây sinh sống. Anh mang theo chiếc xe tải nhỏ- vốn liếng hàng chục năm lao động nghệ thuật của mình - về chợ Vĩnh Bình, thị trấn huyện Gò Công Tây, định chở hàng ở chợ để kiếm sống hàng ngày. Nhưng giữa thời bao cấp, chẳng mấy ai thuê chở bằng xe hơi mà chỉ thuê xe ba bánh, vì thế mà anh đành bán xe, phụ vợ buôn bán và làm vườn tại vùng ven thị trấn. Anh sinh hoạt trong Chi hội Sân khấu của

Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Tiền Giang. Tại đây, năm 1981, anh đã gặp soạn giả Châu Thanh đang công tác tại Sở Văn hóa Thông tin - người đã có nhiều bài ca cổ nổi tiếng từ trong chiến tranh. Hai người tài gặp nhau, tâm đầu hợp ý, cùng nhau hợp soạn vở *Tiên sa Gành Ráng*. Vở này trở thành kịch mục ăn khách của các đoàn cải lương tại Tiền Giang. Năm 1982, Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thu hình và phát sóng nhiều lần. Những năm đầu sau giải phóng, có được một vở thu hình, phát sóng thật không dễ dàng.

Năm 1984, người vợ hiền của anh qua đời do bị bệnh, anh phải chịu cảnh "gà trống nuôi con" khi 3 đứa con trai còn ít tuổi. Thương cảnh ngộ của người anh rể, em gái vợ - chị Phạm Thị Bạch Tuyết tự nguyện thay chị để chăm sóc các con anh. Năm sau, hai người đi đến hôn nhân. Mối lương duyên thật đẹp. Chị có với anh 2 trai. Anh lại yên tâm để ngồi sáng tác. Năm 1990, anh lại cùng soạn giả Châu Thanh hợp soạn vở *"Đừng quên kỷ niệm"*, được đạo diễn Trần Ngọc Giàu dàn dựng cho đoàn cải lương Sông Tiền. Vở cải lương này dự Liên hoan Sân khấu toàn quốc được đánh giá cao, với 3 Huy chương vàng, 4 Huy chương bạc, 2 Huy chương đồng cho các cá nhân.

Những vở tuồng cải lương do Yên Ba biên soạn:

- *Cho trọn cuộc tình, Trác Văn Quân*, *La Thành thọ tiễn, Trả thù đời, Bụi Đời, Lửa Tình, Tình kỹ nữ, Tình một thuở còn vương…*

Yên Ba cùng với những soạn giả khác đã biên soạn các vở tuồng cải lương khác như:

- Đồng soạn giả với Hoa Phượng: *Chuyến xe hôn lễ.*
- Đồng soạn giả với Loan Thảo vở *Tiếng hạc trong trăng.*
- Đồng soạn giả với Trần Hà vở *Nguyên soái bán vợ.*
- Đồng soạn giả với An Dạ Thảo vở *Tôn Tẫn giả điên.*

- Đồng soạn giả với Châu Thanh vở *Tiên sa Gành Ráng* và *Đừng quên kỷ niệm.*

Sau năm 1990, soạn giả Yên Ba về ở ẩn tại ấp Hạ, vùng ven thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Giữa khu vườn rộng khoảng 3 công của gia đình vợ, trong ngôi nhà đơn sơ, anh cho ra đời nhiều tác phẩm góp phần với phong trào văn nghệ tại địa phương và nhiều tấu hài cho Sài Gòn video.

Năm 2001, soạn giả Yên Ba trút hơi thở cuối cùng trong ngôi nhà mà anh ở ẩn tại ấp Hạ, thị trấn Vĩnh Bình. Thọ 60 tuổi. Ngôi mộ được vợ con anh xây dựng trong khu vườn này. Anh đã về cõi vĩnh hằng, nhưng cuộc đời đầy thăng trầm, sóng gió của anh, người ta thấy cứ thấp thoáng đâu đó trong các kịch bản mà anh để lại cho nhân thế.

Loan Thảo

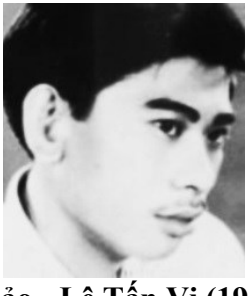

Loan Thảo - Lê Tấn Vị (1942-1982)

Soạn giả Loan Thảo tên thật là Lê Tấn Vị sinh năm 1942, tại Bạc Liêu. Ngoài bút danh Loan Thảo, ông còn bút danh khác là Quế Anh, Quế Chi, Anh Vị, Dạ Thảo, Hoàng-Loan (Hoàng Việt – Loan Thảo). Là con của một vị lương y thuốc Nam khá giả, có tâm ở địa phương, ảnh hưởng từ sự dưỡng dục của gia đình, cộng với tâm hồn nghệ sĩ, cùng năng khiếu văn chương, trí thông minh của mình Loan Thảo đã là một cây viết báo tường có tiếng ngay còn ờ dưới mái trường.

Loan Thảo có một giọng ca hay, từng đi thi một cuộc thi cải lương nhỏ nhưng về sau một cơn bệnh đã lấy đi giọng ca nên anh đi học đàn cổ nhạc, vững về nhịp nhàng cũng như xứ lý tình huống bài bản vắn trong cải lương, trong anh đã hội tụ đủ những tiêu thức để trở thành một soạn giả lớn ở độ tuổi rất trẻ.

Khi mới 20 tuổi, năm 1962 soạn giả Loan Thảo đã nổi danh trên bầu trời đầy sao với những tên tuổi lớn như Hà Triều, Hoa Phượng, Yên Lang, Quy Sắc, Kiên Giang, Nguyễn Phương, Thu An... với vở tuồng *Khi rừng mới sang Thu* trên sân khấu Thành Được - Út Bạch Lan, một vở tuồng chủ lực của đoàn mới thành lập. cùng hợp soạn với soạn giả đàn anh, đàn thầy Quy Sắc. Được biết những soạn giả mới vào nghề thường phải đứng liên doanh hay đứng sau một soạn giả tên tuổi thường trực nào đó, và một vở tuồng hay thường có sự tham gia ít nhất hai soạn giả, người viết cốt truyện, tạo nhân vật, người viết lời ca, tạo tâm lý nhân vật và mỗi cảnh, mỗi hoàn cảnh cần những người viết khác nhau, chỉ có một ít số tuồng chỉ có một soạn giả.Với tên tuổi của mình, ông đã giới thiệu nghệ sĩ Nguyên Hạnh đi hát ở Ban cải lương Vân Kiều trên Đài truyền hình Sàigòn, Loan Thảo là một con người hoa đồng, cỏ nội và hay giao du, giao lưu với các thầy đàn cổ nhạc, ông có mối quan hệ khá rộng ngay từ mới bước vào nghề.

Năm 1963, soạn giả Loan Thảo thành công với tuồng ăn khách trên sân khấu Thủ Đô cùng với soạn giả trẻ cùng trang lứa Hoàng Việt với vở tuồng *Bóng Hồng Sa Mạc*. Sau đó ông cùng với soạn giả Hoàng Việt có những vở tuồng nổi tiếng như *Sở Vân Cứu Giá, Sở Vân Cưới Vợ,Tiêu anh Phụng,Con Gái Vua Trần Nhân Tông, Đường Lên Thiên Thai...*

Năm 1964, ông có công phát hiện và dìu đắt một soạn giả tên tuổi khác từ dưới mái trường, đó là soạn giả Thế Châu, người nổi tiếng nhất qua vở *Bên Cầu Dệt Lụa, Trái Sầu Riêng*... trong khi soạn giả Thế Châu chỉ là một thầy giáo ở Lái Thiêu, Bình Dương. Tiếng lành đồn xa, có một ông thầy giáo sáng tác cải

lương rất hay, mới đoạt giải cấp trường nên với cái tâm yêu quí cải lương, biết trọng người tài hiếm thấy, soạn giả Loan Thảo đã tìm đến và nhận Thế Châu làm đệ tử. Sau này soạn giả Thế Châu muốn truyền nghề lại cho con trai Loan Thảo, Quế Thanh đề đền ơn, ông nói " Cả đời tao không nhận ai làm đệ tử nhưng nhớ ơn ba mày nhận tao làm đệ tử nên tao muốn nhận mày làm đệ tử", nhưng có lẽ duyên nhà nghề đã hết, nên Quế Thanh từ chối với lý do mẹ không thích con theo nghề của cha nữa. Loan Thảo và Thế Châu có những vở tuồng chung như *Bao Công Xử án Trần Thế Mỹ, Bạch Viên Tôn Cát, Lưu Minh Châu, Ru Em Vào Mộng, Mười Năm Không Nói, Chung Vô Diệm, Đào Tam Xuân*... dường như ông có nghiệp duyên với nghề giáo ở vùng đất Bình Dương, người hợp soạn đầu tiên của ông là một thầy giáo ở Bình Dương, soạn giả Qui Sắc thì người đệ tử, cộng tác thâm tình với ông lâu nhất là soạn giả Thế Châu cũng là một thầy giáo ở Bình Dương.

Năm 1965, năm 1966 ông khẳng định tên tuổi mình trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, thay soạn giả Hà Triều Hoa Phượng về đoàn Dạ Lý Hương với các vở tuồng *Tiếng hạc trong trăng, Bức ngôn đồ Đại Việt, Trăng lên đỉnh núi...Đặc* biệt tuồng *Tiếng hạc trong trăng* cùng hợp soan với một soạn giả trẻ khác, lớn hơn ông chỉ một tuổi đó lá soạn giả Yên Ba, đã đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật của Tổng thống Việt Nam Công Hoa, và đoạt giải Thanh Tâm năm 1966, và nghệ sĩ Thành Được đoạt giải Thanh Tâm xuất sắc cùng năm với vai tướng cướp Thi Đằng của vở này.

Hai soạn giả Yên Ba, Loan Thảo sau *Tiếng hạc trong trăng* năm 1966, hai ông tách ra mỗi người một ngã. Loan Thảo về nắm kỹ thuật cho Hãng dĩa Việt Nam, chỉ thấy ông viết một số tuồng ngắn và những bản tân cổ giao duyên để thâu băng của chủ hãng đĩa cô Sáu Liên. Thấy được tài năng của một soạn giả trẻ và sức cạnh tranh các hãng đĩa khác nên cô Sáu Liên đã mời soạn giả Loan Thảo về làm biên tập, đạo diễn cải lương và cây bút chủ lực cho hãng. Nhóm soạn giả trẻ Loan Thảo, Thế

Châu, Yên Ba, Hoàng Việt đã đưa tên tuổi hãng đĩa Việt Nam hùng mạnh nhất, còn vang tiếng cho đến ngày nay và các soạn giả này có đời sống thoải mái, giàu sang hơn bao giờ hết. Nhiều nghệ sĩ trẻ muốn thành danh và làm giàu thời buổi bấy giờ phải thành công qua các hãng đĩa, đặc biệt là hãng đĩa có sự cộng tác, tham gia của nhiều soạn giả tài năng như hãng đĩa Việt Nam, nên soạn giả Loan Thảo là soạn giả có quyền lực nhất trong thập niên 60, những tuồng cải lương kinh điển còn đến bây giờ đều qua bộ óc biên tập của ông..

Song song với công việc thường trực ở hãng đĩa Việt Nam, soạn giả Loan Thảo còn viết tuồng cho các đại bang xã hội kiếm hiệp như Dạ Lý Hương, Kim Chung...cuộc đời ông cũng như nhiều nghệ sĩ, soạn giả tài danh khác xuôi ngược trên các sân khấu lớn của miền nam thời hoàng kim..Chỗ nào thích, sống tốt, thì cộng tác...với tài năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau như tân cổ giao duyên, tuồng hương xa, kiếm hiệp, xã hội...Loan Thảo có thể thành danh và sống trên bất kỳ sân khấu nào. Ông còn cộng tác với nhiều soạn giả khác như Yên Lang, môt soạn giả thường trực của đoàn Kim Chung mạnh về các tuồng kiếm hiệp, qua các vở tuồng như *Xin một lần yêu nhau, Tây Thi* (1973), *Hành khất đại hiệp*.

Ngoài ra ông còn hợp tác với soạn giả Nhị Kiều tuồng *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu*, ông có biệt tài đo ni đóng giày ngay cả trong bài tân cổ giao duyên, hầu hết các giọng ca thập niên 60. 70 thế kỷ hai mươi đều thành công, sáng thêm tên tuổi khi ca ít nhiều các bài và diễn tuồng của ông, các tuồng của nhiều soạn giả khác khi thu lại tại hãng đĩa Việt Nam đều có công biên tập, chỉnh sữa, đạo diễn của ông đê lưu danh đến ngày nay. Ông có một quyền lực rất lớn trong giới nghệ thuật nhưng chưa nghe một câu phàn nàn từ bất kỳ một nghệ sĩ nào về ông.

Năm 1972, ông cùng soạn giả Yên Lang về làm soạn giả thường trưc cho đoàn Viêt Nam - Minh Vương với vở cải lương *Nắng Thu về ngõ trúc* với số giao kèo gấp đôi mà Bầu

Long đoàn Kim Chung trả, một năm sau đó ông lại hợp tác với soạn giả Yên lang trên sân khấu Kim Chung tuồng *Tây Thi*.

Cũng năm 1972, tác giả Loan Thảo cùng với soạn giả Hoàng Việt của hãng đĩa Việt Nam, đã đưa tên tuổi hai tài danh Thanh Kim Huệ và Chí Tâm lên danh sách hàng sao thượng thặng của cải lương miền Nam, qua vở tuồng ăn khách nhất, tuồng *Lan và Điệp*, không biết Lan và Điệp quê ở đâu mà có lá bàng, ngọn mẹ Tây, có hàng Điệp soi mình bóng nước, có mái nhà tranh, con đường đất đất đỏ, chiếc cầu tre gẩy nhịp, nơi mà con gái phải lo cho cha tách nước, hầu mẹ miếng trầu, tuổi ấu thơ thì có thể tắm song, hái ổi...cảnh trí trong vở cải lương *Lan và Điệp* của Loan Thảo như một cảnh đâu đó ở một tình miền Đông Nam Bộ, khác với cái làng quê chợ Gỏ trong tác phẩm gốc *Tắt lửa lòng* của Nguyễn Công Hoan, người quê Thái Bình cho biết Điệp lên Hà Nội tiếp tục đường học vấn công danh nên Lan và Điệp quê ở tận ngoài Bắc...

Cải lương thịnh hành ở miền Nam, nên khi chuyển thể cải lương, soạn giả Loan Thảo tài tình biến cô Lan miền Bắc thành người miền Nam để tạo cảm giác gần gũi cho khán giả miền Nam, chuyển thể một tác phẩm, viết một bài vọng cổ giao duyên từ một bài nhạc, soạn lại một tuồng nổi tiếng trước đây làm cho tác phẩm, bài nhạc, tuồng đó nổi hơn, hay hơn, mở rộng hơn đó là điều chúng ta nên nghiên cứu học hỏi từ soạn giả Loan Thảo.

Sự nghiệp của ông bị ảnh hưởng rất nhiều của cuộc chiến Mậu Thân năm 1968, tình hình giới nghiêm do cuộc chiến kéo dài năm 1975, và phong trào phim Hồng Kông kiếm hiệp lấn át, nhưng không vì thế mà ông buông bỏ, ông tận dụng thế mạnh của phim, tâm lý khán giả để chuyển thể nhiều bộ phim hay thành tuồng cải lương hấp dẫn, lôi kéo khán giả đến rạp trong điều kiện như thế, như *Trăng lên đỉnh núi, Sở Vân, Tiêu Anh Phụng, Hoa Mộc Lan*...

Soạn giả Loan Thảo gắn bó với hãng đĩa Việt Nam đến ngày 30-4-1975, nhiều bài hát của ông chưa kịp phát hành, và nhiều bài ca đã thâu nhưng chưa kịp xuất bản qua các giọng ca Bích Hạnh, Hà Mỹ Xuân....sinh thời ộng cũng không ưa thích chụp hình, nên trận hỏa hoạn tại nhà năm 1982, trước khi ông mất đã cướp đi hết những tin tức, tài liệu hình ảnh về cải lương nói chung và về Loan Thảo nói riêng, những người thân trong gia đình cũng không có tấm hình nào để làm đám tang, phải dùng hình phát hoạ từ hội sân khấu cho soạn giả Loan Thảo. Hai tấm ảnh duy nhất ngày nay về tác giả Loan Thảo là bức chụp hình đoạt giải Thanh Tâm năm 1966 và một tấm trên mộ bia.

Sau năm 1975, ông không bị đi tù cải tạo hay bị cấm hành nghệ như những soạn giả Ngọc Điệp, Mộc Linh, Yên Lang, Hương Sắc... nên ông tham gia viết một số bài tân cổ giao duyên cách mạng như *Bà Mẹ miền Nam, Cô gái Sàigòn đi tải đạn, Tình đất đỏ miền đông, Đàn sáo Hậu Giang, Chiếc xuồng mới, Chiếc áo bà ba...*với một bút danh mới Anh Vị (có tên con trai ông) còn tuồng tích thì hoàn toàn không có s áng tác thêm.

Sau năm 1975, các hãng đĩa bị kiểm duyệt, đánh tư sản nên ông lâm vào thế ngặt nghèo, thiếu cả gạo ăn, và nghe nói đâu ông nghiện hút chích, nên qua đời sớm ở tuổi 40, và bạn ăn ý hợp soạn với ông soạn giả Hoàng Việt cũng cùng chung số phận.

Các vở cải lương do Loan Thảo biên soạn:

- *Lan và Điệp* (1972), *Bức ngôn đồ Đại Việt, Trăng lên đỉnh núi, Dạ Xoa Hoàng Hậu, Tái sanh duyên, Bao công phò nhị tẩu, Lương Sơn Bá II, Thanh xà bạch xà* (Đoàn Út Bạch Lan), *Tiếu ngạo giang hồ. Tô Đắc Kỷ, Trương chi My Nương, Giọt lệ cung phi, Mạnh Lệ Quân thoát hài, Hạnh Nguyên cống Hồ, Trúng độc đắc, Mạnh Lệ Quân, Cây gậy thần, Nhị Độ Mai ...*

Loan Thảo cùng hợp soạn những vở cải lương với các soạn giả khác:

- Đồng soạn giả với Thế Châu vở *Bạch Viên Tôn Cát, Mười năm không nói, Giọt lệ cung phi, Bao Công xử án Trần Thế Mỹ, Đào Tam Xuân, Chung Vô Diệm, Lưu Minh Châu, Tiếng hạt trong trăng* (và Yên Ba), *Hành khất đại hiệp* hay *Ru em vào mộng* (và Yên Lang).
- Đồng soạn giả với Hoàng Việt vở *Bóng hồng sa mạc* (1964 do Hà Trần Quang, đạo diễn), *Đường nào lên Thiên Thai, Con gái vua Trần Nhân Tông, Sở Vân cưới vợ, Sở Vân cứu giá.*
- Đồng soạn giả với Hoàng Lan vở *Tiêu anh Phụng, Hoa Mộc Lan.*
- Đồng soạn giả với Hoa Phượng vở *Đường gươm Nguyên Bá.*
- Đồng soạn giả với Yên Lang vở *Tây Thi* (1973), *Xin một lần yêu nhau.*
- Đồng soạn giả với Nhị Kiều vở *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu.*
- Đồng soạn giả với Quy Sắc vở *Khi rừng mới sang Thu* (1962)
- Đồng soạn giả với Lê Văn Dương vở *Phàn Lê Huê.*

Soạn giả Loan Thảo mất năm 1982. Thọ 40 tuổi. An táng tai Nghĩa trang nghệ sĩ trong một ngôi mộ đá hoa cương do vợ con lập. Ông để lại một người vợ khả ai hiện sống ở Mỹ, và một con gái Quế Chi sinh năm 1971, một con trai Quế Thanh sinh năm 1973. Các con ông thỉnh thoảng vẫn được mời lên các chương trinh liveshow cải lương để vinh danh cha mình. Bà Quế Anh bây giờ đã làm bà ngoại nhưng không khuyến khích con cái theo cái nghề lắm vinh quang cũng lắm tủi nhục này, nhất là những chuyến lưu diễn dài xa mái ấm gia đình, xa người thân yêu.

Thời hoàng kim của Cải lương đã qua lâu lắm rồi, nhưng các soạn giả cải lương danh tiếng vẫn còn được giới mộ điệu nhắc đến như Năm Châu, Trần Hữu Trang, Kiên Giang ,Viễn

Châu… Họ đã để lại cho đời một số vở cải lương nổi tiếng như:

- *Lan và Điệp* (Trần Hữu Trang)
- *Tô Ánh Nguyệt* (Trần Hữu Trang)
- *Đời cô Lựu* (Trần Hữu Trang)
- *Khi hoa Anh Đào nở* (Hà Triều – Hoa Phượng)
- *Người phu khiêng kiệu cưới* (Yên Lang, Nguyên Thảo)
- *Khi rừng mới sang thu* (Quy Sắc, Loan Thảo)
- *Tuyệt tình ca* (Hoa Phượng, Ngọc Điệp)
- *Mưa rừng* (Hà Triều – Hoa Phượng)
- *Người vợ không bao giờ cưới* (Kiên Giang – Quy Sắc)
- *Lá sầu riêng* (Kịch bản: Hoàng Dũng; chuyển thể: Thế Châu)
- *Nửa đời hương phấn* (Hà Triều – Hoa Phượng)
- *Tiếng hạc trong trăng* (Loan Thảo – Yên Ba)
- *Sân khấu về khuya* (Nguyễn Thành Châu)
- *Bên cầu dệt lụa* (Thế Châu)
- *Tiếng trống Mê Linh* (Vĩnh Điền)
- *Tấm lòng của biển* (Hà Triều – Hoa Phượng)
- *Tiếng hạc trong trăng* (Yên Ba, Loan Thảo)
- *Thái hậu Dương Vân Nga* (Tác giả: Trúc Đường; chuyển thể: Hoa Phượng, Chi Lăng, Hoàng Việt, Thể Hà Vân)
- *Con gái chị Hằng* (Hà Triều – Hoa Phượng)
- *Hoa đồng cỏ nội* (Nhị Kiều)
- *Đôi mắt người xưa* (Nguyễn Phương)

Trong số các soạn giả Cải lương nêu trên và những vở tuồng đã kể trên, có soạn giả Năm Châu, Trần Hữu trang và cặp soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng là những soạn giả có những vở tuồng được giới thưởng ngoạn ưa thích nhất, như tuồng *Sân khấu về khuya* của Năm Châu, *Đời cô Lựu* của Trần Hữu Trang, *Con gái chị Hằng* của Hà Triều – Hoa Phượng.

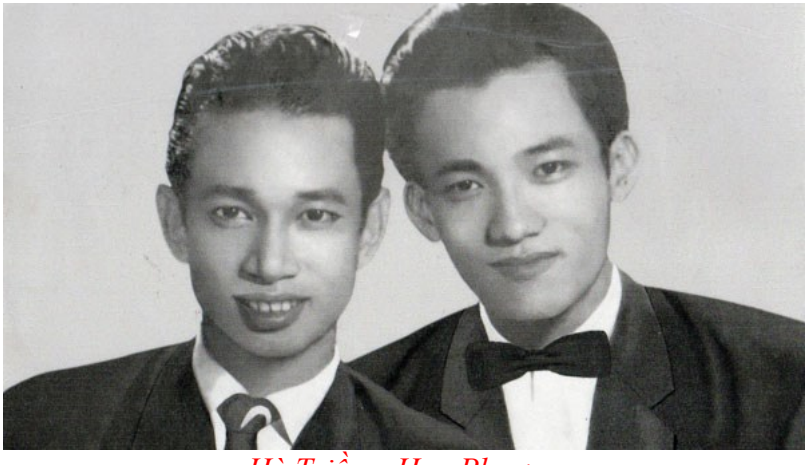

Hà Triều – Hoa Phượng

Con gái chị Hằng

https://www.youtube.com/watch?v=7svausDTc3A

Nửa đời hương phấn

https://www.youtube.com/watch?v=Ztmd-lDFTL4

Nghệ sĩ có cặp đào kép xứng đôi trên sân khấu Thanh Minh – Thanh Nga, đó là Thanh Nga và Thành Được.

Thanh Nga – Thành Được

Các nghệ sĩ Cải lương.

Những nghệ sĩ cải lương tiền phong là những người trước tiên đứng trên sân khấu cải lương trình diễn một vở tuồng hát, ngày nay người ta thường nhắc đến các nghệ sĩ Hai Giỏi, Năm Châu, Từ Anh, Tư Út, Năm Phỉ, Sáu Trâm, Phùng Há, Bảy Nam … rồi đến lớp nghệ sĩ tiếp nối như Năm Nghĩa, Bảy Cao, Út Trà Ôn, Tám Vân, Việt Hùng Minh Chí, Bà Năm Sa Déc, Ngọc Nuôi, Kim Lan, Kim Cúc, Kim Chưởng, Bích Hợp, Kim Chung, Bích Thuận, …cho đến sau nầy Hữu Phước, Thành Được, Diệp Lan, Thanh Tú, Thanh Sang, Út Bạch Lan, Thanh Nga, Bích Sơn, Ngọc Hương, Phượng Liên, Tô Kim Hồng, Kiều Phượng Loan, Kim Hương…Họ đã góp phần làm cho bộ môn Cải lương khởi sắc, tạo thành nét đặc sắc văn hóa, nghệ thuật của người miền Nam.

Họ sẽ được đề cập tới, như vinh danh những nghệ sĩ tài danh của bộ môn nghệ thuật nầy.

Xa hơn, người ta cũng nhắc đến các danh ca trong nhóm Đàn ca tài tử của Nguyễn Tống Triều ở Mỹ Tho, họ có đi Pháp trình diễn tại Hội chợ triển lãm thế giới (*Exposition universelle de Paris*) ở Paris năm 1900 và tại Hội chợ thuộc địa Marseille năm 1906, tiếc rằng đến nay chưa thấy ai sưu tầm, công bố tiểu sử của những danh ca thời đó như cô Ba Đắc, cô Hai Nhiễu, sau họ tiếp nối Ca ra bộ để hình thành Cải lương sau nầy.

Ông Nguyễn Tống Triều ngồi, cô Hai Nhiễu, cô Ba Đắc

Những nghệ sĩ như Hai Gỏi, Ba Du kép hát của Đồng Bào Nam, ngày nay chúng ta cũng chỉ được nghe danh mà thôi, có lẽ bậc đàn anh như Tám Danh, Ba Du còn biết được tiểu sử. Cho nên chúng tôi khởi đầu từ đây.

Tám Danh

Tám Danh - Nguyễn Phương Danh (1901-1976)

Nghệ sĩ Tám Danh tên thật Nguyễn Phương Danh sinh năm 1901 tại làng Nhơn Nghĩa, tổng Định Bảo, quận Châu Thành, tỉnh Cần Thơ, ngày nay là xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Ông sinh ra trong một gia đình có 9 anh chị em, cùng với bố mẹ sinh sống ở bờ kia Vàm Xáng.

Mới 9 tuổi, ông đã biết đàn ca, tham dự trong ban nhạc lễ của xã. Sau đó ông tham gia Ban tài tử Ái Nghĩa, một ban đờn ca nổi tiếng ở Nam kỳ lục tỉnh. Thời kì này, ông còn theo học múa kiếm, đao, côn của bà Bóng Sen ở Cái Răng, đồng thời theo học quyền cước của võ sư Tám Bằng ở Bạc Liêu. Năm 12 tuổi, ông đi theo gánh hát bội nhưng bị cha bắt về. Từ năm 14 tuổi, ông bỏ nhà đi lập nghiệp, đi đàn hát cho các nhà hàng, khách sạn từ Cần Thơ tới Mỹ Tho. Năm 15 tuổi, ông đi hát cho gánh xiếc của ông Andre Thận ở Sa Đéc. Sau đó ông chuyển sang hát cho gánh "hát chặp" của Thầy Năm Tú ở Mỹ Tho, thủ vai trong một số tiết mục do ông Trương Duy Toản sáng tác.

Năm 1918, gánh hát kim thời Đồng Bào Nam, dàn dựng nhiều tuồng tích với các đào kép nổi tiếng như Hai Giỏi và Năm Phỉ. Ông bèn tham dự gánh hát này, khi đó mới 17 tuổi. Ở gánh

này, thỉnh thoảng ông được tham dự các vai phụ. Trong một lần kép chính Hai Giỏi đột nhiên vắng mặt, ông được bà chủ gánh lựa chọn thay thế, và kể từ đó ông trở thành kép chính thức của gánh hát Đồng Bào Nam.

Trên sân khấu *Đồng Bào Nam*, tài năng Tám Danh dần được bộc lộ và ông ngày càng nổi tiếng. Ngoài khả năng diễn xuất, ông còn là người chơi đàn kìm rất điêu luyện. Ông bầu Nguyễn Ngọc Cương thân phụ của nghệ sĩ Kim Cương bầu gánh *Phước Cương* mời ông về hát. Gánh Phước Cương sau là gánh hát lớn với nhiều đào kép nổi tiếng như Năm Nhỏ, Năm Phỉ, Năm Châu, Bảy Nhiêu, Ba Du, Sáu Chương, Bảy Lựu, Tư Huệ... soạn giả chính là Mười Giảng - Đặng Công Danh. Thời gian này ông đã ghi dấu ấn với nhiều vai diễn để đời như Vương Tư Đồ, tuồng *Phụng Nghi Đình*, Bao Công tuồng *Xử Án Bàng Quý Phi*, Tề Thiên Đại Thánh tuồng *Mẫu Đơn Tiên*, Hà Công Yên tuồng *Tứ đổ tường*, Phán Nhân tuồng *Số độc đắc*...

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Huệ, cũng là một đào hát. Hai người đã sinh hai người con, một trai một gái, mang tên Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn A. Sau này khi tập kết ra bắc ông có kết hôn không chính thức với một người phụ nữ khác là bà Phạm Thị Phương và có thêm hai người con trai nữa là Nguyễn Trần Phi Hồng và Nguyễn Trần Việt Hải, nhưng vì thời kỳ này rất nhạy cảm về vấn đề vợ con nên người phụ nữ sau này cùng hai con về sau ít được nhắc đến trong lý lịch của ông.

Năm 1931, ông theo gánh *Phước Cương* sang lưu diễn tại hội chợ đấu xảo Paris . Ông đã thể hiện những vai như Hà Công Yên trong tuồng xã hội *Tứ đổ tường*, diễn các trích đoạn tuồng *Phụng Nghi Đình, Xử án Bàng Quý Phi*... thu được thành công lớn, được Hoàng hậu Hà Lan mời sang hát tại hoàng cung 15 ngày đêm. Sau đó ông và đoàn tiếp tục lưu diễn tại các nhà hát Paris, thu được lợi nhuận cao. Sau gần một năm lưu diễn ở nước ngoài, đoàn trở về Bắc, đi lưu diễn từ Hà Nội đến Sàigòn.

Tám Danh trở thành một nghệ sĩ nổi tiếng và giàu có bậc nhất trong làng cải lương lúc bấy giờ.

Năm 1933, Tám Danh - Bảy Nhiêu cùng một số nghệ sĩ khác tách ra thành lập gánh *Tiếng Chung*, thực chất là một đoàn tập thể cùng làm, cùng hưởng. Tuy nhiên do không thống nhất với nhau nên gánh *Tiếng Chung* bị tan rã sau chưa đầy một năm. Sau đó, Tám Danh lại hợp tác với ông Hai Nhân ở Châu Đốc và cô đào nổi tiếng Hai Đàng, lập gánh *Danh Đàn* nhưng cũng không thu được thành công.

Cuối năm 1936, trong tâm trạng chán chường vì nghiệp diễn, Tám Danh đã chuyển sang làm cho hãng đĩa hát *Asia*, do ông Ngô Công Mạnh là bạn của ông làm giám đốc. Sau đó ông hợp tác với ông Nguyễn Văn Đinh, làm đạo diễn cho bộ phim *Trọn với tình*, kịch bản và quay phim do Nguyễn Văn Đinh thực hiện. Đây là bộ phim nói 35 mm đầu tiên do người Việt Nam sản xuất, và ông cũng là một trong những đạo diễn điện ảnh đầu tiên của Việt Nam. Bộ phim ra mắt năm 1939, tuy nhiên không thành công như mong đợi.

Khi Thế chiến II bùng nổ năm 1939, sân khấu cải lương cũng như các ngành khác rơi vào khủng hoảng. Lúc này, ông đang theo gánh *Quốc gia kịch đoàn*, làm kép, thầy tuồng (đạo diễn) cho gánh. Thời gian này, ông đã gặp gỡ ông Nguyễn Văn Nguyễn, một cán bộ của Xứ ủy Nam kỳ và giác ngộ cách mạng. Ông đã dàn dựng nhiều vở đề cao lòng yêu nước, chống xâm lược. Năm 1944, khi đoàn diễn tại Mỹ Tho, ông bị chính quyền truy bắt. Thoát được, ông cùng gia đình trốn về quê nhà ở Cần Thơ.

Cách mạng tháng 8 năm 1945, ông tham gia cướp chính quyền ở khu vực Nhơn Nghĩa – Mỹ Khánh. Kháng chiến bùng nổ, ông tham gia kháng chiến, giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Mỹ Khánh. Đầu năm 1949, ông chuyển sang quân đội, hoạt động trong Đội biệt động số 8. Từ năm

1951, ông được chuyển về Phòng Chính trị Khu 8, công tác chung với nhà thơ Nguyễn Bính, Bảo Định Giang, nhạc sĩ Hoàng Việt, ca sĩ Quốc Hương, nghệ sĩ Ba Du... Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian này.

Cuối năm 1952, ông được biệt phái về miền Tây, khu 9 cùng Nguyễn Ngọc Bạch sáng lập và lãnh đạo *Đoàn Văn nghệ Cửu Long*, trực thuộc *Chi hội Văn nghệ Nam Bộ*. Sau hiệp định Geneve, ông tập kết ra Bắc.

Thời gian đầu ở miền Bắc, ông giữ chức Đội phó Đội cải lương Nam Bộ, ông Nguyễn Ngọc Bạch làm đội trưởng. Sau đó, Tám Danh cùng Ba Du, Triệu An, Ngọc Thới, Đắc Nhẫn, Ngô Văn Du, Hoàng Tuyển, Thanh Tuyền, Chi Lăng, Ngọc Cung, Phạm Ngọc Truyền... tham gia Ban nghiên cứu cải lương của Bộ Văn hoá lập, do ông Thế Lữ làm trưởng đoàn. Đội cải lương Nam Bộ trở thành Đoàn cải lương Nam Bộ và đây cũng chính là nơi ông gắn bó và tham gia đến cuối đời.

Năm 1959, ông về dạy tại Trường Nghệ thuật Ca Kịch Dân tộc, nay là Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội, phụ trách bộ môn Cải lương của trường. Năm 1960, ông được bầu vào Quốc hội khoá II. Sau đó ông tiếp tục giữ chức Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam.

Năm 1966, ông đề xuất cách tân cải lương bằng cách kết hợp âm nhạc, vũ đạo, nội dung để tạo ra hình thức mới cho cải lương. Tuy nhiên điều này đã gây ra tranh luận trong giới nghệ sĩ biểu diễn. Cho đến tận khi mất, những đề xuất cải cách của ông vẫn còn bị bỏ lửng.

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, ông cùng với Đoàn Cải lương Nam bộ trở về Sàigòn, tìm gặp những người bạn cũ Năm Châu, Bảy Nhiêu, Phùng Há... tiếp tục xây dựng các vở diễn phục vụ công chúng. Tuy nhiên ông đột ngột qua đời trong một cơn bạo bệnh tại Bệnh viện Chợ Rẫy vào ngày 9 tháng 3 năm

1976. Thọ 75 tuổi. Nghệ sĩ Tám Danh được an táng tại Nghĩa trang nghệ sĩ Gò Vấp ở Tp. HCM.

Bảy Nhiêu

Bảy Nhiêu - Huỳnh Năng Nhiêu (1901-197X)

Nghệ sĩ Bảy Nhiêu tên thật là Huỳnh Năng Nhiêu, sinh ngày 30 tháng 2 năm 1902, tại Thốt Nốt tỉnh Long Xuyên, nay là tỉnh Hậu Giang. Ông là một nghệ sĩ tài danh, là một nhà báo kịch trường, một nghệ sĩ sân khấu với nhiều vai tuồng để đời như vai Ngũ Tử Tư trong vở *Tây thi gái nước Việt* và hai là vai Gia - Lữ-Sanh trong vở *Gió ngược chiều* ...

Từ bé, nghệ sĩ Bảy Nhiêu đã thích đàn hát. Năm 14 tuổi, ông còn đi học ở trường Thốt Nốt lúc bấy giờ. Năm 15 tuổi, ông học đàn kìm, đàn tranh, học ca tài tử với các nghệ nhân quanh vùng.

Năm 1919, ông đang học nội trú tại Trường tư thục Võ Văn,

ông hai lần trốn học theo gánh hát Ca ra bộ của Thầy Thận, rồi Đồng Bào Nam đến nỗi gia đình phải bắt về cưới vợ.

Ông nội của nghệ sĩ Bảy Nhiêu là một người người Hoa (Phước Kiến), sang Việt Nam từ những năm thế kỷ 19. Ông nội ông lấy vợ người Việt và sinh được người con trai là ông Huỳnh Văn Dung chính là cha của Bảy Nhiêu. Vợ chồng ông Huỳnh Văn Dung đông con, Bảy Nhiêu là con út của ông Dung nên được gia đình rất cưng chiều.

Nghệ sĩ Bảy Nhiêu bước chân lên sân khấu đầu tiên vào tháng 10 năm 1921, trong gánh Tập Ích Ban của ông Vương Có. Bảy Nhiêu được vào vai chàng công tử Viếc trong vở "*Tình Duyên Phấn Lạc*" của soạn giả Mộc Quán - Nguyễn Trọng Quyền, phóng tác theo vở "Fellah" của Pháp. Sau đó, Bảy Nhiêu đóng vai Châu Bá Hòa trong tuồng "*Châu Trần Phải Nghĩa*", đóng vai Lý Đáng trong tuồng "*Phụng Kiều Lý Đáng*", rồi đến vở tuồng "*Tang Gia Giả Gái*".

Năm 1925, nghệ sĩ Bảy Nhiêu gia nhập đoàn Phước Cương và đến năm 1931 theo đoàn sang dự Hội chợ ở Paris (Pháp). Bảy Nhiêu đóng vai chính Tấn Vương, cùng Năm Phỉ trong tuồng khai trương Tam Tinh xuất thế. Phước Cương trở thành một đại ban trong ngành cải lương từ Nam chí Bắc.

Năm 1933 Bảy Nhiêu, Tám Danh cùng một số nghệ sĩ thành lập gánh Tiếng Chung, như một đoàn cải lương tập thể. Tuy nhiên, do không thống nhất với nhau, nên Tiếng Chung tan rã chỉ sau 1 năm hoạt động. Năm 1936 cùng với Năm Châu, Ba Vân, Từ Anh, Thanh Tùng về hát cho đoàn Đại Phước Cương.

Năm 1936, đoàn Phước Cương được Hoàng Thái Thái Hậu mời vào cung An Định diễn nhân dịp lễ mừng thọ của Hoàng Thái Hậu. Tại đây, nghệ sĩ Bảy Nhiêu và Năm Phỉ đã diễn tuồng Quan Âm Thị Kính. Sau cuộc diễn Năm Phỉ và Bảy Nhiêu được triều đình thưởng "mề đai" tức là huy chương.

Một thành tích nữa khó thể quên là năm 1937 Bảy Nhiêu đi dự lễ Hiến Pháp ở Thái Lan, trình diễn vở *Trà Hoa Nữ* (*La Dame aux Camélias*) và vở cải lương *Điên Vì Tình,* lúc ấy người Xiêm không thích tuồng Tàu.

Đến năm 1940 thành lập gánh Tân Tân và năm 1941 được sự giúp đỡ của một nhà Mạnh Thường Quân là bà Bảy N, đã cho ông mượn tiền lập nên gánh hát Nam Phương. Gánh hát lưu diễn trong Nam ngoài Bắc với nhiều tuồng mới.

Năm 1946 , Bảy Nhiêu hợp tác với Năm Châu thành lập gánh Con Tằm, trong đó có nhiều nghệ sĩ nổi tiếng như: Phùng Há, Ba Vân... nhưng cũng không tồn tại được lâu.

Đến năm 1947 Bảy Nhiêu lại tái lập gánh Nam Phương, gánh hát rã sau trận bị ăn cướp tại đình Xuân Hòa đêm 17 Tháng Bảy, 1947, ông trở về gia nhập đoàn Việt Kịch Năm Châu.

Đến năm 1954 thì giải nghệ về bán cà phê tại bên cạnh đình Phú Hòa ở đường Bà Lê Chân, Tân Định.

Cũng vì nặng nghiệp Tổ nên sau ngày giải nghệ năm 1954 rồi, Bảy Nhiêu vẫn thỉnh thoảng xuất hiện trên sân khấu trào lộng, hài kịch xã hội của nhóm Năm Nỡ, bạn đi hát cùng thời, và đặc biệt là cộng tác với nghệ sĩ Năm Châu đóng phim, đảm nhận vai Sư Cụ trong phim *Quan Âm Thị Kính*, lúc Ban Việt Kịch Năm Châu hợp tác với hãng Mỹ Vân quay cuốn phim nói trên. Bảy Nhiêu là nhạc phụ của nghệ sĩ Năm Châu. Vào năm 1962, Bảy Nhiêu đóng vai ông chồng già cùng nghệ sĩ Thẩm Thúy Hằng trong phim *Bóng người đi* do soạn giả Năm Châu đạo diễn. Phim này có sự góp mặt của Út Bạch Lan, Thành Được và La Thoại Tân.

Lúc tuổi đã 70 nghệ sĩ Bảy Nhiêu được tờ nhật báo Sóng Thần đề nghị viết hồi ký đăng báo trước rồi sau đó sẽ xuất bản, có lẽ

Sóng Thần thấy cuốn *50 năm mê hát* của Vương Hồng Sển, được nhiều người ưa thích. Ông nhận lời và viết theo kiểu nhớ gì viết nấy trong cuốn tập học trò 100 trang, viết đầy cuốn thì trao cho tòa soạn báo Sóng Thần và lãnh "bao thơ" đủ sống hằng ngày với cà phê cà pháo. Cứ như thế ông viết khoảng hơn chục cuốn và ký giả Ngọa Long lãnh phần sửa chính tả, câu văn cho mạch lạc để đăng báo. *Sóng Thần* dự định khi đăng hết sẽ xuất bản và ông sẽ được chia tiền bản quyền, nhưng báo chưa đăng hết thì bị ngưng vì lý do "hết giấy", lúc đó khoảng giữa 1974 nhiều tờ báo cũng bị tình trạng đó chứ không riêng gì *Sóng Thần.*

Đến khi tờ báo ra trở lại thì đang thời kỳ có nhiều vấn đề quan trọng phải đăng, chẳng hạn như sự việc Linh Mục Trần Hữu Thanh phát động "Phong Trào Chống Tham Nhũng", thành thử ra hồi ký của Bảy Nhiêu không còn đất trống để đăng. Chờ đợi mãi dần dà cho đến 30 Tháng Tư, 1975, kể như "xù" luôn và hồi ký của Bảy Nhiêu chưa ra đời đã chết vậy!

Trong lúc nghèo khổ lại gặp xui xẻo, mấy năm sau nghe tin ông qua đời tại Tân Định, Sàigòn.

Khi về già, nghệ sĩ Bảy Nhiêu thường xuyên cộng tác, chuyên viết thể loại phê bình sân khấu cải lương đương thời, trên nhiều nhật báo. Đáng kể nhất là ông viết lên những thiên "ký ức", "hồi ức" và "hồi ký" về cuộc đời đi hát hơn 30 năm, trong đó ghi chép khá tỉ mỉ từ buổi đầu hình thành đến thời cực thịnh của nghệ thuật cải lương. Những bài viết của ông như một pho lịch sử về loại hình nghệ thuật này, mà sau này – các nhà nghiên cứu khi thực hiện các công trình về cải lương, đều lấy đó làm căn cứ "Nổi trong ánh đèn màu", "Buồn vui đời đi hát",... là những thiên hồi ký hết sức giá trị của ông.

866421042018

Ba Du

Ba Du – Phan Văn Hai (1904-1984)

Nghệ sỹ Ba Du, tên thật là Phan văn Hai, sinh năm 1904, tại Vĩnh Long, trong gia đình có trình độ học vấn và yêu thích ca nhạc dân tộc.

Ngoài trinh độ học vấn khá, Ba Du còn được học nhiều về nhạc lý, ca nhạc tài tử. Với lòng đam mê ca hát, ngay từ khi còn đi học, Ba Du cùng các bạn lập thành ban hát, sau đó ông gia nhập gánh cải lương Nam Đồng Ban, do ông Hai Cu và Hai Quản thành lập, gồm các nghệ sỹ tài danh như: Hai Giỏi, Năm Phỉ, Hai Binh, Mười Mùi… Sau đó gánh hát này đổi thành gánh Tái Đòng Ban, với các nghệ sỹ: Năm Châu, Phùng Há, Tám Mẹo, Tư Út, Hai Phụng, Ba Nhàn, Ba Liên. Sau đó có thêm Từ Anh, Tư Chơi về hát.

Năm 1936, nghệ sỹ Ba Du ra Miền Bắc, theo đòan cải lương Nam Thinh, rồi Quảng Lạc Ban. Vai Ngốc Tử, trong tuồng *Ngốc Tử Đăng Khoa*, đã đưa tên tuổi Ba Du nổi khắp Hà Nội, và nhiều tỉnh Miền Bác. Báo *Hà Thành Ngọ Báo*, lúc ây, viết như sau: "*Năm mới ! kép mới ! Ba Du đã từng nổi tiếng khắp nơi về điệu nghệ cải lương Nam Kỳ, nay đã về giúp rạp Quảng Lạc… Bản tuồng cải lương Nam Kỳ Ngốc Tử Đăng Khoa, kiêm cả võ hiệp, bi tinh và hài hước mà chỉ có kép Ba Du đóng vai chính mới hòan tòan được*."

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ở Miền Nam, Ba Du hoạt động ở vùng Đồng Tháp Mười. Ở đây, nghệ sỹ Ba Du đã góp công xây dựng đoàn Cửu Long, đội cải lương thuộc chi hội

Văn nghệ Nam Bộ. Vừa là chiến sỹ, vừa là nghệ sỹ, Ba Du đã phục vụ chiến trường và đồng bào khắp các chiến khu, bưng biền, mà không hề mệt mỏi.

Thời gian trước năm 1954, sau hơn 40 làm nghệ sỷ sân khấu cải lương, nghệ sỹ Ba Du đã từng đứng trên những sân khấu như: Phước Cương, Đại Phước Cương, Trần Đắc, Nam Thinh, Huỳnh Kỳ, Phụng Hảo… Vai nào, nghệ sỹ Ba Du cũng thể hiện tốt, được công chúng yêu thích.

Thời kỳ tập kêt ra Miền Bắc năm 1954, nghệ sỹ Ba Du tiếp tục cống hiến đời mình cho nghệ thuật sân khấu cải lương. Trong đó, công tác xây dưng đòan cải lương củà một số tỉnh và thành phố ở Miền Bắc là rất cần thiết. Song song đó, nghệ sỹ Ba Du cũng đã tham gia đào tạo nhiều thế hệ kế thừa ngành sân khấu cải lương, đồng thời, cũng là nhà nghiên cứu nghệ thuật sân khâu dân tộc Việt Nam.

Nghệ sỹ Ba Du mất năm 1980, thọ 76 tuổi, được Nhà Nước truy tặng danh hiệu Nghệ sỹ nhân dân, năm 1984.

Năm Châu

Năm Châu - Nguyễn Thành Châu (1906-1977)

Nghệ sĩ Năm Châu tên thật là Nguyễn Thành Châu, sinh ngày 9 tháng Giêng năm 1906 làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho. Thân phụ là một công chức Tòa Bố, tỉnh Mỹ Tho, vì làm mếch lòng Tỉnh trưởng, nên bị thuyên chuyển ra làm việc ở đảo Phú Quốc, tỉnh Rạch Giá.

Lúc Năm Châu học năm thứ hai Ban Thành Chung trường Trung học Mỹ Tho, nhân dịp nghỉ hè, ông ra Phú Quốc thăm cha. Đến ngày tựu trường, vì bão tố, tàu bè không trở về đất liền kịp ngày nhập học, ông bị trễ nên bị cúp học bổng và bị đuổi học. Gia đình định cho tiếp tục học ở trường Taberd, nhưng ông quyết định tự lập, theo nghiệp cầm ca, gia nhập gánh hát thầy Năm Tú năm 1922.

Từ năm 1922-1924, ông hát cho đoàn hát thầy Năm Tú, hát các tuồng Bùi Kiệm Nguyệt Nga, Trang Tử thử vợ, Thúy Kiều – Kim Trọng, Lục Vân Tiên…

Từ năm 1925 -1928, nghệ sĩ Năm Châu tham gia đoàn hát Tái Đồng Ban của ông Bầu Hai Cu, chủ tiệm vàng ở Mỹ Tho.

Sáu Trâm thủ vai Bạch Thu Hà và Năm Châu, vai Võ Đông Sơ tuồng *Giọt máu chung tình* là cặp đào kép ăn khách nhất lúc bấy giờ. Sáu Trâm ca, diễn theo lối hát Tiều, ảnh hưởng cũ của gánh Tập Ích Ban, nhiều động tác tượng trưng "tả ý" như lối hát bội. Anh Năm Châu phải chỉ dẫn, tập luyện lại cho Sáu Trâm để khi ca, diễn chung, ăn ý, rặp ràng với nhau.

Khi Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp đào kép diễn xuất ăn khách nhất thì mối tình đầu nảy nở, anh Năm Châu và chị Sáu Trâm trở thành cặp vợ chồng xứng lứa vừa đôi nhất trong giới nghệ sĩ cải lương lúc bấy giờ.

Cô Phùng Há ca diễn và sắc vóc đẹp hơn cô Sáu Trâm nên vô tình đẩy cô Sáu Trâm xuống hàng "đào nhì". Năm Châu lại tỏ ra quá quyến luyến, chỉ lo dạy cho cô Phùng Há nên cô Sáu

Trâm ghen, buồn duyên tủi phận, âm thầm rời gánh hát đột ngột. Anh Năm Châu và nhiều bạn bè của anh đổ xô đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng bặt mất dạng cô Sáu Trâm.

Thời kỳ cặp đôi nghệ sĩ Năm Châu và Phùng Há nổi tiếng, hai người cũng có tình cảm với nhau.

Năm 1926, Phùng Há nhận lời kết hôn với nghệ sĩ Tư Chơi-Huỳnh Thủ Trung. Tư Chơi là một nhạc sĩ giỏi, một soạn giả tài ba, vừa thành công lớn qua hai tuồng do anh sáng tác: *Khúc oan vô lượng và Tội của ai*. Anh vẫn thường đàn và dạy cô Phùng Há ca...

Khi biết Phùng Há nhận lời lấy Tư Chơi, Năm Châu đột ngột bỏ gánh hát, đi theo một nhóm bạn lưu diễn tận Hà Nội. Trước khi đi, ông nhờ người trao cho Phùng Há một lá thư: không có một lời nhắn nhủ tâm sự nào, mà ông chép vào đó 12 câu vọng cổ lời lẽ ai oán, trách móc cố nhân...

Năm 1928, nghệ sĩ Năm Châu thành hôn với cô Tư Sạng, khi 2 người đang cùng hoạt động trong gánh Tái Đồng Ban.

Năm 1932, nghệ sĩ Năm Châu cùng các nghệ sĩ Tư Út, Ngọc Trâm, Tư Sạng, Ba Du, Tám Mẹo gia nhập gánh hát Trần Đắc của ông Bầu kiêm đại điền chủ Trần Đắc Nghĩa ở Cần Thơ. Sau đó Phùng Há cùng gia nhập gánh hát nầy.

Năm Châu là một diễn viên có tài, sắc vóc đẹp, cao lớn như Tây, lại là một soạn giả có nhiều vở tuồng hay, đích thân chỉ dạy cho các đào kép khác ca, diễn nên ông được các cô đào hát và nữ khán giả si mê, theo đuổi… Có lẽ, anh là người quá say mê nghệ thuật sân khấu nên chỉ có người phụ nữ tài danh, "thinh sắc lưỡng toàn" mới lọt được vào cặp mắt xanh của ông.

Năm 1935, ông Ngô Văn Mạnh, tức Năm Mạnh thành lập hãng dĩa ASIA. Ông Năm Mạnh ký giao kèo độc quyền với cô Tư

Sạng và đã tung ra thị trường bộ dĩa tròng kim nhũ chữ đen với nhan đề là *Trảm Trịnh Ân, Đào Tam Xuân báo phu cừu* do các danh ca Tư Xe và Tư Sạng ca.

Với trên 100 bộ dĩa trong những năm tháng dài cộng tác với hãng dĩa, cô Tư Sạng thật xứng đáng với danh hiệu nữ đệ nhất danh ca thời tiền chiến.

Cô Tư Sạng xa rời sân khấu trình diễn, để có thời gian thu thanh cho hãng dĩa. Và cô đã rời bỏ Năm Châu dù hai người đã có chung với nhau năm người con. Sau đó, cô Tư Sạng trở thành vợ thứ của ông Năm Mạnh.

Năm 1937, sau khi cô Tư Sạng sang ngang, Năm Châu rất đau buồn trước sự gãy đổ hạnh phúc gia đình, nỗi đau đớn, hận tình được bộc lộ ngay trong sáng tác của ông, vở kịch *Phũ phàng* sau chuyển thành tuồng cải lương *Men rượu hương tình*, nội dung nói về cô đào hát tham tiền, phụ rẫy người chồng là nghệ sĩ nghèo, để chạy theo kẻ khác giàu sang. Anh chồng kép hát vẫn đeo đuổi theo nghiệp cầm ca, giải buồn bằng men rượu và gục chết trên sân khấu sau đêm diễn tuồng. Những lời than thân, oán trách người tình được viết rất công phu, nói lên nỗi lòng day dứt giữa sự chọn lựa: đeo đuổi sự nghiệp cầm ca hay bỏ cái nghề ca hát để theo đuổi người tình? Rõ ràng, đây chính là nỗi lòng của tác giả.

Tháng 3 năm 1946, nhóm nghệ sĩ chuyên nghiệp gồm Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Duy Lân, Tư Út, Từ Anh, Hai Tiền, Ba Thâu, Sáu Ngọc Sương lấy xác gánh Nam Phương để thành lập "Nhóm con Tằm". Nhóm thu hút thêm nhiều nghệ sĩ tài danh như Bảy Nhiêu, Năm Nở, Tư Chơi, Năm Phỉ, Bảy Nam, Kim Thoa, Kim Cúc, Kim Lan…

Đây là thời kỳ phát triển của sân khấu cải lương theo chiều hướng tuồng xã hội, dựa theo những tiểu thuyết xã hội đang được độc giả miền Nam ưa thích như: *Hồn bướm mơ tiên, Một*

tối tân hôn, Nỗi lòng chị Bếp, Gieo gió gặt bão, Đời cô Lựu, Tô Ánh Nguyệt…

"Nhóm con Tằm" do Năm Châu đứng đầu, chủ trương xây dựng một sân khấu "Đẹp" và "Thật". Anh trực tiếp đạo diễn, tập cho các nghệ sĩ ca, diễn theo quan điểm nghệ thuật của ông. Ông được ba soạn giả cùng thời là Tư Trang - Trần Hữu Trang, Tư Chơi, Năm Nở tán thành và ủng hộ. Thành công của các tuồng tích trên sân khấu, Nhóm con Tằm đã làm cho tên tuổi nhiều diễn viên tài danh của sân khấu cải lương được giới báo chí mệnh danh là những ngôi sao kịch nghệ, mà sáng chói hơn hết là tên tuổi của nghệ sĩ Năm Châu

Năm 1948, nghệ sĩ Năm Châu thành lập Ban Việt Kịch Năm Châu. Nữ nghệ sĩ Kim Cúc, dưới bàn tay phù thủy của đạo diễn Năm Châu, đã làm rung động trái tim của khán giả hâm mộ qua các vai: Nữ hoàng Túy Hoa trong tuồng *Dân chúng trước pháp trường*, vai cô Bê trong tuồng *Khi người điên biết yêu*, vai Hoàng hậu trong tuồng *Gió* ngược chiều, vai Tây Thi trong *Tây Thi – Gái nước Việt*, vai Hoàng hậu trong tuồng *Hàm Lệ, Thái Tử nước Đan Mạch*, vai vợ người chiến binh trong vở *Người mặt cháy*…

Nữ nghệ sĩ Kim Cúc, con gái lớn của nghệ sĩ tiền phong Bảy Nhiêu là người vợ cuối cùng của Năm Châu, họ thành hôn từ năm 1948 cho đến ngày ông mãn phần.

Năm 1962, Năm Châu được mời làm giáo sư kịch nghệ của trường QuốcGia Âm Nhạc Sàigòn, sau đó Kim Cúc, anh Duy Lân, Năm Nở, Ngọc Ánh và nhạc sĩ Hai Khuê, Sáu Tửng, cũng được mời làm giáo sư giảng dạy tại trường nầy…

Nghệ sĩ Năm Châu qua đời ngày 21 tháng 4 năm 1978. Thọ 72 tuổi. Ông được an táng tại Nghĩa trang nghệ sĩ ở Gò Vấp, Tp. HCM. Sau đó vài năm, các con của Năm Châu bốc mộ, cải táng tại xã Phú Kiết, tỉnh Tiền Giang.

Tư Chơi

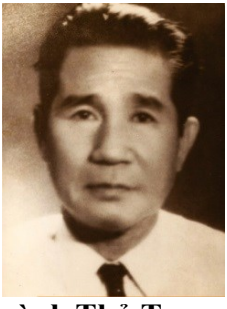

Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung (1907-1964)

Nghệ sĩ Tư Chơi sinh năm 1907 tại Bến Tre. Tư Chơi giỏi chữ Nho, biết tiếng Anh và làm thơ rất hay. Ông cũng là một nhạc sĩ tài danh, chuyên đờn đoản. Bài vọng cổ *Tiếng nhạn kêu sương* nhịp tư của nghệ sĩ Tư Chơi mở đầu cho bản *Dạ cổ hoài lang* của ông Sáu Lầu phát triển dần lên nhịp 8, nhịp 16, 32, 64..

Đây là bài vọng cổ nhịp tư, rút trong tuồng *Khúc Oan Vô Lượng* của soạn giả Huỳnh Thủ Trung tự Tư Chơi, do cô Phùng Há ca. Cô Phùng Há thủ vai Bích Vân than thở với con gái về việc chồng là Lê Gia Khanh do Năm Châu thủ diễn, bị hàm oan vì tội sát nhân và bị đày ra Côn Đảo. Tuồng *Khúc Oan Vô Lượng* hát trên sân khấu Huỳnh Kỳ, sau đó dược tái diễn trên sân khấu Trần Đắc.

1. Đêm nào ngọn đèn khuya, mẹ đây chong trắng dĩa.

2. Chàng ôi, nếu có gặp nhau họa chỉ trong giấc mộng huỳnh lương.

3. Trời đất ôi! Vợ chồng tôi đang vui câu đầm ấm nơi cảnh gia đường,

4. Vì ai gieo oan mà để cho thiếp phải cam dồn dập nơi khốn cảnh đoạn trường.

5. Hơn bốn năm trường tựa nơi cánh cửa thiếp trông chờ.

6. Đã biết rằng tuyệt vô hy vọng mà lòng mong thiếp những hoài mong.

7. Con ôi! Có lẽ khi cha con bây giờ, vì nỗi cách xa vợ con, lìa nơi cố quán,

8. Nên đã tóc rối với da chì, chịu hàm sầu nơi hải đảo, mòn mỏi mình ve.

9. Lại còn lúc đêm khuya, mẹ vẳng nghe tiếng con hàn quyên kêu lẻ bạn,

10. Mẹ đây ngơ ngẩn tâm hồn, mẹ mở cửa trông ra kìa là muôn dặm trùng dương.

11. Mờ mịt xa trông phù vân bích thủy, gió đưa cơn sóng dợn muôn đường.

12. Cái cánh buồm ai xa xa, khi ẩn khi hiện trên mặt bể, mẹ tưởng khi cha con về, nhưng nào đâu phải cha con về!

Năm 1926, Phùng Há cùng các nghệ sĩ Năm Châu và Tư Chơi, Ba Du gia nhập gánh hát Tái Đồng Ban của ông Hai Cu. Tư Chơi là nhạc sĩ chơi đàn đoản, tập cho Phùng Há ca hát rồi hai người đi đến hôn nhân. Nghệ sĩ Tư Chơi là người chồng đầu tiên của Phùng Há.

Chỉ sau hai năm sống chung, cuộc hôn nhân giữa nghệ sĩ Tư Chơi và ngôi sao Phùng Há tan rã. Tư Chơi rời gánh hát Tái Đồng Ban, bà Phùng Há về thăm quê nội Trung Hoa, gửi con gái chung của hai người là Bửu Trân (1926 - 1959) cho người em ruột dưỡng nuôi.

Ông mất vợ, xa con và con gái của ông cũng không mang họ của ông, lấy họ Lý của dưỡng phụ, vết thương lòng của ông sau khi chia tay với Phùng Há lớn hơn nhiều người nghĩ.

Sau này khi lấy được nghệ sĩ Kim Thoa - một nghệ sĩ hát hay, xinh đẹp và tài danh, ông Tư Chơi không nguôi nhớ đến bà Phùng Há, thậm chí trong lúc ngủ và những lúc riêng tư vợ chồng, ông còn gọi tên bà.

Tư Chơi – Kim Thoa và con trai, ảnh chụp năm 1939

Điều đó không khỏi gieo nỗi niềm cho bà Kim Thoa và góp phần dẫn đến sự chia tay dù hai người đã sống cùng nhau nhiều năm. Họ có một con trai là Huỳnh Thủ Hiếu.

Vì còn nặng tình với nghệ sĩ Phùng Há, sau khi chia tay và trở thành chồng của nghệ sĩ Kim Thoa, soạn giả Tư Chơi vừa viết nhiều vở tuồng "hương xa" cho đoàn Phụng Hảo của Phùng Há, vừa viết tuồng xã hội cho đoàn Kim Thoa của vợ mình.

Đoàn cải lương Kim Thoa là gánh hát đại ban ăn khách nhất từ Saigon đến HàNội và tất cả các tỉnh thành trong toàn quốc. Gánh hát Kim Thoa cũng gặt hái thành công rực rở khi đi lưu diễn ở Nam Vang, ở Lao…Ông Bầu kiêm soạn giả Tư Chơi giàu quá sức giàu, có villa, nhà lầu, có cả tàu kéo, ghe chài, xe hơi và phố cho mướn, nhưng ông lại là một người vừa nghiện rượu vừa mê gái nên ông bị vợ nhà bỏ. Ông bèn bán hết ghe chài, tàu kéo, villa, phố xá, gởi hết số tiền bán gia sản đó cho các nhà hàng, quán rượu và đến đó uống rượu say mèm hằng ngày, say như một cái hủ chìm, uống rượu để trừ dần cho hết số bạc đã ký gởi.

Dần dà, ông chìm vào men rượu, hủy diệt cuộc đời. Hãy đọc một đoạn văn của Bửu Trân viết về cha mình, Huỳnh Thủ Trung được ký giả Trần Tấn Quốc cho đăng báo *Tiếng Dội Kịch Trường* năm 1960, nhân kỷ niệm một năm sau khi cô Bửu Trân mất vì bị bịnh ung thư máu tại nhà thương Grall. Chính cô Phùng Há đưa trang nhựt ký này nhờ Trần Tấn Quốc đăng, để kỷ niệm cô con gái thân thương và cũng để minh định lòng hiếu thảo của cô Bửu Trân đối với cha mình:

"Cha mình, nghệ sĩ Huỳnh Thủ Trung (nghệ danh Tư Chơi) là người chồng trước nhứt của má (Phùng Há), một nhạc sĩ điêu luyện mà người ta thường nói là tiếng đờn đoản như tiếng chim hót. Cha mình cũng là một tác giả lừng danh. Ngay như lần đầu tiên khi mình ở Hạc San về, mình gặp lại Cha ở sau rạp Nguyễn Văn Hảo thì má của mình đang diễn tuồng của Cha mình sáng tác. Cha mình là một con người tài hoa, Nho học cũng thông, tiếng Tây, tiếng Anh cũng giỏi. Những vở tuồng Cha dịch ra từ tiếng Pháp, tiếng Hoa, cho mãi tới bây giờ người ta vẫn đem ra trình diễn. Cha là nhà cách tân sân khấu. Những hình thức mới lạ của sân khấu Đông Tây cũng đều được Cha đưa ra thực hiện trên sân khấu cải lương. Nhưng Cha thất chí vì cái gì mình không biết mà trở thành con sâu rượu, sống bê tha, không cần biết tới ai nữa mà cũng chẳng cần ai biết tới mình. Nghĩ tới tình cảnh của Cha, mình buồn quá nhưng không biết làm sao cho Cha mình đừng buồn nữa…"

Rồi nhiều điều nảy sinh trong cuộc sống chung làm rạn nứt mối quan hệ giữa ông và nghệ sĩ Kim Thoa, dẫn đến cuộc chia tay khoảng thời gian trước năm 1954. Đến năm 1959, con gái Bửu Trân mất khiến ông suy sụp hẳn.

Soạn giả Tư Chơi mất ngày 06 tháng 07 năm 1964, an táng tại nghĩa trang nghệ sĩ, do Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ an táng và lập mộ.

Từng có một thời lừng lẫy, là một vì sao sáng chói nhất trên bầu trời nghệ thuật sân khấu cải lương các thập niên 1930, 1940, 1950, song nghệ sĩ Tư Chơi thỉnh thoảng được nhắc đến,

chỉ vì ông là người chồng đầu tiên của nghệ sĩ tài danh Phùng Há trên sân khấu Cải lương.

Bà Năm Sa Đéc

Bà Năm Sa Đéc - Nguyễn Kim Chung (1907-1988)

Bà Năm Sa Đéc tên thật là Nguyễn Kim Chung sinh năm 1907 là con của ông Hương Cả Nguyễn Văn Tam là Cả Tam và là cháu nội của ông Hương Cả Nhiều, chính quán tại làng Tân Đông, tổng An Thạnh Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc, nay là ấp Đông Quới, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Ông Cả Tam có tổng cộng 5 người con, 3 người con đầu do khó nuôi nên đã lần lượt qua đời, chỉ còn lại 2 người con là "Bà Năm Sa Đéc" và ông Nguyễn Duy Cang là Sáu Biết. Năm 1915, ông Nguyễn Văn Tam đứng ra thành lập và làm "Bầu" một gánh hát bội "Thiện Tiền Ban" đầu tiên tại tỉnh Sa Đéc.

Do có tài năng ca hát, diễn ra bộ nên vào năm 1928, bà Năm Sa Đéc đã gia nhập đoàn gánh hát Phước Tường. Sau đó, Bà Năm Sa Đéc lần lượt cộng sự với các đoàn Phụng Hảo, Vân Hảo, Thanh Minh - Thanh Nga… Từ sân khấu hát bội bước qua lĩnh vực cải lương, nên nghề nghiệp của Bà rất vững vàng, chỉ cần học tập thêm chút ca cổ là tiến bộ rực rỡ trên con đường nghệ thuật sân khấu cải lương. Trong thời gian lưu diễn, bà Năm Sa

Đéc đã có rất nhiều khán giả ái mộ và cũng có một vài mối tình đầu đời. Vào khoảng năm 1938 - 1939, một trong những mối tình hương sắc mặn nồng giữa bà Năm và ông Đốc Phủ Sứ Đặng Ngọc Chấn, quê tỉnh Long An đã cho ra đời một cậu con trai. Nhưng vì một lý do thật tế nhị nên tình duyên của đôi "trai tài-gái sắc" này không thành vợ chồng và bà Năm Sa Đéc đã âm thầm, lặng lẽ nuôi con và đặt tên cho đứa con là Nguyễn Ngọc Đặng!

Tình yêu tan vỡ, bà Năm dồn hết tâm sức, trí lực cho nghệ thuật sân khấu cải lương, kịch nói… Tài năng ca diễn xuất chúng và danh tiếng của bà Năm Sa Đéc vang lừng khắp nơi, với nhiều vai diễn ăn sâu vào lòng người mộ điệu lúc bấy giờ.

Đến năm 1947, bà Năm Sa Đéc đã phải lòng và kết nghĩa tơ hồng với học giả, nhà biên khảo Vương Hồng Sển, nguyên là Giám thư Bảo tàng Viện Sài Gòn. Suốt hơn 40 năm chung sống với cụ Vương, bà Năm đã hạ sinh một cậu con trai là Vương Hồng Bảo. Không chỉ thành công trong lĩnh vực sân khấu ca kịch cải lương, bà Năm Sa Đéc còn là một nữ minh tinh điện ảnh tài sắc vẹn toàn luôn được nhiều người ngưỡng mộ, qua các bộ phim *Lệ đá, Con ma nhà họ Hứa,* trước năm 1975 và nhiều bộ phim sau năm 1975 là *Cho đến bao giờ, Mùa nước nổi, Con thú tật nguyền, Nơi bình yên chim hót…* Và năm 1987, bà Năm Sa Đéc thủ diễn vai bà Hai Lành trong bộ phim *Phù Sa*.

Lúc bà Năm về chung sống với người chồng Vương Hồng Sển, do vóc dáng nhỏ nhắn, xinh đẹp nên cụ Vương thường gọi vợ là "cô Năm Nhỏ". Lúc bấy giờ, khi cô Năm Nhỏ Kim Chung đi hát diễn cùng trong một gánh hát nọ lại có một cô đào Năm Nhỏ khác, quê ở Cần Thơ và hai nghệ sĩ này đều nổi tiếng trên lĩnh vực nghệ thuật sân khấu cải lương. Để phân biệt hai người với nhau nên nhiều nghệ sĩ trong đoàn hát gọi cô Năm Nhỏ Kim Chung bằng danh xưng cô Năm Sa Đéc hay bà Năm Sa Đéc, nghĩa là cô Năm Nhỏ Kim Chung quê ở Sa Đéc. Từ đó,

nghệ danh cô Năm Sa Đéc hay bà Năm Sa Đéc vang danh cho tới ngày nay.

Suốt cả một đời hơn 80 năm tại thế, bà Năm Sa Đéc đã sống và cống hiến hết mình cho nghệ thuật. Nhắc đến chuyện nữ nghệ sĩ Bà Năm Sa Đéc, người dân Sa Đéc và Đồng Tháp rất tự hào và vinh dự, vì bà đã góp phần làm rạng danh cho mảnh đất quê hương, một thời đóng góp công sức, tài năng tỏa sáng đáng kể cho nền nghệ thuật sân khấu, cải lương, kịch nói và điện ảnh nước nhà.

Bà bị bệnh đột ngột và qua đời vào ngày mồng 8 tháng Chạp năm Đinh Mão, 1988. Thi hài của nữ nghệ sĩ tài hoa đã được chồng và con cháu đưa về an táng tại nơi mà bà đã được sinh ra từ hơn 80 năm trước.

866421042018

Sáu Trâm

Sáu Trâm - …. Trâm (19 ? -19 ?)

Cô Sáu Trâm, không rõ năm sinh, có thể sinh vào năm 1908, là người Hoa lai Việt gốc Triều Châu, quê ở Thốt Nốt, Long Xuyên. Cô Sáu Trâm còn có nghệ danh do soạn giả Mộc Quán đặt tên là Ngọc Xoa, nữ diễn viên tài danh của gánh hát Tập Ích Ban. Sau khi Tập Ích Ban rã gánh, cô gia nhập Tái Đồng Ban của ông bầu Hai Cu ở Mỹ Tho lập vào năm 1924.

Sáu Trâm thủ vai Bạch Thu Hà và Năm Châu, vai Võ Đông Sơ tuồng *Giọt máu chung tình* là cặp đào kép ăn khách nhất lúc bấy giờ. Sáu Trâm ca, diễn theo lối hát Tiều, ảnh hưởng cũ của gánh Tập Ích Ban, nhiều động tác tượng trưng "tả ý" như lối hát bội. Anh Năm Châu phải chỉ dẫn, tập luyện lại cho Sáu Trâm để khi ca, diễn chung, ăn ý, rặp ràng với nhau.

Khi Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp đào kép diễn xuất ăn khách nhất thì mối tình đầu nảy nở, Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp vợ chồng xứng lứa vừa đôi nhất trong giới nghệ sĩ cải lương lúc bấy giờ.

Năm 1924, Phùng Há gia nhập Tái Đồng Ban. Phùng Há đào trẻ ca diễn và sắc vóc đẹp hơn cô Sáu Trâm nên vô tình đẩy cô Sáu Trâm xuống hàng "đào nhì". Năm Châu lại tỏ ra quá quyến luyến, chỉ lo dạy cho cô Phùng Há nên cô Sáu Trâm ghen, buồn duyên tủi phận, âm thầm rời gánh hát đột ngột. Năm

Châu và nhiều bạn bè của ông đổ xô đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng bặt mất tăm dạng cô Sáu Trâm.

Về sau, cô Sáu Trâm tâm sự với soạn giả Nguyễn Phương: "*Lúc đó, tôi ghen quá, trở về quê nhà ở Long Xuyên, cũng có ý đợi "ảnh" xuống rước trở lên gánh hát. Nhưng rồi "ảnh" mê sân khấu hơn vợ nhà. "Ảnh" theo gánh hát miết. Tôi cũng không thể tự mình trở lại gánh hát, thành ra tôi ở với má tôi. Khi biết anh Năm Châu sống chung với cô Tư Sạng và có với nhau một đứa con, tôi trở lại nghề hát, trong lòng nuôi ý định là sẽ hát hay hơn chị Phùng Há hay cô Tư Sạng, đó là vì tự ái nghề nghiệp và cũng là cái ý ganh tỵ của một người đàn bà, muốn làm cho mình đẹp hơn, giỏi hơn tình địch của mình.*

Tôi đi theo gánh hát Văn Hí Ban, rồi gia nhập lại gánh hát Tập Ích Ban 2, nhưng tôi càng ngày càng hiểu rõ là khi một người đàn ông đã bỏ vợ, có thêm một người vợ khác, đẹp hơn, giỏi hơn người vợ cũ thì người cũ khó bề giành lại được chồng mình. Nhất là trong nghề ca hát, nếu không có thầy tuồng nâng đỡ, dìu dắt, không có bạn đồng diễn đồng sắc, đồng tài thì diễn viên khó có thể thành công lớn. Nghĩ vậy nên tôi giải nghệ, không theo gánh hát nữa, tôi trở về Long Xuyên, giúp má tôi trong việc buôn bán".

Những khi đoàn Việt Kịch Năm Châu hát ở Cần Thơ, Năm Châu và cô Sáu Trâm không trực tiếp gặp nhau mà chỉ gởi quà tặng hoặc những lời thăm hỏi, chứng tỏ là giữa họ chỉ còn lại một chút tình tri ngộ năm xưa.

Về sau, Nguyễn Thành Văn, chủ nhân một rạp chiếu bóng ở Cần Thơ, con của Năm Châu và danh ca Tư Sạng, đứng ra phụng dưỡng cô Sáu Trâm. Không rõ cô mất vào năm nào, có thể vào thập niên 1970.

Năm Phỉ

Năm Phỉ - Lê Thị Phỉ (1908-1954)

Nữ nghệ sĩ Năm Phỉ tên thật là Lê Thị Phỉ, sinh năm 1908 tại làng Điều Hòa, Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang, trong một gia đình công chức. Thân sinh ra Năm Phỉ là cụ Lê Tấn Công – một trí thức Tây học nhưng chịu ảnh hưởng khá rõ nét tư tưởng Nho giáo. Ông Công có 11 người con, được đặt tên có ý nghĩa theo sau tên ông: Công, Thành, Danh, Toại, Phỉ, Chí, Nam, Nhi, Bia, Truyền, Tạc, Để. Trong số này có năm người theo nghệ thuật và rất thành danh là: Ba Danh, Năm Phỉ, Bảy Nam, thân mẫu nghệ sĩ Kim Cương, Chín Bia, Mười Truyền.

Năm Phỉ đến với sân khấu cải lương từ rất sớm, lúc bà mới 10 tuổi. Ở tuổi này, bà chưa kịp học chữ, chỉ biết ký mỗi cái tên. Điều đặc biệt là tuy học vấn thấp đến như vậy, song bà lại được trời phú cho một trí nhớ phi phàm. Những lần tập vở, chỉ cần nghe ai đó đọc qua một lượt là bà đã thuộc. Có một giai thoại: Dù bận tiếp khách song Năm Phỉ vẫn để tai lắng nghe người ta đọc vở tuồng. Và khi khách ra về thì cũng là lúc bà thuộc lời thoại của vở diễn.

Năm Phỉ thoát ly gia đình khi mới 11 tuổi. Bà theo đi biểu diễn với gánh hát Nam Đồng Ban do các ông Hai Cu, Hai Quản lập ra. Tại đây, khi chưa bước vào tuổi thanh nữ, bà đã kết duyên với nghệ sĩ Hai Giỏi, là con trai trưởng của ông Hai Cu, bầu

gánh hát, là người chuyên đóng các vai kép chính. Hai Giỏi sớm khẳng định được tài năng của mình trước bàn dân thiên hạ, song ông lại là người đoản mệnh. Cái chết đến quá sớm không chỉ cắt ngang một sự nghiệp đầy hứa hẹn mà còn đẩy người vợ trẻ, khi ấy vẫn đang ở tuổi vị thành niên, vào cảnh góa bụa. Nhưng Năm Phỉ là người giàu nghị lực. Bà một mình tiếp tục trên con đường nghệ thuật đầy gian khó… Một thời gian sau khi Hai Giỏi qua đời, Năm Phỉ quá đau buồn, nên rời khỏi gánh hát, làm cho Nam Đồng Ban tan rã. Về sau, Năm Phỉ chuyển sang hát cho gánh Hí Văn Ban của ông Huỳnh Văn Vui và tiếp đó là cho gánh Phước Cương.

Sau này, nghệ sĩ Phùng Há, một người luôn xem là "đàn em" của Năm Phỉ đã tiết lộ: *"Tôi theo gánh Tái Đồng Ban được anh Tư Chơi dạy tôi ca. Ông Năm Mạnh và anh Năm Châu dạy tôi hát. Sau này tôi mới biết, do chị Năm Phỉ không về được Tái Đồng Ban nên ông bầu Hai mới tìm người hát chung với anh Năm Châu. Tôi may mắn mới được thế chị Năm Phỉ"*. Điều ấy cho thấy, Năm Phỉ rất có giá trong con mắt của các ông bầu gánh hát thuở ấy.

Tại gánh Phước Cương, Năm Phỉ có nhiều cơ hội trổ tài và với những vở diễn của gánh hát này, tên tuổi của Năm Phỉ đã đến được với đông đảo 201ong giả Nam Kỳ cũng như được một số 201ong giả ở Pháp quốc biết tới. Với chất giọng hơi 201ong 201ong ẩn chứa trong một vóc dáng mảnh mai nhưng đầy cá tính, Năm Phỉ đã thể hiện xuất sắc các vai diễn: từ Lý Ngọc Nương vở *Trà hoa nữ*, Bàng Quý Phi vở *Xử án Bàng Quý Phi*, Điêu Thuyền vở *Lã Bố hý Điêu Thuyền*, Mộng Hoa (vở *Mộng Hoa nương*, Lan vở *Lan và Điệp*… Đặc biệt, với vai Bàng Quý Phi, năm 1931, nghệ sĩ Năm Phỉ đã cùng nghệ sĩ Bảy Nhiêu vai Tống Chơn Tôn được gánh Phước Cương đưa sang Paris trình diễn vở *Xử án Bàng Quý Phi* nhân dịp đấu xảo. Tại đây, vở diễn đã được 201ong giả hoan nghênh nhiệt liệt. Riêng với vai diễn của mình, Năm Phỉ đã nhận về 4 huy chương. Có gần hai 201ong lá thư của người mến mộ gửi tới nghệ sĩ Năm Phỉ bày

tỏ sự cảm mến, trên bốn chục tờ báo có bài bình luận, khen ngợi vở diễn. Ngoài những phần thưởng mang ý nghĩa động viên tinh thần, cá nhân nghệ sĩ Năm Phỉ còn nhận được một khoản thù lao hậu hĩnh, tương đương với 202ong ngàn lượng vàng thời bấy giờ. Vở *Xử án Bàng Quý Phi* sau đó còn được công diễn tại nhiều nơi và trở thành một trong số những vở diễn có doanh thu và tần suất biểu diễn cao nhất trong lịch sử sân khấu cải lương Việt Nam.

Trở lại với chuyện đời tư của nghệ sĩ Năm Phỉ. Trong quá trình tham gia gánh Phước Cương, cũng như trước đây, cái duyên nghề nghiệp đã lại đưa đẩy Năm Phỉ gắn bó tình cảm với một người của gánh hát. Lần này không phải là một bạn diễn mà là… ông bầu của gánh hát – ông Nguyễn Ngọc Cương. Hai người nên vợ nên chồng và một thời gian, đây được xem là cuộc hôn nhân lý tưởng bởi cả hai đều là những người tài năng, danh giá và đang chung lưng góp vốn nhằm mở mang sự nghiệp và cùng chí hướng thúc đẩy sự phát triển của nền nghệ thuật cải lương nước nhà.

Nhưng rồi, được ít năm thì giữa họ bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn gay gắt, buộc phải giải quyết bằng một cuộc ly hôn. Và khi ông Nguyễn Ngọc Cương chính thức tái hôn với nghệ sĩ Bảy Nam – em gái Năm Phỉ – thì Năm Phỉ dứt khoát chia tay gánh hát để thành lập Đoàn cải lương mang tên mình. Các nhà nghiên cứu nghệ thuật từng có những phân tích xác đáng về sự khác biệt giữa hai chị em Năm Phỉ – Bảy Nam và nhận thấy, đó gần như là hai đối cực. Năm Phỉ đến và thu hút 202ong giả bằng một uy lực gần như choáng ngợp, trong khi Bảy Nam lại chinh phục 202ong giả một cách dè dặt, lặng lẽ. Năm Phỉ thích là làm, không thích là tung hê, còn Bảy Nam thì lại com cóp góp nhặt từng vai diễn bình dị để làm nên sự nghiệp… Tuy nhiên, không vì sự khác biệt ấy mà Bảy Nam không thấy được ảnh hưởng to lớn của người chị đối với mình. Trước sau, bà luôn xem Năm Phỉ là một thần tượng.

Nhân đây, cũng cần nói thêm: Nghệ sĩ Kim Cương chính là sản phẩm của cuộc hôn nhân nhiều "trái khoáy" giữa nghệ sĩ Bảy Nam và ông Nguyễn Ngọc Cương. Nghĩa là, Kim Cương vừa là cháu gái của nghệ sĩ Năm Phỉ, vừa là con gái của chồng cũ của Năm Phỉ. Nghệ sĩ Năm Phỉ đã dồn nhiều tình yêu thương để "truyền nghề" cho người cháu này. Và trong thực tế, giữa Kim Cương và Năm Phỉ có nhiều nét tương đồng, không chỉ về tính cách mà cả trong phong thái biểu diễn…

Nghệ sĩ Năm Phỉ qua đời vì bạo bệnh ngày 2-6-1954, khi mới ở tuổi 46. Cái chết của bà đã gây sốc cho bạn bè, người thân. Nghệ sĩ Phùng Há bấy giờ đang biểu diễn ở Long Xuyên. Khi nhận được hung tin nghệ sĩ Năm Phỉ mất, Phùng Há đã ngất xỉu. Cũng liên quan tới sự kiện này, có một tờ báo đã ghi lại chuyện kể của soạn giả Nguyễn Phương như sau: Ngày Năm Phỉ mất, người đến viếng đã được chứng kiến cảnh nhạc sĩ Chín Trích đàn ròng rã mấy ngày liền bên quan tài người quá cố, vừa đàn vừa khóc. Đến khi chuẩn bị làm lễ di quan, ông đã tới lạy lần chót bên quan tài nghệ sĩ Năm Phỉ rồi khóc lớn: "*Cô Năm đã mất rồi, từ nay Chín Trích sẽ không còn đờn cho ai ca nữa*". Nói xong, ông đập vỡ cây đàn. Để ghi nhận tình cảm của nhạc sĩ Chín Trích, khi hạ huyệt, người nhà của nghệ sĩ Năm Phỉ đã cho chôn trong mộ phần của bà cây đàn gãy này. Chín Trích là thân phụ của nghệ sĩ Tú Trinh.

Sinh thời, Năm Phỉ từng là một trong những nghệ sĩ đầu tiên được Vua Bảo Đại tặng Huy chương Kim Tiền. Trong các chuyến lưu diễn tại nước ngoài như Pháp, Lào, Thái Lan, Campuchia…, bà cũng nhận được nhiều huy chương. Tuy nhiên, có lẽ với bà, không gì vinh dự bằng các "giải thưởng" do 203ong giả mến mộ dành tặng cho bà, mà cách hành xử đầy xúc động của nhạc sĩ Chín Trích là một ví dụ. Thật đúng như Giáo sư Hoàng Như Mai từng nhận định: "*Bà là nghệ sĩ tài hoa bậc nhất của sân khấu cải lương. Đó là một tài năng đa dạng, đã chinh phục được cảm tình của tất cả 203ong giả*".

Lại nhớ, khi nghệ sĩ Thanh Nga – bấy giờ còn là một diễn viên trẻ – được giải Thanh Tâm triển vọng, báo chí đã không tiếc lời tôn vinh chị, trong đó, có một câu cho thấy vị trí của nghệ sĩ Năm Phỉ trong 204ong họ cao đến mức nào. Ấy là khi các nhà báo cho rằng, từ khi nghệ sĩ Năm Phỉ mất đến thời điểm ấy, sân khấu cải lương mới lại xuất hiện một nữ diễn viên "vừa hát hay, diễn giỏi, vừa hấp dẫn về sắc vóc đến vậy.

Ba Vân

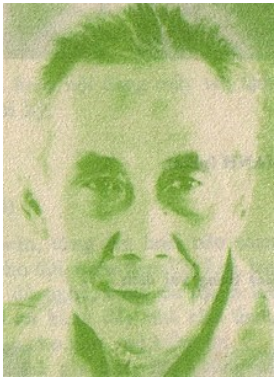

Ba Vân - Lê Long Vân (1908-1988)

Nghệ sĩ Ba Vân tên thật Lê Long Vân sinh năm 1908 tại làng An Bình Đông, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông sinh ra trong một gia đình đông anh em, từ nhỏ đã được mời thầy về dạy nhạc. Ông được học đánh trống, đánh đồ ngang, chọi bạc, đàn tranh, đàn kìm... Do có chất giọng thanh, trong nên được thầy chú ý. Sau một thời gian học với thầy, năm 1917, ông đã đi hát cho các đám tiệc trong làng. Em trai ông là nghệ sĩ Tám Vân.

Năm 1920, ông theo nhóm hát Kiều Vân Tiên. Những năm sau đó, ông gia nhập gánh Tái Đồng Ban, rồi gánh Tân Hí, Đồng

Thinh và Nghĩa Hiệp Ban. Từ năm 1927 đến năm 1929, ông gia nhập gánh Quảng Lạc ở Hà Nội.

Trong những năm 1937 – 1939, tài năng của ông bắt đầu nở rộ khi ông gia nhập gánh Đại Phước Cương ra mắt ở Hà Nội. Ông lưu diễn ở miền Bắc 7 lần từ năm 1927 đến 1950, Từ năm 1950 đến 1975, ông sống ở Sàigòn và tiếp tục đóng góp cho sân khấu cải lương miền Nam. Ông là một trong những bậc thầy về khả năng diễn hài, và được gọi là một trng những quái kiệt về hài của sân khấu miền Nam.

Sau năm 1975, ông tiếp tục hoạt động nghệ thuật sôi nổi. Lần lưu diễn thứ 8 của ông ở Hà Nội là vào năm 1977, khi đoàn Sàigòn được mời ra thủ đô tham gia hội diễn mừng đất nước thống nhất.

Ba Vân là một trong những cây đại thụ của nghệ thuật sân khấu cải lương cùng với Tám Danh, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Phùng Há, Ba Du... Tài năng của ông không chỉ ở các vai hài, mà còn ở khả năng diễn xuất đa dạng, tài tình với các vai hề, lão, độc, văn, võ... Những vở diễn thành công của ông là *Men rượu hương tình, Vó ngựa truy phong, Khi người điên biết yêu, Người ven đô*... Ngoài ra ông còn đóng trong một số bộ phim như *Lan và Điệp* năm 1973, *Con ma nhà họ Hứa* năm 1973, *Sợ vợ mới anh hùng* năm 1974), *Năm vua hề về làng* năm 1975...

Năm 1984, ông được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân đợt 1. Ông qua đời tại Sàigòn vào ngày 24 tháng 8 năm 1988, được chôn cất trongNghĩa trang Nghệ sĩ tại Gò Vấp Tp. HCM.

Phùng Há

Phùng Há – Trương Phụng Hảo (1911-2009)

Nghệ sĩ Phùng Há thật là tên Trương Phụng Hảo, sinh năm 1911, tại làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, nay là Tiền Giang. Cha là người Hoa, ông tên Trương Nhân Trưởng. Ông này đã có vợ con ở Quảng Đông, Trung Quốc. Nhưng vì chơi nghịch: lấy pháo quấn vào bím tóc của một người bạn. Pháo nổ, bay luôn bím tóc. Sợ bị tù tội, ông một mình trốn sang Việt Nam, bán thịt bò ở chợ Mỹ Tho và lấy bà Lê Thị Mai làm lẽ.

Cuộc hôn nhân dị tộc này cho ra đời 7 người con gồm: Trương Tích Kỳ là trưởng nam, Trương Ngân Hảo, Trương Liên Hảo, Trương Tích Huy, chết lúc còn nhỏ, Trương Tích Trung, Trương Phụng Hảo và Trương Nguyệt Hảo. Phụng Hảo là con thứ 6, người Quảng Đông phát âm "Phụng Hảo" là "Phùng Há" cho nên cô được gọi là... Bảy Phùng Há.

Năm 1920, Phùng Há được 9 tuổi thì cha mất, mấy mẹ con bị ép sang Quảng Đông hai lượt để... chịu sự quản thúc của gia đình chồng. Gia sản bị người chú ruột và người anh cả chiếm đoạt nên người mẹ đã đưa Phùng Há trốn về Việt Nam. Lúc đó Phùng Há còn chưa biết hết mặt chữ, đã phải đi nghỉ học để đi làm kiếm tiền phụ mẹ nuôi bà ngoại.

Sau này Phùng Há tâm sự: *"...13 tuổi, tôi về sống bên ngoại thì bà ngoại tôi đau mắt, không tiền thang thuốc nên bị mù. Má tôi đau buồn, bệnh tật thường xuyên. Tôi đến nhờ anh Hai Trương Tích Kỳ giúp nhưng anh không ngó ngàng gì đến má và em. Tôi phải đi mò lạch, kiếm cá, tép là cái ăn nuôi mẹ. Bà dì Tư trong xóm thương tình, dẫn tôi tới lò gạch ông Bang Hoạch xin in ngói. Cứ in 100 viên thì được 3 xu... Tôi làm không quen, buồn quá nên vừa làm ca nghêu ngao cho đỡ buồn. Không ngờ, mọi người xung quanh nghe thích quá, mới bảo tôi ca cho họ nghe rồi họ phụ giùm tôi in gạch để có tiền nuôi mẹ...*

Cố Nghệ sĩ Phùng Há

Lúc đó, ông Hai Cu là chủ một tiệm vàng ở Mỹ Tho mới lập gánh hát lấy tên là Tái Đồng Ban, ông nghe đồn có cô nhỏ xẩm lai ở lò gạch ca hay nên ổng tới tìm. Ổng bảo nếu tôi chịu về Tái Đồng Ban, mỗi đêm diễn sẽ được phát lương 8 cắc. Ông còn cho mượn trước 50 đồng để lo thuốc thang cho bà ngoại và má tôi. Khi đi diễn gánh hát lại còn cho ăn ngày hai bữa.

Đối với tôi như vậy là cả một gia tài to lớn rồi, vì đi in gạch mỗi ngày tôi kiếm chưa tới một cắc...

Tôi theo gánh Tái Đồng Ban, được anh Tư Chơi dạy tôi ca. Ông Năm Mạnh, là thầy tuồng Nguyễn Công Mạnh và anh Năm Châu dạy tôi hát . Sau này tôi mới biết, do chị Năm Phi không về được Tái Đồng Ban nên ông bầu Hai mới tìm người hát chung với anh Năm Châu. Tôi may mắn mới được thế chị Năm Phi".

Năm 1925, được 14 tuổi, Phùng Há trở thành đào chánh đóng cặp với kép Năm Châu ở cái tuổi... gái mới dậy thì. Chính ông bầu Hai Cu đã gợi ý cho cô giữ lại cái nghệ danh Phùng Há, còn hai nhân vật Năm Châu và Tư Chơi lại lọt vô vòng tình cảm luẩn quẩn của cô đào tài danh Phùng Há.

Có thể nói Năm Châu và Phùng Há là những nghệ sĩ có công đặt nền móng cho nghệ thuật cải lương từ thuở sơ khai. Trên sân khấu Tái Đồng Ban, nghệ sĩ Năm Châu vừa là bạn diễn, vừa là người thầy tài hoa và sáng tạo. Cô học trò diễn chung vừa xinh đẹp, ca hay lại rất thông minh. Họ ca diễn hết sức ăn ý, kẻ tung người hứng một cách xuất thần. Cho nên trái tim cô thiếu nữ mới lớn đã phải thổn thức, rung động trước người thầy, người nghệ sĩ tài hoa và lịch lãm này.

Éo le thay, lúc này Năm Châu đã có vợ. Không thể "danh chính ngôn thuận" để đến được với nhau, họ đành chỉ yêu nhau trên sâu khấu và tỏ tình với nhau qua những nhân vật trong tuồng, tâm sự với nhau đúng như tình huống của nhân vật, gây nhiều thú vị cho khán giả. Suốt thời gian dài cứ yêu nhau trong tiếng nhạc, lời ca, đôi bạn diễn Phùng Há – Năm Châu đã làm người xem mê đăm với mối tình thật mà giả, giả mà thật cứ đan xen nhau một cách hoàn hảo... giữa nghệ thuật và tình yêu...

Năm 1926, Phùng Há thành hôn với Tư Chơi, năm sau họ sanh được con gái là Trương Bửu Chánh, cuộc hôn nhân không kéo

dài hơn 2 năm. Phùng Há phải đưa con về bên Trung Quốc cho người chị nuôi dưỡng, nên được đổi ra họ của người dượng là Lý Bửu Chánh. Còn Năm Châu rời gánh hát ra Hà Nội lưu diễn.

Các cảnh trong vở tuồng "Khúc oan vô lượng" của Tư Chơi

Năm 1928, Phùng Há gia nhập gánh Phước Cương của hai ông bầu George Phước, còn gọi là Bạch công tử - Lê Công Phước và Nguyễn Ngọc Cương thành lập.

Năm 1929, Bạch Công Tử bỏ tiền ra cho Phùng Há thành lập gánh hát Huỳnh Kỳ, khởi đầu gánh Huỳnh Kỳ rất thành công, nhưng do Bạch công tử không còn quan tâm đến Phùng Há, sau khi họ đã chung sống có 2 mặt con với nhau, cho nên gánh hát

rã tại Phú Nhuận sau khi diễn tuồng *Trái đạo tam cương* đêm 5-4-1932.

Không còn gánh hát, Bạch công tử càng ăn chơi nhiều hơn nữa, cờ bạc, rượu chè, hút xách, không kể gì đến tương lai. Cô Phùng Há khuyên nhủ cách nào cũng không được. Cô hai lần sinh con, một trai tên Paul, một gái tên Lý. Cả hai con đều chết khi còn rất nhỏ. Paul và Lý đến lúc chết Bạch công tử đều không có mặt ở nhà.

Đau đớn, lẻ loi, trơ trọi giữa dòng đời, cô Phùng Há cương quyết dứt tình vợ chồng với Bạch công tử Phước George.

Về chung sống với bà con bên ngoại, năm 1936 cô Phùng Há được ban hát Trần Đắc ký hợp đồng về làm đào chánh, đóng cặp với nghệ sĩ Năm Châu. Với hợp đồng mới và tiền lương rất hậu, danh tiếng của cô Phùng Há càng ngày càng sáng chói.

Trong lúc đó, công tử Phước George thành hôn với nghệ sĩ tài danh - cô sáu Ngọc Sương. Cô Ngọc Sương quê ở Phan Thiết, ca hay diễn giỏi, nhan sắc mặn mà. Ngoài tài năng ca diễn trên sân khấu, cô lại còn có tài vừa ca vọng cổ vừa đàn guitar. Tánh tình khẳng khái nhưng lại rất nhiều tình cảm, cô là đào chánh của nhiều đoàn hát lớn sau này. Qua đôi năm chung sống và vào năm 1937, cô sáu Ngọc Sương sanh được một con gái đặt tên là Ngọc Tuyết - tự Liliane. Nhưng rồi có lẽ cũng không chịu nổi kiểu ăn chơi bất kể của Phước George, cô trao con lại cho ông và trở về Phan Thiết. Bạch công tử buồn khổ lại chìm đắm trong những cuộc vui. Rồi có một lần vì chán nản, tuyệt vọng, không lối thoát, ông toan bồng con nhảy xuống giếng để cha con cùng chết cho hết nợ đời.

Hay được tin cô Sáu Ngọc Sương và công tử Phước George chia tay, Bạch công tử rất khó khăn khi phải nuôi con nhỏ, cô Phùng Há cho người đưa thư xuống xin được nuôi con gái của Bạch công tử và cô sáu Ngọc Sương.

Sau năm 1940, cô Phùng Há kết hôn với ông Nguyễn Hữu Bửu. Ông là một kỹ sư, một đại điền chủ lớn ở Trà Vinh. Ông đã thành lập đoàn Phụng Hảo cho cô Phùng Há.

Ông Nguyễn Hữu Bửu là cha ông Nguyễn Long và ông Nguyễn Khánh. Ông Nguyễn Long là Thanh niên tiền phong đi tập kết, là cán bộ cách mạng ở miền Bắc. Ông Nguyễn Khánh là tướng của chế độ Sàigòn ở miền Nam. Ông Nguyễn Hữu Bửu và cô Phùng Há có một ngôi nhà ở Gò Vấp, cùng sống chung với các con cháu như: Bửu Chánh - con gái ruột đã rước từ Trung Quốc về với tên Lý Bửu Trân, Nguyễn Long, Nguyễn Khánh, Lili, Nam Hùng và vài người cháu khác.

Sau khi Nhật đảo chánh Tây, tình hình biến động, đoàn Phụng Hảo phải rời Sài Gòn lưu diễn ở các tỉnh như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Long Điền, Phước Hải... Quá khó khăn vì mỗi khi di chuyển từ bến này qua bến khác cả đoàn hát phải đi bằng xe bò, cuối cùng đoàn Phụng Hảo phải mướn một chuyến ghe đi cạnh theo mé biển về đến Mỹ Tho. Tình hình quá căng đến nỗi đoàn Phụng Hảo không hát được một suất nào và rã gánh tại Mỹ Tho.

Thời gian sau thì cô Phùng Há và ông Nguyễn Hữu Bửu cũng chia tay.

Vào năm 1948, cô Phùng Há cùng một số anh chị em nghệ sĩ như Năm Châu, Ba Vân, Trần Hữu Trang... thành lập Hội Nghệ sĩ ái hữu tương tế, mua một căn nhà nhỏ ở 133 đường Cô Bắc làm nhà truyền thống thờ Thánh tổ.

Lúc này cô Phùng Há đã làm vợ của ông Châu Văn Sáu - một chủ trang trại nuôi bò với hàng trăm con bò chuyên lấy sữa làm sữa tươi, bơ, kem cung cấp cho một số nhà hàng, các tiệm bánh lớn ở Sàigòn, trại nuôi bò sữa của ông Châu Văn Sáu ở gần Ngã bảy, sau này ở đó hình thành một cái chợ nhỏ mà người ta thường gọi là "chợ Chuồng Bò".

Năm 1950, đoàn Phụng Hảo diễn tại Huế, cuối năm 1952 diễn tại Hà Nội danh nổi như cồn. Dựng lại đoàn Phụng Hảo lần này có lẽ là lần thành công nhất của cô Phùng Há so với bao đoàn Phụng Hảo tan - hợp trước đó. Nhưng đến khoảng năm 1959, đoàn Phụng Hảo lại tan rã tại rạp Thuận Thành Đakao.

Sau đó ông Châu Văn Sáu và cô Phùng Há cũng chia tay.

Năm 1958, bà đề xuất mua đất, xây dựng nên Chùa Nghệ sĩ tại Sàigòn để làm nơi yên nghỉ cho những nghệ sĩ cải lương. Bà cũng tự xuất tiền để xây dựng bia mộ cho các nghệ sĩ lão thành và cấp dưỡng cho vài nghệ sĩ nghèo.

Buồn khổ lại đeo bám bà, năm 1959 người con gái bà đứt ruột sanh ra là Bửu Chánh, tức Lý Bửu Trân chết do căn bệnh ung thư máu tại bệnh viện Grall, Sàigòn. Năm 1964, bà đi Pháp thăm hai cháu ngoại - một trai và một gái - con của Bửu Chánh.

Ở Pháp mấy năm, năm 1966, bà Phùng Há trở về nước. Tối bà lại đi hát chầu cho đoàn ca kịch Năm Châu, ban ngày đi dạy về bộ môn cải lương cho Trường Quốc gia âm nhạc.

Phùng Há có rất nhiều vai diễn gây được ấn tượng mạnh với công chúng, trong đó có nhiều vai diễn được xem là mẫu mực, thước đo cho các nghệ sĩ lớp sau học hỏi như: Lữ Bố trong vở *Phụng Nghi đình*, Dương Quý Phi trong vở *Tình sử Dương Quý Phi*, An Lộc Sơn trong vở *Đường Minh Hoàng du nguyệt điện*, Kiều Nguyệt Nga trong vở *Kiều Nguyệt Nga*, Nguyệt trong vở *Tô Ánh Nguyệt*, Lựu trong vở *Đời cô Lựu,* Thúy Kiều tr ong vở *Kim Vân Kiều*...

Đặc biệt, vai Lữ Bố bà đã diễn chung với rất nhiều nữ nghệ sĩ như cô Năm Phỉ, cô ba Thanh Loan, Kim Cương, Thanh Nga... vai diễn này gắn bó với bà mấy chục năm trời và đã cùng bà lưu diễn nhiều nơi trên thế giới.

Sau năm 1975, Bà Phùng Há, Nam Hùng và có khi ông Mai Quân, Việt Thường và ông bầu Xuân nhiều lần cùng đến gặp Thủ tướng Võ Văn Kiệt để trình bày những khó khăn. Nhờ sự giúp đỡ của Thủ tướng, UBND TP đã cấp phép cho xây dựng khu dưỡng lão nghệ sĩ và còn cấp cho kinh phí xây cất. Ngày 7-3-1998, khu dưỡng lão nghệ sĩ được khánh thành tại đường Âu Dương Lân, P.3, Q.8, Tp.HCM. Khu dưỡng lão có 25 phòng dành cho nghệ sĩ, công nhân sân khấu già yếu, trong đó có một phòng dành cho người làm tạp vụ, một phòng cho người làm vệ sinh.

Về già Phùng Há dành trọn thời gian của mình trông nom chùa và Nghĩa trang của Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ, lo giúp đỡ những nghệ sĩ nghèo khó và đào tạo những tài năng trẻ để mong Cải lương được s ống m ãi trong đời sống của người miền Nam.

Ngày 5-7-2009, tiếng mõ hồi chuông và lời tụng niệm của bà Phùng Há không còn vang lên nữa... Bà đã trút hơi thở cuối cùng lúc 0g30 ngày 5-7-2009, nhằm ngày 13-5 Kỷ Sửu tại Bệnh viện Nguyễn Trãi, thọ 99 tuổi. Mộ phần của bà được đặt ở nghĩa trang nghệ sĩ, cạnh những con người đã cùng bà có biết bao nhiêu là kỷ niệm...

866420042018

(Xem *Đời cô Lựu* trang 92)

Tư Sạng

Tư Sạng - Đoàn Thị Sạng (1911-1954)

Cô Tư Sạng tên thật là Đoàn Thị Sạng, sinh năm 1911 tại làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho.

Cô Tư Sạng gia nhập gánh hát Tái Đồng Ban của ông Hai Cu ở Mỹ Tho, cùng thời với các nghệ sĩ Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út, Tư Thạch, Từ Anh, Phùng Há, Ba Hui, Kim Thoa, Ba Liên…

Năm 1928, bà thành hôn với nghệ sĩ Năm Châu khi 2 người đang cùng hoạt động trong gánh hát Tái Đồng Ban và có được 5 người con:

- Nguyễn Thành Văn (trưởng nam), chủ rạp hát bóng *Tây Đô* tỉnh Cần Thơ, trước 1975.
- Nguyễn Ngọc Bê đã đi tu.
- Nguyễn Trúc Thanh, tập kết ra Bắc, nay đã về hưu.
- Nguyễn Thanh Hương, tức nữ nghệ sĩ danh ca Thanh Hương, nổi tiếng qua bài vọng cổ *Cô Bán Đèn Hoa Giấy*, vợ của danh hề Văn Chung.

- Nguyễn Thanh Trúc tự Antoinne, thành viên đoàn Việt Kịch Năm Châu và đoàn cải lương Saigon 1, chồng của nữ diễn viên Kiều Trúc Phượng, đoàn cải lương Saigon 1.

Trong các thập niên 1930, 1940, vì thiếu phương tiện giao thông, các đoàn hát bội và cải lương khó đến được các vùng xa nên khi có tiệc vui, lễ cưới... người ta phải dùng máy hát dĩa, hát những tuồng bộ, những bài ca vọng cổ để giúp vui; do đó tuy chưa biết mặt nhưng thường quần chúng bấy giờ đã biết danh những giọng ca rất được mến mộ như cô Tư Sạng, cô Hai Đá, nghệ sĩ Hồng Châu, Thanh Tao, Tư Út, Năm Châu, Bảy Nhiêu…

Cô Tư Sạng được giới khán giả sân khấu và thính giả dĩa nhựa Saigon – lục tỉnh ái mộ qua các bộ dĩa tuồng *Lục Vân Tiên, Kim Vân Kiều, Trang Tử Cổ Bồn Ca, Hạnh Ngươn cống Hồ, Lưu Yến Ngọc Cứu Cha* do thầy Năm Tú sản xuất, hãng dĩa Pathé – Phono thu thanh. Còn nhớ, mỗi lần vô đầu dĩa hát, bao giờ cũng có một câu quảng cáo như sau:*« Đây, ban hát cải lương thầy Năm Tú ở tại Mỹ Tho, hát cho hãng Pathé – phono nghe chơi, tuồng….»*

Từ năm 1935, cô Tư Sạng thu thanh cho hãng dĩa Asia do ông Ngô Văn Mạnh làm chủ. Nhờ kỹ thuật thu thanh và in dĩa sản xuất ngay tại Saigon nên cô Tư Sạng càng nhanh chóng nổi danh hơn nhờ dĩa hát ra mau, nhiều tuồng tích hay, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của thính giả từ Nam chí Bắc.

Giọng ca của cô Tư Sạng rất trong, dịu...não nùng, ai oán... nhất là với những bài ca tâm sự của phụ nữ sầu tình, lỡ làng duyên phận hoặc thân gái trong nghịch cảnh khổ đau thì thính giả rất thích thú, ái mộ. Đĩa hát nào có giọng ca của danh ca Tư Sạng là bán rất chạy, có khi phải nhiều lần tái sản xuất. Các bộ dĩa như *Hoa Rơi Cửa Phật (tức Lan và Điệp), Đêm khuya trông chồng, Mẹ dạy con, Xử án Bàng Quý Phi, Tô Ánh Nguyệt, Trảm Trịnh Ân, Đào Tam Xuân Phục Hận* là

những bộ dĩa hát được giới thính giả lục tỉnh, Saigon và cả miền Trung, Hà Nội đều say mê tán thưởng.

Nhắc đến tuồng *Xử án Bàng Quý Phi,* khán giả ái mộ cải lương thường nhắc đến hai nghệ sĩ tài danh Năm Phỉ và Bảy Nhiêu trong hai vai Bàng Quý Phi và Tống Nhơn Tôn vì quả thật là khi cô Năm Phỉ thủ vai Bàng Quý Phi trên sân khấu thì khó có ai hát bằng.

Qua vai Bàng Quý Phi, chẳng những Năm Phỉ chinh phục được lòng yêu mến của khán giả mọi miền đất nước mà cô Năm Phỉ còn chinh phục được khán giả Pháp và Tây Âu nhân khi cô đi biểu diễn cải lương trong cuộc đấu xảo thuộc địa của Pháp tổ chức tại Paris năm 1931. Nhưng nếu so với cô Tư Sạng thì cô Năm Phỉ còn phải thông qua giọng ca, diễn xuất, nhờ y trang, tranh cảnh và nhờ bạn đồng diễn... mới khiến người nghe xúc động còn danh ca Tư Sạng thì chỉ cần nghe dĩa hát, không thấy diễn viên, không bị mê hoặc bởi y trang tranh cảnh cùng với nhân vật mà đã khiến cho mấy thế hệ thính giả từ Nam chí Bắc xúc động đến khóc mỗi lần nghe đĩa hát. Đó là một điều mà không phải danh ca nào cũng làm được.

Bộ dĩa *Xử án Bàng Quý Phi*, 20 dĩa do danh ca Tư Sạng ca năm 1936 mở đầu cho những thắng lợi vẻ vang của hãng dĩa Asia, tiếp theo đó là sự thành công của những bộ dĩa *Hoa Rơi Cửa Phật, Tô Ánh Nguyệt* làm cho hào quang tên tuổi của nữ danh ca Tư Sạng ngày càng thêm sáng chói.

Ông Ngô Văn Mạnh, chủ hãng dĩa Asia đã ký hợp đồng độc quyền thu thanh giọng ca của cô Tư Sạng và đã giàu to nhờ tung ra thị trường nhiều bộ dĩa hát với giọng ca vàng của nữ đệ nhất danh ca Tư Sạng như các bộ dĩa hát tuồng *Trảm Trịnh Ân, Đào Tam Xuân báo phu cừu…*

Nếu tên tuổi của nam đệ nhứt danh ca Út Trà Ôn nổi tiếng qua bộ dĩa *Tôn Tẩn giả điên* thì nữ đệ nhứt danh ca Tư Sạng cũng

nổi danh qua dĩa hát *Đêm khuya trông chồng*. Bộ dĩa nầy được nhạc sĩ Bảy Hàm đờn guitare độc chiếc). Cô Tư Sạng còn nổi danh qua bài vọng cổ *Mẹ Dạy Con*. Bài vọng cổ đã một thời góp phần trong việc giáo dục đạo đức truyền thống của dân tộc Việt bằng cách thông qua nghệ thuật, tôn vinh việc giữ gìn lễ nghĩa gia phong. Những câu vọng cổ *Mẹ Dạy Con* rất phù hợp tâm tư quần chúng đương thời lại được giọng hát tuyệt vời của cô Tư Sạng ca nên đã có tác dụng rất lớn. Đĩa hát *Mẹ dạy con* đã có một thời là khuôn vàng thước ngọc cho các cô con gái về làm dâu nhà chồng.

Sau, khi ký hợp đồng thu thanh độc quyền cho hãng dĩa Asia, cô Tư Sạng không còn theo các gánh hát cải lương rồi chia tay với nghệ sĩ Năm Châu, trở thành vợ thứ của ông Ngô Văn Mạnh chủ hãng dĩa Asia

Cô Tư Sạng qua đời ngày 4 tháng 3 năm 1955 tại Sàigòn, đang tuổi trung niên 44 tuổi..

.Sau khi cô Tư Sạng qua đời ngày 4 tháng, thầy năm Mạnh đã dành một phần đất nơi nghĩa trang Bình Tân làm nơi an nghỉ cuối cùng cho cô Tư Sạng. Phần đất nầy trước 1975 là thuộc quyền của hãng dĩa Asia. Sau 1975, các rạp hát, hãng dĩa, các đoàn hát, nhà in, ... cùng những gì thuộc về lãnh vực thông tin tuyên truyền, giáo dục đều bị nhà nước tịch thu, vì vậy hãng dĩa Asia và đất đai đều thuộc quyền của nhà nước.

Năm Nghĩa

Năm Nghĩa - Lư Hòa Nghĩa (1911-1959)

Nghệ sĩ Năm Nghĩa tên thật là Lư Hoà Nghĩa sanh năm 1911, tại Xóm Mới, tỉnh Bạc Liêu , cha là Lư Văn Bửu , nguyên là một thầy giáo ở trường làng Vĩnh Lợi và mẹ là Nguyễn Thị Nghiệp, anh em tính cả trai lẫn gái đến 13 người. Theo thứ tự anh em, ông đứng vào hàng thứ ba tên thật của ông là Hiển tên chữ là Hòa Nghĩa, vợ là cô Năm Đặng nên một số người gọi theo thứ của vợ thành Năm Nghĩa, ông dùng cái tên này làm nghệ danh.

Khi ông Năm Nghĩa được 15 tuổi, ông đã nổi tiếng danh ca nhờ có một làn hơi thiên phú và một kỹ thuật ca với giọng ơ ơ dứt câu rất là độc đáo, lại may mắn được sư Nguyệt Chiếu - một danh sư cổ nhạc ở Bạc Liêu thời đó nhận dạy đờn ca tài tử *Bản Dạ Cổ Hoài Lang* nhịp đôi của nhạc sĩ Sáu Lầu sáng tác năm 1918. Năm 1927, nhạc sĩ Tư Chơi tức soạn giả Huỳnh Thủ Trung đờn mở thành ra nhịp tư và viết bài ca *Tiếng Nhạn Kêu Sương*, Ông Sáu Lầu rất khen cách kéo nhịp giản ra của nhạc sĩ Tư Chơi mà không phá căn bản của bài *Dạ Cổ Hoài Lang*.

Năm 1934, bản *Dạ Cổ Hoài Lang* nhịp tư rất thịnh hành , nhưng danh ca Năm Nghĩa nghĩ cách kéo dài gấp đôi và sáng tác bài ca vọng cổ *Văng Vẳng Tiếng Chuông Chùa* nhịp 8. Bài hát đã đề cao tên tuổi của danh ca vọng cổ Năm Nghĩa, mở màn cho sự phát triển của bản vọng cổ, từ nhịp tám tăng lên thành nhịp 16, rồi nhịp 32, nhịp 64 sau nầy.

Nhân dịp lễ kỷ niệm 50 năm thành lập ngành ca kịch cải lương tại nhà Hội nghệ sĩ ở đường Cô Bắc Nhạc sư Cao Văn Lầu đã phát biểu "*Phải cám ơn thằng Năm Nghĩa, nếu nó không chế biến ra thành bản vọng cổ Bạc Liêu nhịp 8 thì bài Dạ Cổ Hoài Lang của tôi sẽ giống như các bài Oán, bài Nam bất biến. Cứ theo khuôn khổ đờn ca cũ như bao nhiêu bản cổ nhạc khác thì làm sao mà nó được phát triển và được cả mọi người ưa thích như ngày nay"* Bài ca *Văng vẳng tiếng chuông chùa* ra đời không lâu có một ông mê hát ở xóm Thiềng Đức (Vĩnh Long) đã bỏ vốn lập gánh để nghe Năm Nghĩa ca hát. Nhưng ông này không quen làm bầu nên chỉ diễn được vài nơi thì rã gánh.

Năm 1934 ông Năm Nghĩa lại được ông bầu Nguyễn Ngọc Cương mời về đoàn Phước Cương ở Mỹ Tho, vở hát đầu tiên là vở *Gươm vàng máu đỏ* . Năm 1936, nghệ sĩ Năm Nghĩa đi hát cho gánh hát Hề Lập . đầu năm 1943, ông lại sang đoàn Nhạn Trắng, nhưng cuối năm đó ông về cộng tác cho đoàn Hậu Tấn.

Ông Phạm Minh Tấn, quản lý rạp hát Thành Xương và là chủ nhân của năm căn phố bên hông rạp Thành Xương, ông mời hai danh ca Năm Nghĩa và Bảy Cao hợp tác, thành lập hai gánh hát đại ban, lấy bảng hiệu Hậu Tấn - Năm Nghĩa và gánh Hậu Tấn - Bảy Cao Năm 1948, gánh hát Hậu Tấn – Năm Nghĩa hát ở Tân Định, nữa đêm bị kẻ gian phóng hỏa thiêu rụi gánh hát. Sau đó năm 1949, nghệ sĩ Bảy Cao bị Công An bắt nhốt trong khám nên ông Ba Tấn cho rã hai gánh hát Hậu Tấn - Năm Nghĩa và Hậu Tấn - Bảy Cao. Và năm đó cũng là năm ông và cô Năm Đặng chia tay nhau.

Năm 1949, ông Năm Nghĩa thành hôn với bà Nguyễn Thị Thơ, bà Thơ là một phụ nữ ở đất Tây Ninh đã có một đời chồng và 3 con: Nghệ sĩ Hữu Thìn , nghệ sĩ tài danh Thanh Nga , Michel Nguyễn, khi về với Năm Nghĩa thì hai người rất tâm đầu ý hợp. Hai người đã có năm con, gồm ba trai hai gái là: Nghệ sĩ Bảo Quốc, Chí Bình, Ánh Đào, Ánh Mai và Chí Tiên

Năm 1950, hai ông bà lập gánh Thanh Minh. Hầu hết những danh ca và nghệ sĩ tài danh thời đó đều có hát cho đoàn hát như các nghệ sĩ Năm Nghĩa, Hoàng Giang, cô Ba Kim Anh, Kim Chưởng, Thanh Loan, Thu Ba, Thanh Nga…

Ngày 5 -12 – 1959, đoàn Thanh Minh đang diễn vở *Người vợ không bao giờ cưới* của soạn giả Kiên Giang thì Ông Năm Nghĩa đã từ trần tại nhà thương Grall -Sàigòn do thổ huyết vì bịnh loét bao tử.. Hưởng dương 48 tuổi.

Tư Út

Tư Út – Phạm Thế Đẩu (1912-1948)

Tư Út tên thật là Phạm Thế Đẩu, sinh quán quận Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Thuở nhỏ, ông được người anh ruột vốn là giáo viên trường tiểu học nuôi dưỡng nhưng vì mê nghiệp ca nên Tư Út sớm từ giã ghế nhà trường. Ông được trưởng toà Trần Quang Cảnh, tức Bảy Cảnh – là người giỏi vĩ cầm, mandoline dạy đàn hát và cho đầu quân vào gánh Tân Phước Nam, sau chuyển qua đoàn Tân Hưng.

Năm 1924, ông diễn cho đoàn Tân Thinh. khoảng cuối năm, ông về hát cho đoàn Nam Đồng Ban của ông Hai Cu, đứng chung sân khấu cùng với nghệ sĩ Hai Giỏi, con trưởng của ông

bầu Hai Cu và cô Năm Phỉ. Tại sân khấu Nam Đồng Ban, Tư Út đã thành danh trong tuồng *Hoa rơi cửa Phật* (Lan và Điệp) hát chung với cô Nam Phỉ. Năm 1925, nghệ sĩ Hai Giỏi qua đời, ông Hai Cu buồn nên cho rã gánh và lui về Mỹ Tho.

Năm 1932, Tư Út hát cho đoàn Trần Đắc diễn tuồng Tây cùng với các nghệ sĩ Năm Châu, Tư Chơi, Từ Anh, cô Bảy Phùng Há, cô Tư Sạng, cô Năm Kim Thoa, cô Ba Liên... Tư Út đã thành công trong vai Phạm Hoằng Khai của tuồng *Khúc Oan Vô Lượng*.

Khi ông bầu Hai Cu tái lập gánh Tái Đồng Ban, qui tụ nhiều đào kép thượng nặng. Bên Đào có: Cô Bảy Phùng Há, Cô Ba Nhàn, Cô Ba Liên, vợ Kép Từ Anh, Cô Ba Điều...Bên kép có: Tám Mẹo, Năm Châu, Ba Du, Tư Út, Từ Anh, Hai Ngời, Hai Bông, Hề Ty, Sáu Chánh. Soạn giả có ông Nguyễn Công Mạnh, ông Nguyễn Thành Châu, ông Huỳnh Thủ Trung.

Tư Út cũng đã đứng trên các sân khấu như Năm Phỉ, Phi Phụng Con Tằm. Đến năm 1945, khi cô Bảy Phùng Há lập gánh Phụng Hảo thì Tư Út là kép chánh và là bạn đồng diễn của cô Bảy Phùng Há. Trong vở *Tái Sanh Duyên*, cô Bảy phùng Há đóng vai Tô Ánh Nguyệt, Năm Châu vai Lưu Khuê Bích, Tư Út vai Hoàng Phủ Thiếu Hoa và Ba Du vai con nhà họ Sử. Tại rạp Palicao, trong tuồng *Trảm Trịnh Ân, Nhữ Nam Vương* – Tư Út đã xuất thần làm cho khán giả khóc cả rạp.

Đoàn Phụng Hảo lên Vang Nam lưu diễn và trụ ở rạp Kim Phụng. Năm 1948, trong đêm diễn *Một đêm trăng trong Ngự Uyển* hay *Mộng Hoa Vương*. Hai màn đầu háo hứng đi qua, khán giả hồi hộp say mê với cảnh đêm trăng huyền ảo, vườn Ngự Uyển đẹp như thiên thai, nhạc trỗi khúc giao duyên, sóng tình Mộng Hoa Vương xao động. Ngô sứ giả say cảnh đêm trăng, say hương người ngọc, chén quỳnh vơi cạn mấy lần. Trong vai Mộng Hoa Vương, cô Bảy Phùng Há dịu dàng lộng lẫy, Ngô Trung Cảnh – Tư Út lẫm liệt nhưng đa tình. Bất chợt

Ngô sứ giả ngây ngươi ngồi sụm xuống. Nghệ sĩ Tư Út gục đầu thiếp đi trong tiếng đàn réo rắc, giọng hát mê ly. Bức màn nhung được buông xuống cấp tốc, bác sĩ Nguyễn văn Minh từ hàng ghế khán giả nhảy lên săn sóc cho ông. Rạp hát hỗn loạn, tiếng bàn tán vang lên trước tai nạn bất ngờ của gánh hát, khán giả ngồi lại xem cho qua đêm diễn chớ thật ra trong lòng cũng nghĩ đến sinh mạng của Tư Út - người nghệ sĩ tài danh đã làm cho họ say mê bao lâu nay. Qua 6 ngày trong cơn bạo bệnh, lúc tỉnh lúc mê. Nghệ sĩ tài danh Tư Út đã trút hơi thở cuối cùng trong ngôi miếu mới cất tại Nam Vang.

Kép Tư Út qua đời ở Campuchia năm 1946, vì bệnh đậu mùa, khi tuổi đời mới 36.

Bảy Nam

Bảy Nam - Lê Thị Nam (1913-2004)

Nghệ sĩ Bảy Nam tên thật là Lê Thị Nam sinh năm 1913 tại Mỹ Tho, Tiền Giang. Thân sinh ra bà là một kỹ sư cầu cống, họ Lê tên Công, vốn là người thích chữ nghĩa nên đã chọn câu "Công Thành Danh Toại, Phỉ Chí Nam Nhi, Bia Truyền Tạc Để" để đặt tên cho 11 người con của mình.

Sau khi thân phụ qua đời, năm 14 tuổi, nghệ sĩ Bảy Nam đã được nghệ sĩ Năm Phỉ - đào chánh của gánh Phước Cương - hướng dẫn nghề hát và nhanh chóng nổi tiếng qua các vai diễn.

Năm 19 tuổi, cô Bảy Nam, nhờ nguồn tài chánh của ông chồng đầu tiên giàu có, là vua cờ bạc vùng Chợ Lớn Sáu Ngọ, đã thành lập, điều khiển và kiêm cả vai trò đạo diễn cho gánh đại ban Nam Hưng vốn quy tụ được nhiều nghệ sĩ hàng đầu lúc bấy giờ.

Không chỉ làm bầu gánh, nghệ sĩ Bảy Nam hàng đêm còn đóng vai chánh cho những tuồng hát của gánh này nữa. Mặc dù trong nhiều năm nghệ sĩ Bảy Nam nổi tiếng và được nhiều mến mộ qua nhiều vai diễn, kể cả vai Điêu Thuyền trong các tuồng *Điêu Thuyền Hí Lữ Bố, Điêu Thuyền Bái Nguyệt…,* bà đặc biệt còn thành công trong các vai nam oai phong lẫm liệt như Quan Công, Lữ Bố, hay các vai ông lão như Vương Tư Đồ, Lý Nhu.

Không dừng lại ở tài nghệ diễn xuất và khả năng quán xuyến một gánh hát đại ban, nghệ sĩ Bảy Nam còn là nữ soạn giả cải lương đầu tiên của Việt Nam, từng biên soạn những vở ăn khách như *Gươm Vàng Máu Đỏ, Lê Lợi Khởi Nghĩa, Nỗi Đau Lòng Mẹ, Người Đàn Bà Việt Nam, Tiêu Anh Phụng Loạn Trào…*

Nhưng gánh Nam Hưng phải giải tán vào năm 1935, vì bà Bảy Nam ôm đồm quá nhiều việc, nên khó tránh những sơ suất, thất thoát. Và gánh này được được sát nhập với gánh Phước Cương của người chị là Cô Năm Phỉ để trở thành gánh Đại Phước Cương.

Năm 1937, Cô Năm Phỉ ra đi và thành lập đoàn cải lương Năm Phỉ, sau khi chồng của cô – ông Nguyễn Ngọc Cương – chính thức lấy người em gái là Cô Bảy Nam làm vợ. Nghệ sĩ Kim Cương là một trong 3 người con của hai ông bà.

Khoảng cuối thập niên 1940, gánh Đại Phước Cương sa sút vào khi ông Nguyễn Ngọc Cương lâm trọng bệnh và qua đời khi gánh này đang trên đường lưu diễn ở Phan Thiết năm 1944. Chồng bà mất trên đường lưu diễn, tứ cố vô thân vào lúc gánh hát sa sút, bà không có tiền an táng người thân, phải nhờ sự giúp đỡ của các vị Mạnh Thường Quân ái mộ cải lương ở địa phương.

Khoảng 6 năm sau khi ông Nguyễn Ngọc Cương qua đời, soạn giả Duy Lân của đoàn hát Nam Phong, nơi bà Bảy Nam là một trong những nghệ sĩ nồng cốt, đã gá nghĩa vợ chồng với bà. Bầu gánh Nam Phong là cô chín Bia, em ruột bà Bảy Nam, và đào chánh của gánh lúc bấy giờ là nghệ sĩ Kim Cương.

Nghệ sĩ Bảy Nam không những nổi tiếng trong lãnh vực cải lương, mà còn được nhiều mến mộ trong lãnh vực kịch nghệ, điện ảnh. Theo soạn giả Nguyễn Phương thì bà là nữ nghệ sĩ đầu tiên ở Saigòn được công ty điện ảnh Intermondial mời đóng với các diễn viên như Daniel Gélin, Anne Méchard trong phim Mort en Fraude của đạo diễn Marcel Camus.

Và bà từng tham gia trong các bộ phim Việt Nam như *Hoa Lục Bình, Ngọn Cỏ Gió Đùa, Về Nguồn, Một Thoáng Đam Mê…*

Có lẽ khó có ai thay thế nghệ sĩ Bảy Nam qua các vai diễn xuất sắc của bà trong những vở kịch như Bông Hồng Cài Áo, Vực Thẳm Chiều Cao… Và nhất là, khán giả khó mà cầm được nước mắt khi xem vở Lá Sầu Riêng, với hình ảnh Bà Bảy Nam qua vai người mẹ quê, nghèo khổ trong chiếc áo dài sờn vai, lắm chỗ vá, đầu đội chiếc nón lá bung vành, tai mang cái giỏ đệm xác xơ, đã phải nén đau thương, uất nghẹn, lê những bước chân ngập ngừng tới nhà xui gia bất đắc dĩ vốn là cường hào ác bá để thăm người con gái

Bà Bảy Nam qua đời lúc 12g50 ngày 18-8-2004, tại nhà riêng số 9 Hoàng Diệu, Q. Phú Nhuận, an táng tại nghĩa trang Tp.HCM. Thọ 91 tuổi.

Nghệ sĩ tài danh Bảy Nam mất đi, để lại cho đời 20 tuồng, kịch và một cuốn hồi ký về cuộc đời sân khấu của bà.

Thành Tôn

Thành Tôn - Nguyễn Thành Tôn (1913-1997)

Nghệ sĩ Thành Tôn tên thật là Nguyễn Thành Tôn, sinh năm 1913 tại làng Trường Thọ, quận Vũng Liêm, nay thuộc xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông xuất thân trong một gia đình dòng dõi và một làng có truyền thống theo nghề hát từ thế kỷ thứ XIX. Sinh thời, ông có kể rõ về lai lịch của mình trong bài viết trên báo Sân khấu Tp. HCM. số 92, ngày 5 tháng 10 năm 1991, được soạn giả, ký giả Huy Trường ghi lại như sau: *"Ông cố của Thành Tôn tên là Nguyễn Văn Sĩ, vốn là người của triều đình nhà Nguyễn, từng biết rành hát bội, từng từ bỏ triều đình về định cư lập nghiệp ở rạch Cái Tôm, vàm Mân Thích. Ông đã dạy cho con cháu và những người lân cận ca hát để trình diễn ở đình chùa khi có những ngày lễ hội vui hay tế lễ. Ông nội của Nguyễn Thành Tôn là Nguyễn Văn Luông, bà nội tên Trần Thị Mười là hai nghệ sĩ*

thời bấy giờ từng thành lập đoàn Phước Long Ban - bầu Luông Vĩnh Long. Cha của Thành Tôn là ông Nguyễn Văn Nở là kép Hai Nở, thuộc đoàn nhà Phước Long Ban, đi kháng chiến năm 1947 và hy sinh năm 1952...".

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho đi học chữ. Tuy nhiên, đến năm 1926, ông thôi học chữ, trở về quê để đi theo gánh Phước Long Ban của ông nội là Bầu Luông khi mới 13 tuổi. Tuy là theo gánh hát của gia đình nhưng ông vẫn phải học hát theo đúng trình tự, học từ vai quân hầu, quân canh, quân chạy hiệu, cho đến khi được 17 tuổi mới được đóng vai kép con. Những người thầy đầu tiên của ông là kép Tư Nhuận, ông Nhưn Sửu là người Bến Tre.

Thời bấy giờ, Phước Long Ban là một đại ban, chuyên hát bội ở các tỉnh miền Tây, mỗi lần di chuyển phải sử dụng hơn 10 chiếc ghe chài lớn nhỏ mới đủ chuyên chở các nghệ sĩ, công nhân khuân vác và những dụng cụ dựng rạp hát như vải bố, tăng, ghế sắt. Đến địa phương nào không có đình, miễu, rạp hát thì Phước Long Ban sẽ bao nhà lồng chợ. Tuy vậy, gánh hát Phước Long Ban chỉ hoạt động từ tháng Giêng đến cuối tháng Tư, thời gian còn lại gánh hát quay về quê quán, chia tiền cho các thành viên, sau đó vừa tập tuồng mới vừa làm ruộng để sống.

Từ thập niên 1930, hát bội càng lúc càng mất khán giả. Ở thành thị, cải lương được khán giả ưa thích hơn. Phước Long Ban do nhu cầu tồn tại nên đã cải tiến phong cách trình diễn, bắt đầu pha hơi hướng cải lương. Ông cùng các đào kép trong ban được thụ giáo các nghệ sĩ nổi danh như Hai Bá chơi đàn tranh, Năm Bửu chơi đàn cò và Bảy Thu chơi đàn gáo về kỹ thuật ca cải lương. Ngoài ra, ông còn học ca cải lương và kỹ thuật chơi đàn kìm, đàn cò, đàn sến từ nghệ sĩ Hai Bá ở Thiềng Đức nên khả năng của ông về nghệ thuật hát bội và cải lương đều vượt trội hơn các bạn đồng trang lứa.

Năm 1940, ông nội ông là bầu Luông qua đời. Vì quá đau buồn, cha ông là bầu Nở không muốn tiếp tục điều hành gánh hát nên Phước Long Ban tan rã. Ông bèn đi hát cho gánh Thạnh Hưng Ban của ông bầu Hùng ở huyện Trà Ôn thời đó thuộc tỉnh Cần Thơ. Năm 26 tuổi, ông rời quê hương lên Sàigòn hát cho gánh Tấn Thành Ban của bầu Cung ở đình Nhơn Hòa Cầu Muối. Một năm sau, ông chuyển sang hát kép chánh cho gánh Vĩnh Xuân Ban của bầu Thắng, bắt đầu sự nghiệp lưu diễn khắp Sàigòn và Nam Kỳ Lục tỉnh. Ngoài ra, ông cũng cộng tác và học nghề với nhiều ban hát ở Sàigòn như Nghĩa Thành của Biện Dực, Hoa Xuân của Mười Vàng...

Năm 1945, ông ra bưng biền tham gia kháng chiến một thời gian rồi trở về Sàigòn hát lại cho gánh Vĩnh Xuân Ban. Ông cùng các nghệ sĩ Trần Hữu Trang, Nguyễn Thành Châu, Hoàng Chỉ, đứng ra lập Hội tương tế nghệ sĩ, thực chất là tổ chức hoạt động bí mật của Việt Minh trong giới nghệ sĩ nội thành Sàigòn. Ông cùng với các nghệ sĩ Sáu Vững, Hữu Thoại, lập Ban hát bội Vân Hạc, trình diễn nhiều tuồng hát bội trên Đài phát thanh Sàigòn với thành phần diễn viên tài danh của Vĩnh Xuân Ban. Do yêu cầu của Đài, trình diễn phải có kịch bản đưa duyệt trước, ông chịu trách nhiệm ghi chép sẵn một số tuồng xưa cho Ban Vân Hạc có thể thực hiện chương trình hát bội trên Đài, từ đó bắt đầu bước vào sự nghiệp soạn tuồng.

Trước năm 1975, ông làm lãnh đạo ban hát bội Vân Hạc, diễn thường xuyên ở Đài phát thanh Sàigòn.

Ngoài diễn viên, nghệ sĩ Thành Tôn là soạn giả tuồng với nhiều vở được dàn dựng, biểu diễn khắp Nam – Trung – Bắc và trên Đài Phát thanh suốt nhiều năm.

Ong là thành viên sáng lập Đoàn hát bội tại Tp. HCM, dành nhiều tâm huyết nghiên cứu cách diễn, cách viết, dàn dựng tuồng đổi mới cho phù hợp hướng cảm thụ của khán giả và hết lòng chăm sóc, giúp đỡ nghệ sĩ trẻ với nguyện vọng của ông:

"Hát bội không bao giờ chết, nó vẫn tồn tại trong đời sống văn hóa dân tộc".

Một số vai diễn nổi bật của nghệ sĩ Thành Tôn: Vai Chu Du trong vở *Giang Đông phó hội*, vai Triệu Tử Long trong vở *Triệu Tử Long đoạt ấu chúa*, vai Thái Kiệt, đoạt giải Diễn viên xuất sắc năm 1980, vai Trần Liễu, đoạt Huy chương vàng Hội diễn toàn quốc năm 1985.

Gia tộc Thành Tôn nhiều đời là nghệ sĩ nổi tiếng, có nhiều đóng góp trong nghệ thuật sân khấu miền Nam nói riêng và Việt Nam nói chung. Ông cố: nghệ sĩ Nguyễn Thành Sĩ là bầu Sĩ, ông nội: nghệ sĩ Nguyễn Thành Luông là bầu Luông, cha là nghệ sĩ Nguyễn Thành Nở tức bầu Nở

Gia tộc bên vợ là nghệ sĩ Huỳnh Mai cũng nhiều đời là nghệ sĩ, ông bà nội vợ là cặp nghệ sĩ Vĩnh – Xuân, cha vợ là nghệ sĩ Nguyễn Văn Thắng tức bầu Thắng.

Nghệ sĩ Thành Tôn nổi tiếng nghiêm khắc, ông đã đào tạo cho các con mình trở thành những nghệ sĩ tài danh, đóng góp nhiều công sức cho nền sân khấu Việt Nam. Đó là nghệ sĩ Bạch Liên, nghệ sĩ Bạch Lê, nghệ sĩ Bạch Lựu, nghệ sĩ Bạch Lý, nghệ sĩ Bạch Long và nghệ sĩ Thành Lộc

Mặc dù thế hệ sau không có ai kế nghiệp, nhưng con trai ông là nghệ sĩ Bạch Long đã thành lập Nhóm Đồng ấu Bạch Long tương tự mô hình Nhóm Đồng ấu Minh Tơ của người cậu ruột là nghệ sĩ Minh Tơ, Nhóm Đồng ấu Bạch Long đào tạo ra nhiều nghệ sĩ trẻ nổi danh như Quế Trân, Vũ Luân, Tú Sương, Trinh Trinh... theo phong cách của gia tộc Thành Tôn.

Ông mất ngày 8 tháng 11 năm 1997 tại Tp. HCM thọ 84 tuổi.

Cô Ba Bến Tre

Cô Ba Bến Tre (1914-19…)

Cô Ba Bến Tre, không rõ họ và tên, sinh năm 1914 tại Bến Tre.

Khi bài ca vọng cổ ra đời vào khoảng đầu thập kỷ 1920, phong trào đàn ca tài tử càng phát triển sâu rộng ở nông thôn Bến Tre, và cũng trong thời kỳ này xuất hiện nhiều người đàn hay, hát giỏi. Nhiều người mộ điệu, không biết đàn ca, nhưng lại sốt sắng tổ chức. Đêm trăng sáng, anh chủ nhà trải vài chiếc đệm trên sân. Những người chơi nhạc đầu trên, xóm dưới lần lượt mang đàn đến. Người đàn ca thì ít, người thưởng thức thì nhiều gấp ba, bốn lần. Họ chơi đến một, hai giờ khuya, ăn cháo gà rồi giải tán.

Cảnh đàn ca này cũng diễn ra ở nhiều nơi trong khắp Lục tỉnh, sau những ngày mùa vụ xong xuôi, trời ráo nắng, trăng thanh, gió mát. Tỉnh Bến Tre có cô Ba Bến Tre nổi tiếng qua các đĩa hát nhạc cổ tài tử và trên làn sóng Đài phát thanh Pháp Á tại Sàigòn. Cô Ba Bến Tre đã dành ngót 50 năm cuộc đời mình cho nhạc tài tử.

Em Cô Ba Bến Tre là Tư Phú Nhuận cũng là một nữ ca nhạc tài tử. Trong những người ca có tiếng ở Bến Tre còn có cô Ba Điểu, vợ ông Văn Cảnh, người lập gánh cải lương đầu tiên ở Bến Tre, ông tư Ngưu, cô Bảy Nhiều, cô Sáu Mão, quê xã Mỹ Thạnh, Giồng trôm, cô Ba Huỳnh Mai, người Ba Tri.

Khởi đầu sự nghiệp ở nhà hàng ca nhạc Đức Thành Hưng, cô đã cộng tác với Nhà hàng ca nhạc Lý Văn Lang, Ca quán Kim Chung cùng các hãng dĩa Pathe', Ke'ka, Asia,...Nhạc sĩ Sáu Tửng là người đệm đờn Sến độc chiếc mỗi khi cô ca ở các nơi. Với những bài vọng cổ ca độc chiếc như: *Tình cao thượng, Khóc bạn, Trách ai lỗi hẹn, Thân thôi có chồng, Sau khi đoạn tuyệt, Lỡ làng duyên phận...và những tuồng Mộng Hoa Vương*, cùng với Ba Trà Vinh, Tư Bé, Tám Thưa, Ba Giáo, Ba Vân...đã được giới sành điệu và kể cả những người trong giới lúc bây giờ đánh giá là "một trong hai", cùng với cô Tư Bé giọng ca "xa-lông" sáng giá nhất trong làng dĩa nhựa thời bấy giờ.

Xứ dừa Bến Tre thuở ấy đã sản sinh một giọng ca ngọt ngào truyền cảm, không cao không thấp, không ngân vang không khàn khàn. Khách mộ điệu ví giọng ca của cô Ba Bến Tre như: "Tiếng hát trà rót vào chén bạc".

Khi Pháp chiếm Nam Bộ lần thứ hai, cô bỏ ca hát nghề ở Sàigòn, trở về quê cũ, sống bằng nghề làm vườn. Rồi cô qua đời tại nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Phần mộ cô Ba Bến Tre hiện ở quê nhà, xã Phú Nhuận, nay là ngoại ô thị xã Bến Tre.

Sáu Ngọc Sương

Sáu Ngọc Sương (1915-2000)

Sáu Ngọc Sương là nghệ danh, chưa rõ họ, có lẽ tên là Ngọc Sương, sinh năm 1915, tại làng Đức Nghĩa ven sông Cà Ty, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Những năm 1920 là xóm dân chài. Ở đó, có cô bé tên là Sáu mê xem hát. Không chỉ xem hát thôi mà cô còn sà vào chỗ người kéo đờn cò, đánh trống… xin đánh thử bằng được.

Khi gánh hát có đào Phùng Há diễn tại Phan Thiết, nhà nghèo, không có tiền mua vé, nhưng bằng cách chui rào, năn nỉ người gác cửa, Sáu không bỏ đêm hát nào. Coi ban đêm, sáng ra tranh thủ lúc cha mẹ ra sông, Sáu một mình đóng lại một số vai, dĩ nhiên có vai của đào Phùng Há. Đó cũng là thời điểm trong tâm hồn cô gái vùng biển non trẻ, tiếng đàn, điệu phách, tiếng trống của sân khấu cải lương đã rung lên để sau này cô gái quyết tâm đi theo gánh hát.

Vào khoảng năm 1932, mới 17 tuổi, Sáu quyết định vô Sài Gòn tìm thần tượng. Đến nơi, có người nói gánh hát Trần Đắc cùng với các nghệ sĩ: Phùng Há, Tư Chơi,Tư Út, Kim Thoa… đã diễn ngoài Bắc, Sáu quyết định ra Bắc. Trên đường cô ra thì gánh Trần Đắc đi vào, ấy là người con gái miền biển mê hát phải lộn vô tìm. Cuối cùng, cô cũng gặp gánh hát, được bầu gánh thương tình cho đóng vai tỳ nữ.

Thời gian không lâu sau, gánh Trần Đắc rã, nghệ sĩ mỗi người mỗi nơi, Sáu bây giờ lấy nghệ danh là Sáu Ngọc Sương, gia nhập đoàn cải lương Tiếng Chuông Vàng năm 1935…

Thế nhưng, đoàn Tiếng Chuông sau đó cũng rã, không thể quay về Phan Thiết vì chuyện bỏ nhà đi trước đó, Sáu Ngọc Sương gia nhập đoàn Đại Phước Cương của bầu Cương, nơi quy tụ những tài danh như: Ba Du, Ba Vân, Tám Vân, Năm Phỉ, Bảy Vĩnh Long, Bảy Nam và Mười Truyền… Tại đây, Sáu Ngọc Sương đóng chung với đào nhất Năm Phỉ. Có bạn diễn giỏi, thầy giỏi, Sáu Ngọc Sương dần dà đảm nhận vai chính của nhiều vở diễn.

Năm 1940, cô Sáu gia nhập đoàn Phụng Hảo, lại đóng chung với thần tượng của mình ngày nào.

Năm 1941, lại đầu quân cho Việt Kịch Năm Châu, trở về Phan Thiết, diễn các vở: *Thành Cát Tư Hãn, Tâm hồn thôn nữ, Bức màn Yên Bái*...Lần trở về này Sáu Ngọc Sương đã là đào chánh khá tiếng tăm… vì vậy người Phan Thiết đi coi Sáu Ngọc Sương hát rất đông. Tại cửa rạp Hồng Lợi, ảnh Sáu Ngọc Sương treo nhiều ngày song vẫn có nhiều người đi qua, đi lại nhìn ngó.

Cô sáu Ngọc Sương gá nghĩa với Bạch Công Tử, vì cô ca hay diễn giỏi, nhan sắc mặn mà. Ngoài tài năng ca diễn trên sân khấu, cô lại còn có tài vừa ca vọng cổ vừa đàn guitar. Tánh tình khẳng khái nhưng lại rất nhiều tình cảm, cô là đào chánh của nhiều đoàn hát lớn sau này. Qua đôi năm chung sống và vào năm 1937, cô sáu Ngọc Sương sanh được một con gái đặt tên là Ngọc Tuyết - tự Liliane. Nhưng rồi có lẽ cũng không chịu nổi kiểu ăn chơi bất kể của Phước George, cô trao con lại cho ông và trở về Phan Thiết.

Cô chỉ rời ánh đèn sân khấu vào năm 1956, khi các bài ca vọng cổ có sự cách tân đã làm ít nhiều nghệ sĩ lớp tiền phong của cô không thể theo kịp. Điều này cũng dễ hiểu, bởi lớp nghệ sĩ tiền phong đến với nghề chỉ bằng lòng đam mê, và năng khiếu. Họ không được học hành như nhiều nghệ sĩ sau này.

Vả lại, sau gần 30 năm đứng trên sân khấu, dầu giữ đến mấy, cô Sáu cũng đã qua thời xuân sắc, điều tối cần của nghệ thuật sân khấu.

Cô Sáu lui về tính chuyện hôn nhân với một người không phải trong nghề. Cô mở tiệm uốn tóc tại Vũng Tàu kiếm sống. Những lúc biết ai là người Bình Thuận, cô thường hỏi về Phan Thiết, về phường Đức Nghĩa… Cuối đời, người đàn bà của sân khấu sống trong căn phòng 5m2 của Viện Dưỡng lão nghệ sĩ

Tp. HCM. cho đến lúc trở về với cát bụi, vào ngày 21-7-2000. Thọ 75 tuổi.

Bảy Cao

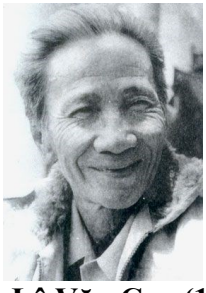

Bảy Cao – Lê Văn Cao (1916-1996)

Nghệ sĩ Bảy Cao tên thật là Lê Văn Cao, sinh năm 1916, tại làng Vĩnh Lợi, tổng Thạnh Hòa, tỉnh Bạc Liêu. Cha ông là một thợ mã nổi tiếng thời đó, có đông khách hàng, nên được nhiều người theo học. Một số học trò của Nhạc Khị cũng là những nghệ nhân thợ mã nổi danh lúc bấy giờ như: Bảy Kiên, Sáu Lầu, Chín Cang, Ký Tấn, Tư Thoàng, Chín Quy... đều là học trò của cha ông.

Bảy Cao là một cậu bé chỉ nghe ai đó ca một lần là ca lại được ngay. Ông nổi tiếng là "thần đồng", năm lên bảy tuổi đã biết ca các bản vắn: Hành vân, Bình bán, Khổng Minh tọa lầu... kể cả bản dài như Tứ đại oán cũng ca được. Nhưng nghề nào cũng vậy, "không thầy đố mầy làm nên", dù "cậu Bảy thần đồng" biết ca nhiều bản, nhưng chỉ nghêu ngao chơi thôi, chứ chưa ca với đờn được. Một đêm, trong khi mọi người trong nhà ông đang tập trung làm cho xong những "căn nhà bằng giấy" , gọi là đồ mã, để sáng mai kịp giao cho khách hàng thì Bảy Cao đột ngột cất tiếng ca bài Tứ đại oán. Rất may, lúc đó có mặt ông Cao Văn Lầu tức Sáu Lầu. Nghe giọng ca của Bảy Cao vang lên giữa đêm trường vô cùng thanh thoát, ông Sáu Lầu xoay

người lại nói :"Thầy Chín ơi, thầy nói với anh Bảy Kiên dạy nhịp cho thằng Cao đi, giọng ca của nó hay lắm, chắc là sau này nó sẽ thành danh".

Từ đó, lúc nào rảnh thì Bảy Kiên dạy cho "Tiểu thần đồng". Bảy Cao học đâu biết đó nên Bảy Kiên rất hài lòng. Sau đó, Bảy Cao học đàn với Cai Đệ và Sáu Lầu. Sau này, Bảy Cao thường tâm sự với bạn bè và những người đồng nghiệp: *"Tôi rất mang ơn ông Sáu Lầu. Chính câu nói của ông với cha tôi mấy mươi năm trước đã mở đầu cho cuộc đời nghệ sĩ của tôi".*

Năm 1941, do sự giới thiệu của Lư Hòa Nghĩa tức Năm Nghĩa, Bảy Cao cùng với người bạn thân là Chín Qui, học trò của cha ông, đầu quân vào đoàn Phước Cương. Sau đó, ông về đoàn Hề Lập. Đến năm 1944, Bảy Cao được ông bầu Phạm Minh Tấn mời về cộng tác cho đoàn Hậu Tấn. Đoàn này hoạt động đến cuối năm 1945 thì giải thể, không rõ vì nguyên nhân gì. Ông Phạm Minh Tấn chia đoàn ra làm hai, giao cho Bảy Cao và Năm Nghĩa mỗi người một nửa. Đó là năm ra đời của hai đoàn Hậu Tấn Bảy Cao và Hậu Tấn Năm Nghĩa.

Đoàn Hậu Tấn Bảy Cao khai trương với vở *Cô gái Quảng Trị* đã được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Dần dần theo sở thích của người xem, ông đã phát huy triệt để những vở kiếm hiệp, những vở mới thuộc loại hương xa của soạn giả Mộng Vân. Các vở Lưỡng Long đại hiệp, Hồng châu hiệp nữ và Đề Thám ... của Mộng Vân đã làm cho Bảy Cao nổi tiếng.

Bảy Cao luôn xem Mộng Vân là thầy nên sau này đa số các kịch bản do ông sáng tác đều ảnh hưởng tác phẩm của Mộng Vân. Nhưng Bảy Cao cũng luôn tìm cái mới trong nghệ thuật để phục vụ khán giả. Bằng khả năng sáng tạo của mình, ông đã đem phim ảnh của phương Tây hòa nhập vào các kịch bản của ông để tạo ra một sắc thái thật mới mẻ, có sức thu hút người xem rất mạnh. Lúc bấy giờ người ta gọi thể loại này là "cải lương - điện ảnh". Trong một số vở tuồng của đoàn Hậu Tấn

Bảy Cao có cảnh mây bay nước chảy, cảnh máy bay ném bom, cảnh đánh nhau bằng súng đạn... được chiếu trên phông màn. Đó là một "hiện tượng" tân kỳ, rất hấp dẫn, được khán giả nhiệt liệt hưởng ứng. Nhưng "hiện tượng" này chỉ có một mình Bảy Cao độc quyền vì chẳng có đoàn kế tục. Và "hiện tượng" này kéo dài không được bao nhiêu năm...

Cũng giống như Năm Nghĩa, Bảy Cao vừa là diễn viên vừa điều hành đoàn hát nên không có thì giờ biên soạn kịch bản, vì vậy số lượng kịch bản của ông không nhiều, như: *Đàn chim sắt, Mộng hòa bình, Nợ núi sông, Đêm lạnh trong tù, Tình trên đảo tuyết, Sanh dưỡng đạo đồng, Người mẹ Việt Nam.*

Đoàn Hậu Tấn Bảy Cao sau đó đổi tên là Hoa Sen, một thời gian mang tên Hồng Long, nhưng chỉ hai năm sau đổi lại là Hoa Sen. Đến năm 1970, đoàn Hoa Sen ngưng hoạt động, Bảy Cao sang làm trợ lý cho đoàn Út Bạch Lan và một số đoàn khác. Sau năm 1975, ông làm soạn giả kiêm đạo diễn cho đoàn Lúa Vàng Bạc Liêu.

Năm 1996, Bảy Cao đã qua đời tại Tp. HCM, được thân nhân an táng tại chùa Nghệ Sĩ tại Gò Vấp Tp. HCM. Thọ 80 tuổi.

Cô Năm Cần Thơ

Cô Năm Cần Thơ - Trương Thị Trắc (1917-1997)

Cô Năm Cần Thơ tên thật là Trương Thị Trắc, sinh năm 1917 tại Cần Thơ, gia nhập làng ca cổ khi còn rất trẻ với nghệ danh ẩn dụ Năm Cần Thơ thính giả mộ điệu chỉ thưởng thức qua các đĩa hát các hãng đĩa Pathé, Béka, Asia… mà không ai biết tên thật của nghệ sỹ là gì...

Những năm 1940-1950, trong làng cổ nhạc Nam bộ, tên tuổi nữ danh ca Cô Năm Cần Thơ nổi danh khắp nơi với giọng ca vàng thu đĩa và hát trên sóng phát thanh chứ không lên sân khấu diễn tuồng. Cùng thời vàng son rực rỡ này còn có danh ca Lệ Liễu, Cô Năm Sa Đéc, Cô Ba Trà Vinh… là những giọng hát làm say đắm lòng người nhưng rất ít người được ngắm dung mạo

Người mộ điệu thời ấy ở miền Nam rất ghiền giọng hát của Cô Năm Cần Thơ khi nghe ca độc những bản như: *Thoại Ba công chúa, Đắc Kỷ thọ hình* và các bộ đĩa hát tuồng *Hiếu tình trung nghĩa, Địch mẫu biệt kim lang, Mổ tim Tỷ Can, Tô Ánh Nguyện, Tam ban Đổng Qúy phi, Mộng Hoa Vương, Máu nhuộm hoàng cung, Đêm dài vô tận, Đường về Tổ quốc*…

Trước 1945, Cô Năm Cần Thơ nổi tiếng là danh ca trong quán Đức Thành Hưng bên hông chợ Bến Thành ở Sài Gòn, được khán giả ái mộ với giọng ca khỏe khắn, cao chót vót và phong cách rất phong lưu tài tử.

Trong 3 thập niên 30, 40 và 50, các Đài Phát thanh Pháp Á, Đài Phát thanh Sàigòn dành chương trình chiều thứ tư và thứ bảy hàng tuần để phát chương trình cải lương với những giọng ca huyền thoại đương thời cho khán giả thưởng ngoạn như: Năm Cần Thơ, cô Tư Sạng, cô Tư Bé, cô Ba Trà Vinh, Ba Vĩnh Long, cô Ba Bến Tre, nam danh ca Tám Thưa, Tám Bằng, Ba Giáo, Năm Phồi, Tư Xe, Minh Chí, Quang Phục… là những cánh chim đầu đàn của sân khấu cải lương.

Có người còn kể lại, vào khoảng cuối năm 1946 đầu 1947, một số nghệ sĩ ở thành phố được tổ chức vào chiến khu hát phục vụ quân dân kháng chiến khu 7 nghe. Tại đây danh ca Năm Cần Thơ đã hát lớp vọng cổ *Bể hận quyết lấp cho bằng* do nhạc sĩ Hai Dậu đờn kìm, nhạc sĩ Tấn Thìn đơn ghi-ta khiến mọi người say mê.

Thời đó, Cô Năm Cần Thơ còn được mệnh danh là Họa mi vì ca rất hay 20 câu vọng cổ có nhan đề *Chim Họa Mi* - một sáng tác đầu tay của soạn giả nổi tiếng Viễn Châu vào đầu thập niên 1950, danh ca Năm Cần Thơ hát lần đầu chinh phục tất cả người mộ điệu khó tính tại quán Lệ Liễu trong vũ trường Thị Nghè, Sài Gòn. Thời gian này có tờ báo còn ví Cô Năm Cần Thơ là một "Nữ hoàng xàng xê", ý chỉ nữ nghệ sĩ số 1 về ca cổ các bản oán.

Trong sự nghiệp ca hát, Cô Năm Cần Thơ còn được Tướng Bảy Viễn cho mở quán nhậu ca cổ nhạc tên Quán Họa Mi trong khuôn viên khu giải trí song bạc Đại Thế Giới tại Ch ợ L ớn, nay là Quận 5, Sàigòn. vào những năm đầu thập niên 1950 của thế kỷ trước. Tại quán, ngoài những ca nghệ sĩ nổi tiếng còn có dàn thầy đờn cổ nhạc hùng hậu như: nhạc sĩ Sáu Tửng, Hai Thơm, Ba Khuê và Mười Lương tức Trần Hữu Lương, chồng của danh ca Năm Cần Thơ.

Chính nhạc sĩ Mười Lương đã dạy nghề cho người học trò xuất sắc của mình là Henri Trần Quang, sau này thành danh với giọng ca luyến láy, chứa đậm chất trữ tình của danh ca Năm Cần Thơ với nghệ danh Hữu Phước.

Cũng tại đây, hàng đêm có nhiều ca sĩ, nhạc sĩ thường xuyên lui tới ca hát và cũng đã có rất nhiều đại gia lừng danh như Hắc Công tử Bạc Liêu, Bạch Công tử Mỹ Tho thường xuyên lui tới và cũng đã có nhiều nghệ sĩ trẻ nổi tiếng sau này như: Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Út Bạch Lan, Kim Chưởng,

Thanh Hương… tỏa sáng trên sân khấu và dĩa hát vào những năm 1960 của thế kỷ trước.

Khi những người trẻ lên ngôi thì cũng là lúc thế hệ tiền bối như Cô Năm Cần Thơ, Cô Ba Trà Vinh, Cô Năm Sa Đéc… lui vào sau hậu trường, nhường chỗ cho những đào kép trẻ tài danh. Lui khỏi màn nhung sân khấu sống ẩn dật khoảng 10 năm, đến 1974 Cô Năm Cần Thơ quay về lại với sông nước xứ Cần Thơ mở quán nghệ sĩ trên đường Trần Quý Cáp với sự cộng tác của danh cầm mù Duy Trì nên thu hút khá đông khán giả mộ điệu lui tới thường xuyên.

Từ sau năm 1975, không một khán giả mộ điệu nào biết nữ danh ca Năm Cần Thơ trôi dạt nơi đâu. Những nghệ sỹ lừng lẫy một thời như Thẩm Thúy Hằng, Kiều Chính, Mộng Tuyền, Bạch Tuyết… loáng thoáng đâu đó người đời còn bắt gặp trên sân khấu màn ảnh và ngoài đời thường, nhưng thế hệ vàng tiền bối rút lui sau tấm màn nhung, để sống một cuộc đời ẩn dật, lặng lẽ…

Cho đến khoảng năm 1994, có người phát giác ra danh ca Năm Cần Thơ chính là bà lão gầy gò, ốm yếu đang sống cô độc trong một túp lều được che bằng những tấm bạt nylon cũ mèm trong một góc của Công viên Tao Đàn, Tp. HCM.. Đó là căn nhà cuối cùng, hay đúng hơn là căn lều tạm che mưa nắng của người nữ nghệ sĩ một thuở huy hoàng rực rỡ.

Người nghệ sĩ càng phong lưu trong sự nghiệp ca hát bao nhiêu thì cũng lắm đoạn trường, lắm phong trần trong cuộc đời bấy nhiêu. Nghệ sĩ như kiếp con tằm nhả tơ để trả nợ đời, vậy mà nữ danh ca Năm Cần Thơ vẫn chưa bao giờ dệt đủ cho mình một chiếc áo ấm để mặc cuối đời.

Sau khi phát hiện Cô Năm Cần Thơ, đã có nhiều lần Ban Ái Hữu Hội Sân khấu, Viện Dưỡng lão nghệ sĩ quận 8 xin rước cô về an dưỡng, chăm sóc để sống hết những ngày cuối đời với

nhiều nghệ sĩ già cô đơn… nhưng cô đã từ chối, có lần cô còn trốn biệt vì sợ "tụi nhỏ" bắt về.

Cô nói: "Vô trỏng khỏe thì có khỏe, nhưng chật chội lắm, đi đâu về đâu cũng phải trình thưa, không tự do chút nào. *"Năm"*- cô thường xưng như vậy- *từ trước tới giờ sống tự do quen rồi. Năm muốn đi đâu thì đi, muốn tấp chỗ nào cũng được".* Cô muốn sống phong lưu tài tử, rong chơi mà không thích bất cứ sự ràng buộc nào.

Con cháu trưởng thành, cũng chính là lúc cô dường như trút hết gánh nợ cuộc đời để sống vui với bạn bè qua ly cà phê sáng, tô bún mì, chơi vài ván bài với bạn già trong góc công viên… Và cũng từ đó, cô trở thành nghệ sĩ đầu tiên được Ban Ái hữu Hội Sân khấu trợ cấp hằng tháng khoảng 200.000 đồng, cộng thêm tiền "lì xì" của em cháu nghệ sĩ mến mộ cô thường tạt ngang ghé thăm.

Trở lại sân khấu lần sau cùng trong chương trình "Vầng trăng cổ nhạc" lần thứ 5 tại Đầm Sen, khán thính giả yêu danh ca Năm Cần Thơ được dịp mãn nhãn với sự trở lại của nghệ sĩ tài danh dù ở tuổi 80. Cô ca bản Phú Lục kể lại tích nàng Kiều nổi trôi số phận nghe vẫn rắn rỏi, uyển chuyển làm cho cháu con nhớ lại thời huy hoàng của nữ nghệ sĩ lừng danh này.

Với chất giọng phong lưu tài tử của người Tây Đô, tạo nên sự hài hòa, đan quyện vào nhau như phả chất đồng quê vào sông nước phù sa để tạo ra những khúc Xuân tình, Phú Lục, Tây Thi, Cửu khúc Nam Giang, Trường tương tư, Bình sa lạc nhạn… làm say lịm hồn bốn phương tri kỷ, tri âm.

Rồi kiếp tằm một lần nữa nhả những sợi tơ cuối cùng vì nợ lá dâu, Cô Năm Cần Thơ được mời đến các Quán nghệ sĩ của nghệ sĩ Bảo Anh, danh cầm Văn Giỏi, vua hề Văn Hường… để hát giao lưu… Cho đến ngày 24 tháng 1 năm 2007, nữ nghệ sĩ lừng danh Năm Cần Thơ đã trút hơi thở cuối cùng. Thọ 80 tuổi.

Cô Ba Trà Vinh

Cô Ba Trà Vinh – Trần Thị Tân (1917-2004)

Cô ba Trà Vinh tên thật là Trần Thị Tân, sinh năm 1917, tại Trà Vinh, là con gái của nhà thầu khoán giàu có Lê Văn Thạnh.

Năm đầu tiên của thập niên 1940, làng "dĩa đá" mới ra đời, ghi âm và phát hành các giọng ca trên "dĩa đá" màu đen, "dĩa nhựa" mới có từ thập niên 1970 trở về sau. Giới mộ điệu tri âm bộ môn tài tử cải lương bất ngờ đến mức ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của một giọng ca nữ trẻ trung, lạ lẫm cùng một nghệ danh rất lạ, đó là Cô Ba Trà Vinh. Trong dĩa vọng cổ *Dẫu có xa nhau rồi*, giọng ca mới này có âm vực rộng, làn hơi đầy đặn, rõ chữ tròn vành, lúc nỉ non ai oán, khi thác dậy sóng trào... hòa cùng tiếng đờn kìm độc chiếc của thầy Hai Dậu - một danh cầm đất Trà Vinh - đã thổi một làn gió mới trong lành, nâng cao vị thế bài ca vọng cổ và các bài bản tài tử trong lòng người hâm mộ.

Kể từ đó, giới tài tử cải lương Việt Nam có thêm một nữ nghệ sĩ tài năng mang tên Cô Ba Trà Vinh, bên cạnh những Năm Phỉ, Phùng Há, Cô Năm Cần Thơ... Hồi ấy nhiều lá thư của thính giả khắp mọi miền đất nước tìm đến hãng dĩa Rồng Bạc với cùng một thắc mắc: Cô Ba Trà Vinh là ai?

Ở Trà Vinh, ai cũng biết tiếng ông thầu khoán giàu có "hào hoa phong nhã" Lê Văn Thạnh. Sau những năm dài theo đuổi các "bóng sắc giai nhân", ông Thạnh trở lại quê nhà. Như để chuộc lỗi với vợ con, ông hết lòng thương yêu, chăm sóc cô con gái Trần Thị Tân - mang họ người mẹ khi cô được sinh ra trong khoảng đời đau khổ của bà. Cô Tân vừa xinh người đẹp dáng, vừa được trời phú cho một giọng ca mượt mà. Năm 15 tuổi, cô từng được mời hát giúp Nhà Thông tin tỉnh với khoản tiền thù lao 15 đồng bạc Đông Dương mỗi tháng. Khoản tiền ấy đã giúp cô và mẹ trang trải được chi phí sinh hoạt khi người cha vẫn còn biền biệt. Khi sống với cha, nhiều lần cô Tân xin cha lên Sàigòn theo nghiệp cầm ca nhưng ông Thầu Thạnh cương quyết ngăn cấm, ai đời lại để cô con gái của một nhà thầu khoán danh tiếng đi vào vòng xướng ca...

Như bao người ở Trà Vinh lúc đó, ông thầu Thạnh cũng rất mê giọng ca Cô Ba Trà Vinh khi dĩa vọng cổ *Dẫu có xa nhau rồi* được phát hành về đến Trà Vinh, làm xôn xao dư luận tại cái thị xã nhỏ bé, quanh năm yên tĩnh này. Thỉnh thoảng lúc trà dư tửu hậu, khi thư giãn sau hồi công việc căng thẳng, cả những lúc cao hứng, thầu Thạnh thường ngâm nga lời ca mà thuộc lòng, của người nữ nghệ sĩ đang làm rạng rỡ quê hương Trà Vinh của ông.

Thầy đờn Hai Dậu và Thầu Thạnh là chỗ thân quen, hàng ngày thường tới lui, đờn giúp cho "con Tân" nhà ông ca - bị gặng tới gặng lui về cháu Tân trong việc cầm ca - thầy Hai Dậu vẫn chỉ nở nụ cười bí hiểm, khiến ông Thạnh mãi nghi hoặc.

Một tối nọ, ông thầu Thạnh dẫn cô con gái Trần Thị Tân ra chợ lựa mua cho cô dĩa vọng cổ *Dẫu có xa nhau rồi*, để cô học hỏi thêm ở giọng ca người nữ nghệ sĩ tài danh ấy. Xoa đầu cô con gái quá ham thích vọng cổ, ông nói:

- Con mà ca được như Cô Ba Trà Vinh là ba cho con lên Sàigòn liền...

Cô Trần Thị Tân tròn xoe đôi mắt:

- Thiệt hả, ba?

Tình cờ, thầy Hai Dậu cũng đang lựa mua dĩa, đứng gần đó bật cười:

- Ông thầu khoán ơi! Cô Ba Trà Vinh đang đứng bên cạnh ông đó!

Thầu Thạnh quay sang cô con gái của mình:

- Con, con là Cô Ba Trà Vinh?

Sau này, ngồi ôn lại chuyện cũ cùng chúng tôi bên ngôi nhà nhỏ gần cầu Phan Thanh Giản, Bình Thạnh – Tp. HCM, cô Ba Trà Vinh ngậm ngùi nhìn lên bàn thờ, kể lại: *Mấy tháng trước đó, tôi được thầy Hai Dậu "bí mật" dẫn lên Sài Gòn, tìm đến hãng dĩa Rồng Bạc. Nhờ uy tín của thầy, họ đồng ý cho thu nhưng cả hãng chỉ còn một dĩa duy nhất, dĩa phải còm măng tận bên Pháp, nên không thể thử giọng mà thầy trò tự chuẩn bị, rồi thu thiệt luôn.* Có lẽ, đây là trường hợp duy nhất trong giới dĩa hát Việt Nam từ trước tới nay, một giọng ca mới toanh mà chỉ thu qua một lượt, rồi xử lý hậu kỳ là phát hành luôn.

Kể từ đó, ông thầu Thạnh đã "tháo cũi xổ lồng" cho cô con gái của mình tung cánh vào chân trời nghệ thuật - với một điều kiện "chỉ đi hát đĩa chứ không lên sân khấu". Nhờ vậy, giới tài tử cải lương Việt Nam có thêm một nữ nghệ sĩ chuyên nghiệp tài danh mang tên Cô Ba Trà Vinh bên cạnh Cô Năm Cần Thơ, Cô Ba Bến Tre, Cô Năm Sa Đéc.

Những năm trước Cách mạng Tháng Tám, mới chân ướt chân ráo lên Sàiòn, Cô Ba Trà Vinh gia nhập quán Mỹ Linh ở đường Dumortier, nay là đường Cô Giang, sau đó gia nhập nhóm Lệ Liễu là những nhóm đờn ca tài tử phục vụ thực khách, một trào lưu được giới thị dân ưa chuộng lúc đó, bên cạnh những tên tuổi như Lệ Liễu, Bảy Bửu, Ba Cất, Văn Lộc, Năm Cơ...

Sau thành công của *Dẫu có xa nhau rồi*, nhiều hãng "dĩa đá" như Hoành Sơn, Pathé, Asia, Tri Âm... mời ngôi sao nữ mới nổi này thu nhiều dĩa tài tử và vọng cổ với mức thù lao tương đối khá. Năm 1950, dĩa *Nợ nước tình nhà* với một số bài ca vọng cổ của soạn giả Viễn Châu qua giọng ca Cô Ba Trà Vinh và tiếng đờn kìm độc chiếc của nhạc sĩ Năm Cơ gặt hái thành công vang dội, đưa "bộ ba Trà Vinh" này lên một đỉnh cao mới của sự thành công, tạo ra một "mô hình khép kín" trong giới kinh doanh "dĩa đá", bao gồm soạn bài ca cho phù hợp chất giọng (Bảy Bá - tức soạn giả Viễn Châu), ca (Cô Ba Trà Vinh) và đờn (Bảy Bá - Năm Cơ). Đây còn là cột mốc đánh dấu sự phát triển của bài ca vọng cổ 20 câu, nhịp 16.

Năm 1952, Cô Ba Trà Vinh ký contract - hợp đồng - làm việc cho Đài Phát thanh Pháp - Á, theo dạng hợp đồng "nghệ sĩ độc quyền", rồi sau đó là Đài Phát thanh Sàigòn cho đến năm 1973. Khoảng thời gian này, Cô ba Trà Vinh vẫn là giọng ca được các hãng dĩa tranh nhau phát hành với hơn 50 dĩa vọng cổ - một di sản nghệ thuật khá đồ sộ dành lại cho hậu thế. Nhiều bài hát qua giọng ca của cô đã đi sâu vào lòng công chúng như *Trưng Trắc - Trưng Nhị, Nợ nước tình nhà, Bên bờ hồ...*

Lúc đó, sân khấu cải lương cũng như một ngành kinh doanh hái ra bạc. Nhiều đoàn hát được thành lập, cạnh tranh nhau ráo riết, tìm mọi cách săn đón, giành giật các giọng ca tài năng. Giọng ca cô Ba Trà Vinh cùng sự mến mộ của công chúng đối

với cô đã trở thành mục tiêu của những ông bầu giàu có nhưng cô Ba khẳng định mình là một nghệ nhân tài tử, mặc dù nhiều tên tuổi cùng thời với cô chuyển dần sang sân khấu cải lương. Sau này, đáp ứng yêu cầu của thính giả, đài phát thanh có tự thu để phát một số vở cải lương manh tính kinh điển và cô Ba Trà Vinh có tham gia diễn xuất trong hơn chục vở cùng các giọng ca Bảy Thưa, Cô Ba Bến Tre... Suốt đời, cô Ba Trà Vinh chưa một lần đặt chân lên sàn diễn sân khấu. Lời hứa ngày xưa với người cha đã được cô Ba Trà Vinh giữ vẹn đến ngày nhắm mắt.

Những năm cuối cùng của thế kỷ XX, Đài Truyền hình Tp. HCM tổ chức chương trình "Vầng trăng cổ nhạc" nhằm giới thiệu lại với công chúng ngày nay và khách nước ngoài, điểm diễn là sân khấu khách sạn Rex, những giọng ca vọng cổ tài danh một thời. Dù đã vào tuổi 80, cô Ba Trà Vinh vẫn thường xuyên xuất hiện trong chương trình. Dù tuổi già, giọng ca của cô Ba vẫn vừa mượt mà, sâu lắng vừa đầy nỗi niềm uẩn khúc trong những bài vọng cổ nhịp 8, nhịp 16 vẫn cứ níu chân người nghe. Khi các "lò" tài tử, cải lương do các danh ca, danh cầm mở ra, cô Ba Trà Vinh lại là giọng ca mẫu cho các thế hệ trẻ noi theo. Tuổi già sức yếu, cuộc sống riêng khó khăn mà thù lao chẳng đáng là bao, vậy mà cô Ba vẫn vui vẻ nhận lời mời đến với các chương trình "Vầng trăng cổ nhạc", các "lò" tài tử, cải lương vì cô Ba tâm niệm làm sao cho thế hệ trẻ hiểu hơn để yêu hơn một loại hình nghệ thuật dân tộc độc đáo của Nam bộ.

Tháng 5 năm 2004, cô Ba Trà Vinh đã vĩnh viễn đi xa. Thọ 87 tuổi. Cô đã khép lại một cuộc đời hơn 60 năm hoạt động nghệ thuật bền bỉ, sáng tạo và thủy chung. Tuy nhiên giọng ca của cô, di sản của cô để lại cho hậu thế cũng như tấm lòng của bạn bè, đồng nghiệp, giới mộ điệu tri âm đối với "giọng ca vàng" một thời ấy vẫn mãi mãi tồn tại cùng đất nước non sông.

Cô Ba Thanh Loan

Cô Ba Thanh Loan- Nguyễn Thị Ba (1917-1982)

Nghệ sĩ Thanh Loan, tên thật là Nguyễn Thị Ba, sinh ngày 12 tháng 1 năm 1917, tại làng Phong Thới, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, từ nhỏ cô phải lam lũ vất vã phụ giúp cha mẹ để kiếm sống. Cô có giọng hát hay và ước ao được vào đoàn hát, nhưng ước ao đó mãi đến năm chị 23 tuổi tức là năm 1940 cô mới thực hiện hiện được. Cô được đoàn Tân Hí Ban nhận cho theo học nghề và bước đầu được đóng những vai nữ tỳ trong các tuồng hát.

Giai đoạn này đối với cô rất là gay go và lắm phen tủi nhục nhưng với lòng yêu nghề, chị đã kiên nhẫn học tập. Ông Sáu Lăng, Phó TTK Hội sân khấu thành phố Hồ Chí Minh nay đã mất, kể lại rằng: "lúc học làm tỳ nữ, trong một đêm diễn, cô múa trật và bị ông bầu gánh đánh, đến nổi phải mang bệnh điếc một bên tai cho đến chết". Khi đã thành thục những vai tỳ nữ, đoàn mới bắt đầu phân cho cô đóng những vai đào con. Cho đến năm 1946 – 1947 thì cô mới chính thức ở cương vị đào chánh, tên tuổi Thanh Loan từ đó mọi người mới biết đến.

Năm 1948, cô về công tác với đoàn Việt kịch Năm Châu. Ở đoàn này cô được nghệ sĩ Năm Châu và Trần Hữu Trang ân cần rèn luyện thêm nên nghề nghiệp của cô ngày càng tấn tới. Hai vai diễn nổi bật của cô được người xem mến mộ trong khoảng thời gian này là vai Tiểu Lan trong vỡ *Hồn bướm mơ tiên* năm 1948 và vai cô con gái trong vỡ *Vó ngựa truy phong* năm 1949.

Năm 1953, nghệ sĩ Thanh Loan về hát cho đoàn Nam Tình với vai diễn để đời: Chị Bếp trong vỡ *Nổi lòng Chị Bếp*. Năm 1954 chị lại về hát cho đoàn Phước Chung trong vỡ *Trường hận Dương Quý Phi* và chị đóng vai Dương Quý Phi. Năm 1957, theo yêu cầu của nghệ sĩ Phùng Há, chủ gánh Vân Hảo, chị về hát cho đoàn này và đảm nhiệm các vai chính trong một số vỡ: *Tập làm chồng, Đêm không ngày* năm 1957. Nơi mà cô để lại nhiều vai diễn nhất là sân khấu Thanh Minh. Ở cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60, sân khấu Thanh Minh là một trong những sân khấu ăn khách nhất với loại tuồng xã hội. Ngoài thanh, sắc vẹn toàn của cô đào Thanh Nga, khán giả luôn chú ý và yêu thích diễn viên chuyên đóng vai mụ, tức vai lão của đoàn Thanh Minh, diễn viên ấy là cô Thanh Loan. Qua các vỡ *Đời cô Lựu, Tô Ánh Nguyệt, Lan và Điệp, Nữa đời hương phấn, Áo cưới trước cổng chùa, Lỡ bước sang ngang, Kiếp hoa tàn, 30 năm sau*. . . của những thập niên 1950, 1960 với những vai lão độc đáo, tên tuổi của nghệ sĩ Thanh Loan lên đỉnh cao và được liệt vào hàng nghệ sĩ tiền phong của sân khấu cải lương miền Nam.

Năm 1946, chị trở thành một cơ sở cách mạng được tổ chức bố trí hoạt động trong giới văn nghệ sĩ giữa thành phố Sài Gòn. Bằng tài năng và danh tiếng của một nghệ sĩ đang lên, bằng sự đôn hậu và cuộc sống mẫu mực, Thanh Loan đã góp phần xây dựng tổ chức văn nghệ sĩ cách mạng, hoàn thành được nhiệm

vụ thông tin liên lạc, che dấu cán bộ và giữ vững thế hợp pháp của mình trong một thời gian dài.

Cuối năm 1961, giữa lúc ngôi sao Thanh Loan đang tỏa sáng, do một bộ phận tổ chức cách mạng trong giới nghệ sĩ bị địch phát hiện, chị được lệnh rút ra vùng giải phóng. Sau đó, cô được đưa ra Bắc để trị bệnh, được đi tham quan, nghiên cứu nghệ thuật các dân tộc ở Bungari và ở một số trung tâm hoạt động nghệ thuật trong nước. Sau khi bệnh tình ổn định, cô bị giải phẫu một lá thận, cô xin trở về Nam để hoạt động.

Về Nam, cô được biệt phái xuống T3, tức khu 9 cũ, để làm cố vấn xây dựng phong trào văn nghệ cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời gian từ năm 1964 – 1975, đoàn cải lương của Trung ương Cục được điều động về đây phục vụ bà con.

Cùng một lúc cô làm 2 nhiệm vụ song song: vừa chỉ đạo nghệ thuật cho đoàn cải lương Trung ương Cục, vừa xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng. Năm 1970, chị được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam.

Sau năm 1975, cô về Tp. HCM, làm cố vấn chỉ đạo nghệ thuật cho nhà hát cải lương Trần Hữu Trang và tham gia giảng dạy ở trường nghệ thuật sân khấu II. Cô được bầu làm đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – khóa 4.

Qua nhiều năm biểu diễn trên sân khấu cải lương, nghệ sĩ ưu tú Thanh Loan đã đảm nhận hàng chục vai diễn, trong đó có nhiều vai gây ấn tượng khó quên trong lòng người mộ điệu.

Ngày 13 tháng 10 năm 1982, nghệ sĩ ưu tú Thanh Loan qua đời tại bệnh viện Thống Nhất sau một thời gian bệnh nặng.

Ái Liên

Ái Liên - Hélène Lê Thị Liên (1918-1991)

Nghệ sĩ Ái Liên tên thật Hélène Lê Thị Liên, sinh năm 1918 tại Hải Phòng trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật. Mẹ cô là bà Trần Thị Sinh – một diễn viên cải lương, dì là bà Trần Thị Lương, cậu là nhạc sĩ Canh Thân tức Tino Thân. Chị cô là Lan Phương, sau này cũng là một nghệ sĩ cải lương tài danh. Cha cô là một nhà buôn trên con tàu chạy Hải Phòng - Hương Cảng đã đưa Ái Liên đi học các lớp sinh ngữ ở Hồng Kông, do đó cô có thể nói và hát tiếng Anh, Pháp, Hoa, Nhật Tuy gia đình cô không phải là gia đình Công giáo nhưng cô từng học ở một trường dòng Mary Knoll ở Hồng Kông. Sau khi cha cô mất, mẹ cô kết hôn với ông Lê Văn Thuyết, tức Già Thuyết. Lớn lên cô là nữ sinh của trường Đức Trí ở đường Cát Giải, Hải Phòng.

Ngay từ lúc còn bé, Ái Liên đã say mê theo mẹ và anh chị học diễn cải lương. Lớn lên, nhờ khả năng thiên phú và sự luyện tập, Ái Liên bộc lộ tài năng đa dạng của mình. Cô tinh thông các nhạc cụ dân tộc như đàn kìm, cò, sến, độc huyền, thập lục, điều khiển giàn bát tấu, đánh trống, mõ thanh là... lẫn cả dương cầm, vĩ cầm, tây ban cầm, hạ uy cầm, trống jazz... Giọng hát của cô được Phạm Duy miêu tả là "trong như tiếng hạc bay qua".

Năm 16 tuổi, cô trở về Hải Phòng, sau đó tham gia các đêm diễn từ thiện ở Hà Nội, Nam Định với danh nghĩa tài tử. Sau đó

cô được Hội kịch Bắc Kỳ (*La Scène Tonkinoise*) mời làm diễn viên, đóng vai Yến trong vở opéra comique mang tên *Kịch trường vạn tuế* của Trần Ngọc Diệp, một trong những vở ca kịch hài đầu tiên của Việt Nam. Cô được tờ báo tiếng Pháp *L'Annam Nouveau* ngợi khen là một tài năng lớn đầy hứa hẹn. Ái Liên nhanh chóng trở thành ngôi sao của đoàn kịch La Scène Tonkinoise, và cô còn được gọi là *Miss Hanoi* tức Hoa khôi Hà Nội. Cuối tháng 1 năm 1935, La Scène Tonkinoise kiện cô vì vi phạm hợp đồng. Sau khi Ái Liên từ bỏ đoàn kịch, La Scène Tonkinoise nhanh chóng suy tàn vào năm 1935.

Năm 1937, Ái Liên chiếm chức tại hội chợ tơ lụa Hà Đông, sau đó cùng mẹ thành lập gánh hát Liên Hiệp. Nhưng do nhiều gánh khác như Quảng Lạc, Hiệp Thành, Ứng Lập Ban đang rất đông khách lúc bấy giờ, gánh Liên Hiệp không có đất diễn nên phải đi lưu diễn nhiều nơi. Sau đó do quản lý kém nên tan rã. Cuối năm 1937, Ái Liên theo gánh Đại Phước Cương vào Nam đang có sự tham gia của những nghệ sĩ nổi tiếng như Năm Châu, Từ Anh, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Ba Vân, Kim Cúc, Kim Lan.

Đĩa Beka thu bài Guitare d'Amour hát chung với Năm Châu, dàn nhạc Orchestre Francois Nở

Năm 1938, Ái Liên cùng với nghệ sĩ cải lương Kim Thoa đã thu 18 bài hát với ba dàn nhạc khiêu vũ Sàigòn vào 9 đĩa 78 vòng/phút của hãng đĩa Beka. Những ca khúc được là những

bài "Ta theo điệu tây" và đây cũng là những đĩa tân nhạc đầu tiên của Việt Nam. Ái Liên đã thể hiện một số ca khúc Pháp, Anh, viết lời Việt bởi Tư Chơi và Năm Châu, như "*Un Bateau*", "*Santa Lucia*", "*Guitare d'Amour*" (hát chung với Năm Châu, "*Une Chanson Pour Nina*"... với phần nhạc đệm của Charles Thu tức Võ Đức Thu. Những bản ghi âm này được phát sóng đều đặn trên Đài phát thanh Sàigòn lúc đó. Sau này, cô còn thu nhiều bản nữa như *Thằng cuội* của Lê Thương, *Ru con, Lý con sáo* thuộc loại dân ca Nam Bộ, *Cô lái đò* của Nguyễn Đình Phúc, *Dạ cổ hoài lang* của Cao Văn Lầu...

Năm *1940*, Ái Liên trở về Bắc thành lập đoàn Ái Liên khi mới ngoài 20 tuổi. Sau vài tháng tập luyện, đoàn đã dựng 6 vở cải lương *Tiếng chuông chùa, Bóng người trong sương, Ái tình và nghệ thuật, Đời cô Yến, Chân ái tình* và *Cô gái Mường*. Đoàn Ái Liên đã đi lưu diễn ở trên khắp Đông Dương và thu được thành công lớn. Đặc biệt trong chuyến hát ở Nam Vang, đoàn đã biểu diễn trước Hoàng gia Cao Miên và thái tử Norodom Sihanouk. Đoàn được ngợi khen nhiệt liệt và Ái Liên được Sihanouk tặng huân chương rồng vàng, Anh Đệ, Huỳnh Thái, Lan Phương và Phong Trần Tiến là 4 tài tử chính, được tặng bằng khen danh dự .

Thời gian này, Ái Liên đã trở thành một trong những diễn viên miền Bắc được mọi người mến mộ cùng với Kim Xuân, Bích Hợp, Lan Phương, Kim Chung... Cô còn thành công với những vai diễn tuồng như Vương hậu tức Khuất Nguyên, Lương Sơn Bá tức Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài... Ngoài hát cho đoàn Ái Liên của mình, cô còn cộng tác với đoàn Kim Chung của bầu Long.

Ái Liên kết hôn với ông Hà Quang Định - một doanh nhân, họ có các con: Ái Loan, Ái Vân, Ái Xuân, Lệ Thanh, Anh Đệ và Ngọc Dzư.

Sau 1954, Ái Liên ở lại miền Bắc. Gánh Kim Chung của bầu Long lại vào Nam. Bà trở thành một trong những diễn viên gạo cội của cải lương cách mạng miền Bắc, tiếp tục đóng nhiều vở cải lương như vai Kim Thông trong *Dệt gấm*, Võ Thị Sáu trong *Người con gái đất đỏ* của Phạm Ngọc Truyền, Tuý Mộng trong *Người nữ diễn viên miền Nam*... Bà còn đảm nhận vai trò Trưởng Đoàn Cải lương Bắc, nay là Nhà hát Cải lương Trung ương, Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Bà còn tham gia công tác giảng dạy đào tạo nhiều thế hệ diễn viên của Nhà hát.

Ái Liên mất năm 1991, hưởng thọ 73 tuổi. Ông Hà Quang Định qua đời năm 2007, hưởng thọ 95 tuổi.

Út Trà Ôn

Út Trà Ôn - Nguyễn Thành Út (1919-1997)

Út Trà Ôn tên thật là Nguyễn Thành Út, tên thường gọi trong gia đình là Mười Út, vì ông là người con thứ 10 và cũng là con út. Ông sinh năm1919, tại ấp Đông Phú, làng Đông Hậu, quận Trà Ôn, xưa thuộc tỉnh Cần Thơ, nay thuộc tỉnh Vĩnh Long.

Năm 16 tuổi, anh thanh niên Mười Út với lòng đam mê nghệ thuật cải lương học hát tại làng quê. Quê hương của ông cũng là một vùng đất nổi tiếng với nghệ thuật cải lương.

Năm 1937, Mười Út được người quen giới thiệu với Đài phát thanh Sàigòn và từ đó chính thức có nghệ danh Út Trà Ôn. Giọng ca truyền cảm, ấm áp, chân thành, đậm chất miền Tây Nam Bộ của ông được giới thiệu trên làn sóng điện đã nhanh chóng được đông đảo thính giả yêu chuộng. Bản vọng cổ đầu tiên ông ca trên đài là bản: "*Thức trót canh thâu*". Với niềm đam mê nghệ thuật và khả năng ca diễn xuất sắc, Út Trà ôn thường xuyên góp tiếng hát cho Đài phát thanh, thu âm cho các hãng băng đĩa. Đặc biệt, với giọng ca đặc biệt của mình, ông đã góp phần nâng cao uy tín cho hãng đĩa ASIA với bài vọng cổ "Tôn Tẩn giả điên" gồm có 20 câu, là một sáng tác của vị Yết-Ma tu sĩ Phật giáo.

Năm 1942, ông lần lượt biểu diễn cho các gánh cải lương như: Hề Lập, Thanh Long, Tiến Hoá, Mộng Vân, Sao Mai, Thanh Minh...

Năm 1954, ông lập gánh hát Kim Thanh, đây là lần đầu tiên ông làm bầu một đại bang danh tiếng lừng lẫy lúc bấy giờ và cho đến ngày nay vẫn còn nhiều nghệ sĩ cao tuổi nhắc đến. Lúc ấy, đại bang này có nhiều nghệ sĩ tên tuổi lớn ví dụ như: Thanh Tao, Kim Chưởng, Thuý Nga cùng làm giám đốc.

Năm 1960, Út Trà Ôn cộng tác với đoàn Thủ Đô, chủ nhân của đoàn này là ông Phan Văn Bản và đồng thời là chủ nhân của hãng dĩa Hoành Sơn, thường được gọi là ông ầu Ba Bản.

Năm 1962, Út Trà Ôn và người bạn thân là nghệ sĩ Hoàng Giang, cũng là nghệ sĩ tên tuổi lớn, lập gánh Thống Nhứt, rồi cộng tác với các đoàn như: Dạ Lý Hương, Thái Dương, Quốc Thanh, Hương Dạ Thảo, Phương Bình, Thanh Hải, Tân Hoa Lan, Kim Chung ...

Sau ngày 30-4-1975, ông cộng tác với đoàn cải lương Sàigòn 1, Trần Hữu Trang và sau đó là Sân khấu Tài Năng hay còn gọi là đoàn 2-84.

Tháng 2 năm 1997, ông được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân - đợt 4 và Huân chương Vì sự nghiệp sân khấu vì những đóng góp của ông cho nghệ thuật cải lương.

Út Trà Ôn đã thủ diễn các vai Ông cò Hương hay là Ông cò quận 9, trong vở *Tuyệt tình ca*, Ông Phú trong vở *Nạn con rơi*, Võ Minh Thành trong vở *Đời cô Lựu* và một số vai trong các vở hát *Tiếng hát Muồng Tênh, Kiều Phong A Tỷ, Sương khói rừng khuya, Quân Vương và Thiếp, Lưu Bình Dương Lễ*

Danh ca Út Trà Ôn từ trần ngày 13 tháng 8 năm 2001 tại Tp. HCM. Thọ 82 tuổi. An táng tại Chùa Nghệ sĩ, Quận Gò Vấp.

(Xem *Đời cô Lựu* trang 92)

Ba Xây

Ba Xây - Tất An (1920-2009)

Nghệ sĩ lão thành Ba Xây tên thật là Tất An, sinh năm 1920 tại Hồng Kông. Lúc lên 10 tuổi, Tất An theo cha mẹ sang Việt Nam sinh sống. Tất An ham mê đờn ca cổ nhạc và học hát tiếng Việt. Tất An học đờn kìm và đờn lục huyền cầm.

Năm 1938, anh Tất An mở lớp dạy đờn ca cổ nhạc; Đến năm 1948, anh được hãng dĩa Béka mời đờn cho danh ca Năm Nghĩa thu dĩa bài vọng cổ Đêm Đông. Anh lấy nghệ danh là nhạc sĩ đờn kìm Ba Xây.

Năm 1952, nghệ sĩ Ba Xây gia nhập đoàn hát Thanh Minh của ông bầu danh ca Năm Nghĩa, đóng vai kép nhì. Kép chánh do danh ca Năm Nghĩa đảm nhiệm. Sau đó danh ca Út Trà Ôn và Năm Nghĩa chia vai kép chánh, các nghệ sĩ Việt Hùng, Hoàng Giang, Ba Xây, Minh Tấn, Quang Phục, Sáu Nhỏ là những kép diễn và kép ca hữu hạng đã hợp thành một dàn bao rất mạnh của đoàn Thanh Minh, khiến cho nhiều tuồng hát của Thanh Minh nhanh chóng nổi danh, thu hút khán giả một cách mãnh liệt.

Tuy đoàn hát đi lưu diễn rày đây mai đó, trong cuộc đời sống gạo chợ nước sông, giang hồ phiêu lãng nhưng anh Ba Xây không sa đà vào các tệ đoan tứ đổ tường mặc dầu trong đầu thập niên 50, tệ trạng hút sách, cờ bạc, đàn điếm, rượu chè bê bết rất là phổ biến trong các đoàn hát.

Lúc đó, anh Ba Xây tập tạ, ông giỏi võ. Ông dạy võ cho soạn giả Nguyễn Phương để có sức khỏe và để phòng thân. Ông nói: *"Dù chú không đánh lộn với ai nhưng chú viết tuồng, chú đứng tập tuồng cho người ta và dạy cho đám vệ sĩ múa hát, chú phải có bộ múa võ đẹp thì mới dạy cho người ta được chớ."* Nguyễn Phương học võ của Ba Xây để rồi tập lại cho các anh vệ sĩ dùng trên sân khấu, trong số các vệ sĩ này có những anh thành danh như các nghệ sĩ Diệp Lang, Hùng Minh, Minh Luông… có cả nghệ sĩ Thanh Nga, Thanh Thanh Hoa…

Trong trận bão lụt năm Thìn 1952, đoàn hát Thanh Minh bị lọt vào trận bão ở Dầu Tiếng thì Ba Xây là người nắm tay giữ cho Nguyễn Phương đứng vững cuối đoàn rồng rắn bò đi trong cơn bão đó.

Khi về đến Tây Ninh, Ba Xây gợi ý cho soạn giả Nguyễn Phương sáng tác một vở tuồng hát để gây quỹ cứu trợ nạn nhân bão lụt. Sau đó Nguyễn Phương sáng tác tuồng *Cô Giang - Nguyễn Thái Học*, Ba Xây thủ vai một nông dân, Năm Nghĩa thủ vai Nguyễn Thái Học.

Thời gian hát ở đoàn Thanh Minh và Thanh Minh Thanh Nga, Ba Xây đã hát qua các tuồng *Đất Việt Của Người Việt, Chén Cơm Đô Thành, Biên Thùy Nổi Sóng, Cô Giang - Nguyễn Thái Học, Hoàng Tử Lưng Gù, Bóng Chim Tăm Cá*, sau Minh Điển thế vai ông Sáu Cá của Ba Xây, …

Năm 1959, anh Ba Xây rời đoàn Thanh Minh, ra làm bầu, lập gánh hát. Suốt thời gian Ba Xây cộng tác với đoàn Thanh Minh của Bầu Nghĩa, Ba Xây là một nghệ sĩ gương mẫu, tập tuồng hay hát đều đúng giờ, thận trọng, nghiêm túc. Trong đoàn hát anh được các nghệ sĩ đồng nghiệp và các em vệ sĩ, vũ nữ thương mến vì anh lúc nào cũng sẵn lòng giúp các bạn trong nghề nghiệp, đôi khi giúp tiền bạc cho các bạn hữu sự.

Sau đó Ba Xây giải tán đoàn hát vì không cạnh tranh nổi với các đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga, Kim Chung, Kim Chưởng…Ba Xây mua xe traction 4 làm xe lô chạy đường Saigon Đà Lạt. Anh vừa làm chủ vừa là tài xế chạy xe lô đường Saigon Đà Lạt, Đà Lạt Saigon.

Sau năm 1975, Ba Xây về hát cho đoàn Thanh Minh, ông nổi tiếng với vai Giã Lộ Tướng Quân tuồng *Bên Cầu Dệt Lụa* và vai Cụ Đô Trinh tuồng *Tiếng Trống Mê Linh.*

Ba xây có các con Tất My Long, Tất My Loan, Tất My Ly và các cháuTất An Xuân Dung và Tất An Đông Nghi.

Cuối năm 1978, Ba Xây và gia đình đi định cư tại nước Pháp. Ông nghĩ hát đoàn Thanh Minh, ở nhà chuẩn bị cho việc xuất ngoại. Ba Xây có vẻ không vui khi phải xa quê hương. Ba Xây không nói rõ việc ông và gia đình đi xuất ngoại là trong diện nào.

Năm 1997, Ba Xây, soạn giả Hoàng Khâm, soạn giả Vân An, Chị Ba Đề, Văn Lương, Viễn Khách và Nguyên Phương g ặp

nhau nhân dịp Kiên Giang mời dự tiệc thơ, kỷ niệm ngày phá bỏ ngôi nhà gạch trần sau 6 năm không nhà.

(Xem *Bên cầu dệt lụa* trang 154)

Huỳnh Thái

Huỳnh Thái - Hoàng Đình Thái (1920-1970)

Huỳnh Thái tên thật là Hoàng Đình Thái sinh năm 1920 tại Hà Nội, buổi đầu học hát đã được nhiều người chú ý, được mời lên sân khấu Nhà Hát Lớn diễn kịch giúp việc nghĩa. Đến năm 1935 thì chính thức bước vào nghề, cùng vợ lập gánh hát nhỏ lấy tên là Thái Châu Ban để luyện tập, và đến năm 1937 gia nhập đoàn Ứng Lập Ban thì bắt đầu nổi tiếng. Nhờ có làn hơi thiên phú và lối ca hấp dẫn thu hút người nghe, nên tiếng tăm người nghệ sĩ tuấn tú đã vang dậy một thời.

Người ta còn nhớ vào năm ấy 1941 ở Sàigòn mở hội chợ ở Vườn Ông Thượng còn có tên là vườn Bờ Rô, về sau có tên là Công Viên Tao Đàn. Lúc ấy gánh Ái Liên đang có mặt ở Sàigòn, đã vào hát trong hội chợ, và khai trương vở tuồng màu sắc đầu tiên của đoàn nầy là *Huyền Trân Công Chúa*, do soạn giả Bảy Muôn viết, dựa theo sử thời Nhà Trần. Cô đào trẻ đẹp Ái Liên đóng vai Công Chúa Huyền Trân và Huỳnh Thái vai Thượng Tướng Trần Khắc Chung. Huỳnh Thái vô vọng cổ khá mùi: *Công nương ôi! Đôi phen đối bóng soi gương, thầm than cho duyên số bẻ... bàng*. Khán giả trong Nam cũng vỗ tay vang

rền, không thua gì lúc đệ nhứt danh ca Út Trà Ôn vô vọng cổ. Khán giả cải lương rất điệu, nghe vô vọng cổ thì cứ vỗ tay, hay dở tính sau.

Cùng thời với hàng nghệ sĩ tên tuổi miền Bắc như: Kim Chung, Bích Hợp, Ngọc Toàn, Quang Hữu, Phúc Lai... Huỳnh Thái đã trải qua lắm cuộc thăng trầm trong kiếp đời nghệ sĩ. Lúc còn hoạt động ở ngoài Bắc, Huỳnh Thái từng dựng lên một đoàn hát, hợp tác với đào thương Bích Hợp vào thời kỳ khói lửa bao trùm đất nước, thời chiến tranh 1945 – 1954. Rồi thời thế đẩy đưa đoàn hát tan rã, Huỳnh Thái gia nhập đoàn Kim Chung lúc đoàn này vô Nam.

Bích Hợp và Huỳnh Thái trên sân khấu Kim Chung

Khoảng cuối năm 1961 thiên hạ đi ngang rạp hát Aristo đã nhìn thấy một cái móng rùa vĩ đại chiếm hết cả mặt tiền rạp hát, vòng lên tới nóc. Hỏi ra thì đây là thời kỳ ăn tập của đoàn

Thăng Long – Huỳnh Thái sắp khai trương. Người ta thắc mắc phải chăng đoàn hát này định lấy móng rùa làm biểu hiệu, để nhắc nhở những gì linh thiêng của đất nước, của lịch sử dân tộc chăng?

Trong thời gian đoàn ăn tập, ban giám đốc đoàn Thăng Long – Huỳnh Thái lại nãy ra sáng kiến phát động quảng cáo rần rộ cho sân khấu mình, bằng cách tổ chức những đại nhạc hội quanh các rạp lớn Đô thành để giới thiệu thành phần đào kép, chủ trương, đường lối của sân khấu mới này.

Đoàn đã bắt đầu mở màn chiến dịch tại rạp Moderne ở Tân Định, sau đó đi qua các rạp khác nữa. Ban ngày tập tuồng, ban đêm đi làm đại nhạc hội, nhóm nghệ sĩ Thăng Long tỏ ra nỗ lực thiết thực để tranh thủ cho cái sống của anh em và quảng cáo mạnh cho bảng hiệu.

Với thành phần nghệ sĩ nửa Nam nửa Bắc, sách lược dung hòa nghệ sĩ Bắc Nam được Huỳnh Thái áp dụng cho chương trình của anh trước nhứt, rồi sau đó người ta thấy mới đến ông Bầu Long chủ nhân các đoàn Kim Chung.

Đoàn Thăng Long – Huỳnh Thái ra đời gây ít nhiều tiếng vang, nhưng "một con én không làm nổi mùa Xuân", hay móng rùa vô Nam không còn linh thiêng, nên tên bảng hiệu Thăng Long – Huỳnh Thái mờ dần theo năm tháng, chỉ còn lại kỷ niệm trong làng ca kịch.

Về phần Huỳnh Thái thì do biến cố Tết Mậu Thân, cũng cùng chung số phận với bao nhiêu gánh hát khác, đoàn Thăng Long – Huỳnh Thái phải chịu rã gánh, và trong cái cảnh khốn đốn không còn hát xướng đó, ông lại bị bệnh phổi nặng và qua đời năm 1970 trong hoàn cảnh nghèo nàn cơ cực.

Bích Hợp

Bích Hợp (192X-1978)

Do thiếu tài liệu, nên chưa rõ họ tên thật của nghệ sĩ Bích Hợp nơi và năm sinh, có thể nghệ sĩ Bích Hợp sinh vào đầu thập niên 1920, tại đất Bắc.

Nghệ sĩ Bích Hợp được khán giả miền Bắc mệnh danh là người của 30 năm sân khấu, và là điển hình cho cái đẹp của *Gánh Hàng Hoa*, của *Nửa Chừng Xuân, Hồn Bướm Mơ Tiên*. Ngoài diễn viên trên sân khấu, Bích Hợp còn hát những bài ca tân nhạc: *Con Thuyền Không Bến, Giọt Mưa Thu, Đan Áo Đợi Chàng...* Tiếng ca như gió mơn mởn cành liễu, như sóng gợn mùa Thu làm say mê giới mộ điệu từ Bắc chí Nam.

Trước 1954, Huỳnh Thái và Bích Hợp cùng hợp tác thành lập một đoàn cải lương, trình diễn ở đất Bắc, Đến năm 1954, Huỳnh Thái vô Nam thì Bích Hợp cầm cự mang đoàn vô đến Sàigòn mới rã gánh tại đây, rồi cô đầu quân vào đoàn Kim Chung.

Nổi tiếng là "cô đào thương đất Bắc”. Cô đẹp ở ngoài đời cho đến lúc lên sân khấu. Dĩ nhiên khi gia nhập nhập gánh Kim Chung từ khi gánh trụ diễn ở rạp Aristo, cô thường đóng vai đào nhì. Người ta ngẫm nghĩ tới tướng số con người. Cô đẹp dịu hiền đoan trang, cách đi đứng thật cao sang, cử chỉ thật quý phái, nhưng tại sao cô lại có một cuộc sống tình cảm đã

làm cô tốn nhiều nước mắt và có một cái chết đau đớn đã hành thân hoại thể cô.

Cô đã nhiều phen điêu đứng với các cuộc tình duyên ngang trái của mình. Sau đó cô kết hôn với ông Phương nổi tiếng ăn chơi, vóc lùn tịt, không nghề ngổng gì ngoài cái nghề sống nhờ vợ và lái xe đưa vợ đến rạp hát và từ rạp hát rước vợ về nhà. Nhưng cuộc hôn nhân đó làm cho cô hạnh phúc tuyệt vời. Điều đó làm cho bạn bè cô mừng và chúc lành cho cô. Nhưng cay nghiệt thay, ông Phương từ trần vào năm 1973, làm cho cô đau khổ nhiều.

Trên sân khấu Kim Chung.Bích Hợp tuy làm đào nhì nhưng ăn lương như đào chánh. Tuy nhiên đôi khi cô thay Kim Chung đóng vai đào chánh như vai Phàn Lê Huê trong vở *Phàn Lê Huê phá Hồng Thủy Trận*, vai Thôi Oanh Oanh trong *Dưới mái tây sương*, một vai chánh khác khác trong vở *Trăng giải đêm sương*... Những vai nhì như vai Tô Ánh Tuyết trong *Tái sanh duyên*,Trịnh Đán trong *Trăng nước Ngũ Hồ* cũng đủ tạo cho cô nhiều thành tích sáng chói. Hơn thế nữa,trong hai kỳ hát hội vào năm năm chót của thập niên 50,Bích Hợp thay thế Kim Cương đóng vai Bàng Quý Phi trong vở *Xử án Bàng Quý Phi* và thay thế Bảy Nam đóng vai Ngọc Dung Hoàng Hậu trong vở *Phấn Hậu Cung* đã làm cho báo chí nhiệt liệt tán thưởng.

Bích Hợp bị chứng ung thư màn óc, qua đời vào năm 1978.

Kim Xuân

Kim Xuân (192X-20 ..)

Nghệ sĩ Kim Xuân chưa rõ họ, tên thật, sanh năm nào, tại đâu. Có lẽ Kim Xuân sanh vào cuối thập niên 1920 tại Hà Nội. Kim Xuân được sinh trưởng trong một gia đình có nhiều thế hệ đứng trên sân khấu tuồng. Ông nội của là một nghệ sĩ ca tuồng cổ, cha là đạo diễn tuồng Gia Túc, thường nhận dạy đoàn Hiệp Thành đồng ấu. Bản thân Kim Xuân sớm mê nghiệp đàn ca, ngay từ năm 10 tuổi đã theo học lớp ca tuồng. Ở tuổi hoa niên, Kim Xuân gia nhập gánh Kim Phụng, rồi gánh Kim Chung và mau chóng trở thành một trong những giọng ca được khán giả hâm mộ.

Bà chủ gánh Kim Chung có người em trai tên Tiêu Lang thường đệm đàn cho Kim Xuân ca. Giữa hai người dần nảy nở tình cảm lứa đôi, và họ kết hôn khi cả hai còn rất trẻ. Ông Tiêu Lang khi đó mới chỉ đi theo chơi đàn chứ chưa được lên sân khấu ca. Từ đó suốt thập niên 1950, cặp Kim Xuân - Tiêu Lang là giọng ca không thể thiếu trong các suất diễn của gánh Kim Chung, nghệ danh và hình ảnh của họ luôn chiếm ưu thế trên bích chương quảng cáo.

Vào năm 1953, ông bầu Long quyết định bỏ vốn ra làm phim *Kiếp hoa*, vai nữ chính giao cho vợ là nghệ sĩ Kim Chung và Kim Xuân. Doanh thu cuốn phim vượt quá sức tưởng tượng, đã đem lại cho gánh Kim Chung không chỉ danh vọng mà còn cơ hội bành trướng hoạt động. Thay vì trả cat-xê cho em dâu, ông bầu Long đã mua tặng Kim Xuân một chiếc nhẫn kim cương 1 carat. Sau này, Kim Xuân bán đi được 5 triệu đồng, phụ vào số tiền 13 triệu mua căn nhà số 46 phố Bát Đàn tại Hà Nội, vợ chồng bà đang ở hiện nay.

Thời vàng son của gánh cải lương Kim Chung được đánh mốc trước và sau Hiệp định Genève 1954. Ông bầu Trần Viết Long và phu nhân Kim Chung đưa đoàn di cư vào Sàigòn biểu diễn, dự định sau 2 năm khi toàn quốc tổng tuyển cử thống nhất sẽ đưa toàn đoàn chuyển hẳn xuống phía Nam. Tuy nhiên, ngày ấy không xảy đến. Kim Xuân - Tiêu Lang cùng các thành viên

còn lại đang còn ở Hà Nội vẫn phải duy trì hoạt động, họ đổi tên thành Đoàn Nghệ thuật Cải lương Chuông Vàng. Suốt các thập niên sau, gánh Chuông Vàng luôn chiếm vị thế ăn khách nhất thủ đô, rạp nào có Chuông Vàng biểu diễn thường xảy ra cảnh khán giả chen chúc xếp hàng mua vé từ tờ mờ sáng.

Các nữ nghệ sĩ cải lương tài danh đất Bắc: Kim Xuân, Lan Phương, Ái Liên, Kim Chung

Mấy năm trước chiến tranh, Kim Xuân luôn được hiện diện trong Ban chấp hành Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam. Trong các thập niên 1960 và 1970, Kim Xuân lại được biết đến là một trong các gương mặt điện ảnh đẹp.

Kim Xuân đã có những vai diễn thành công trong các tuồng cải lương như vai Mị Nương trong vở tuồng *Hận tương giao*, vai Lựu trong vở tuồng *Đời cô Lựu*, vai Ngọc Nương trong vở tuồng *Lý Công*, vai Xuân Hương trong vở tuồng *Trinh nữ Xuân Hương*, vai Bạch Xà trong vở tuồng *Bạch Xà nương*, vai *Kiều* trong vở tuồng Thúy Kiều, vai Ly *Bên dòng Nhật Lệ*.

Đã tham gia điện ảnh vai Ngọc Thủy trong phim *Kiếp hoa* năm 1953, *Người con gái đất đỏ* năm 1974, *Em bé Hà Nội* năm 1974, vai Nết trong phim *Đến hẹn lại lên* năm 1974.

Vợ chồng Kim Xuân - Tiêu Lang có một con gái là Nghệ sĩ Nhân dân Như Quỳnh.

Minh Tơ

Minh Tơ - Nguyễn Văn Tơ (1922-1984)

Nghệ sĩ Minh Tơ tên thật là Nguyễn Văn Tơ, sinh năm 1922 tại làng An Ngãi – tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là một kép hát nổi danh của Sàigòn – Gia Định từ đầu thế kỷ 20. Ông sinh ra trong gia đình có truyền thống trình diễn trên sân khấu tuồng cổ. Ông nội là kép hát Vĩnh, bà nội là đào hát Xuân, thân phụ là bầu Thắng gánh hát Vĩnh Xuân Ban . Ông đến với nghệ thuật sân khấu và gắn bó với gánh hát Vĩnh Xuân của thân phụ.

Năm 4 - 5 tuổi, Minh Tơ đã đóng vai Lưu Kim Đồng trong vở tuồng *Thất hiền quyến*, rồi ông đóng các vai kép con, kép trẻ, kép râu, lão...

Giữa thập niên 1940, Minh Tơ thành hôn với đào Bảy Sự là em ruột của cô Năm Đồ, cập vợ chồng Minh Tơ - Bảy Sự có 7 người con là Xuân Yến, Thanh Tòng, Thanh Loan, Minh Tâm, Quang Minh, Xuân Thu và Thanh Sơn.

Giai đoạn từ sau năm 1945, hát bội xuống dốc, do đó Minh Tơ cùng vợ và các em Khánh Hồng, Đức Phú đầu quân cho đoàn

cải lương Phụng Hảo, chuyên hát tuồng Tàu, nhưng sau đó họ lại trở về gánh hát của nhà, hát cải lương tuồng Tàu, nên đoàn Vĩnh Xuân Ban - Khánh Hồng đổi bảng hiệu là Đoàn cải lương tuồng Tàu Khánh Hồng – Minh Tơ.

Sau đó, đoàn hát cải biến hát theo những điệu Hồ Quảng, nên bảng hiệu lại đổi ra là Đoàn Cải lương Hồ Quảng Khánh Hồng – Minh Tơ.

Nghệ sĩ Minh Tơ được biết đến qua các vai kép văn, võ như: Lã Bố, Dương Tôn Bảo, Cao Đổng Kim Lân, và các vai kép râu, lão như Quan Công, Cao Hoài Đức, Hoàng Phi Hổ, Bá Lý Hề ... Từ năm 1940 - 1970, ông được giới thưởng ngoạn sân khấu, ca ngợi là kép hát bội xuất sắc nhất ở Sàigòn.

Từ năm 1959 đến năm 1961, nghệ sĩ Minh Tơ đã thành lập nhóm Đồng ấu Minh Tơ, gồm các con cháu trong đoàn và trở thành người thầy mẫu mực, cây đại thụ đã để lại cho đời sau một thế hệ nghệ sĩ tài giỏi như Thanh Tòng, Thanh Thế, Bo Bo Hoàng, Xuân Yến, Trường Sơn, Thanh Loan, Bạch Lê, Bạch Liên, Trung Quan, Minh Tốt, Hữu Truyện, Hữu Lợi, Đức Lợi, Minh Thu, Trang Kim Sa, Minh Tâm, Thành Bé, Thạch Ngọc, Thành Tốt, Vũ Đức.

Đầu thập niên 1970, Đoàn Cải lương Hồ quảng Minh Tơ rã gánh. Sau năm 1975, Minh Tơ xin phép thành lập Đoàn Cải lương tuồng cổ Minh Tơ. Đoàn nầy rã gánh vào thập niên 1990, sau khi nghệ sĩ Minh Tơ vắng bóng trên sân khấu.

Năm 1984, nghệ sĩ Minh Tơ qua đời, thọ 62 tuổi.

Kim Cúc

Kim Cúc - Huỳnh Thị Kim Cúc (1922-1991)

Nghệ sĩ Kim Cúc tên thật là Huỳnh Thị Kim Cúc, sinh ngày 13 tháng 1 năm 1922. Kim Cúc - Kim Lan là con gái của nghệ sĩ tiền phong Bảy Nhiêu

Năm 1940, Cô Kim Cúc 18 tuổi, nổi danh qua vai Quan Bình trong tuồng Quân Công đắp đập bắt Bàng Đức trên sân khấu Phước Cương Năm 1941, nghệ sĩ Bảy Nhiêu và hai con gái Kim Cúc, Kim Lan lập gánh hát Nam Phương, Thanh Loan là đào chính. Kim Cúc nổi danh qua vai nữ quí tộc xứ Ba Tư trong vở tuồng màu sắc hương xa *Thuyền ra cửa biển*.

Tháng 3 - 1946, nhóm nghệ sĩ tài danh gồm Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Duy Lân, Tư Út, Từ Anh, Hai Tiền, Ba Thâu, Sáu Ngọc Sương lấy xác gánh Nam Phương để thành lập "Nhóm con Tằm". Nhóm này thu hút thêm nhiều nghệ sĩ tài danh như Bảy Nhiêu, Năm Nở, Tư Chơi, Năm Phỉ, Bảy Nam, Kim Thoa, Kim Cúc, Kim Lan...

Năm 1948 Cô Kim Cúc kết hôn với nghệ sĩ Năm Châu. Năm 1952, đoàn Việt Kịch Năm Châu diễn tuồng *Tây Thi - Gái nước Việt*, Cô Kim Cúc diễn một cách tài tình tâm lý phức tạp của Tây Thi: vừa hào hùng, vừa thương cảm, vừa lẳng lơ trong nhiều lớp khác nhau. Khi chuốc rượu cho Ngô Phù Sai trên Cô

Tô Đài thì lả lơi, uyển chuyển, nũng nịu, liếc mắt đưa tình; cũng ở Cô Tô Đài, gặp Phạm Lãi, Tây Thi hờn dỗi, trách móc sao để nàng chờ đợi mãi, cũng là nũng nịu, tâm tình mà sao có vẻ dịu dàng khả ái.

Năm 1955, khi đoàn Việt Kịch Năm Châu rã, Tám Kiết và Hai Nữ dùng xác gánh hát này lập thành đoàn hát Phước Chung. Gia đình Năm Châu, Kim Cúc, Kim Lan, ông Bảy Nhiêu tập hợp thành nhóm chuyển âm phim cho hãng phim Mỹ Phương và Mỹ Vân. Những năm cuối thập niên 50, đầu năm 60, sân khấu cải lương có sự chuyển biến lớn: những giọng ca vàng như Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Út Hiền, Minh Vương, Minh Phụng, Minh Cảnh, Tấn Tài, Thanh Hải,.. và sầu nữ Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Mỹ Châu, Lệ Thủy, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Thanh Nga,.. đã chiếm lĩnh sân khấu cải lương và các hãng dĩa. Thế hệ đàn anh, đàn chị, những bậc thầy về diễn xuất phải dần dần nhường bước cho lớp nghệ sĩ trẻ .

Năm 1958, Cô Kim Cúc cộng tác với đoàn Thanh Minh, đóng vai sơn nữ họ Nùng trong tuồng *Núi Liễu sông Bằng* của Thiếu Linh - Thành Phát. Năm 1960, Cô dạy cho Thanh Nga hát vai Hoàng hậu trong tuồng *Gió ngược chiều* của Năm Châu phóng tác Ruy Blas của Victor Hugo. Từ năm 1962, Năm Châu và Cô kim Cúc được mời làm giáo sư đầu tiên khoa kịch nghệ của trường Quốc gia âm nhạc Sàigòn.

Sau năm 1975,Cô Kim Cúc được mời làm giáo sư kịch nghệ cho nhà hát Trần Hữu Trang. Có thể nói, trong ba người vợ của ông Năm Châu từ cô Sáu Trâm, nữ diễn viên tài danh của gánh hát Tập Ích Ban, rồi Đệ nhất nữ danh ca tiền phong Tư Sạng đến Nữ nghệ sĩ tài danh Kim Cúc thì Cô Kim Cúc là người đã

cùng ông gắn bó trọn vẹn đời sống vợ chồng và cả trong nghệ thuật.

Kim Cúc và Năm Châu có sáu người con: Nguyễn thị Xuân Hợi, tốt nghiệp piano trường Quốc Gia Âm Nhạc Sàigòn, Nguyễn thị Nguyệt Thu, tốt nghiệp Violon,vợ thứ của soạn giả Hoa Phượng, Nguyễn thị Kim Khánh, Nguyễn thị Ngọc Thanh, Nguyễn thị Hồng Dung, đạo diễn sân khấu và Nguyễn Thành Long.

Năm Châu và Kim Cúc đều có chung một niềm say mê, một ước vọng chung là xây dựng một nền nghệ thuật cải lương "Đẹp" và "Thật", một "Thánh đường thiêng liêng".

Nghệ sĩ Kim Cúc bị tai biến mạch máu não, mất ngày 24 tháng 6 năm 1991. Thọ 71 tuổi. Hài cốt của Cô và Năm Châu được thờ ở chùa Già lam Gò vấp.

Hoàng Giang

Hoàng Giang – Hồ Ngọc Giang (1922-2002)

Nghệ sĩ Hoàng Giang tên thật là Hồ Ngọc Giang, sinh ngày 07 tháng 04 năm 1922 tại Mỹ Tho, nay là Tiền Giang. Hoàng Giang theo gánh hát lúc mới có 13 tuổi. Hồi đó Hoàng Giang

rất mê coi hát, khi gánh hát về hát ở rạp Thầy Năm Tú bên chợ Mỹ Tho, ông xin đánh trống quảng cáo trước rạp để được vô coi hát khỏi tốn tiền.

Sau đó ông đi theo gánh hát luôn, vừa làm quân chạy hiệu, đánh trống quảng cáo, vừa luyện ca, học hát. Năm 15 tuổi, Hoàng Giang đã được ra sân khấu hát vai kép phụ. Trong những năm 1953-1955, khi hát ở Đoàn Thanh Minh, Hoàng Giang kết hôn với nữ nghệ sĩ Ngọc Chúng, cùng là diễn viên của đoàn Thanh Minh , Kép độc Hoàng Hải là người có sắc vóc và lối ca diễn giống hệt Hoàng Giang ,là con của hai nghệ sĩ Hoàng Giang và Ngọc Chúng, Hoàng Hải mất tại Mỹ trong tai nạn Ôtô.

Cuối năm 1953, đoàn Thanh Minh chỉ có kép ca Năm Nghĩa và Út Nhị nhưng với kép độc lẳng Hoàng Giang, ba vở tuồng *Đồ Bàn Di Hận, Biên Thùy Nổi Sóng* và vở *Tình Tráng Sĩ* trở thành ba vở tuồng ăn khách nhất của đoàn Thanh Minh.

Năm 1956, 4 nghệ sĩ Út Trà Ôn, Kim Chưởng, Thanh Tao và Thúy Nga rời đoàn Thanh minh, ra thành lập gánh hát Kim Thanh – Ut Trà Ôn, nghệ sĩ Hoàng Giang được mời về , thủ vai kép độc trong các tuồng *Trăng Nước Lam Giang, Tiếng Nhạc Rừng Xanh*

Năm 1956, báo Tiếng Dội của ký giả Trần Tấn Quốc mở mục trưng cầu ý kiến độc giả bình chọn các nghệ sĩ sân khấu cải lương:

– Nghệ sĩ Út Trà Ôn được bình chọn là Đệ Nhứt danh ca vọng cổ nam.
– Nghệ sĩ Thanh Hương được chọn là Đệ Nhứt nữ danh ca vọng cổ.
– Nghệ sĩ Nghệ sĩ Ns Hoàng Giang được bình chọn là Đệ Nhứt kép lẳng độc nam.

– Nghệ sĩ Như Ngọc (vợ của danh ca Tấn Tài) được bình chọn Đệ nhứt đào lẳng độc nữ.

Trong những năm 1957, 1958, trên sân khấu Thanh Minh của Bầu Nghĩa, nghệ sĩ Hoàng Giang đã có những vai diễn để đời qua các vai độc trong các tuồng như *Hồi Trống Văn Lâu, Áo gấm khôi Nguyên, Cầu Gổ Hoàng Mai Thôn, Nhan Sắc Phi Tần, Nẻo tắt Hoành Sơn, Núi Liểu Sông Bằng* ..

Năm 1960 Hoàng Giang cùng với danh ca Út Trà Ôn về công tác với đoàn Thủ đô của bầu Ba Bản, thành công rực rở trong vai vua *Lê Long Đỉnh* tuồng *Tiếng Trống Sang Canh*, vai Nguyễn Cang tuồng *Chiếc Áo Ân Tình*.

Năm 1962 Hoàng Giang lại hợp tác với Út Trà Ôn thành lập gánh hát Thống Nhứt và thành công vang dội qua tuồng *Mắt em là bể oan cừu*

Năm 1962 Hoàng Giang kết hôn với nữ nghệ sĩ Kim Giác. sau khi kết hôn với Kim Giác, Hoàng Giang về cộng tác với gánh hát Hương Mùa Thu. Hoàng Giang và Kim Giác là đôi vợ chồng gắn bó với nhau hạnh phúc cho đến ngày Hoàng Giang mất.

Sau đó nghệ sĩ Hoàng Giang trở về cộng tác với đoàn Thanh Minh Thanh Nga, ông có mặt trong hầu hết các vở tuồng xã hội nổi tiếng của đoàn như tuồng *Đêm Vĩnh Biệt, Đôi Mắt Người Xưa, Bóng Chim Tăm Cá, Yêu Trong Hoàng Hôn, Người Tình Của Biển, Bọt Biển, Tình Xuân Muôn Tuổi, Hoa đồng Cỏ Nội , Vàng Sáu Bạc Mười, Áo Cưới Trước Cổng Chùa, Hoa Mộc Lan ....*

Sau năm 1975, Hoàng Giang hát đoàn cải lương Thanh Minh , Hoàng Giang hát thành công qua các tuồng: *Tiếng Trống Mê Linh, Bên Cầu Dệt Lụa*..sau đó hát cho đoàn Văn Công, đoàn

Trần Hữu Trang. Năm 1993 ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ sĩ ưu tú.

Do tuổi già với căn bệnh tim mạch, huyết áp nhiều năm, chiều 3-11-2002 Nghệ sĩ Hoàng Giang đã trút hơi thở cuối cùng tại nhà riêng ở quận Tân Bình, Tp.HCM, thọ 80 tuổi.An táng tại nghĩa trang nghệ sĩ tại Gò Vấp.

Nghệ sĩ Hoàng Giang mất, sân khấu cải lương mất một nghệ sĩ mà tài nghệ diễn xuất được đánh giá là bậc thầy, cố nghệ sĩ Hoàng Giang đã để lại những vai tuồng để đời và nhiều đệ tử thành danh khi học theo lối diễn của anh như Hoàng Hải, Chí Hiếu. Hoàng Liêm, Hoàng Long…

(Xem *Đời cô Lựu* trang 92)

Việt Hùng

Việt Hùng - Nguyễn Hữu Hùng (1923-2001)

Nghệ sĩ Việt Hùng, tên thật là Nguyễn Hữu Hùng, sinh năm 1923 tại Nha Trang. Cha mất sớm nên hai chị em ông đã theo mẹ trôi dạt vào Nam, định cư ở ĐàLạt được một thời gian, sau đó gia đình dọn vào Sàigòn sinh sống. Máu nghệ sĩ thích giang hồ phiêu bạt dường như đã có trong ông, nên 16 tuổi ông lân la đi tìm thầy học nhạc, với chất giọng "tenor" khỏe mạnh, Việt

Hùng đã góp tiếng hát của mình trong làng tân nhạc cùng với vợ chồng nhạc sĩ Mạnh Phát và ca sĩ Minh Diệu.

Năm 1948, Ngọc Nuôi là diễn viên tài sắc của gánh hát Thỉ Phát Huê, đoàn nầy đang hát tại rạp Thành Xương. Ca sĩ Việt Hùng của Đài Phát Thanh Pháp Á đi xem hát, si mê đào Ngọc Nuôi, Việt Hùng bị "tiếng sét ái tình" bèn bỏ Sở làm để theo gánh hát này học hát, để được gần người mình yêu. Kết quả là Việt Hùng đã kết hôn với Ngọc Nuôi.

Nhờ Ngọc Nuôi hướng dẫn cho Việt Hùng về diễn xuất và hóa trang trên sân khấu, Việt Hùng trở thành kép chánh của đoàn hát Thỉ Phát Huê Trong giới nam nghệ sĩ chỉ duy nhất Việt Hùng ca dây đào, "dây đào" là dây đờn dành cho người nữ ca, và cũng có người gọi là "dây lòn" hoặc là "dây tứ nguyệt".

Năm 1950 Việt Hùng gia nhập gánh Mộng Vân, và trở thành kép chánh trong vai Trần Bằng, tuồng *Rừng Hoang Đẫm Máu*. Năm 1951 qua gánh Thanh Minh của Năm Nghĩa rồi . Năm 1952 sang cộng tác với đoàn Hoa Sen của bầu Bảy Cao. Đến năm 1953 ông Bầu Sinh lập gánh Hương Hoa đã mời cặp Việt Hùng-Ngọc Nuôi về làm đào kép chánh, và nhờ những tuồng La Mã có đánh kiếm thích hợp với sở trường nên Việt Hùng rất nổi ở giai đoạn này.

Năm 1955 gánh Kim Thanh ra đời, Việt Hùng cộng tác với gánh Kim Thanh, rồi trở về gánh Tân Hương Hoa lần thứ hai, nhưng không là kép chánh bởi đi rồi thì có người khác thay .

Năm 1956 Việt Hùng hợp tác với nghệ sĩ Minh Chí thành lập đoàn "Việt Hùng-Minh Chí". Lúc này ông rất nổi ở vai Lưu Bình trong tuồng *Người Đẹp Bán Tơ* và Ngọc Nuôi thì đóng vai nàng Châu Long, còn(nghệ sĩ Minh Chí vai Dương Lễ. Thế nhưng chưa đầy một năm thì gánh "Việt Hùng-Minh Chí" xuống dốc, và đổi tên ngược lại là "Minh Chí-Việt Hùng". Đổi

bảng hiệu rồi vẫn không khá, nội bộ lại lủng củng nhiều hơn, gánh hát rã.

Việt Hùng về đầu quân trở lại gánh Thanh Minh , diễn xuất sắc vai cậu ấm Thân trong tuồng *Đoạn Tuyệt*, vai Định trong *Nửa Đời Hương Phấn*.... Tiếng hát của nghệ sĩ Việt Hùng cũng được các hãng dĩa mời thu thanh... Sau đoàn Thanh Minh, Việt Hùng - Ngọc Nuôi có về cộng tác với đoàn Ánh Chiêu Dương do nghệ sĩ Năm Châu và xuất sắc trong vở *Giai Nhân & Ác Quỉ*. Giai đoạn này là thời kỳ oanh liệt của cải lương, nhưng Việt Hùng đã lớn tuổi, đành nhường vai trò chính yếu của sân khấu cho những Hữu Phước, Thành Được, Út Hiền, Minh Cảnh, Thanh Hải... tiếp đến thì lớp trẻ khác tấn lên như Thanh Sang, Tấn Tài, Minh Phụng, Minh Vương...

Năm 1975, Việt Hùng cùng các con: Tài Năng, Ngọc Quý, và Ngọc Châu trong Ban nhạc Crazy Dogs sang Mỹ định cư. Ngọc Nuôi và con gái Ngọc Bích ở lại hát cho đoàn hát Thanh Nga Năm 1990 Việt Hùng bảo lãnh Ngọc Nuôi và hai con sang Mỹ, lúc này Ngọc Bích là nử hoàng nhạc nhẹ của các sân khấu ca nhạc. Sang Mỹ Việt Hùng đã có người phụ nữ khác, vì lòng tự trọng, Ngọc Nuôi không muốn làm khổ một người phụ nữ đã hết lòng chăm sóc chồng mình trong nhiều năm qua. Vì thề đôi uyên ương sân khấu lẻ bạn.

Định cư ở Nam California, ông tham gia hoạt động ca hát ở Little Sài Gòn, Orange County và một số nơi khác quanh vùng, khán giả thỉnh thoảng nghe Việt Hùng ca trên đài Little Sàigòn Radio, hoặc thấy ông xuất hiện ở các sô hát, ở các chùa chiềng trong dịp lễ.

Ông đã trút hơi thở cuối cùng tại nhà dưỡng lão Beverly Health Care vào lúc 10:45 phút tối ngày 31 tháng 12, năm 2001. Thọ 78 tuổi.

Kim Chung

Kim Chung (1923-2008)

Nghệ sĩ Kim Chung sinh năm 1923, tại Hà Nội.

Năm 1933, lên 10 tuổi, bà đã tham gia đội đồng ấu Nhật Tân – Hà Nội, chuyên diễn tuồng Hồ Quảng của ông bầu Tài Quang.

Năm 16 tuổi, bà làm đào chánh đoàn cải lương Tố Như nổi tiếng trên đất Bắc. Sau đó bà thành hôn v ới ông Trần Viết Long, ông từng du học ở Pháp về, họ thành lập gánh hát Kim Chung tức Tiếng chuông vàng Bắc Việt. Đến năm 1954, đoàn Kim Chung vào Nam, trình diễn thường trực ở rạp hát Aristo, nằm trên đường Lê Lai, Quận 2, Sàigòn. Sau đó lập th ành công ty sân khấu mang tên Kim Chung. Công ty thời đó có đến 6 đoàn hát. Các nghệ sĩ tài danh được xem là thế hệ vàng của sân khấu cải lương như: Lệ Thủy, Minh Vương, Minh Phụng, Minh Cảnh, Mỹ Châu, Diệu Hiền, Thanh Hải, Thanh Nguyệt... đều được đào tạo từ 6 đoàn hát thuộc Công ty Kim Chung.

Trong sự nghiệp nghệ thuật của mình, nghệ sĩ Kim Chung có rất nhiều vai diễn nổi tiếng, như: Chúc Anh Đài, Điêu Thuyền, Lữ Bố, Mộc Quế Anh, Hoa Mộc Lan, Thúy Kiều... bà và nghệ sĩ Phùng Há là hai nữ nghệ sĩ chuyên đóng vai kép, sáng lập trường phái nữ đóng vai kép trong thập niên 1950 – 1960.

Nữ nghệ sĩ Kim Chung hát hai vở *Trăng giãi đêm sương* và vở *Ngọn cỏ gió đùa,* tuồng hợp soạn của Ngọc Huyền Quân và Ngọc Văn. Sau đó có vở *Đắc Kỷ - Trụ Vương*, cô Kim Chung vào vai Bá Ấp Khảo dạy đờn, kỳ nữ Kim Cương vào vai Đắc Kỷ. Ba vở hát này hát vào năm 1955, 1956 hình tượng nghệ thuật của nữ nghệ sĩ Kim Chung, đã tạo ra phong cách chuẩn mực trong ba vai tuồng, khi đoàn hát Tiếng chuông vàng Thủ đô mới chân ướt chân ráo vào Nam.

Bà đã đạt được một sự nghiệp cải lương đồ sộ như Công ty Kim Chung, ông bầu kiêm soạn giả Trần Viết Long đã nhờ rất lớn vào sự góp công góp sức, tiếp tay quán xuyến khôn khéo của bà bầu Kim Chung. Chỉ trong vòng 21 năm, từ một đoàn hát Tiếng chuông vàng Thủ đô vào Nam, với một lối hát chưa quen thuộc với khán giả miền Nam, đoàn Kim Chung đã phát triển thành 6 đoàn cải lương đại bang nổi tiếng một thời. Đoàn Kim Chung 6 từng đi hát ở Lào, Thái Lan và Pháp năm 1968.

Các nghệ sĩ trẻ từng hát ở sân khấu Kim Chung, được bà bầu Kim Chung chỉ dạy cho hát đều ngợi khen đức tính khiêm tốn của bà. Bà dạy nghề hát cho các diễn viên trẻ trong đoàn một cách toàn tâm toàn ý, không giấu nghề, không tự cao lớn lời nhiều tiếng làm chạm tự ái học viên. Bà luôn luôn nhỏ nhẹ, khuyến khích các bạn trẻ và sẵn sàng nhận diễn một vai hạng hai, hạng ba để nhường đất cho các đàn em.

Sau năm 1975, bà cùng chông là ông Trần Viết Long, di tản sang Pháp định cư, một thời gian sau họ trở lại Việt Nam, định lập lại công ty sân khấu Kim Chung, nhưng lực bất tùng tâm, thời thế không cho phép. ông Trần Viết Long qua đời năm 2003, còn nữ nghệ sĩ lão thành Kim Chung, đã qua đời lúc 10 giờ ngày 8 tháng 4 năm 2008, tại nhà riêng, thọ 85 tuổi

Linh cữu nghệ sĩ Kim Chung quàn tại số 40/29 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình – Tp. HCM. Lễ động quan lúc 6 giờ 30 phút ngày 11-4-2008, sau đó hỏa táng tại Bình Hưng Hòa.

Tám Vân

Tám Vân – Lê Văn Tám (1924-2009)

Nghệ sĩ Tám Vân tên thật là Lê Văn Tám, sanh năm 1924, tại quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Năm 1939, anh Tám đậu bằng Tiểu Học CEPCI, rồi thi đậu vô học trường College De Mytho tức trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu sau này. Năm 1943, anh thi rớt bằng Brevet Élémentaire nên bỏ học, đi theo anh ruột của anh là nghệ sĩ quái Kiệt Ba Vân để học hát. Anh Ba Vân đặt nghệ danh cho Lê Văn Tám là Tám Vân và dẫn Tám Vân theo đoàn hát đi lưu diễn các tỉnh miền Bắc như Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng…

Tám Vân nhờ có học vấn cao, vóc dáng trẻ đẹp, hơi ca khỏe khoắn, cách phát âm chuẩn mực nên chỉ trong sáu tháng học ca cổ nhạc và học diễn, nghệ sĩ Tám Vân đã có thể đóng được những vai kép nhì hoặc kép đẹp trong các tuồng xã hội của soạn giả Nguyễn Thành Châu.

Năm 1944 đoàn hát trở về Saigon, nghệ sĩ Tám Vân được đoàn hát Quảng Lạc Hà Nội mời làm kép chánh. Anh ở lại hát cho đoàn Quảng Lạc, lúc đó mở một chuyến lưu diễn sang nước Lào. Sau đó, vì tình hình chiến tranh sôi động, quân đội Thiên Hoàng của Nhựt Bổn vào Đông Dương, phi cơ Đồng Minh liệng bôm Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc. Đoàn hát Quảng Lạc không trở về Hà Nội, lưu diễn các tỉnh ở Thái Lan, nơi có

nhiều Việt Kiều ở. Nghệ sĩ Tám Vân thành hôn với nữ nghệ sĩ Bích Châu, đào chánh của đoàn hát và ở lại Thái Lan 12 năm, sanh được hai con.

Năm 1954, chiến tranh Việt – Pháp chấm dứt, nghệ sĩ Tám Vân và Bích Châu trở về Việt Nam, gia nhập đoàn hát Việt Kịch Năm Châu.

Nghệ sĩ Tám Vân sáng chói trong vai kép chánh, hát cặp với nữ nghệ sĩ Kim Cúc trong tuồng *Người Mặt Cháy.*

Nghệ sĩ Tám Vân cũng rất thành công trong vai Hoàng Tử, đóng cặp với nữ nghệ sĩ Kim Lan vai Ô Phê Ly trong tuồng *Hàm Lệ*, hoàng tử nước Đan Mạch. Tám Vân cũng được khán giả và báo chí kịch trường ngợi khen khi anh thủ diễn những vai kép chánh trong các tuồng *Tây Thi, Gái Nước Việt, Gió Ngược Chiều, Miếng Thịt Người, Áo Người Quân Tử, Cách Lan Phương Tử* của soạn giả Nguyễn Thành Châu.

Nghệ sĩ Tám Vân ở nước Lào và Thái Lan 12 năm, ở hai nước đó nghệ sĩ hút thuốc phiện và lá thuốc nẩu là một việc bình thường vì thuốc phiện rẻ và dễ mua. Khi Tám Vân về Việt Nam, lúc đó chánh phủ Cộng Hòa miền Nam đang bài trừ ma túy và thuốc phiện, do đó thuốc phiện bán lậu, giá mắc hơn vàng. Tám Vân khổ sở vì phải cai thuốc. Đoàn hát Việt Kịch chỉ phát lương cà phê hay nửa cử lương, không đủ tiền mua son phấn, tiền đâu mà mua thuốc? Thêm nữa nghệ sĩ Bích Châu là người miền Bắc, khi ở đoàn hát Quảng Lạc, Bích Châu là đào chánh vì hát với những người cùng nói và hát giọng Bắc. Khi gia nhập đoàn Việt Kịch Năm Châu, nghệ sĩ Bích Châu phát âm giọng Bắc trong khi các diễn viên khác hát giọng Nam, đó là một sự lạc lõng mà đạo diễn Năm Châu không chấp nhận. Do đó nghệ sĩ Bích Châu không có vai để hát, số lương định cho Bích Chân cũng vì vậy mà ít hơn những nữ nghệ sĩ khác. Cuối cùng nghệ sĩ Tám Vân và Bích Châu rời đoàn Việt Kịch Năm Châu, gia nhập đoàn hát Kim Chưởng.

Ở đoàn hát Kim Chưởng, nữ nghệ sĩ Bích Châu cũng không có vai tuồng nào để hát hợp với giọng Bắc của chị, nên Bích Châu bỏ Tám Vân, trở về Hà Nội để có thể diễn với các bạn nghệ sĩ cùng hát giọng Bắc. Nghệ sĩ Tám Vân không trở ra Hà Nội nữa nên đành chịu mất vợ.

Nghệ sĩ Tám Vân có khả năng tiếp thu nhanh nghệ thuật biểu diễn các loại tuồng trên sân khấu với các phong cách khác nhau. Khi ở đoàn Việt Kịch Năm Châu, anh hát được các vai chánh trong các tuồng xã hội Tây Phương phóng tác của soạn giả Nguyễn Thành Châu. Khi gia nhập đoàn Kim Chưởng, Tám Vân hát những vai kép độc, lẵng, độc mùi trong các tuồng *Lá Đào Rơi, Cô Gái Nữ Thần, Oan Hồn Trên Tháp Đá, Tiếng Hát Đền Bá Lạc, Hai Chiều Ly Biệt…*

Sau đó Tám Vân về hát cho đoàn Thanh Minh Thanh Nga từ năm 1962, rồi đến những năm 1969, Tám Vân về cộng tác với đoàn hát Dạ Lý Hương, Phước Chung…

Trên sân khấu các đoàn hát cải lương Kim Chưởng, Thanh Minh Thanh Nga, Dạ Lý Hương, Phước Chung…nghệ sĩ Tám Vân thủ diễn những vai lão mùi, lão độc, lão lẵng, vai hề. Không phải do các diễn viên kia diễn hay hơn hay sắc vóc đẹp hơn anh nhưng họ là những danh ca vọng cổ. Những danh ca vọng cổ đó nhờ có giọng ca vàng, êm dịu, quyến rủ, có nghệ thuật luyến láy hay hay có kỷ thuật ca vọng cổ dài hơi nên khán giả thích. Nếu kể về trình độ diễn xuất thì những danh ca vọng cổ trẻ đó chỉ đáng là học trò của Tám Vân nhưng vai tuồng của họ luôn luôn là vai kép chánh, có nhiều chỗ để ca vọng cổ, thu hút khán giả. Đây là một trào lưu mới trong nghệ thuật cải lương: trào lưu của những giọng ca vàng lấn át vai trò và vị trí sân khấu của những kép diễn.

Nghệ sĩ Tám Vân từng đóng thế vai Gia Lử Tế của nghệ sĩ Bảy Nhiêu, vai Gia Lử Sanh của Năm Châu, vai Duy Bạt của Hoàng Kinh trong tuồng *Gió Ngược Chiều*. Đây là ba vai hát

với ba tính cách khác nhau rất khó diễn xuất. Tám Vân là người duy nhứt đóng thay được cả ba vai đó một cách rất xuất sắc.

Tám Vân cũng đã đóng vai Phê trong tuồng *Khi Người Điên Biết Yêu*, vai tuồng để đời của nghệ sĩ quái kiệt Ba Vân.

Tám Vân cũng có những vai hát để đời như Vương Tư Đồ trong tuồng *Phụng Nghi Đình*, vai cha của Hoa Mộc Lan trong tuồng *Hoa Mộc Lan*, vai Tống Nhơn Tôn trong *Xử Án Bàng Quí Phi*, vai An Lộc Sơn trong tuồng *Trường Hận*, vai Tám Hổ trong tuồng *Hai Hình Ảnh Một Cuộc Đời*, vai ông Đệ trong tuồng *Tấm Lòng Của Biển*...

Về gia đình thì sau khi vợ anh, nữ nghệ sĩ Bích Châu về Hà Nội, năm 1961, nữ khán giả Quản Thị Minh Nguyện ái mộ anh qua các vai tuồng của anh đóng trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, đã cùng Tám Vân kết hôn.

Chị Quản Thị Minh Nguyệt sanh năm 1921, tại làng An Thạnh, huyện Mõ Cày, tỉnh Bến Tre. Chị Minh Nguyệt lấy bút danh Nhị Kiều, có nghĩa là người kiều nữ thứ hai trong gia đình họ Quản, người chị là Quản Thị Trúc Mai, thi sĩ, vợ của một chủ bút của nhựt báo Tiếng Chuông và em là Quản Thị Minh Nguyệt, soạn giả cải lương với bút danh Nhị Kiều.

Ở đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga, nghệ sĩ Tám Vân phụ trách sân khấu, đứng tập tuồng và dạy hát cho các nghệ sĩ trẻ Thanh Nga, Bảo Quốc, Thanh Tú, Mộng Tuyền, Kim Hoa, Hương Huyền, Thanh Thanh Hoa, Trang Bích Liễu…

Nghệ sĩ Tám Vân từ trần vào lúc 6 giờ sáng ngày 18 tháng giêng năm 2009. Thọ 85 tuổi. Nghệ sĩ Tám Vân được an táng tại Nghĩa trang nghệ sĩ Gò Vấp.

(Xem *Hoa đồng cỏ nội* trang 120)

Minh Chí

Minh Chí – Lê Mộng Lang (1924-1995)

Nghệ sĩ Minh Chí tên là Lê Mộng Lang sanh năm 1924 tại Sàigòn, bắt đầu đi hát vào thập niên 1950. Ông từng là kép trẻ nức tiếng của sân khấu Nam Tinh với các nghệ sĩ tiền phong như Ba Thanh Loan, Kim Chưởng, Thúy Nga, Phước Trọng, Ba Vân, Năm Nở.

Những năm 1949-1950 là lúc mà máy hát quay dây thiều được coi như là phương tiện tốt để đem lời ca tiếng hát đến với mọi người dù rằng ở tận nơi thôn quê hẻo lánh với tiếng ca Minh Chí qua các dĩa hát: *Anh Hùng Liệt Nữ, Phất Cờ Độc Lập, Đường Về Tổ Quốc, Máu Thấm Tần Hoàng Đảo ,Nguyệt Thu Nga, Nguyễn Thái Học, Non Tình Bể Hận* ... đi đâu cũng nghe giọng ca của ông, nhưng rất ít khán giả biết mặt ông.

Năm 1956, bà Ba Khang - chị của hai nghệ sĩ trẻ Hương Sắc, Hương Huyền xuất vốn lập gánh hát Việt Hùng-Minh Chí, trình diễn vở tuồng *Người Đẹp Bán Tơ*. với Việt Hùng - Minh Chí - Ngọc Nuôi. suất hát nào cũng đông nghẹt người coi. nhưng mới diễn được 2 tuồng *Đường Lên Xứ Thái* của soạn giả Thiếu Linh và *Người đẹp bán tơ* của soạn giả Kiên Giang, thì chuyện tình cảm của cô đào Ánh Hoa với nghệ sĩ Minh Chí bị báo chí phanh phui. Lúc đó, Minh Chí đã qua 2 đời vợ và đang sống với người vợ thứ 3 nghệ sĩ trẻ Ánh Hoa mới 15. Minh Chí lớn gần gấp đôi tuổi Ánh Hoa. Cuộc tình duyên này đã gây sôi nổi dư luận, thân phụ Ánh Hoa là nghệ sĩ Văn Danh, đưa Minh

Chí ra tòa về tội dụ dỗ gái vị thành niên. Nhưng rồi mọi chuyện cũng êm xuôi, Ánh Hoa và Minh Chí trở thành vợ chồng chung sống với nhau. Gánh Việt Hùng-Minh Chí nổi trong một thời gian ngắn rồi chỉ hơn một năm thì nội bộ lủng củng đưa đến rã gánh.

Sau thất bại, Minh Chí ông Vua Xàng xê bỏ mộng làm bầu, hai vợ chồng Minh Chí – Ánh Hoa về hát cho Kim Chưởng, Thanh Hương – Hùng Minh, Tân Thủ Đô – Tấn Tài ...

Sau năm 1975, vợ chồng Minh Chí đi hát cho gánh Hậu Giang 2, Trần Hữu Trang, Huỳnh Long, đến năm 1990, Ánh Hoa và Minh Chí nghỉ hát. Sau khi nghỉ hát, cuộc sống gia đình càng khó khăn, Ánh Hoa bán cơm tấm dưới cầu chữ Y bên kia đường Hưng Phú. Minh Chí buồn ông uống rượu giải khuây. Năm 1992, đoàn làm phim *Người tình* của đạo diễn Jean Jacques Annaud. mời bà Ánh Hoa vào vai bảo mẫu . Đó là cơ duyên đưa Bà đến với điện ảnh.

Sau cơn bạo bệnh nặng về xơ gan cổ trướng, nghệ s Minh Chí đã từ trần vào lúc 3 giờ 30 phút sáng ngày 4 tháng 12 năm 1995 tại tư gia ở Quận 8, Tp. HCM. Thọ 72 tuổi. An táng tại nghĩa trang Bình Hưng Hoà, Bà Quẹo, Tp. HCM.

Minh Điển

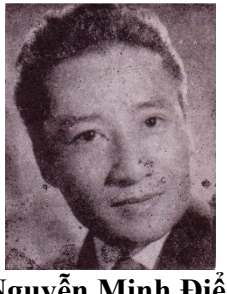

Minh Điển - Nguyễn Minh Điển (1924-1996)

Nghệ sĩ Minh Điển tên thật Nguyễn Minh Điển, sanh năm 1924, tại xã An Trường, huyện Càn Long, tỉnh Trà Vinh. Cha mẹ làm nghề nông. Anh học hết lớp ba tiểu học, thích theo nhóm đờn ca tài tử trong thôn xóm.

Năm 1934, Minh Điển được 10 tuổi, nhân dịp gánh hát Văn Hí Ban về hát ở quận Càn Long, anh bỏ nhà trốn theo để học hát. Theo lời Minh Điển thuật lại, anh vô gánh hát làm đệ tử của nghệ sĩ Hai Tiền, một nghệ sĩ tài danh trong hàng nghệ sĩ tiền phong. Anh giúp việc cho ông Hai Tiền như một người ở đợ, dọn dẹp tủ làm tuồng, giặt quần áo và đấm bóp cho ông Hai Tiền để đổi lại, ông dạy cho Minh Điển ca các bài bản cải lương. Thỉnh thoảng Minh Điển được cho ra sân khấu làm quân báo, bẩm báo vài câu trong tuồng hát.

Minh Điển tỏ ra có năng khiếu, học ca biết bài bản mau lẹ, ca đúng nhịp nhàng, đúng điệu thức nhưng gánh hát Văn Hí Ban đều là những nghệ sĩ tài danh, Minh Điển không thể có một vai hát vì không có vai tuồng cho kép con. Nhạc sư Năm Hưng thấy anh siêng năng dễ dạy nên ông đờn kìm dạy cho Minh Điển ca các bài bản lớn và vọng cổ, đồng thời ông khuyên Minh Điển hằng đêm ngồi bên cánh gà coi hát, học hỏi các nghệ sĩ đàn anh đang diễn trên sân khấu. Một năm học nghệ chuyên cần, Minh Điển tiến bộ rất nhiều nhưng anh vẫn không có vai tuồng để hát, Minh Điển bèn gia nhập gánh hát Tỷ Phượng.

Tính ra từ ngày trốn nhà theo đoàn hát, Minh Điển đã hát qua 5 đoàn hát trong vòng 24 năm, anh thủ diễn được các loại vai tuồng, được khán giả Hậu Giang và miền Trung tán thưởng. Tuy nhiên vì đi hát ở một đoàn trung ban, lại thường đi lưu diễn xa thành phố nên tên tuổi của nghệ sĩ Minh Điển ít được báo chí kịch trường nhắc nhở đến.

Năm 1956, nghệ sĩ Minh Điển theo sư phụ là nhạc sĩ Năm Hưng về đầu quân gánh Tân Hương Hoa của Bầu Vân Sinh.

Năm 1958, Đoàn Tân Hương Hoa hát tại rạp Nguyễn Văn Hảo, đoàn Thanh Minh hát tại rạp Thành Xương. Nhạc sĩ Năm Hưng bất đồng ý kiến với Bầu Sinh vì ông Bầu hay phát lương ngắt véo, chỉ phát từ lương đờ mi tới tiền cà phê thay vì phát lương đủ cho nghệ sĩ theo như giao kèo đã ký kết nên sau bến Nguyễn Văn Hảo, nhạc sĩ Năm Hưng nghỉ không cộng tác với Tân Hương Hoa của Bầu Sinh nữa.

Ông về nhà ở Bến Vân Đồn, mở lò cổ nhạc. Nghệ sĩ Minh Điển cũng theo thầy, nghỉ hát đoàn Tân Hương Hoa. Nhạc sĩ Năm Hưng giới thiệu nghệ sĩ Minh Điển với ông bầu Năm Nghĩa đoàn Thanh Minh. Minh Điển được thu nhận ngay và được cho thủ vai Sử Gia Lê Văn Hưu trong tuồng *Hồi Trống Vân Lâu* của Thiếu Linh.

Lúc đó Minh Điển mới có 34 tuổi, tuy còn trẻ nhưng giọng ca thật mùi, thật truyền cảm, Minh Điển hóa trang rất cẩn thận, diễn xuất tinh tế nên anh thành công xuất sắc trong vở tuồng của anh hát đầu tiên trên sân khấu Thanh Minh.

Trong tuồng hát khi sử gia Lê Văn Hưu bị Phan Quí Hữu, bộ tướng của Trương Phụ đâm một giáo và cướp đi pho sử, trước khi chết, Minh Điển trong vai sử gia và Thanh Nga lúc đó 16 tuổi trong vai Phương Hà con nuôi của sử gia, cùng ca chung bài Xàng Xê lớp xề khiến cho nhiều khán giả phải rơi lệ vì xúc động.

Vai lão mùi đầu tiên thành công trở thành loại vai hát sở trường của nghệ sĩ Minh Điển trên sân khấu Thanh Minh và Thanh Minh Thanh Nga. Với vai Bảy Dom trong tuồng *Ngã Rẽ Tâm Tình*, vai lão gác dan trong *Đôi Mắt Người xưa*, vai ông Phán trong tuồng *Tình Xuân muôn tuổi*, và tuồng *Bọt Biển 1*, vai ông Tư Khoan trong *Bọt Biển 2*, vai ông Sáu Cá trong *Bóng Chim Tăm Cá*, những vở tuồng đó của Nguyễn Phương đã đưa cao tên tuổi nghệ sĩ lão mùi Minh Điển mà sau này khó có nghệ sĩ

nào thế được các vai hát đó của Minh Điển. Anh lại thành công trong vai ông Sáu, tuồng *Nửa Đời Hương Phấn*, ông Ba trong tuồng *Đời Hai Mặt.*

Nhân dịp đoàn Thanh Minh Thanh Nga kỷ niệm 17 năm thành lập từ 1950 đến 1967, nghệ sĩ Minh Điển lúc đó đã hát 9 năm liên tục trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, trả lời sự phỏng vấn của các ký giả kịch trường, nghệ sĩ Minh Điển nói: *"Sân khấu Thanh Minh Thanh Nga với người lèo lái đầy kinh nghiệm, với những soạn giả tài danh với nhiều tác phẩm có giá trị, với những diễn viên xuất sắc hiện nay, chính là nơi tôi có điều kiện phát huy khả năng ca diễn của mình, nương theo đà tiến chung của đoàn mà phát triển nghệ thuật và tên tuổi của tôi. Người làm ruộng tha thiết với mảnh ruộng của mình bao nhiêu thì tôi gắn bó với sân khấu Thanh Minh Thanh Nga bấy nhiêu vậy."*

Nghệ sĩ Minh Điển cộng tác nhiều đoàn hát, lâu nhất là đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Sau năm 1975, khi đoàn Thanh Minh thành lập lại, Minh Điển được mời hát lại cho đoàn hát của bà Bầu Thơ. Đến khi Thanh Nga mất, đoàn hát của Bà Bầu Thơ bị tập thể hóa, nghệ sĩ Minh Điển giải nghệ.

Năm 1980, Minh Điển trở về quê Trà Vinh, xã An Trường, anh che một mái chòi lá đơn sơ bên vệ đường, hành nghề hớt tóc, vợ anh mở một quán cóc bán rượu đế với các món nhậu là mận, ổi, khô cá sặc. Đôi khi chị Minh Điển nấu bánh tét, bánh ú bán kèm thêm để có thu nhập giúp chồng.

Nhiều đoàn hát như đoàn Sàigòn 1, đoàn Saigon 3, đoàn Huỳnh Long mời anh cộng tác nhưng sau cái chết của Thanh Nga, sau khi bị mất nhà, anh không muốn làm việc dưới quyền của những người mới chiếm miền Nam nên lui về vườn ở ẩn. Anh không tham gia các chương trình văn nghệ của phường xã. Khi nào nhớ các bạn sân khấu, anh lấy cây đờn kìm treo trong chòi hớt tóc của anh để tự đờn tự ca cho một mình mình nghe.

Năm 1984, đoàn Huỳnh Long, về hát ở xã An Trường, Nguyễn Phương Bửu Truyện, Châu Thanh Hoàng, Điền Phong, Tào Thành, Hoàng Nở và Bạch Tùng Hương kéo tới chòi hớt tóc của Minh Điển. Minh Điển bảo bà xã đem đến hai lít đế, chẻ ổi, lột bưởi, nướng khô. Anh dẹp cái chòi hớt tóc của anh bằng cách kéo sụp cái bửng dùng làm cửa mà ban sáng anh đã chống lên.

Họ ngồi quây quần bên cái bàn thấp nơi quán cóc của vợ anh. Châu Thanh Hoàng lấy cây đờn kìm rao một câu, Bửu Truyện cao hứng ca hai câu vọng cổ, rồi Điền Phong, Tào Thành cũng hát Hồ Quảng. Rượu vô, lời ca ra. Minh Điển nổi hứng, ca bài Văn Thiên Tường trong tuồng *Đôi mắt Người xưa*, anh ca thêm mấy câu vọng cổ của vai ông Bảy Dom, Minh Điển vừa ca vừa khóc. Mọi người cũng khóc theo, rồi lại cười rộ lên vì bạn hiền gặp nhau phải vui, chớ sao khóc?

Tiệc rượu có nụ cười, có nước mắt, có hò hét hô dô dô, có tiếng ca tiếng đờn loạn xạ. Chị Minh Điển cũng khi khóc khi cười, cười cái miệng méo xệch mà nước mắt còn ràn rụa trên má. Bữa đó họ té mương, lủi vô lùm vô bụi, Minh Điển say cứ nắm giữ bạn lại, không cho đi. Lối xóm kéo ra nhìn, họ cũng tham gia cuộc vui bằng cách reo hò hoan hô khi nghe ca, cười khi thấy bạn của Minh Điển té bò càng…

Vậy đó cuộc tiệc rượu thân mật của những tay "lương sơn bạc" ngày nay, nhậu rượu đế với ổi chấm muối ớt để gợi nhớ lại một thời vàng son của sân khấu cải lương.

Nghệ sĩ Minh Điển mất vào trưa ngày 27 tháng 12 năm 1996, nhằm ngày 18 tháng 11 âm lịch năm Bính Tý. Thọ 72 tuổi, an táng vào sáng 30 tháng 12 năm 1996 tức ngày 21 tháng 11 âm lịch tại quê nhà của anh, ở ấp 3, xã An Trường, Huyện Càn Long, tỉnh Trà Vinh.

Kim Chưởng

Kim Chưởng – Cao Kim Chưởng (1926-2014)

Nghệ sĩ Kim Chưởng tên thật là Cao Thị Chưởng, sinh năm 1926 tại Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Vì hoàn cảnh gia đình nghèo khó, năm lên 8, gánh hát Tân Đồng Ban đang diễn ở Ô Môn, người anh rể tên Son quen được với Tư Sum, làm nghề gác cửa gánh hát, đồng thời cũng là một tay anh chị, một võ sĩ có hạng được bầu gánh mướn gác cửa để ngăn ngừa đám du côn hay phá phách các đoàn hát khi về diễn tại địa phương, nên đã nhờ Tư Sum giới thiệu Kim Chưởng vào gánh hát này. Công việc đầu tiên của Kim Chưởng làm là buổi sáng nấu ăn, giặt đồ, buổi tối bán nước sâm cho khán giả ngồi xem hát. Nghệ sĩ được Kim Chưởng "thần tượng" nhất trong gánh hát này là cô đào Mỹ Giàu, và mơ ước sau này mình sẽ trở thành một cô đào hát duyên dáng giống như cô…

Rồi cũng có một ngày Kim Chưởng được bước lên sân khấu. Đêm ấy, cô Bê vũ công trong đoàn ngã bệnh bất ngờ, cho nên ông bầu đã chọn Kim Chưởng thay vế vai cho Bê. Được mấy cô chú trong đoàn kẻ đánh phấn tô son, người chải tóc, người mặc áo. Lần đầu tiên lên sân khấu lòng Kim Chưởng vui biết bao. Màn mở, Kim Chưởng bạo dạn bước ra sân khấu, múa may theo tiếng nhạc một cách uyển chuyển, nhịp nhàng như

một vũ công chuyên nghiệp, rất được khán giả và cô chú trong đoàn khen ngợi…

Một năm sau, Kim Chưởng lại được anh rể gửi cho gánh Tân Thiếu Niên. Theo đoàn này suốt mấy tháng trời, Kim Chưởng vẫn chưa được ông bầu Ba Đô cho đóng một vai nào. Dịp may đã đến, do cô đào chánh Ba Quyên xin phép về quê, nhưng không trở lại đoàn đúng như đã hẹn, bầu Ba Đô bèn tìm đến Kim Chưởng lúc ấy đang ngồi chẻ củi để nấu ăn, ông hỏi có thuộc tuồng và thuộc hết lời ca trong vai diễn của đào Quyên từ đầu đến cuối không? Kim Chưởng trả lời "có", và thế là từ buổi hát đêm mùng 1 Tết tối hôm đó, Là một người nghệ sĩ có năng khiếu và niềm đam mê sân khấu, năm 13 tuổi nghệ sĩ Kim Chưởng đã có vai diễn được chú ý, đã trở thành một nghệ sĩ cải lương cho đến ngày hôm nay...

Khi tên tuổi đã được nhiều người biết đến, cộng với nghề nghiệp cũng khá vững vàng, sau khi rời đoàn Tân Thiếu Niên, Kim Chưởng đã đi diễn cho các đoàn: Văn Hí Ban của bầu Chín Nghĩa, Tân Xuân của Cô Tư Hélène, Tân Tiến của cô giáo Lựu, rồi đoàn hát Bầu Bòn, Tương Lai của Bầu Sinh, Phụng Hảo và cuối cùng là Thanh Minh của Năm Nghĩa.

Năm 1955, Kim Chưởng rời đoàn Thanh Minh để cùng với ba nghệ sĩ Thanh Tao, Út Trà Ôn và Thúy Nga thành lập đoàn Kim Thanh- Út Trà Ôn. Đoàn gồm có "tứ vị giám đốc" hai nam hai nữ, đã diễn khai trương vào ngày 4-1-1955 tại rạp Aristo còn có tên là Trung Ương hí viện, ở đường Lê Lai, hết sức thành công, đêm nào cũng hết vé. Chỉ trong vòng 6 tháng đầu tiên, đoàn hát đã trả dứt số tiền nợ và lãi. Do đi hát từ năm 8 - 9 tuổi, đã biết nhiều về nghề; vả lại họ cũng đã từng được làm quen với khá nhiều các nghệ sĩ; do đó khả năng ca diễn của các nghệ sĩ như thế nào các chủ gánh đều nắm được hết cả, nên khi mời nghệ sĩ về cộng tác với đoàn Kim Thanh – Út Trà Ôn, nghệ sĩ nhận lời ngay mà không một chút chần chừ, do dự…

Đến cuối năm 1957, đoàn Kim Kim Thanh- Út Trà Ôn mãn hợp đồng cộng tác với nhau và giải thể gánh hát. Kim Chưởng cùng nghệ sĩ Thanh Hương thành lập gánh hát Kim Chưởng – Thanh Hương.

Năm 1960, nghệ sĩ Kim Chưởng tách ra thành lập gánh hát riêng là gánh hát Kim Chưởng. Gánh hát hội tụ nhiều nghệ sĩ có tiếng thời bấy giờ như: Út Bạch Lan, Thành Được, Diệp Lang, Dũng Thanh Lâm, Ánh Hồng, Phương Quang, Phượng Liên, Thanh Nguyệt...
Thời đó, gánh hát Kim Chưởng được xếp trong hàng ngũ những gánh hát nổi tiếng ngang hàng với các gánh hát Kim Chung, Thanh Minh, Út Trà Ôn, Hương Mùa Thu, Dạ Lý Hương.

Là nghệ sĩ, Kim Chưởng từng thủ vai đào chánh, trình diễn các vở tuồng: *Người anh khác mẹ, Chưa tắt lửa lòng, Lá đào rơi, Con gái nữ thần, Oan hồn trên tháp đá, Tiếng hát đền Bá Lạc, Trăng nửa đêm, Hai chiều ly biệt, Áo trắng nàng Mộng Trinh, Lá huyết thơ, Thần điêu đại hiệp, Song long thần chưởng, Nước mắt kẻ sang Tần, Kiếm mộng phù tang, Nhặt cánh mai vàng, Thuyền ra cửa biển,Nửa bản tình ca, Mùa trăng nhiều nước mắt, Tỉnh mộng, Trăng nước Lam Giang, Người đi chẳng hẹn về, Mặt trời đêm, Người đẹp Kinh Bắc, Bên đồi trăng cũ, Theo chân đao phủ thủ…*

Các soạn giả tên tuổi đã cộng tác với đoàn Kim Chưởng có: Thu An, Phong Anh, Mộc Linh, Hoài Linh, Hoài Sơn, Yên Trang, Trần Hà, Thanh Cao, Mai Quân, Quy Sắc…

Sau năm 1975, gánh hát Kim Chưởng vẫn tiếp tục trình diễn, cho đến khi nhà nước có quyết định quốc hữu hóa, Kim Chưởng đã xin nghỉ từ đó.

Nghệ sĩ Kim Chưởng kết hôn với con trai của ông bầu Bòn, chồng Kim Chưởng đã qua đời năm 2012. Hai ông bà có 5 người con, Kim Chưởng sống cùng với người con gái tại căn nhà 1079 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, Tp. HCM.

Nghệ sĩ Kim Chưởng qua đời vào lúc 8g25 sáng ngày 1 tháng 8 năm 2014, hưởng thọ 88 tuổi.

Văn Ngà

Văn Ngà - Hoàng Đình Ngà (1926-2010)

Nghệ sĩ Văn Ngà tên thật là Hoàng Đình Ngà, sinh năm 1926, tại Bắc Ninh, năm 10 tuổi theo cha mẹ vào Sài Gòn lập nghiệp, sống cạnh rạp hát Thuận Thành (khu Đa Kao). Được cha mẹ truyền cho niềm say mê cải lương, lại được sống cạnh rạp hát, thế là cậu bé Ngà cũng mê cải lương và quyết tâm theo nghề.

Từ năm 1939, ông 13 tuổi, nhờ chút võ nghệ cha dạy cho, ông đã lọt vào mắt xanh của ông Trần Quang Cầu, bầu gánh chuyên hát tuồng kiếm hiệp Tân Việt Ban.

Sau đó ông trải qua nhiều sân khấu: Tân Xuân, Tân Hí Ban, Mộng Vân, Nam Tinh, Khánh Hồng, Thanh Minh, Bạch Tuyết – Hùng Cường, Minh Vương, Thanh Nga… và đã được các soạn giả, nghệ sĩ cải lương Sàigòn nâng đỡ nhiệt tình.

Nghệ sĩ Văn Ngà đóng đủ vai tuồng với nhiều tính cách. Ông oai phong trong những vai kép võ. Với vóc dáng cao lớn, giọng ca khá hay, lại có sở trường đu bay luyện võ, ông rất được khán giả ái mộ.

Khi gặp ông Trần Văn Tám của đoàn Mộng Vân, Văn Ngà rẽ sang con đường "kép độc", để rồi mấy mươi năm sau, ông có vai diễn để đời trong vở *Tiếng trống Mê Linh*, vai Thái thú Tô Định - một nhân vật phản diện độc đáo, đầy cá tính.

Từ trái sang: Văn Ngà (vai Tô Định), Kim Ngọc, Ngọc Giàu, Hùng Minh (vai Mã Tắc)

Ông diễn chuẩn mực, hết sức trân trọng kịch bản, nghiên cứu từng chi tiết trong diễn xuất và đã khắc họa rất tinh tế, rất thuyết phục về cái hiểm độc của Tô Định. Ông không để Tô Định nói hát nhiều mà gây chú ý bằng thủ thuật như lách mặt sang bên, hướng người xem hồi hộp nhìn theo.

Ngay cả dáng đi như một con báo của ông trong vai Tô Định cũng rất hồn, rất nhẹ nhưng ẩn giấu sức mạnh bên trong, khiến

nghệ sĩ Thanh Nga thủ vai Trưng Trắc phải căng ra theo từng bước đi, từng cái liếc mắt của ông. Soạn giả Kiên Giang nhận xét: *"Anh Văn Ngà diễn vai Tô Định như bằng xương bằng thịt chứ không còn là nhân vật sân khấu nữa*"...

Trên Sân khấu Vàng của đôi nghệ sĩ tài danh Minh Vương, Lệ Thủy đã tổ chức tái diễn vở *Tiếng trống Mê Linh* tại rạp Hưng Đạo, đúng vào dịp mừng thọ 80 tuổi của nghệ sĩ Văn Ngà. Dù ở tuổi xưa nay hiếm, ông vẫn diễn đầy phong độ vai Thái thú Tô Định.

Văn Ngà, bên phải đang diễn vai Thái Thú Tô Định hiểm độc

Những năm tháng cuối đời, nghệ sĩ Văn Ngà sống an nhàn tại Khu Dưỡng lão Nghệ sĩ Tp. HCM. Ông sống giản dị, chân thành và không làm phiền mọi người. Với nguyên tắc sống nghiêm túc, ông luôn tưởng nhớ về người vợ quá cố và vẫn giữ nguyên vẹn những kỷ niệm của bà trong căn phòng ở nhà mà con gái ông đang sinh sống.

Khi ông bệnh nặng và có ý nguyện trở về ngôi nhà xưa. Ông trút hơi thở cuối cùng trong niềm tiếc thương của giới nghệ sĩ

và người hâm mộ, vào lúc 16 giờ ngày 22-1-2010 tại nhà riêng, thọ 84 tuổi.

Nghệ sĩ Văn Ngà mất đi nhưng mãi mãi những vai diễn của ông, nhất là hình ảnh nhân vật Tô Định, không bao giờ phai mờ trong tâm trí người xem.

(Xem *Bên cầu dệt lụa* trang 154)

Kim Lan

Kim Lan - Huỳnh Thị Kim Lan (1926-2000)

Nữ nghệ sĩ Kim Lan tên thật là Huỳnh Thị Kim Lan, sanh năm 1926, con của nghệ sĩ cải lương tiền phong Bảy Nhiêu - Huỳnh Năng Nhiêu. Kim Lan là em của nữ nghệ sĩ Kim Cúc.

Nghệ sĩ Bảy Nhiêu họp cùng với nghệ sĩ Tám Danh và cô Sáu Ngọc Sương, chung vốn lập gánh hát Tiếng Chung, hai cô Kim Cúc, lúc đó được 13 tuổi và Kim Lan được 11 tuổi, được cha cho theo để học hát. Hai cô học ca cổ nhạc, học múa và được cho lên sân khấu đóng các vai vũ nữ, đào con.

Năm 16 tuổi Kim Cúc đóng xuất sắc vai Quan Bình trong tuồng *Quan Công Đắp Đập Bắt Bàng Đức* trên sân khấu Đại Phước Cương và vai Nhà nữ quý tộc xứ Ba Tư trong tuồng *Thuyền ra cửa biển*. Nữ nghệ sĩ Kim Cúc gá nghĩa với nghệ sĩ

Năm Châu, được chồng dạy cho thủ diễn nhiều vai đào chánh trên các sân khấu Con Tằm, Phi Phụng và Việt Kịch Năm Châu. Nữ nghệ sĩ Kim Lan cũng được dạy diễn những vai đào chánh đó để diễn thế vai cô Kim Cúc khi cần thiết. Nữ nghệ sĩ Kim Lan đã nổi danh trên sân khấu Việt Kịch Năm Châu qua các vai chánh như:

- Túy Hoa Vương Nữ trong tuồng Dân *Chúng Trước Pháp Trường,* của soạn giả Nguyễn Thành Châu;

- Hoàng Hậu trong tuồng *Tình Ghen Vương Giả*, của soạn giả Vạn Lý;

- Chú tiểu Lan tuồng *Ái Tình và Tôn Giáo,* sau được đổi thành tuồng *Hoa Rơi Cửa Phật* của soạn giả Trần Hữu Trang;

- Tây Thi trong vở kịch *Tây Thi Gái Nước Việt*, của tác giả Hoàng Mai Lưu, nghệ sĩ Năm Châu phóng tác cải lương;

- A Phượng Ly trong vở *Hàm Lệ Thái Tử Nước Đan Mạch*, của soạn giả Nguyễn Thành Châu phóng tác theo kịch Hamlet của đại văn hào Shakespeare.

Năm 1952, tập tuồng *Tây Thi Gái Nước Việt*, đạo diễn Nguyễn Thành Châu rước võ sư Tàu trong Chợ Lớn đến trại Phước Chung dạy cho hai cô Kim Cúc và Kim Lan múa song kiếm để biểu diễn trên Cô Tô Đài cho Ngô Phù Sai thưởng thức. Hai nữ nghệ sĩ Kim Cúc, Kim Lan mỗi ngày phải thức từ 7 giờ sáng, chuẩn bị để đúng 8 giờ hai cô học võ do ông thầy võ Tàu dạy, đúng 9 giờ tập tuồng do đạo diễn Nguyễn Thành Châu chỉ dạy và 3 giờ chiều hai cô và các vũ nữ học múa lụa đến 4 giờ mới nghĩ. Tuồng *Tây Thi Gái Nước Việt* tập ròng rã như vậy trong một tháng mới được hát phúc khảo, xong ông đạo diễn Nguyễn Thành Châu bắt tập thêm nửa tháng, sửa chữa cho hoàn bị mới hát khai trương tại rạp Nguyễn Văn Hảo. Tuồng *Tây Thi Gái*

Nước Việt hát luôn 21 suất trong ba tuần lễ, suất hát nào cũng có khán giả nghẹt rạp.

Ngày khai trương vở *Tây Thi Gái Nước Việt* cô Kim Lan thủ vai Tây Thi đã ca, diễn hay xuất thần, được khán giả vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Ông Trần Tấn Quốc, chủ nhiệm nhật báo Tiếng Dội, viết bài phê bình khen ngợi, ông mở cuộc trưng cầu ý kiến của khán giả và độc giả về ngôi vị các diễn viên xuất sắc nhất, ca diễn hay nhất của sân khấu cải lương trong thời kỳ đó. Cô Kim Lan được độc giả và khán giả bỏ phiếu bầu là Hoa Hậu Cải Lương, báo chí kịch trường đều tặng danh hiệu cho nữ nghệ sĩ Kim Lan là "Khôi Nguyên Sân Khấu Miền Nam".

Năm 1954, khi tập vai A Phượng Ly tuồng *Hàm Lệ Thái Tử Nước Đan Mạch* của soạn giả Năm Châu, phóng tác kịch Hamlet của Shakespeare, cô Kim Lan mỗi ngày phải thức dậy từ 8 giờ sáng để nhờ nhạc sĩ Tường đàn dương cầm hướng dẫn cho cô Kim Lan luyện giọng ca theo bản nhạc đặc biệt mà anh Năm Châu sáng tác cho vai A Phượng Ly. Ngoài ra, cô Kim Lan và nghệ sĩ Tám Vân phải tập diễn một lớp kịch câm tỏ tình theo nhạc đệm La tristesse de Chopin. Năm Châu trực tiếp chỉ dạy từng nét diễn xuất. Cô Kim Lan và Tám Vân tập kịch câm cả tiếng đồng hồ trước buổi tập tuồng chung của đoàn hát.

Kể từ năm 1960, cô Kim Lan không còn diễn ở sân khấu cải lương. Cô theo anh Năm Châu, chị Kim Cúc, ông Ba Vân và ông Bảy Nhiêu thực hiện bộ phim Quán Âm Thị Kính. Phim không ăn khách, Kim Cúc, Kim Lan và anh Hồng Phúc lập nhóm Mỹ Phương, chuyên chuyển âm phim cho hãng phim Mỹ Vân.

Từ sau năm 1975, cô Kim Lan gia nhập đoàn hát tập thể Saigon 3, sau đó cô chuyển qua cộng tác với đoàn kịch Kim Cương. Cô chỉ được cho đóng vai phụ, sau đó được giao nhiệm vụ gác cửa sau và giữ bàn thờ tổ.

Khoảng từ năm 1982, cô về bán thuốc lá lẻ bên lề đường, trước rạp hát Kinh Thành-Tân Định, đêm đêm nhìn ánh đèn màu trước bảng quảng cáo của rạp hát mà buồn nhớ kỷ niệm một thời huy hoàng trên sân khấu cải lương.

Có một sự đau xót đến nhói tim, nếu như ai đó đã từng nghe danh tiếng của nữ nghệ sĩ Kim Lan, ngưỡng mộ tài hoa của cô mà biết được cuối đời cô đã sống trong nghèo khó, chẳng được sự giúp đỡ của Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ hay của các bạn nghệ sĩ đồng thời với cô.

Nhiều năm trước, hai mắt của cô Kim Lan bị cườm, không tiền mổ mắt, phải chịu mù luôn hai mắt. Tháng 9 năm 1998, dù bị tai biến mạch máu não, liệt tay chân nằm một chỗ, cô Kim Lan vẫn còn minh mẫn, lắng nghe và phân biệt được mọi động tĩnh chung quanh. Thế giới đối với cô chỉ còn có âm thanh, sự im ắng để hồi tưởng những kỷ niệm thời sân khấu huy hoàng.

Nghệ sĩ Kim Lan mất ngày 16 tháng 3 năm 2000. Thọ 74 tuổi. Được quàn tại nhà của con, số A 21 - 23, cư xá An Lộc, hỏa thiêu tại Bình Hòa ngày 19 tháng 3 năm 2000. Có một số đông nghệ sĩ và soạn giả đến tiễn cô Kim Lan về cõi vĩnh hằng.

Văn Chung

Văn Chung - Quách Văn Chung (1927-2018)

Văn Chung, tên thật là Quách Văn Chung, sanh ngày 21 tháng 9 năm 1927 tại Sàigòn.

Năm 1948, Văn Chung học cổ nhạc với Bảy Quới và được giới thiệu tham gia vào Ban Việt Nam Cổ Nhạc Đoàn của Đài Phát Thanh Pháp Á. Tại đây, ông hát chung với Thanh Hương và được khán giả chú ý.

Năm 1952, Văn Chung kết hôn cùng "đệ nhất đào thương" Thanh Hương, và sau đó vào Đoàn Việt kịch Năm Châu của Nguyễn Thành Châu, cũng tức là cha vợ ông.

Năm 1955, Văn Chung cùng vợ gia nhập đoàn Thanh Minh, đây là thời gian ông được báo giới đánh giá cao.

Năm 1957, ông và Thanh Hương vào đoàn Kim Chưởng, nổi danh với vở *Nhặt cánh hoa rơi* của soạn giả Thu An.

Từ năm 1960, ông cùng vợ là nghệ sĩ Thanh Hương tách riêng ra và lập gánh hát Thanh Hương - Văn Chung, đến năm 1961 thì ông li dị vợ. Con gái chung của Văn Chung và Thanh Hương được nữ nghệ sĩ tiền phong Kim Chưởng trực tiếp truyền nghề hát và đặt nghệ danh mới là Hương Chung Thủy. Hương là tên mẹ, Chung, tên Cha và Thủy là tên khai sinh của cô. Hương Chung Thủy là đào hát trên các sân khấu miền Hậu Giang và Sài Gòn.

Sau đó, Văn Chung gia nhập đoàn Dạ Lý Hương. Tại đây, ông được biết nhiều hơn với vai trò diễn hề ở giữa thập niên 1960, bắt đầu với vở *Tiền rừng bạc biển* của Nguyễn Phương.

Trước năm 1975, nghệ sĩ Văn Chung là một trong những danh hài nổi tiếng nhất Sài Gòn, cùng thời với Thanh Việt, Khả Năng, Phi Thoàn, Tùng Lâm, Thanh Hoài, Xuân Phát, La Thoại Tân.

Cuối thập niên 1960, Văn Chung kết hôn lần thứ hai với con gái của một doanh nhân. Năm 1992, cả gia đình định cư tại Westminster, California, Hoa Kỳ.

Ở hải ngoại Văn Chung tiếp tục nghiệp cầm ca, từ năm 2015 Văn Chung cùng Ngọc Đáng, Tuấn Châu thành lập Cổ nhạc Phương Nam, hằng tuần trình diễn trên đài SBTN hoặc ca cổ nhạc hoặc trích đoạn cải lương.

Văn Chung từng tham gia diễn xuất trong các vở cải lương *Tuyệt tình ca*, *Tìm lại cuộc đời*, *Khách sạn Hào Hoa*, *Tiền rừng bạc biển*, *Gái bán bar*, *Thảm kịch tuổi xanh* và các phim điện ảnh *Lệnh bà xã*, *Triệu phú bất đắc dĩ*, *Chàng ngốc gặp hên*, *Con ma nhà họ Hứa*.

Từ kép mùi cho đến kép hài, Văn Chung được đánh giá là một nghệ sĩ tài năng, đặc biệt ông có "tiếng cười dê rất đều", đã để lại trong lòng người mộ điệu cải lương, khó quên tên tuổi nghệ sĩ Văn Chung.

Nghệ sĩ Văn Chung đã trút hơi thở cuối cùng lúc 23 giờ ngày 22 tháng 1 năm 2018, tại Bệnh viện UCI Orange, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 91 tuổi.

(Xem *Hai chiều ly biệt* trang 130)

Hề Minh

Hề Minh - Nguyễn Văn Minh (1929-1985)

Hề Minh tên thật là Nguyễn Văn Minh, sanh năm 1929.

Vào năm 1955, sau khi bị liệng lựu đạn tại rạp Nguyễn Văn Hảo, đoàn cải lương Kim Thoa dọn về rạp Kinh Thành Tân định để chỉnh đốn lại gánh hát, ông bầu Nguyễn Huỳnh Phước thu nhận một nghệ sĩ trẻ tên là Nguyễn Văn Minh. Ông Nguyễn Huỳnh Phước khuyến khích Nguyễn Văn Minh nên làm Hề và đặt nghệ danh là Hề Minh.

Hề Minh nhỏ con, ốm nhom, mặt nhọn, mõ nhọn, ca rất chắc nhịp nhưng giọng không trong mà lại có vẽ nhừa nhựa theo kiểu hát diễu của hề Thanh Hoài bên tân nhạc.

Hề Minh ca vọng cổ ngoài màn trong khi chờ cho bên trong dọn cảnh, hề Minh ca bản *Tào Tháo kể ơn* để có dịp trổ tài ca nhanh, ca cà lăm và ca nhiều chữ, đó là kỹ thuật ca diễu mà các nghệ sĩ đàn anh như Tư Xe, Hề Lập, Hồng Châu thường sử dụng.

Đêm hát đầu tiên trên sân khấu của hề Minh là bài ca *Tào Tháo Kể ơn*, cả gánh hát lo âu theo dõi. Hề Minh ca cái miệng tía lia, nhưng rồi cà lăm, cà mà cà mập nói không ra lời. Khán giả và người trong đoàn hát tưởng hề ta khớp, sợ quá nên quên bài ca, tưởng sẽ ca rớt nhịp vì còn vài chữ chót mà hề Minh cứ ca lấp ba lấp bấp, mọi người nín hơi lo, thì đúng lúc song lang gỏ, hề Minh nhào vô đúng ngay chóc cái nhịp song lang.

Bà Bầu Kim Thoa thở phào nhẹ nhỏm, hề Minh vuốt ngực như vừa mới hết ngợp hơi, cái mỏ chu chu, cái đầu gật gật như vừa mới lập được một kỳ công, Khán giả vổ tay khen anh hề ca hay quá…

Hề Minh theo gánh Kim Thoa chưa tới sáu tháng thì gánh hát rã, vì bị trái lưu đạn ở rạp Nguyễn Văn Hảo, gánh hát Kim Thoa đi đến địa phương nào, khán giả cũng không dám đến xem hát vì họ sợ cũng bị liệng lựu đạn như đã xảy ra ở Saigon.

Hề Minh gia nhập gánh hát Hương Mùa Thu của Thu An. Hề Minh nhanh chóng được khán giả ưa thích, tên Hề Minh sáng chói không thua gì tên hề Kim Quang trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga. Hề Minh cũng được mời thu dĩa vọng cổ hài, tuy nhiên cái số của hề Minh không đỏ bằng hề Văn Hường.

Văn Hường hát cho đoàn hát Hoa Sen, rồi ký hợp đồng hát cho gánh hát Kim Chung, nên hề Văn Hường thường xuyên hát ở Saigon, nhờ vậy mà Văn Hường được nhiều soạn giả viết vọng cổ hài và tuồng diễu để cho Văn Hường thu thanh. Nhiều hãng dĩa cũng mời Văn Hường thu thanh vì anh không chịu ký thu thanh độc quyền cho bất cứ hãng dĩa nào.

Các soạn giả viết vọng cổ hài, tuồng một dĩa 33 tours cho Văn Hường ca có Yên Sơn, Nguyễn Phương, Văn Giai, Viễn Châu, Hoàng Việt, Loan Thảo và các hãng dĩa thu thanh giọng ca Văn Hường có hãng Hồng Hoa, Quê Hương, Capitol, Sơn Ca và Việt Nam.

Trong khi đó thì Hề Minh chỉ được một soạn giả duy nhứt là Thu An viết cho anh ca vì đoàn Hương Mùa Thu thường đi lưu diễn ở miền Trung, mỗi năm ít nhứt là sáu tháng và ở các tỉnh miền Tây, vài tháng, vì vậy khi nào gánh hát Hương Mùa Thu trở về Saigon thì Hề Minh mới có cơ hội để đi thu dĩa. Khi nào hề Minh ca cho hãng Hồng Hoa thu thanh thì soạn giả Viễn Châu viết vọng cổ hài cho hề Minh ca.

Sau năm 1975, Hề Minh hát cho đoàn cải lương Saigon 1, thành công trong vai thầy Pháp tuồng *Ngao So Óc Hến* của soạn giả Nguyễn Thành Châu. Anh cũng thủ vai thầy Pháp trong tuồng *Đoạn Tuyệt*, khi trị bịnh cho con của Loan, anh đọc thần chú theo kiểu trừ tà rồi vô vọng cổ ca cà lăm khiến cho khán giả cười vở rạp. Khó có một nghệ sĩ nào thủ vai thầy Pháp hay hơn anh.

Ngày 26 tháng 9 năm 1985, khi đoàn cải lương Saigòn 1 tổ chức cúng giỗ Tổ cải lương tại trụ sở ở đường Trần Quốc Toản, gần chợ Cá Trần Quốc Toản, anh uống thật nhiều rượu, ca vui chơi với các bạn, lúc say mèm, anh phóng honda ra về, tới ngả tư Trần Quốc Toản - Nguyễn Tri Phương, anh bị một chiếc xe chở cá từ ngoài chạy vô chợ, đụng té, bể đầu, chết liền tại chổ. Thọ 56 tuổi. Được an táng tại Nghĩa trang nghệ sĩ.

Kim Quang

Kim Quang - Nguyễn Văn Quang (1929-1989)

Hề Kim Quang tên thật là Nguyễn Văn Quang, sanh năm 1929 tại Núi Sam Châu Đốc. Kim Quang và cả gia đình đều tu trong chùa Tây An ở núi Sam Châu Đốc.

Năm Kim Quang được 17 tuổi nhân xem hát cải lương tuồng *Lý Chơn Tâm cởi củi* của đoàn Hề Lập hát tại rạp Châu Đốc, Kim Quang thích vai hề Lý Chơn Tâm nên anh bỏ chùa trốn theo gánh hát của Hề Lập. Hề Lập thu nhận Kim Quang và đích thân dạy cho Kim Quang hát các vai hề.

Kim Quang có khiếu diễn hài nên tiếp thu mau lẹ những kinh nghiệm diễn diễu của Hề Lập. Sau mấy tháng học hát học ca, Kim Quang được Hề Lập cho lên sân khấu hát, có vai diễn trong các tuồng *Lý Chơn Tâm Cởi Củi, Tráng Sĩ Kinh Kha, Long Hình Quái Khách*. Hề Lập đã truyền nghề cho Kim Quang qua cách diễn, cách nói : Cũng một câu nhưng nói như thế nào người ta không cười mà nói như thế nào thì người ta lại cười.

Đó là tiết tấu khi nói, hoặc ngắt câu nói để tạo sự chờ đợi của khán giả, khi dứt câu thì câu nói đó khác với dự đoán của khán giả nên khiến khán giả phải cười. Ngoài cách nói còn phải chú trọng đến giọng điệu, đến âm lượng, đến cách nói và điệu bộ phù hợp để tạo cười.

Năm 1955, hề Kim Quang gia nhập gánh hát Thanh Minh của bầu Nghĩa. Anh cộng tác với đoàn Thanh Minh, rồi Thanh Minh Thanh Nga cho đến năm 1967.

Trong thời gian nầy Kim Quang đã hát vai hề trong các tuồng *Biên Thùy Nổi Sóng, Lửa Hờn, Con Trai Người ăn mày, Đôi Mắt Người Xưa, Ngả Rẽ Tâm Tình, Bọt Biển 1, Bọt Biển 2, Bọt BIển 3, Tình Xuân Muôn Tuổi, Chuyện Tình 17, Người Tình của Biển* của soạn giả Nguyễn Phương, tuồng *Tình Tráng Sĩ* của Mộc Linh, tuồng *Đồ Bàn Di Hận* của Lê Khanh, tuồng *Vàng Sáu Bạc Mười* của Hoàng Khâm, tuồng *Nữa Đời Hương Phấn, Tấm Lòng Của Biển, Mưa Rừng* của Hà Triều Hoa Phượng, tuồng *Hoa Mộc Lan, Mạnh Lệ Quân* của Viễn Châu và Nguyễn Ang Ca…

Kim Quang là diễn viên hài không sử dụng nhiều động tác khoa trương hình thể, gây cười bằng sự dị dạng méo mó mặt mày. Nhờ cái duyên sân khấu bẩm sinh, Kim Quang biết khai thác những tình huống hài trong tuồng mà soạn giả đã tạo cho anh đất diễn diễu, Kim Quang đã tự khẳng định vai trò quan

trọng của một diễn viên hề bên cạnh cặp đào kép mùi và kép độc trong một vở tuồng.

Những diễn viên hài từng hát trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga có Hề Núi, Hề Châu Hí, Hề Giáp, Hề Bảy Xê, Hề Tư Rọm, hề Ba Vân, hề Thanh Việt nhưng chỉ có Hề Kim Quang là người cộng tác lâu nhứt trong 12 năm liên tục và tuồng nào của đoàn hát Thanh Minh và Thanh Minh Thanh Nga cũng có mặt hề Kim Quang.

Năm 1967, Kim Quang về hát cho đoàn Dạ Lý Hương, nổi danh trong các tuồng *Tuyệt Tình Ca, Kẻ Sợ Tình, Người Dừng Chân Đêm Mưa, Tiền Rừng Bạc Biển, Lệnh Của Bà….*

Sau năm 1975, Kim Quang hát cho đoàn cải lương Trung Hiếu Long An và Đoàn cải lương Saigon 3, anh vẫn được khán giả ưa thích qua vai hề trong các tuồng *Mái Tóc Người Vợ Trẻ, Quán Hương Tràm, Phụng và Hoàng…*

Kim Quang kết hôn với cô Nguyễn Thị Phương, nhơn viên của đoàn Thanh Minh Thanh Nga trong năm 1967, có được ba con : con gái lớn sanh năm 1970 tên là Nguyễn Thị Chi tức nữ nghệ sĩ Kim Chi, cô gái thứ hai sanh năm 1971 tên Nguyễn Thị Tuyết Mai làm nghề uốn tóc và con trai út sanh năm 1972 tên Nguyễn Chí Dũng, nghệ sĩ đánh trống, Chí Dũng từng cộng tác với các đoàn hát Trần Hữu Trang, đoàn Kim Thanh, đoàn Cao Văn Lầu và đoàn hát Vàm Cỏ.

Tháng 6 năm 1987, Kim Quang bị bịnh phổi phải nằm nhà thương Nguyễn Trãi. Vài tháng sau anh ra khỏi bệnh viện nhưng sức khoẻ suy kém, không theo sân khấu hát được nữa. Nữ nghệ sĩ Kim Chi về thăm cha, thấy Kim Quang bịnh nặng, cô không muốn theo các gánh hát đi hát xa nhà nữa nhưng Kim Quang trấn an là anh vẫn khoẻ, anh khuyên Kim Chi đừng bỏ nghề, ráng bám theo nghiệp Tổ.

Kim Chi trở về gánh hát Hương Bưởi nhưng đến những tháng cuối năm 1989, Kim Quang trở bịnh nặng, nữ nghệ sĩ Kim Chi rời đoàn hát về ở nhà lo thuốc thang phụng dưởng cha. Trước khi mất, Kim Quang trối lại với đứa con gái duy nhất đã theo nghề hát của anh là phải ráng theo nghiệp Tổ, đừng bỏ nghề hát.

Kim Quang mất cuối năm 1989, an táng tại nghĩa trang nghệ sĩ Gò Vấp. Thọ 60 tuổi.

Trường Xuân

Trường Xuân - Hồ Trường Xuân (1929-1998)

Nghệ sĩ Trường Xuân tên thật là Hồ Trường Xuân, sanh ngày 1 tháng 2 năm 1929 tại quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ, thân phụ là Hồ Trường Sanh, thân mẫu là Lê Thị Tuyết, giáo viên tiểu học ở Trà Ôn.

Năm 1943, sau khi thi đậu bằng C.E.P.C.I, bằng cấp Tiểu Học thời Pháp thuộc, do Trường Xuân rất mê hát cải lương, nên nhân đoàn hát Tiến Hóa về hát ở quận Trà Ôn, Trường Xuân

bỏ nhà, trốn theo gánh hát. Vì cùng quê quán nên nghệ sĩ Út Trà Ôn giới thiệu Trường Xuân với ông bầu gánh hát Tiến Hóa là soạn giả Trúc Viên, tên thật là Trương Gia Kỳ Sanh.

Ông Trúc Viên nguyên là giáo học trường Tiểu Học tỉnh Mỹ Tho, có vợ là đào hát Năm Nam nên ông rời ngành giáo chức, bỏ tiền ra lập gánh hát. Ông rất có cảm tình với các bạn trẻ có học mà muốn theo nghiệp cầm ca nên ông thu nhận Trường Xuân và giao cho Trường Xuân nhiệm vụ nhắc tuồng và chép tuồng, ra vai tuồng hát cho đào kép.

Trường Xuân ở gánh hát Tiến Hóa tuy chưa có dịp bước ra sân khấu hát nhưng đêm nào anh cũng đứng bên cánh gà theo dõi các bạn diễn, anh cầm bổn nhắc tuồng nên anh thuộc nhiều tuồng và biết ca các bài bản cổ nhạc.

Năm 1944, Trường Xuân rời đoàn Tiến Hóa, gia nhập đoàn hát Chấn Hưng, hát chung sân khấu với các nghệ sĩ Bảy Cao, Năm Nghĩa, Thanh Tao, Ánh Nguyệt, Văn Danh, Trường Xuân được hát vai kép con, vai quân có những câu ca hay báo, khác với các vai quân chỉ ra sân khấu để đánh võ, múa vũ hay chạy hiệu. Chỉ vài tháng sau, Trường Xuân có thể đóng các vai dành cho kép ba, kép độc.

Rời gánh Chấn Hưng, Trường Xuân gia nhập gánh hát Tân Hí Ban của ông bầu Hai Núi, hát chung với kép Văn Long, đào Tư Hélène, ông bà ngoại của các nghệ sĩ Thanh Hằng, Thanh Ngân, Hề Tỵ, Ba Tẹt, Kim Ngân. Năm 1945, Trường Xuân gia nhập đoàn hát Tân Xuân với kép Văn Long và đào Tư Hélèng, hề Quốc Trượng.

Lần nầy Trường Xuân có được vai diễn quan trọng đầu tiên là vai Lý Du Hòa trong tuồng *Chiếc Lá Vàng* của soạn giả Mộng Vân. Năm 1947, Trường Xuân đi hát cho gánh hát Hậu Tấn – Năm Nghĩa.

Năm 1949, Trường Xuân về hát cho đoàn hát Tiếng Chuông của ông Bầu Cang với vai trò kép độc, anh là một trong năm diễn viên quan trọng nhứt của đoàn hát, đó là kép mùi Thanh Cao, kép ca Tuấn Sĩ, đào chánh Ngọc An, kép độc Trường Xuân và Hề Lòng.

Soạn giả Nguyễn Phương đã từng đặt vấn đề với nghệ sĩ Trường Xuân: *"Trường Xuân ca rất chắc nhịp, biết nhiều bài bản, tại sao anh không ráng gò câu vọng cổ để thủ diễn vai kép mùi, kép ca mà anh lại chọn nghề kép độc?"*

Trường Xuân giải đáp : *" Tôi bị thất cái tướng, lùn sịt, đóng các vai thầy rùa, quân sư, kép độc thì có chổ diễn. Với lại giọng của tôi khàn khàn, hơi hám như con vịt đực, ca vọng cổ mùi sao được? Nhưng mà đã chọn cái nghề đi hát thì tôi phải tự rèn luyện, kiếm cho mình một chổ đứng vững chắc, có thể kiếm sống được mà cũng có thể vinh danh nghệ sĩ, có những vai hát để đời."*

Với một tinh thần cầu tiến, yêu nghề, lẽ ra Trường Xuân phải sớm thành đạt thật là rực rở, nhưng anh phải mất đi hơn sáu năm lận đận, cực kỳ nguy hiểm cho sinh mạng và nghề nghiệp của anh. Lúc đó anh nghe theo lời rũ rê của bạn, nói rằng hút thuốc phiện có nhiều sáng kiến, hơi rông, ca hay, anh bèn hút thử. Thử nhiều lần rồi thành ghiền.

Trong thời kỳ đó hút thuốc phiện rất dễ dàng, ở tỉnh nào cũng có tiệm công khai bán thuốc phiện. Theo Trường Xuân cho biết thì tiền hút thuốc phiện của anh chỉ chiếm một phần ba lương của anh nên về mặt tài chánh, anh không thấy có vấn đề. Nhưng đó là trường hợp gánh hát hát đông khán giả, khi hát ế khách vài ba bến, bầu gánh phát lương phân nữa hay chỉ phát tiền cà phê thì chừng đó anh mới bị vật vã vì cơn ghiền.

Trong tứ đổ tường, cờ bạc, rượu chè, sa đọa tình dục và ghiền thuốc phiện thì ghiền thuốc phiện khó bỏ nhứt, gây tệ hại nhứt

cho bản thân và gia đình. Khi đoàn hát Tiếng Chuông về hát ở rạp Nguyễn Văn Hảo, Trường Xuân hút tại nhà riêng, bị Công an bắt và bị đưa ra Tòa xét xử.

Về đoàn hát, Trường Xuân cảm thấy nhục và buồn nên bỏ hút được. Cũng từ đây nghệ thuật diễn xuất của anh tăng tiến không ngừng.

Năm 1959, Trường Xuân về hát đoàn Kim Chưởng, nổi tiếng qua nhiều kịch bản: vai hoàng đế Hạ Mông, tuồng *Oan Hồn Trên Tháp Đá*, vai Diệp Chấn Phong trong vở *Thuyền Ra Cửa Biển*, vai vua Mông Kha tuồng *Hai Chiều Ly Biệt*...

Theo nghề hát từ 1943 đến năm 1960, qua 17 năm ròng rã rèn luyện tay nghề trên nhiều sân khấu, học ca vọng cổ theo lối hơ hơ đổ hột dứt câu của danh ca Năm Nghĩa, học lối diễn lẳng của Bảy Cao, diễn diễu của Hè Tỵ và học hỏi qua nhiều bạn diễn khác, kể cả các diễn viên màn bạc ngoại quốc, nghệ sĩ Trường Xuân mới thật sự nổi tiếng là một kép độc với sự nghiên cứu cách thể hiện chính xác tính cách từng nhân vật trong tuồng.

Trường Xuân đã diễn qua các loại vai độc lẳng có cợt đùa gây cười cho khán giả, có vai độc tàn bạo, ồ ạt, có vai độc hiểm sâu, có vai độc dâm đảng nhưng anh nói khó nhứt là diễn những vai độc nào mà nhân vật có vẻ bình thường, nói cười hời hợt nhưng từng ánh mắt lộ tính toán mưu mô, khi xuống tay hạ sát đối thủ thì xuống tay quyết liệt không hề nương tay thương tiếc. Cái khó ở đây là làm cho khán giả chấp nhận cái lối diễn ấy, nó không gây khó hiểu, bất ngờ nhưng có lý có tình đúng với tính chất hiểm ác mà soạn giả đã sáng tạo.

Sau năm 1975, nghệ sĩ Trường Xuân thành công trong vai Khâm Sai Tích Trung trong tuồng *Bình Tây Đại Nguyên Soái*, vai Đổng Trác tuồng *Phụng Nghi Đình*, và các vai kép độc

trong các tuồng *Cho Trọn Cuộc Tình, Đời Cô Lựu, Ngao Sò Ốc Hến…*

Riêng trong tuồng *Ngao Sò Ốc Hến*, Trường Xuân thủ vai thầy bói Ngao khiến cho khán giả cười vỡ rạp. Một vai diễn để đời, không người thay thế nổi. Trường Xuân đã bỏ công cả tuần lễ để quan sát một ông thầy bói mù ở bên tường rào Lăng Ông Bà Chiểu. Về rạp hát, anh giả mù, rờ mu rùa, mò chỉ tay, nói và nhướng nhướng đôi mắt với cặp tròng trắng của người mù rồi nhờ các bạn nhận xét coi anh bắt chước ông thầy bói mù đúng không?

Chiều thứ bảy, anh gắn râu giả, mượn y trang của gánh hát, giả làm ông thầy bói mù, xuống cầu Ông Lãnh trải chiếu bên vệ đường, lắc chuông quảng cáo coi bói. Có người đến coi bói, cảnh sát lại đuổi, anh gây với cảnh sát, bị bắt về bót. Cả người xem bói và cảnh sát không phát hiện ra là anh giả mù.

Trưởng đoàn Saigon 1 hay, ông xuống bót bảo lãnh cho Trường Xuân, chừng đó Trường Xuân mới mở mắt ra, cho biết là anh đang tập tuồng. nhắc lại giai thoại nầy để thấy là Trường Xuân yêu nghề hát, tự rèn luyện không ngừng. Sự thành công trong các vai diễn là kết quả của nhiều năm tháng rèn nghề và học nghề, một gương đáng noi theo cho các diễn viên sân khấu trẻ.

Sau năm 1975 nhiều năm, Trường Xuân vẫn bám theo nghề hát cải lương, với đồng lương thời bao cấp, không đủ sống, Trường Xuân bán dần đồ đạt, nhà cửa để sống với bà vợ chung thủy của anh. Cuối cùng Trường Xuân được đoàn hát Saigon 1 cho ở một căn phòng nhỏ trong trụ sở của đoàn ở đường Trần Hoàng Quân, gần chợ cá Trần Quốc Toản, Saigon.

Nghệ sĩ Trường Xuân mất ngày 14 tháng 12 năm 1998, thọ được 69 tuổi, an táng tại nghĩa trang nghệ sĩ ở Gò Vấp. Trường Xuân thủ vai thầy bói Ngao, một vai diễn để đời, không người

thay thế nổi, làm cho người ta khó quên một nghệ sĩ Trường Xuân.

(Xem *Hai chiều ly biệt* trang 130)

Bích Thuận

Bích Thuận - Vũ Bích Thận (1930-20..)

Nữ nghệ sĩ Bích Thuận, tên thật là Vũ Bích Thuận, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1930 tại làng Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Bà là con thứ ba trong số năm người con gồm hai trai và ba gái của ông Vũ Văn Xuyên và bà Nguyễn Thị Hai. Bà mồ côi cha lúc 7 tuổi.

Lúc lên 10 tuổi, cô Bích Thuận và em gái là Tường Vi gia nhập gánh hát Đồng Âu Nhật Tân Ban của ông Bầu Tài ở Hà Nội. Sau đó, Bích Thuận gia nhập đoàn hát Tố Như và nổi danh là nghệ sĩ danh ca thinh sắc lưỡng toàn, đồng thời với các ngôi sao sân khấu miền Bắc như Bích Hợp, Kim Chung, Khánh Hợi, Túy Định...

Năm 1948, khi đoàn hát Tố Như vào Nam lưu diễn, cô Bích Thuận ở lại miền Nam và lập gánh hát Bích Thuận. Hai năm sau cô giải tán đoàn hát Bích Thuận để đầu quân vô gánh hát

Phụng Hảo của cô Phùng Há, và sau đó đi hát cho gánh hát Nam Phi của cô Năm Phỉ .

Năm 1954, Bích Thuận kết hôn cùng cậu Emile Charles Hiếu, một tư chức ngành ngân hàng , bào đệ của cố Bộ Trưởng Công Dân Vụ thời Đệ Nhất Cộng Hòa, Ngô trọng Hiếu. Sau đó, gia nhập gánh hát Phụng Hảo 3, hát chung sân khấu với các nữ diễn viên tài danh người miền Nam như Phùng Há, Kim Thoa, Thanh Tùng, Ngọc Hải. Cô Bích Thuận và cô Phùng Há cùng hát chia vai Lữ Bố trong tuồng Phụng Nghi Đình. Cô Tư Thanh Tùng trong vai Điêu Thuyền, kép Năm Định trong vai Đổng Trác.

Năm 1956 trong tuồng Mộng Hoa Vương của soạn giả Tư Trang. Cô Bích Thuận đóng vai võ tướng Triệu Tuấn, người si mê Mộng Hoa Vương nhưng không dược yêu lại.

Nam nghệ sĩ Thanh Phong trong vai sứ thần Ngô Trung Cảnh, vai hát để đời của cố nghệ sĩ Tư Ut; cô Phùng Há trong vai Mộng Hoa Vương, cô Kim Lan trong vai tướng cướp Bạch Cúc, Kim Cương trong vai nữ tướng Hồng Liên…

Thời đó, tuồng Mộng Hoa Vương với các diễn viên tài danh vừa kể là một vở tuồng ăn khách, lấy nước mắt khán giả nhờ vào mối tình tay ba: Mộng Hoa Vương, sứ thần Ngô Trung Cảnh và võ tướng Triệu Tuấn. Kết cuộc của vở Mộng Hoa Vương, vì tranh tình mà võ tướng Triệu Tuấn so tài với Ngô Trung Cảnh, đâm chết Ngô Trung Cảnh.

Triệu Tuấn - Bích Thuận tưởng đã giết chết kẻ tình địch thì sẽ cướp được tình yêu của Mộng Hoa Vương. Không ngờ Mộng Hoa Vương bỏ cả ngai vàng, chở xác người yêu xuống thuyền ra khơi trở về cố quốc của Ngô Trung Cảnh. Một cuộc tranh tình mà ba trái tim đều tan vở.

Cô Bích Thuận vì là người Bắc nên ca những bài bản lớn cổ nhạc của miền Nam như Văn Thiên Tường, Tứ Đại Oán, Phụng Hoàng không hay bằng các diễn viên miền Nam, nhưng bù lại thì cô Bích Thuận ca những bài hát quảng, ca những bài bản nhỏ có âm hưởng và nhịp điệu như tân nhạc của soạn giả Mộng Vân thì rất hay.

Bích Thuận có điệu múa theo bộ hát Quảng, hát tuồng Tàu cũng đẹp không thua cô Phùng Há nên Bích Thuận thành công dễ dàng trong các vai tướng võ trong tuồng Tàu như vai Lữ Bố trong tuồng Phụng Nghi Đình; vai An Lộc Sơn trong tuồng Trường Hận, vai tiểu tướng Phùng Mậu trong tuồng Phùng Mậu hạ san; vai vua Trần Khắc Chung trong tuồng Sương Gió Chiêm Thành.

Trước năm 1975, cô Bích Thuận được mời làm giáo sư Trường Quốc Gia Am Nhạc và Kịch Nghệ Saigon, cô là một nghệ sĩ đa tài trong các bộ môn cải lương, kịch nói, ngâm thơ ba miền, ca tân nhạc và giỏi về các vũ đạo tuồng Tàu theo lối hát Quảng.

Cô ngâm thơ Tao đàn, ngâm sa mạc, ca quan họ, hát ả đào. Có khi cô thủ diễn lại vai Lữ Bố trong trích đoạn *Lữ Bố Hí Điêu Thuyền* với nữ nghệ sĩ Kiều Lệ Mai làm Điêu Thuyền, Minh Đức trong vai Tư Đồ Vương Doãn…

Sau khi định cư ở Pháp vào đầu thập niên 80, Bích Thuận và phu quân, người được giới nghệ sĩ thân mật gọi là Tonton Hiếu, hai ông bà luôn luôn là những khách mời trân trọng nhứt trong các buổi hợp mặt văn nghệ, những buổi giới thiệu ra mắt sách, thơ, văn... cô Bích Thuận đến những nơi có kiều bào định cư ở Hải Ngoại để trình diễn những trích đoạn tuồng cải lương nổi tiếng xưa của cô trên các sân khấu Phụng Hảo, Kim Chung….

Nnăm 1988, nghệ sĩ Bích Thuận được mời tham dự và trình diễn nghệ thuật văn hóa Việt Nam tại Quảng Trường Thánh

Phêrô ở Roma nhân dịp Lễ Phong Thánh cho 117 vị tử đạo Việt Nam, và được vinh dự tiếp kiến Đức Giáo hòang Gioan Phao Lồ Đệ Nhị.

Vào những năm 1983 và 1988, tên tuổi Bích Thuận được ghi trong Tự điển tiểu sử các nhân vật quốc tế ở Cambridge, Anh Quốc, và trong danh sách 5.000 nhân vật trên thế giới.

Nữ nghệ sĩ tài danh này đã góp phần bảo tồn nền thi ca, vũ, nhạc, kịch Việt Nam qua buổi trình diễn tại Trung Tâm Văn Hóa LHQ UNESCO ở thủ đô Paris, Pháp Quốc hồi 1999.

Gần đây một số Hội đoàn trên đất nước Hoa Kỳ làm lễ vinh danh cho 50 năm sự nghiệp trình diễn văn nghệ của cô Bích Thuận. Cô Bích Thuận đã hát Quan Họ trong màn trẩy hội du xuân vùng Kinh Bắc, cô thủ vai Thúy Kiều trong lớp tâm sự với Thúc Sinh do nghệ sĩ Hoàng Long thủ diễn., cô cũng thủ diễn vai Trưng Trắc, múa song kiếm gợi lại hình ảnh của nghệ sĩ đàn em Thanh Nga trong tuồng *Tiếng Tiếng Trống Mê Linh.*

Qua nhiều thập niên trình diễn, nghệ sĩ Bích Thuận đã trở thành một tài danh huyền thoại trong mọi thể loại thi ca, nhạc, kịch, quan họ, hát bội, cải lương và cả điện ảnh; được báo giới và khán thính giả Miền Nam bầu chọn là nghệ sĩ đẹp nhất và được nhiều mến mộ nhất. Năm 1953, được ban tặng Đệ Nhất Đẳng Bội Tinh Tâm Lý Chiến và năm 1959 và Đệ Nhất Đẳng Văn Hóa Giáo Dục Bội Tinh năm 1971.

Hiện nay bà đang sống với con trai tại thành phố Nantes, Pháp Quốc, sau ngày phu quân bà mất vào năm 2010 tại Paris.

Ngọc Nuôi

Ngọc Nuôi - Nguyễn Ngọc Nuôi (1930-2002)

Nghệ sĩ Ngọc Nuôi, nhũ danh Nguyễn Ngọc Nuôi, sanh năm 1930, pháp danh Phước Ngọc, kết hôn với nghệ sĩ Việt Hùng từ năm 1948, có ba con trai là Tài, Năng, Sinh và ba con gái Ngọc Bích, Ngọc Châu và Ngọc Qúy. Các con của Việt Hùng và Ngọc Nuôi đều là những nghệ sĩ tài danh về tân nhạc, riêng Ngọc Bích ngoài khả năng ngôi sao ca nhạc Việt, nhạc Mỹ, Ngọc Bích có một thời đi hát cải lương cho đoàn hát Thanh Nga sau 1975.

Chuyện tình của đôi nghệ sĩ tài danh Việt Hùng - Ngọc Nuôi khởi đầu là một giai thoại đẹp, được nhiều nghệ sĩ cải lương ngưỡng mộ.

Năm 1948, cô Ngọc Nuôi là diễn viên tài sắc của gánh hát Thỉ Phát Huê, đoàn nầy đang hát tại rạp Thành Xương. Ca sĩ Việt Hùng của Đài Phát Thanh Pháp Á đi xem hát, si mê đào Ngọc Nuôi. Khi gánh hát Thỉ Phát Huê hết hát ở rạp Thành Xương, Việt Hùng bị "tiếng sét ái tình" bèn bỏ Sở làm để theo gánh Thỉ Phát Huê học hát và để được gần người mình yêu.

Kết quả là Việt Hùng kết hôn với Ngọc Nuôi. Nhờ Ngọc Nuôi hướng dẫn cho Việt Hùng về diễn xuất và hóa trang trên sân khấu, Việt Hùng trở thành kép chánh của đoàn hát Thỉ Phát Huê.

Sau đó, Việt Hùng và Ngọc Nuôi về hát chánh cho đoàn Tân Thiếu Niên.

Nghệ sĩ Bảy Cao thành lập đoàn hát Hoa Sen năm 1952, ông mời Việt Hùng Ngọc Nuôi về cộng tác. Tuồng hát của đoàn Hoa Sen ăn khách nhờ viết theo loại xã hội chiến tranh như: *Đàn Chim Sắt, Nợ Núi Sông, Mộng Hòa Bình, Vàng Rơi Sông Lệ, Chiếc Áo Mùa Đông. . .*

Việt Hùng thành công khi thủ diễn các vai sĩ quan trên chiến trường máu lửa một cách rất oai phong. Ngọc Nuôi ca rất lớn tiếng, nghe ngọt lịm. Cô vô xàng xê nghe hấp dẫn không thua gì anh Minh Chí.

Ngọc Nuôi ca bài bản nào cũng hay, sắc vóc rất đẹp, khi mặc những bộ quân phục trong tuồng chiến tranh, Ngọc Nuôi gọn gàng, oai dũng như những chiến sĩ thật ngoài sa trường. Khi mặc y phục thường, mặc một bộ bà ba, chiếc áo dài hay bộ đồ đầm, Ngọc Nuôi thể hiện một thiếu nữ kiều diễm, nét đẹp đằm thắm dịu dàng.

Sắc đẹp quyến rũ, giọng ca ngâm điêu luyện và lối diễn xuất tế nhị, là những tài sản trời ban để biến Ngọc Nuôi thành một ngôi sao sáng chói trên sân khấu Hoa Sen, dù bên cạnh Ngọc Nuôi có các nữ nghệ sĩ tài danh Kim Luông, Lệ Út, Ái Hữu, đó là những giọng ca vàng nhưng họ vẫn không làm sao làm lu mờ nổi hào quang sáng chói của Ngọc Nuôi.

Năm 1954, có nhiều gánh hát mới được thành lập, Bầu Sinh, lập gánh Tân Hương Hoa, mời Việt Hùng - Ngọc Nuôi về hát với số tiền contrat bạc triệu, và số lương lớn hơn gấp đôi số lương cũ ở đoàn Hoa Sen.

Việt Hùng - Ngọc Nuôi về gánh Tân Hương Hoa, hát những tuồng *Khúc Nhạc Ly Hương, Việt Kiều Trên Đất Khách* là

những tuồng chiến tranh, đúng theo lối ca diễn sở trường nên Ngọc Nuôi Việt Hùng thành công thêm rực rỡ.

Việt Hùng hào hoa phong nhã trong bộ quân phục sĩ quan, Ngọc Nuôi cũng rất sang, rất đẹp trong vai cô nữ tình báo.

Thành công về tài chánh nối theo thành công nghệ thuật, Việt Hùng - Ngọc Nuôi mua nhà mới, sắm xe hơi mới, như bao nhiêu nghệ sĩ khác trong thời hoàng kim của nghệt thuật sân khấu cải lương.

Bà Ba Khan, người chủ nợ của Bầu Sinh và là chị ruột của hai diễn viên trẻ: Hương Sắc và Hương Huyền muốn tạo cơ hội cho hai em của mình thăng tiến trên con đường nghệ thuật nên xuất vốn lập ra gánh hát, mời Việt Hùng và Minh Chí làm kép chánh, lấy bảng hiệu là gánh Việt Hùng - Minh Chí.

Tất nhiên là Việt Hùng - Ngọc Nuôi ký hợp đồng mới, với số tiền contrat lớn hơn, lương cao hơn, nhiều điều kiện phụ hấp dẫn hơn để rồi bỏ Bầu Sinh của gánh Hương Hoa, về hát cho gánh Việt Hùng - Minh Chí.

Đứng tên bảng hiệu nhưng Việt Hùng không phải làm chủ gánh hát, giống như hai trường hợp khác trước đây, gánh Hậu Tấn - Bảy Cao và gánh Hậu Tấn - Năm Nghĩa, chủ nhơn là ông Ba Tấn chớ không phải là hai nghệ sĩ Bảy Cao và Năm Nghĩa.

Điều đáng ghi nhận ở đây là gánh hát Việt Hùng - Minh Chí từ bỏ các tuồng theo thể loại chiến tranh, để hát những vở tuồng của các soạn giả thế hệ thứ hai trong làng soạn kịch là Mộc Linh, Lê Khanh. Tuồng khai trương của gánh Việt Hùng - Minh Chí là vở tình sử Việt Nam *Đường lên xứ Thái* của soạn giả Mộc Linh. Lời văn chải chuốc, cốt truyện trữ tình, một thể loại sân khấu thi, ca, vũ, nhạc, mới lạ nên sức thu hút khán giả rất mảnh liệt.

Việt Hùng trong vai người chiến sĩ Việt Nam, bị thương, lạc lỏng trong một khu rừng già của xứ Thái, được một sơn nữ (do Ngọc Nuôi thủ diễn) cứu trị và đưa về bản làng nương náo. Mối tình giữa người Kinh và người sơn nữ thơ mộng, đẹp tình, đẹp ý, gợi lại những cuộc tình dang dở trong chiến tranh, đã làm rơi lệ biết bao khán giả.

Việt Hùng và Ngọc Nuôi giờ đây sáng chói hơn bao giờ hết, vì chẳng những được khán giả mến mộ vì sắc vóc đẹp, sang trọng, mà còn do tài ca, diễn thật hay, lột tả được tính cách nhân vật một cách sâu sắc.

Ngọc Nuôi còn có cơ hội thi triển làn hơi phong phú, ngọt ngào của cô qua các lối ngâm thơ mới, lối ca luyến láy đặc biệt khi ca vô các bài Sương Chiều, Tú Anh, đây là những bài ca mà người có hơi trong trẻo, ngọt lịm, mặc tình ca uốn lượn, luyến láy để dẫn dắt cảm xúc của người nghe.

Vở tuồng thứ hai ghi đậm thêm sự thành công của Việt Hùng - Ngọc Nuôi về khả năng ca diễn các thể loại tuồng dã sử, cổ tích Việt Nam là vở *Người Đẹp Bán Tơ* của thi sĩ kiên Giang Hà Huy Hà.

Nhiều đoạn thơ hay của Kiên Giang được giọng ngâm thơ mượt mà, êm như nhung, như gấm của Ngọc Nuôi, làm tăng thêm giá trị vở tuồng và tăng thêm sức thu hút khán giả. Cũng đồng thời làm tăng thêm hào quang đã sẵn sáng chói của Ngọc Nuôi.

Đáng lẽ ra gánh hát Việt Hùng - Minh Chí có thể vững vàng và phát triển thêm ở cái cương vị một Đại Ban, vì gánh hát rất ăn khách nhờ có tuồng tích hay, đào kép đẹp, ca, ngâm, diễn xuất rất hấp dẫn, nhưng chỉ hai năm sau từ ngày thành lập, gánh Việt Hùng - Minh Chí phải tan rã vì Minh Chí tách ra lập gánh hát riêng lấy bảng hiệu gánh hát Minh Chí.

Ngọc Nuôi và Việt Hùng ký hợp đồng về hát cho gánh hát Thanh Minh của Bầu Nghĩa, sau đó là gánh hát Thanh Minh Thanh Nga của bà bầu Thơ.

Dàn đào của đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga có các nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan, Thu Ba, Ngọc Giàu, Ngọc Nuôi, Kim Giác, Thanh Nga, Hoàng Vân, Thanh Hiền, Thanh Lệ, Ngọc Chúng. . . Giữa những diễn viên tên tuổi lẫy lừng đó, nữ diễn viên Ngọc Nuôi cũng phải có những tài nghệ khác thường mới đứng vững nổi trong Đoàn.

Ngọc Nuôi sáng, đẹp, đua tài khoe sắc với các nữ diễn viên khác trong các vở tuồng dã sử *Biên Thùy Nổi Sóng, Tình Tráng Sĩ, Người Về Từ Cửa Biển, Nẻo Tắt Hoành Sơn, Áo gấm khôi Nguyên*.

Khi đoàn Thanh Minh Thanh Nga diễn tuồng xã hội, Ngọc Nuôi thành công qua vai cô gái nhà quê chơn chất trong tuồng *Thầy Cai Tổng Bồi*, vai mẹ của Thanh do Thanh Nga diễn, trong tuồng *Con Gái Chị Hằng*, và trong các vai bà mẹ hiền tuồng *Tấm Lòng của Biển, Bóng Chim Tăm Cá, Bọt Biển, Chén trà của quỷ, Bên Cầu đệt lụa...*

Giọng ca của Ngọc Nuôi trong vai mẹ của Trần Minh trong tuồng Bên Cầu dệt lụa.

Ngọc Nuôi có một vai hát để đời trái với hình tượng các bà mẹ hiền, đó là vai Bích trong tuồng *Đoạn Tuyệt*. Nhờ cách diễn một cô em chồng đanh đá, Ngọc Nuôi trong vai Bích đã làm tăng thêm phần quái ác của bà mẹ chồng, bà Phán Lợi, do bà Năm Sadec diễn và làm cho khán giả thêm thương Loan do Thanh Nga diễn trong vai người vợ bị hà hiếp rẽ khinh trong chế độ gia đình phong kiến xưa.

Năm 1975, Việt Hùng cùng các con: Tài, Năng, Ngọc Quý và Ngọc Châu trong Ban nhạc Crazy Dogs được phi cơ Mỹ bốc

qua Mỹ. Ngọc Nuôi và con gái Ngọc Bích hát cho đoàn hát Thanh Nga một thời gian. Tiền lương trong chế độ bao cấp không đủ sống, Ngọc Nuôi nghĩ hát, cam chịu cảnh thiếu thốn, Ngọc Bích ca tân nhạc trong các tụ điểm văn hóa để kiếm tiền nuôi mẹ.

Năm 1990, Ngọc Nuôi và hai con được bảo lãnh sang Hoa Kỳ. Đúng 60 tuổi Ngọc Nuôi phải làm lại cuộc đời. Việt Hùng đã có bà vợ khác, Ngọc Nuôi bơ vơ. Đôi uyên ương sân khấu lẻ bạn vì thời cuộc, lại tan vở vì nghịch cảnh. Đau lòng cho người trong cuộc mà cũng đau lòng cho những bạn bè đã yêu thương họ.

Ngọc Nuôi phải học tiếng Mỹ, phải tìm show hát để đở nhớ nghề và có thu nhập chút đỉnh. Nhờ có các con hiếu thảo, Ngọc Nuôi cũng được an ủi nơi đất khách quê người.

Ngọc Nuôi mất ngày 23 tháng 9 năm 2002, gần một năm sau khi Việt Hùng ra đi vĩnh viễn. Thọ 72 tuổi.

(Xem *Bên cầu dệt lụa* trang 154)

Hữu Phước

Hữu Phước – Henry Trần Quang (1932-1997)

Nghệ sĩ Hữu Phước tên thật là Henry Trần Quang, sanh năm 1932 tại quận Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. Thân phụ là Trưởng tòa Trần Quang Cảnh, nhạc sĩ cổ nhạc đờn vĩ cầm, thân mẫu là

bà Tám Kiều, một nữ nghệ sĩ trong gánh hát Thầy Thuốc Minh ở Sóc Trăng.

Hữu Phước khởi nghiệp cầm ca từ năm 1954, được ông Trần Hữu Lương, tức nhạc sĩ Mười Lương, chồng của nữ danh ca Năm Cần Thơ, dạy ca và đặt cho nghệ danh Hữu Phước.

Nhạc sĩ Mười Lương dẫn Hữu Phước đến quán ca nhạc Họa Mi của cô Năm Cần Thơ để ca vọng cổ và cổ nhạc. Hữu Phước đã ru hồn biết bao khách mộ điệu và được chủ của các hãng dĩa Hoành Sơn, Hồng Hoa, Tứ Hải tranh nhau mời thu dĩa hát.

Tháng 2 năm 1955 Hữu Phước thành lập gia đình, cuộc đời nghệ sĩ rẽ sang con đường mới. Nhạc sĩ Hai Ngưu dẫn ông lên Đà Lạt tìm cách tiến thân. Trên miền Tây Nguyên Đà Lạt, qua sự giới thiệu của nhạc sĩ Hai Ngưu, Hữu Phước diện kiến ông Phan Văn Bản tức Ba Bản, bầu gánh Thủ Đô, chủ hãng dĩa Hoành Sơn. Ông Ba Bản thu nhận Hữu Phước với chức vụ thư ký riêng và phụ trách kỹ thuật thu âm. Một tháng sau, ông chủ hãng dĩa Hoành Sơn ra lệnh Hữu Phước ca thử giọng. Ông chủ ngồi lắng nghe. Nghe xong, ông chủ phán một câu ngắn ngủi:

- Thằng này có tài.

Lời ông chủ hãng dĩa phán, tương tự như lời một ông vua khen thưởng quần thần. Con đường công danh từ đây có dịp thăng tiến, thăng tiến đến mức tột đỉnh sự nghiệp. Ban giám đốc hãng dĩa Hoành Sơn cho ông hát 20 câu Vọng Cổ thu vào dĩa nhựa, loại dĩa quay 78 vòng. Bài Vọng Cổ tựa đề *Mặt trận ái tình* của Thu An và bà bầu Ba Bản viết chung.

Hữu Phước nổi danh qua các dĩa hát tiếp theo như dĩa *Tình Huynh Đệ* và bộ dĩa *Tỉnh Mộng*, dĩa *Đội Gạo Đường Xa, Gánh Nước Đêm Trăng, Tàu Đêm Năm Cũ, Đời Vũ Nữ, Tình Là Giây Oan* của các tác giả Viễn Châu, Kiên Giang, Quy Sắc làm tăng thêm danh tiếng của danh ca Hữu Phước.

Danh vị trong làng dĩa nhựa của Hữu Phước lên cao, vượt qua các danh ca cùng thời ... Hữu Phước có giọng ca thật rõ ràng, âm sắc đẹp, đậm chất bi ai, nghe sâu lắng mượt mà. Giọng ngâm thơ ngọt như mật, êm như nhung như tơ.

Hữu Phước có biệt tài sắp chữ ca, làm nổi bật từng ý từng lời, anh ca vuốt nhẹ khi đến chữ Hò vô vọng cổ, tiếng ca như quyện chặt vào tiếng đàn, nghe thật êm tai, thật mùi.

Trong lòng câu ca, với một làn hơi dài, Hữu Phước chạy lả lướt với tốc độ ca dồn chữ, từng đợt từng đợt như những lượn sóng triền miên xô đuổi nhau, một kỹ thuật ca khiến cho người nghe có cảm giác là Hữu Phước bất chấp cả nhịp nhàng, bất chấp trường canh. Khán giả luôn e sợ Hữu Phước sẽ hụt hơi hoặc ca rớt, nhưng không, trăm lần như một, khi đến dứt câu ca thì Hữu Phước dứt câu rất đúng nhịp và còn có một làn hơi ngân dài, nhỏ dần, nhỏ dần rồi như tan biến vào không gian vô tận.

Lối ca của Hữu Phước không chỉ là một kỹ thuật ca điêu luyện, nhịp nhàng vững chắc mà còn có khả năng chuyển tải nội dung bài ca một cách xúc động nhất đến cho khán giả thưởng thức.

Cuối năm 1955, Hữu Phước trở lại Sài Gòn, gia nhập gánh hát Kim Thoa do nữ nghệ sĩ Kim Thoa làm bầu. Phải kể đây là lần đầu tiên Hữu Phước lên sân khấu. Đoàn Kim Thoa tập trung các nghệ sĩ Tám Thưa, Năm Nghĩa, Bạch Huệ, Văn Lục. Nấc thang tiến thân ở giai đoạn này để lên sân khấu trước sau gì cũng nhờ ông Ba Bản hướng dẫn. Ông Ba Bản gởi gắm Hữu Phước cho bà Kim Thoa dìu dắt. Ngày khai trương đoàn hát, ngày rất long trọng đối với ông bà bầu lẫn anh em nghệ sĩ, thành hay bại cũng do ngày khai trương. Đoàn Kim Thoa trình diễn vở tuồng *Lấp sông Gianh* của soạn giả Kinh Luân. Nghệ sĩ đang hứng khởi diễn màn đầu, khán giả đang nín thở theo dõi những tình tiết éo le của vở kịch, thì bỗng đâu một trái lựu đạn chẳng biết do ai chủ trương, do ai đích thân ném lên sân

khấu gây ra tiếng nổ "kinh thiên động địa". Nghệ sĩ nằm la liệt, đèn tắt tối thui, máu chảy linh láng từ sàn sân khấu xuống giàn đờn. Tiếng la hét, tiếng cầu cứu vang dội, khán giả đạp lên nhau chạy thoát ra ngoài, hú hồn hú vía. Nghệ sĩ Phước Cương, người "khai quang điểm nhãn", cầm cây son đầu tiên vẽ mặt, dạy Hữu Phước hóa trang, chết lúc 4 giờ sáng. Ông Nguyễn Phước Cương là thân phụ nữ kịch sĩ Kim Cương, soạn giả Nguyễn Huỳnh, tên thật là Nguyễn Huỳnh Phước, chồng nữ nghệ sĩ Hoài Dung bị thương nặng. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Mai tắt thở tại chỗ. Kịch sĩ Duy Lân cụt một chân, ông Bảy Xê, cô Kim Thoa bị thương nhẹ.

Đoàn ăn nguyên một trái lựu đạn "ngọt sớt". Nhưng nghiệp vẫn là nghiệp. Bà Kim Thoa không chịu thua định mệnh, cắm đầu cắm cổ chạy vay nợ, tái lập gánh Kim Thoa. Lần ra quân kỳ này, đoàn gom góp một số nghệ sĩ trung thành còn lại gồm các nghệ sĩ: Hữu Phước, Văn Sa Văn Sa về sau tàn tạ tên tuổi, đi làm cận vệ cho ông bầu Xuân, chủ nhân đoàn Dạ Lý Hương. Từ Anh, Văn Lang, trước kia thuộc loại kép đẹp đoàn Việt Kịch Năm Châu, Hai Tiền, cô Ngọc Lợi là vợ lớn soạn giả Nguyễn Huỳnh, Hề Minh. Đoàn Kim Thoa trôi giạt xuống các tỉnh ở miền Tây, càng hát càng lỗ vốn. Nhằm tháng 7, tháng 8, trời mưa dầm dề suốt tuần lễ, đoàn ế khách, bầu và nghệ sĩ đói lã ruột. Sau hết, định mệnh vẫn là định mệnh, đoàn Kim Thoa ngã gục trước tình hình ế ẩm, nợ chồng chất, làm một buổi tiệc đơn giản chia tay và cũng để vĩnh biệt nhau. Đoàn rã gánh tại tỉnh lỵ Gò Công.

Hữu Phước ôm rương son phấn lên Sàigon tiếp tục hát cho Đài Pháp Á. Ngày 9-5-1956, vợ ông hạ sinh đứa con đầu lòng tại Hòa Hưng, Sàigòn, được đặt tên con gái cưng, Trần Thị Ngọc Ánh. Sau nầy là nghệ sĩ Hương Lan.

Út Bạch Lan chính là người tiến cử, giới thiệu anh Hữu Phước trở lại sân khấu lần thứ nhì gia nhập đoàn Thanh Minh, sau khi đoàn Kim Thoa rã gánh. Hữu Phước được dịp may, đang lúc

đoàn Thanh Minh tập vở *Đứa con hai giòng máu* của soạn giả Lê Khanh, đúng hai tuần nữa sẽ khai trương. Kép chánh của đoàn là Út Nhị tự nhiên dở chứng, bỏ tuồng ngang.

Năm Nghĩa chọn Hữu Phước thế kép Út Nhị. Hữu Phước đóng vai Văn Khiết, còn vai đứa cháu là bé Juliette Nga tức Thanh Nga. Đoàn Thanh Minh trình diễn tuồng *Đứa con hai giòng máu* tại rạp Thành Xương, sau đổi thành rạp Diên Hồng, nằm trên đường Calmette và Phạm Ngũ Lão. Hát đúng 2 tháng, tên tuổi Hữu Phước được khán giả khắp nơi ái mộ.

Mỗi nghệ sĩ tài danh đều lưu lại hậu thế một vai "để đời", trong nghề gọi là vai vàng. Hữu Phước tạo được ba vai "vàng": Vai Lý Anh Huy trong tuồng *Tỉnh mộng* của Thu An - Phong Anh do đoàn Kim Chưởng trình diễn. Vai Duy Bạt, trong tuồng *Gió ngược chiều*, do Năm Châu viết phỏng theo một tác phẩm của văn hào Victor Hugo, diễn trên đoàn Thanh Minh, hát chung với Thanh Nga, Bảy Nhiêu, Út Trà Ôn. Vai Cậu Tư Kiên, trong tuồng *Con gái chị Hằng* của Hà Triều - Hoa Phượng, đoàn Thanh Minh trình diễn. Hữu Phước diễn vai một người cậu của một đứa cháu bất hiếu với mẹ, dạy dỗ cháu nên người, thờ cha kính mẹ. Cậu Tư Kiên sống nghề lái heo, vấn khăn rằn, mặc bộ đồ bà ba đen, có râu mép, quê mùa, bình dị... Vai trò nói lên nỗi đau khổ, hình ảnh đáng kính trọng của một bà mẹ Việt Nam suốt đời tận tụy, hy sinh cho con.

Để diễn sống thực vai cậu Tư Kiên, mỗi buổi sáng khoảng 5 giờ, Hữu Phước chạy xe qua Cầu Chữ Y, đứng trước cửa lò heo Chánh Hưng quan sát những người lái heo, dân thôn quê chở ghe heo lên Sàigòn bán. Quan sát cách mặc, quần áo, hút thuốc rê, tư thế đứng, ngồi, ăn, uống, nói chuyện, cách phát âm giọng miền Tây "rặt". Anh mất 3 tháng thực tập lấy ở nhà, nhìn vô kiếng diễn đúng các động tác thói quen của một người dân quê miền Nam. Đã trên 30 năm, chưa người nghệ sĩ nào có đủ khả năng thay thế Hữu Phước trong vai Cậu Tư Kiên.

Nghề nghiệp Hữu Phước "chín mùi" trên sân khấu Việt Nam, ngoài tài năng, phần lớn nhờ ông Ba Vân, Năm Châu, bà Kim Cúc, bà Phùng Há cố vấn, đạo diễn từng cử chỉ, từng điệu bộ diễn xuất.

Hữu Phước đã được Giải thưởng Thanh Tâm tặng huy chương vàng Diễn Viên xuất sắc nhất năm 1966 qua vai bác sĩ Vũ trong tuồng *Đôi mắt người xưa* của Nguyễn Phương và Hoàng Thị Nguyệt tức vợ của Tám Vân. Hữu Phước cũng được báo chí kịch trường tặng cho mỹ hiệu Giọng Ca Vàng và là một trong các nghệ sĩ danh ca được các bầu gánh hát, các chũ hãng dĩa ký contrat với số tiền cao nhất.

Sau năm 1975, Hữu Phước có quốc tịch Pháp nên cả gia đình được trở về quê hương Pháp Quốc.

Năm 1986, Hữu Phước quy tụ những nghệ sĩ cải lương đã được định cư ở nước Pháp để mong làm sống lại nghệ thuật cải lương ở hải ngoại, đó là một ý rất hay nhưng không thành công.

Tâm trạng của Hữu Phước có thể đại diện cho tâm trạng của những nghệ sĩ định cư ở hải ngoại : Không có đông đảo khán giả như ở Việt Nam, không có bạn diễn đồng sức đồng tài, không có soạn giả, không tác phẩm mới. Nhịp điệu âm nhạc tân tiến và lối sống văn minh công nghiệp của nước ngoài cũng không phải là môi trường thuận lợi cho nghệ thuật sân khấu cải lương. Tài năng như Hữu Phước và nhiều nghệ sĩ vang bóng một thời ở Việt Nam, đến xứ lạ quê người cũng phải khô cạn dần như con cá mắc cạn chờ chết khô, có vùng vẫy đôi chút trong mòn mõi nhớ thương biển rộng sông dài.

Hữu Phước mất ngày 21 tháng 2 năm 1997 tại Paris. Thọ 65 tuổi.

Khi nhắc đến giọng ca vàng Hữu Phước, các bạn nghệ sĩ cải lương Việt Nam còn nhớ lời đánh giá của học giả Vương Hồng Sển: *"Mấy mươi năm trước chưa ai ca vọng cổ hay hơn Hữu Phước, e rằng mấy mươi năm sau cũng chẳng có ai"*.

Kim Hoàng

Kim Hoàng - Phạm Kim Hoàng (1932-2017)

Nghệ sĩ Kim Hoàng tên thật Phạm Kim Hoàng, sinh năm 1932 tại Sàigòn. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật, nên từ thuở nhỏ, Phạm Kim Hoàng đã sớm hòa mình vào đời sống nghệ thuật. Cô bắt đầu ca diễn trên sân khấu khi mới tròn 7 tuổi.

Sau khi cha mẹ mất sớm, cô được nữ nghệ sĩ sân khấu tài danh Năm Phỉ nhận làm con nuôi, và dưới sự dìu dắt của người mẹ nuôi nổi tiếng, tài năng của cô ngày càng bộc lộ với những vai diễn đầy ấn tượng ở tuổi 15: Vai My Ê trong tuồng *My Ê Vương Phi*, vai Linh Sương trong *Hai bông hoa rừng*, vai Giai Nhân trong *Giai nhân và Loạn tướng*, vai Tô Thị trong *Tô Thị vọng phu*,…

Vào giữa thập niên 1950, cùng với Kim Lan, Kim Hoàng được xem là Hoa khôi cải lương với sắc đẹp "nghiêng nước nghiêng thành" và giọng ca ngọt ngào, cho tới khi gặp nghệ sĩ Như Mai,

lúc đó là một vận động viên, vô địch bóng bàn nữ tới chơi trong đoàn hát.

Từ đó Kim Hoàng cùng nghệ sĩ Như Mai kết thành đôi bạn thân, cùng nhau lập gánh hát Kim Hoàng - Như Mai vang danh trong giới cải lương vào thập niên 1950. Với tài quản lý, kinh doanh giỏi, nghệ sĩ Như Mai đã chắp cánh cho nghệ sĩ Kim Hoàng tỏa hương sắc trên sân khấu cải lương. Cặp đôi Kim Hoàng - Như Mai từng thành công với vở cải lương *Quán gấm đầu làng* của soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng với phần ca, diễn, ngâm thơ, tạo một nét sáng đẹp trẻ trung và lối diễn xuất khiến nhiều khán giả say mê.

Từ năm 1956, Kim Hoàng liên tục có những chuyến xuất ngoại để mang nghệ thuật cải lương cùng giọng ca mượt mà, truyền cảm đi giới thiệu với bạn bè quốc tế ở Pháp, Philippines, Nhật Bản, Hong Kong, Malaysia, Lào… Giọng hát của cô đã vang vọng trên Đài truyền hình Nippon Television Tokyo và đài phát thanh Hong Kong – điều rất hiếm có đối với một nghệ sĩ Việt Nam thời bấy giờ.

Năm 1958, Kim Hoàng bắt đầu "lấn sân" sang lĩnh vực điện ảnh, với các vai diễn khá thành công trong các phim *Phật Thích Ca đắc đạo* và *Tam Tạng xuất gia.*

Trong hoạt động sân khấu cải lương có nhiều đoàn hát do nghệ sĩ làm bầu, đã lấy tên hoặc nghệ danh của mình đặt tên bảng hiệu như Năm Phỉ, Mộng Vân, Kim Chung, Thúy Nga... Đồng thời cũng có những trường hợp hai nghệ sĩ là vợ chồng cùng đứng chung bảng hiệu như Văn Chung - Thanh Hương, Út Bạch Lan - Thành Được, Thanh Hương - Hùng Minh. Trường hợp 2 người nam đứng chung có Việt Hùng - Minh Chí, Tấn Tài - Hữu Phước, hoặc Tấn Tài - Thành Được. Còn trường hợp hai nữ nghệ sĩ đứng chung bảng hiệu thì người ta thấy có Kim Chưởng - Thanh Hương, Hoài Dung - Hoài Mỹ... có cặp Kim Hoàng, Như Mai là lâu bền, hợp tác nghệ thuật và sống chung

hơn nửa thế kỷ, chẳng cô nào có chồng. Đến năm 1959 hai người thành lập gánh hát lấy bảng hiệu là Kim Hoàng - Như Mai, và rồi cũng rã gánh vào năm 1960, không phải lủng củng nội bộ như hầu hết những đoàn khác, mà vì không có nhiều khán giả.

Ca hát là cái nghề phù du! Trong giới hầu hết nam nữ nghệ sĩ đều biết như vậy, cho nên lúc tên tuổi họ đang lên, kiếm tiền được nhiều thì một số nghệ sĩ lo đến hậu vận, vội vã mua sắm tài sản, hoặc mở ra cơ sở làm ăn khác, để trông cậy vào lúc hết thời.

Các nghệ sĩ biết lo xa, đã tậu được tài sản, người ta thấy có Thanh Hải, Hùng Cường, Kim Cương, Phương Ánh, Mộng Tuyền, Ba Vân, Phùng Há, Bảy Cao nhưng được coi như giàu nhứt là hai chị em Kim Hoàng, Như Mai.

Kim Hoàng, Như Mai làm ăn nhiều phía, nào là có ban hát trên đài phát thanh, đài truyền hình. Có mấy chiếc xe lô loại Huê Kỳ đậu túc trực ở đường Nguyễn Huệ đưa rước người ngoại quốc, và mấy chiếc xe cam nhông nết đưa học sinh các trường.

Cái đặc biệt là Kim Hoàng từ ngày sống chung với Như Mai, được cô này hướng dẫn xuất ngoại đi du lịch nhiều nước. Đi Lào, Pháp, Hồng Kông.

Năm 1964 đi Nhựt trình diễn văn nghệ tại Thế Vận Hội Đông Kinh và ca hát trên đài vô tuyến truyền hình Nhựt Bổn. Ngoài ra Kim Hoàng còn học múa cổ truyền phù tang, và khi về nước trình diễn vũ điệu Sareodori đạt huy chương vàng tại đại hội ca vũ nhạc kịch tổ chức tại rạp Quốc Thanh.

Lúc có hòa đàm Ba Lê, đoàn Thanh Minh Thanh Nga sang Pháp, Kim Hoàng, Như Mai cũng tháp tùng cho vui chớ chẳng có vai trò gì. Tóm lại về nghệ sĩ xuất ngoại thì có lẽ Kim Hoàng, Như Mai đứng hàng đầu.

Bộ đôi Kim Hoàng, Như Mai nổi tiếng ở sân khấu cải lương trước 1975 và ngoài đời họ là đôi nghệ sĩ gắn kết nhau suốt mấy mươi năm. Sau 1975, Khi không còn hoạt động sân khấu, Kim Hoàng, Như Mai là thành viên Hội Ái Hữu nghệ sĩ rất tích cực vận động bạn bè, đồng nghiệp làm việc thiện giúp đỡ cho nghệ sĩ nghèo.

Nghệ sĩ Như Mai sanh năm 1927, mất ngày 12 tháng 5 năm 2010, tại Sàigòn. Thọ 84 tuổi.

Sau đó, hơn nửa năm nữ nghệ sĩ Kim Hoàng bị bệnh nằm liệt và sau cùng trở nặng hơn một tuần. Dù được các bác sĩ ở Bệnh viện 115 tận tình cứu chữa, điều trị nhiều chứng bệnh liên quan đến tim mạch, phổi, nhưng nghệ sĩ tài danh Kim Hoàng đã trút hơi thở cuối cùng lúc 0 giờ ngày 25 tháng 6 năm 2017, tại nhà riêng ở Sàigòn, hưởng thọ 86 tuổi.

Thanh Hải

Thanh Hải - Hồ Văn Xia (1933-2014)

Nghệ sĩ Thanh Hải tên thật là Hồ Văn Xia, sinh năm 1933 tại Dĩ An, Sông Bé, nay là Bình Dương, là con của Sáu Kỳ, chuyên dạy võ cho thanh niên trong thời kháng chiến chống Pháp. Thời đó, cha ông bị Việt gian chỉ điểm, lính Pháp bắt tra tấn dã man rồi giết, thả xác trôi sông.

Ký ức đau thương này hằn sâu trong đầu nghệ sĩ Thanh Hải. Mỗi khi nhắc về cha, ông thường khóc: "Không vớt được xác cha, cũng không biết ngày chết nên mẹ tôi lấy ngày cha bị bắt làm ngày giỗ".

Với tấm bằng trung học đệ nhất cấp và giỏi tiếng Pháp, nghệ sĩ Thanh Hải xin vào làm ở Trại cao su Bến Cát lấy tiền nuôi mẹ. Thời điểm này, bạn của ông là cái radio nhỏ. Nhờ nghe radio nhiều mà ông mê giọng ca của Út Trà Ôn qua các bài: *Sầu vương biên ải, Tình anh bán chiếu*... rồi tìm mua bài ca vọng cổ về tập theo radio.

Sau 7 năm làm việc tại đồn điền cao su, năm 24 tuổi, Thanh Hải quyết chí đi theo gánh hát. Năm 1959, Thanh Hải được soạn giả Điền Long giới thiệu về đoàn Hữu Chí, đặt nghệ danh Thanh Hải.

Cuối năm 1959, bầu Ba Bản thành lập đoàn Thủ Đô. Đây là đoàn đại ban hưng thịnh với dàn nghệ sĩ danh tiếng: Út Trà Ôn, Ba Vân, Hoàng Giang, Ngọc Hương, Thanh Thanh Hoa... Lúc này, đoàn có soạn giả thường trực Thu An là chồng của nghệ sĩ Ngọc Hương và nhà báo Trần Tấn Quốc, bút hiệu Thanh Tâm-người sáng lập Giải Thanh Tâm, nhiều uy tín trong giới kịch trường làm cố vấn nghệ thuật.

Dù đoàn đang hưng thịnh nhưng bầu Ban Bản vẫn muốn tìm kiếm nghệ sĩ trẻ để đào tạo và làm lực lượng kế thừa. Thanh Hải là người đầu tiên Hội đồng cố vấn nghệ thuật của đoàn nhắc tới, sau khi các ông xem Thanh Hải hát trên sân khấu đoàn Ánh Sáng của ông bầu Năm Tập. Thanh Hải được bầu Ba Bản mời về với hợp đồng tạm thời 150.000 đồng.

Về đoàn này, ban đầu Thanh Hải chỉ đóng các vai kép nhì, hoặc đóng đúp một số vai chính với "Vua Vọng cổ" Út Trà Ôn. Sau khi Út Trà Ôn, Hoàng Giang rời đoàn để lập đoàn hát mới – Đoàn cải lương Thống Nhất, các vai chính lúc này trên sân

khấu Thủ Đô đều do Thanh Hải đảm nhận, nhờ có "quái kiệt" Ba Vân đã huấn luyện Thanh Hải để chuẩn bị đóng thay các vai của Út Trà Ôn thời trẻ, nên Thanh Hải tôn Ba Vân là cha nuôi. Về sau, có thêm "Hoàng đế dĩa nhựa" Tấn Tài về hát chia vai với "Vua ngâm Tao Đàn" Thanh Hải.

Khi Thanh Hải ở trong đoàn Thủ Đô, nhờ các tuồng của soạn giả Thu An, ông được khán giả yêu thích và báo giới Sàigòn thời đó gọi ông là "Vua ngâm Tao Đàn".

Soạn giả Viễn Châu phân tích: "Ngâm thơ có nhiều lối: Sa Mạc, Vân Tiên, Tao Đàn… nhưng theo lối Tao Đàn, âm điệu nghe mượt mà, trữ tình và bay bổng hơn. Cách ngâm Tao Đàn tuy không có tiết tấu, nó có phần như cách ngâm tự do, nhưng độ ngân của làn hơi được trải dài và Thanh Hải là người đầu tiên sáng tạo đưa vào bài ca cải lương thành công. Anh kết hợp ca ngâm vọng cổ thuần khiết với ngâm Tao Đàn, không chỉ ở những câu nói lối mà trong lòng câu vọng cổ, vừa mượt mà, trữ tình, nam tính. Có lẽ chất giọng "đồng" của Thanh Hải có âm vực rộng, ca có thanh điệu, âm sắc du dương nên đi vào lòng người nghe, tạo nét mới cho bài vọng cổ".

Còn nghệ sĩ Ngọc Hương – vợ của cố soạn giả Thu An, cũng là bạn diễn của nghệ sĩ Thanh Hải kể: "Ông nhà tôi viết một kịch bản có đoạn ngâm thơ theo lối Tao Đàn cực khó, vậy mà anh Thanh Hải ngâm ngọt lịm, giọng lên xuống trầm bổng nhấn nhá khó ai ngâm hay hơn. Ông nhà tôi biết đó là thế mạnh của anh Thanh Hải nên tuồng nào cũng viết thêm để anh ngâm. Cát-sê của anh Hải tăng vọt. Đến lúc về đoàn Kim Chưởng và Kim Chung thì hợp đồng thù lao của anh Hải là 1,2 triệu đồng, giá kỷ lục của năm 1963, cao hơn cả nhiều ngôi sao đương thời.

Cuối năm 1961, hai nghệ sĩ Thanh Hải và Ngọc Hương rời đoàn hát Thủ Đô, gia nhập đoàn hát Kim Chưởng, hình thành một cặp đào kép ăn khách nhất của đoàn Kim Chưởng, một

đoàn được báo chí kịch trường tặng cho danh hiệu là Đệ Nhất Anh Hùng Lưu diễn. Đoàn Kim Chưởng lúc đó có một lực lượng diễn viên mạnh, gồm có Thanh Hải, Ngọc Hương, Hùng Cường, Mộng Thu, Kim Nên, Diệp Lang, Trường Xuân, Hề Minh…

Thanh Hải - Ngọc Hương

Nghệ sĩ Thanh Hải có các vai tuồng gọi là để đời như vai Ai Bình Cơ tuồng *Hai Chiều Ly Biệt*, vai Hải Bằng tuồng *Cô Gái Sông Đà*, vai Trần Tử Lang tuồng *Nắng Chiều Trên Sông Dịch*, vai Điền Sơn tuồng *Thuyền Ra Cửa Biển*, vai Lý Kim Tùng tuồng *Nửa Bản Tình Ca*…

Tết Nguyên Đán năm 1964, nghệ sĩ Thanh Hải hát cho sân khấu Kim Chung 3. Thanh Hải cộng tác với công ty Kim Chung trên 4 năm, anh hát với nhiều nghệ sĩ tài danh Lệ Thủy, Út Bạch Lan, Kim Chung, Bích Hợp, Diệu Hiền, Tô Kim Hồng, Út Hậu, Phước Hậu, Út Hiền, Văn Hường, hề Ốc…

Ở sân khấu Kim Chung. nghệ sĩ Thanh Hải có những vai diễn được khán giả ưa thích như vai Quách Tỉnh vở *Lưới Tình*, vai Hàn Vũ Lang vở *Manh Áo Quê Nghèo*, vai Hoàng Phủ Thiếu Hoa vở *Mạnh Lệ Quân*, vai Lý Quảng vở *Hoa Mộc Lan*, vai Hoàng Kiếm Phi vở *Bão Biển*, vai Cổ Tây Phong tuồng *Đào Hoa Khách - Tuyệt Tình Nương*.

Năm 1967, anh Hải đoạt Huy chương vàng giải Thanh Tâm qua vai Quách Tĩnh trong vở tuồng *Lưới tình*.

Cuối năm 1968, nghệ sĩ Thanh Hải hết hợp đồng với công ty Kim Chung, anh đi hát chầu cho các đoàn hát tỉnh ở Hậu Giang.

Năm 1970, Thanh Hải và hề Văn Hường hùn vốn, lập gánh hát Thanh Hải - Văn Hường. Đoàn hát quy tụ nhiều diễn viên tên tuổi như Út Trà Ôn, Ngọc Bích, Thanh Hải, Tô Kim Hồng, Đức Lợi, Đức Minh, Hề Văn Hường. Khai trương vở tuồng mới *Đường Gươm Nguyên Bá* của soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng. Lúc đầu đoàn hát Thanh Hải - Văn Hường có thu nhập khá nhưng sau đó vì chiến cuộc ngày càng tăng, ở một số thành phố bị giới nghiêm ban đêm, các gánh hát cải lương bị thất thu, đoàn hát Thanh Hải - Văn Hường cũng bị thua lỗ nên phải giải tán.

Năm 1972, nghệ sĩ Thanh Hải được bà bầu Tiêu Thị Mai mời về cộng tác với đoàn hát Thái Dương, hát chung với các nghệ sĩ Thành Được, Phượng Liên, Mỹ Châu, Diệp Lang, Hoàng Long, Kim Ngọc, hề Tư Rọm, Văn Chung

Đến năm 1975, đoàn Thái Dương cũng như các đoàn hát tư nhân đều bị giải tán. Thanh Hải nằm nhà vài tháng trông ngóng tình hình, sau đó anh chạy xuống tỉnh, đi hát cho các đoàn hát chui, những đoàn hát tạm thời được các tỉnh cho phép lập để hát trong tỉnh như đoàn Thanh Tú - Trang Bích Liễu, đoàn hát

Quê Hương của tỉnh Bến Tre, đoàn hát Thống Nhất của tỉnh Tây Ninh.

Năm 1979, Thanh Hải về thành phố, cộng tác với đoàn hát Phước Chung và một đoàn hát lớn của thành phố, cùng hát chung với các nghệ sĩ Lệ Thủy, Minh Vương, Mỹ Châu, Trang Bích Liễu, Thanh Tú, Hoàng Giang, Kim Giác, Diệp Lang, Khả Năng, Phi Thoàn…

Cuối năm 1988, nghệ sĩ Thanh Hải giải nghệ, ở nhà trông coi nhà cửa, chăm sóc cho con cái trong việc ăn học. Vợ của anh là trụ cột trong kinh tế gia đình nên Thanh Hải không còn bận tâm bươn chải kiếm sống như trong thời trai trẻ đã qua.

Vợ chồng Thanh Hải có 6 người con, trong số đó có 3 người đã lập nghiệp ở nước ngoài.

Vợ của Thanh Hải là bà Mỹ Linh, nhiều năm làm ở Sở Ngoại vụ, sau khi về hưu đã lập công ty riêng lo về thủ tục xuất cảnh. Hai ông bà sống thoải mái trong căn hộ hóa giá của đoàn văn công trước kia. Ngày rảnh, Thanh Hải vác cần câu vô Đầm Sen câu cá. Khỏe thì đi ăn sáng với nhóm Minh Vương, tụ tập bạn bè thời đại bang Kim Chung, nói chuyện phiếm đỡ buồn. Thanh Hải mập ra nhưng không bệnh gì cả. Tuổi già lý tưởng!

Năm 2006, Thanh Hải được mời sang Mỹ biểu diễn cùng với Thanh Sang, Diệu Hiền, Phượng Liên, Bảo Quốc... Năm 2007, khi Sân khấu Vàng của ngh ệ sĩ Lệ Thủy và Minh Vương tổ chức nhằm gây quỹ xây dựng nhà tình thương, Thanh Hải đã xuất hiện trở lại trên sân khấu cùng với nữ đồng nghiệp ăn ý nhất nghệ sĩ Ngọc Hương. Cả hai đã ca diễn trích đoạn *Nắng chiều trên sông Dịch*, được khán giả cổ vũ nồng nhiệt. Và đó cũng là những suất diễn cuối cùng của "Vua ngâm Tao Đàn" Thanh Hải.

Nghệ sĩ Thanh Hải có biệt danh là "Vua ngâm Tao Đàn", đã trút hơi thở cuối cùng lúc 12 giờ 30 ngày 16 tháng 9 năm 2014, tại nhà riêng, do bệnh già. Thọ 81 tuổi.

Thành Được

Thành Được – Châu Văn Được (1934-20…)

Nghệ sĩ Thành Được tên thật là Châu Văn Được sanh năm 1934 tại xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, cha mẹ là phú nông, có ruộng vườn. Thành Được học xong Tiểu học tại huyện Kế Sách, anh theo cậu ruột là bầu gánh hát cải lương Thanh Cần, để học hát.

Gánh Thanh Cần là một gánh hát trung ban, chuyên diễn ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ; Thành Được nhờ có giọng ca tốt, sắc diện đẹp trai, lại được diễn trên sân khấu nhà nên nhanh chóng trở thành kép chánh, được khán giả Hậu Giang ái mộ.

Năm 1957, khi bộ tứ Bầu gánh Kim Thanh: Út Trà Ôn, Kim Chưởng, Thúy Nga, Thanh Tao rã phần hùng, giải tán đoàn cải lương Kim Thanh - Út Trà Ôn, nữ nghệ sĩ Thúy Nga quy tụ một số nghệ sĩ cũ của Kim Thanh, thành lập đoàn Thúy Nga -

Phước Trọng, mời nghệ sĩ Thành Được làm kép chánh với contrat 150.000 đồng trong hai năm.

Vở tuồng khai trương của đoàn cải lương Thúy Nga Phước Trọng là vở *Ngưu Lang - Chức Nữ* của soạn giả Kiên Giang, Thành Được thủ vai Ngưu Lang, nữ nghệ sĩ Bích Sơn vai Chức Nữ, vở tuồng chỉ đạt được sự thành công tương đối. Sau đó, đoàn Thúy Nga - Phước Trọng trình diễn vở cải lương hương xa (Nhựt Bổn) *Khi Hoa Anh Đào Nở* của Hà Triều Hoa Phượng, với kép chánh Thành Được trong vai kiếm sĩ Tô Điền Sơn. Vở tuồng Khi Hoa Anh Đào Nở đã thành công lớn về mặt nghệ thuật lẫn tài chánh.

Lúc đó, các phim hát bóng *Địa Ngục Môn, Người Phu Xe* của Nhựt, đang rất được khán giả ưa thích nên sân khấu cải lương diễn tuồng Nhựt *Khi Hoa Anh Đào Nở, Đợi Anh Mùa Lá Rụng, Cầu Sương Thiếp Phụ Chàng*, cũng rất ăn khách vì đáp ứng được sở thích của khán giả.

Hồi đó, trong sinh hoạt cải lương, giới báo chí kịch trường mệnh danh sự thành công của đoàn cải lương Thúy Nga - Phước Trọng là một "hiện tượng" đặc biệt đáng ghi nhớ.

Trước nhứt là hai soạn giả trẻ Hà Triều - Hoa Phượng, mới có đôi ba tác phẩm đầu tay, đã thành công rực rở với vở *Khi Hoa Anh Đào Nở*. Hiện tượng thứ hai là sự xuất hiện của kép trẻ Thành Được, một giọng ca thiên phú, một lối diễn xuất chửng chạc, một nghệ sĩ kế thừa phong cách diễn xuất "Đẹp và Thật" của nghệ sĩ tiền phong Năm Châu.

Thêm nữa, những năm từ 1955 đến 1968, có nhiều soạn giả tài danh như Hà Triều Hoa Phương, Thiếu Linh, Kiên Giang, Nguyễn Phương, Qui Sắc, Hoàng Khâm, Thu An…Những soạn giả mới nầy khai thác khả năng ca của các nghệ sĩ trẻ mới nổi lên, tạo ra một lớp diễn viên mới với phong cách diễn xuất

tươi mướt hơn, với lối ca vọng cổ quyến rũ hơn lớp nghệ sĩ đàn anh trước kia.

Những nghệ sĩ trẻ thành danh từ năm 1956 đến 1968 có Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Tấn Tài, Út Hiền, Thanh Hải, Út Nhị, Minh Tấn, Thanh Tú, Minh Vương, Minh Cảnh, Minh Phụng, Dũng Thanh Lâm..

Phía nữ nghệ sĩ tài danh trong giai đoạn nầy ta thấy có Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Thanh Nga, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Hồng Nga, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Bích Sơn, Ngọc Bích, Bích Hạnh, Thanh Kim Huệ, Hà Mỹ Xuân, Trương Anh Loan, Kiều Phượng Loan...

Ba diễn viên ăn khách nhất lúc bấy giờ là các nghệ sĩ Hữu Phước, Thành Được và Hùng Cường. Trong bộ ba Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường thì Thành Được có giọng ca truyền cảm tuy kém hơn Hữu Phước một chút nhưng hơn hẳn Hùng Cường; về sắc vóc thì Thành Được đẹp trai hơn Hữu Phước.

Hai diễn viên có giọng ca vàng nầy đều có khả năng hơn Hùng Cường về ca , diễn và có nhiều thuận lợi hơn vì được nhiều soạn giả tài danh đương thời cung ứng tuồng tích, giúp cho Hữu Phước và Thành Được nhiều cơ hội biểu dương tài ca diễn của mình. Ký giả Nguyễn Ang Ca, tức soạn giả Ngọc Huyền Lan tặng biệt danh "Giọng ca vàng" cho Hữu Phước và tặng biệt danh "kép hát thượng thặng" cho Thành Được.

Sau khi rã phần hùng với gánh Kim Thanh - Út Trà Ôn, năm 1957, bà Kim Chưởng tách riêng ra lập gánh hát Hoa Anh Đào - Kim Chưởng, Bà bầu Kim Chưởng ký hợp đồng với nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan và kép chánh Thành Được.

Bà Bầu Kim Chưởng xuất thân từ gánh hát Bầu Bòn, học nghệ có căn bản, lại là nữ diễn viên tài danh qua nhiều đoàn hát lớn nên khi bà lập gánh hát thì bà đích thân tập luyện, chỉ dạy cho

nghệ sĩ trong đoàn của bà theo phong cách ca, diễn mà bản thân của bà đã được học hỏi trước đó.

Thành Được, Út Bạch Lan được cái may mắn khi mới bước chân vào nghề hát, đã được danh sư Kim Chưởng chỉ dạy. Đoàn Kim Chưởng nổi danh là "Anh Hùng Lưu Diễn" với các diễn viên giỏi tay nghề như Thành Được, Út Bạch Lan, Kim Nên, Mộng Thu, Trường Xuân, Nam Hùng, Thanh Sơn, Hề Minh.

Khán giả khó quên cặp diễn viên "thinh sắc lưởng toàn" Thành Được - Út Bạch Lan qua các vở tuồng: *Chưa Tắt Lửa Lòng, Bên Đồi Trăng Cũ, Thuyền Ra Cửa Biển, Áo Trắng Nàng Mộng Trinh, Nữa Bản Tình Ca, Người Đẹp Thành Bát Đa*. .

Trên sân khấu Kim Chưởng, đôi diễn viên tài sắc Thành Được - Út Bạch Lan yêu nhau, đưa đến cuộc hôn nhơn có hôn thơ giá thú, cô Phùng Há, chủ hôn bên đàn trai, cô Kim Chưởng, chủ hôn đàn gái. Đám cưới được tổ chức long trọng, hầu hết các ký giả kịch trường đều được mời tham dự. Báo chí đăng bài phóng sự lễ cưới và các giai thoại về cuộc tình Út Bạch Lan - Thành Được vì đây là lần đầu tiên trong giới nghệ sĩ cải lương có một cuộc hôn nhơn có hôn thơ giá thú đàng hoàng.

Đoàn hát Kim Chưởng nỗi danh Anh Hùng Lưu Diễn, thường đi hát ở các tỉnh Hậu Giang, ở miền Đông, miền Trung trong nhiều tháng liền, ít khi hát ở Saigon. Và đoàn Kim Chưởng lại chuyên hát những tuồng loại hương xa, kiếm hiệp, trong khi đó thì khuynh hướng của khán giả Saigon lại đang thích coi hát những vở tuồng xã hội.

Đoàn hát Thanh Minh chuyên hát những vở tuồng xã hội, lại là một đoàn hát thường hát quanh quẫn các rạp ở Saigon nên phù hợp với ý muốn tiến thân của Út Bạch Lan và Thành Được. Hai nghệ sĩ nầy cũng nói rõ nguyện vọng của mình nên bà Kim Chưởng bằng lòng cho cả hai trả lại tiền contrat đã ký với bà,

để Thành Được và Út Bạch Lan về cộng tác với đoàn Thanh Minh của bà Bầu Thơ.

Đầu năm 1962, Út Bạch Lan và Thành Được rời gánh hát Kim Chưởng để gia nhập gánh Thanh Minh Thanh Nga với contrat một triệu đồng năm trăm ngàn đồng, lương hát một suất 1200 đồng. Đoàn nầy lưu diễn miền Trung để tập vở tuồng *Nữa Đời Hương Phấn* của Hà Triều Hoa Phượng.

Thành Được trong vai Tùng, Út Bạch Lan, vai Hương, tên The khi ở dưới quê, Hữu Phước vai Hai Cang, người anh, vì quan niệm lỗi thời môn đăng hộ đối mà phá hủy hạnh phúc của em mình. Ngọc Nuôi, vai Diệu, em của Hương, về sau là vợ chính thức của Tùng.

Thành Được, Út Bạch Lan sáng chói hơn hết trong hai nhân vật trung tâm của vở tuồng. *Nữa Đời Hương Phấn* là nữa đời ngang trái cho thân phận đàn bà, cho tình yêu, cho sự đi tìm bạn tri âm và cho cả sự hy sinh cam chịu sự tan nát của nổi lòng khi Hương biết người con gái mà Tùng kết duyên lại chính là Diệu, em ruột của Hương. Hương - Út Bạch Lan ca bản Phụng Hoàng, lấy nước mắt khán giả mà đến nay hơn 40 năm sau, nghe lại lớp ca Phụng Hoàng đó của Út Bạch Lan, tôi vẫn còn bồi hồi xúc cảm như xưa...:

Năm 1962, vở tuồng *Nữa Đời Hương Phấn* đã lập kỷ lục "ăn khách" nhờ tuồng hay, nhờ Thành Được, Út Bạch Lan, Hữu Phước, Việt Hùng Ngọc Nuôi diễn giỏi, ca hay. Ấn tượng ban đầu về những nam diễn viên có giọng ca vàng như Thành Được, Hữu Phước là ấn tượng sâu đậm, khó quên.

Thành Được nhờ thành công buổi ban đầu đó, nên anh thành công dễ dàng thêm qua các tuồng *Con Gái Chị Hằng, Tấm Lòng Của Biển, Bọt Biển, Chuyện Tình 17, Tình Xuân Muôn Tuổi, Rồi Ba Mươi Năm Sau, Giấc Mộng Giữa Hoàng Lăng, Tiếng Hạc Trong Trăng...*

Đến năm 1964, hôn nhân của Thành Được Út Bạch Lan tan vỡ.

Năm 1966, Thành Được đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm với vai diễn tướng cướp Thi Đằng (tuồng *Tiếng hạc trong trăng*.

Năm 1984, Thành Được đi lưu diễn tại Đức và xin tị nạn chính trị tại đây. Ông sinh sống bằng nghề nhà hàng tại Đức và năm 1995 đến Mỹ mở nhà hàng Thành Được tại Milpitas, một phố nhỏ sát San Jose, California.

Năm 2003, trên sân khấu của trung tâm Asia tại Texas, nghệ sĩ Thành Được đã quyết định chọn mặt gởi vàng, để đi đến một quyết định hết sức khó khăn là chấm dứt sự nghiệp lừng lẫy của mình khi mà "còn ca được, diễn được". Ông không nói nhiều nhưng ông mượn bài ca "Giã Từ Sân khấu " của soạn giã viễn Châu viết cho mình đề thay lời muốn nói.

Rồi từ đó đến nay, người ta không thấy không nghe nhiều về nghệ sĩ Thành Được nữa ngoài cái tin ông thắng kiện đòi lại ngôi nhà mặt tiền trên đường Nguyễn Văn Trổi trị giá 100 tỷ từ một công ty dầu khí trong vài năm gần đây. Thời gian trôi nhanh, nhiều năm trôi qua, nhưng trong lòng khán giả vẫn nhớ về nghệ sĩ Thành Được sang cả về ca lẫn thoại, đẹp hình dáng lẫn trong chất giọng ngân như tiếng chuông thanh tao..

Thành Được, vợ Thành Được và Lệ Thủy

(Xem *Nửa đời hương phấn* trang 174)

Văn Hường

Văn Hường - Nguyễn Văn Hường (1934-20…)

Nghệ sĩ Văn Hường tên thật là Nguyễn Văn Hường, sinh năm 1934 tại xã Long Thạnh Mỹ, Thủ Đức, tỉnh Gia Định nay là Tp. HCM. Ông thứ Sáu trong gia đình nông dân đông con, nên thường được bạn bè gọi là anh Sáu Văn Hường. Ban đầu, ông chỉ nghe đài phát thanh, thuộc nằm lòng rất nhiều bài bản, câu hò điệu lý.

Khoảng 15 tuổi, nghệ sĩ Văn Hường từ giã quê hương lên Sàigòn... bán hột dưa ở rạp cải lương nổi tiếng bấy giờ là Nguyễn Văn Hảo, nay là rạp Công Nhân thuộc Nhà hát Kịch Tp. HCM - 30 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. HCM..

Cuộc đời ca hát của nghệ sĩ Văn Hường bước sang một ngã rẽ thuận lợi quan trọng khi ông đang hợp tác với giải trí trường Lệ Liễu ở Thị Nghè, Saigòn, thì soạn giả Viễn Châu phát hiện giọng ca hài đặc biệt ấy và mời ông hợp tác với hãng dĩa Asia. Nghệ Sĩ Văn Hường kể lại bước đường nghệ thuật xuôi buồm thuận gió của ông:

Văn Hường biết sáng tạo, khai thác thêm ở giọng ca và cách ca cho khác lạ và phù hợp với vọng cổ hài. Đó là cách luyến lái, nhấn nhá và kéo dài phụ âm “R”, hoặc lên giọng thật cao ở những chữ mang dấu sắc, dấu hỏi, đặc biệt vô vọng cổ với chữ ự…ự…ự lên xuống trước khi xuống Hò, hoặc chữ ư…ư khi

dứt câu 2, nghe rất độc đáo, mang nhản hiệu riêng biệt của Văn Hường mà nghệ sĩ khác khó bắt chước theo.

Văn Hường cho biết: *"Lúc đó anh Viễn Châu thấy Văn Hường ca được quá mới bèn mời về hợp tác với hãng dĩa, với cái bài đầu tiên của tôi ca, đó là cái bài "Đêm Tân Hôn" của sọan giả Viễn Châu. Rồi lần hồi ảnh viết qua các bài "Tư Ếch đi Sàigòn", "Vợ tôi nói tiếng Tây", "Pháp Sư giải nghệ"...nhiều bài lắm, bây giờ kể không hết được.*

Lần hồi anh Bảy Cao đoàn Hoa Sen cũng về đó hát và mời tôi hợp tác với đoàn này. Hát được mấy năm, đoàn Kim Chung mời tôi ký giao kèo hơi lớn, hát cho đoàn này trong mười mấy năm..."

Văn Hường không dành độc quyền cho hãng dĩa nào cả. Nên ông tự do thu thanh ở nhiều hàng dĩa khác nhau với thù lao cao – từ hãng Asia, Continental, Quê Hương tới Capitol, và được các sọan giả nổi tiếng như Viễn Châu, Quy Sắc, Nguyễn Phương viết nhiều bài ca hài hước nhằm khai thác lối ca diễn độc đáo của Văn Hường..

Giọng ca thiên phú cộng thêm sự may mắn như vậy đã giúp đưa nghệ sĩ Văn Hường lên ngôi vị một thời vang bóng.

Trong các thập niên 60, 70 – giai đọan vàng son của ngành ca kịch cải lương nói chung và sự nghiệp của Văn Hường nói riêng, qua những bài vọng cổ hài hước như *Pháp Sư Giải Nghệ, Vợ Tôi Đi Coi Bói, Văn Hường Năm Con Vợ, Văn Hường Mê Số Đề...,* giọng ca độc đáo của Văn Hường đã nhẹ nhàng chăm biếm mặt trái cuộc đời, từ mê tín dị đoan, hủ tục đa thê…cho tới nạn hút sách, mê cờ bạc.

Năm 1972, nghệ sĩ Văn Hường hợp tác với "vua" ngâm thơ Tao Đàn – cố nghệ sĩ Thanh Hải lập đoàn hát riêng mang tên "Thanh Hải - Văn Hường". Sau ngày đất nước thống nhất, ông

về cộng tác với Đoàn cải lương tập thể Thống Nhất ở Tây Ninh, sau đó về Đoàn cải lương Sống Chung (Phước Chung). Năm 1987 do lớn tuổi, ông từ giã sân khấu, lui về mở quán nghệ sĩ Văn Hường tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, Tp. HCM. Quán vẫn hoạt động cho đến ngày nay.

Ở tuổi ngoài 80, nghệ sĩ Văn Hường bộc bạch: *"Đã qua tuổi thất thập cổ lai hi, còn có khán giả yêu mến, đêm đêm còn được ca theo yêu cầu của người yêu bài ca cổ hài đó là niềm vui, niềm hạnh phúc lớn lao nhất của một nghệ sĩ về chiều như tôi. Như đã nói, hễ còn "ự" được tui cứ "ự", cho đến khi nào hết thở thì thôi!"*

Hiện tại ông sống với người vợ thứ năm, người gắn bó lâu nhất, hơn 30 năm nay hết lòng chăm lo cho ông và các con, lại luôn hiểu và thông cảm cho đời nghệ sĩ.

Út Bạch Lan

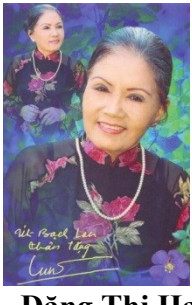

Út Bạch Lan - Đặng Thị Hai (1935-2016)

Nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan tên thật là Đặng Thị Hai, sinh năm 1935, tại ấp Lộc Hóa, xã Lộc Giang, Đức Hóa, Long An. Thân phụ của cô là ông Nguyễn Văn Chưa, làm nghề nài ngựa đua, qua đời năm 1966. Mẹ của cô là bà Đặng Thị Tư, thường gọi cô là bé Út.

Năm 1945, Mẹ cô cùng cảnh ngộ với mẹ của Văn Vĩ nên hai bà kết nghĩa chị em với nhau, sống chung và đi làm mướn độ nhựt ở Chợ Lớn Mới nay là chợ Bình Tây.

Lúc đó Văn Vĩ tên là Đinh Văn Dậm, vì đau ban trái không chữa được nên bị mù từ nhỏ, ông thầy thuốc đặt tên Văn Vĩ thay cho tên Dậm. Văn Vĩ học đàn guitare cổ nhạc và đàn rất giỏi.

Bé Út 11 tuổi, Văn Vĩ: 15 tuổi, khi có dịp rãnh, Văn Vĩ dạy cho Bé Út ca. Bé Út nghe máy hát dĩa của hàng xóm, học thuộc nhiều bản vọng cổ khác. Bé Út thấy có người mù đi hát dạo trong chợ, được người ta cho tiền, bèn rủ Văn Vĩ lén mẹ đi hát dạo, hy vọng có tiền giúp đỡ cho hai bà mẹ.

Hai anh em Văn Vĩ, Bé Út hát dạo từ Chợ Lớn Mới qua các phố phường Chợ Lớn Cũ, ra tới Chợ Bến Thành Saigon. Lúc đó đang có chiến tranh Việt - Pháp, Văn Vĩ và Bé Út đàn ca, tụ tập người nghe rất đông tại Bùng Binh Sàigòn, cảnh sát Tây sợ có biểu tình, giải tán số người tụ tập nghe ca và bắt Văn Vĩ và Bé Út, đánh cho mấy cây "ma trắc", rồi đem về nhốt ở bốt quận Nhì.

Ông Xếp Tây lai, bạn của nhạc sĩ Jean Tịnh và ca sĩ Thành Công, đài Pháp Á thấy hai đứa trẻ biết đờn ca cổ nhạc nên tha cho về. Đây là một cơ duyên khiến cho ca sĩ Thành Công trở thành người đầu tiên dìu dắt Út Bạch Lan trên con đường sự nghiệp cầm ca.

Ở chợ Bàu Sen, gần bến xe miền Tây cũ, có một ông người Bắc tốt bụng cho hai bà mẹ với Văn Vĩ, Bé Út che mái lều cạnh bức tường nhà của ông để ở. Ông bày cho Văn Vĩ mở lớp dạy ca cổ nhạc, tự tay ông vẽ giùm bảng dạy ca cổ nhạc dựng trước nhà. Từ đó hai gia đình Văn Vĩ, Bé Út có nơi cư trú, hai bà mẹ đi mua gánh bán bưng ở chợ Bàu Sen. Văn Vĩ đàn, dạy ca cổ nhạc.

Thỉnh thoảng Bé Út và Văn Vĩ đi đàn ca ở các đám tiệc, đám cưới. Cô Năm Cần Thơ nghe tiếng đồn, tới nghe Bé Út ca, cô Năm Cần Thơ dẫn Bé Út đi ca nơi quán cổ nhạc Họa Mi của cô trong khu Đại Thế Giới Chợ Lớn. Văn Vĩ cũng được mướn đàn cho quán nhậu có ca cổ nhạc của cô Năm Cần Thơ. Ngoài ra, cô Năm Cần Thơ còn dẫn Bé Út đi ca ở Đài Phát Thanh Pháp Á.

Ca sĩ Thành Công, nhạc sĩ Jean Tịnh gặp lại Bé Út và rất mến mộ ngón đờn guitare sắc sảo của Văn Vĩ nên mời hai anh em gia nhập Ban Thành Công, nhóm cổ nhạc của Đài Phát Thanh Pháp Á với nhạc sĩ Hai Long, ca sĩ Sáu Thồng, Ba Tình, Văn Chung, Việt Hùng. Thành Công đặt tên cho Bé Út là Út Bạch Lan.

Năm 1952, Út Bạch Lan theo đoàn Kim Khánh của ông Bầu Cang lúc đó đang hát tuồng kiếm hiệp của Mộng Vân như : *Trộm mắt Phật, Cây Đèn thần, Cánh bườm đen*. Các nữ diễn viên Kim Nên, Thu Ba, bé Hồng Vân, Ngọc An đều có vai trong tuồng; phải đợi có cô nào bịnh không hát được thì Út Bạch Lan mới có dịp hát thế tuồng.

Út Bạch Lan thấy không có tương lai nên đi đầu quân cho đoàn đồn hát Tơ Huệ, cô vẫn bị bắt làm thế nữ, quân hầu. Cô bỏ về Sài Gòn, theo Thành Công, Sáu Thồng, Chín Sớm ca cổ nhạc ở Đài Phát Thanh Quốc Gia và Đài Pháp Á.

Năm 1955, cô gia nhập đoàn Kim Thanh của Út Trà Ôn, Thanh Tao, Kim Chưởng và Thúy Nga. Ở sân khấu Kim Thanh, Út Bạch Lan chỉ học múa và thỉnh thoảng đóng một vai đào phụ. Soạn giả Viễn Châu, viết thêm Út Bạch Lan ca hai câu vọng cổ trong tuồng *Tình vương hoa thắm.* Khán giả rất khen ngợi.

Năm 1961, Út Bạch Lan lập đoàn hát lấy tên bảng hiệu: Út Bạch Lan - Thành Được. Đoàn có những tuồng như: *Trảm mã trà, Đêm huyền diệu, Chân trời hạnh phúc, Khi rừng mới sang*

thu, Bốn mùa hoa nở, Bao giờ vườn sứ mưa hoa, Tìm suối tiên, Cuối đường hoa mộng, Thuyền về bến Ngự, Em đi trên phím nhạc, Khi hoa anh đào nở, Trăng sương cầu trúc, Sầu qua mấy nhịp cầu duyên.

Sau đó Viễn Châu viết thêm hai câu vọng cổ trong tuồng *Đời cô Nga* để cho Út Bạch Lan ca. Thành công vượt sức tưởng tượng của mọi người: khán giả vỗ tay nhiệt liệt không thua gì khi anh Út Trà Ơn ca. Vãn hát, khán giả đứng nghẹt cửa hậu trường để xem mặt Út Bạch Lan.

Trang trang kịch trường đăng hình của Út Bạch Lan với câu đề rất kêu của ký giả Nguyễn Ang Ca: "Một ngôi sao lạ vụt ngời sáng trên vòm trời nghệ thuật sân khấu cải lương". Ông Trần Tấn Quốc viết: "Út Bạch Lan, một giọng ca vọng cổ thảm sầu, bứt ruột bứt gan người nghe". Ký giả Kiên Giang Hà Huy Hà viết: "Sầu nữ Út Bạch Lan, chất giọng đồng pha thổ nghe thương cảm chơi vơi, đêm đêm khơi nguồn lệ của hàng ngàn khán giả mộ điệu cải lương"..

Nhiều đại diện của hãng dĩa Hồng Sơn, Hồng Hoa, Tứ Hải đến mời Út Bạch Lan ca thu dĩa vọng cổ.

Năm 1955, Út Bạch Lan rời đoàn Kim Thanh, cùng với anh Hồng Giang về đầu quân cho đoàn Thanh Minh, hát thường trực tại rạp Thành Xương. Út Bạch Lan đã thành công lớn qua các tuồng: *Biên Thùy nổi sóng, Cánh Bườm lửa, Tình tráng sĩ, Đồ Bàn di hận, Nhớ rừng, Tình người nữ cứu thương, Cung đàn trên sông lạnh, Núi Liễu sông Bằng, Hồi trống Vân Lâu, Áo gấm khôi nguyên, Cầu gỗ Hồng Mai Thôn, Người đẹp Bạch Hoa Thôn, Sơn nữ Phà Ca ....,* của các soạn giả Thiếu Linh, Nguyễn Phương, Mộc Linh, Lê Khanh.

Diễn viên cùng diễn chung với Út Bạch Lan trên sân khấu Thanh Minh thời gian 1955 đến 1958 có: Út Trà Ôn, Năm Nghĩa, Hồng Giang, Minh Tấn, Quang Phục, Sáu Nhỏ, Vinh

Sang, hề Kim Quang, hề Châu Hí, Hề Núi, Văn Ngà, Chí Hiếu, các cô Thu Ba, Hồng Vân, Ba Kim Anh, Thanh Nga, Mai Búp, Ngọc Chúng.

Năm 1958, Út Bạch Lan ký hợp đồng về hát cho đoàn Kim Chưởng với nghệ sĩ Thành Được. Khán giả khó quên cô qua những vở tuồng: *Chưa tắt lửa lòng, Bên đồi trăng cũ, Thuyền ra cửa biển, Áo trắng nàng Mộng Trinh, Nửa bản tình ca, Người đẹp thành Bát Đa.*

Trên sân khấu Kim Chưởng, Út Bạch Lan và Thành Được thành hôn có hôn thơ giá thú đàng hoàng, cô Phùng Há làm chủ hôn.

Năm 1961, Út Bạch Lan lập đoàn hát lấy tên bảng hiệu: Út Bạch Lan - Thành Được. Đoàn có những tuồng như: *Trảm mã trà, Đêm huyền diệu, Chân trời hạnh phúc, Khi rừng mới sang thu, Bốn mùa hoa nở, Bao giờ vườn sứ mưa hoa, Tìm suối tiên, Cuối đường hoa mộng, Thuyền về bến Ngự, Em đi trên phím nhạc, Khi hoa anh đào nở, Trăng sương cầu trúc, Sầu qua mấy nhịp cầu duyên.*

Cuối năm 1961, đoàn Út Bạch Lan – Thành Được rã, Út Bạch Lan và Thành Được trở về hát cho đoàn Thanh Minh-Thanh Nga. Út Bạch Lan với giọng đồng pha thổ, như rót mật ngọt vào lòng người nghe. Soạn giả Viễn Châu sáng tác bài vọng cổ Hoa Lan Trắng, kể chuyện đời của Út Bạch Lan.

Khoảng cuối thập niên 1960, đầu thập niên 1970, Út Bạch Lan mở quán cà-phê tại đình Tân An, nơi ngã tư Tự Đức, Nguyễn Bỉnh Khiêm, các nghệ sĩ Đài phát thanh Sàigòn thường giải khát nơi đây. Sau 1975, Út Bạch Lan hát cho đoàn cải lương Sài Gòn 1, rồi về quê nhà hát cho đoàn cải lương Long An.

Sau 1990, cô về hát cho Câu Lạc Bộ sân khấu cải lương và hát giúp gây quỹ cứu trợ nạn nhân bão lụt, giúp người nghèo cô

đơn ở thành phố và giúp bệnh nhân nghèo được điều trị miễn phí ở bệnh viện An Bình. Hơn bảy mươi tuổi đời, hơn 50 năm sân khấu, Út Bạch Lan, một giọng ca để đời, hiếm có trong nền nghệ thuật cải lương suốt nửa thế kỹ qua. Người đời đã gọi cô là Sầu nữ:

Út Bạch Lan mất khoảng 23 giờ ngày 4 tháng 11 năm 2016. Thọ 81 tuổi. Vì mang trong người nhiều chứng bệnh và vừa mổ khối u gan trong khi tuổi già sức yếu. Khi tin tức bà mất được lan truyền, rất nhiều nghệ sĩ trong và ngoài nước như Hồng Vân, Linh Tâm, Hữu Châu, Hữu Quốc, Trịnh Kim Chi, Gia Bảo… và rất nhiều khán giả bày tỏ sự kính trọng, nhớ tiếc, thương yêu…

(Xem *Tuyệt tình ca* trang 150)

Thanh Hương

Thanh Hương - Nguyễn Thị Thanh Hương (1936-1974)

Nghệ sĩ Thanh Hương tên thật là Nguyễn Thị Thanh Hương, sinh năm 1936 (Bính Tý) tại Phú Nhuận – tỉnh Gia Định. nay là Tp. HCM. Bà là con nhà nòi, cha là Năm Nghĩa – đệ nhất nghệ sĩ, mẹ là nữ danh ca Tư Sạng – nghệ sĩ lừng danh thời trước.

Thuở vào đời, Thanh Hương là một tư chức, nhưng nhờ giọng ca thiên phú, nên cô được mời hát tại Đài Phát thanh Pháp Á Sài Gòn từ đầu thập niên 1950. Ban cổ nhạc "Cửu Long" ở đài này nổi tiếng một thời với sự góp mặt của Tám Thưa, Bảy

Quới, cô Ba Bến Tre, cô Ba Trà Vinh, Thanh Hương, Văn Chung,...và Thanh Hương gặp Văn Chung ở đây.

Năm 1952, Thanh Hương thành hôn với nghệ sĩ Văn Chung.

Các hãng dĩa Pathé, Asia, Hoành Sơn mời thu thanh nhiều bộ dĩa tuồng và vọng cổ. Nữ nghệ sĩ Thanh Hương nổi tiếng với dĩa vọng cổ *Cô bán đèn hoa giấy* (Sáng tác: Quy Sắc) của hãng đĩa Asia thu thanh. Văn Chung nổi danh qua bộ đĩa Võ Đông Sơ,...

Thanh Hương gia nhập đoàn "Việt kịch Năm Châu" vào năm 1954, cùng với Văn Chung và cô đã tạo được cảm tình với khán giả ngay trong tuồng "*Người điên trong khói lửa*". Sau, Việt kịch Năm Châu biến cải lương thành đoàn ca kịch Phước Chung, Thanh Hương cộng tác một thời gian rồi lại có mặt ở đoàn Kim Thanh và sau đó là đoàn Thanh Minh của bầu Năm Nghĩa.

Năm 1956, Thanh Hương với cô Kim Chưởng dựng nên bảng hiệu "Kim Chưởng - Thanh Hương", một đại bang rất ăn khách.

Cuối thập niên 1950, cuộc bình bầu trên một tờ báo *Tiếng Dội* của ông Trần Tấn Quốc chủ biên, do khán giả chọn, Thanh Hương sở hữu danh hiệu *Đệ nhất nữ danh ca*; Út Bạch Lan hạng nhì. *Đệ nhất nam danh ca* thuộc về Út Trà Ôn. Dịp này, sầu nữ thổ lộ rằng chị đinh ninh mình ở ngôi số một; dè đâu... Có lẽ, Thanh Hương thắng phiếu Út Bạch Lan là nhờ... âm vực rộng, rộn ràng. Năm 1958, Thanh Hương sanh đứa con gái đầu lòng đặt tên là Hương Dạ Thủy.

Năm 1960, khi sự nghiệp sân khấu khá vững vàng, Văn Chung và Thanh Hương nghỉ hát đoàn Kim Chưởng – Thanh Hương và Thanh Hương cùng chồng dựng nên bảng hiệu "Thanh Hương - Văn Chung".

Năm 1961, khi hát ở Hậu Giang, tuồng *Nó là con tôi* (của Hà Triều – Hoa Phượng), nghệ sĩ Hùng Minh đóng cặp với nữ nghệ sĩ Thanh Hương, đưa đến việc Văn Chung và Thanh Hương gảy gánh gia đình. Thanh Hương đem con gái Hương Dạ Thủy về gởi cho cô Ba, chị của ông Năm Châu ở trại Phước Chung.

Năm 1962, đoàn hát Thanh Hương – Văn Chung được ông Bầu Hai Lợi mua lại, đổi bảng hiệu thành đoàn Thi ca vũ nhạc kịch Trâm Vàng.

Đến giữa năm 1963, cặp nghệ sĩ Thanh Hương và Hùng Minh tách ra, thành lập đoàn hát Thanh Hương – Hùng Minh, quy tụ nhiều soạn giả hữu danh, nhiều diễn viên tên tuổi nên đoàn hát Thanh Hương – Hùng Minh thu hút được đông đảo khán giả trong 10 năm liên tục.

Ngày 18 tháng 4 năm 1974, nữ nghệ sĩ Thanh Hương qua đời vì một cơn sinh khó và được an táng tại Nghĩa trang chùa Nghệ sĩ, hưởng thọ 38 tuổi.

Hùng Cường

Hùng Cường - Trần Kim Cường (1936-1996)

Nghệ sĩ Hùng Cường tên thật là Trần Kim Cường, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1936 tại Bến Tre, sau theo gia đình lên Sàigòn.

Ngay từ khi còn là học sinh Trường Trung học Trần Hưng Đạo, ông đã có thể tự sáng tác và biểu diễn những bài hát học sinh trong các lần hội diễn của trường. Sau khi học xong "tú tài", ông chính thức theo nghiệp ca hát tại các vũ trường Kim Sơn, Baccara,…

Ngay từ năm 1954–1955, Hùng Cường đã nổi tiếng với các nhạc phẩm "tiền chiến" như: *Ông lái đò, Vọng ngày xanh, Sơn nữ ca, Đường xưa lối cũ,...* Tất cả đều được thu đĩa và đạt số bán kỷ lục ở Sàigòn bấy giờ. Đầu thập niên 1960, Hùng Cường và Mai Lệ Huyền chuyển sang thể loại nhạc vàng, tạo nên một không khí mới mẻ trong nền âm nhạc thời đó. Ông cũng được xem là người đào hoa vì có nhiều người tình ở đất Sàigòn thời bấy giờ.

Ông vốn là ca sĩ hát tân nhạc, nhưng năm 1959, ông bất ngờ xuất hiện trên sân khấu cải lương trong vai chính và thành công vang dội. Đó là điều khá phi thường vì vào thời điểm đó, một người theo đoàn cải lương phải mất ít nhất 2–3 năm làm "giàn bao" mới lên được vai phụ, rồi cũng mất chừng ấy thời gian mới lên được vai chính nếu thực sự có tài và khổ luyện. Với nền móng nhạc lý vững vàng, cộng với chất giọng đã được trui rèn và sự kiên trì, cố gắng khổ luyện, ông đã mạnh dạn bước lên sân khấu cải lương và khẳng định ngay tên tuổi của mình. Kể từ đó, trên bầu trời cải lương miền Nam xuất hiện ngôi sao rực sáng, ông đã giúp cho tiếng tăm và doanh thu của đoàn Ngọc Kiều cải thiện đáng kể. Với vóc dáng "sáng" sân khấu, chất giọng tenor khỏe, lối diễn xuất vừa tự nhiên vừa tự tin và rất hợp lý, cùng những bài bản cải lương đã được luyện tập kỹ càng, Hùng Cường đã thành công vang dội ngay từ vai diễn đầu.

Ngay khi đó, chủ đoàn Ngọc Kiều ký tiếp hợp đồng với Hùng Cường để hát vai chính trong kịch bản mới *Tuyết phủ chiều đông* khai trương tại rạp Viễn Trường tại Mỹ Tho, nay là Tiền Giang sau một tháng tập dượt. Hùng Cường đã mướn riêng một

nhạc sĩ cổ nhạc đến nhà ông luyện tập ngày đêm. Ngoài ra, ông rất nhạy bén, biết được sở đoản, sở trường của mình, nên đã phối hợp với soạn giả cải lương lồng vào kịch bản khá nhiều đoạn tân nhạc, khai thác đúng tài năng của ông.

Vở tuồng *Tuyết phủ chiều đông* của soạn giả Bạch Yến Lan và giọng hát mới Hùng Cường đã tạo nên một sự kiện chấn động "thánh địa cải lương" Mỹ Tho. Đêm ấy, rạp Viễn Trường đầy kín từ chỗ ngồi đến chỗ đứng, bên ngoài còn dư khán giả gần nửa rạp.

Tiếp theo, đoàn Ngọc Kiều dựng tiếp vở cải lương *Màu tím đèn hoa giấy*, khai trương tưng bừng tại rạp hát Nguyễn Văn Hảo năm 1960, rồi tiếp tục lưu diễn nhiều tỉnh, thị xã lớn ở miền Tây. Hùng Cường đóng vai Kha Phong – kiếm sĩ Phù Tang điêu luyện, bên cạnh tài danh Ngọc Đáng. "Ngôi sao" cải lương Hùng Cường rực sáng từ đó.

Ông và nghệ sĩ Bạch Tuyết kết hợp lại thành cặp "sóng thần" rất nổi tiếng ở Sàigòn vào thập niên 1960. Nổi tiếng tới mức làm lu mờ những cặp đôi khác và chuyện tình giữa Bạch Tuyết với danh thủ Phạm Huỳnh Tam Lang được thêu dệt nhờ đó mà ra.

Sau khi bước sang lĩnh vực cải lương và thành công vang dội, Hùng Cường vẫn tiếp tục gắn bó với sân khấu ca nhạc và lại làm người hâm mộ quay cuồng theo ông với một thể loại nhạc mới lạ lần đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn – *nhạc kích động*, như cách gọi của nhiều người lúc đó là nhạc giật, một dạng pop-rock đã được Việt Nam hóa. *Nhạc kích động* với giọng ca Hùng Cường chỉ thực sự đạt đỉnh cao khi phối hợp cùng Mai Lệ Huyền – một ca sĩ nữ cũng "quậy" không kém. Những ca khúc tươi vui và "kích động" như: *Hai trái tim vàng, Vì chưa ngỏ ý, Túp lều lý tưởng,...* đã làm sôi động giới trẻ miền Nam cuối thập niên 1960 – đầu thập niên 1970.

Sau ca nhạc, cải lương, Hùng Cường tiếp tục "lấn sân" sang điện ảnh. Hàng loạt các phim do Hùng Cường thủ vai chính được người xem chú ý thời bấy giờ như: *Chân trời tím, Mãnh lực đồng tiền, Còn gì cho nhau, Nắng chiều, Ly rượu mừng, Vết thù trên lưng ngựa hoang*,... Lúc mới bước sang điện ảnh, Hùng Cường bị châm chích rất ác ý, chê bai là "cải lương". Thế nhưng, sau khi thành công với phim đầu tiên "Chân trời tím", nhiều hãng phim đã mời Hùng Cường cộng tác và phim nào có tên ông cũng ăn khách. Hãng phim Kim Thân đã trả thù lao khá cao để mời Hùng Cường và Mai Lệ Huyền đóng cặp trong phim *Mãnh lực đồng tiền*.

Theo chân Hùng Cường, nhiều đào kép cải lương khác ở Sàigòn cũng tham gia đóng phim, mà nổi hơn cả là Thanh Nga và Mộng Tuyền. Lúc đầu, các nữ tài tử điện ảnh rất ngại đóng cặp với kép hát cải lương, trong đó có Hùng Cường. Theo báo chí thời ấy, công ty phim truyện Liên Ảnh trước khi mời Kim Vui đã có ngỏ ý mời Thẩm Thúy Hằng đóng cặp với Hùng Cường, nhưng Thẩm Thúy Hằng từ chối, có lẽ do "định kiến" ấy.

Vào thập niên 1960, khi cải lương đang chiếm lĩnh Sàigòn, một nhóm kịch sĩ đứng đầu là Vân Hùng, La Thoại Tân, Hùng Cường hợp cùng nghệ sĩ Kim Cương, Thẩm Thúy Hằng và ca sĩ Túy Hồng tạo nên "đặc chủng" nghệ thuật mới mang tên

Kịch nghệ Sàigòn. Kịch Sàigòn ra đời muộn, không ồn ào, không thu hút ngay được nhiều khán giả tới rạp, nhưng dần dần cũng tạo được chỗ đứng. Ngoài kỳ nữ Kim Cương vốn là con nhà nòi về kịch nói, số còn lại đều từ điện ảnh, ca nhạc sang. Có thể nói, chính những cái tên như Thẩm Thúy Hằng, Hùng Cường đã lôi kéo một lượng khán giả không nhỏ, giúp sân khấu kịch Sàigòn có chỗ đứng và phát triển dần.

Năm 1971, sau khi rời khỏi Đoàn Dạ Lý Hương của ông Bầu Xuân một thời gian, Hùng cường và Bạch Tuyết thành lập Đoàn cải lương Hùng Cường - Bạch Tuyết. Loạt vở để đời như *Yêu người điên, Yêu người say, Tiền rừng bạc biển, Tuyệt tình ca, rồi Trăng thề vườn thúy, Má hồng phận bạc, Cho trọn cuộc tình…* của cặp đôi này khiến khán giả ầm ầm đến rạp như sóng thần. Từ đó, Hùng Cường – Bạch Tuyết được xưng tụng là cặp đôi "Sóng thần". Tên và hình ảnh của hai người xuất hiện đầy rẫy trên mặt báo, pano quảng cáo hay khắp các nẻo đường Sàigòn.

Cặp đôi Hùng Cường – Bạch Tuyết toàn vẹn đến mức ca, diễn đều hay; hát tân nhạc, cổ nhạc đều tốt. Đến khi gặp nhau, họ mới hiểu vì sao đối phương toàn gây nên những sự kiện chấn động như vậy. Đoàn cải lương Hùng Cường Bạch Tuyết được

rất đông người hâm mộ, tuy nhiên, do không biết cách quản lý, sau một thời gian đã ngưng hoạt động.

Sau sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, ông nhiều lần vượt biên nhưng bị bắt và sau đó bị tù, Hùng Cường có tư tưởng chống cộng sản rất quyết liệt, ông từng vào trại cải tạo sau năm 1975, sau khi được trả tự do, ông được sự giúp đỡ của các phật tử Hòa Hảo cướp thuyền vượt biên. Ông sang được Hoa Kỳ vào ngày 28 tháng 2 năm 1980. Ông cư ngụ tại Garden Grove, California, tiếp tục hoạt động âm nhạc.

Ông qua đời ngày 1 tháng 5 năm 1996 tại bệnh viện Fountain Valley, Quận Cam, California, hưởng thọ 60 tuổi. Ông được nhiều người đánh giá là một nghệ sĩ đa tài, bởi ông thành công ở các lĩnh vực điện ảnh, ca nhạc, cải lương và kịch.

Minh Cảnh

Minh Cảnh - Nguyễn Minh Cảnh (1937-20..)

Minh Cảnh tên thật là Nguyễn Minh Cảnh, sinh ngày 8 tháng 1 năm 1937 tại Chợ Lớn.

Cha của Minh Cảnh làm phu đạp xe xích lô, sau khá hơn ông làm tài xế taxi. Mẹ của nghệ sĩ Minh Cảnh buôn gánh bán bưng. Mẹ của Minh Cảnh sinh cả thảy 20 người con, nhưng do nghèo khó, bệnh hoạn nên có nhiều người đã mất, chỉ có 8

người con còn sống sót, trong đó Minh Cảnh là người con lớn nhất.

Năm 11 tuổi, Minh Cảnh về sống với bà Ngoại và Dì Ba ở góc đường Nguyễn Thiện Thuật và Phan Thanh Giản. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông phải làm rất nhiều việc để phụ giúp gia đình. Ông theo các bạn nghèo, đi bươi rác, lượm chai không, nylon và giấy vụn để bán lại cho các bà đi mua ve chai, buổi trưa và tối thì đi bán bánh cam, chuối chiên để kiếm tiền về phụ với gia đình.

Đến năm 15 tuổi, Minh Cảnh theo cha mẹ về ở đường Phạm Thế Hiển, quận 8. Ông thợ hớt tóc tên Sĩ, ở gần nhà, ông ta biết đờn cổ nhạc nên dạy cho Minh Cảnh ca vọng cổ và các bài bản cải lương.

Nhân ngày giỗ Tổ 12 tháng 8 âm lịch năm 1960, Minh Cảnh đi bán bánh ú nhưn tôm thịt ở bến xe buýt gần rạp hát Aristo đường Lê Lai, gần ga xe lửa Saigon. Minh Cảnh quen với anh Được, nhạc sĩ đàn violon trong ban cổ nhạc đoàn hát Kim Chung, nên được anh Được dẫn vào gánh hát chơi. Minh Cảnh cũng thắp nhang lạy Tổ như các diễn viên trong đoàn hát và được cho ở lại ăn uống sau lễ giỗ Tổ. Mặc dầu Minh Cảnh lúc đó đã được 21 tuổi nhưng anh ốm đói thường trực nên vóc người nhỏ xíu như một đứa trẻ 11 hay 12 tuổi thôi. Trong tiệc rượu sau lễ cúng Tổ, anh Được giới thiệu Minh Cảnh ca sáu câu vọng cổ tựa *Lá thư người chiến sĩ*. Anh Được đờn violon, Ngọc Sáu đờn cò, Bảy Trạch đờn kìm.

Mọi người có mặt trong cuộc tiệc đều vổ tay khen hay. Nhạc sĩ đờn cò Sáu Xíu giới thiệu giọng ca của Minh Cảnh với ông bầu Long. Nghe Minh Cảnh ca sáu câu vọng cổ, ông Bầu Long chấp nhận cho Minh Cảnh vào đoàn hát, lương đêm bốn chục đồng và ký contrat 20.000 đồng trong hai năm. Chỉ có giọng ca lạ, luyến lái êm dịu, một em bán bánh cam ở đầu đường xó chợ được nâng lên trên sân khấu, với một số lương ngày một cao

mà thời đó bất cứ người công chức nào đang làm việc cho chánh phủ cũng không thể mơ ước được số tiền lương và contrat cao như Minh Cảnh.

Nghệ danh Minh Cảnh là do vợ của nhạc Sĩ Năm Được đặt cho, mỹ danh thần đồng Minh Cảnh là do ký giả Nguyễn Ang Ca đặt, vì thấy Minh Cảnh nhỏ con như một trẻ nít, nên tặng mỹ danh thần đồng cho Minh Cảnh, mặc dù lúc đó anh đã được 21 tuổi.

Nghệ sĩ Minh Cảnh chưa hề được đào tạo nơi một trường nghệ thuật chánh quy nào, chưa phải đã theo học hát theo một trình tự làm quân hầu, kép con, kép cạnh rồi mới đến kép mùi, kép độc như phần đông các nghệ sĩ tiền phong đã trải qua. Minh Cảnh vào đoàn hát, đầu hôm sớm mai, chỉ biết ca rành sáu câu vọng cổ là một bước trở thành kép chánh, kép ca. Tình trạng nầy phổ biến trong thập niên 60 mà báo chí gọi là Kép ca đá kép diễn. Thời gian này các danh ca vọng cổ như Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm, Minh Vương, Minh Cảnh, Minh Phụng, Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Thanh Nga, Lệ Thủy, Thanh Thanh Hoa, Mỹ Châu, dù về phương diện diễn xuất còn kém nhưng nhờ hơi ca vọng cổ, đã trở thành kép chánh, đào chánh của đoàn hát, trong khi đó thì các diễn viên với tài diễn xuất bậc thầy lại phải lui về hàng thứ hai hay thứ ba trong dàn đào kép của đoàn hát.. Thậm chí có người đổi nghề như mở quán cà phê, tiệm uốn tóc hay làm giáo sư kịch nghệ hoặc làm việc lồng tiếng Việt cho các phim ngoại quốc. Đó là những tài danh sân khấu như Năm Châu, Kim Cúc, Bảy Nhiêu, Ba Thâu, Văn Lâu, Tám Lắm, Văn Lang …

Ở sân khấu Kim Chung ông đóng cặp với Diệu Hiền , Mỹ Châu, Kim Hoàng, Mỵ Lan qua những vở: *Đôi mắt mẹ hiền, Tướng cướp Bạch Hải Đường, Công Chúa cá Phò Mả cùi, Quán gấm đầu làng, Hoa rụng trắng thiền môn, Lục Vân Tiên Kiều Nguyệt Nga, Phật Thích Ca đắc đạo.*

Giữa năm 1961, nghệ sĩ Minh Cảnh nổi danh lớn với bài vọng cổ đầu tiên *Tu là cội phúc* của soạn giả Viễn Châu. Từ đó về sau ông đã thu đĩa những bài vọng cổ nổi tiếng khác cũng của Viễn Châu ở hãng Asia, Tứ Hải như: Võ Đông Sơ, Sầu vương ý nhạc, Chuyến xe lam chiều, Lưu Bình Dương Lễ,Lương Sơn Bá, Mưa trên phố Huế, Lòng dạ đàn bà, Em bé đánh giày, Trái sầu riêng, ca với Mỹ Châu, Đời mưa gió, Ni cô và Kiếm sĩ ca với Diệu Hiền, Người điên yêu trăng, Khóc cười, Hai bản đàn xuân của soạn giả Quy Sắc …

Năm 1963, đoàn Kim Chung 2 được thành lập, Minh Cảnh chuyển sang đoàn 2 và nổi danh qua các vở: *Manh áo quê nghèo, Bên cầu vọng thê, Lưỡi kiếm thần, Lời thơ trên tuyết, Bức hoạ da người, Bẻ kiếm bên trời, Hận đầu xanh, Bích Vân Cung kỳ án, Trinh nữ lầu xanh…*

Năm 1967, Minh Cảnh đứng ra lập đoàn hát riêng mang tên "Minh Cảnh kịch đoàn". Tuy nhiên, đoàn hát này không trụ được bao lâu thì tan rã, lại lập đoàn Thiên Cảnh, sau đó cũng rã gánh.

Minh Cảnh cho biết trước năm 1975, các băng nhóm thế giới ngầm hoạt động rộng, công khai ở Sàigòn, chia nhau lãnh địa để bảo kê nhà hàng, sòng bạc, đâm thuê, chém mướn… Nhiều "đại ca" khét tiếng thời đó như Đại Cathay, Huỳnh Tỳ, Long "trăng", Tạ Tình, Vũ Thế Hùng, Tín Mã Nàm, Điền Khắc Kim… tuy bản chất tàn ác nhưng cũng có nhiều tay mê cải lương. Trong đó, tướng cướp Điền Khắc Kim là một khán giả trung thành của Minh Cảnh.

Minh Cảnh nhớ lại: *Mỗi lần đi xem hát, tay này đều mua tặng tôi lẵng hoa với dòng chữ "Một khán giả vô cùng ái mộ Minh Cảnh". Ban đầu, tôi đâu biết Điền Khắc Kim là ai, cứ ngỡ đó là một khán giả bình thường và cũng chỉ mấy lần sơ giao. Một hôm, tôi bỗng thấy hình ảnh gã trên báo đăng kèm tin tức một*

vụ cướp tiệm vàng táo tợn. Tôi giật nảy mình nhưng rồi sau đó vẫn thấy gã đi xem hát và tiếp tục tặng hoa.

Một lần, khi vãn hát, tôi mời gã đi ăn khuya và hỏi thẳng chuyện báo đăng. Điền Khắc Kim cười cười, giải thích: "Vụ này em làm để kiếm tiền cứu đám đàn em bị bắt quân dịch. Đại ca yên tâm, lo lót xong vụ này, em giải nghệ xin theo đoàn hát làm quân sĩ". "Không rõ lời Điền Khắc Kim có chính xác hay không, tôi chỉ biết ký tặng gã bài ca cổ Tu là cội phúc của soạn giả Viễn Châu như một lời gửi gắm.

Sau năm 1975, khi miền Nam mất rồi, cuộc đời của nghệ sĩ cũng như cuộc đời của cả chục triệu dân ở miền Nam, phải làm việc theo một lối khác, cuộc sống khó khăn túng thiếu, cái thuở vàng son dành cho những giọng ca vàng không còn nữa.

Nghệ sĩ Minh Cảnh đã đến tuổi 70. Anh ở trong nước thì không thể nào thi triển giọng ca vàng để kiếm sống, nên từ hai ba năm nay, anh sang Hoa Kỳ, ở vùng Nam Cali hoặc đến San José, Virginia, những nơi có nhiều đồng bào Việt Nam định cư. Anh ca vọng cổ trong các quán có ca nhạc, trong các cuộc biểu diễn tổ chức ở rạp hát và anh cũng nhận được tiền thu nhập khá cao. Chắc chắn là cao hơn lúc còn ở Việt Nam sau năm 1975.

Nghệ sĩ Minh Cảnh sang Mỹ định cư từ đầu thập niên 2000. Thời gian đầu, ông có nhiều sô diễn liên tục, dù ở tuổi gần 70. Nhưng vài năm trở lại đây, ông ra vào bệnh viện liên tục, sức khỏe yếu dần.

Minh Cảnh bị bệnh tim mạch và phổi, thời gian qua nhờ các bác sĩ ở tiểu bang Texas - Mỹ điều trị, ông đã khỏe mạnh và đến quận Cam, tiểu bang California – Mỹ để chuẩn bị biểu diễn trong chương trình Cổ Nhạc Phương Nam, tối 26-7-2015.

Ông là người mở màn cho trào lưu ca vọng cổ dài hơi mà sau nầy các nghệ sĩ Giang Châu, Bình Trang, Châu Thanh và

Phượng Hằng nối gót theo Minh Cảnh tạo ra một trường phái ca vọng cổ dài hơi.

(Xem *Hai chiều ly biệt* trang 130)

Nam Hùng

Nam Hùng - Nguyễn Xúy (1937-20 ..)

Nghệ sĩ Nam Hùng tên thật là Nguyễn Xúy, sinh ở miền Bắc, thân phụ ông bán cà-phê. Khoảng đầu thập niên 1950, Ban Việt kịch Năm Châu ra Bắc, thân phụ của Nam Hùng theo Ban nầy bán cà-phê cho các nghệ sĩ, khi Ban nầy lưu diễn ở Bắc thân phụ ông trở thành công nhân của Ban Việt kịch Năm Châu, đã dẫn ông theo vào Nam. Vài năm sau thân phụ mất, Nam Hùng được Phùng Há nhận làm con nuôi. Năm 1954, chia đôi đất nước, mẹ ông và gia đình ở miền Bắc. Sau 1975, ông tìm được mẹ, đưa mẹ vào Nam phụng dưỡng.

Được Phùng Há nhận làm con nuôi và cho ăn học tử tế nhưng Xuý không thích học, chỉ mê được đi hát như mẹ nuôi. Nam Hùng nhắc lại ký ức: "*Ngồi trong lớp học mà đầu óc tôi chỉ mơ về sân khấu, bên tai chỉ nghe văng vẳng tiếng đàn, lời ca*".

Năm 1953, lên 16 tuổi, cậu bé Xuý năn nỉ mẹ nuôi cho nghỉ học để đi theo đoàn cải lương Hương Hoa. Là con nuôi của nghệ sĩ Phụng Há, người nổi tiếng trong giới cải lương lúc bấy

giờ, cộng thêm những bài học về ca diễn, vũ đạo được mẹ nuôi huấn luyện từ nhỏ và cả sự trưởng thành từ lúc đóng quân sĩ đến kép con, Nguyễn Xuý không gặp khó khăn khi theo đoàn hát không phải là gánh hát nhà. Nhưng hơn ai hết, Xuý ý thức rất rõ khả năng, thực lực của mình.

Lợi thế về sắc vóc, giọng ca tốt, nhưng ở Xuý lại không có chất mùi mẫn đủ sức làm xiêu lòng khán giả. Nam Hùng có nhận định: "Chất giọng mùi mẫn là do trời phú, không thể luyện tập mà có được. Không có giọng ca, mình phải tìm cái khác bù vô để chinh phục khán giả. Ca không luyện được thì phải luyện diễn". Nam Hùng bắt đầu chọn cho mình con đường trở thành kép độc từ đó.

Ở đoàn Hương Hoa, anh kép trẻ Văn Xuý được đặt nghệ danh Nam Hùng và bắt đầu thử sức với những vai kép độc đầu tiên. Thời gian làm ông quên lãng nhiều thứ, kể cả tên tuổi của những vai diễn thời son trẻ, nhưng cái cảm giác thấy mình cứ lóng ngóng khi diễn kép độc thì vẫn còn vẹn nguyên trong tâm trí ông.

Nam Hùng luôn ghi nhớ lời Phùng Há dạy: *"Trong một tuồng hát, các nhân vật đều quan trọng như nhau, có sự tương tác qua lại để tạo thành một tuồng hát hay. Hỷ, nộ, ái, ố trên sân khấu phải rạch ròi. Một kép độc thành công sẽ góp phần giúp vai kép chính được khán giả yêu thương hơn", tôi lại tự nhắc mình phải làm sao để khán giả càng ghét nhiều, càng tốt".*

Với suy nghĩ đó, mỗi lần nhận vai, Nam Hùng lại tìm hiểu thật kỹ nhân vật để chọn cho mình một cách thể hiện sự nham hiểm, độc ác xuất phát từ "tâm địa", tính cách của nhân vật. Vì lẽ đó, ông nghiễm nhiên trở thành một kép hát nổi tiếng của các đoàn: Minh Chí, Kim Chưởng, Út Bạch Lan, Dạ Lý Hương, Thanh Minh-Thanh Nga, Sàigòn 1, đoàn 284., Nam Hùng nổi tiếng với hàng chục vai kép độc khác nhau: Mễ Kha Đan trong vở tuồng *Đêm huyền diệu*, Hoàng Hạc Tử Lang

trong vở tuồng *Thuyền ra cửa biển*, Bình Thiếu Quân trong vở tuồng *Tiếng hạc trong trăng*, Chu Phác Viên trong vở tuồng *Lôi vũ*, Đổng Trác trong vở tuồng *Phụng Nghi Đình*, thầy Đề trong vở tuồng *Ngao Sò Ốc Hến*…

Năm 1961, Thanh Thanh Hoa đoạt giải Thanh Tâm, sau đó thành hôn với Nam Hùng, họ có chung với nhau nữ nghệ sĩ Thanh Thanh Tâm, sinh năm 1963. Sau đó, Nam Hùng và Thanh Thanh Hoa chia tay.

Năm 1977, Nam Hùng chính thức kết hôn với nghệ sĩ Tô Kim Hồng, họ đã chung sống đến ngày nay.

Nghệ sĩ Nam Hùng nói rằng cuộc đời nghệ sĩ long đong như đám lục bình. Cả đời chỉ biết ca hát mua vui cho mọi người, đến khi về già thì như con tằm đã rút hết ruột nhả tơ. Đôi khi, họ giật mình nghĩ tới vợ con, gia đình nhưng quá muộn để chăm lo vì tuổi già, sức yếu. Nhiều nghệ sĩ khi về chiều mới nuối tiếc đã không "học" lấy một nghề hoặc tìm việc phù hợp có thể nuôi thân khi già. Vì thế, không nhiều nghệ sĩ cuối đời thoát khỏi cuộc sống lo lắng, chật vật vì cơm áo gạo tiền!

Nam Hùng có chân trong ban chấp hành của Ban Ái hữu nghệ sĩ trực thuộc Hội Sân khấu Tp. HCM. Ông đi chỗ này chỗ kia vận động tiền bạc lo cho nghệ sĩ nghèo. Chính ông khai sinh ra quỹ giúp nghệ sĩ nghèo, neo đơn cách đây khoảng vài chục năm.

Chẳng ai biết Nam Hùng nghèo, vì cứ thấy ông ăn mặc chỉn chu đi vận động giúp cho người khác chứ không một lời than vãn chuyện riêng mình. Cả nhà ông sống nhờ quán phở, hễ dời nhà đi đâu thì quán dời theo đó. Mà dời nhà tới 6 lần. Ông và vợ thức khuya dậy sớm nấu phở, xong ông chạy đi lo việc cứu giúp nghệ sĩ nghèo khó. Vợ ông nghệ sĩ Tô Kim Hồng hiền lành, lui cui ở nhà bán phở và chăm sóc cha mẹ đôi bên. Hai vợ chồng giống nhau ở chỗ cực kỳ hiếu thảo. Sau giải phóng, Nam

Hùng đã tìm được người mẹ thất lạc, đưa vào Sàigòn nuôi luôn đến khi bà cụ qua đời.

Dù ở nhà thuê, gia đình đã mở cửa hàng bán phở. Ở đâu cũng là tiệm phở Nam Hùng, gần đây ở số: 292 Nguyễn Thái Sơn - P.4 - Quận Gò Vấp.

Vận rủi phải ra vào viện nhiều lần, Bệnh viện Chợ Rẫy và Phạm Ngọc Thạch, cả hai nơi nầy đã giúp đỡ tận tình khi ông nằm viện. Ông có một cô con gái nuôi và một bà chị họ rất tận tụy với gia đình, để ông và Tô Kim Hồng yên tâm làm công tác xã hội. Căn nhà của ông tuy ở thuê, tuy thanh bạch nhưng đầm ấm yêu thương. Nam Hùng tâm sự: "*Mình là kiếp con tằm nhả tơ mà được khán giả yêu thương như vậy thì xin kiếp sau cũng làm nghệ sĩ nữa*!".

Nghệ sĩ Nam Hùng không dừng các dự án từ thiện đang làm dang dở, tâm nguyện hoàn thành hồi ký về sự nghiệp của mình cùng mẹ nuôi là cố nghệ sĩ Phùng Há.

Hùng Minh

Hùng Minh - Nguyễn Ngọc Minh (1938-20..)

Nghệ sĩ Hùng Minh tên thật là Nguyễn Ngọc Minh, sanh năm 1938 tại huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, học sinh trường

dòng Saint Joseph Mỹ Tho. Khi cha mất, Minh theo mẹ về Saigon, cư ngụ ở quận 4.

Năm 1954, đoàn hát Thái Bình của ông Bầu Thới hát tại đình Lý Nhơn, quận tư, Minh xin theo học hát, được bầu Thới thu nhận. Minh theo đoàn Thái Bình tại rạp hát Phan Rang được 10 hôm, chỉ được làm quân sĩ ra sân khấu vài lần thì đoàn Thái Bình trở về Saigon vì nội bộ lủng củng. Đoàn hát Thái Bình ngưng hoạt động, xác gánh để ở đình Tân An Dakao, Minh và một số nghệ sĩ không nhà phải ở tạm trú trong đình.

Đây là giai đoạn bần khổ nhất của Minh khi bỏ nhà trốn theo gánh hát. Gánh hát rã, không dám trở về gia đình, không có nghề nghiệp gì khác, Minh đành sống lang thang bửa đói bửa no với các bạn vệ sĩ trong Đoàn. Sau đó, Minh đã cùng các bạn đến gánh hát Ánh Sáng của Bầu Tập để xin theo học hát. Các bạn của Minh thì được vào Đoàn hát, riêng Minh không được nhận, đành trở về đình Tân An tạm trú.

Lần khác Minh xin gia nhập gánh hát Phát Thanh của bầu Ba Tẹt hát ở Lái Thiêu, người giới thiệu với ông Bầu Ba Tẹt, nói Minh là kép chánh của một đoàn hát tỉnh. Minh được nhận ngay nhưng khi ông bầu Ba Tẹt giao cho một vai tuồng hát chánh, Minh không biết ca không biết hát nên đang đêm phải bỏ gánh hát trốn, lội bộ từ Lái Thiêu trở về đình Tân An, Dakao.

Nghệ sĩ Nam Sơn biết hoàn cảnh khốn khổ của Minh, nhận Minh làm con nuôi, dẫn theo gánh hát Bầu Tập, dạy cho Minh hát và đặt cho nghệ danh là Hoàng Bé..

Năm 1957, Hoàng Bé gia nhập gánh hát Đuốc Việt của Bầu Hơn, được sự giúp đở của các nghệ sĩ Thanh Cao, Trường Xuân, Tuấn Sĩ, Lệ Thẩm và Ngọc An nên dần dần Hoàng Bé

hát được những vai nhỏ trên sân khấu. Khi nghệ sĩ chuyên đóng vai kép lão mùi Hoàng Sâm rời đoàn hát Đuốc Việt, soạn giả Thanh Cao giao cho Hoàng Bé thế vai của Hoàng Sâm. Hoàng Bé hát thành công, được soạn giả Thanh Cao đổi nghệ danh Hoàng Bé thành nghệ sĩ Hùng Minh được sử dụng đến ngày nay.

Dưới sự truyền nghề tậm tâm của nghệ sĩ Thanh Cao và sự giúp đỡ của các nghệ sĩ Trường Xuân, Tuấn Sĩ và Ngọc An, Hùng Minh hát thành công trong nhiều tuồng: *Cô Gái Áo Vàng, Hận Cường Quyền, Trộm Mắt Phật, Cây Đèn Thần, Phùng Lộc giả gái….*

Đoàn Đuốc Việt - Bầu Hơn, chồng của nữ nghệ sĩ Ngọc An là hậu thân của đoàn hát Tiếng Chuông Bầu Cang, đã hai lần đổi bảng hiệu thành đoàn Hương Giang và đoàn Bích Sơn - Ngọc An nhưng đến năm 1959 thì rã gánh. Nghệ sĩ Ba Khuê sau khi tách rời đoàn Hoa Sen của ông bầu Bảy Cao, cùng với vợ là nữ nghệ sĩ Ái Hữu thành lập gánh hát Hữu Tâm.

Ông Bầu Khuê, chủ nhân gát hát Hữu Tâm mời Hùng Minh về làm kép với một mức lương tương đối khá kèm theo một số tiền giao kèo. Hùng Minh được giao hát đủ loại vai tuồng: kép mùi, kép độc, lão. Nhờ cố gắng diễn các loại vai đó, Hùng Minh có dịp diễn qua các tuồng *Ngã Ba Đường Hạnh Phúc, Tiếng Thét Giữa Điện Vàng, Nắm Cơm Chan Máu, Lòng Người Mặt Thú, Gió Hú Đồi Ma, Phương Dung Ca Kỹ, Nó là Con Tôi…*

Sau 5 năm học nghệ, Hùng Minh được tặng huy chương vàng Giải Thanh Tâm năm 1959 qua vai Hoa Lộc Trung trong tuồng *Nó là Con Tôi* .

Trong buổi nhận giải thưởng, Hùng Minh hát chung với Thanh Nga huy chương vàng năm 1958 vở tuồng *Bên Bờ Suối Mộng*. Lễ phát giải được tổ chức tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Saigon.

Năm 1960, nghệ sĩ Hùng Minh được đoàn hát Song Kiều Thúy Nga mời về hát với một số tiền lương và giao kèo tăng lên.

Năm 1961, Hùng Minh cộng tác với đoàn hát Thanh Hương - Văn Chung. Năm 1962, Hùng Minh lấy Thanh Hương, đoàn hát Thanh Hương - Văn Chung được ông Bầu Hai Lợi mua lại, đổi bảng hiệu thành đoàn Thi ca vũ nhạc kịch Trâm Vàng.

Đến giữa năm 1963, cặp nghệ sĩ tài danh Thanh Hương và Hùng Minh tách ra, thành lập đoàn hát Thanh Hương – Hùng Minh, quy tụ nhiều soạn giả hữu danh, nhiều diễn viên tên tuổi nên đoàn hát Thanh Hương – Hùng Minh thu hút được đông đảo khán giả trong 10 năm liên tục.

Ngày 18 tháng 4 năm 1974, nữ nghệ sĩ Thanh Hương qua đời vì một ca sinh nở khó khăn nên sau đó đoàn hát Thanh Hương – Hùng Minh rã gánh.

Năm 1975, Hùng Minh nguôi ngoai nỗi buồn, vừa gia nhập đoàn hát Tiếng Hát Dân Tộc thì đến ngày 30 tháng 4, mọi gánh hát đều phải ngưng hoạt động, chờ lịnh chánh quyền mới. Hùng Minh được bố trí về đoàn hát tập thể Thanh Minh.

Nghệ sĩ Hùng Minh cao ráo, đẹp trai, diễn xuất tinh tế, anh biết nghiên cứu tâm lý nhân vật từng vai, có kinh nghiệm diễn nhiều loại vai từ kép mùi, kép độc và vai hề nên trên sân khấu Thanh Minh, Hùng Minh hát thành công qua nhiều vai trong các tuồng *Tấm Lòng của Biển, Tiếng Trống Mê Linh, Bên Cầu Dệt Lụa, Thái Hậu Dương Vân Nga….*

Ba năm trên sân khấu Thanh Minh, nghệ sĩ Hùng Minh đã khẳng định được vị trí một kép quan trọng trong đoàn hát, anh đinh ninh sẽ chấm dứt những ngày phải long đong thay đổi liên tục nhiều đoàn hát như trước kia nhưng rồi ngày 26 tháng 11 năm 1978, nữ nghệ sĩ Thanh Nga và chồng cô bị sát hại, gánh hát Thanh Minh như một con thuyền giữa phong ba bão tố, Hùng Minh vẫn cố gắng cùng với những nghệ sĩ còn lại lo bảo đảm cho đoàn hát Thanh Minh tiếp tục hoạt động có hiệu quả. Nghệ sĩ Hùng Minh hát thêm hai tuồng: *Bóng Tối và ánh Sáng, Sau Ngày cưới…*

Năm 1980, đoàn Thanh Minh được tập thể hóa, đổi bảng hiệu là đoàn hát Thanh Nga, nghệ sĩ Hùng Minh cũng được cấp trên điều động về đoàn hát Văn Công. Tại sân khấu nầy anh hát các tuồng *Tiếng sóng Rạch Gầm, Tâm Sự Ngọc Hân, Muôn dặm vì chồng, Nàng Hai Bến Nghé, Dòng sông đầm lầy. Mùa Thu trên non cao, Khúc hát đoạn tình…*

Năm 1989, anh đi hát cho đoàn Sông Bé 2. Năm 1991 anh về cộng tác với đoàn cải lương Saigon 1 cho đến năm 1995, Hùng Minh về nhà nghĩ, anh chỉ tham gia hát thu hình băng vidéo cải lương.

Nghệ sĩ Hùng Minh là một trong nhiều nghệ sĩ là những đứa con nhà nghèo ra đi lập thân, chịu khổ chịu đói kém trong đầu thập niên 50 để đeo đuổi theo các gánh hát để học hát. Với một tinh thần kiên trì, gian lao đói nghèo không hề làm cho anh chùng bước. Nghệ sĩ Hùng Minh với năm mươi năm trên sân khấu, đã hát không dưới một trăm tuồng hát, nghệ sĩ Hùng Minh được kể là một nghệ sĩ có tay nghề vững vàng trong hàng các nghệ sĩ cải lương tài danh của các thập niên 50, 60, 70.

Cuộc đời Hùng Minh phải đi thuê nhà ở, xưa kia từ chợ Bàn Cờ tại quận 3, Tp. HCM. cho đến nay đã chuyển qua không

biết bao nhiêu căn nhà thuê, phòng trọ vẫn chưa có ngôi nhà che mái ấm gia đình.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Minh Đức

Minh Đức (1938-20 ..)

Nghệ sĩ Minh Đức sanh ngày 6 tháng 6 năm 1938 tại làng Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ, học Trung Học Cần Thơ. Minh Đức theo đoàn hát Thanh Tao để học hát, anh hát được vai quan trọng khi anh đi hát cho đoàn Hữu Tâm của ông bầu Ba Khuê nhân dịp thế vai cho kép Bữu Tài trong vở tuồng *Tiếng Chuông Thiên Mụ* của soạn giả Bạch Diệp Minh Nguyên.

Nghệ sĩ Minh Đức đã cộng tác qua các đoàn hát Thủ Đô, Hoa Mùa Xuân, tiền thân của gánh hát Dạ Lý Hương của ông Bầu Xuân, Hoa Thủy Tiên, Trăng Mùa Thu, Thanh Minh Thanh Nga, Kim Chung, Thái Dương, Tiếng Ca Trung Hiếu, Trần Hữu Trang.

Nghệ sĩ Minh Đức có giọng ca mùi mẫn, khi diễn các vai lão, giọng hát đĩnh đạt, cử chỉ phong lưu. Nghệ sĩ Minh Đức có kinh nghiệm và học thấu đáo các vũ đạo hát cải lương tuồng cổ, tuồng Tàu.

Minh Đức kết hôn với Kiều Lệ Mai,họ như đôi chim liền cánh cùng lượn bay trên bầu trời nghệ thuật chung trong một đoàn

hát, dù có thay đổi bao nhiêu đoàn hát, Minh Đức và Kiều Lệ Mai vẫn chung vai sát cánh, vui buồn sướng khổ bên nhau.

Khi định cư tại Pháp năm 1979, Minh Đức và Kiều Lệ Mai phải bắt đầu từ con số không để xây dựng lại cuộc sống và cuộc đời nghệ thuật. Với một niềm đam mê theo nghiệp Tổ cải lương, Minh Đức và Kiều Lệ Mai tham gia hầu hết những suất hát phục vụ sinh hoạt của cộng đồng người Việt tạp Paris.

Năm 1986, nghệ sĩ lão thành Hữu Phước lập nhóm Nghệ sĩ tỵ nạn tại Paris (Assiociation des artistes réfugiés de Paris) gồm có các danh tài Kiều Lệ Mai, Dũng Thanh Lâm, Hà Mỹ Liên, Minh Đức, Phương Thanh, Hoàng Long, Minh Thanh, Kim Chi, Thanh Lịch,… Kiều Lệ Mai và Minh Đức là hai thành viên năng nổ nhứt, hoạt động không ngừng nghĩ, góp phần thực hiện được những suất hát nguyên tuồng trên sân khấu rạp Maubert Mutualité và thu vidéo do Bảo Anh Production thực hiện.

Vấn đề tập tuồng sau khi làm việc ở Sở về và tập tuồng trong các ngày thứ bảy, chúa nhựt đòi hỏi các nghệ sĩ phải cố gắng hết sức, vừa không bê trể công việc làm trong các công, tư Sở vừa phải thuộc tuồng hát, tập cho ăn ý rập khuôn nhau. Minh Đức và Kiều Lệ Mai phải chạy lo những y trang và đạo cụ để hát giống như đã hát những tuồng đó khi còn ở Việt Nam. Đó là các tuồng Phụng Nghi Đình, Trường Tương Tư, Chiêu Quân Cống Hồ, Chuyện Tình An Lộc Sơn...

Những hia, mão, râu, tóc, các bộ áo giáp, mãng bào long bào không dễ gì kiếm được ở bên Pháp, vậy mà Minh Đức, Kiều Lệ Mai và các bạn đã chuẩn bị đầy đủ không khác gì các gánh hát chuyên hát tuồng Tàu: Phụng Hảo, Minh Tơ nên khi băng vidéo thu hình các tuồng Tàu kể trên đã làm hài lòng khán thính giả Paris.

Những tuồng hát do Minh Đức và Kiều Lệ Mai cùng thực hiện với nhóm nghệ sĩ Assiociation des Artistes réfugiés de Paris đến nay còn được cộng đồng người Việt tại Paris nhắc nhở như tuồng *Tướng Cướp Bạch Hải Đường, Biên Giới Một Chiều Mưa, Tấm Lòng Của Biển, Con Gái Chị Hằng, Đôi Mắt Người Xưa, Lệnh Của Bà, Chiêu Quân Cống Hồ, Trường Tương Tư, Phụng Nghi Đình, Bông Hồng Cài Ao, Chuyện Tình Lan và Điệp, Chuyện Tình An Lộc Sơn…*

Có biết được cuộc sinh sống ở kinh thành Paris khó khăn đến mức nào thì khi biết các nghệ sĩ cải lương đã để rất nhiều tâm huyết và công sức khi thực hiện những suất hát cải lương, phục vụ cộng đồng người Việt ở Paris cũng như những nơi khác trên thế giới, nhằm mục đích bảo tồn văn hóa Việt nơi xứ người.

Lan Chi

Lan Chi - Đoàn Thị Tài (1939-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Lan Chi tên thật là Đoàn Thị Tài, sanh năm 1939, tại Đakao, Sài Gòn. Học hết năm thứ ba ban trung học, Lan Chi gia nhập đoàn ca kịch Phước Chung, và đã sống trong đoàn này trên ba năm. Nhờ sự chỉ dẫn tận tâm của các nghệ sĩ đàn anh đàn chị, Lan Chi đảm nhiệm được những vai trò chính của đoàn và nổi nhất trong những vai Vân Nga, tuồng Cây Tương Tư, Bạch Lan, tuồng Nhụy Hoa Lan, Công Chúa Ba, tuồng

Quan Âm Diệu Thiện và Túy Hoa, tuồng Hung Thần Hốt Tất Liệt.

Giải Thanh Tâm 1958 phát cho Thanh Nga, ban tuyển chọn gồm 5 người, chỉ họp bàn vấn đề chớ không tranh luận gì cả, và kết quả là tờ biên bản do ông Trần Tấn Quốc lập mang chữ ký của năm thành viên: Nghệ sĩ Bảy Nhiêu, Năm Châu, Phùng Há là ba nghệ sĩ kỳ cựu, ký giả Trần Tấn Quốc, ông Nguyễn Hoàng Minh là công chức, tham gia với tánh cách khán giả ái mộ.

Năm sau ban tuyển chọn mở rông gồm 14 thành viên, tức gần gấp ba, họp tại hội quán Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu thì đã có sự tranh cãi. Về phía nam năm ấy không ai có điểm cao bằng kép Hùng Minh nên kết quả thông qua dễ dàng. Nhưng về phía nữ thì hai cô đào trẻ Lan Chi và Bích Sơn vào chung kết.

Sau phần tranh cãi, cuộc bỏ phiếu diễn ra thật gay go và sôi nổi. Hầu hết các nghệ sĩ, các bầu gánh lớn, nhỏ điều quy tụ trong những quán nước ở Ngã Tư Quốc Tế, phía sau rạp Nguyễn Văn Hảo, nơi tụ họp của giới nghệ sĩ, để chờ đợi tin tức.

Cô Lan Chi, đoàn Phước Chung, được bầu là nữ nghệ sĩ triển vọng nhất năm 1959, với 307 điểm, đoạt huy chương vàng Giải Thanh Tâm 1959. Cô Bích Sơn khít khao với 306 điểm.

Nghệ sĩ Hùng Minh thuộc đoàn Song Kiều-Thúy Nga, được bầu là nam nghệ sĩ có triển vọng nhất năm 1959 với 275 điểm rưỡi, đoạt huy chương vàng Giải Thanh Tâm 1959.

Buổi tối, cả Ngã Tư Quốc Tế rộ lên tin vui đó. Có điều là trong lúc ban tuyển chọn họp bỏ phiếu, thì đào Lan Chi đang đi theo đoàn Phước Chung ở miền cao nguyên Trung phần, nhưng không ai biết đoàn đang hát ở đâu.

Cũng ngay trong đêm ấy, ký giả kịch trường Ngọc Đỉnh được Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu giao cho nhiệm vụ cấp tốc ra Trung tìm cho được đoàn Phước Chung, lúc bấy giờ cũng chưa biết diễn ở làng, xã, quận nào, báo tin về Sài Gòn kịp ngày cho Lan Chi có mặt trong đêm phát giải thưởng.

Ngọc Đỉnh đi suốt mấy ngày đêm mới tìm được đoàn Phước Chung trên vùng cao nguyên, nghe nói thì đoàn đang ở Cheo Reo thuộc tỉnh Pleiku.

Thế nhưng, sau ngày lãnh giải huy chương vàng 1959, Lan Chi "im hơi lặng tiếng", trong khi Thanh Nga tên tuổi được lóe lên rực rỡ. Rồi tên tuổi Lan Chi cũng như đoàn hát mà cô cộng tác, đoàn Phước Chung, càng ngày càng xa dần trung tâm nghệ thuật.

Lan Chi ít được khán giả biết tài. Bản thân cô, cô cũng an phận thủ thường đầy mặc cảm. Người ta có thể ghi nhận rằng: "Được huy chương chưa ắt là đã thành công". Lúc ấy, ban tuyển chọn chấm cô Lan Chi không phải là vô lý. Người ta chỉ cho cô là nữ nghệ sĩ có triển vọng nhứt năm 1959, chớ không ai dám bảo đảm là cô sẽ thành công đến suốt đời nghệ sĩ của cô.

Kim Giác

Kim Giác - Trần Thị Giác (1939-20 ..)

Nghệ sĩ Kim Giác sinh tại Bến Tre, năm 1939. Lúc nhỏ tên là Nguyễn Thị Toa, con gái thứ 3 trong gia đình, là đứa trẻ khó nuôi, từng được đắp mặt bằng lá môn để chuẩn bị đưa vô hòm, vì thế sau khi "phục sinh" thì cha mẹ đưa vào chùa cúng và đổi tên thành Nguyễn Thị Giác. Vào nghiệp diễn, vì đóng vai hiền không vượt qua được ai nên bà đi tìm ngã rẽ mới với các vai dữ; nào ngờ thành công ngoài mong đợi mà đỉnh cao là nhân vật Hai Lung trong vở *Nửa đời hương phấn* và bà Cả trong *Nợ tình*. Trong khi đó khác hẳn với chị Ba, hai cô em gái Ngọc Hương, Ngọc Lan lại nổi danh với các vai đào thương.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình theo nghề hát Bội tại Bến tre. Ông bà nội của Kim Giác là thành viên của gánh hát bội Kiến Lương Ban. Còn thân sinh là ông Nguyễn Văn Hay, tức nghệ sĩ Hai Nhỏ Gia đình có 4 anh chị em gồm có: Kim Giác, Hoàng On, Ngọc Hương, Ngọc Lan đã được theo học ca vọng cổ, bài bản và vũ đạo ngay trong đoàn hát do ông bà nội truyền dạy. Nghệ sĩ Kim Giác đã từng làm đào chánh đoàn Nam Phong.

Năm 1962 nữ nghệ sĩ Kim Giác kết hôn với nghệ sĩ Hoàng Giang. sau khi kết hôn Kim Giác và Hoàng Giang về cộng tác với gánh hát Hương Mùa Thu. Hoàng Giang và Kim Giác là đôi vợ chồng gắn bó với nhau hạnh phúc cho đến ngày Hoàng Giang mất năm 2002.

Sau đó Kim Giác cùng Hoàng Giang rời gánh Hương Mùa Thu, về đầu quân cho đoàn Thanh Minh-Thanh Nga.

Sau năm 1975, cùng Hoàng Giang hát cho đoàn Thanh Minh, rồi Văn Công, Trần Hữu Trang.

Giới nghệ sĩ vẫn coi Kim Giác và Hoàng Giang là hình bóng của nhau vì trong lúc ông đóng kép độc thì bà lại vào vai đào

ác. Nghệ sĩ Kim Giác đã từng để lại trên Sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, Dạ Lý Hương, Sài Gòn 1… những "hình mẫu" mẹ chồng độc đoán trong vở tuồng *Ngã rẽ tâm tình, Nợ tình*, bà mối lươn lẹo trong vở tuồng *Tiếng hạc trong trăng*, chủ nợ cay nghiệt trong vở tuồng *Nửa đời hương phấn*...

Những lần đi diễn tấu hài ở phòng trà Tiếng Xưa, nhiều khán giả đã cho bà tiền vì được gặp lại thần tượng một cách quá bất ngờ, cứ tưởng bà đã đi ra nước ngoài từ lâu. Nắm tay nhau trong xúc động, cả diễn viên và khán giả đều mừng mừng tủi tủi. Chỉ có lần xuống Củ Chi đi hát đã để lại kỷ niệm buồn mà lại vui với nghệ sĩ vì "mụ Hai Lung độc ác" đã bị khán giả chửi toáng là "con mẹ già mắc dịch" và sau đó lãnh đủ mấy cùi bắp liệng từ dưới lên. Theo bà, dù ghét hay thương nhưng đó là tình cảm của công chúng đối với người nghệ sĩ đều rất đáng quý mà không phải ai cũng có được. Đây chính là động lực để họ giữ lửa cho nghề và làm trọn kiếp tằm nghệ sĩ nhả tơ nghệ thuật cho đời.

(Xem *Hoa đồng cỏ nội* trang 120)

Bích Sơn

Bích Sơn - Trần Bích Sơn (1939-20..)

Nghệ sĩ Bích Sơn tên thật là Trần Bích Sơn, còn có tên riêng Vĩnh San hay Dung, sanh năm 1939 tại Hà Nội.

Cuối năm 1952, nữ nghệ sĩ Bích Thuận đi hát trong Nam đã đem theo hai cháu gái là Bích Sơn và Bích Thủy. Lúc đó Bích Sơn còn là cô gái thơ ngây tóc xõa bờ vai.

Vào đến Hòn Ngọc Viễn Đông, Bích Sơn được gửi gắm vào trường Saint Marie Tân Định. Sau ba năm học trường đạo, nhờ sẵn có khiếu về tân nhạc, Bích Sơn được nữ nghệ sĩ Bích Thuận tập ca hát.

Năm 1955, Bích Sơn gia nhập ban Xuân Thu của nhạc sĩ Lê Thương, và cuối năm này, nữ nghệ sĩ Bích Thuận thành lập đoàn Bích Thuận, thì Bích Sơn về hát cho gánh nhà, và đây là bước đầu dọ dẫm, nàng chỉ đóng vai nàng tiên nữ phụ Thùy Vân.

Trong thời gian này cô bé Bích Sơn chỉ được chú ý qua giọng ngâm thơ trong trẻo và cốt cách kiều mị còn bị che phủ trong dáng điệu e dè. Lúc bấy giờ thi sĩ Kiên Giang là soạn giả, cũng đồng thời là ký giả kịch trường. Kiên Giang về cộng tác đoàn Bích Thuận, chàng ta đã mê mệt nàng Bích Sơn.

Năm 1957 khán giả bắt đầu chú ý Bích Sơn qua hình ảnh công chúa Phù Tang trong vở *Khi Hoa Anh Đào Nở* của Hà Triều Hoa Phượng trên sân khấu Thúy Nga.

Đầu năm 1958, Bích Sơn được giới thiệu với ban giám đốc để thành lập kịch đoàn Bích Sơn-Ngọc An. Trên sân khấu Bích Sơn được khán giả Đà Lạt tưởng thưởng qua vai sơn nữ Phà Ca trong vở "Bao Giờ Mùa Sim Chín" (người vợ không bao giờ cưới) của Kiên Giang-Phúc Quyên.

Cũng năm này Bích Sơn được đại nhạc hội Giao Duyên giới thiệu lần đầu bài thơ "Hoa Trắng Thôi Cái Trên Áo Tím" qua

giọng ngâm u buồn như tiếng chuông giáo đường. Bích Sơn đã thu hút được nghệ cảm của sức học sinh trí thức. Trên sân khấu Thủ Đô, cũng như dưới ánh đèn của các dạ hội qua các tỉnh miền Trung, Bích Sơn đã gieo sâu vào tâm khảm thính giả dư âm của một nghệ cảm thâm trầm.

Lúc đoàn diễn tại Cần Thơ, cũng là lúc Kiên Giang viết vở tuồng Ngưu Lang Chức Nữ, cho Bích Sơn thay thế cô Bích Thuận đóng vai nàng tiên xuống trần tắm suối bỏ quên cặp cánh không về Bồng Lai tiên cảnh được, rồi ở lại lấy chồng luôn. Qua vai nầy Bích Sơn đã bước một bước tiến dài từ vai phụ đến vai chánh.

Trở về Sàigòn, thi sĩ Kiên Giang viết bài đăng trên tờ *Tiếng Chuông* kịch trường, hết lời ca tụng nàng Bích Sơn. Thấy Bích Sơn duyên dáng, thanh tao đẹp như tiên… thật, thi sĩ Kiên Giang bèn tự viết báo ca tụng nàng là "kiều nữ." Hình ảnh kiều nữ đã hiện lên hầu hết ý thơ của Kiên Giang, và đã trở nên một giai thoại trong làng sân khấu.

Trên giai phẩm giải Thanh Tâm 1960, Kiên Giang đã đưa Bích Sơn lên tuyệt đỉnh trong cuộc đời làm nghệ thuật. Xin trích vài đoạn như sau:

"…Năm 1959, khán giả thủ đô được dịp thưởng thức tài nghệ Bích Sơn qua vai Phương Thành trong soạn phẩm cổ tích 'Áo Cưới Trước Cổng Chùa.' Nghệ thuật diễn xuất của Bích Sơn được khơi dậy đến cao độ từ vai trò ấy.

"Tài nghệ được kết tạo qua nhiều sân khấu để rồi nở chín trên sân khấu Thanh Minh, Bích Sơn nghiễm nhiên trở thành một nữ diễn viên gần như một kịch sĩ gần đủ hai yếu tố cần thiết: diễn và ca ngâm.

"Với suối tóc dài cốt cách cân đối, gương mặt sáng, đôi mắt mơ huyền, giọng ngâm thơ thánh thót đi sâu vào tâm cảm

người nghe, Bích Sơn có đủ điều kiều mang mỹ danh kiều nữ. Nhất là với chiếc áo cài hoa trắng và suối tóc huyền, Bích Sơn được xem là kiều nữ áo tím trên sân khấu cũng như ngoài đời.

"Với phong thái của một kiều nữ, Bích Sơn đủ điều kiện đóng các vai chánh trong loại tuồng đường rừng, hương xa cũng như xã hội. Đặc biệt trong loại tuồng hương xa (Nhật) Bích Sơn thể hiện trung thực nhứt hình ảnh cô gái Phù Tang, Bích Sơn càng trở nên huyền ảo, trong các vai sơn nữ.

"Người ta có thể nhận thấy Bích Sơn yếu kém về phương diện ca vọng cổ, nhược điểm ấy có thể được đền bù khỏa lấp chăng?

"Bích Sơn là người sinh ở đất Bắc, tất nhiên giọng nói cũng ảnh hưởng ở âm điệu của thổ ngữ miền Bắc. Như thế, Bích Sơn làm sao ca vọng cổ bằng Út Bạch Lan, Thanh Nga, Thanh Hương… Nhưng với quyết tâm học nói giọng Nam, rèn luyện kỹ thuật ca vọng cổ, Bích Sơn đã tiến bộ đến cao độ trên phương diện ca. Trong vở "Bếp Lửa Chiều Ly Biệt" của Yến Lang và "Bốn Cánh Hoa Đào" của Lê Khanh, Bích Sơn vẫn được báo chí và khán giả khích lệ và khen ngợi ở kỹ thuật ca vọng cổ. Như thế nhược điểm ấy có thể được đền bù bằng giọng ngâm thơ, khả năng ca nhạc mới, và nghệ thuật diễn xuất sống động và trung thực.

"Bích Sơn là một nữ nghệ sĩ Bắc duy nhứt sống gần gũi và tha thiết với các sân khấu ca kịch miền Nam. Trước kia sự dung hợp nghệ sĩ Bắc Nam trên một sân khấu là cả việc khó khăn. Lần đầu tiên Bích Sơn vào sân khấu Thúy Nga với tất cả sự ngỡ ngàng mặc dù chủ nhân, soạn giả và nghệ sĩ miền Nam mở rộng cửa để sẵn đón. Dần dần Bích Sơn từ bóng tối hậu trường xuất hiện giữa tiền trường, tiếp nhận được sự tán thưởng của khán giả miền Nam, ở Lục Tỉnh ở miền Đông, tự nhiên mặc cảm ấy tiêu tan, Bích Sơn càng bước sâu vào sân khấu miền Nam càng tìm thấy hơi ấm và không khí kịch nghệ để trở thành

đứa con ruột của sân khấu ca kịch miền Nam. Bích Sơn là gạch nối liền giữa nghệ sĩ Bắc Nam.

"Bích Sơn hãy cảm tạ nghệ thuật, trước khi nhận lãnh 'huy chương vàng 60' của giải Thanh Tâm…"

Như vậy, mỹ danh "kiều nữ" của Bích Sơn là do Kiên Giang đặt trong bài báo ấy, Bích Sơn được mang luôn mỹ danh ấy cho đến ngày nay..

Kiều nữ Bích Sơn lập gia đình với một quân nhân, là sĩ quan ngành Quân cụ. Thời ấy những người rõ biết sự thể đã nói rằng, nếu như kiều nữ chưa có chồng, chắc là còn cả "lố" bài thơ ca tụng người đẹp.

Là cô đào được kể là đẹp với mái tóc dài tới nhượng chân. Sau 1975, chồng của Bích Sơn đi học tập cải tạo và Bích Sơn thì đi Pháp. Về sau họ đoàn tụ với nhau và sang định cư Hoa Kỳ.

Năm 2001, Hội Cổ Nhạc Miền Nam Việt Nam Hải Ngoại, tổ chức giải Phụng Hoàng, có mời Bích Sơn tham gia ban giám khảo, nhưng kiều nữ từ chối. Lúc ấy nhạc sĩ Nguyễn Hiền, cố vấn của hội nói rằng: Giờ đây Bích Sơn đã ngoài 60 rồi, không còn là kiều nữ nữa mà đã là "già nữ" nên cô không muốn xuất hiện chăng? Cũng có thể lắm, kiều nữ muốn giữ hình ảnh đẹp của mình trong lòng khán giả mộ. điệu nghệ sĩ Cải lương.

Thanh Tú

Thanh Tú – Mai Văn Tú (1939-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Tú tên thật là Mai Văn Tú, sanh năm 1939, đệ tử của nhạc sĩ Út Trong, được thầy giới thiệu gia nhập đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga.

Năm 1961, nghệ sĩ Thành Được rời đoàn Thanh Minh Thanh Nga để thành lập đoàn hát Út Bạch Lan - Thành Được nên các vai tuồng cũ của Thành Được và những vai mới dự trù phóng vai cho Thành Được được giao cho Thanh Tú đóng.

Nghệ sĩ Thanh Tú có giọng ca truyền cảm, thân thể cao ráo, vạm vở, đẹp trai. Anh đóng cặp với Thanh Nga trong các vở tuồng *Nữa Đời Hương Phấn, Đôi Mắt Người Xưa, Ngã Rẻ Tâm Tình, Con Gái Chị Hằng, Đoạn Tuyệt, Phấn Bụi Phù Hoa, Phu Tử Tùng Tử, Tấm Lòng Của Biển, Mưa Rừng, Người Chồng Triệu Phú*… Thanh Tú cũng thành công trong các vai kép võ trong các tuồng Tàu như *Trăng Rụng Bến Từ Châu, Võ Tắc Thiên, Khói Sóng Tiêu Tương.*

Năm 1963, nghệ sĩ Thanh Tú đoạt được huy chương vàng giải Thanh Tâm qua vai Lưu Kiến Xuân trong tuồng *Khói Sóng Tiêu Tương*. Đây là vai kép ba trong tuồng, sau hai vai Hoàng Hoa Lử và vai Chu Vĩnh Tuyên do Hữu Phước và Việt Hùng thủ diễn. Hữu Phước và Việt Hùng không dự tranh giải Thanh Tâm vì hai anh đã quá tuổi tranh giải. Thanh Tú vào vai kép ba nhưng anh ca và diễn quá xuất sắc nên được chấm giải. Năm 1963. có đến 6 nghệ sĩ được tặng thưởng huy chương vàng giải Thanh Tâm: ba nữ nghệ sĩ Bạch Tuyết, Kim Loan, tức Mộng Tuyền, Trương Ánh Loan, và ba nam nghệ sĩ Tấn Tài, Diệp Lang, Thanh Tú.

Tên tuổi của Thanh Tú nổi bật trong hàng ngũ các kép trẻ, chẳng những trên sân khấu cải lương mà Thanh Tú còn được mời đóng vai chánh trong các phim của hãng Alpha phim và hãng Dạ Lý Hương phim. Đó là các phim: *Trống Mái, Phận Má Hồng, Lan Và Điệp, Chiều Kỷ Niệm, Con Ma Nhà Họ Hứa.*

Trong phim Trống Mái, nghệ sĩ Thanh Tú thủ vai một người chài lưới, ở trần, vai u thịt bắp, diễn xuất kéo lưới, phơi lưới, chèo ghe thành thạo như một người thanh niên chuyên sống lao động miền biển, nên Thanh Tú rất được khán giả phim ảnh ưa thích.

Đây là một thành tích rất đáng kể vì nghệ sĩ cải lương được mời đóng phim, trong lãnh vực nghệ thuật phim ảnh, ít có nam nghệ sĩ cải lương được thành công qua nhiều phim như Thanh Tú.

Năm 1969, nghệ sĩ Thanh Tú gia nhập gánh hát Ánh Chiêu Dương của ông Bầu Nguyễn Thành Châu, đã hát qua các tuồng *Nước Biển Mưa Nguồn, Vợ và Tình, Sân Khấu Về Khuya…* Anh có dịp theo nhóm các nghệ sĩ Năm Châu, Phùng Há, Thanh Thanh Hoa đi trình diễn ở các nước Anh, Pháp, Algérie và anh cũng có dịp hát hội chợ Thát Luổng ở xứ Lào.

Nghệ sĩ Thanh Tú và nữ nghệ sĩ Phương Liên đã giữ vững bảng hiệu Dạ Lý Hương và góp phần thực hiện thành công phim ảnh của hãng Dạ Lý Hương trong giai đoạn mà đoàn hát này vừa mất một cặp đào kép ăn khách nhất của đoàn.

Thanh Tú đã hát qua các tuồng *Bọt Biển 3, Người Dừng Chân Đêm Mưa, Kẻ Sợ Tình, Đời là Một Chữ T, Gái Điếm Vợ Hiền, Người Chồng Triệu Phú, Ông Huyện Đề,…*

Trong thời gian nầy Thanh Tú và nữ nghệ sĩ Trang Bích Liễu yêu nhau. Cuộc tình của đôi uyên ương Thanh Tú - Trang Bích Liễu gặp không ít sóng gió trở ngại do gia đình của Trang Bích Liễu cản ngăn không cho cô yêu anh chàng kép trẻ hào hoa Thanh Tú.

Trước khi Thanh Tú gặp và yêu Trang Bích Liễu, anh đã có ba lần gảy đổ hạnh phúc gia đình. Một lần vợ của anh ở đường Nguyễn Biểu bị lạc đạn mà chết. Hai người vợ kia thì từng

người đến rồi chia tay với anh khi họ gặp cuộc sống quá khó khăn, lúc đó Thanh Tú chưa được nổi danh và chưa có một vị trí khả quan trên sân khấu cải lương.

Sau ba lần gảy đổ, có ba dòng con, Thanh Tú làm khổ cho cha mẹ của anh phải chăm nuôi chúng, nghệ sĩ Thanh Tú ngán ngẩm con đường vợ với con nên định tâm sẽ sống cu ky suốt đời.

Nhưng có lẽ do duyên trời định nên Thanh Tú và Trang Bích Liễu gặp nhau, yêu nhau và phải vượt biết bao khó khăn trở ngại, họ mới trở thành một đôi chồng vợ tâm đầu ý hợp suốt mấy mươi năm đồng cam cộng khổ, và sống trọn vẹn với nghề hát.

Lúc đó Thanh Tú là một ngôi sao nổi tiếng trên sân khấu cải lương và cả trên lãnh vực phim ảnh. Còn Trang Bích Liễu thì mới ra trường Quốc Gia Âm Nhạc, cô là một diễn viên mới tập sự trong đoàn hát Thúy Nga, đoàn hát Thế Hệ Dũng Thanh Lâm.

Khi Thanh Tú rời đoàn Thanh Minh Thanh Nga sang hát cho đoàn Tân Hoa Lan của Út Bạch Lan thì Trang Bích Liễu mới gia nhập đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga.

Năm 1971, nghệ sĩ Thanh Tú được ông Bầu Xuân mời ký hợp đồng để về đóng chánh cặp với nữ nghệ sĩ Phượng Liên thay cho cặp Hùng Cường và Bạch Tuyết rời đoàn để thành lập gánh hát Bạch Tuyết - Hùng Cường.

Trang Bích Liễu hát chung đoàn hát Dạ Lý Hương, đóng tuồng cặp với nhau, có dịp chuyện trò tìm hiểu nhau, Trang Bích Liễu mới thấy Thanh Tú là người đàn ông hiền lành, chân thật, đáng yêu chớ không như dư luận đồn đãi vì những lần đổ vở hạnh phúc của anh trước kia. Cô bèn dũng cảm cùng với Thanh Tú

xây dựng hạnh phúc gia đình dù chính mẹ của cô hết sức ngăn cản vì bà sợ anh chàng có ba đời vợ kia sẽ hại con gái của bà.

Để bảo vệ hạnh phúc của mình, Thanh Tú và Trang Bích Liễu rời đoàn hát Dạ Lý Hương, xuống tỉnh lập đoàn hát Thanh Tú - Trang Bích Liễu, vừa gầy dựng sự nghiệp ca hát của mình vừa xây tổ hạnh phúc, khỏi bị gia đình bên vợ kềm chế.

Đoàn hát Thanh Tú và Trang bích Liễu gồm có những nghệ sĩ tài danh Thanh Hải, Hoàng Giang, Kim Giác, Kim Ngọc, hề Tư Rọm, hề Kim Quang, hát những tuồng cũ nổi tiếng của Thanh Minh Thanh Nga và Dạ Lý Hương nên rất ăn khách ở miền Tây vì các đoàn hát đại ban đó ít đi lưu diễn, tuồng cũ của họ vẫn là tuồng mới đối với khán giả Hậu giang.

Gia đình của Trang Bích Liễu chấp nhận cuộc hôn nhơn của cô và Thanh Tú sau nhiều năm Thanh Tú chứng tỏ mối tình chung thủy và sự thành công trong sự nghiệp nghệ thuật của Thanh Tú và Trang Bích Liễu.

Sau năm 1975, Thanh Tú lập đoàn hát Kim Tinh, hát ở các tỉnh Hậu Giang. Đến năm 1976, đoàn hát tư nhân Kim Tinh không được phép hoạt động, anh giải tán đoàn hát, về hát cho các đoàn tập thể Thanh Minh, Phước Chung hoặc đoàn hát nhà nước Trần Hữu Trang, Văn Công.

Khi hát cho đoàn Thanh Minh, Thanh Tú nổi danh trong vai Nhuận Điền tuồng *Bên Cầu Dệt Lụa* qua lối diễn mộc mạc với giọng ca khoẻ khoắn, quyến rũ.

Nhiều năm làm bầu gánh ở các miệt tỉnh, Thanh Tú đã bận rộn không ít trong công việc quản lý đoàn hát, điều đó ảnh hưởng nhiều đến nghề nghiệp ca diễn của anh.

Là một huy chương vàng giải Thanh Tâm đồng thời với hai huy chương vàng Diệp Lang và Tấn Tài nhưng nghệ sĩ Thanh

Tú không tiến bộ về nghệ thuật ca hát bằng hai người bạn đó, chính vì nghề làm bầu gánh hát đã hạn chế sự phát triển của nghề ca hát của một diễn viên thuần túy.

Năm 1978, Thanh Tú và Trang Bích Liễu có đứa con trai duy nhất tên là Mai Lê Thanh Tiến, không theo nghề hát của cha mẹ.

Thanh Tú và Trang Bích Liễu xa sân khấu, mở quán nhậu Bên Cầu Dệt Lụa gần bến xe miền Tây, sống ổn định về kinh tế. Khi nhớ nghề, anh chị ca hát trong quán nhậu để tiếp đải khách tri âm và khi có những dịp hát chầu, hát gây quỷ từ thiện, Thanh Tú tham gia để góp phần làm việc từ thiện và để đở nhớ nghề.

Năm 2005, Thanh Tú cùng Trang Bích Liễu có trở lại sân khấu hát vở *Giấc Mộng Đêm Xuân*, trình diễn cùng với các nghệ sĩ Minh Vương, Lệ Thủy, Tuấn Thanh, Kim Ngọc, Thanh Thanh Tâm... của chương trình sân khấu vàng.

Sau đó, Thanh Tú bị tai biến, đã chữa trị vật lý trị liệu, nay có thể đi lại một mình. Từ sau khi bệnh, rất nhiều bạn bè cũng như hàng xóm láng giềng quan tâm và gọi điện hỏi thăm, đặc biệt là nghệ sĩ Thanh Sang, đó là một sự động viên rất lớn giúp cho Thanh Tú vượt qua tật bệnh.

Dù mang mặc cảm với mọi người vì bệnh tật, nhưng ngày ngày bên cạnh người thân, Thanh Tú luôn luôn tìm cách để tạo ra tiếng cười, tạo ra niềm vui để tiếp sức cho mọi người không phải thêm nhiều điều lo lắng. Còn với Trang Bích Liễu, cô luôn động viên Thanh Tú đi đây đi đó giao tiếp với mọi người, để tinh thần thêm sảng khoái, nhờ đó khả năng nói chuyện, suy tư nhiều hơn, để mau chóng được hồi phục tinh thần và sức khỏe.

(Xem *Bên cầu dệt lụa* trang 154)

Út Hiền

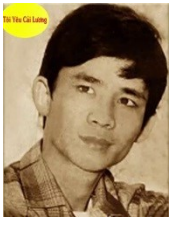

Út Hiền - Lê Minh Khánh (1940-1986)

Nghệ sĩ Út Hiền tên thật là Lê Minh Khánh, sanh năm 1940, tại Gò Vấp, cha mất sớm, mẹ buôn bán nhỏ. Bà có một ít ruộng vườn, huê lợi đủ sống. Trong gia đình không có ai theo nghề ca hát.

Lúc còn học văn hóa, Khánh học ca tân nhạc và vọng cổ theo đài phát thanh. Thấy Khánh có giọng ca tốt, một bà bạn của mẹ khuyên cho Khánh đi học ca cổ nhạc. Khánh theo học lớp dạy ca cổ của nhạc sĩ Út Trong, nhà ở gần chùa Phật Ấn, đường Hưng Đạo, Saigòn vào những năm 1956, 1957. Nhạc sĩ Út Trong đặt nghệ danh cho Khánh là Út Hiền vì bản tánh của Khánh rất hiền lành, ăn nói nhỏ nhẹ. Nhạc sĩ Út Trong giới thiệu Út Hiền cho đoàn hát Thanh Minh vì lúc ấy danh ca Út Trà Ôn tách ra lập đoàn hát Kim Thanh – Út Trà Ôn. Giọng ca của Út Hiền thật là trong, êm như nhung tơ, cùng một kỷ thuật ca và giọng ca của Hữu Phước.

Danh ca Hữu Phước đang hát cho đoàn Kim Thoa, lưu diễn các tỉnh Hậu Giang. Sau khi Út Trà Ôn rời đoàn hát Thanh Minh thì danh ca vọng cổ còn lại chỉ có Năm Nghĩa, Minh Tấn, Út Bạch Lan, Thu Ba nên bà bầu Thơ thu nhận những giọng ca trẻ như Út Hiền, Út Hậu, Quang Nhiều và nữ diễn viên Mỹ Hiền.

Các diễn viên trẻ Út Hiền, Út Hậu, Quang Nhiều được ký hợp đồng hai chục ngàn đồng mỗi người và được cho hát vai kép nhì nhưng có ca nhiều câu vọng cổ trong các tuồng *Núi Liễu Sông Bằng, Lửa Hờn, Thiên Thần Trên Thiết Mã.*

Sau suất diễn đầu tiên, báo chí kịch trường nhiệt liệt ngợi khen ba giọng ca trẻ với những lời quảng cáo dao to búa lớn như: Danh ca trẻ Út Hậu, truyền nhân đích thực của vua vọng cổ Út Trà Ôn; danh ca Út Hiền, giọng ca êm dịu như nhung như tơ; Quang Nhiều, lối ca với làn hơi sung mãn, nghệ thuật luyến láy tuyệt vời.

Bà bầu Thơ và ông bầu Nghĩa chưa kịp vui mừng, vì hai ông bà đã khám phá và giới thiệu với khán giả những giọng ca vàng, trong khi đoàn hát chưa kịp tập vở tuồng kế tiếp, cả ba nghệ sĩ trẻ Út Hiền, Út Hậu, Quang Nhiều thối lại hai chục ngàn tiền hợp đồng và bồi thường đúng theo giao kèo là trả thêm cho bà Bầu Thơ mỗi người hai chục ngàn đồng nữa. Chỉ mới một tháng mà bà Bầu Thơ lời được sáu chục ngàn; bà không ham nhưng muốn giữ lại các diễn viên đó thì bà phải trả cho Bầu Long, mỗi diễn viên một trăm hai chục ngàn đồng vì Bầu Long gánh hát Kim Chung đã ký cho họ, mỗi người sáu chục ngàn đồng.

Nghệ sĩ Út Hiền hát ở đoàn Kim Chung 1, hát thường trực tạp rạp Aristo ở đường Lê Lai. Nghệ sĩ Út Hậu và Quang Nhiều hát cho đoàn Kim Chung 2 ở rạp Olympic đường Hồng Thập Tự, nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai.

Các ký giả kịch trường Saigòn giận Bầu Long mua đào bán kép trắng trợn, nên họ không viết bài phê bình tuồng tích và đào kép của hai gánh hát Kim Chung. Do đó các nghệ sĩ cộng tác với đoàn hát Kim Chung trong thời gian nầy chịu nhiều thiệt

thòi, vì không được quảng bá nhiều trên các trang kịch trường. Chỉ biết qua sân khấu Kim Chung, nghệ sĩ Út Hiền vẫn hát vai kép nhì, sau kép Thanh Hải, nhưng Út Hiền và Thanh Hải, Út Hậu được hãng dĩa Hoành Sơn của ông Ba Bản mời thu thanh nhiều bài vọng cổ do soạn giả Thu An sáng tác. Nhờ vậy mà giọng ca của Út Hiền, Thanh Hải, Út Hậu được rèn luyện thêm và được thính giả ái mộ.

Năm 1963, nghệ sĩ Út Hiền rời đoàn Kim Chung, cộng tác với đoàn hát Thủ Đô của bầu Ba Bản. Nhưng ở đoàn Thủ Đô lúc đó có hai danh ca Út Trà Ôn và Thanh Hải nên Út Hiền cũng chỉ nổi danh được trong địa hạt đĩa nhựa chớ về sân khấu, vì còn nhỏ, chưa có kinh nghiệm diễn xuất, dù giọng ca của Út Hiền đã được rất nhiều khán giả và ký giả ái mộ.

Giọng ca của Út Hiền nghe rất mùi, êm dịu, sâu lắng. Những chữ hò vô vọng cổ, Út Hiền ca êm như tiếng ca vuốt nhuyễn cho thật nhỏ dần rồi mất hút trong không gian. Các chữ ca cuối câu vọng cổ với hơi ngân dài mênh mang. Bài ca vọng cổ được Út Hiền nghiên cứu kỹ, ca diễn đạt nội dung, gây cảm xúc cho người nghe. Soạn giả Thu An biết rõ khả năng ăn khách của giọng ca Út Hiền nên khi anh rời đoàn hát Thủ Đô, lập gánh hát Hương Mùa Thu với hai diễn viên chánh là Út Hiền và Ngọc Hương.

Dưới bảng hiệu Hương Mùa Thu, hai nghệ sĩ Út Hiền và Ngọc Hương là một cặp diễn viên xứng đào xứng kép. Về sắc diện cả hai đều đẹp sắc xảo dưới ánh đèn sân khấu, về giọng ca thì đó là một sự hòa hợp kỳ diệu: giọng ca của Ngọc Hương cao vút, một thứ giọng kim sang trọng, giọng ca của Út Hiền, giọng thổ, vừa êm dịu vừa trầm buồn sâu lắng. Khi xem đoàn hát Hương Mùa Thu, khán giả có thể bị mê hoặc vì hai giọng ca của Út Hiền và Ngọc Hương trên sân khấu.

Út Hiền đã trình diễn qua các tuồng *Tiếng Nhạc Rừng Xanh, Ảo Ảnh Châu Bích Lệ, Cô Gái Sông Đà, Người Anh Khác Mẹ, Con Cò Trắng, Gánh Cỏ Sông Hàn, Chuyến Đò Thương, Saigòn Thác Bạc, Tiếng Còi Sa Mạc…*

Đoàn hát Hương Mùa Thu thành lập từ năm 1964 đến năm 1975 mới tạm ngưng hát. Trong thời gian này có rất nhiều nghệ sĩ cộng tác với đoàn Hương Mùa Thu như Thanh Hải, Út Hiền, Minh Chí, Hà Bửu Tân, Hà Bửu Bửu, Hiếu Liêm, Thanh Liêm, Giang Châu, Minh Dịch, Hữu Lợi, các nữ diễn viên Ngọc Hương, Ngọc Lan, Kim Thủy, Ngọc Thủy, Kiều Lệ Thanh, Yến Nhung. Lệ Châu, hề Bảy Xê, hề Tẩu Tẩu, hề Minh. Chỉ có cặp đào kép chánh Út Hiền và Ngọc Hương chống đở cho bảng hiệu Hương Mùa Thu lâu nhất.

Tiếc vì đoàn Hương Mùa Thu chuyên đi lưu diễn ở các tỉnh miền Trung, có năm có đến 8 tháng hát ở miền Trung và nhiều tháng hát ở các tỉnh Hậu Giang, nên nghệ sĩ Hương Mùa Thu ít được các ký giả kịch trường giới thiệu cho khán thính giả biết, về tài năng của các diễn viên Hương Mùa Thu.

Cuộc sống của nghệ sĩ Út Hiền đúng như cái tên Hiền đã được gán cho anh, anh không gây nên tai tiếng gì, không cờ bạc, không hút xách, không trai gái đĩ bợm, chỉ có mỗi cái tật là nhậu rượu không bao giờ biết ngừng. Lúc mới đầu vì đi hát ở miền Trung, xa nhà, thỉnh thoảng Út Hiền uống rượu giải khuây, nhưng đụng cuộc tiệc, bạn bè nâng ly, anh từ chối thì người ta nói khích, nào là " Chơi như vậy, thì chơi với ai?" hay "Uống rượu chút đỉnh, sợ mất giọng ca sao?" Thêm nữa tánh của Út Hiền hay chiều bạn, nên khi đã uống rượu thì anh uống cho tới mút chỉ.

Chỉ có ông bầu Thu An can thiệp thì tiệc nhậu mới dứt được. Mà ông bầu Thu An thì đâu có thể luôn luôn ở gần các bạn nhậu để canh chừng hoài. Những khi đoàn hát di chuyển đến địa điểm mới, chưa kịp treo màn hát thì đã có một chầu nhậu tưng bừng hoa lá và nghệ sĩ Út Hiền sẵn sàng nằm đo ván ngay trên bàn nhậu.

Sau năm 1975, Út Hiền hát với Phượng Liên tuồng *Lục Vân Tiên* trên sân khấu nhà hát Trần Hữu Trang năm 1980. Lúc đó giọng ca của Út Hiền hết trong, hết êm dịu như thuở nào, tuy về kỹ thuật ca vẫn còn phong độ của một kép hát chánh tài danh.

Út Hiền bị bịnh ung thư gan, hậu quả của những trận nhậu, không biết dừng lại trong thời niên thiếu. Út Hiền nằm điều trị tại bệnh viện Nguyễn Trải, Chợ Lớn. Anh mất ngày 16 tháng 6 năm 1986, nhằm ngày 10 tháng 5 năm Bính Dần, hưởng dương 47 tuổi, an táng tại nghĩa trang nghệ sĩ Gò Vấp.

Út Hậu

Út Hậu - Trần Quang Hậu (1940-2001)

Nghệ sĩ Út Hậu tên thật là Trần Quang Hậu, sanh năm 1940 tại Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long. Lúc 7 tuổi, Hậu được cha mẹ cho đi tu tại chùa Thiên Phước ở Trà Ôn. Khi đọc kinh kệ, Hậu có giọng

trong trẻo khiến nhạc sĩ Mười Kiên ở Trà Ôn mỗi lần đi cúng kiếng ở chùa Thiên Phước để ý, dạy cho Hậu ca cổ.

Từ đó, chú tiểu Hậu thường được giới thiệu ca vọng cổ ở chùa trong những dịp có nghệ sĩ của các đoàn hát đến cúng kiếng và lên sân khấu trong các chương trình gây quỹ từ thiện. Ông Mười Kiên thấy tiểu Hậu ca hay, nếu theo gánh hát thì sẽ trở thành người có tài. Bởi vậy ông nói với nhà sư rồi dẫn Hậu lên Saigon, giới thiệu với nghệ sĩ Út Trà Ôn là chủ đoàn hát Kim Thanh và cũng là người cùng quê ở Trà Ôn. Út Trà Ôn bèn đặt nghệ danh cho tiểu Hậu là Út Hậu.

Năm 1957, được 17 tuổi, Út Hậu rời đoàn Kim Thanh, gia nhập đoàn Thanh Minh của ông bầu Nghĩa, nổi danh qua vai Phù Đổng Thiên Vương trong vở *Thiên Thần Trên Thiết Mã* của hai soạn giả Nguyễn Ang Ca và Viễn Châu. Tiếp theo, Út Hậu đóng chung với nữ nghệ sĩ Thanh Nga trong vở *Phận Trẻ Lạc Loài* của soạn giả Quy Sắc.

Năm sau, 18 tuổi, Út Hậu được ông bầu Bạch Vân mời về hợp tác, dựng bảng hiệu Mai Hoa – Út Hậu. Từ đó Út Hậu nổi danh qua các vở *Nửa Mảnh Tim Côi* và *Mái Tóc Người Vợ Trẻ* v.v… Các ký giả kịch trường hết lời khen ngợi giọng ca của Út Hậu và dự đoán anh sẽ là người nối ngôi "vua vọng cổ" của Út Trà Ôn.

Hai năm sau, đoàn Mai Hoa – Út Hậu rã gánh, Út Hậu trở về đoàn Thống Nhứt của Út Trà Ôn. Nơi đây, Út Hậu gặp cô đào chánh Diệu Hiền. Hai người chung sống với nhau thành một cặp vợ chồng hạnh phúc, tiền bạc làm ra như nước nhưng không có cưới hỏi. Họ sanh được 5 người con, 2 trai, 3 gái. Ít lâu sau, Út Hậu bỏ đoàn Thống Nhứt của ông thầy Út Trà Ôn, gia nhập đoàn Kim Chung "Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt" của ông bầu Long.

Út Hậu được ông bầu Long trọng dụng, cho nắm đoàn cải lương Kim Chung B, chuyên đi lưu diễn các tỉnh miền Trung, do đó anh và Diệu Hiền xa nhau. Theo lời kể của Diệu Hiền thì chú tiểu Hậu khi trở thành danh ca Út Hậu sống rất bay bướm, chạy theo nhiều bóng hồng và phụ rẩy vợ con.

Có lần, hai vợ chồng gây gổ nhau, mẹ của Út Hậu rầy la: "Vợ gì mà không biết nhường nhịn chồng". Út Hậu nói: "Ai cưới hỏi hồi nào mà kêu là vợ". Chính quan niệm "không có cưới hỏi" đó đã đưa đến sự tan vỡ giữa Diệu Hiền và Út Hậu.

Sau năm 1975, "Đại công ty" Kim Chung không còn nữa, gia đình ông bà bầu Long đã sang Pháp. Út Hậu lang thang ngoài Trung, lập đoàn Tân Đô – Út Hậu. Bị rã gánh, anh gia nhập các đoàn Sông Hàn, Hoa Biển là những đoàn hát miền Trung nhưng đoàn nào lúc ấy cũng rất khó sống.

Ngày 10 tháng 12 năm 1999, Út Hậu bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người bên trái, phải nằm điều trị tại Bệnh viện Phú Yên.

Nhờ có cô con gái là Diệu Thanh ra Phú Yên đưa về điều trị và sống tại Viện Dưỡng lão nghệ sĩ ở quận 8, Sàigòn. Út Hậu đã trút hơi thở cuối cùng ở Viện Dưỡng Lão Nghệ Sĩ vào ngày 21 tháng 3 năm 2001, hưởng thọ 61 tuổi.

Ngày Út Hậu sắp từ trần, nữ nghệ sĩ Diệu Hiền và các nghệ sĩ như Thanh Tuấn, Thanh Phú, Quốc Trầm, Hề Sa v.v… đều có đến thăm. Diệu Hiền uống một chung rượu rồi ca bài *Tần Quỳnh Khóc Bạn* để tiễn đưa người chồng vừa thương vừa hận của mình sang bên kia thế giới.

Tấn Tài

Tấn Tài - Lê Tấn Tài (1940-2011)

Nghệ sĩ Tấn Tài tên thật là Lê Tấn Tài, sanh năm 1940, quê ở xã Vĩnh Trạch, huyện Núi Sập, tỉnh Long Xuyên. Cha là ông Lê Thành Tâm, Mẹ là bà Nguyễn Thị Đang, hành nghề thương mãi. Trong gia đình không có người nào theo nghiệp cầm ca.

Tấn Tài thi đậu Trung Học đệ nhất cấp ở Long Xuyên, anh làm giáo chức dạy học ở trường Thoại Ngọc Hầu, tỉnh An Giang. Phong trào đờn ca tài tử ở miền Hậu Giang rất là rầm rộ, thầy giáo Tấn Tài bị cuốn hút theo phong trào, anh đi học ca vọng cổ và cổ nhạc với nhạc sĩ ở địa phương là Hai Tỉnh và Út Thôi.

Tấn Tài có một giọng ca truyền cảm, anh biết cách diễn đạt nội dung bài ca nên tạo được một lối ca riêng có khả năng thu hút khán, thính giả nên anh mau chóng nổi danh ở địa phương.

Đầu năm 1959, đoàn cải lương Bướm Vàng của ông Bầu Văn Thà đến xã Vĩnh Trạch hát, theo lệ hát vọng cổ ngoài màn, đoàn hát đã mời Ban ca nhạc tài tử của xã tham dự. Tấn Tài lên ca, được khán giả nhiệt liệt vỗ tay khen thưởng đồng thời được mời hát nhiều lần. Giọng ca và phong cách biểu diễn của Tấn Tài được khán giả đánh giá là hay hơn anh kép chánh của đoàn hát.

Bầu Văn Thà thấy Tấn Tài có giọng tốt, ca hay, được khán giả ái mộ nên ông bảo con gái của ông là cô đào Thanh Lệ o bế quyến rũ Tấn Tài. Ông muốn đào luyện Tấn Tài trở thành kép chánh và sẽ làm rể của ông để Tấn Tài giúp ông nắm vững và phát triển đoàn hát.

Nhưng khi đoàn Bướm Vàng hát ở Chợ Bà - Cái Vồn, mẹ anh đến đoàn hát bắt anh trở về nhà, nhưng Tấn Tài thề quyết theo nghiệp cầm ca, nếu không thành danh thành tài, quyết không trở về quê hương xứ sở.

Cha mẹ của Tấn Tài đành chìu theo ý nguyện của con nhưng thời vận của Tấn Tài chưa thông nên chỉ sáu tháng sau, đoàn hát Bướm Vàng tan rã, cô đào Thanh Lệ bỏ đi đâu mất. Tấn Tài không dám trở về quê, anh tá túc nơi nhà của một người ái mộ anh tên Hiền ở Mươn Điều, Cao Lãnh, cuốc đất trồng khoai, sống tạm qua ngày.

Thời gian này Tấn Tài được anh Hiền giới thiệu đi đờn ca tài tử ở các xã lân cận, nhiều cô gái quê mê giọng ca của anh giáo làng thất cơ lỡ vận này, nhưng Tấn Tài chỉ đáp lại mối tình thắm thiết của cô Năm Đủ, giáo viên trường Tiểu học xã Mỹ Hiệp.

Không ngờ là ông Xã Trưởng Mỹ Hiệp muốn cưới cô Năm Đủ nhưng cô không ưng thuận mà chí quyết chỉ yêu Tấn Tài thôi. Ông Xã Trưởng chụp mũ Tấn Tài là Cộng Sản nằm vùng, ông đem lính tới bao vây rạp hát tìm bắt Tấn Tài, anh phải trốn trong ao nước sau đình, núp dưới dề lục bình. Bọn lính và ông Xã trưởng bắn vài loạt đạn xuống ao, may mà không trúng Tấn Tài. Đêm đó, sợ quá, anh trốn qua Sadec, anh Hiền cũng bỏ nhà trốn theo anh.

Đoàn cải lương Hữu Tâm của ông Bầu Ba Khuê hát tại rạp Sadec, Tấn Tài và anh Hiền đến xin gia nhập nhưng soạn giả Tứ Lang sau khi nghe thử giọng ca của Tấn Tài, bèn dẫn Tấn Tài đi gia nhập gánh nhát Tân Hương Hoa của Bầu Sinh vì anh nói theo đoàn Tân Hương Hoa có tương lai hơn là theo đoàn Hữu Tâm. Trước khi đi Bãi Sào gia nhập đoàn hát Tân Hương Hoa, Tấn Tài viết thư về cho cô Năm Đủ, hẹn khi ổn định công ăn việc làm, sẽ rước cô về chung sống.

Trong nghề hát, có giọng ca tốt cũng phải cần có dịp may thì mới mau phất lên được. Tấn Tài gia nhập đoàn Tân Hương Hoa, gặp dịp may là kép chánh Hoàng Sương nghĩ đoàn để qua hát cho đoàn Thúy Nga, Bầu Sinh liền giao Tấn Tài cho kép Nam Hùng huấn luyện cấp tốc để thế vai của Hoàng Sương.

Tấn Tài có giọng ca lạ, hấp dẫn, học tuồng mau thuộc nên lầu đầu tiên mới bước ra sân khấu hát, Tấn Tài được khán giả tán thưởng và được Bầu Sinh nâng lên thành kép chánh của đoàn, có lương cao và được ký contrat sáu chục ngàn đồng, hát hai năm cho đoàn Tân Hương Hoa. Cô Năm Đủ là người vợ đầu tiên của Tấn Tài. Hai người chung sống, có được một đứa con gái tên là Lê Thị Thanh Hà, hiện nay là chủ một garage sửa xe hơi ở vùng Phú Thọ.

Ở đoàn Tân Hương Hoa, Tấn Tài thủ vai chánh trong các tuồng *Hắc Y Nữ Hiệp, Tiếng Ai Khóc Trên Đồi, Hoàng Tử Song Sanh, Hoa Tình trong Gió Lốc, Nam Du Huê Quang.*

Năm 1961, ông Bầu Thành đoàn Song Kiều ký với Tấn Tài một conbtrat 100.000 đồng để anh về hát cho đoàn Song Kiều. Tấn Tài thối lại cho bầu Sinh Tân Hương Hoa 60.000 đồng vì hát chưa hết thời hạn contrat. Còn 40.000 đồng anh chia làm đôi, gởi hết số tiền đó về cho cha mẹ và cha mẹ vợ của anh.

Báo chí kịch trường đăng nhiều bài báo khen Tấn Tài là con có hiếu vì thời đó nhiều nghệ sĩ ký tiền contrat cao thường lo sắm xe hơi, mua hột xoàng thay vì giúp đở cho cha mẹ già.

Ở đoàn Song Kiều, Tấn Tài hát các tuồng *Tâm Tình Mỵ Vương Phi, Nắng Chiều Quê Ngoại, Nắng lên Cổ Tháp.*

Năm 1962, Tấn Tài cộng tác với đoàn hát Thủ Đô của ông bầu Ba Bản, được nghệ sĩ Ba Vân hướng dẫn, Tấn Tài thành công trong vai Điệp Nhứt Lang trong tuồng *Cát Dung Phương Tử* của soạn giả Thiếu Linh, anh đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1963 nhờ vai tuồng nầy.

Chỉ sau bốn năm theo nghề hát, Tấn Tài đoạt được giải nghệ thuật cao qúy mà các nam nữ diễn viên cải lương đồng thời đều mơ ước.

Đêm phát giải Thanh Tâm được tổ chức tại rạp Quốc Thanh, Tấn Tài thủ vai Hoàng Hoa Lử, diễn chung với Bạch Tuyết trong vai Chu Cẩm Luyện trong vở Khói Sóng Tiêu Tương của Hoa Phượng và Nhị KIều.

Cha Mẹ của Tấn Tài và cha mẹ vợ của anh được mời ngồi hàng ghế danh dự. Bà con ở xã Vĩnh Trạch và đặc biệt hai ông thầy dạy ca Hai Tỉnh và Út Thôi cũng đến Saigon xem đêm hát nhận huy chương vàng của ông thầy giáo làng kiêm nghệ sĩ Tấn Tài.

Sau đêm hát nhận huy chương vàng, Tấn Tài được ký contrat thêm 150.000 đồng và được nghĩ 5 ngày để cùng cha mẹ và bà con xã Vĩnh Trạch về quê. Tại xóm cũ, Tấn Tài vật bò, mổ heo, làm thịt gà tổ chức tiệc khoản đải chánh quyền xã và tất cả bà con láng giềng nào đến chia vui với gia đình anh.

Tấn Tài hát các vai chánh trên sân khấu Thủ Đô, tuồng : *Tình Người Tử Tội, Bóng Người Bên Song Cửa, Nhạc Nữ Qúy Xuyên, Cây Quạt Lụa Hồng, Khi Mặt Trời Lên, Năm Xưa Nàng Lỗi Hẹn, Cát Dung Phương Tử.*

Tấn Tài thu dĩa vọng cổ cho hãng dĩa Hoành Sơn của ông Ba Bản các bài nổi tiếng như *Ai lên xứ hoa đào, Dưới rặng Ô môi, Đà lạt mưa rơi, Kiều Phong A tỷ. Dương Quý Phi, Mùa Thu Lá Bay…*

Năm 1964, Tấn Tài và Bạch Tuyết là đôi diễn viên chánh của đoàn hát Dạ Lý Hương của Bầu Xuân. Tấn Tài có những vai hát để đời trong các tuồng *Cô Gái Đồ Long, Anh Hùng Xạ Điêu, Tiếng Vọng Ba Đèo, Võ Tòng Sát Tẩu, Sương Mù Trên Non Cao, Thần Anh Cô…*

Khi hát cho đoàn Dạ Lý Hương, Tấn Tài hết bị ràng buộc với ông bầu Ba Bản và hãng dĩa Hoành Sơn nên anh ca thu dĩa cho nhiều hãng dĩa Việt Nam của cô Sáu Liên, hãng dĩa Hồng Hoa, tức Asia cũ, hãng Continental của ông Đông, hãng dĩa Việt Hải của ông Tứ Hải… các bài vọng cổ được khách mộ điệu ưa chuộng như: *Hàn Mạc Tử, Hạng Võ Biệt Ngu Cơ, Thương miền đất đỏ, Tâm sự anh gù, Qua đò Mỹ Thuận…* và Tấn Tài nổi danh Hoàng Đế dĩa nhựa.

Năm 1966 đến năm 1969, Tấn Tài là diễn viên chánh đoàn Kim Chung 5, hát chung với Mỹ Châu, rồi Lệ Thủy các vở tuồng : *Bức họa da người, Băng Tuyền nữ chúa, Tâm Sự loài chim biển, Đường Minh Hoàng, Đào Hoa Khách, Tuyệt tình nương, Hồng y nữ hiệp…*

Năm 1968, vào Têt Mậu Thân, Tấn Tài theo đoàn Kim Chung 5 lưu diễn miền Trung, hát ở đảo Lý Sơn, cù lao Ré, Quảng Ngãi, trong khi đó ở Saigon vợ anh, cô Năm Đủ mất. Gia đình

và Ban giám đốc Kim Chung không biết đoàn Kim Chung 5 đang lưu diễn ở đâu thành ra không báo tin cho Tấn Tài được.

Mãi tới ba tháng sau, khi Kim Chung 5 về tới Nha Trang thì Tấn Tài mới biết tin vợ anh mất. Con gái của anh Lê Thị Thanh Hà được ông bà nội đem về nuôi dưỡng và cho đi ăn học ở Saigon.

Năm 1969, Tấn Tài lập gánh hát mang bảng hiệu Tân Thủ Đô - Tấn Tài, anh cưới người vợ thứ hai là nữ nghệ sĩ đệ nhất đào lẵng Như Ngọc, có hai trai tên Lê Tấn Danh tức hề Tấn Beo và Lê Tấn Phúc tức hề Tấn Bo.

Sau năm 1975, Tấn Tài giao gánh hát lại cho tỉnh Hậu Giang, anh mở quán có ca nhạc, rồi đi hát cho đoàn hát Sông Hậu của nhà nước. Anh đi hát từng show khi có yêu cầu. Nữ nghệ sĩ Như Ngọc mất năm 2002 vì tai biến mạch máu nảo.

Hai con trai của anh là Tấn Beo và Tấn Bo không phải danh ca vọng cổ, họ chọn nghề chọc cười thiên hạ nên nổi danh hề Tấn Beo và Tấn Bo.

Nghệ sĩ Tấn Tài mất ngày 27 tháng 1 năm 2011 vì nhiễm trùng đường ống mật. Thọ 71 tuổi.

Hương Sắc

Hương Sắc - Trần Văn Hướng (1940-2014)

Nghệ sĩ - soạn giả Hương Sắc tên thật là Trần Văn Hướng sinh năm 1940 tại Cần Đước, Long An. Gia đình ông có 9 anh chị em, Hương Sắc thứ 9 và nghệ sĩ Hương Huyền, cha của nghệ sĩ Thanh Hằng thứ 10. Người chị thứ ba là bà Ba Khan sinh năm 1926, sau này lấy chồng, lập nghiệp và thành công ở Sàigòn.

Năm 1957, bà Ba Khan mê cải lương, lại có tài sản nên lập gánh hát mời 2 diễn viên nổi tiếng là Minh Chí và Việt Hùng về đoàn mình, lấy tên 2 ngôi sao này làm tên đoàn và ngày khai trương rất thành công.

Đoàn Minh Chí – Việt Hùng ra mắt tại rạp Thành Xương vở *Đường Lên Xứ Thái* của soạn giả Mộc Linh, nội nhật tên tuổi giàn đào kép như Minh Chí, Việt Hùng, Kim Nên là thân mẫu của ca sĩ Thái Châu, Ánh Hoa.. đã thu hút rất nhiều khán giả.

Khi đoàn Minh Chí – Việt Hùng đi diễn, thì ở nhà 2 anh em Hương Sắc và Hương Huyền lên Quán Lệ Liễu xin ca. Đây là một nhà hàng ca nhạc tài tử ở Thị Nghè, tối tối có khách vào ăn uống, ai ca hay thì ghi danh lên hát. Tuy hát không có tiền nhưng người lên hát phải ca giỏi bởi trên sân khấu Lệ Liễu, thầy đờn lúc đó là nhạc sĩ Văn Vĩ, Năm Cơ. Mê ca quá, mà lại chẳng biết nhịp nhàng, Hương Huyền có lần gặp riêng nhạc sĩ Văn Vĩ tâm sự: "*Anh em tụi cháu mê ca hát quá, mà chưa biết nhịp nhàng gì, mà chỉ cứ ca "nhóng" theo đại, có cách nào hát được không chú?"*. Nhạc sĩ Văn Vĩ trả lời: "*Ca nhóng, thì phải ca một cách tự nhiên, chứ tụi cháu mà ca ngượng, là tui bị ngượng theo.. Cứ ca thẳng băng, ca tới đâu tui chạy theo tới đó, chứ ca sượng, là tui sượng luôn. Nhớ nha..*". Theo lời chỉ dẫn đó, Hương Huyền Hương Sắc lên sân khấu ca ào ào, khách ngồi dưới thấy tưởng dân chuyên nghiệp, vỗ tay rần rần. Từ đó, tên tuổi hai anh em, bắt đầu được biết đến trong giới đờn ca tài tử.

Đoàn Minh Chí – Việt Hùng, sau hơn một năm hoạt động, do xích mích nội bộ, đoàn đành phải dẹp. Đến đầu năm 1960, nhân tiện thấy 2 cậu em của mình hát hò càng ngày càng khá, với lòng thương yêu em, nhân tiện xác gánh còn, bà Ba Khan một lần nữa bỏ ra một số tiền thành lập Đoàn Bạch Vân khai trương với vở *Qua Mùa Gió Loạn* tại rạp Thanh Bình với thành phần đào kép Ngọc Ẩn, Bích Sơn, Thanh Thủy, Hương Sắc, Hương Huyền.. Trong đoàn Bạch Vân, còn có một nữ nghệ sĩ tài giỏi, đó là Kim Hoa, con gái của nữ nghệ sĩ Tư Helene, trong năm đó, cô và nghệ sĩ Hương Huyền phải lòng rồi lấy nhau, đến năm 1961 thì hạ sinh ra Thanh Hằng, về sau là một nữ nghệ sĩ xinh đẹp tài giỏi. Năm 1991, Thanh Hằng đoạt Huy Chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Về tài nghệ, Hương Sắc sở trường những vai kép độc mùi. Ông nhiễm Minh Chí nên người ta hay gọi là Minh Chí 2 với lối ca rổn rảng. Ông nổi tiếng với 4 lớp Xuân Tình trong *Tống Tửu Đơn Hùng Tín.*

Cuối năm 1962 Bạch Vân rã gánh, nghệ sĩ Hương Sắc ghi danh vào Khóa Sĩ Quan 17 Nguyễn Thái Học trường Võ Bị Thủ Đức. Năm 64, chuẩn úy Hương Sắc ra trường đóng đô ở Pleiku được ở trong Khối Chiến Tranh Chính Trị. sau đó anh về cộng tác với Ban Văn Nghệ Địa Phương Quân.

Năm 1966, Hương Sắc là trung úy và có cậu em Hương Huyền về theo. Chỉ một năm sau, năm 1967, ban Văn Nghệ Địa Phương Quân sáp nhập vào Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương. Năm 1973, Hương Sắc được thăng chức Đại Úy Biệt Đoàn Phó Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương phụ trách Khối Ca Nhạc Kịch cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Hương Sắc kết hôn với ca sĩ Trúc Ly và có 2 con. Cô con gái tên Trần Ngọc Hương Lý và cậu con trai Trần Kinh Luân, cả hai đều không ai nối nghiệp cầm ca.

Sau năm 1975, Hương Sắc phải đi học tập cải tạo đến năm 1981 mới trở về nhà. Đi diện HO định cư tại Mỹ vào năm 1993. Nhiều năm gần đây, Hương Sắc sống trong một khu nhà dưỡng lão trong vùng thung lũng hoa vàng San José.

Soạn giả Hương Sắc qua đời lúc 1 giờ 23 ngày 16 tháng 2 năm 2014, nhằm chiều 29 Tết năm Quý Tỵ, tại San Jose, California, Mỹ. Thọ 75 tuổi.

Ánh Hoa

Ánh Hoa (1941-20 ..)

Nghệ sĩ Ánh Hoa sanh năm 1941, tại Gồng Trôm, Bến Tre. Sanh trong gia đình có truyền thống trình diễn trên sân khấu, xuất thân từ gia đình hát bội, là con của nghệ sĩ Văn Danh - Ánh Nguyệt cùng thời với Kim Chưởng, Thúy Nga.

Ánh Hoa sống trong đoàn Tỷ Phượng. 7 tuổi, Ánh Hoa bước lên sân khấu với vai Na Tra trong vở *Na Tra lóc thịt* . Năm 13 tuổi, Ánh Hoa theo ba má gia nhập đoàn Tân Hương Hoa của ông bầu Vân Sinh. Đoàn này ban đầu có tên Hương Hoa, với cặp song ca Việt Hùng - Ngọc Nuôi hát ăn khách nhứt nhì Sàigòn thời bấy giờ. Khi ông bầu Vân Sinh tăng cường thêm Vua Xàng Xê Minh Chí và nhiều nghệ sĩ trẻ Nam Hùng, Thanh

Thanh Hoa, Hoài Dung, Hoài Mỹ, Ánh Hoa thì bầu Vân Sinh đổi tên đoàn thành Tân Hương Hoa.

Ông bầu Vân Sinh khai trương bảng hiệu mới cũng như giới thiệu lớp nghệ sĩ trẻ, chủ yếu là giọng ca của Minh Chí và thần đồng Ánh Hoa, diễn tuồng *Đầu xanh vương khổ hận* tại rạp Nguyễn Văn Hảo. Sau đêm diễn, ký giả Nguyễn Ang Ca viết báo tặng Ánh Hoa mỹ danh "Thần đồng Ánh Hoa - Út Trà Ôn deux" của Tân Hương Hoa. Nguyễn Ang Ca viết: “Mỗi khi ca tới chữ “hò” vô vọng cổ, cái hơi thật êm, thật buồn của Ánh Hoa khiến tôi có cảm giác như được nghe chính ông vua vọng cổ Út Trà Ôn ca.” Lời khen tặng của ký giả có danh khiến dư luận xôn xao.

Đoàn Tân Hương Hoa lúc nào cũng đông nghẹt khán giả nhưng chỉ nhộn nhịp được khoảng 3 tháng thì rã gánh do các nghệ sĩ trẻ tách ra lập đoàn mới.

Năm 1956. bà Ba Khang chị của hai nghệ sĩ trẻ Hương Sắc, Hương Huyền xuất vốn lập gánh hát Việt Hùng-Minh Chí , với vở tuồng *Người Đẹp Bán Tơ*, có các nghệ sĩ Việt Hùng - Minh Chí - Ngọc Nuôi. Suất hát nào cũng đông nghẹt người coi, nhưng mới diễn được 2 tuồng *Đường Lên Xứ Thái* của soạn giả Thiếu Linh và *Người đẹp bán tơ* của soạn giả Kiên Giang thì chuyện tình cảm của cô đào Ánh Hoa với nghệ sĩ Minh Chí bị báo chí phanh phui rần rần. Lúc đó, Minh Chí đã qua 2 đời vợ và đang sống với người vợ thứ 3 l à Ánh Hoa mới 15. Ông lớn gần gấp đôi tuổi Ánh Hoa. Cuộc tình duyên này đã gây sôi nổi dư luận, thân phụ Ánh Hoa là nghệ sĩ Văn Danh có đưa Minh Chí ra tòa về tội dụ dỗ gái vị thành niên. Nhưng rồi mọi chuyện cũng êm xuôi, Ánh Hoa và Minh Chí trở thành vợ chồng chung sống với nhau Gánh Việt Hùng-Minh Chí nổi trong một thời gian ngắn rồi chỉ hơn một năm thì nội bộ lủng củng đưa đến rã

gánh, sau đó thì hai anh kép này lại chẳng thèm ngó mặt nhau. Sau thất bại, ông Vua Xàng xê bỏ mộng làm bầu, hai vợ chồng Minh Chí – Ánh Hoa về hát cho đoàn Kim Chưởng, Thanh Hương – Hùng Minh, Tân Thủ Đô – Tấn Tài ...

Sau năm 1975, vợ chồng Minh Chí đi hát cho gánh Hậu Giang 2, Trần Hữu Trang, Huỳnh Long, đến năm 1990, Ánh Hoa và Minh Chí nghỉ hát. Sau khi nghỉ hát, cuộc sống gia đình càng khó khăn, Ánh Hoa bán cơm tấm dưới cầu chữ Y bên kia đường Hưng Phú.

Năm 1992, đoàn làm phim "Người tình" của đạo diễn Jean Jacques Annaud. mời bà Ánh Hoa vào vai bảo mẫu . Đó là cơ duyên đưa Ánh Hoa đến với điện ảnh và Ánh Hoa trở thành gương mặt quen thuộc qua các phim về sau: *Mùi đu đủ xanh* của đạo diễn Việt kiều Trần Anh Hùng. *Người đẹp Tây Đô, Đồng tiền xương máu, Đất phương Nam, Xóm nước đen, Hải Nguyệt, Giao thời, Giã từ dĩ vãng, Người Bình Xuyên, Mùa len trâu…*

Minh Chí sau cơn bạo bệnh nặng vì bệnh xơ gan cổ trướng, ông đã từ trần vào lúc 3 giờ 30 phút sáng 4-12-1995 tại tư gia ở Quận 8, Tp. HCM, thọ 72 tuổi. An táng tại nghĩa trang Bình Hưng Hoà, Bà Quẹo.

Vua Xàng xê Minh Chí - TĐ cải lương "Thuyền Ra Cửa Biển" với Ns Thành Được

Sau khi người bạn đời đã ra đi, Ánh Hoa sống đơn lẻ với những kỷ niệm và những tấm chân tình nghệ sĩ cùng những mơ ước được trở lại sân khấu như thuở nào:

Mỗi lần được mời diễn tôi vui lắm chứ, có được cơ hội gặp lại anh em nghệ sĩ. Minh Vương mỗi lần gặp thì cứ nhắc đến những khóm trúc trước nhà tôi, những chậu kiểng mà ông xã tôi cưng. Bạch Tuyết thì dẫn tôi đi chữa mắt, tặng tôi tiền để chữa bệnh thấp khớp. Lệ Thủy thì đi đâu diễn cũng ghé đến thăm. Phượng Liên ở xa mỗi lần về nước là đến thăm, tặng quà, nhắc lại nhiều kỷ niệm đẹp của nghề hát. Mơ ước có được cơ hội để diễn một vở tuồng, đóng vai phụ, vai gì tôi cũng chịu, vì nghe tiếng rao đờn vọng cổ, bài bản cải lương đã thấy thích rồi. Mong lắm.

(Xem *Con gái chị Hằng* trang 173)

Hề Sa

Hề Sa - Lê Văn Sa (1941-20 ..)

Nghệ sĩ Hề Sa tên thật là Lê Văn Sa, sinh năm 1941 tại Long Bình, huyện Thủ Đức nay là quận 9, Tp. HCM.

Khi được 18 tuổi, Hề Sa đã đi hát cho đoàn Tiếng Vang Thủ Đô, sau đó anh được ông Bầu Ba Bản mời về đoàn hát Thủ Đô, hát thế vai cho quái kiệt Bảy Xê. Hề Sa hát chung với cặp đào

kép chánh Tấn Tài, Trương Ánh Loan. Theo lời Hề Sa kể thì chính ông bầu Ba Bản đặt tên Hề Sa cho anh, ông lấy cái tên Sa, rồi thêm chữ Hề vô. Hề Sa, cái tên thật gọn, thật ngắn, khác với lối đặt tên xưa nay của nghệ sĩ cải lương.

Các nghệ sĩ cải lương thường dùng hai chữ thật đẹp, thật kêu để đặt tên mình như Thanh Nga, Thành Được, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Phượng Liên, Hùng Cường, Bạch Tuyết, Văn Chung, Hương Huyền,… Tên ba chữ thì có Dũng Thanh Lâm, Trương Ánh Loan, Thanh Thanh Hoa, Thanh Kim Huệ, Kiều Phượng Loan, Dũng Minh Sang…Cái tên Hề Sa thật ngắn đó khiến cho khán giả chú ý, cộng với lối ca vọng cổ diễu vừa ca vừa nói diễu như vua vọng cổ hài Văn Hường, Hề Sa có một làn hơi sung mãn và kỷ thuật luyến láy riêng nên tạo được một vị trí khả quan trong làng ca vọng cổ hài trong hai thập niên 1960, 1970.

Năm 1968, Hề Sa được ông bầu Long ký hợp đồng một triệu đồng, về hát cho đoàn Kim Chung, thế vai cho danh ca Văn Hường khi Văn Hường rời Kim Chung để lập gánh hát riêng.

Trên sân khấu Kim Chung 5, Hề Sa hát chung với các nghệ sĩ Tấn Tài - Mỹ Châu, Lệ Thủy qua các tuồng *Bức Họa Da Người, Băng Tuyền Nữ Chúa, Tâm Sự Loài Chim Biển, Đường Minh Hoàng, Tuyệt Tình Nương, Hồng Y Nữ Hiệp*. Thời gian nầy, có lúc đoàn Kim Chung 5 lưu diễn miền Trung, hát vài tháng trên đảo Lý Sơn, Cù lao Ré ở Quảng Ngải.

Trong năm 1968, Hề Sa ký độc quyền thu thanh vọng cổ hài cho hãng dĩa Tứ Hải với những bài hát nổi tiếng: *Trời Sanh Trâu Sanh Cỏ, Tôi Đi Làm Rể, Hề Sa Đi Pháp, Hề Sa Cầu Hôn, Lệnh Xé Xác Lệnh Xé Túi…*

Năm 1969, Hề Sa theo đoàn hát Kim Chung sang Pháp biểu diễn.

Năm 1970, Hề Sa lập gánh hát Sóng - Hề Sa, đoàn hát thường lưu diễn ở các tỉnh miền Trung và Hậu Giang nên thời gian nầy Hề Sa không có dịp thu thanh dĩa vọng cổ hài như trước.Hề Sa lập gánh hát là muốn tạo cho mình một mảnh đất diễn đúng theo sở nguyện của anh vì khi anh là bầu gánh hát, anh có quyền chọn những tuồng hát thích hợp, anh có thể đề nghị soạn giả khai thác thêm nhiều đất diễn và ca cho vai hề và chót hết làm bầu gánh hát, anh sẽ có tiền để tiếp đãi các ký giả kịch trường, tự mình quảng cáo cho tên tuổi danh hề của mình. Nhưng khi vướng vô cái nghiệp làm bầu gánh hát, Hề Sa mới thấy khổ sở vì phải chạy lo cơm áo gạo tiền cho hàng mấy chục diễn viên và công nhân của gánh hát, nào là phải lo quảng cáo, lo điểm diễn, lo bán vé hát, lo lời lổ, lo tiền di chuyển, tiền rạp, tiền thuế vụ…Tiền vô cho gánh hát chỉ có một cửa trước tức là cửa rạp hát với những vé hát bán được hàng suất hát, còn tiền tiêu chi ra thì ông Bầu phải chi ra hàng trăm thứ, từ lương đào kép, đến tiền cơm hội, tiền mua sắm y trang, tranh cảnh, dụng cụ kỷ thuật sân khấu như âm thanh, ánh sáng, tiền xe di chuyển, tiền mướn rạp, mướn phòng ngủ cho đào kép, vân vân và vân vân.

Cái đầu óc tính toán lời lỗ của người quản lý gánh hát đã làm tê liệt cái duyên hài chọc cười của người nghệ sĩ Hề Sa. Chính Hề Sa đã tự thán. Hề Sa liên tiếp gặt hái được những thành công khi anh đi hát, làm bầu gánh hát cũng tạo được vài dấu ấn đáng kể nhưng cuộc đời riêng, hạnh phúc gia đình không trọn vẹn. Ba lần lập gia đình, ba dòng con, ba lần mang nỗi buồn trong lòng. Anh nói: “Có lẽ thời trẻ tôi lo làm ăn, nghĩ tới sự nghiệp và tiền bạc nhiều quá nên ít quan tâm chăm sóc đến gia đình nên hạnh phúc đến rồi cũng tan biến nhanh. Về nghề nghiệp hát ca thì vì quá bận làm bầu gánh hát, tôi cũng không tiến gì thêm trên lãnh vực ca hát.”

Sau năm 1975, anh như các bầu gánh hát tư nhân khác, giải tán đoàn hát. Năm 1977 Hề Sa đi hát cho các đoàn hát Trung Hiếu, đoàn Hoa Hồng, đoàn Hồ Thị Hương. Đến năm 1989, Hề Sa

tiếp tục sự nghiệp làm bầu gánh hát, đến năm 1995 thì đành trở lại kiếp hát thuê để kiếm sống qua ngày.

Hề Sa say mê tiếng đàn câu ca, nên già rồi nhưng khi có dịp hát chầu trên sân khấu Đầm Sen hay các tụ điểm văn hóa, Hề Sa cũng ráng đem giọng ca hài để mang nụ cười lại cho khán thính giả, nhưng khó khăn nhất là hiện nay ít có bài vọng cổ hài, viết các điều nhạy cảm như chống tham nhũng thì sợ đụng chạm, mà kiêu ngạo các tật xấu của xã hội thì sợ bị kết tội là bôi đen chế độ, bởi vậy bài ca cũ, đem kiểm duyệt mới lại đàng hoàng, bài nào cho phép ca thì Hề Sa ca diễu cho bà con mua vui, anh cũng kiếm được thu nhập để sống qua ngày.

Diệp Lang

Diệp Lang - Dương Công Thuấn (1941-20..)

Nghệ sĩ tên thật là Dương Công Thuấn, sinh ngày 4 tháng 3 năm 1941, tại Bình Tiên, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp. Lên 8 tuổi, ông đã theo cha là thầy đàn Ba Diệp đi theo đoàn Cải lương Tam Phụng. Nhưng cha của ông không muốn ông nối nghiệp đàn, vì người đàn chỉ ngồi sau cánh gà sân khấu, nên ông đã tìm thầy dạy hát cho Diệp Lang và cho ông học đóng những vai phụ.

Vào khoảng đầu thập niên 1950, trong một đêm diễn vở *Lấp sông Gianh* tại rạp hát Nguyễn Văn Hảo, nay là rạp Công Nhân trên đường Trần Hưng Đạo, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đoàn cải lương Kim Thoa bị ném lựu đạn, có hai người trong đoàn thiệt mạng, cha con ông may mắn thoát chết. Nhưng chẳng được bao lâu sau đó, ông Ba Diệp bị bệnh nặng, phải bỏ đoàn về quê và mất tại đây.

Chịu tang cha một thời gian thì ông tiếp tục lên Sài Gòn theo đuổi nghề hát. Năm 12 tuổi, Diệp Lang bước lên sân khấu trong vở Lấp sống Gianh của Đoàn Cải lương Kim Thoa, rồi sau đó là Việt Hùng – Minh Chí, đến Phụng Hảo – Ba Vân..., nhưng đó cũng chỉ là những vai phụ, đến khi được soạn giả kiêm ông bầu Nguyễn Huỳnh, cũng là bạn của cha ông là Ba Diệp, đã đưa ông về đoàn Hoài Dung - Hoài Mỹ (Long An), ông mới được giao vai chính: hoàng tử trong vở *Chiếc nhẫn kim cương*. Nghệ danh Diệp Lang, tức là con của ông Ba Diệp tên cha của ông, do soạn giả Nguyễn Huỳnh gọi, khi ông bắt đầu được đóng vai chính ở đoàn cải lương Hoài Dung - Hoài Mỹ.

Năm 1962, ông gia nhập đoàn Kim Chưởng, Diệp Lang được soạn giả Thu An giao cho đóng vai ông già 70 tuổi, vai người cha trong vở *Người Anh khác mẹ*. Đó là vai diễn ghi dấu ấn trong cuộc đời nghệ thuật của ông với Giải thưởng Thanh Tâm năm 1963 .

Trong thời kỳ này, ông đã đóng một số vở và rất thành công như: Trung sĩ Tám trong *Tìm lại cuộc đời*, Hội đồng Dư trong *Tiếng hò sông Hậu*, Hội đồng Thăng trong *Đời cô Lựu*, Lê Quý trong *Tâm sự Ngọc Hân*, Lê Xuân Giác trong *Tiếng sóng Rạch Gầm*, Ông nội trong *Cây lẻ bạn*, Ông Hai trong *Đàn ca tri kỷ*.

Năm 1964, Diệp Lang kết hôn với nghệ sĩ Phượng Liên, sanh một trai, một gái. Đến năm 1968, hôn nhơn gảy đổ. Trong thập niên 70, Diệp Lang lập gia đình với bà Thu Phong. Con gái của Diệp Lang là Thanh Tuyền mở tiệm nail ở Cali rất đắt khách, một người con trai của ông thì nối nghiệp cha.

Năm 1965, ông bị triệu tập đi nhập ngũ theo lệnh của Nha Quân dịch thuộc Việt Nam Cộng hòa.

Sau năm 1975, ông gia nhập đoàn Cải lương tập thể Sài Gòn II. Đoàn nầy lưu diễn khắp nơi, kể cả những vùng chiến sự như: *Phnôm Pênh, Xiêm Riệp, Mặt trận 479...* Ông được tín nhiệm bầu làm Trưởng đoàn 284. Vừa tham gia công tác quản lý, vừa làm nghệ thuật, nhưng chỉ một thời gian sau đó ông xin nghỉ làm quản lý và trở về nghiệp hát do áp lực công việc và bệnh tật. Đây cũng là thời gian ông gặp khó khăn nhiều nhất.

Ngoài ra, ông còn được chọn đi biểu diễn ở nước ngoài: năm 1984 tại Tây Âu, năm 1986 mặt trận 479 ở Xiêm – Rệp, năm 1997 tại Pháp và năm 1998 tại Úc. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1993, Nghệ sĩ Nhân dân năm 2003. Diệp Lang bắt đầu thôi đi hát. Hiện tại, ông chỉ còn tham gia đóng các vai diễn nhỏ trên sân khấu.

Ông được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1993, Nghệ sĩ Nhân dân năm 2003 và các giải thưởng sự nghiệp như: huy chương vàng Giải Thanh Tâm năm 1963, bằng danh dự giải Thanh Tâm năm 1964, huy chương vàng và giải Mai Vàng năm 2000, huy chương Vì sự nghiệp sân khấu năm 2000, giải Mai Vàng năm 2001...

Năm 2010, Diệp Lang được con bảo lãnh sang Mỹ, định cư tại thành phố San Diego, bang California để sống cùng gia đình của con gái.

Ở tuổi già, bên cạnh căn bệnh tim tiêu tốn không ít chi phí để chữa trị, cách đây 2 năm, Diệp Lang lại phát hiện mình mắc thêm bệnh Parkinson khiến tay ông run lẩy bẩy.

Live show kỷ niệm sinh nhật lần thứ 72 của nghệ sĩ Hồng Nga được tổ chức tại quận Cam, miền Nam tiểu bang California, vào ngày 21-4-2017, Diệp Lang đã tái ngộ khán giả sau nhiều năm rời xa sân khấu với lý do sức khỏe. Ông đã từ San Diago đến quận Cam để tập tuồng và biểu diễn vai ông Hương Cả trong trích đoạn *Tô Ánh Nguyệt.*

Giọng ca và hơi của Diệp Lang không được phong phú. Thế nhưng, không phải gì thế mà ông ca không hay. Điểm mạnh nhất của Diệp Lang là ông biết diễn xuất bằng cả giọng ca, ông đưa giọng ca vào đúng với tâm trạng nhân vật, đúng với động tác biểu diễn. Nói cách khác là Diệp Lang đã đạt đến trình độ "ca trong diễn, diễn trong ca", ca diễn phụ trợ lẫn nhau để thể hiện tính cách nhân vật.

(Xem *Đôi mắt người xưa* trang 123)

Thanh Nga

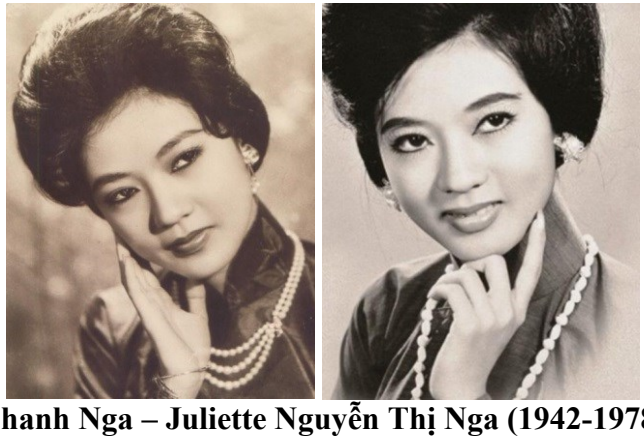

Thanh Nga – Juliette Nguyễn Thị Nga (1942-1978)

Nghệ sĩ Thanh Nga tên thật là Juliette Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 31 tháng 7 năm 1942, tại Tây Ninh. Thanh Nga sinh ra trong gia đình quyền quý, con ông Hội đồng Quản hạt tỉnh Tây Ninh Nguyễn Văn Lợi và bà Nguyễn Thị Thơ. Ông Lợi nhập quốc tịch Pháp nên các con đều mang tên Pháp và cả ba đều là nghệ sĩ. Người con cả là Albert Nguyễn Hữu Thìn, tức diễn viên Hữu Thìn của đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Người em út là Michel Nguyễn, tác giả một tuồng cải lương duy nhất tựa là *Người đi trong ngõ tối*, từ trần năm 1970. Thanh Nga là một Phật tử, có pháp danh Diệu Minh.

Ông Lợi mất năm 1945, bà Thơ còn trẻ, có nhan sắc, được nhiều người theo đuổi nhưng vẫn sống khép kín. Đến năm 1949, Năm Nghĩa thành hôn với bà Thơ. Họ đã thành lập đoàn hát Thanh Minh. Nghệ sĩ Năm Nghĩa bầu gánh Thanh Minh trở thành cha dượng của Thanh Nga.

Kim Lan, Kim Cúc, Năm Nghĩa, Thanh Nga

Đối với Thanh Nga, ông vừa trực tiếp hướng dẫn nghệ thuật, vừa nhờ nhạc sĩ Út Trong - nhạc trưởng của đoàn Thanh Minh

- kèm cặp bài bản cho cô ngay từ thời nhỏ, có đủ căn bản ứng dụng trên sân khấu. Về diễn xuất, ông rước những nghệ sĩ bậc thầy về ca, diễn, như Năm Châu, Phùng Há, Thanh Loan, Kim Cúc, Ba Vân dạy cho Thanh Nga. Nhờ rèn luyện cho nhiều bài bản cổ nhạc, Thanh Nga mới tám tuổi đã được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt khi diễn trên sân khấu. Năm Nghĩa đã đặt hàng các soạn giả viết tuồng có những vai đào con như: *Phạm Công Cúc Hoa, Đồ Bàn di hận, Lửa hờn,...* để Thanh Nga biểu diễn làm quen với sân khấu từ khi mới tám tuổi. Tuồng *Phạm Công Cúc Hoa* đã cố đưa Thanh Nga vào vai Nghi Xuân. Trong vở tuồng đầy ngang trái bi thương này, giọng ca ngọt ngào và lối diễn tự nhiên của Thanh Nga trong vai Nghi Xuân đã lấy nước mắt của biết bao khán giả. Biệt hiệu "Thần đồng Thanh Nga" có từ giai đoạn này.

Diễn xuất tuồng cải lương, Thanh Nga có những vai diễn nổi bật của Thanh Nga như: Bàng Lộng Ngọc trong vở *Khói sóng tiêu tương*, Bàng Quý Phi trong vở *Xử án Bàng Quý Phi*, Điêu Thuyền trong vở *Phụng Nghi Đình,* Dương Quý Phi trong vở *Chuyện tình An Lộc Sơn*, Diệu Thiện trong vở *Ni cô Diệu Thiện*, Diệp Thúy trong vở *Đôi mắt người xưa*, Dương Vân Nga trong vở *Thái hậu Dương Vân Nga*, Lượm trong vở *Sông Dài*, Kim Anh trong vở *Đời cô Lựu*, Mía trong vở *Bọt biển*, Nga trong vở *Bông hồng cài áo*, Nghi Xuân trong vở *Phạm Công Cúc Hoa*, Giáng Hương trong vở *Sân khấu về khuya*, Hoa Mộc Lan trong vở *Hoa Mộc Lan tùng chinh*, Hoàng hậu Mã Nhi Nương Bửu trong vở *Gió ngược chiều*, Hương trong vở *Nửa đời hương phấn,* Quỳnh Nga trong *Bên cầu dệt lụa*, Sơn nữ Phà Ca trong vở *Người vợ không bao giờ cưới*, Tuyết Vân (trong vở *Nắng sớm mưa chiều*, Thanh trong vở Tấm lòng của biển, Thảo trong vở *Bông hồng cài áo*, Trinh trong vở *Con gái chị Hằng*, Trưng Trắc trong vở *Tiếng trống Mê Linh*, Uyên trong vở *Ngã rẽ tâm tình*, Vân trong vở *Ánh sáng và bóng tối*, Xuân Tự trong vở *Áo cưới trước cổng chùa*, Xuyên Lan trong vở *Tiếng hạc trong trăng*.

Năm 1958, Thanh Nga đoạt Giải Thanh Tâm triển vọng vai sơn nữ Phà Ca, trong vở *Người vợ không bao giờ cưới*.

Đến năm 1966, Thanh Nga lại đoạt Giải Thanh Tâm xuất sắc vai Giáng Hương, trong vở *Sân khấu về khuya*.

Thanh Nga cũng tham gia nhiều bộ phim, đáng chú ý nhất là: *Đôi mắt người xưa* trong vai Diệp Thúy, *Hai chuyến xe hoa, Loan mắt nhung* trong vai Xuân năm 1970, *Mùa thu cuối cùng* năm 1971, *Bụi Phấn Hồng*, *Vết thù trên lưng ngựa hoang* năm 1971 *Lan và Điệp*, vai Lan năm 1971, *Xa lộ không đèn* vai Liễu năm 1972, *Sau giờ giới nghiêm* vai Nhàn năm 1972, *Người cô đơn* năm 1972, *Nắng chiều* năm1973, *Triệu phú bất đắc dĩ* năm 1973, *Năm vua hề về làng* năm 1974, *Quái nữ Việt Quyền Đạo, Thương muộn, Tìm lại cuộc đời* năm 1977

Thanh Nga kết hôn hai lần, lần đầu với ông Nguyễn Minh Mẫn, sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa, lần sau không chính thức với ông Phạm Duy Lân thường được gọi là Đổng Lân vì ông đã từng giữ chức Đổng Lý Văn phòng của Bộ Thông tin thời Đệ Nhị Cộng hòa của Việt Nam Cộng hòa, ông là luật sư. Thanh Nga có một con trai với ông Lân là Phạm Duy Hà Linh, sinh năm 1973, nay là nghệ sĩ hài kịch Hà Linh.

Thanh Nga bị sát hại cùng chồng ngày 26 tháng 11 năm 1978 tại nhà ở đường Ngô Tùng Châu, quận Nhất, nay là đường Lê Thị Riêng Tp. HCM. được an táng tại nghĩa trang Chùa Nghệ sĩ. Thanh Nga được truy tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú năm 1984.

Thanh Nga được xưng tụng là "Nữ hoàng sân khấu", tài sắc vẹn toàn, nhưng phải chăng là hồng nhan mệnh bạc, đã để lại trong lòng người mộ điệu cải lương biết bao thương tiếc.

(Xem *Đời cô Lựu* trang 92)

Ngọc Hương

Ngọc Hương - Nguyễn Thị Ngọc Hương (1942-2017)

Ngọc Hương tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Hương sinh năm 1942, tại Bến Tre.

Ngọc Hương sinh ra trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật tuồng cổ. Ông bà nội là hai nghệ sĩ nổi danh của gánh hát bội Kiến Lương – Bến Tre vào thập niên 1920 – 1930. Cha của bà là ông Nguyễn Văn Hay tức nghệ nhân Hai Nhỏ, vừa là kép chính vừa là thầy tuồng của gánh hát bội Kiến Lương. Anh trai là nhạc sĩ Hoàng On, chị là nghệ sĩ Kim Giác, vợ của cố NSƯT Hoàng Giang, em là nghệ sĩ Ngọc Lan đào lẳng của Đoàn Hương Mùa Thu.

Thời thơ ấu, Ngọc Hương đã được anh là Hoàng On, dạy ca nhiều thể điệu, nhịp nhàng rất vững chắc. Tuy được sinh ra trong gia đình nghệ sĩ hát bội nhưng cha của bà đã thấy nghệ thuật hát bội dần dần không còn thu hút khán giả, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hát bội thì biểu diễn theo mùa vụ, khi cúng kỳ yên đình, miếu… nên ông phải chuyển hướng cho con gái, để từ đó Ngọc Hương gắn bó với sàn diễn cải lương.

Lần đầu tiên bà lên sân khấu là năm 10 tuổi. Sau đó bà nhanh chóng trở thành đào chánh của đoàn đại bang Kim Chưởng.

Năm 1962, Ngọc Hương đoạt Huy chương vàng Triển vọng Thanh Tâm với vai Châu Bích Lệ trong vở *Ảo ảnh Châu Bích Lệ*, năm 1963 đoạt giải Danh dự Thanh Tâm , năm 1993 được phong tặng Nghệ sĩ ưu tú

Sau khi lấy chồng là soạn giả Thu An, hai ông bà đã lập ra gánh Hương Mùa Thu, một đại bang thời bấy giờ. Đến thập niên 1980 thì Hương Mùa Thu giải thể.

Sau khi soạn giả Thu An mất năm 2005, bà về sống với cô con dâu. Năm 2016, bà dời vào sống ở Viện dưỡng lão nghệ sĩ.

Tối ngày 30 tháng 11 năm 2017, nghệ sĩ Ngọc Hương qua đời qua căn bệnh ung thư gan ở Viện điều dưỡng quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thọ 75 tuổi.

(Xem *Khách sạn hào hoa* trang 116)

Dũng Thanh Lâm

Dũng Thanh Lâm – Paul Robert Bùi Văn Tâm (1942-2004)

Nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm tên thật là Paul Robert Bùi Văn Tâm, mang hai dòng máu Việt - Pháp, sanh năm 1942, tại xã Linh Đông, quận Thủ Đức tỉnh Gia Định, là một tín đồ Thiên Chúa Giáo, có tên thánh là Francisco.

Dũng Thanh Lâm học ở trường dòng Tabert Mossard ở Thủ Đức cho đến hết lớp 5, rồi được chuyển về học ở trường Trung Học Tân Thanh ở Saigon.

Dũng Thanh Lâm mê cải lương từ nhỏ nên anh theo một người bạn để học đờn ca tài tử, anh có chất giọng tốt nên dễ thành công trong việc học ca vọng cổ và các bài bản cổ nhạc. Sau đó, anh được hai vợ chồng nghệ sĩ Hoàng Sương và Thu Vân dìu dắt vào học hát trong một đoàn hát cải lương ở tỉnh với nghệ danh là Minh Hùng. Hoàng Sương và Thu Vân chính là song thân của cô Thu Hồng, một nữ nghệ sị hữu danh hiện nay ở quận Cam Hoa Kỳ.

Năm 1964, ông Bầu Ba Bản ký hợp đồng mời Minh Hùng về hát cho đoàn cải lương Thủ Đô và ông Bầu Ba Bản đổi nghệ danh của Minh Hùng thành ra nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm.

Đây là một cơ hội tốt cho Dũng Thanh Lâm vì hai nghệ sĩ cột trụ của đoàn cải lương Thủ Đô là Út Trà Ôn và Hoàng Giang rời đoàn Thủ Đô để ra thành lập gánh hát Thống Nhứt., nên ông Bầu Ba Bản mời nghệ sĩ Tấn Tài và Dũng Thanh Lâm về thế vai của Út Trà Ôn và tăng cường thực lực đào kép bằng một dàn diễn viên trẻ.

Vở tuồng đầu tiên của Dũng Thanh Lâm hát trên sân khấu đoàn cải lương Thủ Đô là vở *Bóng Hồng Sa Mạc* của hai soạn giả Loan Thảo và Hoàng Việt, cùng thủ diễn có các nghệ sĩ Minh Phụng, Tấn Tài, Trương Ánh Loan, Kim Ngọc, Văn Hường.

Trên sân khấu đoàn hát Thủ Đô, Dũng Thanh Lâm còn hát thêm các tuồng: *Chiếc Áo Ân Tình, Sầu Quan Ải, Hoa Đào Trên Kiếm Thép, Cây Quạt Lụa Hồng.*

Cuối năm 1964, đoàn hát Thủ Đô Ba Bản rã gánh, nghệ sĩ Tấn Tài mua lại xác gánh hát Thủ Đô, cùng với vợ là nữ nghệ sĩ Như Ngọc lập ra gánh hát Thủ Đô - Tấn Tài. Dũng Thanh Lâm

và nữ nghệ sĩ Trương Ánh Loan gia nhập đoàn hát Kim Chưởng - Thanh Hương của bà Bầu kiêm nghệ sĩ Kim Chưởng.

Ở đoàn cải lương Kim Chưởng, Dũng Thanh Lâm được hát vai kép chánh, đóng tuồng cặp với nữ nghệ sĩ Phượng Liên. Dưới bàn tay đào luyện của nữ nghệ sĩ bậc thầy Kim Chưởng, Dũng Thanh Lâm và Phượng Liên là đôi nghệ sĩ "Thinh, Sắc Lưởng Toàn", đã chinh phục được cảm tình của đông đảo khán giả. Dũng Thanh Lâm nỗi tiếng là một kiếm sĩ đẹp trai trong các tuồng *Quỷ Bão, Người Gọi Đò Trên Sông* của soạn giả Mộc Linh và vở *Thượng Phương Bảo Kiếm* của soạn giả Viễn Hùng.

Năm 1967, nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm về cộng tác với đoàn cải lương Dạ Lý Hương của ông Bầu Xuân. Vở hát đầu tiên của Dũng Thanh Lâm trên sân khấu Dạ Lý Hương là vở *Kẻ Sợ Tình* của soạn giả Nguyễn Phương và Thiếu Linh, hát chung với Hùng Cường, Bạch Tuyết, Hữu Phước, Phượng Liên, Dũng Thanh Lâm và Kim Ngọc. Hề có Thanh Việt , Tư Rọm và Văn Chung.

Về nghệ thuật ca diễn, Dũng Thanh Lâm có một làn hơi ca tươi mát, êm dịu như lối ca của nghệ sĩ Hữu Phước nhưng hơi kém hơn Hữu Phước về nghệ thuật sắp chữ ca, về cách nhồi chữ, cách luyến láy, cách chuốt mõng lời ca.

Bù lại sự thiếu sót đó, nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm đẹp trai, phong cách diễn xuất mang dáng dấp của những người trong tầng lớp cao sang quyền quý, vì vậy Dũng Thanh Lâm được rất nhiều nữ khán giả ái mộ. Thời gian hát ở đoàn cải lương Dạ Lý Hương, Dũng Thanh Lâm nỗi tiếng trong các tuồng *Anh Hùng Xạ Điêu, Tiền Rừng Bạc Biển, Lệnh Của Bà, Người Dừng Chân Đêm Mưa, Vạn Lý Trường Thành, Con Ma Nhà Họ Hứa, Gái Điếm Vợ Hiền, Đời Là Một Chữ T. . .*

Năm 1969 - 1970, Dũng Thanh Lâm gia nhập đoàn hát Hùng Cường - Bạch Tuyết, hát các vở *Trăng Thề Vườn Thúy, Tuổi Hồng Cho Em, Cánh Hoa Chùm Gởi*. Sau đó Dũng Thanh Lâm về hát cho đoàn hát Tiếng Hát Dân Tộc của bà Bầu Tiêu Thị Mai.

Sau tháng 4 năm 1975, Dũng Thanh Lâm có quốc tịch Pháp nên anh đăng ký hồi hương trở về Pháp. Đến năm 1977, Dũng Thanh Lâm về Pháp, được định cư ở Marseilles. Dũng Thanh Lâm và các nghệ sĩ cải lương cư ngụ tại Paris như Hữu Phước, Hương Lan, Chí Tâm, Hương Thanh, Hoàng Long, Kiều Lệ Mai, Minh Đức, Hà Mỹ Liên, Phương Thanh, Thành Được . .. diễn lại các vở tuồng cải lương cũ trước năm 1975 như *Mưa Rừng, Đôi Mắt Người Xưa, Đi Biển Một Mình, Cho Trọn Cuộc Tình. . .*

Những vở cải lương Dũng Thanh Lâm đã diễn: *Tướng cướp Bạch Hải Đường* trong vai tên ghiền Hai Cang, người tình của Nhung là vợ của Minh tên tướng cướp, *Tâm sự loài chim biển* vai tướng cướp Thạch Vũ, *Chiêu Quân Cống Hồ, Sầu Quan ải, Hoa đào trên kiếm thép, Cây quạt lụa hồng,Chiếc áo ân tình, Nữ hoàng về đêm,Trăng thề vườn thúy, Tuổi hồng cho em, Cánh hoa chùm gởi*

Soạn giả Nguyễn Phương đã viết về Dũng Thanh Lâm: *Dũng Thanh Lâm trong cuộc sống nghệ thuật, anh là một người biết tôn sư trọng đạo, sống có tình có nghĩa với các bạn đồng nghiệp trang lứa và lúc nào anh cũng sẵn sàng góp phần làm việc từ thiện mỗi khi có tổ chức hát hội, lạc quyên giúp đở đồng bào các nơi bị thiên tai bão lụt.*

Dũng Thanh Lâm là một nghệ sĩ có thực tài, thinh sắc vẹn toàn nhưng anh không gặp thời, phải lận đận lao đao trên đường sự nghiệp. Khi mà Dũng Thanh Lâm tìm lại được phong độ ngày huy hoàng cũ thì anh lâm trọng bịnh và mất đi trong niềm

thương tiếc của gia đình, của bạn bè đồng nghiệp và của cả vạn khán giả ái mộ Dũng Thanh Lâm.

Đầu năm 2001, Dũng Thanh Lâm đã trải qua một ca phẫu thuật ghép gan. Năm 2002, lại ghép lá gan khác. Năm 2004, bệnh gan tái phát, nhưng không thể ghép gan nữa, nên nghệ sĩ Dũng Tham Lâm đã từ trần lúc 01 giờ 15 trưa ngày 26 tháng 11 năm 2004. Thọ 62 tuổi.

Phương Quang

Phương Quang – Tô Văn Quang (1942-2018)

Nghệ sĩ Phương Quang tên thật là Tô Văn Quang, sinh năm 1942 tại Dĩ An, Bình Dương, gia đình sống bằng nghề nông.

Ngay thời niên thiếu, Phương Quang đã yêu thích cải lương, mỗi khi gánh hát về Dĩ An, Phương Quang thường hay đến rạp để xem hình nghệ sĩ và nghe ca vọng cổ qua loa phóng thanh quảng cáo mỗi chiều.

Có lần, Phương Quang gặp nghệ sĩ Út Trà Ôn đi xe hơi đến rạp. Đó là lần đầu Phương Quang nhìn thấy thần tượng của mình và ước mơ được trở thành nghệ sĩ như ông. Phương Quang tìm nghe những bài ca cổ của nghệ sĩ Út Trà Ôn để học ca theo. Chất giọng của Phương Quang thiên bẩm nên rất giống Út Trà Ôn, thật ra sự bắt chước chỉ là một phần nhỏ, nói đúng hơn là ảnh hưởng từ cách ngâm, luyến và bộ nhịp cùng cách sắp câu.

Năm 1960, Phương Quang lên Sài Gòn tìm nhạc sĩ Văn Còn, người cùng quê và là bà con dòng họ ở Phú Nhuận. Phương Quang theo nhạc sĩ Văn Còn một thời gian để phụ xách đờn cho ông, lúc ông đờn cho gánh hát Thanh Minh. Mỗi tối, Phương Quang được ngồi dưới dàn đờn, coi các vở như *Nửa đời hương phấn, Con gái chị Hằng...* Từ lúc này, Phương Quang càng mê cải lương hơn nữa và cứ mỗi lần xem hát lại ca theo đào kép. Phương Quang theo làm đệ tử nhạc sĩ Văn Còn, nhưng được xách đờn nhiều hơn là học ca, nên thời gian khá lâu mà nhịp nhàng chưa vững.

Một hôm, Phương Quang ca bài vọng cổ *Tình hận thâm cung,* bài nổi tiếng mà Út Trà Ôn hát lúc bấy giờ. Nhạc sĩ Văn Còn không khỏi ngạc nhiên vì cách ca và làn hơi của Phương Quang giống Út Trà Ôn... Với kinh nghiệm của một nhạc sĩ tuổi nghề cao, Văn Còn cho biết đây là một giọng ca mang âm hưởng của Đệ nhất danh ca Út Trà Ôn. Từ đó, ông chăm chút hơn, truyền dạy cho Phương Quang nhịp nhàng bài bản, kỹ thuật ca ngâm.

Để thử sức mình sau thời gian rèn luyện, Phương Quang tìm đến gánh Kim Thành của bầu Nhuần mới thành lập xin đầu quân và được nhận ngay. Sau đó, gánh Kim Chưởng có đăng tuyển kép chánh. Phương Quang đăng ký vào thi cùng với ba anh kép khác, nhưng kết quả chỉ có Phương Quang trúng tuyển".

Được sự dìu đắt của nghệ sĩ Kim Chưởng, Phương Quang được học nghề hát một cách có bài bản và nghiêm túc. Phương Quang trở thành một diễn viên đa năng, thể hiện thành công được nhiều loại vai tuồng… Tuy nhiên, với vóc dáng mạnh khoẻ, tướng đi chững chạc, giọng ca cao vút, Phương Quang dễ thành công với các vai trung dũng, võ tướng oai hùng.

Chỉ mới hai năm luyện nghề hát, Phương Quang đã được các trang kịch trường trên báo chí thời ấy và khán giả tán thưởng

tài nghệ của qua các tuồng *Hai chiều ly biệt, Song long thần chưởng, Huyết phiến lôi phong, Mặt trời đêm, Người nhạn trắng, Ảo ảnh Châu Bích Lệ, Sương gió biệt vương cung.*

Năm 1966, Phương Quang đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm, với vai Kỳ Thanh Lang trong vở *Tình nào cho em* cùng năm với nghệ sĩ Phượng Liên. "Đó là giải thưởng đầu tiên, vinh dự trong đời của một nghệ sĩ. Nó nhắc cho Phương Quang nhớ đến những ngày đầu vào nghề khó nhọc, nó nhắc cho Phương Quang nhớ về một ước mơ cháy bỏng khi lần đầu diện kiến thần tượng. Sau này, kể điều đó với Út Trà Ôn, ông cười và nói: "Phương Quang đã biết cách lách để có cái của riêng mình, đó là việc đáng khen."

Đến năm 1983, Phương Quang về Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, có mặt trong những vở như *Hòn đảo thần Vệ Nữ, Tình yêu và lời đáp,...* bên cạnh những nghệ sĩ tài năng nhất của sân khấu cải lương như: Út Trà Ôn, Minh Phụng, Minh Vương, Lệ Thủy, Bạch Tuyết, Thanh Sang, Út Hiền, Minh Cảnh...

Có lẽ giai đoạn này đáng ghi nhận nhất, vai được xem là đỉnh cao để đời của Phương Quang là vua Riêm trong vở *Nàng Xê-Đa* của tác giả Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ, chuyển thể cải lương Thể Hà Vân.

Kết quả, không những thành công, mà còn là vai diễn để đời của Phương Quang, được công chúng yêu mến. Hình tượng về nhân vật vua Riêm - Phương Quang, nàng Xê Đa - Thanh Vy đã sáng chói trong giai đoạn này. Nhắc đến thời kỳ hưng thịnh của sân khấu cải lương cũng như giai đoạn phát triển nhất của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang thì phải nhắc đến vở *Nàng Xê Đa.*

Nghệ sĩ Phương Quang còn được thính giả ái mộ qua các bản vọng cổ *Tình anh bán chiếu, Ông lão chèo đò, Gánh nước đêm trăng*… Dù mang âm hưởng của đệ nhất danh ca Út Trà Ôn

nhưng tuyệt nhiên giọng ca của Phương Quang không phải là bắt chước, mà đây là giọng hát chân phương, mộc mạc rất độc đáo, với lối sắp câu, nhả chữ tinh tế và quyến rũ người nghe.

Phương Quang và bà xã Nguyễn Kim Hương lấy nhau từ năm 1973. Trước đó, bà không thích cải lương và cũng không nghĩ rằng người chồng sau này của mình là nghệ sĩ. Bà kể, bữa nọ tình cờ theo mấy người bạn vào Đài truyền hình Sàigòn xem làm phim. Khi gặp ông, bà gật đầu chào, thế mà chính sự lễ phép giản dị ấy đã khiến một anh kép nổi tiếng đào hoa như ông phải đắm say. Mấy tháng sau, thông qua sự giới thiệu của người bạn, ông mạnh dạn mời bà đi xem cải lương.

Bà nhớ lại: *Hôm đó, đoàn của anh diễn vở "Tâm sự người cha". Lần đầu tiên đi xem cải lương nên tôi rất khó chịu trước những cảnh khóc lóc bi lụy. Khi hết nửa vở, mình ra về. Bù lại tuần sau, anh đóng vai chánh trong vở "Qua cầu đắng cay", tôi mới chịu xem hết vở.*

Năm 1973, chúng tôi tổ chức lễ cưới, đến nay đã có hai mặt con: cháu Tô Quế Phương, sinh năm 1978, cháu Tô Quang Bảo, sinh năm 1986. Bây giờ tôi đã ghiền cải lương rồi. Bằng chứng là vở Nàng Xê Đa diễn hơn 1800 suất trên mọi miền đất nước, thì cũng từng ấy buổi tôi khăn gói theo chồng để xem ông diễn.

Những bạn bè đồng nghiệp trong hậu trường thường nhớ hình ảnh quen thuộc khi nghệ sĩ Phương Quang còn công tác tại Nhà hát Trần Hữu Trang, vợ ông luôn ở bên chồng lo lắng, chăm sóc. Phương Quang đã từng đóng cặp với nhiều đào chánh trên 17 đoàn hát qua gần 100 vở tuồng. Đến hôm nay, đồng nghiệp vẫn luôn nhắc rằng Phương Quang là một nghệ sĩ không kén vai diễn, không kén bạn diễn. Nghe như thế ông cười: *Nhờ có bà xã tôi không biết ghen, nên vai nào đóng cặp với các nữ nghệ sĩ, tôi cũng diễn rất mùi mẫn*.

Khi nói về bí quyết, Phương Quang thổ lộ: *Có câu biết người biết ta phần thắng không thể vuột xa. Sở dĩ tôi có thể diễn mùi với Phượng Liên, Thanh Nguyệt, Kiều Lệ Tâm, Trương Ánh Loan, Thanh Kim Lệ, Thanh Vy, Lệ Thủy… là do tôi đặt họ vào đúng vị trí của từng vai diễn trên sân khấu. Để khi bôi đi lớp phấn son, cởi bỏ xiêm áo lộng lẫy, chúng tôi không hề cảm thấy chút gì lấn cấn.*

Nghệ sĩ Phương Quang qua đời lúc 9:30 ngày 13-7-2018 tại Quận 7 Tp. HCM. Thọ 76 tuổi. Ông hiến xác cho Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Hoài Trúc Phương

Hoài Trúc Phương - Dương Trúc Phương (1943-2014)

Nghệ sĩ Hoài Trúc Phương tên thật là Dương Trúc Phương, sinh năm 1943, tại Rạch Giá, Kiên Giang, là con thứ năm trong một gia đình có năm chị em, cha người Quảng Đông – Trung Quốc sang lập nghiệp ở Rạch Giá, mẹ là người Việt Nam.

Gia đình ông có tiệm bán hủ tiếu lớn kế bên rạp hát Châu Văn, Rạch Giá, ông có ba chị gái. Vốn mê đờn ca tài tử lại được đình ủng hộ vì có giọng ca hay, Hoài Trúc Phương đã tham gia biểu diễn ở các đám tiệc và cho đến năm lên 14 tuổi ông đã xin cha nghỉ học để đi theo gánh hát.

Duyên may đưa Hoài Trúc Phương đến với sân khấu chính là một lần nghệ sĩ Hoàng Nuôi là chồng của nghệ sĩ Bạch Cúc, đến ăn hủ tiếu ở quán nhà của ông, người nghệ sĩ này đã nhận ông làm đệ tử, rồi xin dẫn ông vô đoàn hát.

Nhờ có người cha thương và quý nghiệp hát, nên những lúc đoàn hát nào về Rạch Giá mà lâm vào cảnh khó khăn, không đủ tiền mua gạo ăn, cha của ông đã tiếp tế lương thực, tiền bạc để nuôi các đoàn.

Sau 6 năm học nghề để thích nghi với môi trường mới, năm 1964 Trúc Phương đã gặt hái được những thành công với vai diễn ấn tượng đầu tiên là Thanh Sơn trong vở *Máu chảy về tim* ở đoàn Thúy Lan - Mỹ Ngọc.

Các ký giả kịch trường thời đó viết bài khen Hoài Trúc Phương, gọi anh là ngôi sao mới vừa được phát hiện, sáng chói trên nền trời kịch nghệ miền Tây. Vì anh ca diễn rất nam tính, có khí chất khẳng khái nên vào những vai hiên ngang, hùng dũng, giọng ca sang sảng rất khí thế trên sàn diễn.

Sau những lời khen tặng của báo chí thời đó, Hoài Trúc Phương đã vững vàng tiến lên những vai kép chánh, nghĩa khí như chính bản tính của ông ngoài đời.

Hoài Trúc Phương được ông bầu Ba Bản mời về hát ở đoàn Thủ Đô và đặt nghệ danh cho anh là Hoài Trúc Phương. Lúc đó, đoàn này là một đại ban, có những đào kép rất nổi tiếng như: Tấn Tài, Dũng Thanh Lâm, Trương Ánh Loan, Tô Kim Hồng, Tô Kiều Lan, Như Ngọc...và sau đó Hoài Trúc Phương lọt vào mắt Bầu Long của công ty Bầu Long, nên bầu Long đã mời về ký giao kèo hai năm với số tiền 200.000 đồng và trả lương cao gấp 5 lần lương của anh lúc hát ở đoàn Thúy Loan - Mỹ Ngọc cách đó 2 năm. Khi về đoàn Kim Chung 1 rồi qua đoàn 3, đoàn 5, Hoài Trúc Phương đã hát chánh với các cô đào: Bích Hợp, Kim Chung, Kim Tuyến...và nữ nghệ sĩ Kim

Tuyến chính là người vợ đầu tiên của anh. Khi anh về đoàn Thái Dương, anh tiếp tục hát chánh, chia vai với nghệ sĩ Thành Được, Thanh Hải, Văn Chung...vai nào cũng được khán giả yêu mến. Cái tâm làm nghề của Hoài Trúc Phương rất tốt. Lúc nào cũng tận tụy, kính trên, nhường dưới, chưa bao giờ quát nạt một ai.

Năm 1972, Kim Tuyến ly dị Hoàng Trúc Phương, họ có với nhau một người con trai là Nguyễn Đường Huy tức Andrew Nguyễn.

Sau năm 1975, Hoài Trúc Phương về công tác tại đoàn Sân khấu Mới cùng với lực lương nghệ sĩ về sau lập nên đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long: Thanh Bạch, Thanh Thế, Hữu Lợi, Bạch Mai... Ở đoàn này, anh thường đảm nhận các vai kép văn.

Đến năm 1976, Hoài Trúc Phương cộng tác với đoàn cải lương Hoa Phượng, hát cặp với nghệ sĩ Thanh Thế và tại đoàn này anh gặp "tình yêu đời mình" là nghệ sĩ Diệu Huê, họ đã gá nghĩa vợ chồng. Khoảng năm 1978, nhờ có lối ca chân phương gần giống với nghệ sĩ Thành Được, nghệ sĩ Trúc Phương được đoàn Sàigòn 1 mời về diễn. Tại sân khấu này, Hoài Trúc Phương nhanh chóng nổi bật khi diễn với các nữ nghệ sĩ: Ngọc Giàu, Phượng Liên, Thanh Thanh Hoa... trong vở *Mạnh Lệ Quân* vai Hoàng Phủ Thiếu Hoa, vở *Bình Tây Đại nguyên soái* vai Trương Quyền, *Đời cô Lựu* vai Hai Thành... Hoài Trúc Phương cộng tác một thời gian ngắn với đoàn Vàm Cỏ, Trung Hiếu... từ năm 1985 đến 1989 anh gắn bó với đoàn Thanh Nga, đoàn có các nghệ sĩ: Bảo Quốc, Kiều Phượng Loan, Diệu Huê, Thanh Thanh Hoa, Hương Huyền, Tuấn Châu... Trên sân khấu này ông có thêm những vai ấn tượng. Năm 1989, nghệ sĩ Hoài Trúc Phương nghỉ đoàn Thanh Nga, ra ngoài làm kinh tế, làm ở phòng kinh doanh và có thời gian làm Phó tổng giám đốc Công ty sản xuất khăn giấy vệ sinh của Đài Loan. Làm được 5 năm,

công ty này chuyển về Bình Dương, ông xin nghỉ việc vì nếu đi làm xa, buổi tối không thể đi diễn trên sân khấu.

Hoài Trúc Phương với Diệu Huệ trong vở tuồng "Chất ngọc không tan"

Hoài Trúc Phương xuất ngoại biểu diễn hai lần tại Mỹ, đó là năm 2006 ông biểu diễn ca cổ với Tiểu Phụng bài *Tình cha như núi Thái Sơn* của soạn giả Viễn Châu và năm 2008 đóng vai Quốc Nghi cha nàng Quốc Hương do ca sĩ Hương Lan đóng trong vở Tiếng trống sang canh cùng Thanh Sang, Giang Châu, Hoài Thanh, Đỗ Quyên, Phú Quý, Bình Trang...được khán giả kiều bào yêu thích.

Trong sự nghiệp của nghệ sĩ Hoài Trúc Phương có nhiều vai diễn thành công như: Bạch Vệ trong vở *Quán trọ hoàng hôn*, Võ Đông Sơ trong vở *Võ Đông Sơ - Bạch Thu Hà*, Yên Lang trong vở *Manh áo quê nghèo*, Từ Hải trong vở *Thúy Kiều*, Nùng Cao trong vở *Người mang sông núi*, Vũ Trường Giang trong vở *Cô gái bán gươm*, Lý Đạo Thành trong vở *Nhiếp chính Ỷ Lan*, ông Tám trong vở *Máu thắm đồng Nọc Nạn*, Henri Thọ trong vở *Trận tuyến thầm lặng*, quan thượng thư trong vở Truyền thuyết tình yêu, đại úy ngụy trong vở Áng ngọc đêm xuân... Gần đây nhất, ông tham gia trong bộ phim *Anh hùng Nguyễn Trung Trực* vai thầy dạy võ của Nguyễn Trung Trực và *Bình Tây Đại nguyên soái* vai Phan Thanh Giản và cùng v ợ l à nghệ sĩ Diệu Huê đóng vai vợ chồng ông bá hộ trong vở *Chất ngọc không tan* do kênh Thuần Việt HTVC và

Mekong Artists thực hiện tại Nhà hát Thành Phố. Đây là vai diễn cuối cùng của ông.

Người con trai của Hoài Trúc Phương và Kim Tuyến, từ nhiều năm trước đã chăm sóc cha khi bệnh tật hoành hành cơ thể của ông. Anh đã xây căn nhà ở huyện Bến Lức, tỉnh Long An trên nền đất nhà, để ông an dưỡng tuổi già.

Khi con trai Hoài Trúc Phương qua đời vì bạo bệnh, ông xuống tinh thần rất nhanh. Sau đó, Hoài Trúc Phương đã dần hồi phục, để rồi lại phải đối chọi với căn bệnh ung thư quái ác, cướp đi sinh mạng của ông.

Nghệ sĩ Hoài Trúc Phương, đã để lại cho đời nhiều vai diễn hay, nhiều số phận nhân vật đáng nể. Ông có giọng ca trầm ấm, khỏe khoắn và diễn những vai kép độc mùi, rất khẳng khái, chiếm được cảm tình người xem.

Hoài Trúc Phương đã trút hơi thở cuối cùng lúc 14 giờ 40 phút ngày 19-8-2014 tại nhà riêng số 320 khu 6, ấp 2, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, Long An, Tp.HCM, hưởng thọ 72 tuổi. Tang lễ của nghệ sĩ Hoài Trúc Phương tổ chức tại nhà, sau đó đưa đi hỏa táng tại Bình Hưng Hòa và đưa hài cốt vào chùa Bửu Quang.

Kim Ngọc

Kim Ngọc - Lê Thị Kim Ngọc (1943-2011)

Nghệ sĩ Kim Ngọc tên thật là *Lê Thị Kim Ngọc* sinh năm 1943 trong gia đình bán thịt heo tại Giồng Ông Tố, quận Thủ Đức, nay là quận 2, Tp. HCM. Kim Ngọc sinh ra trong một gia đình không ai theo nghề ca hát. Những năm đầu sự nghiệp, Kim Ngọc đã xin gia đình đi theo đoàn cải lương Tây Đô ở Sàigòn vừa học vừa diễn. Sau đó, Kim Ngọc theo đoàn Minh Bằng, rồi lần lượt qua các đoàn Dạ Lý Hương, đoàn Bạch Tuyết - Hùng Cường, đoàn Trần Hữu Trang...

Sau năm 1975, Kim Ngọc tham gia chương trình *Trong nhà ngoài phố* của Đài truyền hình Tp. HCM. đóng cặp với diễn viên hài Quốc Hòa, nổi lên với vai "cô Tư Xả Láng".

Kim Ngọc có người con trai là danh hài Hiếu Hiền.

Năm 1973, 1974: Kim Ngọc trong 2 năm liền đoạt giải Kim Khánh của nhật báo Trắng Đen.

Về sau nầy, được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Kim Ngọc đã thủ diễn các vai gây ấn tượng cho giới thưởng ngoạn cải lương như vai: Bao Tích Nhược trong vở *Anh hùng xạ điêu*, Chu Chỉ Nhược trong vở *Cô gái Đồ Long*, "Chị Tư xả láng" trong loạt Kịch truyền hình *Trong nhà ngoài phố*, Mai Đình trong vở *Hàn Mặc Tử,* Hoàng hậu trong vở *Tiêu Anh Phụng*, Hoàng mẫu trong vở *Khi rừng mới sang thu*, Kim Liên trong vở *Kiều Nguyệt Nga*, Mẹ của Lan trong vở *Lan Huệ sầu ai*, Mẹ của Toàn trong vở *Đời cô Hạnh*, Thái hậu trong vở *Bóng hồng Sa mạc*, Thơ đồng trong vở *Trăng thề vườn thúy*, Thu Sương trong vở *Hoa Mộc Lan tùng chinh*

Kim Ngọc cũng tham gia phim ảnh qua các phim:

Người trong mơ, Khi đàn ông có bầu, Bốn thí nghiệm đêm tân hôn, Ngôi nhà hạnh phúc, Chuyện tình đảo ngọc, Công chúa teen và ngũ hổ tướng.

Kim Ngọc là nữ diễn viên hài, diễn rất có duyên, cho nên được nhiều người mến mộ.

Nghệ sĩ Kim Ngọc mất vào lúc 11g30 ngày 16 tháng 1 năm 2011 tại nhà riêng C9/4B10 đường Phạm Hùng, Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM vì đột quỵ, thọ 67 tuổi.

(Xem *Tình mẫu tử* trang 137)

Thanh Sang

Thanh Sang - Nguyễn Văn Thu (1943-2017)

Nghệ sĩ Thanh Sang tên thật là Nguyễn Văn Thu, sinh năm 1943, tại xã Hòa Hiệp, Phước Hải. Quê nội anh ở Bình Định, quê ngoại Tuy Hòa, Phú Yên. Thanh Sang là Phật tử, có pháp danh Chơn Từ.

Cha ông từng tham gia Chiến tranh Đông Dương, hy sinh năm 1949. Mẹ ông phải làm lụng vô cùng cực nhọc để nuôi 4 đứa con nhỏ, trong đó chỉ có ông là trai. Vì vậy, từ năm 8 tuổi, ông bắt đầu sống bằng nghề đi biển đánh cá, vừa nuôi gia đình vừa kiếm tiền học chữ trong làng.

Do gia đình sống gần rạp Cải lương Hải Lạc, ông bị cuốn hút theo nghề hát xướng. Ban đầu, ông thường nhại lại các giọng của Thành Công, Chín Sớm, Út Trà Ôn rất giống, được bà con tán thưởng.

Năm 1960, đoàn cải lương Ngọc Kiều của bầu Hoàng Kinh, Ngọc Đán đến Hải Lạc biểu diễn. Khi diễn vở "Chiều đông gió

lạnh về", ông Thu thường được đưa vào thay thế khi các kép bị ốm. Bầu Hoàng Kinh thấy vậy mới đặt cho nghệ danh là Thanh Sang.

Năm 1962, ông được bầu Hoàng Kinh cho thế Hùng Cường, vai Đông Nhật trong vở "Tuyết phủ chiều đông". Ông diễn thành công và từ đó thành một kép chánh trong đoàn Cải lương Ngọc Kiều.

Năm 1964, ông chuyển về hát cho đoàn "Hoa mùa xuân", sau đổi thành "Dạ lý hương". Cũng trong năm này ông nhận huy chương vàng giải cải lương Thanh Tâm với vai Tạ Tốn trong vở "Cô gái Đồ Long". Vai diễn Tạ Tốn trong vở này bị mù, rất khó diễn song ông lại diễn rất hay, đến mức nhiều người nhắc đến ông bằng 4 chữ *Kim Mao Sư Vương* - danh hiệu của Tạ Tốn. Vai diễn đã đưa ông từ anh chàng chài lưới, chưa qua trường lớp, trở thành ngôi sao trong làng sân khấu.

Từ đó đến năm 1975, ông còn thành công với nhiều vai khác như vai Trần Minh trong vở *Bên cầu dệt lụa*, vai Thi Sách trong vở *Tiếng trống Mê Linh*, vai Lê Hoàn trong vở *Thái hậu Dương Vân Nga...*

Năm 1985, ông thôi hát ở các đoàn văn nghệ, chỉ thu băng đĩa và hát phục vụ khi có yêu cầu. 3 năm sau ông mới cùng đoàn nghệ sĩ Việt Nam sang Paris biểu diễn.

Năm 2001, ông bị bệnh nặng, phải rời xa sân khấu thời gian dài.

Ngày 4 tháng 3 năm 2007, Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đêm "*50 năm một tình yêu nghệ thuật*" do Bạch Tuyết làm đạo diễn để kỷ niệm 50 năm nghiệp hát của ông.

Sau nhiều năm bệnh lúc già, Thanh Sang qua đời lúc 0 giờ 25 rạng sáng 21 tháng 4 năm 2017 tại nhà riêng, hưởng thọ 74 tuổi.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Thanh Thanh Hoa

Thanh Thanh Hoa - Nguyễn Thị Anh (1943-2009)

Nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa tên thật là Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1943 gốc ở Cai Lậy, Mỹ Tho, bắt đầu đi hát năm 14 tuổi, nhờ người cô gởi cho bà Bầu Thơ vào làm đào con ở gánh Thanh Minh, và được đặt nghệ danh là Thanh Hoa để học nghề chứ chưa có lương. Được khoảng hơn một năm thì có sự thương lượng ngầm giữa Bầu Cang là bầu gánh Tiếng Chuông và thân phụ của cô, nên sau đó cô về đoàn này với giao kèo: Lương suất hát 50 đồng, cộng với 5 ngàn đồng tiền giao kèo.

Gặp lúc đào chánh Kim Nương đấu kiếm bị tai nạn nghề nghiệp nghỉ hát nên Thanh Hoa được đóng thế vai chánh, coi như nghiệp cầm ca bắt đầu đi lên.

Đến năm 1959 Thanh Hoa về đoàn Hương Hoa của Bầu Sinh, chung đoàn với nghệ sĩ Nam Hùng chồng của cô sau này. Ở đoàn Hương Hoa được một năm, cô lại đi gánh Kim Hoàng – Như Mai trước khi về đoàn Thủ Đô năm 1961, và sự nghiệp rạng rỡ trên sân khấu này.

Ở sân khấu đoàn Thủ Đô cô đổi nghệ danh là Thanh Thanh Hoa. Cô về đoàn Thủ Đô lúc mới thành lập, tập dượt tuồng *Tiếng Trống Sang Canh* của Thu An để khai trương bảng hiệu. Thanh Thanh Hoa đóng vai Tuyết Vân là đào độc, trong vở tuồng nói trên cô ca hai câu vọng cổ. Với làn hơi ca khan, không mùi, nhưng được cái là kỹ thuật ca rất điêu luyện và chắc nhịp.

Gần cuối năm Thanh Thanh Hoa được giao cho vai Cát Dung Phương Tử trong vở hát *Cát Dung Phương Tử*. Với vai này Thanh Thanh Hoa đoạt giải Thanh Tâm 1961, năm ấy chỉ một mình bà được trao giải.

Con số ban tuyển chọn Giải Thanh Tâm 1961 lên đến 18 thành viên: Bà Phùng Há là một nghệ sĩ kỳ cựu, có 6 soạn giả Điêu Huyền, Kiên Giang, Hà Triều, Viễn Châu, Bạch Diệp, Tứ Lang, có 11 ký giả kịch trường: Ngọc Linh, Thiên Hương, Nguyễn Ang Ca, Lê Hiền, Phong Vân, Hoài Ngọc, Việt Định Phương, Sĩ Trung, Bạch Tùng Hương, Ngọc Đỉnh và ông Trần Tấn Quốc. Năm này cạnh ban tuyển chọn còn có thêm ban cố vấn, gồm các vị sau đây: Nghệ sĩ Bảy Nhiêu, Năm Châu, Duy Lân.

Sau ngày lãnh giải Thanh Tâm 1961 Thanh Thanh Hoa như một ngôi sao sáng rực và vẫn hát cho đoàn Thủ Đô, bởi ở đoàn này thì tên tuổi ngày một sáng chói thêm, mà tiền lương thì cũng không có đoàn nào cao như đoàn Thủ Đô lúc ấy.

Khi Thanh Thanh Hoa đang nổi tiếng vì được trao giải Thanh Tâm, lại xinh đẹp rạng ngời. Nhưng Thanh Thanh Hoa đem lòng yêu anh kép độc Nam Hùng chuyên đóng vai phụ. Lo sợ sự nghiệp của Thanh Thanh Hoa bị ảnh hưởng, cha mẹ cô cương quyết ngăn cản mối tình này. Thế nhưng, để bảo vệ tình yêu, Thanh Thanh Hoa và Hùng đã bỏ đoàn hát, bỏ nhà ra đi. Ban giám khảo giải Thanh Tâm vì muốn bảo vệ uy tín giải và để ủng hộ một tình yêu chân chính không so đo địa vị, danh lợi

đã vừa khuyên đôi bạn trẻ chính thức thành hôn, vừa vận động gia đình Thanh Thanh Hoa chấp nhận hôn lễ đó.

Con người ta bôn ba cũng không qua thời vận, Thanh Thanh Hoa đã có bao nhiêu nơi dạm hỏi nhưng nàng đều từ khước, để rốt cuộc kết duyên với Nam Hùng, và từ ấy cho đến nhiều năm sau họ như chim liền cánh, cây liền cành.

Đôi vợ chồng nghệ thuật và ngoài đời này sống hạnh phúc trong nhiều năm. Nhưng rồi sau 1975 trong lúc không còn hát xướng bao nhiêu thì họ chia tay nhau. Thanh Thanh Hoa không bước them bước nữa.

Sau năm 1975, Thanh Thanh Hoa hát ở đoàn Sàigòn 1 và tiếp tục ghi dấu ấn qua các vở *Thái hậu Dương Vân Nga, Mạnh Lệ Quân, Người ven đô, Vua hóa hổ...* Trên sân khấu khác, Thanh Thanh Hoa lại ghi dấu ấn trong các vai chính của các vở như: *Chuỗi nhạc rừng dương, Tấm lòng của biển...*

Sau đó gần như Thanh Thanh Hoa rời xa ánh đèn sân khấu. Nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa sống khá thanh nhàn, quanh quẩn ở nhà chăm sóc cây cảnh và mấy giò phong lan, trông nom các cháu. Hằng đêm Thanh Thanh Hoa vẫn canh cửa chờ con gái l à Thanh Thanh Tâm đi diễn về, dù vãn tuồng khuya cách mấy. Cũng có một số lời mời Thanh Thanh Hoa trở lại sân khấu nhưng nghĩ mình có tuổi, làn hơi không còn khỏe khoắn như xưa nên Thanh Thanh Hoa đã từ chối, bởi vì không muốn những khán giả thân thương phải thất vọng về mình...

Nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa đã trút hơi thở cuối cùng lúc 10 giờ 40 ngày 20 tháng 9 năm 2009, tại nhà riêng sau một thời gian dài chống chọi với căn bệnh nan y. Thọ 66 tuổi.

Minh Phụng

Minh Phụng - Nguyễn Văn Hoài (1944-2005)

Nghệ sĩ Minh Phụng tên thật là Ngô Văn Thiệu, còn tên khai sinh sau này là Nguyễn Văn Hoài sinh ngày 16 tháng 9 năm 1944 tại Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang. Lúc mới vào nghề ông lấy nghệ danh Tân Tiến, khi vào đoàn hát Thanh Phương ông đổi nghệ danh Minh Phụng cho đến nay. Minh và Phụng là tên 2 đứa con của người bạn thân của ông.

Minh Phụng đã tham gia ở nhiều đoàn hát khác nhau như Tân Đô, Hoa Thảo - Hậu Tấn, Thanh Phương... Đến gánh hát Kim Chung, hợp cùng hai nghệ sĩ Minh Cảnh, Minh Vương, ông đã khiến giới mộ điệu cải lương mê đắm từ những thập niên 1960 – 1970. Ông đã đóng cặp với nhiều nữ nghệ sĩ tên tuổi như Út Bạch Lan trong vở tuồng *Trinh tiết một loài hoa*, Mỹ Châu trong vở tuồng *Bích Vân Cung lệ sử*, *Kiếm sĩ người dơi*, và nhất là các vở dã sử kiếm hiệp mang màu sắc Trung Hoa với Diệu Hiền, Lệ Thủy trong vở tuồng *Xin một lần yêu nhau*, *Kiếp nào có yêu nhau*...

Thời gian đó, đêm nào rạp Kim Chung có Minh Phụng – Lệ Thuỷ diễn là khán giả ùn ùn kéo đến rạp. Sức hút từ hai người lớn đến nỗi báo chí Sài Gòn lúc bấy giờ gọi họ là "cặp bão biển đang dâng cao".

Gần 50 năm gắn bó với sân khấu cải lương, trong giai đoạn hưng thịnh nhất của bộ môn nghệ thuật này, nghệ sĩ Minh

Phụng đã đi vào lòng khán giả mộ điệu với hình ảnh một kép đẹp, có giọng hát đặc trưng với thanh âm cao, ngọt ngào và sâu lắng. Nhiều vở diễn và những bài vọng cổ có sự góp mặt của ông và do ông thể hiện đã đi vào lòng khán giả như trong các vở tuồng hát: *Bóng hồng sa mạc*, *Tâm sự loài chim biển* vai Áo Vũ Cơ Hàn, *Xin một lần yêu nhau* vai Âu Thiên Vũ, *Kiếp nào có yêu nhau* vai Mộ Dung Trạch, *Đêm lạnh chùa hoang*, *Máu nhuộm sân chùa*, *Mùa thu trên Bạch Mã Sơn*...; bài vọng cổ *An Lộc Sơn*, *Nước mắt quê hương*, *Thương về cố đô 14 năm mong đợi*, *Cho xin sống lại một ngày*, *Đừng nói xa nhau*, *Phố đêm*, *Trường hận*...

Sau năm 1975, Minh Phụng là trưởng đoàn Tiếng Hát Quê Hương của tỉnh Bến Tre, nổi danh trong vai Lục Vân Tiên. Sau đó đoàn này được giao cho Văn hóa Thông tin tỉnh quản lý. Năm 1976, Minh Phụng gia nhập gánh hát Hương Mùa Thu, làm kép chánh, hát qua các vở tuồng *Gánh cỏ sông Hàn*, *Con cò trắng*, *Lửa phi trường*.

Năm 1994, ông lập lại đoàn hát Hương Mùa Thu với thành phần diễn viên như Minh Phụng, Linh Cảnh, Kiều Tiên, Bảo Ngọc, Ngọc Cẩm Thúy, Vương Bình, Thanh Phú, Điền Tử Lang, Thanh Thủy, Ngọc Ánh, Diệu Thanh, hề Giang Tâm. Đoàn Hương Mùa Thu của Minh Phụng diễn ở tỉnh Minh Hải là Cà Mau c ũ và các tỉnh lân cận.

Sau đó nghệ sĩ Minh Phụng đổi tên gánh hát Hương Mùa Thu thành đoàn Tiếng Chuông Vàng Minh Phụng. Từ năm 1996 trở về sau, các gánh hát thua lỗ, Đoàn Tiếng Chuông Vàng Minh Phụng cầm cự, kéo dài đến qua năm 2000, rồi ngưng hát. Nghệ sĩ Minh Phụng đã thua lỗ khá nhiều cho đoàn hát.

Sau lần phẫu thuật tim vào năm 2005, Minh Phụng cần điều trị suy thận và hoại tử chân kéo dài. Đầu tháng 11 năm 2008 ông vẫn cố xuất hiện trong liveshow của nghệ sĩ Ngọc Đáng tổ

chức tại rạp Hưng Đạo. Đó là lần đứng trên sân khấu cuối cùng của ông.

Ông sống chung với nghệ sĩ Diệu Huê lúc ở đoàn Kim Chung, có ba người con, trong đó có nghệ sĩ Tiểu Phụng. Năm 1976, ông li dị vợ. Năm 1977, ông chuyển qua đoàn Hương mùa thu và kết hôn cùng nghệ sĩ Kiều Tiên, sinh con gái là nghệ sĩ Y Phụng. Năm 2005, ông đăng báo từ con là Tiểu Phụng trên báo *Sân khấu Tp. HCM* .vì cho rằng Tiểu Phụng lợi dụng lúc ông bị bệnh nặng đã liên lạc với bạn bè, người thân và người ái mộ ông ở bên Mỹ để quyên góp tiền, quà.

Ông qua đời ngày 29 tháng 11 năm 2008 và được an táng tại Nghĩa trang chùa Nghệ sĩ, Gò Vấp, Tp. HCM

Các vai diễn nổi bật của nghệ sĩ Minh Phụng: *Tâm sự loài chim biển* trong vai Áo Vũ Cơ Hàn, *Lá trầu xanh* trong vai Dũng, *Kiếp chồng chung* trong vai Phong, *Xin một lần yêu nhau* trong vai Âu Thiên Vũ, *Chiều đông gió lạnh về* trong vai Kha Minh *Khi rừng mới sang thu* trong vai Hoàng Phi Hải. *Manh áo quê nghèo* trong vai Hoàng tử, *Kiếp nào có yêu nhau* trong vai Mộ Dung Trạch, *Lấy chồng xứ lạ* trong vai Tâm, *Bóng hồng sa mạc* trong vai Thái tử Phi Sơn, *Quán khuya sầu viễn khách* trong vai Vũ Huyền Phương, *Băng Tuyền nữ chúa, Chiếc áo mùa đông, Kiếp nào có yêu nhau, Nhạn về xóm liễu, Tiêu Anh Phụng, Người gọi đò bên song, Tình hận trên băng hồ, Tiếu Ngạo giang hồ, Tiểu Hoa nương*

Minh Phụng mất nhưng huyền thoại thì sống mãi, mỗi người kể lại thêu dệt thêm mỗi khác nhau. Giỗ ông năm nào cũng đông đủ đồng nghiệp đến viếng, nhất là không khi nào vắng mặt nửa mảnh 'Bão biển' Lệ Thuỷ dù giờ đây tuổi bà cũng đã cao.

Ánh Hồng

Ánh Hồng – Lê Thị Kim Hồng (1944-20)

Nữ nghệ sĩ Ánh Hồng tên thật là Lê Thị Kim Hồng, sanh năm 1944, ở Cà Mau. Khi được 5 tuổi thì cô theo gia đình lên Saigon định cư.

Cha của cô Ánh Hồng là nhạc sĩ Bảy Vinh, chuyên đờn tranh, ông thường tổ chức đờn ca tài tử tại nhà với các bạn nhạc sĩ tài danh Bảy Bá, Năm Cơ, Văn Vĩ, Ba Tình, Chín Trích… Lúc 12 tuổi, Ánh Hồng thích nghe đờn ca, cô được nhạc sĩ Ba Tình dạy ca vọng cổ và nhiều bài bản để ca trong những buổi đờn ca tài tử tại nhà.

Năm 13 tuổi, Ánh Hồng học hết lớp đệ tứ, cô xin cha cho nghĩ học chữ để đeo đuổi theo nghiệp cầm ca. Nhờ các nghệ sĩ Ba Tình, Bảy Bá hướng dẫn, Ánh Hồng ca cổ nhạc trên đài Phát thanh Saigòn, được thính giả yêu thích và được các ký giả kịch trường viết bài khen giọng ca của Ánh Hồng qua các bài vọng cổ *Thư Xuân Con Gởi Cho Cha, Trương Chi Mỵ Nương*. Họ tặng cho cô mỹ hiệu là Thần Đồng Ánh Hồng.

Năm 14 tuổi thần đồng Ánh Hồng được các đoàn hát đại ban như Thủ Đô, Thúy Nga, Phụng Hảo ký hợp đồng mời về hát những vai đào con, đào nhì vì tuy giọng ca của Ánh Hồng rất khoẻ, duyên dáng và thu hút khán, thính giả nhưng về sắc vóc thì cô gái 14 tuổi vóc dáng còn quá nhỏ, không thể đóng cặp và

vào các vai mùi với kép cao lớn như Út Trà Ôn, Thanh Hải, Văn Ngân, Tấn Tài.

Năm 1960, Ánh Hồng 16 tuổi, trổ mã đẹp gái, giọng ca thêm điêu luyện, cô được đoàn Hoa Sen của ông Bầu Bảy Cao mời về đóng vai đào chánh thay cho nữ nghệ sĩ Diệu Hiền vừa rời gánh hát.

Trên sân khấu Hoa Sen, nữ nghệ sĩ Ánh Hồng thành công qua vai Lệ Thu trong tuồng *Sanh dưỡng đạo đồng*, vai Thụy trong tuồng *Người đàn bà mặt cháy.*

Năm 1962, nữ nghệ sĩ Ánh Hồng ký hợp đồng với đoàn hát Thúy Nga, trên sân khấu này, A!nh Hồng sáng chói trong vai Yến Tử, tuồng *Hoa tình nở muộn*, chính nhờ diễn xuất sắc vai Yến Tử mà nữ nghệ sĩ Ánh Hồng đoạt được huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1962.

Một cô gái chỉ mới học ca cổ nhạc tại nhà, không có học ở trường lớp nghệ thuật nào, không có nghệ sĩ tài danh của sân khấu chỉ dạy riêng, cô đi theo đoàn hát thì chỉ đóng được các vai đào con vậy mà hai năm sau cô đã đạt được huy chương vàng giải Thanh Tâm, một giải thưởng đánh giá một cách khắt

khe về nghệ thuật ca diễn xuất sắc và sắc vóc xinh đẹp của diễn viên. Đó không phải là một điều dễ dàng mà bất cứ nghệ sĩ nào cũng có thể làm được.

Năm 1962 là thời kỳ vàng son của sân khấu cải lương, có nhiều đại ban mới thành lập, có nhiều nghệ sĩ trẻ đẹp, ca hay hát giỏi, các đoàn hát cạnh tranh với nhau gay gắt để có tuồng hay, đào kép giỏi hầu thu hút khắn giả.

Hơn mười mấy nghệ sĩ tài danh bậc nhất của các đoàn hát, thinh sắc lưởng toàn, tham dự cuộc tuyển chọn của giải Thanh Tâm, vậy mà hai cô trẻ nhất Ngọc Hương và Ánh Hồng lại chiếm được hai huy chương vàng, cũng đủ cho ta thấy là nữ nghệ sĩ Ánh Hồng đã khổ công tự rèn luyện nghệ thuật ca, diễn, cô có một thiên tư đặc biệt và rất có duyên sân khấu.

Sau lễ phát huy chương vàng giải Thanh Tâm, bà Bầu Kim Chưởng liền mời nữ nghệ sĩ Ánh Hồng ký một hợp đồng với một số tiền hậu hỉ để Ánh Hồng về hát cho đoàn Kim Chưởng.

Bà kịp thời khai thác sức thu hút mãnh liệt của giọng ca và sắc đẹp cùng khả năng diễn xuất của huy chương vàng Ánh Hồng, Ánh Hồng và Ba của cô cũng biết rằng khi Ánh Hồng về hát trên sân khấu Kim Chưởng thì Ánh Hồng sẽ được minh sư Kim Chưởng chỉ dạy cho nghề hát một cách có căn bản nên Ánh Hồng chấp nhận về hát cho đoàn Kim Chưởng.

Người trong nghề hát thì nói là Ánh Hồng được Tổ đải, được Tổ nghiệp cải lương ban cho cái duyên sân khấu và ban cho nhiều cơ hội tốt để tiến thân nhanh chóng và vững chắc trên đường sự nghiệp.

Bản thân Ánh Hồng cũng lấy đó làm niềm tin, cố gắng học tập, trau dồi n ghệ thuật ca, diễn nên chỉ trong một năm trên sân khấu Kim Chưởng, nữ nghệ sĩ Ánh Hồng đã thành công nhiều

vai đáng nhớ như vai Ai Thi Lệ trong tuồng *Hai chiều ly biệt*, vai Châu Bích Phượng trong tuồng *Ảo ảnh Châu Bích Lệ*.

Năm 1964, Ánh Hồng vừa hết hợp đồng với đoàn Kim Chưởng thì ông Bầu Long, đoàn Kim Chung lập tức ký hợp đồng cho Ánh Hồng một triệu đồng, hát trong một năm tại sân khấu của đoàn Kim Chung. Một triệu đồng trong thời điểm 1964 là một số tiền rất lớn, đó là chưa kể số lương cả ngàn đồng một suất diễn nên gia đình của Ánh Hồng có một cuộc sống sung túc, nhà cửa đầy đủ tiện nghi.

Trên sân khấu Kim Chung, Ánh Hồng hát chánh với nam nghệ sĩ Minh Phụng, ngoài ra Ánh Hồng có nhiều vai diễn "đúp lê" với nữ nghệ sĩ Lệ Thủy như vai Lý Vân Hà trong tuồng *Bảo biển,* vai Mạnh Lệ Quân tuồng *Mạnh Lệ Quân*, vai Hoa Mộc Lan tuồng *Hoa Mộc Lan tòng chinh.*

Khi hết hợp đồng với đoàn hát Kim Chung, nữ nghệ sĩ Ánh Hồng hát cho sân khấu Tân Hoa Lan của bầu Út Bạch Lan, sau đó cô trở về hát trên sân khấu Kim Chưởng và đoàn Hoa Anh Đào, cô đã hát qua các tuồng Cổ xe độc mã, Kẻ sợ trăng, Chín đường tuyệt kiếm. Trong thời gian nầy Ánh Hồng cũng được các hãng dĩa Việt Nam của ông Lê Văn Tài, hãng dĩa Hoành Sơn của ông Ba Bản và hãng dĩa Continental của ông Nguyễn Văn Đông mời thu thanh các dĩa tuồng đã được trình diễn trên sân khấu và nhiều dĩa ca tân cổ giao duyên.

Năm 1970, sau Tết Mậu Thân 1968, vì tình trạng đô thành có giới nghiêm, các gánh hát bị thất thu, hát ít hơn trước. Nữ nghệ sĩ Ánh Hồng rời sân khấu sàn diễn để phụ với gia đình trong việc buôn bán. Cô cùng với các bạn diễn viên Thanh Nguyệt, Thoại Miêu, Tài Lương, Đổ Quyên, Vân Anh tham gia vào Câu Lạc Bộ Văn Nghệ của một trường Đại Học ở Saigon.

Trong thời gian nầy Câu Lạc Bộ được Hội Thân Hữu các dân tộc tại Pháp mời đi biểu diễn ở các nước Pháp, Đức, Thụy Sĩ,

Thái Lan, Singapore, Đài Loan. Nữ nghệ sĩ Ánh Hồng thủ vai chánh trong các trích đoạn cải lương: *An Lộc Sơn, Tây Thi - Phạm Lãi, Huyền Trân Công Chúa*, hát cho kiều bào và các du học sinh VIệt Nam xem.

Sau năm 1975, nữ nghệ sĩ Ánh Hồng hát trở lại cho đoàn cải lương Hoa Phượng. Cuối năm 1975, Nghệ sĩ Hữu Lộc, trưởng đoàn cải lương Tây Ninh mời Ánh Hồng về hát chánh. Tại sân khấu này, hai nghệ sĩ Ánh Hồng và Hữu Lộc yêu nhau, chánh thức thành hôn và chung sống cho đến hôm nay.

Nữ nghệ sĩ Ánh Hồng có nhiều vai hát ghi dấu ấn sâu đậm trong lòng của khán giả và các bạn đồng diễn như vai bà ngoại trong vở *Người trong cõi nhớ.* Hát vai nầy cô đoạt được huy chương vàng hội diễn sân khấu cải lương năm 1985.

Từ năm 1986, hai vợ chồng nghệ sĩ Hữu Lộc và Ánh Hồng về Long An, xây dựng đoàn cải lương Long An, Ánh Hồng và Hữu Lộc hát chjo sân khấu nầy trong 10 năm, Ánh Hồng đạt được giải thưởng đặc biệt trong Hội diễn sân khấu cải lương toàn quốc năm 1990 trong vai Bà Sáu Hà, tuồng *Chỉ còn là kỷ niệm.*

Năm 1998, nghệ sĩ Ánh Hồng chánh thức rời sàn diễn. Do yêu cầu của địa phương, Ánh Hồng mở lớp đào tạo diễn viên sân khấu cải lương, cô đã mở được hai khóa, đào tạo hơn chục nghệ sĩ kế thừa đầy tài năng.

Dù không xuất hiện trên sàn diễn nữa, nhưng mỗi khi Ánh Hồng có dịp trở lại các địa phương mà đoàn hát Long An có dịp đến hát, khán giả vẫn còn nhớ và còn tỏ lòng mến mộ đặc biệt đối với thần tượng Ánh Hồng.

Giới nghệ sĩ cải lương và các nhà nghiên cứu văn hóa nghệ thuật đánh giá cao những cống hiến của nữ nghệ sĩ Ánh Hồng cho khán giả và cho nền nghệ thuật sân khấu Việt Nam.

Hoàng Ấn

Hoàng Ấn (1944-2008)

Nghệ sĩ Hoàng Ấn sinh năm 1944 tại Thị Vải, Bà Rịa – Vũng Tàu. trong gia đình tham gia nghệ thuật, thân phụ là nghệ sĩ Bảy Lương nổi tiếng với những vai hài, vai độc trên sân khấu cải lương sài gòn vào những năm 50 và đầu 60, Nghệ sĩ Hoàng Ấn là anh ruột của cố nghệ sĩ Quốc Hòa, em ruột đạo diễn Thiện Mỹ.

Trước 1975, Hoàng Ấn từng đóng vai Minh Luân trong vở *Đời Cô Lựu*, của soạn giả Trần Hữu Trang, cùng diễn chung với các nghệ sĩ tài danh như Phùng Há, Thanh Nga, Út Trà Ôn, Hoàng Giang, Nam Hùng.

Từ trái Út Trà Ôn, Thanh Nga, Phùng Há, Hoàng Ấn còn Hoàng Giang nằm chết trong vở Đời Cô Lựu

Sau 1975, Ông tham gia biểu diễn ở đoàn cải lương Sài gòn 1 trong rất nhiều vai, nổi bật và để lại ấn tượng sâu sắc trong

lòng người hâm mộ qua vai Ốc trong vở *Ngao ,Sò , Ốc, Hến* của soạn giả Nguyễn Thành Châu và các vai diễn trong các vở: *Bình Tây Đại nguyên soái, Người ven đô, Lọ nước thần*.

Trường Xuân và Hoàng Ấn trong Ngao, Sò, Ốc, Hến

Với bản tính hiền lành, nghiêm túc trong nghề nghiệp nên được anh em trong giới quý mến. Thời gian sau này Nghệ sĩ Hoàng Ấn về quê vợ tại Cà Mau để an hưởng tuổi già.

Ngày 9 tháng 9 năm 2008, trong khi đang nấu mì tôm để ăn thì cơn tai biến nặng đã làm nghệ sĩ Hoàng Ấn gục ngã, đứt mạch máu não…gia đình chuyển đến bệnh viện U Minh, rồi bệnh viện Cà Mau…cuối cùng đưa lên bệnh viện Chợ Rẫy. Nhưng không thể cứu được, Nghệ sĩ Hoàng Ấn đã ra đi vào lúc 20 giờ15 ngày 12 tháng 9 năm 2008. Thọ 65 tuổi, được an táng tại Nghĩa Trang Nghệ Sỹ - Gò vấp.

(Xem *Đời cô Lựu* trang 92)

Bửu Truyện

Bửu Truyện - Nguyễn Văn Truyện (1945-199X)

Nghệ sĩ Bữu Truyện tên thật là Nguyễn Văn Truyện, sanh năm 1945, con của nhạc sĩ đàn tranh Tám Chi, mẹ là nữ nghệ sĩ hát bội Tám Út. Bữu Truyện là anh trai lớn, kế đó là nghệ sĩ Bữu Châu mất năm 1989, và ba em khác cũng là nghệ sĩ : Bữu Khánh, Mỹ Phụng, Bữu Ấn.

Lên 10 tuổi, Bữu Truyện được cha mẹ cho theo thầy Minh Tơ học hát trong đoàn Đồng Ấu Minh Tơ một lược với các bạn trẻ Thanh Tòng, Bạch Lê, Thanh Thế, Trường Sơn, Bo Bo Hoàng...

Năm 12 tuổi, Bữu Truyện đã nổi danh thần đồng, hát chung với Thanh Thế trích đoạn Hồ Nguyệt Cô hóa Cáo trong dịp Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu tổ chức hát gây qủy của Hội tại rạp Hào Huê năm 1957.

Năm 15 tuổi, Bữu Truyện được mời hát vai kép chánh trong đoàn hát Nam Thanh - Thu Ba, rồi ông bầu Mười Vàng mời Bữu Truyện hát cho đoàn Hoa Xuân Mười Vàng. Ông bà Bầu Bảy Huỳnh - Ngọc Hương cũng mời diễn viên Bữu Truyện về hát vai kép chánh của đoàn Thanh Bình Kim Mai.

Năm 1965, Bữu Truyện và Thanh Thế là cặp đào kép chánh của đoàn hát bội pha cải lương Phước Thành, thời gian nầy Bữu Truyện và Thanh Thế cũng là đôi diễn viên thường trực của Ban Cải lương Phương Nam, đài Phát Thanh Saigon mà Nguyễn Phương là trưởng ban.

Nghệ sĩ Bữu Truyện có nhiều vai hát để đời như vai Đổng Trác tuồng *Phụng Nghi Đình*, vai Lương Sơn Bá đóng chung vớ nữ nghệ sĩ Kim Mai trong tuồng *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài,* vai Phàn Định Công trong *San Hậu* và vai Hoàng Phủ Thiếu Hoa trong tuồng *Mạnh Lệ Quân.* Bữu Truyện cũng rất xuất sắc trong các vai tuồng như vai Châu Du, vai Lưu Bị trong tuồng *Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả*, vai Tào Tháo tuồng *Huê Dung*

Đạo, vai Triệu Khuông Dẩn tuồng *Trảm Trịnh Ân*,vai Tống Nhơn Tôn tuồng *Xử Án Bàng Quí Phi.*

Sau năm 1975, Bữu Truyện hát ở đoàn Huỳnh Long, thành công qua các tuồng *Lá Chắn Biên Thùy, Tấm Cám, Hùm Thiêng Yên Thế, Bí mật thành Cổ Loa..* Sau đó anh về hát cho đoàn Khánh Hồng – An Giang.

Về nghệ thuật hát cải lương tuồng cổ, Bữu Truyện được chân truyền của bậc thầy nghệ sĩ Minh Tơ nên Bữu Truyện hát vai nào cũng hay, bộ múa thật đẹp, nhất là khi anh xử dụng đôi cặp lông trĩ gắn trên mão để biểu diễn khí thế của những vai tướng như Lữ Bố, Triệu Tử Long…

Giọng hát của Bữu Truyện hơi khàn nên anh khai thác triệt để ưu thế của anh về phương diện diễn xuất, về các bộ múa và nhất là về phương diện hóa trang, Bữu Truyện chiếm được sự ái mộ nồng nhiệt của khán giả ngay khi anh mới xuất hiện trong lớp diễn.

Ngoài nghệ thuật ca diễn tuồng cổ, Bữu Truyện còn biết xử dụng một cách tài tình các nhạc cụ như đàn guitare phím lõm, đàn tranh, đàn cò và đánh trống. Khi thu thanh nếu như thiếu diễn viên, Bữu Truyện có thể đổi giọng, hát nhiều vai một cách rất xuất sắc.

Bữu Truyện và Thanh Thế đồng năm sinh, đồng hương Mỹ Tho, nhiều năm hát chung với nhau trên một sân khấu nên Bữu Truyện và Thanh Thế yêu nhau, kết hôn năm 1967 và sanh hạ được hai con: con trai lớn là Nguyễn Văn Dũng, nhạc sĩ đàn bầu, đàn tranh và đàn organ, tốt nghiệp trường Nghệ Thuật Sân Khấu và con gái là Nguyễn Thị Thanh Liên, nữ diễn viên của đoàn Khánh Hồng - An Giang.

Vì cải lương xuống dốc thảm hại, Bửu Truyện, buồn khổ quá sinh chán nản và uống rượu dẫn đến ung thư. Bửu Truyện mất vào thập niên 1990, để lại nhiều tiếc thương cho những bạn diễn và khán giả.

Thanh Thế

Thanh Thế - Nguyễn Thị Thanh Thế (1945-20 ..)

Thanh Thế tên thật là Nguyễn Thị Thanh Thế, sinh năm 1945 tại Mỹ Tho. Cha là nhạc sĩ đàn tranh Ba Tần, ông qua đời lúc Thanh Thế được 7 tuổi. Kế phụ của cô là nghệ sĩ hát bội tài danh Tám Văn, một trong những sáng lập viên của Hội Khuyến Lệ Cổ Ca, mẹ là nữ nghệ sĩ hát bội Năm Túy, tên thật là Bùi Thị Túy. Hai nghệ sĩ Tám Văn và Năm Túy là đôi diễn viên trụ cột của đoàn hát Tấn Thành Ban Bầu Cung.

Đoàn Tấn Thành Ban có hai đoàn, đoàn hát Tấn Thành Ban 1 do nữ nghệ sĩ Tư Châu điều khiển, hát thường trực ở đình Cầu Muối và đoàn Tấn Thành Ban 2 do nữ nghệ sĩ Năm Đồ điều khiển, hát thường trực trong đình Minh Phụng ở Chợ Lớn.

Theo lời kể của ký giả Nguyễn Ang Ca khi anh xem Thanh Thế hát vai Thần Nữ trong tuồng *Thần Nữ Dâng Ngũ Linh Kỳ* nhân suất hát Hội của Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ tổ chức tại rạp Nguyễn Văn Hảo, anh hỏi cha của cô Thanh Thế : *"Anh dạy cách nào*

mà cháu còn trẻ tuổi quá mà cháu hát hay như một nghệ sĩ tài danh đương thời?".

Anh Tám Văn trả lời : *« Có lẽ nhờ Tổ nghiệp thương mà ban cho nó cái duyên sân khấu. Còn nhớ hồi nhỏ, lúc nó mới bốn tuổi, khi thấy má nó hát vai Giả Thị trong tuồng Ngũ Vân Thiệu bị thương, Giả Thị chạy loạn, thất lạc trong rừng mà vẫn bị Thượng Sư Đồ theo truy bắt, Giả Thị sanh con trong rừng, nó coi má nó diễn mà nó khóc mùi mẫn. Lúc sanh con, Giả Thị bồng tượng Tổ làm hài nhi, tối đêm hôm đó, Thanh Thế nhứt định đòi bế tượng Tổ nó mới chịu đi ngủ. » Bà Bầu nói : « Thanh Thế có « nghiệp duyên » nên đêm đó cho Thanh Thế ôm tượng Tổ mà ngủ.»*

Năm 10 tuổi, Thanh Thế gia nhập đoàn Đồng Ấu Minh Tơ, được nghệ sĩ Minh Tơ truyền nghề trong vòng 7 năm, trong thời gian đó Thanh Thế thường đêm vẫn hát trên sân khấu Đồng Ấu rồi diễn trên sân khấu Minh Tơ với các nghệ sĩ đàn chú đàn bác. Thanh Thế tạo được tên tuổi qua các vở tuồng *Thần Nữ dâng ngủ linh kỳ, Phụng Nghi Đình, Trảm Trịnh Ân, Quan Công đại chiến Bàng Đức, Mã Siêu báo phụ thù. Tình sử A Nàng, Phàn Lê Huê giáo tử, Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Chung Vô Diệm, Bùi Thị Xuân...*

Đặc biệt trong vai Thần Nữ, khi xin tội cho Tiết Ứng Luông, Thanh Thế đã hát kỹ thuật chạy gối thật điêu luyện, kèm thêm bộ múa võ, múa thương, múa đao thật đẹp. Giọng hát của Thanh Thế nghe ngọt lịm, tươi mát như giọng hát của một diễn viên của sân khấu tuồng xã hội, không có chất giọng khàn như phần lớn các nghệ sĩ hát bội.

Năm 1965, nữ nghệ sĩ Thanh Thế hát cho đoàn Khánh Hồng.

Thanh Thế và Bửu Truyện đồng năm sinh, đồng hương Mỹ Tho, nhiều năm hát chung với nhau trên một sân khấu nên Bữu Truyện và Thanh Thế yêu nhau, kết hôn năm 1967 và sanh hạ

được hai con: con trai lớn là Nguyễn Văn Dũng, nhạc sĩ đàn bầu, đàn tranh và đàn organ, tốt nghiệp trường Nghệ Thuật Sân Khấu và con gái là Nguyễn Thị Thanh Liên, nữ diễn viên của đoàn Khánh Hồng - An Giang.

Đến năm 1968, Thanh Thế củng với chồng là Bữu Truyện về hát cho đoàn Phước Thành ở Tân Định cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Năm 1975, Thanh Thế hát ở đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ qua nhiều vở tuồng như *Phụng Nghi Đình, Mã Siêu báo phụ thù, Lưu Bị cầu hôn Giang Tả, Thần Nữ dâng Ngũ Linh Kỳ, Đào Tam Xuân báo phu cừu,…*

Năm 1979, Thanh Thế và Bữu Truyện hát cho đoàn Huỳnh Long qua các tuồng *Tấm Cám, Nàng Tiên, Lá Chắn Biên Thùy, Tình sử A Nàng, Bí mật Thành Cổ Loa, Anh Hùng bán than, Thất Trảm Sớ, Trọng Thủy Mỵ Châu…*

Trong hơn bốn mươi năm trong nghề, nữ nghệ sĩ Thanh Thế đã có những vai hát để đời như Điêu Thuyền, Hàn Tố Mai, Thần Nữ, Bàng Quí Phi, Đào Tam Xuân, Lý Thần Phi, Mạnh Lệ Quân, Chung vô Diệm, Dương Quí Phi, Chiêu Quân…Thanh Thế cũng thành công khi đóng các vai kép như Lữ Bố trong *Phụng Nghi Đình*, vai Triệu Tử Long trong tuồng *Lưu Bị cầu hôn Giang Tả* và trong tuồng *Triệu Tử Long đoạt Ấu chúa.*

Năm 1989, hai nghệ sĩ Thanh Thế và Bửu Truyện hát cho đoàn hát Lam Giang ở Hậu Giang. Nơi vùng sông Hậu, khán giả nhiệt liệt tán thưởng tài nghệ của Bữu Truyện và Thanh Thế.

Bữu Truyện lâm bịnh nặng, Thanh Thế đã phải bán ngôi nhà ở quận Bình Thạnh để lo chạy thang thuốc cho Bữu Truyện nhưng không thể cứu sống được Bữu Truyện khi mà bịnh của anh trở nặng.

Bữu Truyện mất… Thanh Thế đôi mắt lại không th ấy đường vì bị bịnh cườm mắt nhiều năm. May nhờ có các vị mạnh thường quân ở nước ngoài giúp một số tiền lớn để Thanh Thế mổ chữa trị cả hai mắt, thêm nữa nhờ có sự giúp đở của nghệ sĩ Kim Cương nên sau đó Thanh Thế đã đi hát lại được, vừa giải quyết được sinh kế vừa đem khả năng nghệ thuật để truyền dạy lại các đệ tử.

Năm 2014, Thanh Thế đã trải qua 2 lần điều trị và mổ tim, năm 2017 lại nhập viện và mổ tim tiếp. Tuổi già, các buổi trình diễn trên sân kháu càng ít, thù lao không đủ trả tiền nhà, bệnh tật được khán giả, các nhà hảo tâm giúp.

Nhận định về Thanh Thế, nghệ sĩ Lệ Thủy cho rằng: "*Chị và ông xã cố nghệ sĩ Bửu Truyện là hai hạt nhân nòng cốt góp phần cùng với Bạch Mai, Đức Lợi của đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long đã dìu dắt nhiều nghệ sĩ trẻ nổi danh, đoạt Huy chương vàng giải Trần Hữu Trang như: Vân Hà, Thoại Mỹ, Kim Tử Long, Linh Tâm, Cẩm Thu, Chinh Nhân...*"

Ngọc Giàu

Ngọc Giàu - Phong Thị Ngọc Giàu (1945 – 20 ..)

Ngọc Giàu tên thật là Phong Thị Ngọc Giàu, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1945, Thủ Thiêm, Gia Định, sinh trưởng trong gia đình lao động nghèo, thuộc dòng dõi quý phi Lê Ngọc Bình. Ngọc Giàu lại rất mê ca hát. Lúc 12 tuổi, Ngọc Giàu được nhận vào gánh hát Mai Lan Phương – Ngọc Chiểu và chỉ làm tỳ nữ, rồi ngâm thơ hậu trường. Đến khi về đoàn Ngọc Kiều của Hoàng Kinh – Ngọc Đáng. Đến năm tròn 13 tuổi, Ngọc Giàu được đóng những vai đào nhì, sau hai tháng được nâng lên đào chính. Một lần cùng đoàn đi diễn ở Quảng Ngãi, đoàn Ngọc Kiều diễn vở *Đôi mắt giai nhân*. Trong số khán giả đến xem đêm diễn ấy có bà bầu của đoàn Kim Chưởng, nên Ngọc Giàu đã được mời về làm diễn viên của đoàn Kim Chưởng.

Sau hơn một năm cùng đoàn đi lưu diễn khắp các tỉnh từ miền Trung Việt Nam đến Đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1958, về đến Sàigòn, Ngọc Giàu được chủ rạp hát Hưng Đạo mời dự lễ khai trương, đồng thời tham gia vai đào chính trong vở *Hai cánh én đầu xuân*, đóng cặp cùng nam diễn viên tài danh Minh Chí. Sau lần diễn đó, Nghệ sĩ Minh Chí đã đưa Ngọc Giàu đi giới thiệu với các hãng băng đĩa ở Sài Gòn. Chủ hãng Châu Á, một hãng đĩa lớn ở Sàigòn, sau khi nghe Ngọc Giàu ngâm thơ và hát thử đã ký hợp đồng dài hạn.

Hai năm sau, Ngọc Giàu được soạn giả Hà Triều – Hoa Phượng ở đoàn hát Thanh Minh – Thanh Nga mời về đoàn. Ngọc Giàu được trao Giải Thanh Tâm vào đầu năm 1960 nhờ nhiều vai diễn, như vai đào chánh Điêu Thuyền. Năm 1967, Ngọc Giàu lại được nhận Giải Thanh Tâm.

Những bạn diễn của Ngọc Giàu là: Lệ Thủy, Thanh Sang, Út Trà Ôn, Thanh Nam, Thanh Nga, Út Bạch Lan, Bạch Tuyết, Minh Vương, Minh Cảnh,...

Ngọc Giàu đã thủ diễn các vai: Bà Hương trong vở *Đời cô Lựu*, Bà mẹ điên trong vở *Bông hồng cài áo*, Cô Bảy cán vá trong vở *Đời cô Lựu*, Triệu Minh trong vở *Cô gái Đồ Long*,

Dương Vân Nga trong vở *Thái hậu Dương Vân Nga*, Chị Hằng trong vở *Con gái chị Hằng*, Hiền trong vở *Đôi mắt người xưa*, Mỹ Tiên trong vở *Sân khấu về khuya,* Mục Niệm Từ trong vở *Anh hùng xạ điêu*, Năm trong vở *Tình yêu và lời đáp*, Nhung trong vở *Tướng cướp Bạch Hải Đường*, Thị Lộ trong vở *Rạng ngọc Côn Sơn*, Tuyết Minh trong vở *Nắng sớm mưa chiều..*

Ngọc Giàu đã tham gia đóng phim: *Lẵng hoa tình yêu, Khi đàn ông có bầu, Võ lâm truyền kỳ, Năm sau con lại về, Tấm Cám: Chuyện chưa kể, Sàigòn anh yêu em*

Năm 1960, Ngọc Giàu đoạt huy chương vàng Giải Thanh Tâm, đến 7 năm sau, năm 1967 Ngọc Giàu nhận được Giải Thanh Tâm về Diễn viên xuất sắc. Trong 10 lần phát Giải Thanh Tâm từ năm 1958 đến năm 1967, chỉ có 2 nghệ sĩ nhận được giải 2 lần, đó là Thanh Nga và Ngọc Giàu. Năm 1958, Giải Thanh Tâm đầu tiên, Thanh Nga nghệ sĩ nhận giải duy nhất: Giải Khuyến Khích, do Thanh Nga mới có 16 tuổi và năm 1966, Thanh Nga nhân được Giải xuất sắc trong vai Mỹ Tiên của vở *Sân khấu về khuya.*

Cho tới nay, hơn 60 năm gắn bó với nghệ thuật, nghệ sĩ Ngọc Giàu đã có hơn 100 vai diễn trên sân khấu cải lương, khoảng 50 vở kịch, hàng chục phim truyện, video, tấu hài.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Bạch Tuyết

Bạch Tuyết - Nguyễn Thị Bạch Tuyết (1945-20 ..)

Nghệ sĩ Bạch Tuyết tên thật là Nguyễn Thị Bạch Tuyết, sinh 24 tháng 12 năm 1945 tại làng Khánh Bình, Châu Đốc, nay thuộc xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Từ thuở còn đi học đã bộc lộ năng khiếu ca, ngâm, thường được các thầy cô đưa lên trình diễn trong những đêm văn nghệ.

Mồ côi mẹ khi 9 tuổi vào năm 1955, và bắt đầu đi hát ở những nhà hàng ca nhạc bằng những bài tân nhạc như *Nắng đẹp miền Nam, Làng tôi, Tiếng còi trong sương đêm...*

Cũng như những bạn cùng lứa, Bạch Tuyết rất hâm mộ Thanh Nga. Trong một lần gặp gỡ, Thanh Nga nhận xét rằng Bạch Tuyết rất có khiếu hát cải lương, lời khích lệ đó là một trong những động lực đưa bà đến với nghiệp hát xướng.

Năm 1960, Bạch Tuyết vào học trường nội trú của các ma-sơ Công giáo, thời gian này, bà giao du học hỏi với nhiều nghệ sĩ, trong đó có soạn giả Điêu Huyền. Nhờ đó tên tuổi của Bạch Tuyết dần được xuất hiện trên các đài phát thanh, trên báo chí. Điêu Huyền nhận bà làm con nuôi, cho gia nhập đoàn Kiên Giang, sự kiện này giúp đỡ Bạch Tuyết rất nhiều trong bước đường sau này.

Năm 1961, đoàn Kiên Giang diễn vở *Lá thắm chỉ hồng*, cô đào chính tới trễ, khiến Bạch Tuyết bất ngờ được giao vai cô lái đò Lệ Chi, diễn xuất của Bạch Tuyết khiến khán giả hết sức ngạc nhiên. Sau đó là vở *Kiếp chồng chung*, *Suối mơ rền áo cưới...* Bạch Tuyết được Út Trà Ôn mời về đoàn Thống Nhất, với vở *Tiếng hát Muồng Tênh,* tên tuổi Bạch Tuyết bắt đầu nổi tiếng từ đó.

Tuy đi hát, nhưng Bạch Tuyết lại rất thích đi học. Đang hát và nổi tiếng với Đoàn Thống Nhất, thì Bạch Tuyết nghỉ nửa năm để ôn thi Tú Tài. Sau này, Bạch Tuyết cũng nhiều lần đang hát thì nghỉ ngang như thế, để đi học.

Cuối năm 1962, Bạch Tuyết vào đoàn Bạch Vân. Năm sau được nhận giải Thanh Tâm cho diễn viên triển vọng.

Năm 1964, Bạch Tuyết về hát cho đoàn Dạ Lý Hương, với các soạn giả danh tiếng bấy giờ là Hà Triều - Hoa Phượng, tài năng của Bạch Tuyết càng được khẳng định. Năm sau, vở *Tần Nương Thất* đã mang lại cho Bạch Tuyết huy chương vàng giải Thanh Tâm cho nghệ sĩ xuất sắc.

Năm 1966, Hùng Cường gia nhập đoàn Dạ Lý Hương, cùng với Bạch Tuyết tạo thành 1 cặp đôi hoàn hảo trong mắt khán giả. Bạch Tuyết ở lại đoàn Dạ Lý Hương thêm 2 năm nữa.

Năm 1966, trong buổi lễ mừng chiến thắng của đội bóng tròn Việt Nam mang về nước huy chương vàng của giải vô địch túc cầu Đông Nam Á ở Merdeka, Malaysia.

Bạch Tuyết là một trong 24 nữ diễn viên trao vòng hoa chiến thắng cho đội bóng tròn Việt Nam.

Bạch Tuyết choàng vòng hoa cho cầu thủ Phạm Huỳnh Tam Lang. Bốn mắt nhìn nhau, tiếng sét ái tình nổ ra từ đó. Cặp trai tài gái sắt đèo nhau trên chiếc vespa lượn quanh các phố phường Sàigòn, Chợ Lớn.

"Cải lương chi bảo" Bạch Tuyết và danh thủ Tam Lang quyết định đến hôn nhân.

Sau năm 1968, tình hình chiến tranh lan rộng, Bạch Tuyết ngừng hát một thời gian. Đến năm 1971, cùng với Hùng Cường, lập gánh hát Hùng Cường - Bạch Tuyết, sau này đổi thành Đoàn ca kịch Bạch Tuyết, diễn các vở kinh điển như: *Trăng Thề Vườn Thúy, Má Hồng Phận Bạc, Cung Thương sầu nguyệt hạ*. Gánh hát này được rất đông người hâm mộ, tuy nhiên, do không biết cách quản lý, sau một thời gian đã ngưng hoạt động.

Năm 1974 hôn nhân Bạch Tuyết và Phạm Huỳnh Tam Lang tan vỡ. Lý do là Bạch Tuyết không sanh con. Cũng ngay trong năm nầy, Bạch Tuyết lập gia đình lần thứ hai với ông Charles Đức còn được gọi là Ba Đức, quốc tịch Pháp. Ông có đến 2 bằng Tiến sĩ kinh tế ở Pháp và Tiến sĩ luật học ở Hà Lan.

Họ có một con trai tên Bảo Giang Valery Bauduin hiện sống và làm việc ở Hoa Kỳ.

Nhờ có chồng là Charles Đức khuyến khích, và có chí tiến thủ, Bạch Tuyết theo học Đại học, Năm 1985, 40 tuổi, Bạch Tuyết nhận được bằng Cử nhân Ngữ văn.

Năm 1988, được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú, cũng năm này Bạch Tuyết tốt nghiệp khoa đạo diễn ở Viện Hàn lâm Sân khấu và Điện ảnh tại Sofia.

Năm 1995, Bạch Tuyết bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ với đề tài "*Sự thích nghi của nghệ thuật sân khấu dân tộc cổ truyền của các quốc gia Đông Nam Á*", trở thành tiến sĩ nghệ thuật Cải lương đầu tiên của Việt Nam.

Bạch Tuyết có dịp diễn chung với những nghệ sĩ: Thanh Sang, Bảo Quốc, Ngọc Giàu, Thanh Tuấn, Lệ Thủy, Diệp Lang, Minh Phụng, Hùng Cường, Út Bạch Lan, Thái Châu, Tấn Tài, Út Trà Ôn,... đã từng diễn chung với nhiều kép, nhưng người đóng chung với Bạch Tuyết để lại ấn tượng sâu sắc là Hùng Cường. Họ đã tạo nên cặp đôi "sóng thần" cực kỳ nổi tiếng vào thập niên 1960.

Bạch Tuyết đã thủ diễn các vai trong những tuồng cải lương như: Vai Thúy Kiều trong vở *Kim Vân Kiều,* vai Thái hậu Dương Vân Nga trong vở *Thái hậu Dương Vân Nga,* vai Lệ Chi trong vở *Lá thắm chỉ hồng,* vai Loan trong vở *Đoạn tuyệt,* vai Tuyền trong vở *Mưa rừng,* vai Hoa Mộc Lan trong vở *Hoa Mộc Lan tùng chinh,* vai cô Lựu trong vở *Đời cô Lựu,* vai Diệu

trong vở *Nửa đời hương phấn,* vai Lê Trường An trong vở *Tuyệt tình ca,* vai Tần nương trong vở *Tần Nương Thất,* vai Lý Chiêu Hoàng trong vở *Lý Chiêu Hoàng,* vai An Tư trong vở *Thượng hoàng Trần Nhân Tông,* vai Kiều Nguyệt Nga trong vở *Lục Vân Tiên,* vai bà Xinh trong vở *Nguyệt Khuyết,* vai bà Hạnh trong vở *Tóc mai sợi vắn* …

(Xem *Tần nương thất* trang 147)

Hồng Nga

Hồng Nga (1945-20 ..)

Nghệ sĩ Hồng Nga, chưa rõ họ tên thật, sinh năm 1945, tại Bình Dương, cha mẹ cô là dân phu cạo mũ cao su. Cha của Hồng Nga quê ở Thái Bình, Mẹ là người Hà Bắc, Hồng Nga được sanh ra ở miền Nam. Năm cô lên ba tuổi thì cha cô qua đời, mẹ cô sống ở quận tư, về sau tái giá nhưng gia đình cũng nghèo túng, Hồng Nga 12 tuổi phải đi gánh nước mướn để giúp mẹ có tiền nuôi các em.

Trong khi đi gánh nước mướn, cô ca ngêu ngao bài *Cô bán đèn hoa giấy*, học theo giọng ca của nữ nghệ sĩ Thanh Hương qua đài phát thanh Saigon phát trong các chương trình cổ nhạc. Một ông thợ hớt tóc biết đờn cổ nhạc, khen giọng ca của Hồng Nga nên dạy cho cô ca đúng nhịp nhàng. Sau đó, nhạc sĩ Tám Đen ở Cầu Dừa quận 4 xin Hồng Nga về làm con nuôi, ông dạy cho Hồng Nga ca đủ ba Nam, Sáu Bắc, Vọng cổ và các bài bản

lớn. Ông hướng dẫn Hồng Nga đi ca cổ nhạc nơi quán Lệ Liễu trong khu giải trí trường Thị Nghè.

Sau đó Hồng Nga được ông cha nuôi hướng dẫn cho đi hát trong Ban cải lương của Văn Vĩ tr ên Đài phát thanh. Gánh hát cải lương đầu tiên của Hồng Nga đi hát là gánh Hằng Xuân – An Phước của bà Bầu Sáu Đặng, lúc nầy Hồng Nga còn mang nghệ danh là Kim Nga. Mãi đến khi Kim Nga ký hợp đồng hát cho đoàn Thống Nhất của ông Bầu danh ca Út Trà Ôn, bà Hồng Hoa, vợ hai của ông Út Trà Ôn đổi nghệ danh Kim Nga là Hồng Nga.

Hồng Nga đã diễn thành công qua các vai lẵng mùi tuồng *Lưới Trời*, *Mắt em là bể oan cừu* của soạn giả Vân An, vở *Tần Thủy Hoàng, Phút sau cùng* của Điền Long, vở tuồng *Gả câm và người đẹp* của soạn giả Hoài Nhân.

Nữ nghệ sĩ Hồng Nga chỉ đứng sau đào chánh Ngọc Bích, Ngọc Bích 18 tuổi, đẹp sắc sảo, giọng ca hay và ngọt, lại là đệ tử ruột của ông bầu Út Trà Ôn nên luôn luôn Ngọc Bích thủ vai chánh với Út Trà Ôn. Hồng Nga đóng vai kẻ thứ ba, lẵng mùi và độc, Hồng Nga diễn các vai nữ quyến rũ tranh đoạt tình rất hay, khi dịu ngọt tình tứ thì cũng thật là mùi, khi độc ác, thủ đoạn thì diễn cũng rất là sắc sảo.

Vì tài nghệ dễ nhập vào vai đào tính cách, có thể thể hiện nhiều tâm trạng khác nhau của kẻ thứ ba tranh tình, lúc lẵng, lúc mùi, lúc độc nên khi Hồng Nga gia nhập những đoàn hát khác như Dạ Lý Hương, Hồng Nga không có đóng vai đào chánh, đào mùi dù cho giọng ca vọng cổ của Hồng Nga thật là mùi, thật điêu luyện.

Năm 1964, Hồng Nga ký hợp đồng về hát cho đoàn Dạ Lý Hương của Bầu Xuân, cô nổi danh vai cô giáo Lan trong vở

Tuyệt tình ca của hai soạn giả Hoa Phượng - Ngọc Điệp. Với một giọng ca sâu lắng mượt mà, Hồng Nga trong vai cô Giáo Lan đã làm cho hàng ngàn khán giả rơi lụy, cảm thông cho tình yêu dang dở và số phận khổ đau của nhân vật.

Nữ nghệ sĩ Hồng Nga là diễn viên đa năng, đa diện. Cô diễn vai nào cũng hay, khi diễn những vai ác thì khán giả bị kịch tình lôi cuốn, rất căm ghét nhân vật ác đó. Khi Hồng Nga diễn các bà mẹ quê mùa, nghèo khổ hoạn nạn hay vai bà hoàng hậu nhân từ, Hồng Nga làm cho khán giả rơi lụy thương cảm cho số phận của nhân vật.

Sau 1975, Hồng Nga có một vai ác để đời, vai bà mẹ chồng trong tuồng *Duyên kiếp* hát với cô dâu Thanh Ngân. Hồng Nga thủ diễn các vai nữ hề, cô giựt được giải Cù Nèo Vàng, Mai Vàng và giải những vai nữ hề hay nhất trong ba nam liền. Hồng Nga thành công lớn trong vai Cố Mẫu tuồng *Thái Hậu Dương Vân Nga*.

Trong cuộc sống, Hồng Nga gặp quá nhiều nỗi đau trong cuộc đời chồng vợ, gảy đổ bốn lần, tự mình nuôi nấng năm đứa con trong những năm sân khấu cải lương mất khán giả, không còn đất diễn, Hồng Nga ngoài các lúc có show diễn, cô phải đi mua bán, tảo tần mới nuôi nỗi bầy con không cha.

Năm 18 tuổi, Hồng Nga lấy chồng và mang thai ngay sau đó. Tuy nhiên, mơ ước về một ngôi nhà ấm cúng để đêm đêm bên nhau chồng chồng vợ vợ lúc ấy là một chuyện quá xa vời.

Bà kể chồng bà cũng là một kép hát, ông đi theo đoàn của ông, bà theo đoàn của bà. Người vợ trẻ yêu chồng bằng lòng với việc vài ba bữa gặp nhau một lần. Hồng Nga vẫn tự mình kiếm tiền nuôi con. Tự mình kiếm tiền nuôi mình như lúc chưa có chồng.

Bà cũng có thêm cái cảm giác vui sướng khi cắc ca cắc củm kiếm thêm tiền đưa cho chồng xài, mà chưa một lần tự hỏi tại sao ông không hề có ý định giúp đỡ mẹ con mình, ngay cả khi vợ túng thiếu phải mượn tiền trả góp. Người con gái ngây thơ vẫn tưởng mình đang hạnh phúc cho đến một ngày chợt nhận ra người ấy chỉ lợi dụng mình mà thôi.

Cuộc chia tay đơn giản. Và nỗi đau đầu đời như một vết hằn trong cái bi kịch của sự trao gửi không đúng chỗ.

Người chồng thứ hai sống với nhau có tới ba mặt con trong những tháng ngày sóng gió mà bây giờ nghĩ lại Hồng Nga vẫn còn thấy tủi thân. Lúc đó bà bảo không hiểu sao cứ mỗi lần vợ có thai thì chồng lại bỏ nhà đi biền biệt.

Chỉ sau này xa nhau rồi Hồng Nga mới hiểu đơn giản là vì người chồng ấy chẳng có chút tình thương cũng chẳng có trách nhiệm. Cái gọi là vợ chồng chỉ là tự mình sinh con, nuôi con, đi hát khắp nơi kiếm tiền và những trận cãi cọ, ghen tuông triền miên.

Người chồng thứ ba rất yêu thương Hồng Nga. Hai người có thêm một con trai nữa nhưng hạnh phúc vẫn không mỉm cười. Ông bị sự quyến rũ của ma men, suốt ngày đắm chìm trong rượu. Say say tỉnh tỉnh, mỗi lần vợ buồn thì quỳ gối xin lỗi. Hồng Nga lại rớt nước mắt tha cho. Nhưng cuối cùng tình thương, tình yêu, sự nhẫn nhục ấy cũng chẳng thay đổi được gì...

Năm 1976, người sau cùng Hồng Nga gặp và yêu là một soạn giả nổi tiếng Mộc Linh. Bà yêu ông vì tài hoa và bởi nét phong trần. Bà đã ao ước mình giữ được mối tình này, hạnh phúc này. Nhưng... Hồng Nga kể: “Tôi đã thật sự có một quãng đời hạnh phúc. Nhưng rồi tính hào hoa, trăng gió và cái ngông cuồng của người cầm bút nổi danh, anh đã làm tôi đau khổ. Mười năm chung sống, chia tay trong năm phút. Anh nói đơn giản đã có

người đàn bà khác. Thế là xong. Hôm sau khi tôi đi tập tuồng trở về, anh đã dọn đồ đạc đi hết. Nhìn căn nhà trống hoác, tôi biết từ nay tôi sẽ căm ghét lũ đàn ông bội bạc".

Còn về con, 5 đứa trẻ ngày nào đã trưởng thành hết, do khoảng năm 1985, Hồng Nga gửi con cho bạn vượt biên, đứa 3 tuổi, đứa 5 tuổi, sang Thụy sĩ rồi mất tích từ đó, cho đến năm 1996 Hồng Nga sang Thụy sĩ trình diễn, được khán giả giúp tìm được 2 cô con gái, nhưng chỉ có cô Laura Nhung nhìn mẹ còn cô kia không. Hiện nay Hồng Nga có một người con trai, con dâu và cháu nội ở Việt Nam. Cô có con gái theo chồng ở Thụy Sĩ nên thỉnh thoảng cô đi Thụy Sĩ thăm con gái và các đứa cháu ngoại.

Cuộc sống về già của Hồng Nga được an nhàn hạnh phúc, có show diễn đều đều, khỏi lo cơm áo gạo tiền như thuở thanh xuân. Thỉnh thoảng Hồng Nga xuất ngọai du lịch, thăm con cháu. Hồng Nga cũng dành nhiều thì giờ làm công việc từ thiện, tham gia các show diễn của các chùa tổ chức để lập quỷ cứu trợ nạn nhân bị bảo lụt hoặc nghèo yếu neo đơn ở trong nước.

(Xem *Nửa đời hương phấn* trang 174)

Diệu Hiền

Diệu Hiền - Lâm Thị Hiền (1945-20 ..)

Diệu Hiền tên thật là Lâm Thị Hiền, sinh năm 1945 tại Bạc Liêu, sớm mồ côi cha, sống với mẹ và cha dượng. Diệu Hiền bỏ nhà theo gánh hát năm 14 tuổi. 16 tuổi Diệu Hiền đã cùng nghệ sĩ Trương Ánh Loan chia nhau vai đào chính trên sân khấu đoàn hát Hoa Anh Đào - Kim Chưởng trong các vở *Mặt trời đêm, Người Nhện xám, Kim Long thần chưởng, Thoại Khanh Châu Tuấn...*

Đến năm 1960, với vai diễn cô ni của Mộng Vân thành công rực rỡ đã tạo cho cái tên Diệu Hiền trở thành nghệ danh theo bà suốt những năm tháng gắn bó với nghệ thuật sau này của bà

Năm 1962, nữ nghệ sĩ Diệu Hiền trở thành đào chính trong đoàn hát Thống Nhất của ông bầu kiêm danh ca Út Trà Ôn. Vai nữ tướng Triệu Thị Trinh trong vở *Nhụy Kiều Tướng quân* và vai Bùi Thị Xuân trong vở *Nữ tướng Cờ Đào* đem đến cho Diệu Hiền danh hiệu "Đệ nhất đào võ cải lương" thời bấy giờ.

Khoảng năm 1962, Út Hậu gia nhập đoàn Thống Nhất cùng diễn chung sân khấu với Diệu Hiền, hai người chung sống với nhau thành một cặp vợ chồng hạnh phúc, tiền bạc làm ra như nước nhưng không có cưới hỏi. Họ sanh được 5 người con, 2 trai, 3 gái. Ít lâu sau, Út Hậu bỏ đoàn Thống Nhứt của ông thầy Út Trà Ôn, gia nhập đoàn Kim Chung "Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt" của ông bầu Long.

Út Hậu được ông bầu Long trọng dụng, cho nắm đoàn cải lương Kim Chung B, chuyên đi lưu diễn các tỉnh miền Trung, do đó anh và Diệu Hiền xa nhau, Út Hậu sống rất bay bướm, chạy theo nhiều bóng hồng và phụ rẫy vợ con.

Ở thời kỳ hoàng kim nghệ sĩ Diệu Hiền có thể mua một căn nhà trị gía mấy chục cây vàng, bà còn có thể mua thêm nhà và xe taxi cho anh em trong gia đình. Đến thời kỳ đi xuống bà phải bán rẻ căn nhà đã từng mua , sống trong căn hộ chưa đầy 70 m2 sống chung với 10 nhân khẩu.

Sau năm 1975, đời sống cải lương khó khăn, nghệ sĩ Diệu Hiền theo các gánh hát đi diễn tỉnh để mưu sinh, con do bà mẹ trông nom, do đó con gọi Diệu Hiền là "chị" trong nhiều năm, khi chúng còn nhỏ.

Năm 1979, một tai nạn do hỏa hoạn đã khiến tay trái của Diệu Hiền bị phỏng nặng. Kể từ đó Diệu Hiền ít tham gia các đoàn hát, sống lặng lẽ cùng gia đình.

Nghệ sĩ Diệu Hiền đã tham gia các đoàn hát như Hoa Lan - Xuân Liễu, Thống nhất, Kim Chung, Hương Tràm, Tháp Mười, Sài Gòn 2, Phước Chung,...

Nghệ sĩ Diệu Hiền đã diễn để lại ấn tượng trên sân khấu cải lương trong những vở tuồng: *Nhụy Kiều tướng quân, Nữ tướng cờ đào, Người nhện xám,Thoại Khanh Châu Tuấn*

Nghệ sĩ Diệu Hiền từng được diễn chung với hầu hết các nghệ sĩ có tên tuổi như Út Trà Ôn, Thanh Hải , Minh Cảnh, Tấn Tài , Út Hiền, Minh phụng, Minh Vương, Hoài Thanh, cùng với sự may mắn của mình, bà đã được những bậc thầy của cải lương truyền dạy như Bảy Nhiêu, Năm Châu, Ba Vân, Phùng Há, Tám Vân, Hoàng Nô, Út Trà Ôn, Hoàng Giang,...

Năm 2001, ngày Út Hậu sắp từ trần, nữ nghệ sĩ Diệu Hiền và các nghệ sĩ như Thanh Tuấn, Thanh Phú, Quốc Trầm, Hề Sa … có đến thăm. Diệu Hiền uống một chung rượu rồi ca bài *Tần Quỳnh Khóc Bạn* để tiễn đưa người chồng vừa thương vừa hận của mình sang bên kia thế giới.

Diệu Hiền đúng là một tài năng rất lạ. có chất giọng sang sảng, ca rất mạnh mẽ, hào hùng, cho nên Diệu Hiền chuyên đóng kép võ. Nhưng dù có ca mạnh mẽ tới đâu thì Diệu Hiền vẫn đem tới sự ngọt ngào, rung động cho khán giả, chứ không khô khan, võ biền. Diệu Hiền ca bài võ mà người ta khóc mới hay. Bài Tần Quỳnh khóc bạn là câu chuyện kết nghĩa giữa Tần Quỳnh,

La Thành và Đơn Hùng Tín, sau đó La Thành xử trảm Đơn Hùng Tín, khiến Tần Quỳnh đau đớn vì nghĩa đệ huynh. Bài soạn giả Viễn Châu viết cho giọng nam nghệ sĩ Thanh Hải ca, nhưng Diệu Hiền lại dám hát giọng nữ, vậy mà khán giả không hề thấy lượng sượng tí nào, lại còn mê mẩn, nghẹn ngào. Người sành vọng cổ sẽ thấy những nhấn nhá và rung ngân của Diệu Hiền khiến người nghe sởn cả gai ốc nhưng "đã" tận ruột gan. Tác giả Viễn Châu đi nghe ở phòng trà, đã tặng cho ca sĩ Diệu Hiền một cành hoa với 500 đồng.

Diệu Hiền tìm niềm vui tuổi già nơi cửa Phật. Từ lâu bà cùng một người con gái tu tại gia và chỉ đứng hát trên sân khấu nhà chùa vào mỗi dịp ngày rằm, đầu tháng.

Hiện nay Diệu Hiền đã sống ở Viện dưỡng lão các nghệ sĩ, dù sức khỏe yếu nhưng Diệu Hiền vẫn hướng dẫn diễn xuất võ thuật cho một số nghệ sĩ trẻ. Nghệ sĩ Diệu Hiền tâm sự: "Tôi luôn mong được ra đi theo Phật sớm ngày nào hay ngày ấy. Mọi vinh quang, đau khổ, hạnh phúc ở đời tôi đều đã nếm trải, nên không còn gì để lưu luyến".

Trương Ánh Loan

Trương Ánh Loan (194..-1979)

Cho đến nay chưa rõ Trương Ánh Loan tên thật là chi, nhưng có thể đó là họ và tên thật, còn năm sinh cũng chưa rõ, có thể đoán là vào khoảng cuối thập niên 1940.

Bước vào nghề từ đoàn tuồng cổ của Bầu Thắng, rồi trải qua những sân khấu Mai Lan Phương- Ngọc Chiếu, Thanh Tao, Hữu Tâm, Minh Hùng- Như Ngọc, đều là những đoàn hát nghiêng về thể loại tuồng màu sắc, hương xa nổi tiếng, mà nữ diễn viên chính phải có nét đẹp sắc sảo, vũ đạo công phu. Hai yếu tố này thì Trương Anh Loan có thừa. Cô đẹp từ gương mặt đến hình thể và mua rất giỏi, nên nổi tiếng với những vai đào võ, Trương Anh Loan đẹp lộng lẫy dưới ánh đèn sân khấu.

Trương Anh Loan lên sân khấu là toả ngay sức gợi cảm cuốn hút người xem. Bởi vậy, năm 1961 Trương Anh Loan về đoàn cải lương Thủ Đô, thì cô đã là một hiện tượng sân khấu với nhiều vai diễn hấp dẫn khán giả bằng giọng ca, điệu múa. Trương Ánh Loan là một trong những nghệ sĩ trụ cột đưa đoàn cải lương Thủ Đô đi lên cùng với các nghệ sĩ khác như Ngọc Hương, Thanh Thanh Hoa, Như Ngọc là những bạn diễn ăn ý.

Trên sân khấu Thủ Đô, Trương Ánh Loan đã cùng nghệ sĩ Diệu Hiền chia nhau vai diễn.

Năm 1963, Trương Ánh Loan đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm, cùng với bạn diễn trân sân khấu Thủ Đô là nghệ sĩ Tấn Tài đồng thời với các đồng nghiệp khác như nghệ sĩ Bạch Tuyết của đoàn Thống Nhất, nghệ sĩ Kim Loan, tức Mộng Tuyền và nghệ sĩ Thanh Tú của đoàn Thanh Minh Thanh Nga, nghệ sĩ Diệp Lang của đoàn Kim Chưởng. Số người đoạt huy chương vàng Giải Thanh Tâm năm nầy nhiều nhất o với các năm khác, gồm có 6 nghệ sĩ, 3 nam và 3 nữ.

Giọng ca của Trương Ánh Loan ngọt ngào mà mạnh khỏe , tròn vành, rõ chữ , Trương Ánh Loan có thâu đĩa *Thôi Tử thí Tề Quân*. *Tình Chú Thoòng* với Tùng Lâm, Xuân Phát và *Người Khách Lạ* do hãng dĩa Sơn Ca cùng tài danh Út Trà Ôn, tuồng *San Hậu* đóng cùng Thanh Nga, Ngọc Giàu, Phượng Liên, tuồng *Quỷ Bão* đóng cùng Phương Quang, Phượng Liên, Hũu Phước…

Trương Ánh Loan có gia đình sớm, trước tiên Trương Ánh Loan kết duyên với soạn giả Tây Giang Tử và qua một thời gian sống rất êm ấm có con cái vài đứa với nhau, thì soạn giả nhà ta vì bận binh nghiệp nên không còn viết tuồng nữa, thế là vợ chồng dần dần xa nhau để rồi sau cùng dứt khoát duyên nợ. Kế đó Trương Ánh Loan làm lại cuộc đời với soạn giả Viễn Hùng, người ta tưởng rằng cặp này sẽ lâu bền, không ngờ biến cố Mậu Thân xảy ra, chồng cộng tác một nơi, vợ cộng tác một ngả, để rồi Trương Ánh Loan rời bỏ luôn sân khấu đi làm nghề khác và cũng chào lui với Viễn Hùng, khiến anh này thở phào chán nản. Sau đó cô lấy một người chồng không phải trong giới nghệ thuật, cuộc hôn nhân này làm cho cô đau khổ và năm 1979, Trương Ánh Loan đã tự tử chết tại Châu Đốc do những chuyện buồn trong gia đình.

Nghệ sĩ Trương Ánh Loan một người tài sắc trên sân khấu cải lương, nhưng hồng nhan bạc mệnh. để lại nỗi tiếc thương cho bao khán giả với bao hình tượng sân khấu đậm nét trong lòng người xem cùng một nổi oan tình son sắc của mình. Ngoài nghệ thuật biểu diễn, Trương Anh Loan còn góp công đào tạo những tài năng kế thừa như nghệ sĩ Vũ Linh, một diễn viên xuất sắc sau nầy.

Phú Quý

Phú Quý - Huỳnh Phú Quý (1946-20 ..)

Nghệ sĩ Phú Quý tên thật là Huỳnh Phú Quý sinh năm 1946 tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời kỳ hoàng kim của cải lương và tấu hài, Phú Quý là một trong những ngôi sao ăn khách cùng Minh Vương, Lệ Thủy, cố nghệ sĩ Út Bạch Lan, Thanh Sang, "đệ nhất danh hài" Bảo Quốc, Kim Ngọc, Duy Phương, Kiều Mai Lý...

Nghệ sĩ Phú Quý là con út trong gia đình có mười anh chị em ở huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Cha của ông làm nghề chài lưới, mẹ buôn bán. Khi buôn mùng mền, lúc bán cháo gà cháo vịt.

Mỗi khi có đoàn cải lương về quê hát, mẹ thường gánh cháo đứng trước cổng rạp bán phục vụ đoàn còn cậu bé Phú Quý khi ấy phụ mẹ bưng cháo cho các nghệ sĩ.

Năm ấy, đoàn cải lương Thanh Tao có cô đào Lệ Thủy mới 16 tuổi nhưng giọng hát khiến ai nghe cũng mê hồn về dựng rạp. Một lần, trong lúc phụ mẹ bán cháo trước cổng rạp, Phú Quý cao hứng ca bài "Tình mẫu tử". Giọng hát lọt vào tai một thầy tuồng (người chuyên viết kịch bản) trong đoàn.

Nhận được lời khen từ một người làm nghề chuyên nghiệp, máu nghệ sĩ trong người Phú Quý nổi lên. Không biết ông thầy tuồng "dụ" thế nào mà cậu bé Phú Quý 13 tuổi khi đó trốn nhà theo đoàn Thanh Tao đi hát.

Nhưng hát được một thời gian, Phú Quý nhớ nhà, cộng thêm cuộc sống của nghệ sĩ cải lương ngày ấy rày đây mai đó, dẫu có chất giọng nhưng Phú Qúy chưa được cho lên sân khấu diễn, ông nản lòng quay về nhà và đi học tiếp.

Hết lớp 9, Phú Quý bỏ học lên Sàigòn học nghề thợ bạc. Nhờ sáng dạ, ông nhanh chóng được nhận vào làm thợ kim hoàn tại một tiệm lớn ở Sàigòn. Trong thời gian này, Phú Quý quen và

tham gia vào một nhóm đờn ca tài tử và thường xuyên đi diễn sau khi công việc kết thúc.

Sau giải phóng, Phú Quý về làm công nhân bến xe Miền Tây. Đây cũng là thời điểm phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rầm rộ. Nhờ có sẵn giọng ca, cộng thêm sự nhiệt tình năng nổ, ông được trao nhiều cơ hội để trổ tài ca hát của mình.

Năm 1978, ông được Sở Giao thông vận tải thành phố cử đi hát Hội diễn Công nhân viên toàn quốc. Cũng trong kỳ hội diễn này, Phú Quý tự sáng tác và trình bày ca cảnh *Vợ chồng anh lái xe*. Tiết mục không những được quay và phát trên đài truyền hình mà còn lọt vào mắt xanh của kỳ nữ Kim Cương.

Thời điểm đó, đoàn kịch nói của nghệ sĩ Kim Cương đang có rất nhiều nghệ sĩ nổi danh như Bảy Nam, Kiều Phượng Loan... nhưng Kim Cương lại mời Phú Quý – một "tân binh", một người chưa có tên tuổi thế vai Ngọc Đức – một nghệ sĩ lớn trong vở *Dưới hai màu áo*.

Lúc đầu, Phú Quý không dám nhận vai diễn. Đi được nửa đường, ông đạp xe quay lại. Cầm kịch bản trong tay, cả đêm hôm đó, ông không ngủ được. Tới ngày ra sân khấu diễn, áo ông ướt sũng mồ hôi vì lo và áp lực. Nhưng khi vở diễn kết thúc, khán giả vỗ tay rần rần, cả đoàn kéo tới chúc mừng vì vai diễn thành công ngoài sự mong đợi.

Sau vai diễn này, con đường làm nghệ thuật chuyên nghiệp dần mở cửa đón ông. Trong thời gian công tác tại Đoàn cải lương Sài Gòn 2, ông được chọn đóng thế vai của đàn anh Văn Chung khi danh hài này bệnh nặng phải nhập viện trong vở *Tìm lại cuộc đời, Khách sạn hào hoa*, đóng thế nghệ sĩ Diệp Lang trong *Ánh lửa rừng khuya*...

Đây cũng chính là những vai diễn giúp Phú Quý để lại dấu ấn trong lòng khán giả mộ điệu cải lương thời kỳ đó.

Mặc dù có nhiều vai diễn được yêu thích, đóng chung với những nghệ sĩ tên tuổi như Kim Cương, Thẩm Thúy Hằng, Nguyễn Chánh Tín, Diệp Lang, Bảo Quốc, Hồng Vân... nhưng cái tên Phú Quý chỉ thực sự lừng lẫy khi ông đầu quân về Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

Vở diễn đưa tên tuổi Phú Quý lên hàng ngôi sao khi ấy là *Nàng Xê Đa* của đạo diễn Đoàn Bá, kịch bản Lưu Quang Vũ, chuyển thể cải lương Thể Hà Vân.

Nàng Xê Đa được diễn liên tục trong hơn 10 năm với hơn 1.000 suất diễn, trở thành vở diễn kinh điển trong làng nghệ thuật cải lương thời bấy giờ.

Bảo Quốc, Phú Quý, Duy Phương, Văn Chung

Nhớ lại vai diễn để đời này, nghệ sĩ Phú Quý nói: "*Kịch bản gốc vai tên trộm của tôi không được hát. Tôi năn nỉ Thể Hà Vân viết cho tôi mấy câu để ca cho sướng. Thể Hà Vân lúc đầu còn chần chừ, nhưng khi tôi hát thử cho đạo diễn Đoàn Bá nghe, ông rất ưng. Vở diễn khi ra mắt công chúng, được khán giả vỗ tay rần rần thích thú*".

Khi cải lương không còn được yêu thích, tấu hài lên ngôi, Phú Quý lại một lần nữa nổi lên cùng với những cái tên Văn Chung, Duy Phương, Bảo Quốc.

Phú Quý là một trong những gương mặt nghệ sĩ đình đám từ hài kịch *Trong nhà ngoài phố*. Nhờ chương trình này mà Phú Quý đắt show tấu hài.

Khi Bảo Quốc được người trong nghề và công chúng phong "đệ nhất danh hài" thì Phú Quý cũng là cái tên "bảo chứng phòng vé" tại các tụ điểm tấu hài ở Sàigòn cùng cố nghệ sĩ Kim Ngọc, Kiều Mai Lý. Hằng đêm, ông chạy hàng chục show diễn. Tiền nhiều đến nỗi ông phải cho vào bao tải nhét gầm giường.

Trong hơn 40 năm làm nghề, ông nhận nhiều huy chương vàng, bạc cùng nhiều giấy khen của Hội Nghệ sĩ sân khấu, Sở Văn hóa thành phố và các cơ quan ban ngành.

Nhưng chẳng ai ở mãi trên đỉnh cao. Theo dòng chảy tất yếu của thời cuộc và nghệ thuật, cải lương bị soán ngôi, tấu hài cũng chết, cái tên Phú Quý theo đó chìm vào quên lãng...

(Xem *Khách sạn hào hoa* trang 116)

Ngọc Bích

Ngọc Bích - Trần Ngọc Bích (1947-20..)

Nữ nghệ sĩ Ngọc Bích tên thật là Trần Ngọc Bích, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1947 tại huyện Bình Thủy, tỉnh Cần Thơ. Cha là ông Trần Văn Niếu làm thợ, mẹ là bà Nguyễn Thị Anh, buôn bán. Trong gia đình của Ngọc Bích không có ai theo nghề ca hát.

Là con gái lớn trong một gia đình nghèo có tới 11 người con, trong khi cha mẹ của Ngọc Bích phải lo bươn chải mưu sinh, có khi đến tối khuya mới về nhà nên Ngọc Bích phải giúp cho cha mẹ chăm sóc các em và quán xuyến mọi việc trong gia đình.

Ngoài những giờ học ở trường, về đến nhà thì Ngọc Bích phải lo nấu cơm nước, đút cơm cho em nhỏ nhất ăn, ru ngủ các em, đứa nầy lớn lên thì đến đứa em nhỏ kế. Ngọc Bích phải quét tước dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ áo quần, làm tất cả những công chuyện mà đáng lý ra nếu không bận buôn bán tảo tần thì mẹ của em phải lo liệu tất cả những chuyện đó.

Ngọc Bích khi ru em thì thích ca hát những bài bản cải lương mà em học lóm được khi nghe radio hay máy hát dĩa của hàng xóm. Trong xóm có anh An, biết đờn cổ nhạc, thấy Ngọc Bích có giọng tốt lại thích ca cải lương nên anh dạy cho Ngọc Bích ca vọng cổ và nhiều bài bản cải lương. Mỗi khi có gánh hát cải lương về hát trong huyện thì thế nào em cũng xin cha mẹ cho đi coi hát một lần. Sau đó Ngọc Bích âm thầm dệt ước mơ: mong sao có thể trở thành nghệ sĩ cải lương như các nghệ sĩ thần tượng của cô là Thanh Nga, Út Bạch Lan…

Giọng ca cổ nhạc của Ngọc Bích ngày một hay hơn, ca đúng bài bản, đúng nhịp điệu, giọng hát ngây thơ trong trắng của Ngọc Bích khiến cho trong thôn xóm, ai nghe qua cũng đều khen.

Nhân dịp đoàn hát Thống Nhứt – Út Trà Ôn về hát ở rạp Minh Châu tỉnh Cần Thơ, chú Tư, người thân trong gia đình Ngọc

Bích dẫn cô đi xem hát. Chú Tư quen với giáo sư Minh Nguyệt, một ông thầy bói nổi danh ở Saigòn, bà con của nghệ sĩ Út Trà Ôn nên chú Tư giới thiệu Ngọc Bích với giáo sư Minh Nguyệt để nhờ ông Minh Nguyệt tiến dẫn Ngọc Bích với nghệ sĩ Út Trà Ôn.

Út Trà Ôn và vợ là bà bầu Hồng Hoa nghe thử giọng ca vọng cổ của Ngọc Bích, Út Trà Ôn thấy Ngọc Bích có triển vọng trở thành nghệ sĩ tài danh nên hai vợ chồng nghệ sĩ Út Trà Ôn muốn nhận Ngọc Bích làm con nuôi, đem theo đoàn hát để dạy nghề ca hát.

Chú Tư phải dẫn Ngọc Bích về xin phép cha mẹ. Mẹ em chấp thuận vì thấy Ngọc Bích có cơ hội tìm được một cuộc sống sung túc và đỡ khổ cực hơn ở nhà nhưng cha của em thì do dự vì khi Ngọc Bích xa nhà, theo gánh hát thì còn 11 đứa con trẻ dại ở lại nhà, không có người tiếp tay ông bà mà chăm sóc cho chúng.

Hôm sau Út Trà Ôn thấy chú Tư không dẫn Ngọc Bích đến đoàn hát, ông hỏi lại mới biết gia cảnh khó khăn của cha mẹ Ngọc Bích. Nghệ sĩ Út Trà Ôn đi với người quản lý của gánh hát, tìm đến nhà của Ngọc Bích ở Bình Thủy, trao cho cha mẹ em hai mươi ngàn đồng, gọi là giúp đỡ cho gia đình khi Ngọc Bích vắng nhà. Ông cha thấy nghệ sĩ Út Trà Ôn nhiệt tình, ông trịnh trọng gởi gấm con ông cho Út Trà Ôn và cho phép con gái của ông nhận nghệ sĩ Út Trà Ôn là cha nuôi. Đó là năm 1962, Ngọc Bích được 15 tuổi. Lần đầu tiên xa nhà, cô theo cha mẹ nuôi đi theo gánh hát, phiêu bạt khắp các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, đô thành Saigon và các tỉnh miền Trung. Phần cô thì cuộc sống đầy đủ, ăn sung mặc sướng, được học ca hát theo như ước nguyện, tuy được cha mẹ nuôi thương mến nuông chìu nhưng lòng cô thì lúc nào cũng tâm nguyện, tự hứa là khi nào cô thành đạt trên đường nghệ thuật, tự mình kiếm được nhiều tiền thì thế nào cô cũng sẽ giúp cha mẹ để nuôi dưỡng 11 đứa em thơ dại ở quê nhà.

Ngọc Bích siêng năng học ca, luyện giọng, học diễn xuất. Năm 1964, lần đầu tiên Ngọc Bích được hát trên sân khấu với vai đào nhì trong tuồng *Hoàng Đế Du Xuân* của Vân An. Ngọc Bích được dưỡng phụ Út Trà Ôn đặt cho cô nghệ danh là Ngọc Bích. Báo chí phê bình tuồng hát của gánh hát Thống Nhứt – Út Trà Ôn đã khen Ngọc Bích là một nghệ sĩ trẻ đẹp, có giọng ca chân phương, mượt mà và diễn xuất rất là khả ái.

Dù chỉ mới xuất hiện trong một vở tuồng đầu tiên nhưng Ngọc Bích được các ký giả kịch trường tiên đoán là với làn hơi khoẻ khoắn, với lối ca điêu luyện và chắc nhịp, và được nghệ sĩ Út Trà Ôn trực tiếp chỉ dạy về diễn xuất, trong một vài năm tới đây, nữ nghệ sĩ Ngọc Bích chắn chắn sẽ vào cuộc tranh đoạt huy chương vàng của giải Thanh Tâm.

Trên sân khấu Thống Nhứt - Út Trà Ôn, nữ nghệ sĩ Ngọc Bích đã hát những tuồng *Mắt Em là Bể Oan Cừu, Võ Tòng Sát Tẩu, Sở Vân Cưới Vợ, Chiêu Quân Cống Hồ, Thần Nữ Dâng Ngủ Linh Kỳ của các soạn giả Thiếu Linh, Vân An, Mộc Linh…*

Nữ nghệ sĩ Ngọc Bích nhờ giọng ca vọng cổ ngày một điêu luyện, sắc vóc ngày càng đẹp nên cô nhanh chóng trở thành diễn viên chánh, đóng cặp chung với kép chánh Út Trà Ôn trên sân khấu Thống Nhứt trong những năm 1964, 1965.

Sau đó đoàn Thống Nhứt rã phần hùn giữa hai giám đốc Út Trà Ôn và Hoàng Giang nên gánh hát Thống Nhứt phải giải tán. Nghệ sĩ Hoàng Giang ký contrat cộng tác với đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga. Nghệ sĩ Út Trà Ôn ký contrat cộng tác với đoàn hát Kim Chung - Bầu Long. Nữ nghệ sĩ Ngọc Bích cũng được ký contrat cùng với dưỡng phụ Út Trà Ôn hát trên sân khấu Kim Chung 6.

Năm 1967, nữ nghệ sĩ Ngọc Bích doạt huy chương vàng giải Thanh Tâm trong vai người vợ lớn của ông cò quận 9 trong tuồng *Tuyệt Tình Ca* của Hà Triều - Hoa Phượng.

Cuối năm 1968, Ngọc Bích theo dưỡng phụ Út Trà Ôn ký hợp đồng với bà Bầu Thơ, cùng đi với đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga trong chuyến lưu diễn ở Paris Pháp quốc.

Sau chuyến lưu diễn ở Pháp trở về nước, Ngọc Bích cùng nghệ sĩ Út Trà Ôn cộng tác với các đoàn hát Tấn Tài, đoàn Hương Dạ Thảo và đoàn hát Minh Cảnh.

Có một sự rạn vỡ đi đến chỗ cha mẹ nuôi của cô chia tay nhau và làm đổ vỡ niềm tin về tình thương chân thật của họ đối với cô, nên Ngọc Bích chia tay với cha mẹ nuôi Út Trà Ôn và bà Hồng Hoa.

Sau năm 1975, nghệ sĩ Út Trà Ôn cộng tác với đoàn hát cải lương Saigon 1, nữ nghệ sĩ Ngọc Bích cộng tác với đoàn hát cải lương Saigon 2. Đến lúc nầy, Ngọc Bích mới thoát khỏi cái bóng che của nghệ sĩ Út Trà Ôn để tự mình khẳng định tài nghệ của mình trên một sân khấu khác với sân khấu của Út Trà Ôn.

Trên sân khấu đoàn cải lương Saigon 2, Nữ nghệ sĩ Ngọc Bích diễn vai đào nhì các tuồng *Ánh Lửa Rừng Khuya, Khách Sạn Hào Hoa.* Ngọc Bích thể hiện tính cách một cô con gái nhà giàu, kiểu cách, nũng nịu thật là có duyên, đã làm nền để tôn vinh cái đẹp trọn tình trọn nghĩa của cô gái nghèo do nữ nghệ sĩ Mỹ Châu thủ diễn.

Sau đó Ngọc Bích thủ diễn tất cả các vai nữ chánh trong các tuồng *Tiếng Hò Sông Hậu, Tìm Lại Cuộc Đời, Phượng Thắm Sân Trường, Tô Ánh Nguyệt, Theo Dấu Chân Hồng, Cánh Én Mùa Xuân, Người Không Cô Đơn* của đoàn cải lương Saigon 2.

Các nghệ sĩ Mỹ Châu, Thanh Tuấn, Giang Châu, Hà Mỹ Xuân. Diệp Lang, Văn Chung, Tư Rọm lần lượt rời đoàn hát Saigon 2, chỉ còn có Ngọc Bích và nghệ sĩ Tuấn An ở lại chèo chống gìn giữ bảng hiệu.

Đến năm 1992, đoàn hát cải lương Saigon 2 rã gánh. Nữ nghệ sĩ Ngọc Bích rời sân khấu và không tham gia các chương trình hát trích đoạn hay trong các chương trình Vầng trăng cổ nhạc, Làn Điệu Phương Nam, để tiếc thương cho bao khách mộ điệu cải lương.

Phương Bình

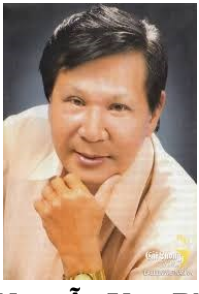

Phương Bình - Nguyễn Văn Bình (1947-20…)

Nghệ sĩ Phương Bình tên thật là Nguyễn Văn Bình, sanh năm 1947, nguyên là một người đi học nghề sắp chữ ở nhà in của các nhật báo Dân Chúng, Đồng Nai. Nghệ sĩ Phương Bình nuôi mộng trở thành nghệ sĩ, nên năm 1963 đi học ca cổ nhạc với nhạc sĩ Văn Lắm, nhà trong hẻm đường Bùi Viện, nơi được gọi là xóm nghệ sĩ. Nghệ sĩ Phương Bình lập gia đình từ năm 22 tuổi, có 9 người con, tất cả đều gắn bó với sân khấu, có hai người con là Phương Lâm và Phương Loan là nối nghiệp làm bầu gánh hát như Phương Bình.

Lúc đó nhà báo bị đóng cửa, Phương Bình thất nghiệp. Ký giả Ngọc Đỉnh thương tình, dẫn Phương Bình đến giới thiệu với Bầu Long, xin cho ông vào đoàn Kim Chung học hát. Phương Bình được Bầu Long chấp thuận, vào hát những vai phụ, kép ba, chuyên đánh võ, đấu kiếm. Đối với Phương Bình, ký giả Ngọc Đĩnh là người ơn giải tỏa bế tắc trong cuộc sống của ông

và là người hướng dẫn con đường nghệ thuật của ông từ A.B.C. cho đến khi đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm.

Năm 1964, ký giả Ngọc Đỉnh giới thiệu cho Phương Bình về đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga, ông cũng chỉ đóng được các vai phụ vì sân khấu Thanh Minh Thanh Nga lúc đó có Hữu Phước, Thành Được, Thanh Tú nên năm sau Phương Bình trở về cộng tác với đoàn Kim Chung 2. Phương Bình được nghệ sĩ Mỹ Châu giúp đở nên tiến bộ về nghệ thuật ca và diễn. Phương Bình được qua hát đoàn Kim Chung 6.

Năm 1967 Phương Bình đoạt được giải Thanh Tâm cùng với các nghệ sĩ Mỹ Châu, Ngọc Bích, Bảo Quốc.

Sau khi đoạt giải Thanh Tâm, Phương Bình được ông bầu Long bố trí cho hát vai chánh ở đoàn Kim Chung 8. Thời gian này ông kết hôn với Ngọc Bê.

Ở đoàn Kim Chung, nghệ sĩ Phương Bình hát qua các vai Áo Vũ Cơ Hàn tuồng *Tâm Sự Loài Chim Biển*, vai Mộ Dung Thạch, tuồng *Kiếp Nào Có Yêu Nhau*, vai Sơn Tinh tuồng *Sơn Tinh – Thủy Tinh.*

Năm 1971, Phương Bình rời đoàn Kim Chung, cùng với vợ là Ngọc Bê thành lập đoàn hát Hương Dạ Thảo. Phương Bình và vợ trở thành bà bầu Bê nổi danh trong giới làm bầu các đoàn hát ở miền Hậu Giang.

Từ 1971 đến 1975, đoàn Hương Dạ Thảo diễn ở các tỉnh nhiều hơn về Saigon và đoàn hát cũng chỉ ở dạng trung ban, không có tuồng hay và soạn giả nổi bật.

Đến năm 1975, đoàn Hương Dạ Thảo – Phương Bình giải tán. Ông trở về Sài Gòn nhưng sau đó lại về Cà Mau lập đoàn hát Ngọc Bê – Phương Bình của thị xã Cà Mau. Trong một thời gian, đoàn hát Ngọc Bê – Phương Bình không đạt được doanh

thu cần thiết, ông lại ra Vũng Tàu, thành lập đoàn hát Hương Biển, đăng ký là đoàn hát thuộc Sở Văn Hoá Thông Tin Vũng Tàu.

Nhìn lại sự nghiệp của mình, nghệ sĩ kiêm bầu gánh hát Phương Bình không ngại nói về những thất bại. Ông bộc lộ sự chán nản: Sau nhiều chuyến đứng mũi chịu sào lập gánh hát từ năm 1971 – 1984 với tên bảng hiệu Hương Dạ Thảo, Hương Biển thuộc Sở Văn Hóa Thông Tin Vũng Tàu, ông đã gặp nhiều sự cố. Đó là đối diện với những cơn bão, cộng với những điểm diễn heo hút, đời sống người dân quá nghèo lấy tiền đâu mua vé. Và thế là xả giàn, có cơm ăn cơm, có cháo cả đoàn húp cháo. Sự nghiệp của ông với 5 ngôi nhà mặt tiền đường Trần Hưng Đạo-Sài Gòn, 5 xe ô tô đời mới, 2 xe vận tải cứ lần lượt ra đi. Bù lỗ riết đến năm 1998, khi gánh Hương Biển trụ bến tại Quảng Ninh, gặp phải khí hậu khắc nghiệt mà một số bầu cạnh tranh bất chính, ông tuyên bố rã gánh, trở về Sài Gòn làm lại từ đầu.

Đến nay, hiếm hoi lắm người ta thấy Phương Bình ca trên sân khấu Làn Điệu Phương Nam, và Làn Điệu Phương Nam thì mỗi tháng chỉ hát một suất vào ngày 4 đầu tháng, hát xong ông âm thầm ra về. Đôi lúc ông đi show đám tiệc các tỉnh miền Tây, sau đó về Sàigòn đi hát ở quán nghệ sĩ để mưu sinh. Hiện nay ông mướn nhà ở quận 6 với người vợ sau, còn Ngọc Bê, vợ trước của ông đã mất từ lâu.

Nghệ sĩ Phương Bình có giọng ca khoẻ, nghệ thuật ca chân phương, có thể nói nghệ thuật ca diễn không phải thật xuất sắc lắm và cũng không tệ lắm. Phương Bình có nhiệt tình trong nghề, khi ca diễn bên cạnh Mỹ Châu thì nổi bật nhất, nhưng khi diễn chung với người kém hơn thì ít nổi bật hơn. Phương Bình được giải thưởng huy chương vàng không phải với vai trò chánh trong vở hát mà là vai phụ của ba tuồng trong năm cạnh bên Mỹ Châu. Mỹ Châu là người bạn diễn đã giúp đở ông nhiều mặt ở sân khấu.

Thanh Điền

Thanh Điền - Nguyễn Ngọc Chiếu (1947-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Điền tên thật là Nguyễn Ngọc Chiếu,, còn có tên là Nguyễn Thanh Điền sinh năm 1947 tại Vị Thanh, Chương Thiện, nay thuộc thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, sinh ra trong gia đình có 9 anh em. Tuy cha ông, là Nguyễn Thành Long, là nghệ sĩ đờn ca tài tử, thân mẫu, bà Nguyễn Thị Tâm, là võ sư, đều không muốn con cái theo nghiệp của 2 người, nhưng lại có nhiều ảnh hưởng đến sự nghiệp của con. Về sau, trong gia đình còn có 2 em gái là nghệ sĩ cải lương Hà Mỹ Liên, tên thật là Nguyễn Thị Thu Hà và Hà Mỹ Xuân, tên thật là Nguyễn Thị Xuân.

Sinh ra và lớn lên trong thời gian chiến tranh, gia đình ông thường xuyên phải t ản cư nhiều nơi trước khi định cư hẳn ở Long Xuyên.

Tuy bị song thân ngăn cản, nhưng ảnh hưởng của 2 người lại giúp cho ông sớm có sự đam mê cũng như những tố chất nghề diễn. Khi gia đình định cư tại Long Xuyên, Thanh Điền trốn gia đình học nghề từ danh ca Ngọc Ẩn, người được mệnh danh là "Đệ nhất danh ca miền Tây" lúc đó. Năm 1959, ông bắt đầu bước vào nghề diễn khi mới 12 tuổi.

Trong nghiệp diễn của mình, Thanh Điền học hỏi nhiều nghệ sĩ nổi tiếng thời bấy giờ như Trường Xuân, Hoàng Giang, Việt Hùng, Minh Chí, Hữu Phước, Hùng Minh, Diệp Lang... Thanh

Điền dần có được tên tuổi khi giữ vai trò kép độc mùi qua nhiều đoàn lớn như Hương Mùa Thu, Hoa Thế Hệ, Sao Ngàn Phương, Kim Chung … qua các vở: *Nhất kiếm bá vương,* vai Tống Từ Ly, *Chiều thu sầu ly biệt* trong vai Hắc Vạn, *Kiếp nào có yêu nhau* trong vai Thành Cát Tư Hãn …

Năm 1969, ông tham gia đoàn hát Hoa Phượng của Bầu Trung. Trong một lần đi lưu diễn, đoàn gặp tai nạn lật ghe ở gần phà Vàm Cống. Ông đã dũng cảm cứu sống được nhiều người, trong đó có một cô đào non mới 14 tuổi tên Bùi Thị Huệ, người về sau trở thành bạn đời của ông.

Sau tai nạn này không lâu, đoàn Hoa Phượng tan rã. Thanh Điền cùng một số diễn viên còn lại của đoàn sang gia nhập đoàn Kim Chung 2 năm 1970.

Năm 1974, ông thành lập gánh hát Xuân Liên Hoa. Người bạn gái và bạn diễn cũ là Thanh Kim Huệ cũng theo về làm đào chánh. Thanh Điền và Thanh Kim Hu ệ thành hôn với nhau đầu năm 1975.

Huyện Trìa (Thanh Điền) và Thị Hến (Thanh Kim Huệ) trong vở cải lương "Ngao Sò Ốc Hến", năm 1982.

Sau năm 1975, ông bà tiếp tục tham gia các đoàn cải lương Sài Gòn 2, 3, 1, Văn công Tp. HCM. Nhân dân Kiên Giang. Đặc

biệt, với vai diễn Huyện Trìa do Thanh Điền, th ủ diễn, vai Thị Hến do Thanh Kim Huệ thủ diễn, trong vở chuyển thể cải lương Ngao Sò Ốc Hến vào năm 1982, c ả hai đã ghi danh những vai diễn đặc biệt nhất của lịch sử cải lương.

Cũng trong thập niên 1980, Thanh Điền trở thành một trong những thành viên nòng cốt của đoàn Cải lương Sàigòn 1 và bắt đầu tham gia làm đạo diễn. Trong giai đoạn thoái trào của cải lương, cập vợ chồng nầy còn mở tiệm nhiếp ảnh để sinh kế. Dù vậy, họ vẫn chung thủy với nghệ thuật cải lương, Thanh Kim Huệ viết kịch bản còn Thanh Điền làm đạo diễn. Ghi nhận công lao của họ, nên đã phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú. Trong Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 1990, Thanh Điền được tặng Huy chương vàng với vở *Đêm trắng* và trong Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 1995, ông lại được tặng Huy chương vàng với vở *Nước mắt đen*. Tại Liên hoan truyền hình toàn quốc năm 2003, ông được tặng Huy chương vàng trong vở *Khúc ly hương* với vai trò diễn viên chính.

Thanh Điền và Thanh Kim Huệ kết hôn vào dịp Tết năm 1975, từ đó tới nay họ sống hạnh phúc có với nhau 2 người con, con trai là Nguyễn Đăng Quang, sinh năm 1977 và con gái là Nguyễn Đức Hồng Loan sinh năm 1986.

Xuân Yến

Xuân Yến - Nguyễn Thị Xuân Yến (1947-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Xuân Yến tên thật là Nguyễn Thị Xuân Yến, sanh năm 1947 tại Sàigon. Là con gái lớn của đôi vợ chồng nghệ sĩ Minh Tơ và Bảy Sự, là chị cả của những nghệ sĩ Thanh Tòng, Thanh Loan, Minh Tâm, Công Minh, Xuân Thu, Thanh Sơn.

Năm lên 6 tuổi, Xuân Yến cùng các em Thanh Tòng, Thanh Loan và các bạn nghệ sĩ tí hon Bửu Truyện, Thanh Thế, Thanh Hoàng, Trường Sơn, Vũ Đức được cha của cô là nghệ sĩ Minh Tơ dạy nghề hát trong lớp Đồng Ấu Minh Tơ.

Vì cả gia đình Minh Tơ cư ngụ trong rạp hát đình Cầu Quan, nên ngoài giờ học chữ ở trường Tôn Thọ Tường gần đó, trên đường Trần Hưng Đạo, hầu hết thì giờ sinh hoạt của Xuân Yến và bạn đồng học hát gắn liền với sinh hoạt của đoàn hát Vĩnh Xuân Ban - Khánh Hồng.

Đêm đêm Xuân Yến ngồi bên cánh gà coi hát, học theo các điệu ca, điệu múa của các nghệ sĩ đang hát trên sân khấu. Xuân Yến thuộc rất nhiều vai, nhiều tuồng nên khi học trong lớp dạy hát Đồng Ấu Minh Tơ, Xuân Yến thường nhắc tuồng, nhắc lớp diễn cho các bạn đồng học.

Xuân Yến đã học diễn các vai kép võ tướng mặt trắng, các tướng trung như Quan Công, Tiết Nhơn Quí, Lữ Bố, Triệu Tử Long, vì thời kỳ nầy khán giả thích xem các cô đào hát giả trai đóng tuồng như trường hợp cô Phùng Há đóng vai Lữ Bố, cô Bích Thuận đóng Triệu Tử Long, cô Bảy Nam đóng vai Quan Công…

Nữ nghệ sĩ Xuân Yến cũng học hát thuần thục: Các vai đào võ như Phàn Lê Huê, Thần Nữ, Hồ Nguyệt Cô, Lưu Kim Đính, Đào Tam Xuân… Các vai đào văn như Điêu Thuyền, Bàng Quí Phi, Hàn Tố Mai, Nguyệt Kiểu… Các vai mụ như Địch Thiên Kim, Lý Thần Phi, tuồng Bích Vân Cung kỳ án, Đỗng Mẩu, tuồng San Hậu, Ngô Quốc Thái, tuồng Lưu Bị Cầu Hôn Giang

Tả… Các vai như tỳ nữ, tỷ tất, phu nhơn, vợ lão tiều, tức các vai thường dân trong cải lương tuồng cổ.

Nữ nghệ sĩ Xuân Yến diễn giỏi các loại vai, nhưng khi diễn chung với những người trong gia đình trên một sân khấu, bao giờ Xuân Yến cũng chịu lãnh phần thua thiệt, nhường các vai đào đẹp, kép đẹp cho em.

Trong tuồng *Xử Án Bàng Quí Phi* thì nhường cho em là Thanh Loan đóng vai Bàng Quí Phi, Xuân Yến thủ vai mụ Địch Thiên Kim; Tuồng *Thần Nữ Dâng Ngũ Linh Kỳ* thì nhường vai Thần Nữ cho Thanh Loan, Xuân Yến thủ vai mẹ chồng Phàn Lê Huê; Khi hát tuồng *Trảm Trịnh Ân*, vai đào đẹp Hàn Tố Mai nhường cho Thanh Loan, Xuân Yến vào vai Đào Tam Xuân…

Xuân Yến là diễn viên của gánh hát Vĩnh Xuân - Khánh Hồng, hát thường trực tại rạp đình Cầu Quan ở đường Yersin quận Nhì. Năm 1972, Xuân Yến theo đoàn hát bội của nghệ sĩ Thành Tôn ra Bình Định hát chầu nhân lễ Hội Quang Trung.

Nhân dịp nầy, Xuân Yến được bà Bầu gánh hát Kim Chưởng mời Xuân Yến gia nhập đoàn, hát các vai đào nhì, làm dàn bao vì Xuân Yến có khả năng hát được nhiều loại vai, Xuân Yến có thể hát thành công các loại tuồng Tàu, tuồng chưởng, tuồng dã sử và tuồng xã hội.

Trên sân khấu Kim Chưởng, Xuân Yến hát cặp với nam diễn viên Hữu Cảnh.

Vì vậy hai nghệ sĩ Hữu Cảnh và Xuân Yến hát cặp nhau trên sân khấu Kim Chưởng thật là xứng đào xứng kép. Điệu múa, cách ca điệu diễn đều rập ràng ăn khớp nhau, khán giả rất hoan nghinh. Tình yêu giữa Xuân Yến và Hữu Cảnh bắt nguồn từ đó.

Xuân Yến và Hữu Cảnh được cha mẹ cho phép thành hôn năm 1976. Cuối năm 1976, Minh Tơ được nhà đương cuộc cho phép thành lập đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ.

Hữu Cảnh nổi danh khi hát vai Lý Thường Kiệt trong tuồng *Câu Thơ Yên Ngựa*. Hữu Cảnh còn nổi danh qua các vai Lưu Bị trong tuồng *Cầu Hôn Giang Tả*, vai Trần Thủ Độ trong *Bảo Táp Nguyên Phong*, vai Câu Tiễn trong tuồng *Tây Thi Gái Nước Việt.*

Xuân Yến thành công trong vai Thượng Dương Hoàng Hậu trong Nhiếp Chính Ỷ Lan và vai lão Mẫu trong tuồng Đường Về Núi Lam, Thanh Gươm và Nữ Tướng.

Xuân Yến và Hữu Cảnh mặc dầu hát hay, được khán giả ưa thích nhưng cuộc sống vật chất thật là khó khăn. Sau năm 1975, chánh phủ mới nắm quyền tổ chức và điều khiển các đoàn hát, quy định lương bình quân mỗi suất diễn 10 đồng cho đào, kép chánh, 5 đồng cho những vai kép phụ và công nhân sân khấu.

Các nghệ sĩ và công nhân sân khấu muốn đeo đuổi theo nghề hát thì ban ngày phải làm thêm một nghề tay trái nữa mới hy vọng có cơm ăn no đủ hầu tối đến mới đủ sức lên sân khấu vẻ mặt mang râu mà hò hát.

Dầu đêm vãn hát rất khuya, vợ chồng Hữu Cảnh Xuân Yến phải thức dậy sớm, đèo nhau trên xe Honda, chạy xuống tỉnh Tân An, Bến Lức, lấy mối heo lậu, chở về bán nơi chợ ông Lãnh hay Cầu Muối.

Xuân Yến và Hữu Cảnh có sáu con: Ba con lớn sống ngoài nghề sân khấu, ba cô con gái sau có Nguyễn Nguyễn Trinh Trinh sanh ngày 31 tháng 8 năm 1977; Nguyễn Nguyễn Bảo Trân sanh năm 1979 và Nguyễn Nguyễn Bảo Châu sanh năm 1982.

Nữ nghệ sĩ Trinh Trinh đoạt huy chương vàng giải Trần Hữu Trang năm 1995 - 1996.

Năm 1982, các nghệ sĩ không chịu đựng nổi chế độ lãnh lương theo quy định một cách bất công nên rất nhiều nghệ sĩ bung ra, đi hát chui với các đoàn cải lương tỉnh.

Xuân Yến và Hữu Cảnh cũng đi hát chui, hát chầu. Khi đến sông Cầu, có khán giả ái mộ bỏ tiền ra lập gánh, vợ chồng Xuân Yến và Hữu Cảnh dùng tài nghệ và công sức của mình góp phần hùn với người chủ, lợi nhuận được chia đôi.

Tuy nhiên gánh hát tư nhơn là gánh hát lậu, phải hối lộ mới có điểm diễn và phải đóng đủ thứ lệ phí. Bởi vậy gánh hát thu không đủ chi, lỗ lả riết nên ông chủ tuyên bố rã gánh hát. Vợ chồng Xuân Cảnh trở về Saigon, lập nhóm hát chầu để hát cúng Kỳ Yên ở các đình miếu hoặc hát tăng cường cho các đoàn tỉnh để có tiền lo cho các con ăn học.

Đến năm 1988 thì Hữu Cảnh ngã quỵ, suy nhược thần kinh và mất trong niềm thương tiếc của gia đình, của các bạn nghệ sĩ và khán giả ái mộ.

Ngày 11-2-2017, Xuân Yến do suy tim, bị khó thở, mê man phải đưa đi cứu cấp ở Bệnh Viện Tâm Đức Quận 7, Tp. HCM.

Xuân Yến là một trong những nghệ sĩ gạo cội của sân khấu cải lương tuồng cổ, cùng thời với các nghệ sĩ: Thanh Tòng, Bửu Truyện, Trường Sơn, Ngọc Đáng, Thanh Thế, Bạch Lê, Thanh Loan, Bo Bo Hoàng... Bà là một trong những đào chánh của Đoàn Cải lương Tuồng cổ Minh Tơ từ thập niên 1960. Sau này, khi lớn tuổi, bà thể hiện những vai phụ, yểm trợ các nghệ sĩ trẻ là con cháu của gia tộc Bầu Thắng, Minh Tơ, Thanh Tòng.

Nghệ sĩ Xuân Yến những năm sau này còn đứng ra tổ chức những xuất diễn cúng đình nhân mùa Kỳ Yên của nhiều hội đình tại miền Đông, miền Tây. Bà là người chủ trương mời các diễn viên xuất thân từ cuộc thi Chuông vàng vọng cổ tham gia biểu diễn những vở tuồng cổ. Bà từng nói phải tạo cơ hội để các bạn trẻ cọ xát với nghề và đa đạng hóa nhiều sở trường, từ đó mới thăng tiến nhanh, để gìn giữ, tiếp nối sân khấu cải lương.

Hoài Thanh

Hoài Thanh (1947-20 ..)

Nghệ sĩ Hoài Thanh sanh năm 1947 tại Hóc Môn, quê ngoại ở Trảng Bàng Tây Ninh. Hoài Thanh thích cổ nhạc, tự học ca theo các băng, dĩa nên anh còn yếu về nhịp điệu, nhưng anh có giọng ca thật là truyền cảm, nhờ ca hay và được các nghệ nhân đàn ca tài tử dìu dắt, Hoài Thanh đã được giới thiệu lên Sàigòn biểu diễn tại quán Lệ Liễu. Sau đó, anh gia nhập nhóm tài tử Hai Khuê - Tên một giáo sư của Trường Quốc Gia Âm nhạc Kịch Nghệ Sàigòn.

Cố nghệ sĩ Phùng Há phát hiện ra tài năng của Hoài Thanh sau một lần xem anh ca vọng cổ trên truyền hình. Bà cho người mời anh đến nhà riêng trên đường Ngô Tùng Châu, nay là

đường Lê Thị Riêng, quận 1, Tp. HCM. dạy diễn xuất. Hoài Thanh rất vui vì chưa từng biết diễn xuất là gì, ra sân khấu anh chỉ đứng ca. Trong những buổi học tại đây, Hoài Thanh gặp một cô gái dễ thương tên Đỗ Quyên. Cả hai chú ý đến nhau và còn có duyên khi được nghệ sĩ Phùng Há phân vai đóng cặp trong vở *Nắm cơm chan máu.*

Khi anh tham gia cuộc thi tuyển chọn giọng ca vàng vọng cổ thì nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan phát hiện giọng ca lạ của anh, cô giới thiệu cho anh vào làm diễn viên trong đoàn hát.

Nghệ sĩ Hoài Thanh thật sự nổi danh khi anh thay nghệ sĩ Minh Phụng trong vai Trần Dinh trong tuồng Gánh Cỏ Sông Hàn trên sân khấu đoàn cải lương Hương Mùa Thu.

Nghệ sĩ Hoài Thanh cộng tác với các đoàn hát Phước Chung, đoàn cải lương Đồng Tháp, đoàn Văn Công, đoàn cải lương Sàigon 2…Anh được khán giả yêu mến qua các vai Bạo Chúa Alykha trong tuồng cùng tên, vai Thúc Sinh trong tuồng *Kim Vân Kiều*, vai Lê Minh trong tuồng *Nhụy Kiều Tướng Quân* và các vai chánh trong các tuồng *Trống Lệnh Vua Hùng, Cô Gái Hát Rong, Nữ Tướng Cờ Đào, Thái Hậu Dương Vân Nga…*

Nghệ sĩ Hoài Thanh có gương mặt đẹp, vóc dáng cao ráo, giọng ca trầm ấm, khỏe khoắn, khi Hoài Thanh thủ diễn các vai võ tướng, anh biểu hiện được phong cách oai nghi, dũng mãnh của nhân vật nên Hoài Thanh dễ dàng thành công qua các tuồng dã sử, tuồng cổ tích Việt Nam.

Chuyện tình của Hoài Thanh- Đỗ Quyên không thuận lợi bởi bao gập ghềnh, dâu bể cuộc đời. Năm 1973, đoàn Hương Mùa Thu khai trương vở *Người chăn hạc* của soạn giả Thu An, Hoài Thanh được mời về đóng kép chính. Đỗ Quyên buồn vì cả hai không có dịp cùng chung sân khấu nhưng không lên tiếng ngăn cản, chỉ hẹn nhau thành danh sẽ tổ chức đám cưới.

Họ xa nhau biền biệt, Hoài Thanh lập gia đình với Kiều Loan. Đỗ Quyên cũng lập gia đình với Linh Vương, họ có con gái đầu lòng.

Năm 1983, tình cờ được làm chung bộ phim *Ngày tàn bạo chúa*, của tác giả Lê Duy Hạnh, Hoài Thanh và Đỗ Quyên gặp lại nhau. Năm 1984, họ cùng đứng chung sân khấu Phước Chung. Hoài Thanh đã ly dị vợ, còn Đỗ Quyên đã chia tay chồng. Tình cũ nghĩa xưa, họ kết nối lại, thành đôi vợ chồng hạnh phúc. Năm 1986, Đỗ Quyên sanh con trai là Nguyễn Quốc Anh Kiệt.

Nghệ sĩ Hoài Thanh mở lời hàn gắn lại cuộc tình dang dở, hứa sẽ bù đắp cho người tình luôn một lòng chờ đợi mình và Đỗ Quyên đồng ý. Nhờ tình yêu của anh, chị lao vào việc học, phấn đấu trở thành một đạo diễn theo lời dạy của cố nghệ sĩ Phùng Há và Nguyễn Thành Châu. Vì chắp nối, nhà lại nghèo nên họ không tổ chức lễ cưới mà chỉ làm mâm cơm cúng ông bà trước sự chứng kiến của gia đình hai bên.

Do có con gái định cư ở Úc, nên Hoài Thanh và Đỗ Quyên theo con gái sang Úc sinh sống. Ở Úc Hoài Thanh xin phép chính quyền địa phương thành lập một đoàn hát có tên là Năm Châu, chỉ được hát trong các sự kiện thiện nguyện, không mang mục đích thương mại. Đã thực hiện được ba suất. Suất đầu lấy tiền giúp đỡ một bệnh viện dành cho trẻ em tại Melbourne, kêu gọi được 6.000 đô Australia, tuy không lớn lắm nhưng đó là cái tình của anh em nghệ sĩ. Suất thứ hai, giúp cho nhiều người khiếm thị, khiếm thính. Suất thứ ba, tặng Ban Ái hữu nghệ sĩ ở Tp. HCM.

Năm 2010, Hoài Thanh và Đỗ Quyên đã làm một liveshow vì sợ sau này già hơn, họ sẽ không còn đủ sức. Nay lớn tuổi rồi, họ muốn lui về hậu trường, nhường sân khấu cho các nghệ sĩ trẻ.

Mỗi năm vào dịp Tết, Hoài Thanh và Đỗ Quyên về lại Việt Nam thăm gia đình và bạn bè sân khấu.

Kim Tuyến

Kim Tuyến - Nguyễn Thị Kim Tuyến (1947-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Kim Tuyến tên thật là Nguyễn Thị Kim Tuyến sinh năm 1947 tại Sài Gòn, trong một gia đình trung lưu, thân phụ cô là một thương gia, thân mẫu cô là nghệ sĩ tài danh của đoàn Hoa Sen, nữ nghệ sĩ Bích Liên, bà giã từ sân khấu khi lập gia đình. Kim Tuyến thừa huởng huyết mạch nghệ sĩ của mẹ từ nhỏ nên có năng khiếu ca kịch từ khi cô còn rất nhỏ. Lên sáu tuổi cô đã tham gia ca hát và diễn kịch trên sân khấu nhà trường.

Năm 1958, gia đình Kim Tuyến dời từ Sài Gòn về Vĩnh Bình mở cơ sở buôn bán. Năm 1962, nhân dịp đoàn Thống Nhất của nghệ sĩ Út Trà Ôn hát ở Vĩnh Bình, mẹ của cô quen với nghệ sĩ Út Trà Ôn và Hoàng Giang, bà dẫn con đến xin cho con theo học ở đoàn hát, lúc đó đoàn Thống Nhất đang hát tuồng *Tiếng Hát Muồng Tênh* của soạn giả Mộc Linh, trong tuồng có một vai em bé là con của nghệ sĩ Hoàng Giang vai đào con ca một lớp có hai câu vọng cổ, vì con gái của Hoàng Giang không thể nghĩ học ở Sàigòn mà theo đoàn Thống Nhất lưu diễn, Hoàng Giang định cắt vai này luôn để đoàn không bị động, nhưng mẹ Kim Tuyến nhận tuồng về dạy cho Kim Tuyến, sau buổi cơm

chiều của đoàn hát, bà Bích Liên dẫn Kim Tuyến đến ráp tuồng với nghệ sĩ Hoàng Giang. Đêm đầu ra sân khấu, Kim Tuyến ca diễn rất là xúc động và giọng ca vừa chắc nhịp vừa gây xúc động mạnh cho khán giả, sau đêm diễn đó, cô được nghệ sĩ Út Trà Ôn ký giao kèo 10,000 đồng.

Bà Bích Liên xin phép đoàn hát theo giúp Kim Tuyến trong vài tháng đầu, Kim Tuyến diễn qua các tuồng *Tiếng Hát Muồng Tênh, Đừng Giết Con Tôi, Duyên dáng chùa tháp...* Năm 1964 đoàn Thuý Nga ký giao kèo rất cao để mời Kim Tuyến về đoàn thay thế cho nữ nghệ sĩ Ánh Hồng, hát các tuồng *Khi Hoa Anh Đào Nở, Ngưu Lang Chúc Nữ...*

Năm 1965,đoàn Kim Chung của bầu Long ký giao kèo cao gấp đôi đoàn Thuý Nga để mời Kim Tuyến về hát chánh, hát cặp với nam nghệ sỹ Hùng Cường qua các tuồng *Người Đẹp Liêu Trai, Kiệu Hoa Lạc Lối về*, ở đoàn Kim Chung cô kết hôn với nam nghệ sĩ Hoài Trúc Phương và có một con trai. Từ năm 1965 đến 1968, ở đoàn Kim Chung cô hát chung với nhiều nam nghệ sĩ như Hùng Cường, Minh Phụng, Phương Bình... Nghệ sĩ Kim Tuyến là một ngôi sao sáng chói bên cạnh các nữ nghệ sỹ Mỹ Châu, Lệ Thuỷ, Thanh Kim Huệ, Diệu Hiền...

Năm 1968,Tết Mậu Thân, các đoàn hát không hát được vì lệnh giới nghiêm từ 10 giờ tối, nữ nghệ sĩ Kim Tuyến chính thức giã từ sân khấu cải lương để chuyển qua hoạt động ngành kịch nghệ, cô cộng tác với ban thoại kịch Kim Cương, ban kịch Bảo Ân, ban kịch Phương Nam, ban kịch Nắng Mai. Nữ nghệ sĩ Kim Tuyến thường xuất hiện trên màn ảnh nhỏ của đài truyền hình Việt Nam băng tầng số 9 qua các tuồng *Mạnh Lệ Quân, Sở Vân Cứu Giá, Bao Cồn Xứ Án Trần Thế Mỹ, Men Rượu Sa Kê, Nắng Sớm Mưa Chiều, Cạm Bẫy Đô Thành,* diễn cặp với các nam nghệ sĩ Thanh Sang, Thành Được và Kim Tuyến còn

ca nhạc tại các phòng trà, vũ trường Sàigòn như Molin Rouge, Victoria, Hồng Tá, Đồng Phát, Đường Sơn Quán Thủ Đức, Biên Hoà Club, Nha Trang hotel với nghệ danh Luynh Trang với nhạc phẩm *Sang Ngang, Lạy trời con được bình yên, Mùa Thu Lá Bay, Tình Đầu Tình Cuối...*

Năm 1972, Kim Tuyến ly dị nam nghệ sĩ Hoài Trúc Phương. Cuối năm 1979, Kim Tuyến định cư tại miền nam Cali, Hoa Kỳ. Đầu năm 1980, khi Kim Tuyến mới đến Cali, cô tham gia diễn kịch với Tuý Hồng, Bảo Ân, Hùng Cường, Mai Lệ Huyền, La Thoại Tân, Trúc Mai, Trường Hải... Kim Tuyến tham gia các hoạt động cải lương với nam nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm thu băng video *Nước Mắt Người Đi, Tuyệt Tình Ca, Đời Cô Hương, Người Đẹp Bạch Hoa Thôn, Tướng Cướp Bạch Hải Đường, Tấm Lòng Của Biển, Quân Vương và Thiếp..*

Vào khoảng cuối năm 2000, Kim Tuyến lui về giúp gia đình tại miền nam Cali , cô không tham gia các hoạt động sân khấu nữa nhưng để lại dấu ấn mạnh trong lòng người hâm mộ.

Hương Huyền

Hương Huyền - Trần Văn Hường (1947-20 ..)

Nghệ sĩ Hương Huyền tên thật là Trần Văn Hường sanh năm 1947 tại Saigon, có một người anh cũng là nghệ sĩ cải lương

kiêm soạn giả Hương Sắc tức Trần Văn Hướng, Đại Úy Tiểu đoàn 42 Chiến Tranh Chánh Trị thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân đội Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975.

Trong thập niên 50, nhiều nghệ sĩ cải lương biết danh tiếng của bà Ba Khan. Bà là một trong những người chuyên cho các bầu gánh hát và nghệ sĩ cải lương vay tiền, để lập gánh hát hoặc sắm xe hơi hay mua nữ trang đắt giá. Bà Ba Khan là chị ruột của hai nghệ sĩ Hương Sắc và Hương Huyền.

Năm 1960, bà Ba Khan xuất tiền ra lập gánh hát cải lương, lấy tên bảng hiệu là đoàn cải lương Việt Hùng-Minh Chí, tên của hai nghệ sĩ chánh đang hát ăn khách lúc bấy giờ. Bà bầu Ba Khan ngoài việc kinh doanh nghệ thuật ra, bà còn muốn dùng gánh hát đó làm nơi học nghề hát và tiến thân của hai người em ruột của bà, đó là hai nghệ sĩ trẻ Hương Sắc và Hương Huyền.

Gánh hát Việt Hùng-Minh Chí khai trương bảng hiệu với vở tuồng *Đường Lên Xứ Thái* của soạn giả Mộc Linh. Hương Sắc đóng vai cận tướng của Việt Hùng, một lãnh tướng Việt, bị thương lạc vào rừng xứ Thái, được một sơn nữ cứu trị và nên duyên. Viên cận tướng do Hương Sắc thủ diễn cũng yêu cô sơn nữ, anh ca hai câu vọng cổ thật là mùi. Nghệ sĩ Hương Huyền chỉ thủ vai vệ sĩ, đánh võ trong tuồng.

Đoàn hát Việt Hùng-Minh Chí chỉ thọ được hơn một năm rồi rã gánh vì nghệ sĩ Minh Chí tách riêng ra lập gánh hát Minh Chí. Nghệ sĩ Hương Sắc vì có bằng cấp Tú Tài nên đi học sĩ quan Thủ Đức khóa 17. Nghệ sĩ Hương Huyền gia nhập gánh hát Hương Hoa của Bầu Sinh để học hát, trong đoàn hát có các nghệ sĩ trẻ Nam Hùng, Kim Hà, Kim Hoa, con gái của nữ nghệ sĩ tài danh Tư Hélène, Hoài Dung, Hoài Mỹ.

Nghệ sĩ Hương Huyền chuyên đóng các vai kép lẵng, hài. Anh thành hôn với nữ nghệ sĩ Kim Hoa, một nghệ sĩ có triển vọng trở thành đào chánh của một gánh hát đại ban.

Vợ chồng nghệ sĩ Hương Huyền-Kim Hoa đã đi hát cho các gánh hát Thiên Hương-Bạch Vân, Thanh Hương-Hùng Minh, Thanh Minh Thanh Nga, đoàn Thống Nhất. Nữ nghệ sĩ Kim Hoa là đào chánh, Hương Huyền là kép độc lẵng, đã diễn qua các tuồng *Kiếp Chồng Chung, Lá Thắm Chỉ Hồng, Bếp Lửa Chiều Ly Biệt, Đôi Mắt Người Xưa, Yêu Trong Hoàng Hôn, Dưới Cội Bồ Đề…*

Hai nghệ sĩ Hương Huyền-Kim Hoa có con gái đầu lòng, lớn lên là nữ nghệ sĩ tài sắc Thanh Hằng, huy chương vàng giải Trần Hữu Trang năm 1991 và huy chương giải Mai vàng năm 1997.

Không hiểu vì lý do nào mà hôn nhơn của nghệ sĩ Hương Huyền và nữ nghệ sĩ Kim Hoa bị gảy đổ. Hương Huyền theo các đoàn hát lưu diễn ở miền Trung, Kim Hoa gởi con cho mẹ là nữ nghệ sĩ Tư Hélène trông nom, cô đi theo các gánh hát cải lương lưu diễn các miền đồng bằng sông Cữu Long.

Sau đó, nghệ sĩ Hương Huyền kết hôn với nữ ca sĩ tân nhạc Phương Hồng Chi và có được một con gái là Cẩm Loan.

Nữ nghệ sĩ Kim Hoa đi thêm bước nữa với nghệ sĩ cải lương Hoài Châu và có được ba con gái là nữ nghệ sĩ tài sắc Thanh Ngân, Ngân Quỳnh và Hồng Ngọc.

Sau năm 1975, nghệ sĩ Hương Huyền cộng tác với đoàn hát Thanh Minh, sau năm 1978, đổi lại là đoàn hát Thanh Nga, Hương Huyền đã hát qua các tuồng *Tấm Lòng Của Biển, Tiếng Trống Mê Linh, Bên Cầu Dệt Lụa, Thái Hậu Dương Vân Nga, Tiếng Đàn Trên Sông Tô Lịch, Những Đêm Trăn Trở, Đèn Đêm Nhỡ Lệ, …* nghệ sĩ Hương Huyền được giao cho trách nhiệm đài trưởng tức là người phụ trách sân khấu , nữ ca sĩ Phương Hồng Chi, vợ Hương Huyền được giao cho trách nhiệm ca tân nhạc hậu đài kiêm thủ quỷ phát lương trong đoàn hát.

Các nghệ sĩ Thanh Bạch, Bạch Lê, Khả Năng, Hà Mỹ Xuân, Trung Ảnh, Hương Huyền, Phương Hồng Chi, Hoàng Long, Linh Tuấn, Bảo Chiêu, soạn giả Dạ Lý, … đi vượt biên bằng đường biển và đường bộ qua rừng núi Campuchia… Các nghệ sĩ Văn Chung, Mỹ Châu, Đức Minh, Tài Linh, Ngọc Hà, nhạc sĩ Ba Tu, diễn viên kiêm nhạc sĩ Kim Nguyên… đi diện ODP, Nghệ sĩ Hương Sắc, nữ nghệ sĩ Bích Sơn, Huyền Trân được theo chồng xuất ngoại theo diện HO…

Gia đình Hương Huyền vượt biên được định cư tại Côtes D'Ivoires ở Phi Châu, rồi qua Pháp vài năm, chừng liên lạc được với Hương Sắc, vợ chồng Hương Huyền với con gái là Cẩm Loan lại một lần nửa di cư qua Hoa Kỳ.

Xuất thân là con nhà giàu nên Hương Huyền đi hát cải lương như đi dự một cuộc du ngoạn kỳ thú trong nghệ thuật sân khấu. Hương Huyền thành công dễ dàng qua các vai công tử bột chuyên tán gái hoặc các vai nhà giàu, tư sản bị phá sản vì thời cuộc. Nghệ sĩ Hương Huyền cũng diễn sắc nét các vai lẵng hề hay võ tướng trong các tuồng dã sử. Nhưng phải nói là Hương Huyền thành công nhờ bản năng sẵn có chớ chưa phải là do anh gia công nghiên cứu và tập luyện để đạt được cách thể hiện tính cách của nhân vật. Do đó khi nhắc đến nghệ sĩ Hương Huyền, giới soạn giả và những đạo diễn sân khấu sau này đều nhận xét là Hương Huyền chưa có một vai hát gọi là để đời dù anh đã hát tròn vai trong nhiều tuồng và hát trên 30 năm trên sân khấu cải lương.

Nghệ sĩ Hương Huyền thích thể thao, anh là tay vợt hữu hạng của Câu Lạc Bộ Quần Vợt ở vườn Tao Đàn. Trước và sau năm 1975, Hương Huyền là huấn luyện viên quần vợt trên sân Tao Đàn Sàigòn.

Hiện nghệ sĩ Hương Huyền định cư tại Westminster, California – miền Tây nước Mỹ. Ông có sức khỏe tốt, tự lái xe đi từ tiểu bang này sang tiểu bang khác biểu diễn và hướng dẫn đờn ca

tài tử cho khán giả kiều bào, xuất hiện trên sân khẩu Cổ nhạc Phương Nam ở quận Cam. nghệ sĩ Hương Huyền có đời sống an nhàn, cuối mỗi tuần ông đi diễn ở các tiểu bang.

Khi rảnh, ông làm tài xế chở những người lớn tuổi trong các gia đình thân quen đi đây, đi đó để có thêm thu nhập và quan trọng hơn cả là để khuây khỏa tuổi già. Năm 1995, Thanh Hằng sang Mỹ biểu diễn, cha con cô hội ngộ, ca diễn nhiều tiết mục phục vụ khán giả kiều bào.

Nghệ sĩ Hương Huyền tâm sự hiện tại mơ ước lớn nhất của ông là được về quê hương biểu diễn trong chương trình qui tụ nhiều nghệ sĩ đồng nghiệp để được sống lại những ngày tháng xưa cũ, gắn bó với khán giả chốn quê nhà.

Mộng Tuyền

Mộng Tuyền - Huỳnh Thị Kim Loan (1947-20 ..)

Mộng Tuyền tên thật là Huỳnh Thị Kim Loan, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1947 tại Cần Thơ, xuất thân trong gia đình đông con, làm nông , bà là người con thứ ba trong số 9 người con trong gia đình. Ngay từ nhỏ Kim Loan đã phải phụ gia đình chăm lo cho các em của mình.

Kim Loan bồi hồi kể: *Nhà tôi nghèo lắm. Ba má tôi có đến 8 người con, tôi là chị thứ ba nên thường được mẹ giao việc hát đưa em ngủ. Thuở còn nhỏ không hiểu sao tôi mê những bài vọng cổ qua giọng ca của các nghệ sĩ như: Hữu Phước bản "Ông giáo làng", Út Trà Ôn bản "Gánh nước đêm trăng", Thanh Sơn bản "Trái gùi Bến Cát", Thanh Hương bản "Cô bán đèn giấy hồng"... nghe và tập ca theo. Đây là đặc điểm chung của thế hệ nghệ sĩ chúng tôi, những xuất phát điểm gần giống nhau của một số đồng nghiệp cùng trang lứa như tôi, chị Lệ Thuỷ, Kim Ngọc, Bạch Tuyết, Ngọc Giàu…*

Bất ngờ một hôm có anh thầy đờn tên là Ba Cứ ở Tân Quới – Cả Vồn – Bình Minh sang làng tôi chơi, nghe tôi hát ru em, ông hỏi thăm người bạn là láng giềng của gia đình tôi, người này thuật lại hoàn cảnh của tôi, ông thương tình ngõ lời xin tôi làm con nuôi, rồi đem về Tân Quới dạy ca theo đờn.

Ông rất giỏi về đờn kìm và violon nên sau hai năm tôi đã ca rành ba nam, sáu bắc, biết ca theo nhịp đờn 20 câu vọng cổ. Năm 9 tuổi, tôi về lại Cần Thơ, ba tôi lập ban đờn ca tài tử mang tên Kim Loan, thứ bảy và chủ nhật hằng tuần biểu diễn phục vụ bà con nông dân những bài bản cải lương do ba tôi viết lời.

Năm tôi 12 tuổi, một sự kiện xảy ra trong đời tôi, đó là gánh hát Thủ Đô của ông bầu Ba Bản về rạp Minh Châu – Cần Thơ biểu diễn, ông bầu nghe tôi ca hay đã tìm đến nhà xin ba tôi cho theo đoàn hát.

Sau một năm thử sức, năm 1961, Kim Loan đầu quân cho đoàn Hoa Sen tại Sàigòn của ông bầu Bảy Cao. Còn nhỏ, chân mang giày cao gót hơn cả tấc, ngực độn cả lớp mút cho giống thiếu nữ, tập quan sát các đàn chị như Diệu Hiền, Ánh Hồng để hóa thân vào các vài người lớn. Bất ngờ nghệ sĩ Diệu Hiền – đào chánh của Hoa Sen nghỉ hát để về đoàn Thống Nhất, tôi từ vai phụ được đôn lên đóng vai chính. Và nhờ vai Huyền trong vở *Nhà chợ một đêm mưa* của soạn giả Hoàng Hiệp, vai diễn đã để lại đầy ấn tượng cho khán giả, đã đưa Kim Loan bước ra ánh sáng sân khấu nơi đô thành.

Năm 1962, Kim Loan đầu quân cho đoàn Phương Nam và thành công khi thủ vai Xuân Hoa trong tuồng *Đông về lạng xác hoa* và Phương Loan trong vở *Nửa kiếp oan thù*.

Năm 1953, được sự đưa đường dẫn lối của soạn giả Nguyễn Phương, bà bầu Thơ đã mời Kim Loan về đoàn Thanh Minh - Thanh Nga diễn chung bên cạnh một Thanh Nga tài sắc, một Ngọc Giàu hát hay, diễn giỏi, Kim Loan vẫn tỏa sáng và có vị trí của riêng mình., Kim Loan thường được giao những vai quan trọng trong các vở tuồng trên sân khấu này như vai sơn nữ Mộng Tuyền trong vở *Mùa xuân còn mãi*, vai Công chúa Ái Liễu Thi trong vở *Phương Dung hoàng hậu*, vai Tống Vân Trang trong vở *Bao Công xử án Trần Thế Mỹ* của soạn giả Nhị Kiều và nhóm Bông Lau…Chính nhờ khả năng trình diễn xuất sắc khi thủ vai vũ nữ Thu Lan trong vở *Phu tử tòng tử*, Kim Loan đã được trao tặng Huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1963, cùng năm với Bạch Tuyết, Trương Ánh Loan, Tấn Tài, Thanh Tú, Diệp Lang.

Từ sau vở *Mùa xuân còn mãi*, Kim Loan được khán giả thương mến qua vai sơn nữ Mộng Tuyền, thân phụ Kim Loan đã quyết định đổi nghệ danh cho con là Mộng Tuyền. Lúc đó Kim Loan không chịu, vì nghĩ khán giả đã quen với tên Kim Loan, nhưng vì thân phụ đã nhất quyết phải đổi, có thể để tránh trùng tên với ca sĩ Kim Loan bên tân nhạc thời bấy giờ.

Năm 1965, Mộng Tuyền gia nhập vào công ty Tiếng chuông vàng Thủ Đô - Kim Chung 1, đã tạo được ấn tượng mạnh mẽ qua vai Tô Ánh Tuyết trong vở *Mạnh Lệ Quân*, Bạch Phù Dung trong *Thượng phương bảo kiếm,..*

Năm 1966, Mộng Tuyền bắt đầu tham gia vào lĩnh vực đóng phim, bộ phim đầu tiên cô tham gia đó là phim hành động "*11 giờ 30* " của đạo diễn Lê Hoàng Hoa vai diễn đã để lại ấn tượng đặc biệt. Sau đó, Mộng Tuyền tiếp tục tham gia vào vai Loan trong *Chân trời tím*, bộ phim đã đoạt giải ba, giải vàng về văn học nghệ thuật và đạt doanh thu gần 50 triệu đồng. Rồi sau đó Mộng Tuyền tham gia vào các bộ phim như *Gánh hàng hoa, Cô Nhíp, Trang giấy mới,...*

Năm 1972, Mộng Tuyền được trao giải "Ảnh hậu xuất sắc" qua bộ phim "*Chân trời tím*".

Sau năm 1975, Mộng Tuyền đi diễn ở các đoàn: Trúc Giang, Phước Chung, Thanh Nga. Mộng Tuyền đã tham gia nhiều phim và sân khấu cải lương, hai vai diễn ở hai lãnh vực nghệ thuật cách mạng mà Mộng Tuyền nhớ nhất đó là: Vân trong vở *Bóng tối và ánh sáng* – Huy chương vàng Hội diễn Sân khấu Chuyên nghiệp toàn quốc năm 1980 tại Hải Phòng, vai bác sĩ Mai Trân – nói về bác sĩ Ngọc Phượng – bệnh viện Từ Dũ phim *Tình yêu của em* – đoạt giải Bông sen vàng năm 1982. Và đã thực hiện hai đêm live show tại Cần Thơ và Tp. HCM.

Tháng 9 năm 1988, Mộng Tuyền định cư ở Pháp, hầu như năm nào cô cũng về Việt Nam để thăm lại quê hương. và tổ chức biểu diễn các buổi biểu diễn nhỏ, live show.

Tuy là một bóng hồng tài sắc, nhưng nữ nghệ sĩ Mộng Tuyền kém may mắn trong đường tình duyên. Lúc trẻ, nhiều soạn giả, công tử, đại gia, thiếu gia... kể cả những "ông lớn" theo đuổi "người đẹp Tây Đô" này. Sau biến cố Tết Mậu Thân, Mộng Tuyền lên xe hoa với Đại tá quân đội VNCH Nguyễn Văn

Nam. Mộng Tuyền sống bên chồng với lòng biết ơn, sự trung thành, hy sinh. Thời gian này, Mộng Tuyền thường đi nhà thờ Fatima vì cô đau khổ trước những đớn đau của cuộc đời mà khi còn là một cô đào hát trinh nguyên, Tuyền không bao giờ biết được.

Mộng Tuyền tâm sự: "*Năm Mậu Thân 1968, thiết quân luật, 6 giờ chiều đã đóng cửa không cho ra đường, Mộng Tuyền không đi hát được đành phải lấy chồng để có tiền nuôi đại gia đình mấy chục con người. Nghệ sĩ hồi đó không khôn lanh như bây giờ, làm hôm nay tiêu hết hôm nay, nghỉ hát bữa nào đứt tiền bữa đó, dù catse đóng phim và đi hát được rất nhiều tiền. Chồng của Tuyền là quan chức, trước khi cưới, ông ta đã cho Mộng Tuyền một cặp táp samsonite tiền, tới 10 triệu đồng. Vàng hồi đó có 3.000 đồng một lượng, nói vậy mới thấy 10 triệu đồng lớn tới cỡ nào. Tuyền để lại tất cả tiền bạc lại cho cha mẹ, kéo theo cả đàn em qua sống nhà chồng. Tuyền không có tình yêu nhưng có sự biết ơn*".

Cuối 1973, trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đúng 18 tháng, Mộng Tuyền âm thầm dắt các em rời khỏi mái nhà chung sống với chồng, cô không về nhà cha mẹ mà thuê một căn hộ cao cấp nằm trên đường Mạc Đĩnh Chi ngày nay để sống cùng các em.

Sau năm 1975, Mộng Tuyền sống như vợ chồng với bầu Xuân đoàn Dạ Lý Hương, rồi sau đó cả hai lặng lẽ chia tay mà phần thua thiệt và mang tiếng, người đẹp này cam phận lãnh một mình.

Đến năm 1980, Mộng Tuyền tái hôn cùng một thương gia, vốn là bạn cũ, rồi cùng chồng sang Pháp sinh sống. Họ kinh doanh đồ cổ tại quận 13, Paris. Cuộc hôn nhân này tan vỡ sau 20 năm, Mộng Tuyền cô đơn một mình.

Tình yêu tưởng như đã chết trong tim của người nghệ sĩ xinh đẹp, nhưng rồi Mộng Tuyền lại gặp người chồng hiện tại và theo chồng sang Úc sinh sống. Mộng Tuyền chủ yếu ở nhà làm nội trợ, khi buồn, cô ra tiệm bán trái cây của người em để phụ giúp hoặc tham gia ca hát tại các buổi sinh hoạt của Việt kiều.

Gần đây Mộng Tuyền về lại Viêt Nam, tham gia đóng phim *Tôi là ngôi sao*, ra CD *Nhớ mãi mưa rừng*, thực hiện liveshow *Về với quê hương* rất được khán giả yêu thích.

Hiện nay Mộng Tuyền sinh sống tại Úc và kinh doanh khách sạn tại Việt Nam.

Phượng Liên

Phượng Liên - Lữ Phượng Liên (1947-20 ..)

Nghệ sĩ Phượng Liên tên thật là Lữ Phụng Liên, sanh năm 1947, tại quận Phụng Hiệp tỉnh Cần Thơ, nay là tỉnh Hậu Giang. Thân phụ cô là Hạ sĩ Nguyễn Tùng Sơn, ông bị tử trận 2 tháng sau khi có con gái đầu lòng. Người bạn thân của thân phụ cô đi làm khai sanh, nên cô mang họ của ông nầy.

Phượng Liên học trường Tiểu học Đạt Đức ở Cần Thơ. Năm cô 12 tuổi, Phượng Liên tham gia Ban Văn nghệ Tây Đô của nhà trường, nổi danh ca sĩ trong các chương trình văn nghệ học đường do nhà trường tổ chức gây quỹ giúp học bổng cho các

sinh viên nghèo trong tỉnh. Nghệ sĩ Phước Hậu phát hiện giọng ca khỏe và lạ của Phượng Liên nên dạy cho Phượng Liên ca vọng cổ. Sau đó soạn giả Điêu Huyền giới thiệu cho Phượng Liên gia nhập đoàn hát cải lương Kiên Giang. Ông trưởng ban cổ nhạc đoàn Kiên Giang dạy cho Phượng Liên ca vọng cổ và các bài bản cổ nhạc khác. Phượng Liên rất sáng dạ, đêm đêm ngồi bên cánh gà coi hát, học theo cách ca cách diễn của các nghệ sĩ trong đoàn, Phượng Liên thuộc nhiều vai tuồng nên khi có nghệ sĩ bịnh hay vắng mặt, Phượng Liên được yêu cầu hát thế vai, những lần thế vai cấp bách đó, Phượng Liên đều hát thành công.

Năm 1960, Phượng Liên gia nhập đoàn hát Tinh Hoa của bà Bầu Mười Cơ, hát vai đào nhì. Một năm sau, năm 1961, Phượng Liên đã là đào chánh của đoàn hát Tuấn Kiệt, trong tuồng Quán Trọ Hoàng Hôn, hát cặp với nghệ sĩ Tuấn Kiệt, sau này đổi tên là danh ca vọng cổ dài hơi Châu Thanh. Nữ nghệ sĩ Phượng Liên được các ký giả kịch trường tặng cho mỹ danh là Viên Ngọc Quý Miền Tây khi cô hát tuồng *Quán Trọ Hoàng Hôn* tại rạp Nguyễn Văn Hảo.

Năm 1963, nữ nghệ sĩ Phượng Liên ký hợp đồng với bà bầu Kim Chưởng về hát vai đào chánh thế cho nữ nghệ sĩ Ngọc Hương.

May mắn lớn nhứt của Phượng Liên là có được các danh sư truyền nghề hát. Lần thứ nhứt Phượng Liên được soạn giả lão thành Điêu Huyền dạy hát và bố trí cho các nhạc sĩ dạy cho cô ca. Sau đó Phượng Liên được sự chỉ dạy của soạn giả Nhựt Quang, chồng của bà bầu Mười Cơ. Và khi Phượng Liên đi gánh hát Kim Chưởng thì chính bà bầu kiêm nghệ sĩ Kim Chưởng dạy hát cho Phượng Liên. Năm 1966, Phượng Liên

đoạt được huy chương vàng giải Thanh Tâm trong vai diễn đào lẳng tuồng *Mặt Trời Đêm*, hát trên sân khấu Kim Chưởng.

Phượng Liên cao ráo, dáng điệu khoan thai, phong cách sang trọng, da trắng như tuyết, mịn như nhung, miệng cười như hoa nở, đôi mắt tình tứ, liếc bén như dao, một cô đào hội đủ các ưu điểm về "thinh" và "sắc", lại được danh sư truyền nghề hát, Phượng Liên đoạt được huy chương vàng giải Thanh Tâm là một điều có thể thấy trước. Vì được rèn luyện trong lò sân khấu tuồng chưởng và hương xa nên diễn xuất của Phượng Liên ồ ạt, sợ nguôi sân khấu. Trong thập niên 60, Phượng Liên diễn các vai đào lẳng, đào mùi, quyến rũ, duyên dáng.

Kể từ đầu thập niên 70 trở về sau, Phượng Liên diễn các vai đào mùi, đào chánh trong nhiều tuồng xã hội. Cô diễn đạt tâm lý nhân vật một cách tinh tế, lối diễn thâm trầm, sâu lắng, đào sâu tâm lý nhân vật. Phượng Liên và Thành Được xuất sắc trong các trích đoạn tuồng Tuyệt Tình Ca.

Phượng Liên từng diễn vai đào chánh, hát cặp với các nam nghệ sĩ tài danh Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm, Tấn Tài, Minh Vương, Minh Cảnh, Minh Phụng, Thanh Tú… Giọng ca của Phượng Liên vẫn giữ âm sắc tươi mát và truyền cảm, làm nên một phong cách rất riêng của Phượng Liên nên khách mộ điệu cải lương ở Hoa Kỳ gọi Phượng Liên là giọng ca vàng miền Nam Cali.

Về gia đình, năm 1964, Phượng Liên kết hôn với nghệ sĩ Diệp Lang, sanh một trai, một gái. Đến năm 1968, hôn nhơn gảy đổ. Trong thập niên 70, Diệp Lang có vợ khác, Phượng Liên bước thêm bước nữa với ông Nguyễn Đình Vinh, đại tá trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Nữ nghệ sĩ Phượng Liên cộng tác với đoàn hát Dạ Lý Hương, có những vai hát để đời qua các tuồng Trăng Thề Vườn Thúy, Cho Trọn Cuộc Tình, Cánh Hoa Chùm Gởi, Tuổi Hồng Cho Em, Tuyệt Tình Ca, Nắng Thu Về Ngõ Trúc…

Nỗi buồn duyên phận lỡ làng cuối thập niên 60 ảnh hưởng sâu sắc đến giọng ca và phong cách diễn xuất của Phượng Liên, giọng ca ngọt ngào của Phượng Liên thêm sâu lắng, ngậm ngùi và lấy được nước mắt của khán giả qua các cảnh bi thương của nhân vật mà Phượng Liên thủ diễn.

Năm 1976, Phượng Liên gia nhập đoàn cải lương Saigon 1, hát xuất sắc qua các tuồng Phụng Nghi Đình, Đời Cô Lựu, Bình Tây Đại Nguyên soái, Nghêu Sò Ốc Hến… Thời gian này Phượng Liên cố thu xếp thì giờ để đi thăm nuôi chồng là ông Nguyễn Đình Vinh bị bắt ở tù trong trại cải tạo ở núi rừng miền Bắc. Khi ông Vinh ra khỏi trại cải tạo, ông và Phượng Liên là đôi vợ chồng hợp pháp nên Phượng Liên được cùng ông Vinh đi định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO trong thập niên 1990.

Hiện nay vợ chồng cô Phượng Liên có một ngôi nhà khang trang ở gần khu Phước Lộc Thọ, cuộc sống tự do, sung túc, Phượng Liên cùng các bạn nghệ sĩ định cư ở Hoa Kỳ hát những trích đoạn cải lương hoặc ca vọng cổ gợi nhớ quê hương, có thêm thu nhập và gây quỹ từ thiện.

Tư gia của Phượng Liên hiện nay là chốn đi về của những đồng nghiệp từ xa đến hoặc từ Việt Nam sang như: Lệ Thủy, Ngọc Giàu…Đó cũng là nơi tập tuồng hàng đêm của nghệ sĩ mỗi khi có show trình diễn đó đây.

Người trong giới nói là Phượng Liên được tổ đãi, ngay bước đầu khởi nghiệp Phượng Liên đã được nhiều may mắn. Giọng ca có sức truyền cảm đặc biệt và vang lộng của Phượng Liên

cộng với cái nhan sắc trời cho của cô gái đẹp Tây Đô là bệ phóng đưa ngôi sao Phượng Liên vút cao trên bầu trời nghệ thuật.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Thanh Nguyệt

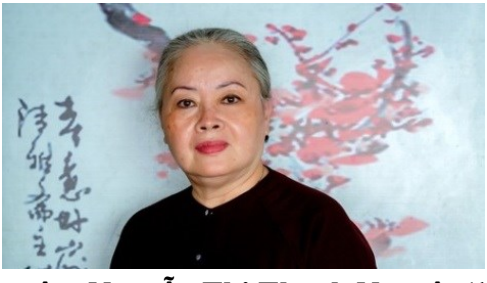

Thanh Nguyệt - Nguyễn Thị Thanh Nguyệt (1947-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Nguyệt tên thật là Nguyễn Thị Thanh Nguyệt, sanh ngày 17 tháng 9 năm 1947, ở xã Vĩnh Lợi,tỉnh Bạc Liêu. Cha là ông Nguyễn Văn Xinh, thợ xây cất nhà, mẹ là bà Vưu Thị Lành, buôn bán. Thuở nhỏ Thanh Nguyệt được vào Ban Đồng Nhi ca trong các buổi cúng lễ của Thánh Thất Cao Đài Bạc Liêu. Giọng ca của Thanh Nguyệt đã khiến cho ông nhạc sĩ đàn kìm Năm Nhu trong Thánh thất chú ý, nên ông tìm đến nhà Thanh Nguyệt để thu nhận Thanh Nguyệt làm đệ tử. Ông dạy cho Thanh Nguyệt ca đủ ba Nam, sáu Bắc và vọng cổ. Sau đó, được người bạn của cha giới thiệu Thanh Nguyệt ca trên Đài phát thanh tỉnh Bạc Liêu, mỗi tuần ca hát một lần, thính giả rất thích thú.

Năm 1962, Thanh Nguyệt được giới thiệu vào đoàn hát Hoa Sen. Ông Bầu Bảy Cao sau khi nghe thử giọng ca, ông nhận Thanh Nguyệt vào đoàn hát và giao Thanh Nguyệt cho nữ nghệ sĩ đàn tranh Tuyết Mai rèn luyện thêm theo lối ca hát trên sân khấu. Đêm đêm Thanh Nguyệt ngồi bên cánh gà, theo dõi và học các lối diễn của các nghệ sĩ đàn anh đàn chị.

Đoàn hát Hoa Sen của ông bầu Bảy Cao là một đoàn hát đại ban, lúc đó Hoa Sen đã không còn hát các tuồng chiến tranh mà chuyển qua diễn các tuồng xã hội cận đại như: *Bến hẹn năm xưa, Sanh Dưỡng đạo đồng, Người thám tử què, Người Mẹ Việt Nam*.... Thành phần diễn viên thời đó có: Bảy Cao, Việt Kiều, Minh Luông, Huỳnh Minh, Tuấn Kiệt, Vân Nam, Điền Sơn, Đắc Thành, hề Văn Hường, Phượng Hoàng,… về nữ diễn viên có Kim Luông, Ngọc Hạnh, Ánh Hồng, Diệu Hiền, Kim Loan, Thùy Lan…. Đào chánh đoàn Hoa Sen, nữ diễn viên Ngọc Hạnh bất ngờ xin nghĩ, ông Bầu Bảy Cao cấp tốc tập cho Thanh Nguyệt thế vai của Ngọc Hạnh trong tuồng *Bến hẹn năm xưa*. Lần đầu tiên bước ra sân khấu, Thanh Nguyệt lại phải hát thế một vai đào chánh, nhờ từ lâu Thanh Nguyệt theo dõi và học tuồng bên cánh gà nên Thanh Nguyệt thành công trong vai diễn. Ông Bầu Bảy Cao giao cho Thanh Nguyệt hát chánh thêm trong các tuồng *Sanh dưỡng đạo đồng*, *Người mẹ Việt Nam.*

Do tiền lương ở Hoa Sen thấp và không có Hợp Đồng, nên năm 1964, Thanh Nguyệt cần tiền giúp cho gia đình, đã rời đoàn Hoa Sen đầu quân cho đoàn Kim Chưởng với Hợp đồng 20.000 đồng trong 2 năm.

Lúc đó đoàn Kim Chưởng có các diễn viên: Phương Quang, Thanh Nhàn, Trường Xuân, Dũng Thanh Lâm, Diệp Lang, Phi Hùng, Hề Minh, hề Vui…Về dàn nữ diễn viên có: Phượng Liên, Trương Ánh Loan, Kim Liên, Thanh Nguyệt…

Thanh Nguyệt đã hát qua những vở: *Người gọi đò bên sông* vai Nhật Thường Dung, *Mười đêm hương lửa* vai Cát Dung, *Quỷ Bảo* vai Thất Hồn Nhân… Và Thanh Nguyệt nổi danh qua vai Tiểu Long Nữ trong tuồng *Song long thần chưởng*, do đó được giới thiệu tham gia giải Thanh Tâm năm 1964.

Đến vòng chung kết, nghệ sĩ Thanh Nguyệt đứng hàng thứ ba, sau nghệ sĩ Lệ Thủy và Thanh Sang. Năm 1964, giải thưởng

Thanh Tâm chỉ phát hai giải Huy chương vàng nên Lệ Thủy và Thanh Sang được trao giải. Thanh Nguyệt rớt năm đó và phấn đấu cho năm kế tiếp. Thanh Nguyệt nổi danh qua vai Gia Cát Anh, tuồng *Thiên hạ đệ nhất kiếm* và đúng như lời dự đoán của báo giới và công chúng năm 1965 Thanh Nguyệt đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm.

Soạn giả Nguyễn Phương nhận xét: "Chỉ sau ba năm đi hát qua hai đoàn Hoa Sen và Kim Chưởng, nữ nghệ sĩ Thanh Nguyệt đã vinh dự đoạt được huy chương vàng giải Thanh Tâm, một giải thưởng sân khấu mà các nam nữ nghệ sĩ cải lương đều mơ ước.

Buổi phát giải Thanh Tâm 1965, Thanh Nguyệt hát trên sân khấu Dạ Lý Hương vở *Bụi mờ ải nhạn*, được khán giả và ký giả kịch trường nhiệt liệt khen ngợi.

Năm 1966, hết hợp đồng với Kim Chưởng, Bầu Long Kim Chung mời Thanh Nguyệt về hát với 250.000 đồng, hát trong đoàn Kim Chung 1 với các nghệ sĩ Kim Chung, Bích Hợp, Kim Tuyến, Như Ngọc, Tấn Tài, Thanh Hải, Hoài Trúc Phương, Minh Đạt, Ngọc Toàn, Quang Hữu, hề Văn Hường và Ba Hội. Thanh Nguyệt đã hát ở đoàn Kim Chung 1 các tuồng: *Đường Minh Hoàng – Dương Quí Phi, Lưới tình, Kiếm khách Cao Đại Sơn, Thoại Ba công chúa, Tóc gởi sân chùa….*

Đến năm 1968, Thanh Nguyệt sang hát ở đoàn Kim Chung 5 qua các tuồng: *Bão cát, 14 đêm tình, Thằng điên và nàng công chúa*.

Năm 1971, Thanh Nguyệt cộng tác với đoàn Thái Dương của bà Bầu Tiêu Thị Mai và năm 1972, được mời đi biểu diễn cải lương ở Hội Chợ nước Lào.

Năm 1974, hát ở đoàn Tiếng Hát Dân Tộc của bầu Năm Cư các tuồng: *Tuổi hồng cho em, Chuyện tình An Lộc Sơn, Mạnh Lệ Quân, Mùa thu lá bay….*

Sau năm 1975, Thanh Nguyệt về hát cho các đoàn hát Trung Hiếu, Thanh Minh, Saigon 1, Trần Hữu Trang, đoàn 2-84 và thu nhiều vở vidéo cải lương như: *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài, Qua cầu đắng cay, Lan và Điệp, Nước biển mưa nguồn…*".

Nghệ sĩ Thanh Nguyệt được mời thu video cải lương rất nhiều, chuyên đóng các vai bà mẹ nông dân suốt đời chịu thương chịu khó hy sinh vì chồng vì con. Với phong cách diễn xuất chân thật, giọng ca trầm ấm, lấy nước mắt khán giả, nên Thanh Nguyệt được các đạo diễn tin cậy, mời hóa thân vào các số phận bà mẹ hiền, gặp nhiều bi kịch.

Thanh Nguyệt gá nghĩa với soạn giả Mộc Linh, một soạn giả nổi danh trong giới cải lương, có một con trai tên Thế Phi. Tuy nhiên cuộc hôn nhân này đã không kéo dài. Sau đó nhiều năm, Thanh Nguyệt tái giá với nghệ sĩ Quốc Nhĩ, đồng nghiệp trong đoàn hát Thanh Minh. Quốc Nhĩ rất thương Thế Phi, chăm sóc dạy dỗ như con ruột của mình. Thế Phi cũng yêu thương Quốc Nhĩ như cha ruột của mình.

Thế Phi có thời gian học hát trong đoàn Đồng Ấu Trần Hữu Trang, hợp cùng với Bảo Ngọc thành một cặp diễn viên đầy triển vọng. Thế Phi sáng tác nhiều kịch bản cải lương như: *Khúc nhạc tương phùng*, được thu vidéo và được khán giả và báo chí ngợi khen. Thế Phi đã nối nghiệp cha làm nghề soạn giả tuồng cải lương.

Hiện nay hai vợ chồng Thanh Nguyệt - Quốc Nhĩ là một cặp vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm. Hai anh chị thường có mặt trong các show diễn cải lương hoặc cùng đèo nhau đi hát chùa gây qủy từ thiện. Giới nghệ sĩ và khán giả quen biết rất ái mộ cuộc

sống hạnh phúc và chuyên làm việc từ thiện của Thanh Nguyệt và Quốc Nhĩ. Thanh Nguyệt vẫn thường xuyên tham gia biểu diễn các vở tuồng về Phật giáo do Đoàn Thanh Nga tổ chức. Ngoài ra còn tham gia thu âm bài ca cổ, bài bản cải lương trên sóng Đài Tiếng nói Nhân dân Tp. HCM.

Nhiều năm sau này, tên tuổi NSƯT Thanh Nguyệt gắn liền với bảng hiệu 2-84, và chị đã tạo nhiều dấu ấn trên sân khấu này. Với Thị Bình trong *Lôi Vũ* do NSND Diệp Lang dàn dựng Thanh Nguyệt được khán giả yêu mến. Sau đó Thanh Nguyệt tiếp tục sáng tạo xuất sắc vai bà mẹ bị mù của nàng Xuân Tự trong vở *Áo cưới trước cổng chùa*. Bên cạnh những vai bà mẹ hiền hậu, khắc khổ, Thanh Nguyệt còn hóa thân vào những dạng vai lẳng - độc và tạo được thành công nhất định như: Cô Ba trong vở *Kiếp chồng chung* diễn năm 1990, Bà mẹ từ nước ngoài về trong vở *Lời ru của biển* diễn năm 1991....

Năm 1994 Thanh Nguyệt xuất hiện trong vở *Cơn lũ* của đoàn Văn Công 2 Tp. HCM bên cạnh Châu Thanh, Mỹ Thu... Năm 2005, thanh Nguyệt đóng vai bà Hai Hương trong *Đời cô lựu* tại rạp Hưng Đạo, thay thế Ngọc Giàu rất"ngọt".

Giờ đây, sàn diễn cải lương ngày bị thu hẹp, Thanh Nguyệt tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực phim truyền hình. HTV đang thực hiện vở cải lương truyền hình *Tấm lòng của biển,* Thanh Nguyệt được mời đóng vai bà mẹ. Bên cạnh đó Đài Truyền hình Tp. HCM đã phát sóng vở cải lương *Áo cưới trước cổng chùa* - vai diễn để đời của Thanh Nguyệt. Ở tuổi 69, nghệ sĩ Thanh Nguyệt vẫn giữ được gương mặt đậm nét phúc hậu.

Ngoài việc tham gia ca tài tử, diễn chương trình cổ nhạc như *Vầng trăng cổ nhạc* của HTV, Thanh Nguyệt thường được những chương trình quảng cáo mời đóng các vai nội ngoại trong một gia đình hạnh phúc.

(Xem *Áo cưới trước cổng chùa* trang 142)

Lệ Thủy

Lệ Thủy - Trần Thị Lệ Thủy (1948-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Lệ Thủy tên thật là Dương Thị Lệ Thủy, về sau đổi thành Trần Thị Lệ Thủy, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1948 trong một gia đình nông dân nghèo tại làng Đông Thành, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Mẹ làm nghề chầm lá, cha đi làm thuê. Hồi Lệ Thủy ba tuổi, nhà của Ba Má Lệ Thủy bị cháy, hai ông bà bỏ xứ sở, lên Sàigòn tìm kế sinh sống. Ba của Lệ Thủy làm lao công trong Thảo Cầm Viên, má của Lệ Thủy nấu cơm tháng cho phu khuân vác ở bến tàu quận Tư. Gia đình có 8 chị em, Lệ Thủy là chị cả

Lệ Thủy học trường Tiểu học Khánh Hội. Vì nhà nghèo, Lệ Thủy ngoài giờ học, về nhà phải coi em, giử em để cho Má Lệ Thủy nấu cơm tháng cho người ta. Hàng ngày Lệ Thủy bồng em ra ngang hông chợ Khánh Hội để dổ em, đút cơm cho em ăn. Bên hông chợ có một tiệm sửa radio, người chủ tiệm ngày nào cũng hát dĩa bài vọng cổ " Cô bán đèn hoa giấy" của cô Thanh Hương ca.

Nữ nghệ sĩ Thanh Hương là con của nghệ sĩ Năm Châu và cô Tư Sạng, Thanh Hương thừa hưởng được chất giọng ca rất ngào ngào của mẹ nên cô ca bài "Cô Bán Đèn Hoa Giấy" cũng rất mùi, rất ngọt. Lệ Thủy nghe riết rồi thuộc lòng và bắt chước theo cách ca của cô Thanh Hương.

Tư Long, người ở lối xóm, có một ban văn nghệ đang hoạt động trong vùng, nghe Lệ Thủy ca tốt giọng, xin cho Lệ Thủy ca trong Ban Văn Nghệ. Được Ba Má cho phép, Lệ Thủy theo Ban Văn Nghệ của Tư Long và nhờ ông Năm Truyền là thợ hớt tóc trong xóm, đờn đàn kìm dạy cho Lệ Thủy ca cổ nhạc.

Sau đó, Lệ Thủy được gửi sang học bài bản cải lương 3 Nam, 6 Bắc với nhạc sĩ Tám Đen. Lúc đó, các em của Lệ Thủy liên tục đau ốm, gia đình nợ nần tứ phía. Không tiếp tục đến trường được do không có khai sinh, Lệ Thủy phải làm việc sớm để phụ giúp gia đình và quyết định xin đi theo làm việc cho gánh Trâm Vàng ở Biên Hòa, Đồng Nai để đỡ gánh nặng cho ba má.

Với bài ca cổ *Cô gái bán đèn hoa giấy*, đầu tiên qua việc ngâm thơ hậu trường, đóng những vai kép con trên sân khấu. 13 tuổi, Lệ Thủy thế vai kép con trên đoàn Trâm Vàng. 14 tuổi, Lệ Thủy đóng các vai đào nhì. Một thời gian sau, Lệ Thủy rời Trâm Vàng để về Công ty Kim Chung của ông bầu Trần Viết Long, một đại bang có 7 đoàn hát. Tại sân khấu này, Lệ Thủy đã được soạn giả Ngọc Văn nhận làm con nuôi, ông viết nhiều kịch bản đưa Lệ Thủy vào đóng từ vai phụ cho đến vai chính

Sau những bước đầu tiên tạo được ấn tượng, ông bầu Trần Viết Long lập đoàn Kim Chung 3. Lệ Thủy chuyển sang đây diễn chung với nghệ sĩ Thanh Hải trong vở *Bẽ bàng duyên mới* của soạn giả Ngọc Văn. Tên tuổi của Lệ Thủy bắt đầu nổi lên, trở thành cô đào chính sáng giá lúc vừa tròn 15 tuổi.

Sau đó, Lệ Thủy hát ở đoàn Kim Chung 5, tại đây Lệ Thủy đóng cặp với Minh Phụng tạo thành cặp đào – kép ăn ý, được báo chí thời đó phong tặng là cặp "Bão biển" vì mang lại doanh thu cao cho đoàn qua các vở *Xin một lần yêu nhau, Đêm lạnh chùa hoang, Kiếp nào có yêu nhau,...*

Năm 1964, Lệ Thủy doạt huy chương vàng Giải Thanh Tâm, cùng với Thanh Sang

Năm 1974, đoạt Giải Kim Khánh của nhật báo Trắng Đen, giải nầy được tổ chức phát giải từ năm 1973.

Năm 1975, Lệ Thủy gắn bó với Đoàn văn công Thành phố Hồ Chí Minh qua các vở diễn *Cây sầu riêng trổ bông*, *Tiếng sóng Rạch Gầm*, *Khi bình minh trở lại...*

Tháng 2 năm 1984, Lệ Thủy được vinh dự tham gia Đoàn nghệ sĩ lưu diễn Tây Âu cùng với nghệ sĩ Bạch Tuyết, Diệp Lang, Ngọc Giàu, Minh Vương,... với các vở diễn *Đời cô Lựu*, *Câu thơ yên ngựa,...* Báo chí thời đó gọi là "đem chuông đi đánh xứ người" đầu tiên sau sự kiện 30 tháng 4 năm 1975. Sau chuyến đi, các nghệ sĩ trong đoàn đã hợp lại và thành lập Đoàn nghệ thuật 2-84. Vở *Tô Ánh Nguyệt* và *Đời cô Lựu* là hai vở tuồng khai trương cho đoàn 2-84. Ở sân khấu này, Lệ Thủy đã diễn vở tuồng *Tô Ánh Nguyệt*, *Áo cưới trước cổng chùa*, *Trắng hoa mai*, *Kiếp chồng chung*, *Lôi vũ,...*

Những năm đầu 1990, Lệ Thủy chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực video cải lương. Một số vở cải lương từng gắn với tên tuổi nghệ sĩ Lệ Thủy khi hát ở đoàn Kim Chung 5 trước năm 1975 cũng được quay video như *Đêm lạnh chùa hoang*, *Tây Thi*, *Máu nhuộm sân chùa*, *Kiếp nào có yêu nhau*, *Băng Tuyền nữ chúa*,.... Sau thập niên 1990, nghệ sĩ Lệ Thủy đi lưu diễn thường xuyên ở các tỉnh miền Tây, các vùng sâu, đem tiếng hát của mình gần hơn với khán giả nông thôn.

Sân khấu cải lương ngày càng gặp nhiều khó khăn. Lệ Thủy cùng Diệp Lang và Minh Vương thành lập chương trình *Những dấu ấn không phai* trực thuộc Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang quy tụ các nghệ sĩ tham gia biểu diễn các vở tuồng kinh điển ngày xưa. Các vở diễn của chương trình như *Giấc mộng đêm xuân*, *Tình mẫu tử*, *Một ngày làm vua*, *Đêm giao thừa,...* Năm 2008, chương trình được hoạt động với tên gọi là nhóm xã hội hóa "Sân khấu vàng" trực thuộc Nhà hát Trần Hữu Trang nhằm tập hợp các nghệ sĩ tham gia biểu diễn đồng thời

doanh thu từ chương trình dành vào cho hoạt động xây tặng nhà tình thương. Đến nay, "Sân khấu vàng" do Lệ Thủy và Minh Vương thành lập đã dựng các vở diễn như *Sông dài*, *Lá sầu riêng*, *Một ông hai bà*, *Đêm lạnh chùa hoang,...* đã trao tặng hơn 30 căn nhà tình thương cho các gia đình khó khăn.

Hiện tại, Lệ Thủy vẫn cộng tác thường xuyên với Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang trong các chương trình biểu diễn phục vụ công chúng và tham gia đi show ở các tỉnh thành.

Lệ Thủy có nhiều vai diễn để đời như: Vai Hồ Bảo Xuyên trong vở tuồng *Đêm lạnh chùa hoang*, vai Hạnh trong vở tuồng *Cây sầu riêng trổ bông*, vai Nguyệt trong vở tuồng *Tô Ánh Nguyệt*, vai Kim Anh trong vở tuồng *Đời cô Lựu*, vai Thiên Kiều trong vở tuồng *Trắng hoa mai*, vai Xuân Tự trong vở tuồng *Áo cưới trước cổng chùa*, vai Hồ Như Thủy trong vở tuồng *Xin một lần yêu nhau*, vai Hạnh trong vở tuồng *Cây sầu riêng trổ bông,* vai Chu Chỉ Nhược trong vở tuồng *Cô gái Đồ Long,* vai Chung Vô Diệm trong vở tuồng *Dạ Xoa hoàng hậu*, vai Xuyên Đảo Phương Tử trong vở tuồng *Dốc sương mù,* vai Mai Đình trong vở tuồng *Hàn Mặc Tử* , vai Hoa Mộc Lan trong vở tuồng *Hoa Mộc Lan tùng chinh,* vai Hương trong vở tuồng *Kiếp chồng chung*, vai Quế Minh trong vở tuồng *Kiếp nào có yêu nhau*, vai Diệu trong vở tuồng *Lá sầu riêng*, vai Thắm trong vở tuồng *Lá trầu xanh*, vai Lan trong vở tuồng *Lan và Điệp,* vai Lỗ Tứ Phượng trong vở tuồng *Lôi vũ*, vai Bạch Thiên Nga trong vở tuồng *Máu nhuộm sân chùa,* vai K'Lai trong vở tuồng *Mưa rừng,* vai Bạch Thiên Hương trong vở tuồng *Mùa xuân ngủ trong đêm*, vai Cát Mộng Thiên Lan trong vở tuồng *Người phu khiêng kiệu cưới,* vai A Khắc Thiên Kiều trong vở tuồng *Người tình trên chiến trận*, vai Diệu trong vở tuồng *Nửa đời hương phấn*…

Lệ Thủy đã hát, diễn chung với các nghệ sĩ như : Minh Vương, Minh Phụng, Út Bạch Lan, Thanh Tuấn, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Thanh Sang, Bảo Quốc, Thanh Ngân, Phượng Hằng,

Trọng Hữu, Minh Cảnh, Tấn Tài, Huyền Trang, Phi Nhung, Diệp Lang, Thanh Kim Huệ, Ngọc Giàu, Trọng Phúc, Mỹ Châu,...

Lệ Thủy kết hôn với trung úy Nguyễn Dương Trúc năm 1972. Năm 1973, sanh ra đứa con gái đầu lòng, đặt tên là Nguyễn Dương Thụy Hiếu. Năm 1975, Trung úy Trúc cũng như bao nhiêu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa khác bị học tập cải tạo tập trung. Lệ Thủy được đoàn Văn Công mời cộng tác, nhân dịp nầy cô xin bảo lảnh cho chồng ra khỏi trại tập trung, về làm thơ ký kế toán trong đoàn hát.

Năm 1979, Lệ Thủy sanh con trai, đặt tên là Nguyễn Dương Đình Trí. Năm 1982, Lệ Thủy sanh con trai khác, đặt tên là Nguyễn Dương Quốc Bảo. Cô gái lớn Thụy Hiếu, học Đại Học Quản Trị Kinh Doanh ở Melbourne, nước Úc, làm việc cho ngân hàng Bendigo, có chồng và định cư Úc. Nguyễn Đình Trí tốt nghiệp Bằng Ngoại Thương và Kế Toán ở Úc, trường Victoria University. Lệ Thủy sợ con ở lại bên Úc giống như Thụy Hiếu. Đình Trí sáng tác bài Tân Cổ giao duyên *Tha Hương* cho mẹ ca để mẹ yên lòng là Đình Trí sẽ trở về với mẹ.

(Xem *Đôi mắt người xưa* trang 123)

Thanh Tòng

Thanh Tòng - Nguyễn Thanh Tòng (1948-2016)

Nghệ sĩ Thanh Tòng tên thật là Nguyễn Thanh Tòng, sinh năm 1948, tại Sàigòn. Ông xuất thân từ gia tộc Vĩnh Xuân ban, bắt nguồn từ đoàn hát lấy theo tên tổ phụ và tổ mẫu là kép Vĩnh và đào Xuân. Ông nội ông là Nguyễn Văn Thắng, con của kép Vĩnh và đào Xuân, còn được biết với biệt danh bầu Thắng hay kép Hai Thắng, một nghệ sĩ hát bội lừng danh đầu thế kỷ 20. Thân sinh của ông là nghệ sĩ Minh Tơ, tên thật là Nguyễn Văn Tơ. Tính từ bầu Thắng thì Thanh Tòng được tính là thế hệ thứ 3 của gia tộc Vĩnh Xuân Ban cũng được sánh gần ngang bằng Ngũ đại ban của sân khấu cải lương Việt Nam.

Thanh Tòng là người con thứ 4 trong gia đình nghệ sĩ Minh Tơ. Do ảnh hưởng gia đình, từ nhỏ ông đã sớm tiếp cận môi trường nghệ thuật. Năm lên 3 tuổi, ông lần đầu tiên trình diễn trên sân khấu cùng ông nội trong vở *Hoàng Phi Hổ quy Châu* và *San Hậu*. Năm lên 6, ông được cha cho đi học cải lương, tân nhạc, nhảy thiết hài. Năm lên 10, ông được giao hát vai Lữ Bố trong đoàn Đồng ấu Minh Tơ.

Năm lên 11 tuổi, Thanh Tòng được các ký giả Sàigòn thời đó phong cho danh hiệu "thần đồng sân khấu" và diễn được đủ vai, từ văn tới võ, hát bội cũng hay, mà ca cải lương cũng ngọt. Bất cứ nghề nào có liên quan đến sân khấu là ông đều học hỏi am tường.

Năm 14 tuổi, Thanh Tòng học đàn cổ và những trích đoạn kinh điển. Năm 20 tuổi, ông gia nhập đoàn Minh Tơ và trở thành tác giả kịch bản của nhiều vở tuồng như: *Dưới cờ Tây Sơn, Thanh gươm và nữ tướng, Gió lộng bến Bình Than* và con đường nghệ thuật của ông bắt đầu từ đây. Ông đã dàn dựng vở *Bao Công vô lò gạch tra án Quách Hòe* trên sân khấu Khánh Hồng - Minh Tơ như khởi nghiệp cho nghề đạo diễn về sau.

Ông để lại ấn tượng sâu sắc trong khán giả với nhiều vai diễn đa tính cách. Năm 1968, báo chí thời đó phong ông là "Vua cải

lương Hồ quảng". Những vở *Phạm Lãi – Tây Thi, Võ Tòng sát tẩu* của ông được khán giả yêu thích...

Năm 2007, Thanh Tòng được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

Những vở cải lương nghệ sĩ Thành Tòng đã tham gia trình diễn: *Tô Ánh Nguyệt, Đời cô Lựu, Lữ Bố hí Điêu Thuyền, Thần nữ dâng ngũ linh kỳ, Phụng Nghi Đình, Bức ngôn đồ Đại Việt, Gánh cải Trạng Nguyên, Lý Đạo Thành xử án Thượng Dương, Thầy bói gả con,* đ óng vai thầy bói.

Thanh Tòng thuộc thế hệ thứ ba của đại gia đình cải lương tuồng cổ nổi tiếng ở miền Nam. Ông nội của Thanh Tòng là bầu Thắng, còn cha là nghệ sĩ Minh Tơ. Các tên tuổi như: Bạch Lê, Bạch Lựu, Bạch Lý, Bạch Long, Thành Lộc, đạo diễn Phượng Hoàng,... là em cô cậu ruột của ông. Tú Sương, Trinh Trinh, Thanh Thảo... là các cháu của ông. nghệ sĩ Quế Trân là con gái của nghệ sĩ Thanh Tòng.

Nghệ sĩ Thanh Tòng qua đời sáng ngày 22 tháng 9 năm 2016 tại Tp. HCM, Thọ 68 tuổi.

(Xem *Áo cưới trước cổng chùa* trang 142)

Đức Lợi

Đức Lợi - Huỳnh Văn Lợi (1948-2005)

Nghệ sĩ Đức Lợi, tên thật là Huỳnh Văn Lợi, sanh năm 1948 tại Saigon.Đức Lợi học hát trong đoàn Đồng ấu Trường Thành, được nghệ sĩ hát bội lão thành Mười Vàng truyền nghề và đặt cho nghệ danh Đức Lợi.

Sau đó Đức Lợi đầu quân hát cho đoàn Chánh Thành của ông bầu Huỳnh. Đoàn Chánh Thành nhiều lần thay đổi bảng hiệu, đó là đoàn Kim Mai, rồi Thanh Bình – Kim Mai.

Khi ông bầu Huỳnh cộng tác với ông bầu Tư Lù lập thành bốn đoàn Thanh Bình – Kim Mai thì Bạch Mai, Đức Lợi, Ngọc Đáng và Thanh Bạch là bốn diễn viên chánh của đoàn Thanh Bình – Kim Mai 1, hát thường trực tại đình Nhơn Hòa Cầu Muối.

Bạch Mai và Đức Lợi thường hát cặp với nhau hai vai chánh, cảm tài mến sắc của nhau và vì cùng hát chung với nhau lâu năm trên sân khấu Thanh Bình – Kim Mai nên hai bên sanh tình cảm, được cha mẹ đứng ra tác thành nhân duyên.

Bạch Mai - Đức Lợi có bốn người con : Ngọc Thu. Chinh Nhân, Ngọc Thanh và Bình Tinh. Ngọc Thu và Ngọc Thanh không theo nghề hát của cha mẹ.

Về nghệ thuật ca diễn, nghệ sĩ Đức Lợi thon gọn, khi đóng những vai võ tướng, đông tác đẹp biểu lộ được tính cách uy vũ của nhân vật, giọng ca của Đức Lợi rất êm, giống như giọng ca của Hữu Phước, chỉ tiếc là giọng ca của Đức Lợi mõng hơi hơn nên đóng các vai tuồng cổ, Đức Lợi thành công dễ dàng vì phần lớn giọng ca của các diễn viên tuồng cổ thường hay khàn hơi bể giọng.

Đóng tuồng xã hội, Đức Lợi ca rất ngọt nhưng anh chỉ hát được tuồng xã hội khi anh đi đoàn hát cải lương Saigon 3, ngoài ra thì anh ít có dịp được hát tuồng xã hội.

Ở đoàn cải lương Saigon 3 và đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, Đức Lợi nổi danh qua các tuồng xã hội *Một Cuộc Giải Phẩu, Quán Hương Tràm, Tấm Cám, Anh Hùng Bán Than, Đường Về Núi Lam* và đặc biệt nổi bậc nhất là vai Nguyễn Huệ trong tuồng *Mặt Trời Đêm Thế Kỷ.*

Vai tuồng nầy đã mang lại cho Đức Lợi Huy Chương Vàng diễn viên xuất sắc trong Hội Diễn Sân Khấu Chuyên Nghiệp toàn quốc năm 1995.

Từ những năm 1964, 1965, Đức Lợi đã nổi danh trong các vai kép chánh của đoàn Thanh Bình – Kim Mai ở đình Nhơn Hòa Cầu Muối và được nhiều khán giả ái mộ qua các show phát trên đài Truyền Hình Saigon của các Ban Khánh Hồng, Ban Phụng Hảo và Ban cải lương tuồng cổ Huỳnh Long. Cuộc sống của đôi tài danh Đức Lợi Bạch Mai rất sung túc, lương đã cao mà còn được khán giả tặng nhiều tiền và nhiều quà.

Sau năm 1975, Đức Lợi cũng được khán giả ái mộ nồng nhiệt khi anh cộng tác với đoàn cải lương Saigon 3 và đoàn Huỳnh Long.

Sau năm 1990, thời kỳ cởi mở, những tuồng tích bị cấm trước đó được cho phép hát lại. Các tuồng cải lương hồ quảng cũng được cho hát rộng rải, Nghệ sĩ Bạch Mai - Đức Lợi quy tụ những nghệ sĩ nhà nghề, bà con với bà bầu Ngọc Hương, họ hợp tác với nhau để vực dậy đoàn Huỳnh Long. Bạch Mai, Đức Lợi đứng ra vay tiền để xây dựng lại gánh hát.

Con của Đức Lợi Bạch Mai có Chinh Nhân là nghệ sĩ đoạt huy chương vàng diễn viên giải Trần Hữu Trang năm 1996. Nữ nghệ sĩ Bình Tinh diễn các vai nữ tướng, võ tướng phong cách rất uy nghi oai dõng nhưng khi đóng các vai thiếu nữ, mệnh phụ phu nhơn thì động tác và phát âm lời thoại còn cứng, thiếu tính cách dịu dàng nữ tính.

Theo báo Sân Khấu số 393 ngày 5 tháng 8 năm 1998, ngay trong hậu trường của rạp Đai Đồng, đường Cao Thắng, quận Ba, tên xã hội đen Năm Giao, kẻ chuyên cho vay bốc lột và khống chế các nghệ sĩ cải lương, hăm giết và gạch mặt Bạch Mai Đức Lợi.

Hai đứa con nghệ sĩ của hai nạn nhân Bạch Mai Đức Lợi phải quỳ gối lạy tên Năm Giao ngay trong hậu trường sân khấu để xin tên đồ tể nầy đừng hành hung cha mẹ của hai em. Bạch Mai và Đức Lợi phải bỏ gánh hát, trốn xuống tỉnh, mỗi người đi trốn một nơi.

Vay nợ lập gánh hát thì con số mượn không nhỏ nên số lời thật cao, khi trả không nổi thì số lời biến thành số nợ, cứ vậy mà trọn đời làm mọi cho Năm Giao cũng không bao giờ hết nợ.

Năm Giao đã đánh đập nghệ sĩ, chẳng những ở đoàn Huỳnh Long mà còn có nghệ sĩ ở các đoàn hát khác vì con bạch tuột Năm Giao đã đưa vòi tới đó, có người bị bọn chúng nó hãm hiếp mà không ai dám thưa gởi. Không hiểu sao cán bộ trưởng đoàn và công an khu vực cũng mặc nhiên tuy biết là có nhiều nghệ sĩ bị hành hung mà họ không can thiệp hay không báo cáo lên trên.

Không biết có nghệ sĩ nào đã gởi đơn đầu cáo lên Công An thành phố nên Năm Giao và đồng bọn bị bắt với tang chứng vật chứng đầy đủ trong đêm 23 tháng 7 năm 1997, chấm dứt mấy năm kinh khủng trong giới nghệ sĩ cải lương dưới móng vuốt của bọn du đảng Năm Giao.

Đức Lợi và Bạch Mai ly dị nhau, một phần cũng khởi đầu từ chuyện Đức Lợi phải bỏ Saigon trốn nợ, anh đến một vùng xa xôi hẻo lánh, hy vọng bọn Năm Giao không biết để đừng bị chúng nó bắt lại hay giết chết. Có lẽ vì nhờ sự bảo bọc của một cô gái nào đó nơi anh lẩn trốn, nên Đức Lợi bước thêm bước nữa khiến cho buồn lòng vợ nhà.

Đức Lợi bị bịnh nan y, nghèo đói và thất nghiệp, đi hát ở quán nghệ sĩ để sống cầm hơi. Hội Ái Hữu Nghệ sĩ tổ chức hát gây quỷ giúp nghệ sĩ nghèo yếu neo đơn, Đức Lợi được mời đến rạp Hưng Đạo nhận hai triệu đồng Việt Nam, lúc ra về anh bị xe Honda tông té, bị chấn thương sọ nảo, nằm hôn mê một tháng sau thì từ trần. Lễ an táng nghệ sĩ Đức Lợi tại nghĩa trang nghệ sĩ Gò Vấp ngày 23 tháng 9 năm 2005. Thọ 57 tuổi.

Bạch Mai

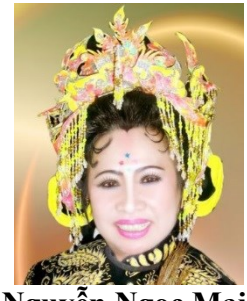

Bạch Mai - Nguyễn Ngọc Mai (1948-20 ..)

Bạch Mai tên thật là Nguyễn Ngọc Mai, sanh năm 1948 tại Sàigòn, con của đôi nghệ sĩ hát bội Bảy Huỳnh và Ngọc Hương, bầu của gánh hát Thanh Bình – Kim Mai và sau đổi tên bảng hiệu là gánh hát tuồng cổ Huỳnh Long. Bạch Mai bái nữ nghệ sĩ Năm Thài, đào chánh của gánh hát Chánh Thành làm sư phụ.

Nữ nghệ sĩ Năm Thài là một nghệ sĩ chuyên hát cương, gặp bất cứ vai tuồng nào, tình huống kịch như thế nào, cô cũng ứng khẩu hát cương được, văn chương lưu loát, có vần có điệu như thể là cô hát tuồng đã được soạn giả sáng tác đàng hoàng.

Bạch Mai học thuộc lòng những câu hát của cô Năm Thài, ngoài ra từ nhỏ đến năm 14 tuổi, Bạch Mai hàng đêm ngồi bên cánh gà coi hát, học theo điệu múa, cách ca của nhiều nghệ sĩ tài danh trong đoàn. Năm 13 tuổi Bạch Mai đã ra sân khấu hát những vai đào con.

Năm Bạch Mai được 15 tuổi, cô Năm Thài làm khó gánh hát, đòi tăng lương không được nên nghĩ hát. Đêm đó hát tuồng *Mạnh Lệ Quân thoát hài*, không có nghệ sĩ nào dám thế tuồng vì sợ hát không bằng cô Năm Thài, Bạch Mai xin cha mẹ cho cô được đóng vai Mạnh Lệ Quân thế cô Năm Thài để cứu vản tình trạng không có nghệ sĩ hát trong đêm đó.

Không ngờ đêm đó Bạch Mai hát thành công quá sức tưởng tượng của các nghệ sĩ trong đoàn và cũng kể từ đó Bạch Mai hát vai chánh các tuồng trong đoàn Bạch Mai nổi danh qua nhiều tuồng thu trên đài Tuyền Hình Saigon qua các Ban Vân Kiều, Ban Phụng Hảo, Ban tuồng cổ Khánh Hồng và Ban tuồng cổ Huỳnh Long.

Sau năm 1975, Bạch Mai hát chánh trong đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, Bạch Mai nổi danh qua nhiều tuồng như *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Lá Chắn Biên Thùy, Tấm Cám, Đường về núi Lam, Người đẹp trong tranh*... Riêng vai Lưu Kim Đính, Bạch Mai đã để một dấu ấn sâu đậm trong phong cách diễn xuất tuồng cổ của cô.

Tuồng Lưu Kim Đính Giải Giá Thọ Châu có lớp Sát Tứ môn thành là lớp có vũ đạo khó nhất, Bạch Mai múa đao đánh hạ ba tướng ở ba cửa thành với hình thức vũ đạo khác nhau, diễn tả những nguy hiểm khác nhau khi phải giết tướng của ba cửa thành đó.

Lưu Kim Đính, đến cửa thành thứ tư, tiếng kèn lá run rẩy như tiếng hí của con ngựa kiệt sức, Lưu Kim Đính ngồi bệt xuống đất vừa khóc thương vừa đưa tay run run vuốt từ trên dầu dài

xuống đuôi ngựa quí đã tận lực cùng với chủ nơi chiến trường. Qua động tác tay run run vuốt dài trên con lưng ngựa tưởng tượng của nghệ sĩ Bạch Mai, khán giả cũng tường chừng như thấy được con ngựa quý kiệt sức và cảm thông được nỗi khổ đau của người chủ tướng trước cái chết của con thần mã, bạn chiến đấu của mình.

Khi ông bầu Huỳnh cộng tác với ông bầu Tư Lù lập thành bốn đoàn Thanh Bình – Kim Mai thì Bạch Mai, Đức Lợi, Ngọc Đáng và Thanh Bạch là bốn diễn viên chánh của đoàn Thanh Bình – Kim Mai 1, hát thường trực tại đình Nhơn Hòa Cầu Muối.

Bạch Mai và Đức Lợi thường hát cặp với nhau hai vai chánh, cảm tài mến sắc của nhau và vì cùng hát chung với nhau lâu năm trên sân khấu Thanh Bình – Kim Mai nên hai bên sanh tình cảm, được cha mẹ đứng ra tác thành nhân duyên khoảng giữa thập niên 1960.

Bạch Mai - Đức Lợi có bốn người con: Ngọc Thu. Chinh Nhân, Ngọc Thanh và Bình Tinh. Ngọc Thu và Ngọc Thanh không theo nghề hát của cha mẹ.

Chinh Nhân là nghệ sĩ đoạt huy chương vàng diễn viên giải Trần Hữu Trang năm 1996. Nữ nghệ sĩ Bình Tinh diễn các vai nữ tướng, võ tướng phong cách rất uy nghi oai dõng nhưng khi đóng các vai thiếu nữ, mệnh phụ phu nhơn thì động tác và phát âm lời thoại còn cứng, thiếu tính cách dịu dàng nữ tính.

Sau năm 1986, Bạch Mai sáng tác cải lương tuồng cổ, ký bút hiệu Bạch Mai và bút hiệu Viên Hoàng.

Sau năm 1990, thời kỳ cởi mở, những tuồng tích bị cấm trước đó được cho phép hát lại. Các tuồng cải lương hồ quảng cũng được cho hát rộng rải, Nghệ sĩ Bạch Mai - Đức Lợi quy tụ những nghệ sĩ nhà nghề, bà con với bà bầu Ngọc Hương, họ

hợp tác với nhau để vực dậy đoàn Huỳnh Long. Bạch Mai, Đức Lợi đứng ra vay tiền để xây dựng lại gánh hát.

Khởi đầu từ chuyện Đức Lợi phải bỏ Saigon trốn nợ, anh đến một vùng xa xôi hẻo lánh, hy vọng bọn Năm Giao không biết để đừng bị chúng nó bắt lại hay giết chết. Có lẽ vì nhờ sự bảo bọc của một cô gái nào đó nơi anh lẩn trốn nên Đức Lợi bước thêm bước nữa khiến cho Bạch Mai và Đức Lợi Ly dị nhau.

Rồi Đức Lợi bị bệnh nan y, nghèo khó, bị tai nạn giao thông đã mất năm 2005, sau đó con trai duy nhất là nghệ sĩ Chinh Nhân cũng bị bạo bệnh viêm phổi cấp tính, nên lìa trần vào năm 2016, mới có 44 tuổi. Buồn vì chồng vì con, nên Bạch Mai đã vào chùa, nương tựa bóng từ bi để sống những ngày còn lại.

Thanh Tuấn

Thanh Tuấn - Nguyễn Thanh Liêm (1948-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Tuấn tên thật là Nguyễn Thanh Liêm sinh năm 1948, tại thôn Thủy Triều, xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Cha là cán bộ tập kết. Mang dòng máu yêu văn nghệ từ nhỏ, ở địa phương vào những mùa lễ hội, Thanh Liêm được chọn tham gia đội ca, sau đó được thu đài Phát thanh Quảng Ngãi.

Năm 1961, Phổ Văn đón chào lực lượng cộng sản về địa phương, chuẩn bị gầy dựng cơ sở để chống phá VNCH, năm đó

Thanh Liêm 13 tuổi, nhờ có vốn ca hát Thanh Liêm được giao nhiệm vụ Đội trưởng đội văn nghệ thiếu nhi và phân đội trưởng cảnh giác địch. Hơn hai năm Thanh Liêm hoạt động văn nghệ tại đây, chiến sĩ tại quê nhà. Đến năm 1963, miền quê của Thanh Liêm tôi bị một trận lũ lụt cuốn trôi hết tài sản của nhân dân. Đời sống bà con Phổ Văn đã nghèo càng nghèo hơn. Ngay sau đó, có cuộc càn quét của quân đội quốc gia, lực lượng trung đội của xã lúc đó quá mỏng không đấu lại, nhiều chiến sĩ ở Phổ Văn đã anh bỏ mình.

Lần đó, Thanh Liêm và một số đồng đội núp dưới hầm chống cuộc càn quét ba ngày đêm tại Phổ Văn, sau đó mới tìm đường quay về nhà. Thanh Liêm đã được mẹ gởi vào vào Sàigòn vì sợ bị phát hiện. Tại thành phố này, Thanh Liêm xin được công việc phụ giúp cho một tiệm thuốc bắc trên đường Thuận Kiều, nhưng rồi vì Thanh Liêm không quen mùi thuốc bắc, sau đó chuyển sang nghề đan ghế mây trên đường Vĩnh Viễn, quận 10 ngày nay. Cuộc sống tưởng đã ổn định với công việc này, đến năm 1964 đoàn cải lương Trăng Mùa Thu của bầu Nho, dọn về biểu diễn tại rạp Thủ Đô, lúc đó cặp đào kép chánh là Đắc Thành và Bích Sơn đã thu hút đông đảo khán giả. Thanh Liêm đã xin mấy chú hậu đài dẫn vào rạp xem cọp, vì không tiền mua vé, đêm nào cũng đi xem, rồi mê đắm nghệ thuật cải lương, để từ đó bằng niềm đam mê cộng với quyết tâm phải dấn thân vào sân khấu để đổi đời, thoát khỏi cảnh cơ hàn của một anh thợ đan ghế mây sống xa gia đình, thiếu thốn trăm bề. Thành công của Thanh Liêm là sự chịu khó.

Bây giờ mỗi lần đi ngang qua những tiệm bán ghế mây, Thanh Liêm nhớ da diết cái thời hàn vi của mình. Yêu lắm cái nghề đan ghế mây công phu, vất vả nhưng vô cùng sung sướng khi nhìn thấy sản phẩm của mình tạo ra sau một ngày lao động.

Lúc đó, đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga về hát ở rạp Thủ Đô, nằm trên đường Tổng Đốc Phương, Chợ Lớn. Ban ngày Thanh

Liêm có đến chơi, xem đoàn hát tập tuồng, Thanh Liêm gặp nhạc sĩ Út Trong, trưởng ban cổ nhạc của đoàn hát, Thanh Liêm đã xin học ca. Thầy Út Trong có mở lớp dạy ca tại nhà thầy ở đường Nancy gần cầu chữ Y, có lớp buổi sáng và lớp buổi chiều, Thanh Liêm đóng học phí học buổi chiều. Chỉ trong ba tháng học tập chuyên cần, nhờ có năng khiếu ca cổ nhạc từ nhỏ, Thanh Liêm học ca rành rẽ các bài ba Nam, sáu Bắc, các bản nhỏ dùng trên sân khấu cải lương và Thanh Liêm có thể ca vọng cổ đúng nhịp điệu, nhưng ca chưa hay, chưa có hồn thì đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga đi lưu diễn miền Trung trong hai tháng. Thầy Út Trong theo đoàn hát đi lưu diễn, lớp học cổ nhạc tạm thời ngưng hoạt động. Thanh Liêm tiếp tục học cổ nhạc nơi lò cổ nhạc của nhạc sĩ Út Trọn tức thầy Bảy Trọn ở bên kia cầu chữ Y, quận 8, được thầy Út Trọn luyện giọng, dạy kỷ thuật luyến láy khi ca cổ nhạc.

Út Trọn rất hãnh diện về học trò Thanh Liêm của mình nên giới thiệu về hát cho đoàn hát Bạch Liên Hoa là một đoàn hát trung ban và đặc nghệ danh cho Thanh Liêm là Thanh Tuấn, hàm ý Thanh là giọng ca, Tuấn là thanh niên tuấn tú, đẹp trai để giới thiệu học trò Thanh Tuấn của ông hội đủ hai yếu tố Thanh và Sắc. Nghệ sĩ Thanh Tuấn thủ vai chính trong tuồng *Tướng cướp Bạch Hải Đường* của đoàn hát Bạch Liên Hoa, được khán giả và báo chí kịch trường ngợi khen.

Ông bầu đoàn hát Thủ Đô – Hương Hoa Lan bí mật phái người thân tín đến xem Thanh Tuấn diễn, sau đó ông mời Thanh Tuấn ký giao kèo để đoàn hát chuẩn bị chuyến lưu diễn miền Trung. Hát miền Trung, Thanh Tuấn nổi danh ở các điểm diễn Nha Trang, Phan Thiết, Qui Nhơn, Quảng Ngãi, Huế. Về Quảng Ngải, anh có dịp thăm lại gia đình và giúp đở tiền nông cho mẹ, đây là một chuyện mà người thân trong gia đình không lường trước được. Khi anh ra đi, anh không có nghề nghiệp, học vấn không cao và người ta cũng không biết nghệ sĩ Thanh Tuấn chính là đứa bé Thanh Liêm đã bỏ đi lưu lạc vài năm trước đây.

Năm 1968, đoàn hát thủ Đô – Hương Hoa Lan hát Tết tại rạp Thăng Long tỉnh Buôn Mê Thuộc, ngay trong đêm giao thừa, một trái mortier rớt cách Thanh Tuấn ba thước, làm thiệt mạng hai người trong gia đình người soát vé ngủ gần chổ của anh. Hơn hai tuần lễ trong không khí chiến tranh ngay trong thành phố, chánh phủ ban lịnh giới nghiêm ban đêm, nghệ sĩ và các công nhân dàn cảnh, thợ đèn của gánh hát Thủ Đô – Hương Hoa Lan không có hát, không có lương, không có cơm hội để sống qua ngày nên mạnh ai nấy tìm đường sanh lộ cho riêng mình. Thanh Tuấn phải quá giang xe đò từng đoạn để có thể trở về Saigon. Đây là kỷ niệm buồn nhất trong cuộc đời đi hát của Thanh Tuấn. Về đến Saigon, vì thành phố vẫn còn giới nghiêm ban đêm nên Thanh Tuấn gia nhập đoàn hát Minh Cảnh để đi hát trong các quận huyên thuộc các tỉnh miền Hậu Giang để sống qua ngày.

Trong thời gian cộng tác với đoàn Minh Cảnh, Thanh Tuấn có dịp thưởng thức lối ca dài hơi và kỷ thuật luyến láy trong câu vọng cổ của danh ca Minh Cảnh, từ đó Thanh Tuấn tự luyện cho mình một lối luyến láy độc đáo khi ca vọng cổ. Một năm sau, Thanh Tuấn rời đoàn hát Minh Cảnh, gia nhập đoàn hát Hương Mùa Thu, đóng thế vai diễn của kép ca Thanh Hải vừa rời đoàn, Thanh Tuấn thành công khi hát vai kép chánh, hát chung với cô đào xuân sắc Ngọc Hương qua các vở tuồng *Tiếng Nhạc Rừng Xanh, Con Cò Trắng, Gánh Cỏ Sông Hàn…* Thanh Tuấn có một lối ca vọng cổ luyến láy tài tình, có một sắc thái riêng biệt và rất hấp dẫn. Hãng dĩa Hoành Sơn khai thác giọng ca vọng cổ của Thanh Tuấn với Ngọc Hương qua nhiều bài tân cổ giao duyên của soạn giả Thu An.

Nghệ sĩ Thanh Tuấn nổi danh trên sân khấu Kim Chung qua các tuồng: *Đường Gươm Nguyên Bá, Người Tình Trên Chiến Trận, Thúy Kiều, Tây Thi, Mỵ Châu Trọng Thủy…*

Đến năm 1976, nghệ sĩ Thanh Tuấn nổi danh với các vai kép chánh trong tuồng *Tìm Lại Cuộc Đời, Rạng Ngọc Côn Sơn,*

Khách Sạn Hào Hoa, Pha Lê và Cát Bụi, Kim Trọng – Thúy Kiều…

Năm 1982, Thanh Tuấn ngừng cộng tác với đoàn hát tập thể Saigon 2, Thanh Tuấn đi hát chầu cho các đoàn tỉnh. Nhân dịp đến hát ở Nha Trang – Phú Khánh, Thanh Tuấn anh đăng ký xin thành lập đoàn lấy bảng hiệu là đoàn cải lương Cam Ranh – Phú Khánh, nhưng đến năm 1984, gặp mùa mưa dầm, đoàn hát Cam Ranh – Phú Khánh phải chịu rã gánh vì doanh quá thu thấp, không đủ tiền phát lương và không thể duy trì hoạt động của đoàn.

Thanh Tuấn trở về Saigon lập quán nghệ sĩ mang tên Thanh Tuấn, giải pháp tạm thời kiếm đồng ra đồng vào để giải quyết đời sống cho gia đình.

Năm 1993, nghệ sĩ Thanh Tuấn làm bầu gánh hát Cao Văn Lầu tỉnh Minh Hải, Đoàn Cao Văn Lầu có các diễn viên Thanh Tài, Thanh Tuấn, Hương Thủy, Ngân Linh, Vương Minh, Nhật Linh, Lan Châu, hề Bảo Chi, các nữ diễn viên Lan Châu, Lan Huệ, Ý Trinh, Tiểu My, Hương Thảo, Hoàng Long. Thanh Tuấn có được hai vai hay trong tuồng "*Yêu Con Đâu Chỉ Một Ngày* và vở *Khi Phiên Tòa Kết Thúc*. Sau đó, đoàn Cao Văn Lầu được nghệ sĩ Thanh Tài làm bầu gánh, đưa về tỉnh Tiền Giang đăng ký, lấy bảng hiệu đoàn cải lương Tiền Giang

Về gia đình thì khi 20 tuổi, Thanh Tuấn đã có người yêu, chung sống được ba con, rồi lại chia tay, Thanh Tuấn lãnh nuôi các con. Thật ra thì Thanh Tuấn nhờ mẹ anh đứng ra nuôi nấng các con của anh vì anh bận theo gánh hát. Sau nầy anh gặp một người vợ ngoài nghề hát nhưng hết lòng yêu và chìu chuông anh nên cuộc tình kéo dài hơn hai chục năm. Hiện nay. Thanh Tuấn đang chung sống với bà vợ hiền như ma-soeur, khéo léo, tế nhị và 7 người con, 5 trai, 2 gái. Các con của anh không có người nào nối nghiệp ca hát nhưng đều học thành tài và có nghề nghiệp ổn định.

Về cuộc sống hiện nay, nghệ sĩ Thanh Tuấn tâm sự: "*Không riêng gì tôi, các nghệ sĩ cùng thời với tôi giờ chỉ đếm từng suất diễn với chương trình ca cổ hoặc trích đoạn cải lương. Thèm lắm những suất diễn nguyên vở tuồng với sự hóa thân vào nhân vật. Tôi có may mắn là nhiều bài ca cổ "ruột", nên đi đến đâu, biểu diễn văn nghệ từ khóm ấp cho tới huyện lỵ, thị trấn bà con cô bác đều yêu cầu ca những bài vọng cổ quen, nên có thu nhập mà trang trải cho cuộc sống, vẫn làm trụ cột đối với gia đình. Tổ nghiệp thương nên từ khi tôi không còn làm quán với chương trình ca cổ, không phải uống quá nhiều bia mỗi tối vì chiều lòng khán giả tới ủng hộ quán của mình, nên sức khỏe rất tốt. Mỗi đêm vẫn có sô ca vọng cổ kiếm tiền chợ.*"

(Xem *Khách sạn hào hoa* trang 116)

Minh Vương

Minh Vương - Nguyễn Văn Vưng (1949-20 ..)

Ông tên khai sinh là Nguyễn Văn Vưng, được cho là sinh ngày 1 tháng 7 (sau cuộc phẫu thuật ghép thận thành công vào ngày 1 tháng 7 năm 2012, ông quyết định chọn ngày này làm ngày sinh chính thức trong năm 1949 tại Cần Giuộc, Long An. Gia đình ông có 7 anh em, đều sinh ra và lớn lên tại Long An. Năm 10 tuổi, ông theo cha mẹ lên Sài Gòn lập nghiệp. Minh Vương theo học trung học, nhưng lại mê hát cải lương, nên tìm đến

thầy Bảy Trạch để học ca hát. Minh Vương từng đi làm em nuôi của những đào kép chính, phải khuân vác, xách đồ khi đoàn di chuyển, biểu diễn.

Năm 1964, mới có 14 tuổi, bắt đầu đi hát sau khi đoạt giải Khôi nguyên vọng cổ, được bầu Long ở đoàn Kim Chung mời ký hợp đồng. .

Vai đầu tiên của "cậu nhóc" là vai… con của nghệ sĩ Lệ Thủy trong vở *Thượng phương bảo kiếm*, Lúc này, Lệ Thủy đã là một cô đào chánh lừng lẫy đóng cặp với các tài danh như Thanh Hải, Minh Phụng. Có lẽ, Lệ Thủy cũng không thể ngờ rằng "cậu nhóc" năm ấy sẽ là "người tình" trên sân khấu trong quãng đời dài làm nghệ thuật của mình sau nầy.

Đi hát chưa được 1 năm thì Minh Vương bị bệnh, tóc rụng, nên phải nghỉ ở nhà chữa bệnh. 1 năm sau, Minh Vương trở lại đoàn hát, Minh Vương nhận bất cứ vai diễn nào với tâm niệm: "Có công mài sắt có ngày nên kim".

Năm 1967, Minh Vương được diễn vai kép chính, lúc đó 18 tuổi và thực sự năm đó đánh dấu sự trở lại đầy ấn tượng. Năm 1971, tên tuổi của Minh Vương bắt đầu tỏa sáng, được nhiều hãng băng đĩa chú ý, mời thu thanh. Đồng thời, Minh Vương được mời đóng phim *Sám hối*.

Đến năm 1972, Minh Vương cùng vợ thành lập đoàn cải lương Việt Nam lưu diễn khắp nơi cho đến sự kiện 30 tháng 4 năm 1975. Minh Vương từng là diễn viên của Đoàn Sàigòn, Đoàn Văn công Tp. HCM. Minh Vương cũng đã từng đi biểu diễn ở Tây Âu cùng với các nghệ sĩ tài danh khác.

Các nam nữ nghệ sĩ Minh Vương có dịp hát, diễn chung: Lệ Thủy, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Thanh Tuấn, Thanh Sang, Minh Phụng, Thanh Kim Huệ, Mỹ Châu, Út Bạch Lan,...

Nghệ sĩ Minh Vương trong vở tuồng "Đời Cô Lựu"

Minh Vương có các vai diễn nổi bật trong các tuồng sau đây:

Đêm lạnh chùa hoang trong vai Tần Lĩnh Sơn, *Đoạn tuyệt* trong vai Dũng, *Đời cô Hạnh* trong vai đại uý Lê Bá Phước, *Đời cô Lựu* trong vai Võ Minh Luân, *Đường gươm Nguyên Bá* trong vai Thượng tướng Nguyên Bá, *Kiếp nào có yêu nhau* trong vai Mộ Dung Thạch, *Máu nhuộm sân chùa* trong vai Chu Khắc Kiệt, *Người đẹp giữa rừng khuya* trong vai Tương Như, *Nửa đời hương phấn* trong vai Tùng, *Rạng ngọc Côn Sơn* trong vai Nguyễn Trãi, *Tái sanh duyên* trong vai Hoàng Phủ Thiếu Hoa, *Tấm lòng của biển* trong vai Tấn, *Tiêu Anh Phụng* trong vai Hoàng tử, *Tô Ánh Nguyệt* trong vai Minh *Xin một lần yêu nhau* trong vai Âu Thiên Vũ, *Người tình trên chiến trận*

Minh Vương đã hoàn tất hồ sơ sang Úc định cư với gia đình, nhưng đến những giây phút cuối cùng Minh Vương đã quyết định ở lại, bởi vì Minh Vương biết khán giả của Minh Vương ở nơi này, chính ở mảnh đất này Minh Vương mới có thể được sống với nghề hát mà Minh Vương thương, Minh Vương quý.

(Xem *Hai chiều ly biệt* trang 130)

Bo Bo Hoàng

Bo Bo Hoàng - Lê Thị Hoàng (1949-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng tên thật là Lê Thị Hoàng, sinh năm 1949 tại quận Nhứt Saigon, thuộc về con nhà dòng dõi nghệ sĩ tài danh. Ông nội là Lê Thành Lư, bầu đoàn hát cải lương; Ông

ngoại là Bầu Đẩu, bầu gánh hát bội; Mẹ tên là Ngọc Tín, nữ nghệ sĩ cải lương tài danh; Cha là nghệ sĩ Lê Thành Cát, diễn viên kiêm quản lý đoàn hát cải lương.

Lê Thành Cát có lúc là bầu gánh hát Cải lương Tinh Hoa - Lê Thành Cát nhưng ông nổi tiếng là Phượng Hoàng Lê Thành Cát, vua leo núi nhờ ông là tay đua xe đạp lừng danh, đã thắng oanh liệt trong chặn đua leo núi và đổ dốc đèo Hải Vân trong cuộc đua xe đạp vòng Đông Dương do trung tá hải quân Ducouroy tổ chức năm 1940. Phượng Hoàng Lê Thành Cát, vua leo núi là tên do báo chí thể thao tặng danh hiệu nầy, ông dùng nó đặt tên cho con trai là Lê Thành Phượng và con gái là Lê Thanh Hoàng.

Thanh Hoàng khi lên 4 tuổi đã theo cậu mợ là hề Tấn Lập và nữ nghệ sĩ Lệ Út hát cho đoàn Hoa Sen. Vai diễn đầu tiên của nữ nghệ sĩ tí hon Thanh Hoàng là ca tân nhạc trong lớp hoa sen nở tuồng *Đoàn Chim Sắt* của soạn giả Trần Văn May đoàn hát Hoa Sen.

Năm 1956, 7 tuổi Thanh Hoàng hát vai kép con trên sân khấu đoàn Tinh Hoa - Lê Thành Cát.

Năm 1957, Thanh Hoàng được nghệ sĩ bậc thầy Minh Tơ đào luyện một lượt với các nghệ sĩ tí hon con nhà nghề như Thanh Tòng, Thanh Loan, Xuân Yến, Bửu Truyện, Thanh Thế, Trường Sơn, Vũ Đức. Bé Thanh Hoàng hát vai Điêu Thuyền, Thanh Tòng vai Lữ Bố, Lê Thành Phượng vai Đổng Trác, Xuân Yến vai hề Cai Hưỡn khai trương đoàn hát Đồng Ấu Minh Tơ. Đoàn hát nầy được đánh giá như là một trường chuyên đào tạo nghệ sĩ cải lương tài danh mà hiện nay giới ái mộ sân khấu cải lương còn biết danh và thưởng thức tài nghệ của các nghệ sĩ do Đồng Ấu Minh Tơ đào tạo như các nghệ sĩ

Thanh Tòng, Đức Phú, Trường Sơn, Thanh Loan, Bạch Lê, Xuân Yến, Thanh Hoàng, Hoàng Trinh, Vũ Đức, Bữu Truyện, Thanh Thế…

Năm 1961, 13 tuổi, nữ nghệ sĩ Thanh Hoàng cùng với nghệ sĩ Đức Phú nổi danh trong tuồng cải lương hồ quảng *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài*, khai sanh một thể loại sân khấu mới được gọi là tuồng cải lương hồ quảng, lấy các bài ca hồ quảng trích trong các phim Đài Loan làm bài ca chánh trong vở hát. Đoàn hát Minh Tơ với tuồng hồ quảng *Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài* với hai diễn viên Thanh Hoàng và Đức Phú có một số doanh thu kỷ lục khiến cho báo chí kịch trường và các đoàn hát đại ban cải lương phải đặt biệt quan tâm và cho người nghiên cứu những thành tựu của nghệ thuật sân khấu mới nầy.

Cuối năm 1962, nữ nghệ sĩ Thanh Hoàng được ông Bầu Ba Bản ký hợp đồng về hát trên sân khấu Thủ Đô - Ba Bản. Cô đóng vai Bo Bo cô gái chàm trong tuồng *Tiếng Trống Sang Canh* của soạn giả Thu An. Bo Bo bị tên khổng lồ một diễn viên cao hai thước tư, nắm ngang eo ếch, đi ngang qua sân khấu ngoài décors fixe khiến cho khán giả nhớ mãi cảnh nầy, gọi Thanh Hoàng tên Bo Bo, từ đó cô đổi nghệ danh là Bo Bo Hoàng.

Bo Bo Hoàng còn nổi danh qua dĩa hát *Bo Bo đánh cờ tướng* với Tía là thầy Chàm do quái kiệt Ba Vân thủ diễn do hãng dĩa hát Hoành Sơn phát hành.

Năm 1964, nghệ sĩ Bo Bo Hoàng gia nhập đoàn hát Hương Mùa Thu của soạn giả Thu An thành lập, hát với đào chánh Ngọc Hương huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1962. Nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng tiến bộ nhanh chóng về nghệ thuật ca diễn nên năm sau, năm 1965, Bo Bo Hoàng đoạt huy chương

vàng Giải Thanh Tâm qua vai Đào tuồng *Tiếng Súng Một Giờ Khuya*. Năm 1965, nữ nghệ sĩ Thanh Nguyệt đoàn hát Kim Chưởng cũng được tặng thưởng Huy Chương Giải Thanh Tâm một lượt với Bo Bo Hoàng.

Năm 1968, chiến cuộc Tết Mậu Thân khiến cho các thành phố bị giới nghiêm ban đêm, các gánh hát cải lương khó hát, số khán giả giảm sút nên nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng rời đoàn hát Hương Mùa Thu, cô về Châu Đốc mở quán bán cơm sinh sống qua ngày.

Đến năm 1972, cô được đoàn Tấn Tài - Thành Được mời cộng tác. Sau đó cô lại gia nhập đoàn hát Thái Dương 2 của bà bầu Tiêu Thị Mai, hát chung sân khấu với nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm và Mỹ Châu.

Về gia đình, nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng thành hôn với nghệ sĩ Văn Bảnh, khôi nguyên vọng cổ năm 1959, trước khôi nguyên vọng cổ Minh Vương một năm. Danh ca Văn Bảnh có một giọng ca vọng cổ truyền cảm, kỷ thuật ca chân phương, được giới mộ điệu đánh giá cao. Danh ca Văn Bảnh chỉ chuyên ca tài tử nên không được đoàn hát đại ban mời về hát nên anh không phát triển được khả năng nghề nghiệp như các bạn khôi nguyên vọng cổ đến sau anh là Minh Vương, Minh Cảnh.

Năm 1976, Bo Bo Hoàng gia nhập đoàn hát cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, thành công trong vai Cám tuồng Tấm Cám, một vai độc lẳng. Trước năm 1975, Bo Bo Hoàng hát vai chánh thành công trong loại tuồng Hồ Quảng với kép Đức Phú. Khi cô chuyển qua hát cải lương tuồng cổ hay cải lương xã hội, Bo Bo Hoàng thường thủ vai đào nhì sau Ngọc Hương, Mỹ Châu, Bạch Lê, vì vậy cô chuyển qua diễn vai đào độc, lẳng. Cô thành công dễ dàng qua vai Cám và sau nầy cô cũng thành

công trong vai độc, lẳng trong các đoàn hát Sông Hương ở Huế, đoàn Cửu Long 2, đoàn Sông Bé 2 và đoàn Trần Hữu Trang 1.

Năm 1987, Bo Bo Hoàng phóng tác theo phim *Mùa Tôm* của Ấn Độ thành tuồng *Tình Yêu và Nước Mắt* được nhiều đoàn biểu diễn. Các nghệ sĩ Vũ Linh, Châu Thanh, Linh Tâm, Cẩm Thu từng diễn thành công qua tuồng hát nầy. Nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng còn có những vở tuồng phóng tác: *Nữ Chúa Rắn - Phò Mã Cùi, Long Vương Kén Rể, Nữ Thần Đèn, Nữ Tỷ Phú, Duyên Nợ Với Nghề*...Đặc biệt nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng đặc biệt thành công khi phóng tác và dàn dựng các tuồng mang màu sắc Ba Tư - Ấn Độ.

Bo Bo Hoàng đã làm đạo diễn các vở do cô phóng tác và vở *Bóng Hồng Sa Mạc* của soạn giả Hoàng Việt - Loan Thảo trên sân khấu nhà hát Trần Hữu Trang 1.

Sau khi sân khấu cải lương mất dần khán giả, nghệ sĩ Bo Bo Hoàng tham gia chương trình tấu hài với danh hề Hiếu Cảnh và nghệ sĩ Tô Châu, cô cũng tạo được những trận cười cho khán giả qua một số tiểu phẩm hài.

Trong những năm cuối thập niên 90, Bo Bo Hoàng chuyển qua làm nghề thực hiện những mũ, mão, vương miện, anh quang, trâm cài dùng đội đầu cho các vai tuồng Vua, Hoàng Hậu, Tể tướng, quan văn, quan võ hay các công tử vương tôn trên sân khấu cải lương tuồng cổ. Cô được các nghệ sĩ trong và ngoài nước tín nhiệm đặt cho cô sản xuất các mặt hàng nầy.

Do sân khấu cải lương xuống cấp, nữ nghệ sĩ tài danh Bo Bo Hoàng trở thành một nghệ sĩ đa năng, đáp ứng mọi hoạt động và mọi yêu cầu của sân khấu trích đoạn, tấu hài hay trong phần phục trang cầu kỳ nhất của đoàn chuyên hát loại tuồng cổ.

Vai Cám là "nốt son" trong suốt sự nghiệp diễn xuất, Bo Bo Hoàng diễn vai này trên khắp mọi miền đất nước, lưu diễn sang tận Lào, Campuchia, diễn hơn 1000 suất trên sân khấu đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long. không chỉ mang lại danh tiếng mà còn tiền bạc mua được căn nhà. Hiện nay, ngoài nghề diễn, Bo Bo Hoàng còn viết kịch bản cải lương tuồng cổ, làm phục trang, mũ mão sân khấu theo đơn đặt hàng trong và ngoài nước.

Bảo Quốc

Bảo Quốc – Lư Bảo Quốc (1949-20..)

Nghệ sĩ Bảo Quốc tên thật là Lư Bảo Quốc, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1949 tại xã Thái Hiệp Thạnh, Tây Ninh, nay thuộc phường 1, thành phố Tây Ninh. Là con thứ 4 trong một gia đình có 8 người con, cha là Lư Hòa Nghĩa, tức Năm Nghĩa, một nghệ sĩ cải lương có tiếng tại miền Nam thời bấy giờ, mẹ là bà Nguyễn Thị Thơ, thường được gọi với cái tên "bầu Thơ", chủ đoàn cải lương Thanh Minh, một trong 5 đoàn hát nổi tiếng nhất Sàigòn vào thập niên 1960.

Thanh Nga là chị cùng mẹ khác cha với Bảo Quốc, là nghệ sĩ cải lương vang bóng một thời.

Vì sinh ra từ một gia đình có truyền thống về cải lương nên nam nghệ sĩ cũng bén duyên với cải lương từ rất sớm. Năm lên 10 tuổi, vì một lời khích bác của người cha mà ông chấp nhận thế vai trong vở "Người vợ không bao giờ cưới". Năm 1967, Bảo Quốc đã đoạt Huy chương vàng giải Thanh Tâm với vai Hiệp sĩ Mù trong vở cải lương cùng tên trên sân khấu Thanh Minh.

Nghệ sĩ Bảo Quốc rất may mắn, khi bước chân vào nghề, được diễn cho đoàn của gia đình. Ông không phải đóng vai quần chúng. Dù là vai phụ, nhưng có diễn xuất và có ca, chứ không phải là vai mờ nhạt. Rồi ông chịu khó tự học hỏi thêm từ các nghệ sĩ đi trước ở trong đoàn. Một lần được giao cho làm kép mùi với vai hiệp sĩ mù trong vở cải lương *Hiệp Sĩ Mù*, nghệ sĩ Bảo Quốc đã đạt ngay huy chương vàng giải Thanh Tâm dành cho diễn viên triển vọng vào năm 1967, khi ông được 18 tuổi.

Trong 10 năm phát Giải Thanh Tâm, người đoạt giải đầu tiên là Thanh Nga, Bảo Quốc là một trong những người đoạt giải năm sau cùng.

Vào năm 1972, thời kỳ cải lương Sàigòn lao đao do bị cơn lốc phim chưởng hoành hành, đoàn Thanh Minh tạm ngưng một thời gian, Thanh Nga và Bảo Quốc sang Dạ Lý Hương trình diễn, nghe lời chị gái là nghệ sĩ cải lương Thanh Nga, ông đã rẽ sang đóng hài. Vai diễn đánh dấu sự nghiệp diễn hài của ông là vai trong vở *Con ma nhà họ Hứa* của đoàn Dạ Lý Hương, thay cho danh hài nổi tiếng Thanh Việt. Từ đó, Bảo Quốc có những thành công rực rỡ trên sân khấu hài, được mệnh danh là "ông vua chọc cười".

Sau 1975, nghệ sĩ Bảo Quốc lại có những vai diễn để đời như vai Chương Hầu trong vở *Tiếng Trống Mê Linh*, Y Xì Ke trong vở *Bóng Tối và Ánh Sáng*, chưa kể các vai hài khác như trong *Hoa Mộc Lan, Bên Cầu Dệt Lụa, Tấm Lòng của Biển.*

Nghệ sĩ Bảo Quốc có những thủ pháp gây cười rất đa dạng và sinh động. Ông có thể đóng nhiều vai, dù là vai giàu hay nghèo, tốt hay xấu, trí thức hay bình dân... những nhân vật do ông thể hiện đều toát lên vẻ duyên dáng, tưng tửng, diễn mà như không diễn. Có một thời, cái tên Bảo Quốc là "bảo chứng" doanh thu cho các sân khấu và nhiều tiểu phẩm hài.

Rõ ràng những gì ông gặt hái được hoàn toàn là do nỗ lực không biết mệt mỏi qua những bài học hàng đêm sau cánh gà. Giữa những ngôi sao rực rỡ nhất của làng sân khấu Việt Nam: Phùng Há, Năm Châu, Ba Vân, Út Trà Ôn, Út Bạch Lan, Thanh Nga, Thành Được, Hữu Phước, tưởng rằng nghệ sĩ Bảo Quốc khó có thể bật sáng, nhưng ông vẫn tìm được cho mình một chỗ đứng riêng.

Nghệ sĩ Bảo Quốc không bon chen trên con đường nghệ thuật. Lúc nào ông cũng nở nụ cười. Luôn cố gắng làm tròn vai trò của mình, và hỗ trợ những đồng nghiệp khác. Ông luôn được khán giả và đồng nghiệp thương mến.

Ông đã có nhiều vai diễn ấn tượng trong các vở: *Con ma nhà họ Hứa, Tiếng trống Mê Linh, Bàn thờ Tổ một cô đào, Bóng tối và ánh sáng, Kiều Nguyệt Nga...* Khán giả còn được biết đến nghệ sĩ Bảo Quốc qua những vở hài như: *Mướn chồng, Cá độ, Đi đêm có ngày gặp ma...* Ngoài ra, ông còn xuất hiện trong một số bộ phim điện ảnh như: *Khi đàn ông có bầu, Công chúa teen và ngũ hổ tướng, Võ lâm truyền kỳ...*

Bên cạnh việc trực tiếp diễn hài, Bảo Quốc còn tham gia trong các lĩnh vực khác như: giám đốc sản xuất phim, chủ nhiệm phim, sáng tác kịch bản, kinh doanh nhà hàng.

Nghệ sĩ Bảo Quốc kết hôn cùng vợ là bà Thu Thủy, khi bà mới 17 tuổi, ông 20 tuổi. Hai ông bà có 4 người con và ông bà đã có chắt. Mặc dù cuộc sống có những lúc khó khăn nhưng hai vợ chồng vẫn luôn gắn bó, yêu thương.

Cuộc sống đời thường của nghệ sĩ Bảo Quốc khá bình lặng, dù là nghệ sĩ, nhưng ông không bay bướm trên tình trường, mà lại là một người chồng rất thủy chung bên người vợ hiền, vốn từng là nữ sinh Gia Long xinh đẹp, bà Thu Thủy. Vợ chồng ông có bốn người con, chỉ duy nhất cô con gái út là Hồng Loan nối nghiệp gia đình.

Bảo Quốc và con gái Hồng Loan trong Trích đoạn "Nửa đời hương phấn"

Nhiều năm qua, nghệ sĩ Bảo Quốc và vợ định cư tại Mỹ. Bốn người con của ông, có 2 người ở Mỹ, 2 người vẫn ở Việt Nam. Thỉnh thoảng, ông lại về Việt Nam thăm con cháu và diễn hài hoặc làm giám khảo một số chương trình truyền hình thực tế. Vào tháng 3 năm 2016, Bảo Quốc phải trải qua một cuộc phẫu thuật cắt bỏ khối u ở gan. Sau ca phẫu thuật, ông hạn chế đi diễn hơn dù ở Mỹ, vẫn có rất nhiều lời mời ông diễn hài vào cuối tuần. Tết năm 2017, sau khi sức khỏe đã ổn định, Bảo Quốc có về Việt Nam đón Tết cùng con cháu và người thân.

(Xem *Nửa đời hương phấn* trang 174)

Ngọc Đáng

Ngọc Đáng (1949-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng sanh năm 1949 tại Saigon, con của hai nghệ sĩ tài danh sĩ Tư Minh và Ngọc Xứng, họ chuyên hát cải lương tuồng Tàu, diễn viên của đoàn hát Phụng Hảo của bà Phùng Há.

Nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng theo cha mẹ sống trong gánh hát từ thơ ấu, năm cô 13 tuổi, Ngọc Đáng đã được cha mẹ dạy ca dạy hát. Nên biết là cha cô, nghệ sĩ Tư Minh thuộc về lớp nghệ sĩ tiền phong như các nghệ sĩ Ba Thâu, Ba Sanh, Năm Thiên, Văn Lâu, Tám Lắm, Bảy Huỳnh, Bảy Khải, mẹ của Ngọc Đáng là nghệ sĩ Ngọc Xứng đồng một thời diễn viên tên tuổi với các nữ nghệ sĩ Ngọc Hương, Ngọc Hải, Ngọc Trâm, Sáu Ngọc Sương, Tường Vi… Nên chỉ sau hai năm học nghệ do chính cha mẹ ruột truyền dạy mà không qua một trường lớp nghệ thuật nào.

Năm 1964, được 15 tuổi, Ngọc Đáng đã là một diễn viên chánh trên sân khấu đoàn hát Thanh Bình - Kim Mai của ông bà bầu Bảy Huỳnh - Ngọc Hương tại rạp hát Cầu Muối, Cầu Ông Lãnh Saigon.

Hồi đó nữ nghệ sĩ mới xuất thân trong nghề hát, nếu không phải là con cái hay là người trong thân tộc của ông bà bầu gánh

hát thì khó mà được ông bà bầu giao cho thủ các vai hát đào chánh, trừ trường hợp người nữ nghệ sĩ đó phải thật là xuất sắc, vừa đẹp vừa ca hay hát giỏi, khi xuất hiện trên sân khấu thì nữ nghệ sĩ đó có sức thu hút mãnh liệt, làm tăng doanh thu, có lợi cho bầu gánh hát. Ngọc Đáng chính là một nghệ sĩ đặc biệt có sức thu hút khán giả, cô sáng chói trên sân khấu như một ngôi sao rực sáng giữa vùng trời nghệ thuật trong nữa thập niên 60.

Nữ nghệ sĩ trẻ Ngọc Đáng rất đẹp, da trắng, mủi thẳng, mắt sáng, nụ cười thật là duyên dáng, giọng ca trong trẻo hơn hết trong nữ ngũ hổ tướng, nhất là vóc người thon đẹp với động tác hồ quảng dễ thương, nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng đã là thần tượng làm say mê biết bao khán giả mộ điệu. Nữ nghệ sĩ Bạch Mai là nghệ sĩ bậc đàn chị, nghệ nghiệp và khả năng diễn xuất rất hay nhưng cô cũng phải chịu nhường một phần về nhan sắc và duyên dáng của nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng.

Năm 1973, Ngọc Đáng hát cho đoàn hát Minh Tơ, được nghệ sĩ Thanh Tòng rèn luyện tay nghề thêm vững chắc. Đoàn Minh Tơ hát thường trực tại rạp Long Phụng ở số 234 đường Gia long cũ.

Ngọc Đáng nổi danh qua các vai Mạnh Lệ Quân, Đào Tam Xuân, Lưu Kim Đính, Lý Thần Phi, Bàng Quí Phi, Tiêu Anh Phụng…Đây là những vai chánh trong các tuồng Tàu được xem là những tuồng kinh điển vì trong các tuồng đó có những lớp diễn mẫu mực đòi hỏi nghệ sĩ phải được truyền nghề một cách có căn bản. Ví dụ tuồng *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu* thì có lớp hát Sát Tứ Môn Thành rất khó hát.

Tuồng *Đào Tam Xuân và Tiêu Anh Phụng* có lớp hát loạn trào, vũ đạo chạy gối và múa kiếm khi loạn trào cũng phải tập rất công phu. Tuồng Mạnh Lệ Quân lúc bị thoát hài hay lớp dạo huê viên với vua cũng là những lớp khó hát. Nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng được chân truyền của cha mẹ là đôi nghệ sĩ tuồng cổ nổi tiếng, sau được thêm sự chỉ bảo của nghệ sĩ Thanh Tòng nên

nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng trở thành một nghệ sĩ xuất sắc và có những vai diễn để đời qua các vở kể trên.

Sau năm 1975, Nghệ sĩ Ngọc Đáng về tỉnh Long Xuyên, gia nhập đoàn cải lương tuồng cổ Khánh Hồng – An Giang, hát cặp với nam nghệ sĩ Vũ Linh. Trong nhiều năm liền, Vũ Linh và Ngọc Đáng là đôi diễn viên được khán giả ưa thích nhất ở các tỉnh miền Hậu Giang.

Cũng có lúc nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng được mời hát cho đoàn hát Hương Lúa Mới của Bầu Quới ở Chợ Mới An Giang, trong đoàn hát có nghệ sĩ Minh Vương, Thanh Tú, Trang Bích Liễu, Minh Kỳ và hề Phú Quí.

Năm 1988 – 1990, Ngọc Đáng hát cho đoàn cải lương Nha Trang, sau đó trở về hát lại cho đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ.

Được đào luyện trong nghề hát tuồng cổ, Ngọc Đáng hát tuồng Tàu, tuồng Hồ Quảng rất hay, đến tuổi trung niên, cô chuyển qua hát các vai dàn bao cũng thành công xuất sắc. Khán giả còn nhắc Ngọc Đáng rất sang trọng và oai nghiêm trong vai Ngô Quốc Thái tuồng *Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả*, vai Cố Mẫu trong tuồng *Thái Hậu Dương Vân Nga*, vai Lý Thần Phi trong tuồng *Xử Án Bàng Quí Phi.*

Chỉ xem ba vai Ngô Quốc Thái trong tuồng *Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả*, vai Cố Mẫu trong *Thái Hậu Dương Vân Nga* và vai Lý Thần Phi trong tuồng *Xử Án Bàng Quí Phi* do nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng thủ diễn đủ thấy tài nghệ bậc thầy của cô trên sân khấu cải lương tuồng cổ, cải lương dã sử và cải lương Hồ Quảng.

Đóng vai ba bà mẹ vua trong ba tình huống khác nhau, ba loại hình nghệ thuật khác nhau, nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng biểu hiện thật là tài tình tâm trạng và lòng thương con của mỗi bà mẹ

vương giả, kết nối tình thương con đúng mực theo nhiệm vụ của bậc mẫu nghi thiên hạ ,với lòng tôn trọng luật nước hơn tình nhà, dù phải ép bụng chịu nỗi đau để xử phạt con trong vai Lý Thần Phi, thì người mẹ qua cách thể hiện của Ngọc Đáng vẫn làm cho khán giả rơi nước mắt vì thông cảm được nỗi đau của bà. Tôi nghĩ là qua cách thể hiện tính cách của ba bà mẹ vua trong ba loại hình sân khấu của Ngọc Đáng, trường sân khấu có thể lấy đó làm bài mẫu để tập cho các diễn viên thế hệ nghệ sĩ sau này.

Đến những năm tuồng Tàu bị cấm hát thì Ngọc Đáng chuyển qua hát các vai mụ, tuồng xã hội Việt Nam, cô cũng thành công một cách dễ dàng. Nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng nhận được huy chương vàng Hội Diễn Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc trong vai Trần Bá Mẫu trong vở tuồng *Rừng Thần* năm 1982, đến năm 1990, Ngọc Đáng lại chiếm được huy chương vàng thứ hai trong hội diễn cải lương chuyên nghiệp qua vai Giáng Thu, tuồng *Đừng Quên Kỷ Niệm*.

Nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng khi hát tuồng xã hội thì hoàn toàn thể hiện được nhân vật tuồng xã hội, không có chút nào lai tạp hay vướng thói quen khoa tay múa chân như trong nghệ thuật hát Hồ Quảng hay tuồng Tàu. Cô có giọng hát tốt, ca cổ nhạc hay như các nghệ sĩ được đào luyện trên sân khấu cải lương tuồng xã hội. Ngọc Đáng có được ưu thế về nhan sắc, khi cô hát các vai bà mẹ, vai một bà hội đồng hay một người đàn bà nhà giàu có ở thôn quê, Ngọc Đáng có cái đẹp của một người đàn bà ở các miền sông nước Hậu Giang, một vẽ đẹp đằm thắm, mộc mạc, phong thái chững chạc, nhân hậu. Khi vào một vai một bà quê mùa nghèo khó, Ngọc Đáng cũng hóa trang một cách sạch sẽ, tươm tất, không tạo cho khán giả một sự thương hại hay khinh thường, trái lại Ngọc Đáng vô vai một người nghèo nhưng vẫn tự trọng, có nhân cách khiến cho khán giả có một cảm giác thân thương, đồng cảm.

Nhờ khả năng hát được nhiều vai nên nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng

được mời thu vidéo cải lương rất nhiều tuồng. Khán giả thấy cô có mặt trong các tuồng như *Tấm Cám* trong vai Son, tuồng *Gánh Nặng Giang Sơn*, vai Hùng Đổ Vương, tuồng *Xử Án Bàng Quí Phi*, vai Lý Thần Phi, tuồng *Thần Đồng Lưu Minh Châu*, vai Thừa tướng phu nhân, tuồng *Thái Hậu Dương Vân Nga*, vai Cố Mẫu, tuồng *Lưu Bị Cầu hôn Giang Tả*, vai Ngô quốc Thái, tuồng *Chiếc Hổ Phù*, vai Bà Ất, tuồng *Mạnh Lệ Quân*, vai Mạnh phu nhơn, tuồng *Nổi Oan Hoàng Hậu*, vai Nhũ Mẫu, tuồng *Nửa đêm chợt tỉnh* vai vợ Ba Lực, tuồng *Đoạn trường* vai Bà Hội…

Một nghệ sĩ có khả năng hát nhiều loại vai, có giọng ca tốt, có sắc vóc đẹp như Ngọc Đáng, nếu như Ngọc Đáng được sanh ra trước chừng ba đến năm năm, thì Ngọc Đáng thế nào cũng có tên trong số các nghệ sĩ tranh giải Thanh Tâm, giải diễn viên triển vọng của ký giả Trần Tấn Quốc. Hồi đó các ký giả trong Ban Tuyển Chọn của giải Thanh Tâm chỉ chú trọng đến các nghệ sĩ cải lương, bỏ quên các nghệ sĩ cải lương tuồng cổ và Hồ quảng. Các nghệ sĩ Đức Lợi, Ngọc Đáng, Bạch Lê, Phượng Mai cho thấy là nghệ sĩ Hồ quảng cũng có khả năng diễn xuất sắc các vai tuồng cải lương xã hội, đáng được lưu tâm khen thưởng như các diễn viên cải lương khác.

Nghệ sĩ Ngọc Đáng có cuộc sống ổn định nên nghĩ đến việc hát gây quỷ giúp các bạn nghệ sĩ và đồng bào nghèo yếu neo đơn hay gặp thiên tai hỏa hoạn. Ngọc Đáng luôn có mặt trong các nhóm nghệ sĩ làm việc từ thiện đó.

Ngọc Đáng có hai con không theo nghề hát của mẹ. Các cháu làm việc ở xí nghiệp nhưng rất yêu mẹ và tôn trọng nghề nghiệp của mẹ.

Từ năm 2010, Ngọc Đáng định cư ở California, đã tham gia chương trình Cổ Nhạc Phương Nam có từ năm 2011 trên đài VHN đến năm 2015 chuyển sang SBTN ngoài Văn Chung,

Ngọc Đáng, Tuấn Châu còn có Hoàng Nam, Hoàng Phúc Philip Nam và Cẩm Thu góp mặt thường xuyên.

Ngọc Đáng là một tài năng ca diễn cải lương, đã phục vụ khán thính giả từ trong nước cho đến hải ngoại, góp phần vào việc phát huy và bảo tồn văn hóa Việt trên xứ người.

Kiều Mai Lý

Kiều Mai Lý - Nhuyễn Thị Lý (1949-20)

Nghệ sĩ Kiều Mai Lý tên thật là Nguyễn Thị Lý sinh năm 1949 trong một gia đình nghèo có tới 10 anh chị em ở quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

Một lần mẹ cô nằm mơ thấy con gái bị rớt xuống mương chết. Không biết nghe ai mách, ông bà cho Nguyễn Thị Lý làm con nuôi một cặp vợ chồng hiếm muộn gần nhà. Năm đó, cô bé chưa được 1 tuổi. Kiều Mai Lý cho biết cảm nghĩ của cô về sự kiện nầy:

Tôi nghĩ đó là phần số của mình. Chắc cha mẹ ruột tôi cũng không ngờ rằng gửi con cho cặp vợ chồng này thì mất con luôn.

Bởi lẽ sau này tôi thương cha mẹ nuôi hơn bởi họ cưng tôi lắm. Cha mẹ ruột kêu về nhưng tôi không chịu. Khi đi hát có tiền, tôi vẫn lo cho cha mẹ hai bên. Với anh chị em vẫn hòa hợp chứ không bỏ ai.

Nhà cha mẹ nuôi cũng nghèo, nên từ nhỏ Nguyễn Thị Lý đã sớm biết phụ giúp cha mẹ công việc trong nhà. Sau 2, 3 lần được mẹ nuôi dắt đi chợ, cô bé 8 tuổi mạnh dạn xin đội thúng đi lấy hàng một mình.

Cứ 3 giờ sáng, Nguyễn Thị Lý đội thúng ra chợ lấy bún, lấy rau. Mắt thì nhắm nghiền vì cơn buồn ngủ nhưng chân theo phản xạ vẫn đi tới đúng chỗ bà bán bún. Đội thúng bún về đưa mẹ xong, Nguyễn Thị Lý lại leo lên giường ngủ tiếp tới 6 giờ sáng dậy đi học.

Ngày đó, có những nhà nghèo, nên chưa có tiền lắp hệ thống nước vào tận nhà. Người dân muốn có nước dùng phải ra các phông-tên được lắp đặt sẵn tại những nơi công cộng trong thành phố để gánh về. Từ đó xuất hiện nghề gánh nước mướn.

Nhà nghèo, cha mẹ không có tiền mướn người gánh nước nên cô bé 10 tuổi Nguyễn Thị Lý lại xung phong. Khi đã thành thạo, cô bé còn đi gánh nước mướn, để có tiền mua đôi dép Nhật mà ai cùng thích.

Nhớ lại những ngày tháng ấy, nghệ sĩ Kiều Mai Lý kể: *Thấy người ta mang dép đẹp quá mà nhà mình nghèo không có tiền mua nên tôi đi gánh nước mướn. Tôi được 1 người đứng ra lãnh mối cho gánh thuê. Gánh cả tháng được vài đồng lại bị đầu nậu giật hết tiền công.*

Má nuôi tôi giận quá, đòi đi chửi người ta. Má nói: "Con đừng đi gánh nước nữa, má cực để má cực được rồi, má không muốn con cực đâu". Tôi nói với má "Thôi, má đừng đi chửi người ta, tại con ngu nên con rang chịu".

Sau đó, tôi đến nói chuyện với mấy nhà thuê gánh nước, xin họ từ nay trả trực tiếp tiền công cho tôi, khỏi qua đầu nậu nữa.

Cha mẹ nuôi bán bánh canh, làm từ sớm tinh mơ tới chiều nên ông bà mướn người rửa chén cho đỡ mệt. Tôi nghĩ mỗi thứ mỗi tốn, tiết kiệm được đồng nào cho cha mẹ hay đồng nấy, nên cô bé lại giành rửa. *Ba má để chén đó, chiều con đi học về con rửa hết.*

Hồi đó, Nguyễn Thị Lý học trường Hà Huy Tập, đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM. Gần trường có ngôi đình là nơi đoàn hát của nghệ sĩ Thanh Hương - Hồng Minh "đóng đô". Vì mê cải lương nên trưa nào tan học, cô bé cũng chạy lên đình ngồi 2, 3 tiếng chỉ để nghe hát và bắt chước.

Thấy con mê hát lại có làn hơi nên cha mẹ nuôi dù nghèo cũng ráng lo cho cô bé đi học. Nghe người ta mách xóm Lò Heo có ông thầy Năm Đồng dạy đờn ca tài tử không ham tiền bạc nên cha mẹ nuôi đánh liều xuống gặp.

Nghe cô bé ca thử, thầy Năm Đồng nhận dạy ngay dù thù lao chỉ là ly cà phê, hay tô hủ tíu. Năm ấy Nguyễn Thị Lý 12 tuổi.

Cô nhớ lại: *Thầy có 4, 5 người đệ tử. Ai cũng học trả tiền nhưng thầy thương tôi như con đẻ, nên mang hết tâm huyết ra dạy, mà không nghĩ tới lúc tôi đi hát phải quay lại trả ơn. Thầy không cầu vật chất chỉ mong trò thành tài, nên tôi mang ơn thầy lắm.*

Vừa có làn hơi, vừa sáng dạ nên Nguyễn Thị Lý học đâu giỏi đó, không xót bài bản nào. Học được một thời gian, thầy Năm Đồng dắt đi hát và đặt nghệ danh cho nghệ danh là Kiều Mai Lý.

Trong một lần hát đám cưới, tiếng hát của Kiều Mai Lý lọt vào tai ông bầu đoàn Hoa Xuân Minh Há. Vừa lúc ông bầu này đang cần một cô đào chánh. Năm đó Kiều Mai Lý 16 tuổi.

Nghệ sĩ Kiều Mai Lý kể: *Đào chánh, đào thương, đào lẳng, đào độc... vai nào tôi cũng nhận hết. Khi các chị trong đoàn nghỉ sinh nở, tôi nhận luôn cả vai già 60, 70 tuổi dù lúc đó tôi mới 17, 18.*

Đóng vai già, các chú trong đoàn vẽ mặt cho tôi, nhưng vẽ không ra mặt già mà ra con cọp. Tôi bước ra sân khấu, từ khán giả tới anh chị em trong đoàn đều nhìn tôi cười, suýt tôi không hát được.

Nhờ không kén vai nên Kiều Mai Lý càng lúc càng giỏi nghề và liên tục được các bầu đoàn hát săn đón. Cô từng là cô đào ăn khách ở các đoàn hát như Dạ Lý Hương, Thanh Nga, Trần Hữu Trang...

Nghệ sĩ Kiều Mai Lý để lại nhiều vai diễn ấn tượng trên sân khấu cải lương, trước khi bước sang lĩnh vực hài kịch và trở thành tên tuổi được nhiều người nể trọng như ngày hôm nay. Trong đó, phải kể tới các vở *Nạn con rơi, Gái nhảy, Bốn triệu đô la một bộ trà...*

Về duyên nợ vợ chồng, nghệ sĩ Kiều Mai Lý cho biết cô tin vào duyên phận. Hồi mới về hát ở đoàn Dạ Lý Hương, đêm nào Kiều Mai Lý cũng được tặng hoa và danh thiếp của những người trẻ tuổi, giàu có mời đi ăn nhưng không nhận lời một ai.

Cho tới một ngày, Kiều Mai Lý dự đám cưới của một cô bạn thì gặp ông Nguyễn Văn Giỏi. Ông hơn cô tới 20 tuổi và đã một lần lỡ dở hôn nhân. Hai người chào hỏi làm quen kết bạn, vậy mà chỉ vài tháng sau họ về ở với nhau.

Năm đó Kiều Mai Lý 24 tuổi, đang là cô đào nổi tiếng, xinh đẹp, tiền kiếm được nhiều tiền. Thế nên cha mẹ ai cũng phản đối cuộc tình duyên này.

Thương thì thương, dọn về ở chung nhà, nhưng Kiều Mai Lý nhất định không chịu làm đám cưới. 3 năm sau, cô con gái Hồng Đào của họ chào đời. Lúc này cha mẹ cô mới chịu nhìn nhận con rể và cháu ngoại.

Có con, ông Giỏi không cho cô đi hát tỉnh, chỉ nhận show ở thành phố để cô có thời gian cho gia đình. Thậm chí, ông sẵn sàng chi tiền hao hụt khi vợ không đi hát được miễn để vợ vui với nghề.

Sinh con được ít lâu, vợ chồng nghệ sĩ Kiều Mai Lý dồn hết tài sản để lập đoàn hát Tây Giang Kiều Mai Lý, đăng ký hoạt động ở Cần Thơ.

Do thời cuộc, đoàn hát bị thu hồi làm tài sản tập thể. Từ người giàu có, bỗng chốc vợ chồng cô tay trắng, nhà cửa cũng không còn, con lại quá nhỏ.

Mất đoàn hát, cô về bán từng cái quần, cái áo để có tiền mua gạo. Cô đi chợ đen mua được 1 lít gạo trắng về nấu cháo cho con, còn hai vợ chồng chỉ dám ăn gạo vàng và hôi.

Sau đó, Kiều Mai Lý xin về hát ở đoàn Thanh Nga. Còn ông Giỏi được nhận làm soát vé. Hai vợ chồng tháng làm được 9 đồng gửi 5 đồng về cho ông bà nuôi cháu, họ chỉ giữ lại phân nửa để chi tiêu và tiết kiệm.

Có những hôm đi hát về gặp trời mưa, trong ngôi nhà nhỏ xíu, hai vợ chồng thay nhau bê thau hứng nước mưa chỗ dột trong nhà.

Nghệ sĩ Kiều Mai Lý nhớ lại những ngày tháng túng quẫn ấy: *Ngay như chuyện ăn uống, trong bụng tôi có 5 món thì ông ấy cũng có 5 món, chưa bao giờ ông ấy ăn hơn tôi món gì. Đi hát về, mua được miếng thịt bằng nửa bàn tay đem kho tiêu. Hai vợ chồng quẹt ăn cả tuần vẫn còn nguyên miếng thịt vì người này nhường người kia*.

Thế rồi từ từ ông trời cũng thương cho những vai diễn trong và ngoài nước. Hai vợ chồng cô gầy dựng lại từ tay trắng để có cơ ngơi như ngày hôm nay. Xây được nhà, vợ chồng cô mừng rơn cả đêm không ngủ được. Họ tưởng đó là giấc mơ, sợ ngủ rồi tỉnh dậy không thấy nhà nữa.

Cuộc sống sung sướng chưa được bao lâu thì năm 2006, ông Giỏi đổ bệnh rồi bỏ mẹ con cô ra đi. Nghệ sĩ Kiều Mai Lý nói:

Có lẽ số phần của ông ấy là lo cho mẹ con tôi, xong rồi đi mà không được hưởng. Nhiều khi ngồi ăn món gì, tôi đều nhớ tới ông ấy.

Vợ chồng từ lúc tay trắng dựng lại đến giờ, đi qua những thăng trầm sóng gió vẫn có thể nắm chặt tay nhau được như vậy là tôi mang ơn ông ấy nhiều lắm.

Vợ chồng nắm tay nhau tới ngày mất mới biết người đó có phải chồng mình, vợ mình không. Chúng tôi ở với nhau 33 năm không có một đám cưới, không có bất cứ giấy tờ kết hôn nào, nhưng cho tới ngày chết, ông ấy đúng là một người chồng thực sự.

Nghệ sĩ Kiều Mai Lý tự hào mình có một gia đình hạnh phúc nhưng không vì thế mà cô phủ nhận những lúc vợ chồng gây gổ nhau. Cô cho biết:

Vợ chồng gây gổ thì phải có nhưng ăn thua là ở mình. Lúc mới về sống chung, tôi nói với ông ấy rằng gây thì được nhưng

đánh là tôi bỏ liền. Ông ấy hứa và đúng là trong suốt 33 năm chồng vợ, ông ấy chưa bao giờ đánh, thậm chí hù dọa đánh tôi cũng không có.

Vợ chồng tôi cũng có lúc gây nhau dữ lắm nhưng chưa bao giờ kêu nhau một tiếng mày – tao. Chính vì thế, con gái tôi ngưỡng mộ cha nó đến mức, bây giờ vẫn chưa chịu lập gia đình dù 41 tuổi rồi. Nó bảo, khi nào kiếm được người tính tình giống cha mới chịu cưới, nếu không sẽ ở giá.

Hiện tại, Kiều Mai Lý vẫn chạy show và sống hạnh phúc với con gái Hồng Đào.

(Xem vở tuồng *Tình mẫu tử*, trang 137)

Kiều Lệ Mai

Kiều Lệ Mai – Parret Thérèse (1949-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Kiều Lệ Mai tên thật là Parret Thérèse, sanh ngày 8 tháng 9 năm 1949 tại tỉnh Long Xuyên.

Năm 1965 khi cô đi đoàn hát Thủ Đô, ông Bầu Ba Bản đặt cho cô nghệ danh Kiều Lệ Mai. Vở tuồng đầu tiên của Kiều Lệ Mai xuất hiện trên sân khấu Thủ Đô là vở *Bao Công xử án Trần Thế Mỹ*, vai con của Trần Thế Mỷ. Ở đoàn cải lương Thủ Đô,

Kiều Lệ Mai được khán giả tán thưởng qua các vai chánh trong tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương, Thần Nữ dâng Ngũ Linh Kỳ.*

Kiều Lệ Mai đã thủ các vai đào chánh trong các tuồng *Ao Vũ Cơ Hàn, Máu Nhuộm Sân Chùa, Thần Điêu Đại Hiệp, Tiếu Ngạo Giang Hồ, Mùa Trên Bạch Mã Sơn, Kiếm Sĩ Dơi, Cô Gái Đồ Long, Hồng Cô Tuyệt Kiếm, Cưới Vợ cho Vua*, hát chánh với các diễn viên tài danh như Minh Cảnh, Út Trà On, Thành Được, Thanh Hải, Út Hiền.

Kiều Lệ Mai đã hát cho các đoàn hát Thủ Đô, Minh Cảnh, Hoa Thủy Tiên, Trăng Mùa Thu, Kim Chung, Thanh Minh Thanh Nga, Thái Dương, Tiếng Ca Trung Hiếu, Trần Hữu Trang.

Trước 1975, Kiều Lệ Mai kết hôn với nghệ sĩ Minh Đức. Họ như đôi chim liền cánh cùng lượn bay trên bầu trời nghệ thuật chung trong một đoàn hát, dù có thay đổi bao nhiêu đoàn hát, Minh Đức và Kiều Lệ Mai vẫn chung vai sát cánh, vui buồn sướng khổ bên nhau.

Kiều Lệ Mai cùng gia đình định cư tại nước Pháp từ năm 1979 theo diện con lai hồi hương.

Năm 1986, nghệ sĩ Hữu Phước lập nhóm Nghệ sĩ tỵ nạn tại Paris (Assiociation des artistes réfugiés de Paris) gồm có các nghệ sĩ tài danh như Kiều Lệ Mai, Dũng Thanh Lâm, Hà Mỹ Liên, Minh Đức, Phương Thanh, Hoàng Long, Minh Thanh, Kim Chi, Thanh Lịch,… Kiều Lệ Mai và Minh Đức là hai thành viên năng nổ nhứt, hoạt động không ngừng nghĩ, góp phần thực hiện được những suất hát nguyên tuồng trên sân khấu rạp Maubert Mutualité và thu vidéo do Bảo Anh Production thực hiện.

Những tuồng hát do Minh Đức và Kiều Lệ Mai cùng thực hiện với nhóm nghệ sĩ Assiociation des Artistes réfugiés de Paris đến nay còn được cộng đồng người Việt tại Paris nhắc nhở như

tuồng *Tướng Cướp Bạch Hải Đường, Biên Giới Một Chiều Mưa, Tấm Lòng Của Biển, Con Gái Chị Hằng, Đôi Mắt Người Xưa, Lệnh Của Bà, Chiêu Quân Cống Hồ, Trường Tương Tư, Phụng Nghi Đình, Bông Hồng Cài Ao, Chuyện Tình Lan và Điệp, Chuyện Tình An Lộc Sơn…*

Có biết được cuộc sinh sống ở kinh thành Paris khó khăn đến mức nào thì khi biết các nghệ sĩ vừa học nghề mới, vừa học tiếng Pháp để hội nhập với cuộc sống nơi xứ người, thật đáng mến yêu và kính phục: các bạn nghệ sĩ cải lương đã để rất nhiều tâm huyết và công sức khi các bạn thực hiện những suất hát cải lương, phục vụ cộng đồng người Việt ở Paris, nhằm giữ được truyền thống văn hóa Việt nơi xứ người.

Đỗ Quyên

Đỗ Quyên (195X-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Đỗ Quyên sanh vào thập niên 1950, tại Sàigòn. Năm 7 tuổi được thân phụ là nghệ nhân Xuân Lạc dạy ca theo nhịp đàn. Năm 1966, chị thi đậu Trường Quốc Gia Âm nhạc kịch nghệ Sài Gòn cùng khóa với Tài Lương là chị của nghệ sĩ Tài Linh. Năm 1970, chị về làm đào chánh đoàn cải lương Thái Dương của bà bầu Chắc. Ngoài sở trường đào thương, Đỗ Quyên còn nổi tiếng với các vai đào võ, giả trai và đào lẳng độc. Vai diễn ấn tượng của chị là Triệu Thị Trinh vở *Nhụy*

Kiều tướng quân, vai Bùi Thị Xuân vở *Nữ tướng cờ đào*, vai An Lộc Sơn vở *Tây Thi*, vai Giáng Hương vở *Sân khấu về khuya*...

Năm 1971, Đỗ Quyên đậu tốt nghiệp trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon, phân khoa cải lương. Đỗ Quyên là nữ diễn viên đẹp, giọng ca khỏe khoắn, là học sinh xuất sắc được các giáo sư Phùng Há, Năm Châu trực tiếp truyền nghề. Cô đã diễn xuất sắc vai An Lộc Sơn, nhân dịp kỷ niệm sinh nhật 98 tuổi của nữ nghệ sĩ tiền phong Phùng Há khiến cho Bà rất hài lòng người học trò thân yêu này của bà.

Nữ nghệ sĩ Đỗ Quyên đã thủ diễn các vai đào chánh trong các vở tuồng *Chén Trà của Quỷ*, *Nắm Cơm Chan Máu, Người Dừng Chân Đêm Mưa, Luống Cày Rướm Máu* của Ban Cải Lương Phụng Hảo trên đài Truyền Hình Saigon trước năm 1975.

Hai nghệ sĩ Đỗ Quyên và Hoài Thanh là cặp diễn viên chánh của Ban Phụng Hảo Đài Truyền Hình Saigon, thường đóng tuồng cặp chung, yêu nhau nhưng gia đình của cô Đỗ Quyên phản đối cuộc hôn nhơn nầy vì lúc đó nghệ sĩ Hoài Thanh có vợ là nữ nghệ sĩ Kiều Lan, em gái của nữ nghệ sĩ Kiều Hoa.

Sau đó, nữ nghệ sĩ Đỗ Quyên kết hôn với nghệ sĩ Linh Vương, một kép ca đẹp trai, có giọng trầm ấm và lối ca dài hơi mà anh học theo kỷ thuật ca của nghệ sĩ Minh Cảnh. Linh Vương và Đỗ Quyên có một đứa con gái đầu lòng.

Nhiều năm sau năm 1975, Hoài Thanh và nữ nghệ sĩ Kiều Lan chia tay nhau., nghệ sĩ Linh Vương và Đỗ Quyên cũng không còn chung sống với nhau.

Đến năm 1984, Hoài Thanh hát cho đoàn Phước Chung, anh gặp lại nữ nghệ sĩ Đỗ Quyên cũng là diễn viên đoàn Phước Chung. Hai người tình cũ gặp lại nhau, tình yêu ngày nào của

Hoài Thanh và Đỗ Quyên như ngọn lửa âm ỉ gặp cơ hội tốt, bùng cháy lên mãnh liệt. Hoài Thanh và Đỗ Quyên chánh thức chung sống với nhau. Năm 1986, Đỗ Quyên sanh con trai đặt tên là Hoài Anh Kiệt.

Nữ nghệ sĩ Đỗ Quyên chuyên thủ những vai đào võ, được chân truyền của sư phụ Phùng Há nên Đỗ Quyên diễn xuất sắc những vai kép đẹp trong các tuồng Tàu như vai Lữ Bố, vai An Lộc Sơn.

Năm 1989, nghệ sĩ Đỗ Quyên học khóa Đạo Diễn ở trường nghệ thuật sân khấu 2, tốt nghiệp năm 1992, cô được giữ lại làm giảng viên của Trường.

Từ thập niên 90 trở về sau này, sân khấu cải lương mất dần khán giả, các đoàn hát như đoàn Saigon 1, Saigon 2, Saigon 3, Hương Mùa Thu, Thanh Nga, Minh Tơ, Huỳnh Long, Kim Cương phải tạm ngưng hoạt động hoặc giải tán, nghệ sĩ không có đoàn hát và cũng không còn rạp hát để hát ngoại trừ rạp Hưng Đạo và các đoàn hát do nhà nước quản lý như các đoàn hát Trần Hữu Trang, nhiều nghệ sĩ thất nghiệp, chuyển nghề. Các nghệ sĩ tài danh được các chủ quán ca nhạc mướn về lo chương trình ca cổ nhạc trong quán. Có người đi vay vốn tự đứng ra làm chủ. Người ta được biết có các quán ca nhạc của nghệ sĩ Dương Thanh, quán ca nhạc của hai vợ chồng Thanh Tú – Trang Bích Liễu, quán của nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan, của nữ nghệ sĩ Bảo Ngọc, của Văn Hường, của Minh Cảnh, của Kiều Hoa, của đôi vợ chồng Hoài Thanh - Đỗ Quyên… và còn nhiều nữa…

Vì Đỗ Quyên từng làm giảng viên dạy các nghệ sĩ trẻ trong trường nghệ thuật sân khấu 2 cô Đỗ Quyên tập hợp các học trò của cô, tổ chức thành Câu Lạc Bộ Cải Lương Hoài Thanh - Đỗ Quyên, ca hát hàng đêm trong quán ca nhạc Bông Lúa.

Cô muốn tạo ra một sân khấu nhỏ để làm chỗ cho các học trò của cô có nhiều dịp hát để kiếm sống và để trao dồi nghệ thuật phòng khi được đi hát trên một sân khấu đàng hoàng thì các nghệ sĩ trẻ đó sẽ có dịp tạo ra những vai diễn xuất sắc.

Trong số những nghệ sĩ trẻ được hai nghệ sĩ Hoài Thanh và Đỗ Quyên giúp có các nghệ sĩ Thy Trang, Thy Phương, Thy Nhung, Lê Tứ. Hai nghệ sĩ Hoài Thanh và Đổ Quyên bỏ nhiều công sức dạy thêm về ca diễn cho họ, giúp cho họ đoạt được huy chương giải Trần Hữu Trang hay các giải Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp.

Về gia đình thì Hoài Thanh Đỗ Quyên có cô con gái lớn du học và lập gia đình ở nước Úc. Con trai thứ Hoài Anh Kiệt cũng được cho du học ở Úc, đã tốt nghiệp rồi về nước nối nghiệp cha mẹ. Hiện nay thì Hoài Thanh và Đỗ Quyên được con bảo lãnh, định cư ở nước Úc.

Tô Kim Hồng

Tô Kim Hồng - Huỳnh Kim Hồng (1950-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Tô Kim Hồng tên thật là Huỳnh Kim Hồng, sinh năm 1950 tại Cần Thơ, cha là nhạc sĩ cổ nhạc đờn kìm Huỳnh

Kim Anh, sinh quán ở Sóc Trăng, mẹ là bà Phạm Thị Hườn, cô giáo dạy ở trường tiểu học Cần Thơ.

Ba của Tô Kim Hồng là trưởng Ban cổ nhạc của nhiều đoàn hát cải lương: Tam Kỳ, Ái Nghĩa, Tân Thịnh, Tân Xuân, Kim Chung 1, Tinh Hoa, Song Kiều, Thủ Đô, Kim Chung 5… nên thuở nhỏ, Tô Kim Hồng học đến lớp 6 rồi bỏ học theo sống với cha mẹ, theo gánh hát đi lưu diễn, cô thường ngồi sau cánh gà xem các nghệ sĩ đàn chú bác hát. Cô cũng được cha cô trực tiếp dạy ca, mẹ dạy học thêm chữ để có thể đọc tuồng và hiểu nghĩa câu văn trong tuồng.

Đoàn hát Tinh Hoa của bà bầu Mười Cơ mời nhạc sĩ Ba Kim Anh làm trưởng Ban cổ nhạc, ông Ba Kim Anh dẫn Tô Kim Hồng theo để có nhiều cơ hội xuất hiện trên sàn diễn. Sau đó ông Ba Kim Anh lại đổi sân khấu, đi đờn cho gánh hát Song Kiều.

Năm 1964, nhạc sĩ Ba Kim Anh đờn cho gánh hát Thủ Đô của ông Bầu Ba Bản, Tô Kim Hồng được 14 tuổi, tuy đã biết ca đầy đủ các bài bản cổ nhạc, bắt đầu học hát, nhưng Tô Kim Hồng chỉ được ra sân khấu với những vai khiêm tốn như tỳ nữ, cận tướng có ca một vài bài bản nhỏ. Tô Kim Hồng học thuộc rất nhiều vai tuồng của các vai đào chánh, đào nhì trong đoàn.

Nữ nghệ sĩ Trương Ánh Loan nổi tiếng trên các sân khấu Thủ Đô, Kim Chưởng và Dạ Lý Hương trong các vai đào võ, cô đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1963. Trương Ánh Loan đã dạy cho Tô Kim Hồng các điệu múa kiếm, cách thể hiện các nhân vật võ tướng một cách rất oai phong và đáng yêu.

Nữ nghệ sĩ Như Ngọc, đệ nhất đào lẵng dạy cho Tô Kim Hồng từng cách liết mắt, từng nụ cười của các nhân vật lẵng kể cả cách phát âm những từ có tính cách quyến rũ, tình tứ trên sân khấu.

Chính anh Ba Kim Anh trực tiếp thị phạm khi hai nữ diễn viên tài ba nầy dạy cho Tô Kim Hồng hát như đã kể, vì Tô Kim Hồng quá hiền, quá nhút nhát nên không phải qua lời dạy hát mà Tô Kim Hồng có thể tự mình thực hiện được ngay mà phải có một quá trình lâu dài tập luyện tại nhà riêng trước một khung kiếng lớn và trên sân khấu khi nhận một vai đào lẵng.

Hề Bảy Xê, giám đốc nghệ thuật của đoàn hát Thủ Đô khám phá ra tài năng tiềm ẩn của Tô Kim Hồng. Nhân dịp nữ diễn viên chánh Hồng Loan bị bịnh bất ngờ, đoàn hát thiếu người thế vai Hoàng Hậu trong tuồng *Đêm Hờn Cung Lạnh*, Hề Bảy Xê, đề nghị với ông Bầu Ba Bản cho Tô Kim Hồng thế vai đó.

Báo chí kịch trường không ngớt khen ngợi và đưa tin về "một đoá hồng nhung vừa chớm nở" trên sân khấu Thủ Đô và họ tiên đoán là đào đẹp Tô Kim Hồng sẽ đoạt được một huy chương vàng giải Thanh Tâm trong năm 1966, tức khi Tô Kim Hồng được 16 tuổi.

Năm 1966, Bầu Long đoàn hát Kim Chung chuyên khai thát các khôi nguyên vọng cổ và các đào kép trẻ triển vọng nên lập tức ký hợp đồng mời Tô Kim Hồng về hát chánh trên sân khấu Kim Chung 5 và mời nhạc sĩ Ba Kim Anh về làm trưởng ban cổ nhạc Kim Chung 5.

Vai đầu tiên trên sân khấu Kim Chung 5 của Tô Kim Hồng là Chiêu Yến Phượng trong tuồng *Nhạn Về Xóm Liễu*, Tô Kim Hồng thành công rực rở với vai diễn trên nhất là khi cô thủ diễn vai Chiêu Yến Phượng trẻ ở màn một và thế vai của nữ diễn viên Hồng Hoa trong vai Chiêu Yến Phượng về già ở màn cuối của tuồng *Nhạn Về Xóm Liễu.*

Nữ nghệ sĩ Tô Kim Hồng được trời ban cho một nhan sắc diễm kiều, đôi mắt đẹp sắc sảo, nước da trắng hồng mịn như nhung tơ, môi hồng mắt biếc tự nhiên, giọng ca thánh thót với một kỹ thuật ca chắc nhịp, đúng bài bản, tất cả những ưu thế đó cộng

với sự lăng xê quảng cáo của bầu gánh Kim Chung, nên Tô Kim Hồng nỗi danh và thành đạt trên sân khấu một cách mau lẹ, dễ dàng. Đó là một điều mà các nghệ sĩ trẻ thời đó đều mơ ước.

Ông thần may mắn không mĩm cười hoài với người đẹp sân khấu họ Tô. Năm 1966, một trái hỏa tiễn 122 ly của phe nghịch bắn vô Saigon, rớt trúng ngay sau rạp hát Olympic, cắt đứt một bên ngực của người nghệ sĩ tài ba, suýt cướp luôn mạng sống của nữ nghệ sĩ Tô Kim Hồng nếu như không có sự tậm tâm tận lực chữa trị của tập thể bác sĩ và y tá của bệnh viện Saigòn.

Năm 1966, khi Tô Kim Hồng được báo chí kịch trường đăng nhiều bài ngợi khen về tài diễn xuất cùng sắc đẹp hiếm có của một nghệ sĩ cải lương trẻ thì trái hỏa tiễn 122 ly đó vừa xẻo mất một mãng thịt lớn trên ngực của Tô Kim Hồng, vừa cắt đứt nguồn hy vọng trở thành ngôi sao sân khấu cải lương.

Trái hỏa tiễn 122 ly đó cũng ngăn đường không cho cô với tới các huy chương vàng giải Thanh Tâm vì cô nằm nhà thương hơn sáu tháng. Sau khi lành vết thương trên ngực thì hơi hám để ca hát cũng bị hạn chế rất nhiều, Tô Kim Hồng vừa hát vừa phải giữ gìn không cho phổi của cô làm việc quá sức, do đó hơi ca yếu đi, giọng hát không còn ngân vang lảnh lót như trước khi bị thương.

Năm 1967 qua đi khi Tô Kim Hồng vừa mới lành vết thương, cô không có hát được một vai tuồng nào với đầy đủ phong độ để được giới thiệu ra tranh giải Thanh Tâm. Kế đó Tết Mậu Thân 1968, giải Thanh Tâm không thực hiện được, vì tình hình chiến cuộc sôi động nên giải Thanh Tâm cũng âm thầm tự chấm dứt hoạt động.

Tuy không có huy chương vàng giải Thanh Tâm, nữ nghệ sĩ Tô Kim Hổng vẫn là cô đào quan trọng của đoàn cải lương Kim Chung 5, rồi qua Kim Chung 6, Kim Chung 2, Kim Chung 3

theo sự điều động của Bầu Long, cô Tô Kim Hồng thế vai đào chánh Hồng Loan, thế vai đào lẵng Như Ngọc một cách thành công khiến cho cô được nâng lân thành đào nhì trong gánh hát.

Có lần nữ nghệ sĩ danh ca Diệu Hiền bị bịnh bất ngờ, cũng chính Tô Kim Hồng đột xuất thế vai cho Diệu Hiền trong tuồng *Độc Thủ Đại Hiệp*. Ông Bầu Long nâng vai Kim Hồng lên làm đào chánh đoàn Kim Chung 2 kể từ suất diễn thế vai Diệu Hiền đêm đó.

Trong hơn sáu năm cộng tác với đoàn hát Kim Chung 5, Kim Chung 6, Kim Chung 2, Kim Chung 3, Tô Kim Hồng đã hát qua các tuồng *Thằng Điên và Nàng Công Chúa, Người Mang Sông Núi, Chuyến Đò Thương, Phủ Kiều Trường Hận, Mạnh Lệ Quân, Tâm Sự Loài Chim Biển, Kiếm Sĩ Người Dơi, Nhất Kiếm Bá Vương…*

Từ năm 1970, báo chí kịch trường có nhiều bài viết chẳng những đề cao nghệ thuật ca diễn của nữ nghệ sĩ Tô Kim Hồng mà còn có nhiều bài báo ca ngợi tư cách đạo đức của cô. Trong giới nghệ sĩ đồng nghjệp, mọi người đều công nhận là Tô Kim Hồng nết na, thùy mị, đối xử tốt với bạn bè đồng nghiệp.

Cô không hề mang tai tiếng xấu gì về cuộc đời riêng và cuộc đời nghệ thuật của cô. Có lẽ vì vào thời điểm những năm sôi động sau cùng của cuộc chiến tranh sắt máu nên tình yêu đến với cô trễ muộn, mà cũng có thể là do cung cách sống kép kín, nhút nhát, ít giao du bè bạn nên Tô Kim Hồng lo trao chuốc về nghệ thuật sân khấu hơn là chăm lo về mặt tình cảm riêng.

Năm 1972, Tô Kim Hồng đoạt giải Kim Khánh do nhật báo Trắng Đen của Việt Định Phương tổ chức Tô Kim Hồng được tặng danh hiệu "Người Đẹp Cải Lương"

Sau đó, Tô Kim Hồng được bà Bầu Tiêu Thị Chắc mời về hát chánh cho đoàn hát Thái Dương của bà. Đêm khai trương bảng

hiệu đoàn cải lương Thái Dương, nữ nghệ sĩ Tô Kim Hồng thủ vai nữ chánh trong tuồng *Tuổi Hồng Cho Em* của soạn giả Nguyễn Phương tại rạp Quốc Thanh.

Từ năm 1972 đến 1975, vì ảnh hưởng của thời cuộc, sân khấu cải lương ngày càng ít khán giả, nhiều gánh hát phải rã gánh. Tô Kim Hồng theo một vài gánh hát nhỏ lưu diễn miền Hậu Giang…

Đến đầu tháng 6 năm 1975, đoàn hát cải lương Saigon 1 được thành lập, Tô Kim Hồng được mời thủ vai Kim Anh trong tuồng *Đời Cô Lựu*. Đoàn cải lương Saigon 1 khai trương bảng hiệu tại rạp Long Vân quận 3, rạp hát trên đường Phan Thanh Giản, gần ngã Bảy, góc đường Lý Thái Tổ.

Trong thời gian hát ở đoàn cải lương Saigon 1, Tô Kim Hồng nỗi danh qua vai bà Huyện trong tuồng *Ngao Sò Ốc Hến* của soạn giả Nguyễn Thành Châu.

Tô Kim Hồng cũng hát thành công tuồng *Phụng Nghi Đình* trong vai Điêu Thuyền lớp Bái Nguyệt. Tô Kim Hồng còn có những vai hát để đời khác như vai Lưu Yến Ngọc, tuồng *Mạnh Lệ Quân,* vai Hạnh trong tuồng *Trăng Lên Đỉnh Núi*, vai thiếu úy Kỳ Hoa trong tuồng *Thái Hậu Dương Vân Nga,* vai An Tư trong tuồng *Công Chúa An Tư*, vai Phương Thúy trong tuồng Cho Trọn Cuộc Tình…

Về đời sống tình cảm riêng thì Tô Kim Hồng thành hôn với nghệ sĩ Nam Hùng vào năm 1977. Trước kia thì Nam Hùng và Thanh Thanh Hoa là một đôi vợ chồng được nhiều người trong giới sân khấu biết đến, Đứa con gái đầu lòng của Nam Hùng và Thanh Thanh Hoa là nữ nghệ sĩ trẻ tài danh Thanh Thanh Tâm.

Sau khi đoàn hát cải lương Saigon 1 giải tán, Nam Hùng và Tô Kim Hồng mở một tiệm bán phở, hiệu Phở Nam Hùng ở đường Nguyễn Duy Dương ở quận 5. Cuộc sống bằng nghề tay trái

nầy cũng mang lại cho họ một cuộc sống ấm no và yên ổn trong khi tình hình sân khấu cải lương sa sút trầm trọng.

Tuy nhiên, người chủ nhà cho Nam Hùng và Tô Kim Hồng mướn làm tiệm bán Phở tăng giá cho mướn tiệm đó nhiều lần, Nam Hùng không đáp ứng nỗi yêu cầu tăng giá đó nên đóng cửa quán Phở. Sau đó, mướn được một địa chỉ mới, mở tiệm phở Nam Hùng ở số 292 đường Nguyễn Thái Sơn phường 4 quận Giò Vấp.

Hai vợ chồng Nam Hùng và Tô Kim Hồng đã nhiều năm làm việc từ thiện, giúp việc ở chùa nghệ sĩ và nghĩa trang nghệ sĩ, nhiều lần tham gia hát hội không nhận thù lao để gây qủy cứu trợ nạn nhân bảo lụt hay hỏa hoạn. Có lẽ vì làm việc từ thiện nhiều nên những khi gặp khó khăn trong cuộc sống, Nam Hùng và Tô Kim Hồng cũng được các nhà mạnh thường quân trợ giúp. Âu đó cũng thiện duyên được thiện báo.

(Xem *Áo cưới trước cổng chùa* trang 142)

Thanh Bạch

Thanh Bạch - Nguyễn Thanh Bạch (1950-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Bạch tên thật là Nguyễn Thanh Bạch (?) sinh năm 1950, tại Sàigòn. Sinh ra trong gia đình có truyền thống trình diễn sân khấu, là con của vợ chồng đôi nghệ sĩ hát bội Bảy Huỳnh và Ngọc Hương có 9 người con : Bạch Mai, Thanh

Bạch, Hữu Tánh, Trung Ảnh, Kim Phượng, Thanh Châu, Bạch Nga, Trung Cuộc, Bạch Lan. Bạch Mai, Thanh Bạch, Hữu Tánh, Bạch Nga, Bạch Lan.

Thanh Bạch tuy là con của hai nghệ sĩ tài danh kiêm bầu gánh hát nhưng Thanh Bạch vẫn phải bái nghệ sĩ khác trong đoàn làm thầy và phải tuân thủ theo trình tự học nghề đã được quy định bất thành văn trong giới nghệ sĩ hát bội và cải lương ngày xưa.

Quy định đó là người đệ tử phải hầu hạ sư phụ như một người đày tớ hầu chủ nhân, phải đấm bốp, giặt quần giặt áo cho sư phụ, có khi phải đi mua thuốc phiện hay mua rượu về cho ông thầy, thì ông thầy "phê'' rồi mới dạy cho học trò học hát vài câu hoặc dạy một vài bộ múa.

Thanh Bạch phải thủ vai quân chạy hiệu, quân hầu, quân báo, kép con, kép phụ, kép mặt vằn, kép mặt trắng… vân vân và luyện cách nói lối, luyện giọng ca và phải biết ca đủ bài bản mới hy vọng hát được vai kép chánh. Người thầy đầu tiên của Thanh Bạch là nghệ sĩ Bữu Ngọc, thân phụ của Bữu Truyện. Thầy dạy ca Hồ Quảng là Há Thầu.

Năm 1970, vai diễn nổi danh đầu tiên của Thanh Bạch là vai Cao Quân Bảo tuồng *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu*, sau đó là vai chánh trong các tuồng *Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả, Thần Nữ Dâng Ngũ Linh Kỳ, Thất Tinh Mai, Bao Công xử án Quách Què…*

Nghệ sĩ Thanh Bạch cao ráo, trắng trẻo đẹp trai, đôi mắt lớn, mủi cao, giọng hát sang sảng nên sắm tuồng rất đẹp khi anh hát vai kép võ như Triệu Tử Long, Cao Quân Bảo, Tiết Đinh San.

Thanh Bạch học nghề hát rất căn bản, được nhiều minh sư chỉ dạy và hát đóng vai kép chánh rất nhiều năm nên động tác vũ đạo thật đẹp, từ cách múa thương múa đao, khi lâm trận, lúc trụ

bộ và cả phong cách diễn kép văn, cầm quạt, uống rượu đều làm đúng mẫu mực, khắc họa một hình tượng nghệ thuật sắc nét trong lòng khán giả mộ điệu.

Năm 1973, ông Bầu Huỳnh mất, Thanh Bạch thay mặt cha để điều khiển gánh hát Chánh Thành. Sau đoàn hát Chánh Thành đổi tên là gánh hát Kim Mai(tên của Bạch Mai lúc trước), rồi đổi thành gánh Tân Kim Mai, Thanh Bình - Kim Mai.

Năm 1974, Thanh Bạch vì giận anh rể ký hợp đồng lấy tiền đi hát cho đoàn hát bội pha cải lương Thiên Hương, nên khi đoàn Thanh Bình Kim Mai hát ở rạp Ô Môn – Bình Thủy, Cần Thơ. Thanh Bạch cho rã gánh, đưa xác gánh về đình Nhơn Hòa Cầu Muối. Thanh Bạch và Bạch Mai về Saigon hát cho đoàn Hoa Xuân - Mười Vàng, hát thu truyền hình(Ban Huỳnh Long, Ban Vân Kiều, Ban Phụng Hảo, Ban cải lương Hồ Quảng Khánh Hồng,)…cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sau năm 1975, bà Bảy Hương được phép thành lập đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long đồng thời với việc ông Minh Tơ được phép thành lập đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ. đây là hai đoàn hát thu hút khán giả ái mộ cải lương một cách đông đảo nhứt trong hơn mười năm từ 1976 đến năm 1987.

Nghệ sĩ Thanh Bạch là diễn viên trụ cột của đoàn Huỳnh Long, đã hát qua những tuồng *Lưu Kim đính giải giá Thọ Châu, Về đất Kinh Châu* tức tuồng *Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả* đổi tên, *Hùm Thiêng Yên Thế, Lá Chắn Biên Thùy, Tấm Cám…*

Từ cuối năm 1977 qua đầu năm 1978, Sở Văn Hóa cho "tập thể hóa"các đoàn hát tư nhơn Huỳnh Long, Minh Tơ, Thanh Nga, đưa cán bộ của Sở xuống làm Trưởng đoàn. Bà Bầu Bảy Huỳnh, ông Minh Tơ, bà bầu Thơ trở thành phó đoàn, một danh vị bù nhìn trong gánh hát vì mọi quyền thu xuất về tài chánh, quyết định tuồng tích, thu nhận hay sa thảy diễn viên,

định lương hay cắt lương đều do quyền của các cán bộ trưởng đoàn của Sở Văn Hóa đưa xuống.

Tuy nhiên nghệ sĩ hồ quảng tài danh Thanh Bạch không còn có thể hát theo phong cách tuồng Tàu và hay Hồ Quảng như anh đã được đào luyện vì đạo diễn miền Bắc tập kết về nắm quyền chỉ đạo nghệ thuật trong đoàn hát.

Đạo diễn là người học diễn kịch ở Liên Xô, không chấp nhận lối vũ đạo và nhạc của loại tuồng Tàu nên giảng lược rất nhiều những "mãng, miếng nghề hát tuồng cổ" thay vào đó lối diễn như kịch hiện đại.

Đến năm 1977 thì cấm hát Hồ Quảng, không được sử dụng những bài ca Hồ Quảng. Đến năm 1979, vì có chiến tranh biên giới với Trung Hoa Cộng Sản nên tất cả các tuồng rút ra từ truyện Tàu đều bị cấm. Những tuồng như *Cầu hôn Giang Tả, Lưu Kim đính, Thần Nữ dâng ngũ linh kỳ, Phàn Lê Huê, Hoa Mộc Lan, Lương Sơn Bá Chúc Anh đài*…đều bị cấm.

Trưởng đoàn Huỳnh Long là Bạch Tùng Hương vì hát bán giàn tuồng *Lưu Kim đính giải giá Thọ Châu* mà bị cách chức Trưởng đoàn.

Từ sau khi các đoàn hát bị tập thể hóa, các ông bà bầu rời đoàn hát của mình, các nghệ sĩ con cháu của bầu gánh cũ chạy xuống các đoàn hát tỉnh để hát kiếm cơm, Thanh Tòng đi hát cho đoàn Sông Bé, Thanh Bạch, Bạch Lê hát cho đoàn An Giang Khánh Hồng, Bảo Quốc cũng rời đoàn Thanh Nga đi tấu hài.

Năm 1986, Thanh Bạch và Bạch Lê kết hôn với nhau, cùng vượt biên và được định cư tại Paris, Pháp Quốc ngày 27 tháng 3 năm 1990. Khi mới định cư, họ gặp nhiều khó khăn, phải học Pháp Ngữ để hội nhập với xã hội mới nhưng với quyết tâm cao, Thanh Bạch v à Bạch Lê ổn định dược cuộc sống mau lẹ và

còn có nhiều hoạt động nghề nghiệp rất thuận lợi. Họ đã có ba con sanh tại Pháp: Con trai lớn tên Nguyễn Ngọc Bảo Tân, hai con gái Nguyễn Ngọc Bảo Tâm và Nguyễn Ngọc Bảo Châu.

Ở Pháp và một số nước ở Châu Âu, Thanh Bạch và Bạch Lê có trình diễn để phục vụ khán giả Việt Nam, họ cũng có trở về Việt Nam trình diễn.

Có thể nói trong giới nghệ sĩ tuồng cổ, hai nghệ sĩ Thanh Tòng và Thanh Bạch là hai tài năng quý hiếm cần được trân trọng và bảo tồn.

Trường Sơn

Trường Sơn - Lê Văn Sơn (1950-20 ..)

Nghệ sĩ Trường Sơn tên thật Lê văn Sơn, sanh năm 1950, tại Sàigòn, cha của anh là nghệ sĩ Bảy Đực, người nghệ sĩ đánh trống tài danh trong nghệ thuật hát bội và hát tuồng cổ trong hàng mấy chục năm trên sân khấu các đoàn hát Vĩnh Xuân - Khánh Hồng, Minh Tơ - Khánh Hồng, đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ.

Từ thuở nhỏ, Trường Sơn cùng sống với cha mẹ ở rạp đình Cầu Quan, ban ngày ngoài giờ học văn hóa thì Trường Sơn thường được nghe tiếng trống, tiếng nhạc cùng giọng hát hò của các cô bác nghệ sĩ trong đoàn, Trường Sơn đã nhập tâm từ

thơ ấu những điệu hát, lối hát nên khi được thầy Minh Tơ trực tiếp chỉ dạy, Trường Sơn nắm bắt những tinh túy nghề nghiệp rất mau lẹ. Trường Sơn được đào tạo trong đoàn Đồng Ấu Minh Tơ cùng một lượt với các nghệ sĩ Thanh Tòng, Bửu Truyện, Xuân Yến, Thanh Loan, Thành Tốt tức nghệ sĩ Hoàng Trinh, Vũ Đức, Thanh Hoàng,…

Thuở đó các diễn viên nhí Thanh Tòng, Trường Sơn, Xuân Yến, Bo Bo Hoàng, Thanh Loan, Thanh Phượng, Thành Tốt đã hát thành công các vở tuồng Tàu mà người trong nghề xem như là những vở tuồng kinh điển, những vở tuồng thầy. Đó là những tuồng *Phụng Nghi Đình, Trảm Trịnh Ân, Xử Án Bàn Quý Phi, Bao Công Xử Án Quách Què, Quan Công Đấp Đập Bắt Bàng Đước…*

Các nghệ sĩ Đồng Ấu Minh Tơ trong đó có kép Trường Sơn có một phong cách trình diễn mới, nghĩa là những động tác vũ đạo thì ông thầy Minh Tơ vẫn dựa vào vũ đạo hát bội, có tinh lọc, tiết chế cho đẹp hơn, bớt rườm rà, thêm vào đó có bộ hát quảng, điệu ca quảng được Việt hóa, thành ra tuy là đoàn hát Đồng Ấu Minh Tơ chỉ gồm những nghệ sĩ từ 11 tuổi đến khoảng 15 tuổi nhưng sức thu hút khán giả kỷ lục. Nghệ sĩ tí hon Trường Sơn và nghệ sĩ Thanh Tòng là hai nghệ sĩ diễn thành công các vai kép võ như Lữ Bố, Triệu Tử Long, Châu Du, Quan Công, Quan Bình, Châu Xương, Trịnh Ân, và các vai kép văn như Tống Nhơn Tôn, Bao Công…

Năm 1972, khi nghệ sĩ Khánh Hồng tổ chức hát Hồ Quảng trên đài truyền hình và Thanh Tòng tổ chức hát Hồ Quảng hàng đêm ở rạp hát Long Phụng, nghệ sĩ Trường Sơn là một trong những kép chánh ăn khách nhứt lúc bấy giờ.

Thời gian nầy, nghệ sĩ Trường Sơn thành hôn với nữ nghệ sĩ Thanh Ngọc, bạn diễn trong đoàn hát của ông bầu Khánh Hồng – Minh Tơ. Trường Sơn và Thanh Ngọc có được hai con là

Tuấn Sang sanh năm 1971 và con gái Thanh Uyên sanh năm 1973.

Sau năm 1975, gia đình nghệ sĩ Trường Sơn đổ vỡ, Thanh Ngọc dẫn hai con Tuấn Sang và Thanh Uyên về sống với mẹ ở tỉnh Long Xuyên.

Trong thời gian chưa được chánh quyền mới cho thành lập đoàn hát, Trường Sơn và các nghệ sĩ chuyên hát Hồ Quảng và tuồng cổ phải hành nghề tay trái để mưu sinh. Có người mua gánh bán bưng, Trường Sơn phải chạy xe ôm một thời gian, cho đến khi đoàn hát Minh Tơ được phép thành lập trở lại, Trường Sơn về hát những vai dàn bao cùng với các diễn viên tài danh Thanh Tòng, Hữu Cảnh, Công Minh, Bạch Lê, Xuân Yến, Thanh Loan, làm nổi bậc một nghệ thuật biểu diễn tuồng cổ qua các tuồng dã sử *Câu Thơ Yên Ngựa, Tô Hiến Thành Xử Án, Bảo Táp Nguyên Phong….*

Thanh Loan và Trường Sơn trong vở "Tô Hiến Thành xử án"

Năm 1976, Nghệ sĩ Trường Sơn kết hôn với nữ nghệ sĩ Thanh Loan, con gái của nghệ sĩ bậc thầy Minh Tơ. Cuối năm 1976, Trường Sơn và Thanh Loan có được đứa con gái đầu lòng, đặt

tên là Lê thị Ngọc Trinh. Năm sau, 1977, anh chị có thêm một con gái đặt tên là Lê Tú Sương, năm 1982, anh chị lại có thêm một gái là Lê thị Thanh Thảo.

Năm con của nghệ sĩ Trường Sơn: Tuấn Sang, Thanh Uyên, Ngọc Trinh, Tú Sương, Thanh Thảo hiện nay là năm diễn viên tài danh, thế hệ thứ năm của các nghệ sĩ tiền Phong Minh Tơ, Bảy Sự và nhạc sĩ chuyên đánh trống Bảy Đực. Riêng nữ nghệ sĩ Tú Sương nhận được huy chương vàng giải Trần Hữu Trang năm 1995. Tú Sương và nghệ sĩ Vũ Luân là hai nghệ sĩ trẻ thế hệ mới sau năm 1975 được khán giả trong và ngoài nước ái mộ nồng nhiệt.

Đến những năm 1996, 1997, đoàn Minh Tơ giải tán, nghệ sĩ Trường Sơn và các con tham gia những chương trình ca cổ và hát trích đoạn trong Đầm Sen, chương trình Vầng Trăng cổ nhạc, ở các tụ điểm Văn Hóa. Trường Sơn và các con của anh cũng hát tăng cường cho các đoàn tỉnh.

Các con của đôi nghệ sĩ tài danh Trường Sơn Thanh Loan đều trở thành những nghệ sĩ giỏi tay nghề là phần lớn do Trường Sơn và Thanh Loan trực tiếp chỉ dạy. Ngoài ra các cháu còn được thầy Bạch Long dạy hát trong đoàn Đồng Ấu Bạch Long.

Đến giữa năm 2007, Trường Sơn được mời sang Hoa Kỳ trình diễn. Lần đầu tiên tại rạp hát La Mirada ở Hoa Kỳ, Trường Sơn thực hiện một chương trình hát Hồ Quảng với các nghệ sĩ Hồ Quảng tài danh từ Việt Nam sang và hát chung với các con của anh, đó là một chương trình vinh danh nghệ sĩ Trường Sơn với chủ đề *Sắc Màu Sân Khấu*. Trong chương trình *Sắc Màu Sân Khấu*, Trường Sơn hát trích đoạn Xử Án Thượng Dương Hoàng Hậu gồm có nghệ sĩ Trường Sơn và hai con là Tú Sương và Thanh Uyên. Trích đoạn Bao Công vô lò gạch, Trường Sơn diễn với nữ nghệ sĩ Ngọc Đáng và con là Thanh Thảo. Trích đoạn Cam Tử Lộ tức Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả

thì Trường Sơn hát với Chí Tâm, Bạch Mai và con trai lớn là Tuấn Sang.

Hạnh phúc về già của một nghệ sĩ là còn được hát cho khán giả thân thương của mình xem. Nghệ sĩ Trường Sơn còn có cái hạnh phúc mà không phải nghệ sĩ nào cũng có được là anh thường được hát chung trên sân khấu với 5 người con của anh. Các con của anh cũng là những nghệ sĩ tài danh, được rất nhiều khán giả ái mộ, lại là những truyền nhân nhận được đầy đủ sở học hát tuồng cổ, tuồng Hồ Quảng mà Trường Sơn cũng như các gia đình nghệ sĩ Minh Tơ Thành Tôn muốn lưu truyền lại hậu thế để giữ vững nghệ thuật hát cổ truyền của dân tộc.

Mỹ Châu

Mỹ Châu - Nguyễn Thị Mỹ Châu (1950-20 ..)

Nghệ sĩ Mỹ Châu tên thật là Nguyễn Thị Mỹ Châu, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1950 tại Thủ Thừa, Long An, là con út trong gia đình có bốn người con. Thuở nhỏ, cô từng bộc lộ năng khiếu âm nhạc và mong muốn trở thành bác sĩ. Cha mất sớm, cô và các anh chị đều do người mẹ nuôi lớn. Tuy niềm đam mê của Mỹ Châu là ca tân nhạc, nhưng cô cũng học thêm cổ nhạc từ một người bạn của anh để chiều lòng mẹ cô vốn là một người rất mê cải lương.

Năm 7 tuổi, Mỹ Châu được ông bầu Ba Cang, chủ đoàn cải lương Tiếng Chuông, phát hiện tiềm chất của cô trong một lần cô hát cải lương tại trường. Năm 1961, Mỹ Châu bắt đầu bước vào nghề cải lương khi vừa 11 tuổi với lời mời của ông bầu Cang và sự kiềm cặp của mẹ.

Khởi sự từ ban Tiếng Chuông, vai diễn đầu tiên của Mỹ Châu là vai đào con Sao Ly trong vở *Giai nhân bên suối mộng*. Không lâu sau, cô nhận được lời mời của ban Kim Chưởng, tuy nhiên, được sự đồng ý của mẹ, cuối cùng cô về với gánh Út Bạch Lan - Thành Được vừa được thành lập cuối năm 1961. Trong suốt gần một năm, cô chỉ được phân công ngâm thơ hậu trường những vở *Nước chảy qua cầu*, *Khi hoa anh đào nở*.

Mãi đến cuối năm 1962, khi vở *Khi rừng mới sang thu* được dựng, cô mới được phân thủ vai Ấu Quân. Được sự giới thiệu của danh cầm Hai Long, cô về với ban Thành Công, ca bài vọng cổ Bá Nha – Tử Kỳ, phát trên Đài phát thanh Sàigòn. Do sự thành công của tiếng hát phát thanh, cô tiếp tục được các đoàn Kim Chung và Thủ Đô mời tham gia. Cuối cùng, cô về tham gia với đoàn Thủ Đô 2 làm đào chánh. Do thể hình còn nhỏ, nên đoàn hát phải thiết kế cho loại phục trang nhiều lớp dành riêng cho cô để có được vóc dáng phù hợp với vai diễn. Báo chí miền Nam thời bấy giờ đã đặt cho cô biệt danh "Lolita Mỹ Châu" để so sánh với nhân vật Lolita nổi tiếng thời bấy giờ trên tiểu thuyết và phim ảnh.

Năm 1965, cô nổi tiếng với vai Thùy Dương trong vở *Hai lần thu hẹn* trên sân khấu Thủ Đô. Cũng trong năm này, cô về đoàn Kim Chung. Được sự dìu dắt của nghệ sĩ Minh Cảnh, Mỹ Châu đã thành công khi thủ vai Mai Thảo trong vở *Trinh nữ lầu xanh*, được nhiều người mến mộ.

Năm 1967, Mỹ Châu được trao tặng Huy chương Vàng Thanh Tâm vì những thành tựu của mình trong nghệ thuật cải lương, cùng đợt với Phương Bình, Bảo Quốc, Ngọc Bích. Cũng trong

năm này, cô được mời thu dĩa thu lại vở *Khi rừng mới sang thu* với vai chính nữ chúa Tọa Mã Sơn.

Trước năm 1975, những vở tuồng được thu vào băng đĩa như *Sở Vân cứu giá*, *Kiếp nào có yêu nhau*, *Kiếm sĩ dơi*, *Gió giao mùa*, *Bình rượu nhiệm mầu*, *Tiêu Anh Phụng*, *Khi rừng mới sang thu*, *Lan huệ sầu ai*... đều có sự đóng góp của Mỹ Châu, khiến cô trở thành một trong những nghệ sĩ được thu thanh nhiều nhất.

Sau năm 1975, Mỹ Châu vẫn tiếp tục thành công với nhiều vở diễn, như: *Khách sạn hào hoa*, *Tâm sự Ngọc Hân*, *Hoa Mộc Lan*, *Muôn dặm vì chồng* (hoặc *Nàng Hai Bến Nghé*), *Thái hậu Dương Vân Nga*, *Bên cầu dệt lụa*, *Tiếng trống Mê Linh*, *Vòng cưới anh trao*, *Hai phương trời thương nhớ*, *Hoa độc trong vườn*, *Dòng sông đầm lầy*...

Trong những năm 1990–1992, khi video cải lương bắt đầu xuất hiện và đạt chất lượng cao, Mỹ Châu lại xuất hiện trên băng hình trong các vở mà cô đã diễn trước 1975, như *Chiều lạnh tuyết băng sơn*, *Giai nhân và loạn tướng*, *Bài thơ trên cánh diều*, *Trăng nước Lạc Dương thành*, *Nắng thu về ngõ trúc*... và đóng nhiều vở xã hội. Năm 1990, cô lập gia đình với Nghệ sĩ Đức Minh khi đã 40 tuổi. Năm 1995, Mỹ Châu tuyên bố giải nghệ.

Từ năm 1997, Mỹ Châu hợp tác với các đài truyền hình, đặc biệt là Đài Truyền hình Cần Thơ, hãng phim Tây Đô, đài HTV... để thực hiện lại các vở tuồng nổi tiếng thời còn ở sân khấu Kim Chung và hãng đĩa Việt Nam như *A Khắc Thiên Kiều*, *Kiếp nào có yêu Nhau*, *Bóng hồng sa mạc*, *Đợi anh mùa lá rụng*, *Khi rừng mới sang thu*, *Tiêu Anh Phụng*... Mỹ Châu tự mình tham gia đạo diễn và dàn dựng nên các tuồng thu lại này vẫn giữ được hầu hết lời văn và tâm ý của các tác giả, các tuồng đều đạt chất lượng nghệ thuật cao dù có nhiều diễn viên, nghệ sĩ sau 1975 như Thanh Ngân, Phượng hằng, Thoại Mỹ,

Cẩm Thu, Ngân Huệ, Kim Tử Long, Trọng Phúc, Tuyết Ngân, Vũ Luân, Kim Tiểu Long, Kiều Oanh, Bảo Chung, Phú Quý... và các tài danh trước 1975 như Minh Phụng, Minh Vương, Hồng Nga, Bảo Quốc, Văn Chung, Thanh Tuấn, Hoài Thanh, Út Bạch Lan, Bích Thùy, Hữu Tài, Đức Minh...

Sau năm 2002, Mỹ Châu sang Hoa Kỳ để đoàn tụ với gia đình, sống tại tiểu bang Georgia và từ chối mọi lời mời đi hát. Trước khi ra đi, Mỹ Châu đã diễn hai vở *Võ Tắc Thiên* và *Tơ vương sầu ly biệt* của hãng phim Tây Đô.

Vào những năm 2007-2008, Mỹ Châu hợp tác với Đài Truyền hình Cần Thơ để dàn dừng lại một số vở cải lương mà cô đã từng thành công trong suốt 45 năm diễn trên sân khấu như *Chiều đông gió lạnh về*, *Khúc hát đoạn tình* và một số vở xã hội như *Mưa bay trong đời*, *Người yêu của cha tôi*, *Tình đất tình người*, *Tình Đời*... Năm 2009, Mỹ châu cùng dịp Diệp Vàm Cỏ trình diễn nhiều bài tân cổ như *Ký ức hoa đào*, *Nội tôi*, *Hương cau*, *Chị tôi*... Năm 2009–2010, Mỹ Châu đã dựng lại *Hoa độc trong vườn*, *Muôn dặm vì chồng*, *Sân khấu về khuya*...

Mỹ Châu cho ra đời CD "Chùm Tri âm" gồm 10 khúc tri âm như *Dạ khúc*, *Ảo khúc*, *Cửu khúc*, *Niệm Khúc*. Qua DVD *Nỗi nhớ* của tác giả Tường Châu, với các bài *Chuyện hợp tan*, *Ở hai đầu nỗi nhớ*, *Thương một người ở xa*, *Nhớ mẹ lý mồ côi*, *Bóng mát*, *Sợi nhớ sợi thương* và *Hoa mướp sau nhà* với các bài *Bà lão ăn mày*, *Khi rừng xanh thay lá mới*, *Em vẫn đợi anh về*, *Nhớ mẹ*.

Mỹ Châu được cho là luôn được cộng đồng mạng ưu ái về tài năng cũng như tấm lòng với nghệ thuật Việt Nam, nhiều bài viết hay ghi nhận những thành quả, những cách làm mới, những đề tài mới, nghệ sĩ Mỹ Châu được đánh giá là nghệ sĩ của những năm 2009 - 2010. Nhiều đài truyền hình, báo đưa tin và phỏng vấn Mỹ Châu liên tục. Xuân Tân Mão 2011, Mỹ Châu thực hiện tác phẩm *Sân khấu về khuya*.

Năm 2012, Mỹ Châu hoàn toàn giải nghệ sau khi thực hiện chương trình "Tạ tình tri âm", gồm 5 phần. Ngày 15 tháng 1 năm 2014, chồng Mỹ Châu là nghệ sĩ Đức Minh qua đời.

Mỹ Châu được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú năm 1993 và Huy chương sự nghiệp sân khấu Việt Nam vào năm 1999 để tôn vinh những cống hiến và tận tụy yêu nghề của một minh tinh trầm lặng.

Với sự nghiệp hát cải lương kéo dài hơn 50 năm, Các nam nữ nghệ sĩ nổi tiếng mà Mỹ Châu từng có dịp diễn chung là Minh Cảnh, Thành Được, Minh Phụng, Minh Vương, Thanh Tuấn, Lệ Thủy, Phượng Liên, Thanh Kim Huệ, Tuấn Thanh, Đức Minh, Trọng Phúc, Thoại Mỹ, Thanh Sang, Kim Tử Long, Út Trà Ôn, Cẩm Thu, Hữu Phước,...

Nghệ sĩ Mỹ Châu trong các vai diễn nổi bật như vai A Khắc Thiên Kiều trong vở *Người tình trên chiến trận*, vai Ai Sa trong vở *Bóng hồng sa mạc*, vai Ái Lan trong vở *Chiều đông gió lạnh về*, vai Cẩm Nhung trong vở *Lấy chồng xứ lạ*, vai Giáng Hương trong vở *Sân khấu về khuya*, vai Hiếu trong vở *Khách sạn hào hoa*, vai Hiền trong vở *Ánh lửa rừng khuya*, vai Hoàng Dung trong vở *Ánh Hùng Xạ Điêu*, vai Lan trong vở *Lan Huệ sầu ai*, vai Lan trong vở *Tìm lại cuộc đời*, vai Lý Thần Phi trong vở *Bao Cong Tra Án Quách Hoè*, vai Mỹ Lệ Xuân trong vở *Đời cô Hạnh*, vai Mộng Cầm trong vở *Hàn Mặc Tử*, vai Sở Vân trong vở *Sở Vân cưới vợ*, vai Thùy Dương trong vở *Tâm sự loài chim biển* …

Mỹ Châu là người ưa sống trong hoài niệm, giữ gìn truyền thống. Mái tóc dài tới thắt lưng không hề thay đổi, trang phục màu tối, nhã nhặn và một căn nhà gần 30 năm ấp ủ mẹ con, anh chị em, không tách riêng, không dời đổi. Mỹ Châu đã ghi lại cuộc đời mình trong bút ký *Châu chút tạ tình tri âm*.

(Xem *Khách sạn hào hoa* trang 116)

Chí Tâm

Chí Tâm – Dương Chí Tâm (1950-20 ..)

Nghệ sĩ Chí Tâm tên thật là Dương Chí Tâm, sinh năm 1950, tại quận Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Cha mẹ của anh là người Việt gốc Hoa, sinh sống bằng nghề buôn bán, ông bà có cửa hàng tạp hóa lớn hiệu Vĩnh Hưng ở Trà Ôn.

Vì nhà ở gần rạp hát Long Tấn nên từ nhỏ Chí Tâm thường được bà ngoại dẫn đi xem hát cải lương, bản thân Chí Tâm cũng thích nghe hát vọng cổ, anh xin cha mẹ cho anh học ca cổ nhạc từ lúc mới lên 6 tuổi. Anh đã được các nhạc sĩ cổ nhạc danh tiếng trong vùng như các thầy Minh, Mười Ngoạn, Bùi Kiên, Năm Thê dạy ca và dạy đờn.

Năm 13 tuổi, Chí Tâm được gởi lên Saigòn học với thầy nhạc sĩ Bảy Bá tức soạn giả Viễn Châu nhưng lò cổ nhạc của Viễn Châu có quá nhiều đệ tử nên Chí Tâm theo học đờn ca với nhạc sĩ Út Châu tức soạn giả Yên Sơn.

Trong số các đệ tử thành danh của Yên Sơn có nghệ sĩ Chí Tâm và nghệ sĩ Trọng Nhân. Chí Tâm học ca đầy đủ bài bản cổ nhạc và học đờn guitare phím lõm với thầy Yên Sơn. Chí Tâm đáp ứng được nhiều vai trò cần thiết trong phòng thâu thanh, chứng tỏ em rất sáng dạ và có năng khiếu về đờn và ca cổ nhạc.

Sau đó, Chí Tâm được giới thiệu đi hát cho đoàn hát Tinh Hoa của bà Bầu Mười Cơ, Chí Tâm được các nghệ sĩ dàn anh Hữu

Lộc,Ngọc Thanh và nhạc sĩ Tuyết Mai dạy điệu bộ múa hát và kinh nghiệm diễn xuất trên sân khấu.

Năm sau, được tin mẹ bệnh nặng, anh trở về nhà ở Trà Ôn, giúp cha quán xuyến tiệm chạp phô và học thêm tiếng Tàu. Khi mẹ mạnh, Ba anh muốn anh học chụp hình để mở một tiệm chụp ảnh, anh lên Cần Thơ học nghề chụp ảnh trong tiệm hình Á Châu. Trong thời gian học chụp hình rọi ảnh, Chí Tâm gặp Cò Quốc, một nhạc sư chuyên đờn cò.

Cò Quốc vốn là bạn thân với nhạc sĩ Chín Trích,thân phụ của nữ nghệ sĩ Tú Trinh, Chí Tâm không bỏ lỏ cơ hội hiếm có, anh theo nhạc sư Cò Quốc để học đờn cò. Qua quá trình học hát và học đờn, Chí Tâm đã thụ huấn với nhiều nhạc sư nhạc sĩ tài ba nên khi ra hành nghề trên sân khấu, Chí Tâm biểu lộ được tài năng nhiều mặt.

Anh có thể đóng tuồng trong các vai kép mùi, kép lẳng, đóng hề cũng rất có duyên. Khi vào dàn đờn, Chí Tâm có thể đờn kìm, đờn cò, đờn tranh, đờn độc huyền tức đờn bầu và Chí Tâm cũng đờn guitare phím lõm tuyệt hay.

Năm 1971, Chí Tâm đi hát cho gánh hát Dạ Quang Châu. Dạ Quang Châu là đoàn Thanh Minh Thanh Nga 2 của bà Bầu Thơ, giao cho vợ chồng soạn giả Tám Vân - Nhị Kiều quản lý. Vì tình trạng giới nghiêm ở Saigon và các tỉnh lớn, đoàn Dạ Quang Châu phải lưu diễn ở các tỉnh Hạu Giang, vô các làng quận như Cái Tàu Hạ, Mỹ Hiệp, Mỹ Long thuộc Cao Lãnh để hát.

Năm 1972, đoàn Dạ Quang Châu rã gánh, Chí Tâm về hát cho đoàn Kim Chung 5 ở rạp Olympic, thế vai cho nghệ sĩ Minh Vương vì Minh Vương bị động viên. Đoàn Kim Chung 5 trong thời gian nầy cũng chuyên lưu diễn miền Tây, các tỉnh như Long Xuyên, Châu Đốc và các làng mạc xa xôi.

Sau đó Chí Tâm hát trên đoàn Kim Chung 2, nổi danh qua vai Lữ An Tùng trong tuồng *Nhạn Về Xóm Liễu*, hát với Lệ Thủy, Kiều Tiên và Minh Phụng. Anh cũng thành công trong vở *Băng Tuyền Nữ Chúa* trong vai Thái Tử Lưng Gù. Chí Tâm thay cho nghệ sĩ Vương Bình hát vai kép chánh với Mỹ Châu vì Vương Bình nghĩ đoàn Kim Chung để ra lập gánh hát.

Từ năm 1975, Hữu Phước và Hương Lan được mời về cộng tác với đoàn Kim Chung và cùng xuất hiện với Chí Tâm trong tuồng *Hán Đế biệt Chiêu Quân*. Chí Tâm trong vai Hán Đế, Hương Lan trong vai Chiêu Quân. Sau đó Chí Tâm và Hương Lan lại thành công chung trong hai vai chánh tuồng *Nắng Thu về Ngõ Trúc*.

Thời gian cộng tác chung trên sân khấu Kim Chung đã giúp cho Chí Tâm và Hương Lan hiểu nhau, mến tài nhau đưa đến hôn nhơn vào tháng 12 năm 1975, tiệc cưới được tổ chức trong nhà hàng Ngọc Linh trên đường Cô Giang.

Chí Tâm và Hương Lan có với nhau hai đứa con, con trai lớn sanh năm 1977 tại Việt Nam tên Henri Bảo Nhi và một trai chào đời tại Pháp năm 1978, tên Patrick Bảo Trang.

Vì Hữu Phước có quốc tịch Pháp nên sau năm 1975, anh được hồi hương về Pháp. Chí Tâm và Hương Lan cũng được đi Pháp trong diện hồi hương nầy vào tháng 2 năm 1978. Họ cư ngụ tại Saint Tolomon, ngoại ô thủ đô Paris, sau đó dọn về quận 13 ở Paris.

Hơn 4 năm chung sống tại Paris, cuộc hôn nhơn của Chí Tâm và Hương Lan gảy đổ vì một sự hiểu lầm tai hại, cả hai đều còn rất trẻ, nóng tánh, không ai chịu nhường ai nên Chí Tâm và Hương Lan chia tay năm 1982.

Khi mới qua Pháp năm 1978, Chí Tâm phải học riếng Pháp và học nghề, năm 1979, anh xin được việc làm ở công ty Alcatel

Thompson, do đó hoạt động nghệ thuật sân khấu chỉ là thứ yếu, hát trong các cuộc lễ của cộng đồng Việt Nam tại Pháp. Sau khi Chí Tâm chia tay với Hương Lan, năm 1986, Hữu Phước thành lập nhóm nghệ sĩ tỵ nạn Paris (Assiociation des Artistes refugiés de Parie) gồm có Minh Dức, Kiều Lệ Mai, Hà Mỹ Liên, Phương Thanh, Hoàng Long, Kim Chi, Minh Thanh.

Nghệ sĩ Chí Tâm thành lập Hội nghệ sĩ trẻ (Assiociation de jeunes artistes) gồm có Chí Tâm, Minh Tâm, Tài Lương, Mỹ Hòa, Ngọc Lựu, Hùng Tiến, nhạc sĩ Michel Mỹ. Nhóm Nghệ Sĩ Trẻ lập đoàn hát Năm Châu để tưởng nhớ vị minh sư của ngành sân khấu cải lương Việt Nam. Đoàn hát Năm Châu của Chí Tâm và Michel Mỹ đã hát qua các tuồng *Tình Cô Gái Huế, Máu Nhuộm Sân Chùa, Đường Gươm Nguyên Bá, Tâm Sự Loài Chim Biển.*

Đồng bào khán giả ở Pháp, Thụy Sĩ, Bỉ, Tây Đức, Na Uy, Đan Mạch rất ái mộ các nghệ sĩ trẻ, biết tiếng tâm của nghệ sĩ đa tài Chí Tâm. Họ rất ủng hộ, mua vé xem hát nhưng vì chi phí quá cao, đoàn hát Năm Châu phải rã gánh.

Năm 1985, nữ nghệ sĩ Hương Lan đưa hai con sang sống ở California, nghệ sĩ Chí Tâm vẫn ở Pháp. Năm 1986, anh gặp một bạn gái khác, người cùng hoạt động văn nghệ của chùa Khánh Anh, hai người mua một căn nhà gần Versailles để chung sống. Nhưng cái số của Chí Tâm nhiều tài hoa mà kém phần hậu vận với đào nên lại gảy gánh lần nữa.

Tháng 10 năm 1989, Chí Tâm quyết định dời sang Hoa Kỳ, định cư tại Houston vì hy vọng trên đất Hoa Kỳ dễ hoạt động nghệ thuật cải lương hơn ở Pháp. Tại Houston anh cộng tác với anh Hoàng Ngọc Ẩn, phụ trách mục Điện Ảnh Hồng Kông cho tờ báo VietNam Post, Thương Mại Việt Nam tại Houston và anh được mời làm chuyên viên thu thanh cho trung tâm Hạ Quyên.

Ở Houston 7 năm, Chí Tâm vẫn chưa tạo được một sự nghiệp văn nghệ theo đúng như sở thích của anh. Anh có thể kiếm sống dễ dàng nhưng tình hình sinh hoạt văn nghệ trong vùng không mấy gì khả quan, anh quyết định di cư sang California vào năm 1996 để thử thời vận. Chí Tâm được trung tâm ban nhạc Làng Văn mời anh phụ trách phòng thu thanh ở quận Cam.

Sau đó Chí Tâm lập phòng thu thanh riêng mang tên anh Chí Tâm Production, anh thu những dĩa CD cổ nhạc và tân nhạc của anh ca với các bạn bè trong giới nghệ sĩ. Chí Tâm xuất hiện trên vidéo Paris by night của Trung Tâm Thúy Nga trong những năm 1997, 1998 với những tác phẩm Nấu Bánh Đêm Xuân và Chiếc Bánh Bông Lan.

Chí Tâm gặp nhiều bạn nghệ sĩ cải lương định cư tại Cali nên có nhiều bạn diễn, nhiều show diễn. Chí Tâm sáng tác được các tiểu phẩm hài, tự mình đờn cổ nhạc bằng nhiều cây đờn khác nhau rồi làm thành CD cổ nhạc, mới nghe qua tưởng như có một ban cổ nhạc hoàn chỉnh cùng hòa tấu với anh.

Ngoài các show diễn, Chí Tâm còn làm người dẫn chương trình, nhà tổ chức show, làm xướng ngôn viên trên đài little Saigon.

Hơn 50 năm gắn bó với nghề diễn, Chí Tâm kết hợp với nhiều tài nữ của nghệ thuật cải lương như Thanh Kim Huệ, Lệ Thủy, Hương Lan… Cặp đôi Hương Lan và Chí Tâm từng được đánh gia là kim đồng ngọc nữ, chiếm trọn trái tim của khán giả những năm 1975-1980.

Về đời sống tình cảm thì từ năm 1999 đến nay Chí Tâm sống với người bạn đời tên Minh Tuyền, quê ở Châu Đốc. Minh Tuyền là người nội trợ giỏi, giúp Chí Tâm không ít trên con đường sự nghiệp văn nghệ và đời sống tình cảm gia đình. Ngoài ra, ba người con chung của anh và vợ Minh Tuyền cũng

có việc làm ổn định ở Mỹ và Pháp. Mừng vì các con tự lập, trưởng thành nhưng điều này Chí Tâm thú nhận cũng khiến anh chạnh lòng vì không có người nối nghiệp. Tuy nhiên anh ủng hộ lựa chọn của các con. "Đường vào nghệ thuật không phải chỉ phủ hoa hồng", anh nói.

Chí Tâm là một nghệ sĩ đa tài, trên lãnh vực nghệ thuật nào mà anh tham gia, anh cũng có một khả năng thiên phú và một sự học hỏi chu đáo. Nói về kỷ thuật, mỹ thuật, văn nghệ nói chung Chí Tâm đều đáng gọi có khả năng bậc thầy nhưng anh khó thành đạt vì phải thay đổi chổ ở quá nhiều lần, anh phải làm lại từ đầu cho mỗi lần đổi chổ ở khi anh đi định cư tại Pháp, tại Hoa Kỳ, ở Houston hay Cali.

Kiều Phượng Loan

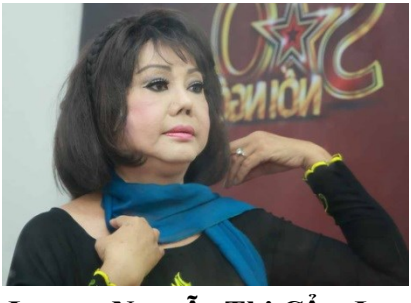

Kiều Phượng Loan – Nguyễn Thị Cẩm Loan (1951-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Kiều Phượng Loan Tên thật là Nguyễn Thị Cẩm Loan, sinh năm 1951 tại Sàigòn, có người chú là danh ca Út Hiền (1940-1986), kép chánh của đoàn Cải lương Hương Mùa Thu, đặt nghệ danh cho chị là Kiều Phượng Loan.

Kiều Phượng Loan sinh ra trong một gia đình khá giả và không ai theo nghề hát. Thân phụ Kiều Phượng Loan có quốc tịch Pháp, làm ở hãng bia “con cọp” của Pháp. Lúc nhỏ chị được ba

má cưng chiều, cho học hành tới nơi tới chốn, nhưng đang học lớp đệ tam, lớp 10 sau nầy, chị bị tai nạn xe khá nặng phải nghỉ học một tháng. Khi bình phục không theo kịp bạn bè trong lớp, nên cha mẹ cho Kiều Phượng Loan vô học dự thính lớp diễn viên cải lương tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, cùng khóa với nghệ sĩ Huỳnh Thanh Trà, Tú Trinh, Mỹ Chi…Được thọ giáo với những nghệ sĩ bậc thầy như Năm Châu, Duy Lân, Kim Cúc…, khả năng ca diễn của Kiều Phượng Loan tiến bộ rất nhanh. Có giọng ca ấm, mượt mà, trầm buồn, truyền cảm mà sang cả, chị còn được học thêm về kỹ thuật thanh nhạc, nên có thời gian chị đi hát phòng trà, thường hát các ca khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Trần Thiện Thanh, Duy Khánh…

Ra trường ở tuổi tròn trăng, năm 1966, ba mẹ chị lập đoàn cải lương Lan Thanh – Kiều Phượng Loan, chị được đánh giá là cô đào chánh triển vọng với vai Phàn Lê Huê trong vở *Nữ tướng chinh Tây*. Năm 1967, Kiều Phượng Loan nhận lời về cộng tác với đoàn Cải lương Phước Chung. Thời gian ở đoàn Phước Chung, Kiều Phượng Loan là đào chánh trong các vở: *Đường gươm họ Lữ, Hồn thiêng sông núi…*

Sau biến cô Mậu Thân, chị từ giã đoàn Phước Chung, trở về thành phố chuyển qua hoạt động ở lĩnh vực kịch nói, ca nhạc và đóng phim nhựa trong phim *Bão tình* với Kiều Chinh, *Sóng tình* với Thẩm Thúy Hằng, Thùy Liên….

Sau 1975, Kiều Phượng Loan đóng vai chính trong 2 phim nhựa nữa với nghệ sĩ Thương Tín.

Năm 1977, Kiều Phượng Loan trở lại sân khấu, cộng tác với đoàn kịch Kim Cương, diễn qua các vở: *Lá Sầu Riêng, Dưới hai màu áo, Chìa khóa, Hồi sinh* và nổi tiếng nhất với vai bác

sĩ Xamonova trong vở *Tanhia,* vở đã được HTV thu hình phát sóng.

Năm 1980, Kiều Phượng Loan cộng tác với đoàn kịch Bông Hồng, diễn trong các vở *Nila, Đôi bông tai*…

Năm 1981, Kiều Phượng Loan "trở về mái nhà xưa" – Sân khấu cải lương, chấp nhận lãnh 40 ngàn một suất trong khi đang "sống khỏe" bên kịch với cát sê 90 ngàn/suất, hát chánh ở đoàn Thanh Minh – Thanh Nga trong các vở: *Tiếng trống Mê Linh, Bên cầu dệt lụa, Sau ngày cưới, Thiên Phúc Hoàng đế, Nhiếp chính Ỷ Lan*… và lại nổi tiếng như cồn khi đóng vai Nữ Vương trong vở *Truyền thuyết về tình yêu*. Hát ở sân khấu cải lương này 7 năm, đến năm 1989, một lần nữa chị trở về đoàn Phước Chung nhiều ân tình, hát chánh vai Thủy Cúc với nghệ sĩ Tuấn Thanh trong vở *Ai là thiên tử*.

Năm 1991, đoàn Phước Chung có xáo trộn lớn về diễn viên, nhưng chị vẫn ở lại đoàn trong giai đoạn khó khăn và tiếp tục đứng trên sân khấu này, cùng các diễn viên mới về cộng tác như Kim Tử Long, Bảo Trang, Mỹ Chi, Hương Chung Thủy…, hát trong các vở: *Mắt em là bể oan cừu, Ông huyện đề*...

Năm 1992, chị về đoàn Sông Bé 2 hát chung với đôi nghệ sĩ Vũ Linh – Tài Linh và được khán giả yêu thích trong vở *Nặng gánh giang san*. Kiều Phượng Loan đã nhiều lần hát trong chương trình Vầng trăng cổ nhạc của HTV từ những số đầu tiên. Chị từng dàn dựng các vở: *Truyền thuyết tình yêu, Cơn sóng thần, Vua hóa hổ*… vào thập niên 1980. Khán giả còn nhớ nhiều đến chị qua những vở kịch và cải lương trên truyền hình những năm 1980 như *Hòn đảo thần vệ nữ, Truyền thuyết tình yêu, Tấm lòng của biển, Tanhia*...

Suốt 20 năm nay, sau khi nghỉ hát ở đoàn Sông Bé 2 – khi vừa bước qua ngưỡng cửa tuổi 40 – vì những biến cố trong đời riêng như cái chết của mẹ và anh trai, gia đình ly tán, Kiều Phượng Loan rút lui khỏi các hoạt động nghệ thuật, lui về sống ẩn dật một nách nuôi cha già đau yếu và người con trai duy nhất đang tuổi ăn tuổi lớn.

Tháng 9 năm 2010, được sự động viên của Vũ Linh, Kiều Phượng Loan bất ngờ tái xuất trong live show kỷ niệm 40 năm theo nghề hát tại rạp Hưng Đạo, với sự tham gia của Lệ Thủy, Vũ Linh, Kim Tử Long, Tuấn Thanh, Kim Hương, Cẩm Thu, Tú Trinh, Hoài Linh… Kể từ đó, chị đã có 6 lần xuất hiện trong chương trình sân khấu cải lương định kỳ chiều chủ nhật hàng tháng của NVH Thanh Niên, đóng trong trích đoạn: *Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài, Truyền thuyết tình yêu, Tìm lại cuộc đời, Nhiếp chính Ỷ Lan*…, đóng *Lôi Vũ* với Vũ Linh, Hoài Linh trong chương trình từ thiện ở rạp Thủ Đô và đi hát sô ở tỉnh… Và giờ đây, sau nhiều năm vắng bóng, chị sẽ tái ngộ khán giả HTV – lần đầu đóng vai thái hậu độc đoán, chuyên quyền trong vở *Khi rừng mới sang thu* sẽ được truyền hình trực tiếp trong chương trình *Ngân mãi chuông vàng*. Chị sẽ cùng Hùng Minh làm dàn bao vững chãi cho các "chuông" Võ Minh Lâm, Hồ Ngọc Trinh, Lê Văn Gàn, Mỹ Vân, Lê Minh Hảo…

Năm 2015, Kiều Phượng Loan tâm sự: *"Tôi đã bán căn nhà trên đường 3-2 và mua căn nhà ở Gò Vấp được 9 năm nay. Cha tôi đã 94 tuổi, bị liệt nhưng vẫn đỡ ngồi dậy được. Con trai 32 tuổi, làm ở cơ sở điện sắt kế bên nhà, nên có thể về chăm sóc ông thay tôi mỗi khi tôi bận tập tuồng, biểu diễn. Ngày xưa tôi không biết nấu nướng lẫn làm việc nhà, còn bây giờ tôi làm được hết. Thời gian trước tôi bán tiệm tạp hóa, nhưng từ ngày cha bị bệnh, tôi không làm nữa để dành thời*

gian chăm sóc cha. Bốn anh chị em của tôi ở Úc và Mỹ, ở Việt Nam chỉ còn tôi và một em trai ở đường Lạc Long Quân."

Tuổi thanh xuân đã qua, không còn là cô đào chánh kiêu sa trên sàn diễn, Kiều Phượng Loan lui về với công việc đạo diễn, dàn dựng và truyền nghề cho nghệ sĩ trẻ. Bà được Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh Tp. HCM mời làm đạo diễn các chương trình "Làn điệu phương Nam và sân khấu lễ hội". Theo nhận định của đạo diễn Hữu Luân, giám đốc trung tâm, Kiều Phượng Loan rất "mát tay". Lớp nghệ sĩ trẻ được nữ nghệ sĩ này tiếp thêm "lửa" sẽ ngày càng yêu nghề và sống tử tế với nghề hơn.

Bạch Lê

Bạch Lê (1951-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Bạch Lê sanh ngày 01 tháng 9 năm 1951, là ái nữ của đôi nghệ sĩ tài danh Thành Tôn và Quỳnh Mai mà lịch sử sân khấu cải lương tôn vinh là hai nghệ sĩ thuộc về hàng đại gia của nghệ thuật hát bội và cải lương.

Thân phụ của nghệ sĩ Bạch Lê, nghệ sĩ Thành Tôn sanh năm 1913, có ông cố là bầu Sĩ, ông nội là bầu Luông, cha là bầu Nở,

ba đời liên tục là nghệ sĩ, biện tuồng kiêm bầu gánh hát bội Phước Long Ban ở quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nghệ sĩ Thành Tôn, ngoài việc được cha trực tiếp dạy nghề hát, ông còn thụ giáo với ông Nhưng Sửu ở BếnTre. Ông Nhưng Sửu là một nghệ sĩ bậc thầy, nức tiếng qua các loại vai kép võ mặt trắng, kép võ mặt rằn, tướng dữ, thấy rùa được ông bầu Luông gánh Phước Long Ban mời về làm ông Nhưng tức là làm thầy tuồng, thầy dạy hát cho tất cả đào kép trong gánh hát.

Năm 1940, Bầu Luông, ông nội của nghệ sĩ Thành Tôn mất, cha của ông là Bầu Nở vì quá buồn không muốn tiếp tục lèo lái gánh hát nữa nên ông cho rã gánh, Thành Tôn đi hát cho gánh hát Thạnh Hùng của ông Bầu Hùng ở quận Trà Ôn.

Sau đó ông lên Saigon gia nhập gánh hát Tấn Thành Ban của ông Bầu Cung ở đình Nhơn Hòa Cầu Muối, nổi danh qua các vai kép võ mặt trắng Triệu Tử Long, Châu Du, Lữ Bố, Dương Tôn Bảo, Tiết Đinh San. Một năm sau, ông được bà Bầu Thắng mời về hát kép chánh cho gánh hát Bầu Thắng – Vĩnh Xuân Ban cùng với các nghệ sĩ Minh Tơ, Khánh Hồng, Quỳnh Mai…Nghệ sĩ Thành Tôn nổi danh qua các vai Cao Quân Bảo, Địch Thanh, Ngũ Viên Thiệu, Nhạc Lôi…

Nghệ sĩ Thành Tôn có 65 năm hoạt động trên sân khấu hát bội và hát bội pha cải lương. Ông vừa là diễn viên, kiêm soạn giả, kiêm thầy tuồng tức là đạo diễn, ông dàn dựng nhiều vở tuồng của ông sáng tác và những vở tuồng thầy trong ngành nghệ thuật hát bội.

Thành Tôn se duyên cùng Quỳnh Mai, đôi nghệ sĩ nầy sinh ra các con là nghệ sĩ Bạch Liên, Bạch Lê, Bạch Lựu, Bạch Lý, Bạch Long và Thành Lộc

Nữ nghệ sĩ Bạch Lê được cha trực tiếp truyền nghề, cô còn học được ở mẹ là nữ nghệ sĩ Quỳnh Mai, em của nghệ sĩ Minh Tơ,

Khánh Hồn những kinh nghiệm diễn xuất các vai đào, thêm vào đó, Bạch Lê được đào luyện trong lớp đồng ấu Minh Tơ, nên khi mới được 8 tuổi, Bạch Lê đã nổi danh trong vai Quách Hải Thọ, tuồng *Bao Công xử án Quách Què*.

Nữ nghệ sĩ Bạch Lê được nghệ sĩ Phượng Mai xem là nghệ sĩ đàn chị, có nhiều tài năng không kém gì Phượng Mai hoặc các nữ nghệ sĩ hồ quảng tài danh khác mà giới báo chí kịch trường và khán giả ái mộ từng không tiếc lời khen tặng, nhưng phải nói là nữ nghệ sĩ Bạch Lê không gặp thời, hay nói trắng ra là nghệ sĩ Bạch Lê bị gặp quá nhiều khó khăn bất trắc sau thời điểm 30 tháng 4 năm 1975.

Trước năm 1975, nữ nghệ sĩ Bạch Lê là một diễn viên hồ quảng rất được khán giả và giới báo chí kịch trường ái mộ. Cuối năm 1967, Bạch Lê được các ký giả kịch trường đề cử tham dự tranh đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm nhưng tình hình sau Tết Mậu Thân 68 khiến cho ông Trần Tấn Quốc, người chủ giải thưởng Thanh Tâm phải ngưng cuộc tuyển chọn và trao giải.

Đến năm 1972, ông Việt Định Phương, chủ nhân tờ nhật báo Trắng Đen thành lập một giải thưởng huy chương vàng diễn viên xuất sắc trong năm. Điều khác biệt là giải thưởng Thanh Tâm người nghệ sĩ được trao huy chương vàng là do một số ký giả kịch trường và vài soạn giả được mời vào Ban Tuyển Chọn, để bàn bạc và bỏ thăm chọn người nghệ sĩ được trao giải.

Còn Giải thưởng huy chương vàng nghệ sĩ xuất sắc của nhật báo Trắng Đen do ông Việt Định Phương chủ trương, báo Trắng Đen giới thiệu thành tích ca diễn của nhiều nghệ sĩ, do có thành tích hát hay ca giỏi qua các tuồng nổi tiếng trong năm đó, khán giả và độc giả sẽ bỏ phiếu bình chọn bằng cách cắt phiếu trong báo Trắng Đen, điền tên nghệ sĩ mà mình muốn bình chọn vào và gởi đến nhà báo. Nhật báo Trắng Đen tổ chức

kiểm phiếu, có mời Trưởng Tòa lại chứng minh, lập biên bản và công bố kết quả.

Năm 1972, Bạch Lê được huy chương vàng vai phụ hay nhất trong năm.

Năm 1973, Bạch Lệ đoạt huy chương vàng diễn viên Nữ hay nhất trong năm. Nghệ sĩ Thanh Sang đoạt huy chương vàng diễn viên Nam hay nhất trong năm.

Năm 1974, Thanh Bạch và Bạch Lê đoạt huy chương vàng đôi diễn viên xuất sắc nhất trong năm.

Sau năm 1975, Bạch Lê hát vai đào chánh trong đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ, nổi danh qua vai Thượng Dương Hoàng Hậu tuồng *Câu Thơ Yên Ngựa*.

Sau khi hai đoàn cải lương tuồng cổ Minh Tơ và Huỳnh Long bị tập thể hóa, các nghệ sĩ thuộc hai gia đình đoàn hát Minh Tơ và Huỳnh Long lần lược rời đoàn hát, đi tìm kế mưu sinh hoặc đi hát chui ở các đoàn hát tỉnh để kiếm sống qua ngày. Thanh Bạch và Bạch Lê gặp nhau trong dịp nầy.

Năm 1986, họ kết hôn với nhau, cùng vượt biên và được định cư tại Paris, Pháp Quốc ngày 27 tháng 3 năm 1990. Bạch Lê và Thanh Bạch khi mới định cư, gặp nhiều khó khăn, phải học Pháp Ngữ để hội nhập với xã hội mới nhưng với quyết tâm cao, Bạch Lê và Thanh Bạch ổn định dược cuộc sống mau lẹ và còn có nhiều hoạt động nghề nghiệp rất thuận lợi.

Khi vừa mới đến Paris, Thanh Bạch và Bạch Lê được Trung Tâm Băng nhạc Phụng Hoàng mời diễn trích đoạn cải lương trong các suất hát ở quận 13 cùng với các nghệ sĩ tân nhạc Khánh Ly, Elvis Phương, Sơn Tuyền, Tuấn Đạt. Sau đó Thanh Bạch và Bạch Lê hát vở *Thần nữ dâng ngũ Linh Kỳ* với Minh Tâm và Tài Lương. Được mời hát nhiều suất ở các chùa Thiện

Hòa tại Đức quốc, chùa Thiện Minh ở Lyon, Pháp quốc nhân các dịp lễ Phật giáo.

Ở nước Anh, Bạch Lê – Thanh Bạch đã diễn trích đoạn tuồng *Tống Nhơn Tôn* và *Bàng Quí Phi* và diễn trọn tuồng vở *Thuyền ra cửa biển* với các nghệ sĩ Hà Mỹ Xuân, Hà Mỹ Liên, Phương Thanh, Hương Huyền.

Ở Thụy Điển, Bạch Lê và Thanh Bạch diễn vở tuồng *Hàn Mạc Tử* với các nghệ sĩ Hà Mỹ Xuân, Mộng Tuyền, Hữu Phước, Kim Chi, Phương Thanh.

Ở nước Bỉ, Bạch Lê Thanh Bạch diễn trích đoạn tuồng hồ quảng *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu.*

Bạch Lê và Thanh Bạch đi thăm em gái là nữ nghệ sĩ Bạch Lựu tại Úc Châu, hát nhiều lần các trích đoạn tuồng *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Bao Công vô lò gạch, Tống Nhơn Tôn* và *Bàng Quí Phi*. Bạch Lê và có ý định xin di cư qua Úc để được sống gần cô em gái Bạch Lựu, nhưng luật di dân ở Úc khó khăn nên Bạch Lê và Thanh Bạch không muốn làm gián đoạn việc học của con mình nên cả gia đình của họ lại trở về Pháp.

Trong các năm 1995, 96, 97, 98, đôi nghệ sĩ Bạch Lê – Thanh Bạch có nhiều dịp diễn chung với các nghệ sĩ Thanh Tòng, Minh Phụng, Thanh Điền, Thành Lộc, Kim Tử Long, Ngọc Huyền, Hà Mỹ Xuân, Hương Thanh, Kiều Lệ Mai, Minh Đức, Vũ Linh, Tài Linh, Út Bạch Lan, Diệp Lang, Chí Linh, Vân Hà, Thoại Mỹ, Bảo Quốc qua các vở tuồng *Câu Thơ Yên Ngựa, Bốn Mùa Mai Nở, Thúy Kiều Từ Hải, Kim Vân Kiều, Bao Công Vô Lò Gạch, Đi biển Một Mình, Ngai Vàng và Tội Ác…*

Dù ở Hoa Kỳ, ở Pháp hay Canada, Bạch Lê, Thanh Bạch và tất cả các nghệ sĩ sân khấu cải lương và hồ quảng cũng đều có hạnh phúc to lớn là được nhiều dịp cống hiến cho bà con xem những vở hát hay, những vở tuồng mà một thời đã làm cho họ

được vang danh trong giới kịch trường và được muôn ngàn khán giả ái mộ.

Được hát, được ca, được biểu diễn trên sân khấu, chẳng những đó là một niềm vui của nghệ sĩ mà đó cũng là mang lại niềm vui cho khán giả người Việt xa xứ. Đó là một điều may mắn cho nghệ sĩ cải lương. Ở đâu còn hát được cải lương, ở đó có quê hương trong lòng.

Đức Minh

Đức Minh – Lê Văn Nhuận (1952-2014)

Nghệ sĩ Đức Minh tên thật là Lê Văn Nhuận, sanh năm 1952, tại Châu Thành tỉnh Bến Tre. Lúc học cấp 2 em Lê Văn Nhuận buổi sáng đi học, buổi chiều phụ gia đình đưa đò cho khách qua sông, những đêm trăng sáng Nhuận ca nghêu ngao các bài vọng cổ học được trên dĩa hát. Giọng ca trong sáng, cao vút, thu hút sự thưởng thức của khách sang sông và một vài nhà sư đang tu tại Am của Ông Đạo Dừa ở Cồn Phụng. Trong số các tu sĩ đó có một nhạc sĩ cổ nhạc trước kia đi đờn cho gánh hát, ông chán thế sự mới vào chùa quy y. Thấy Nhuận có giọng ca quyến rũ nhưng chưa rành nhịp điệu, ông sư bèn dạy cho Nhuận căn bản cách ca vọng cổ và nhiều bài cổ nhạc khác. Nhuận ngày càng ca điêu luyện nhưng chưa có ý muốn theo đoàn hát.

Sau Tết Mậu Thân, gia đình Nhuận bị chiến nạn, ảnh hưởng đến kinh tế, đời sống, nên Nhuận xin cha mẹ cho đi theo đoàn hát để đở gánh nặng cho gia đình. Thấy Nhuận có giọng tốt, có thể thành công trên con đường nghệ thuật nên cha mẹ bằng lòng. Nhuận theo một đoàn hát nhỏ của tỉnh, hát loanh quanh trong các làng xã, sau đó lên Saigon đăng ký học ca với nhạc sĩ Văn Vĩ. Sau vài tháng học ca, Nhuận và cô bạn cùng học lò Văn Vĩ là nữ nghệ sĩ Trang Mỹ Hường gia nhập đoàn hát Trúc Giang của ông bầu Năm Sơn.

Nhuận đẹp trai, nước da trắng mịn, vóc dáng lý tưởng cho sân khấu, giọng ca ngọt ngào và làn hơi rất khoẻ nên ông bầu Năm Sơn giao đóng vai kép nhì và đặt cho nghệ danh là Đức Minh.

Đức Minh thông minh sáng dạ, thường đêm ngồi bên cánh gà học theo cách ca và diễn của các vai đào kép chánh. Chỉ sau hai tháng cộng tác với đoàn hát Trúc Giang, Đức Minh có thể hát thế vai kép chánh khi anh này bị bệnh bất ngờ, ông bầu Năm Sơn rất mừng vì sức thu hút khán giả của Đức Minh vượt hơn anh kép chánh cũ rất xa.

Ông bầu đoàn hát Trường Sơn ở miền Trung, nghe danh Đức Minh, một nghệ sĩ trẻ có giọng ca quyến rũ nên cho anh Quản lý của đoàn hát về Nam, bí mật mời Đức Minh ký hợp đồng với một số tiền lớn để Đức Minh ra miền Trung hát cho đoàn hát Trường Sơn.

Chỉ mới một năm hát trên sân khấu Trúc Giang, Đức Minh đã trở thành kép chánh, hát với một số lương cao, nên ký hợp đồng có một số tiền lớn với đoàn hát Trường Sơn, Đức Minh không thể bỏ lỡ dịp may này nên anh rời đoàn Trúc Giang, ra miền Trung, hát chia vai kép chánh với nghệ sĩ Nhật Quỳnh trong các tuồng *Chàng Cuôi Lên Cung Trăng, Trường Hận Huyết Lan, Luật Giang Hồ*... Sức hút khán giả của nghệ sĩ Đức Minh hơn hẳn kép chánh Nhật Quỳnh khiến cho anh này rời

đoàn Trường Sơn để cho Đức Minh trở thành trụ cột đắt giá nhất của đoàn hát Trường Sơn trong ba năm ròng rã.

Tuy nhiên Đức Minh còn có cao vọng tiến xa hơn trong nghề hát. Làm kép chánh một đoàn hát nhỏ ở tỉnh thì khó có cơ hội nổi tiếng ở Saigòn và ở các tỉnh Hậu Giang, vì vậy năm 1973, nghệ sĩ Đức Minh về làm kép ba cho gánh hát Thanh Hải – Văn Hường để học nghệ và tìm đường tiến thân ở Saigòn. Đức Minh đã có một sự lựa chọn khôn ngoan để rèn luyện nghề hát vì gánh hát của nghệ sĩ Vua Tao Đàn Thanh Hải hùng vốn với Vua vọng cổ hài hước Văn Hường có một thành phần diễn viên rất hùng hậu gồm có Vua Vọng Cổ Út Trà Ôn, Thanh Hải, Đức Lợi, Ngọc Bích, Tô Kim Hồng, Văn Hường.

Ngoài ra vì hát ở Saigòn, giọng ca vọng cổ của Đức Minh được hãng dĩa Việt Nam mời thu thanh một số bài ca tân cổ, ca chung với các nghệ sĩ Lệ Thủy, Lệ Quyên.

Năm 1974, Đức Minh được bà Bầu Thu , đoàn hát Việt Nam – Minh Vương mời ký hợp đồng, hát chung sân khấu với danh ca Minh Vương, nữ hoàng sân khấu Thanh Nga, Hà Bửu Tân, Kim Lệ Thủy, Văn Ngà, Tuấn Hùng… Sự nghiệp trên đà thăng tiến thì ngày 30 tháng 4 ập đến, gánh hát tư nhân phải giải tán, Đức Minh trở về quê ở Bến Tre chờ thời.

Mặc dầu, tỉnh BếnTre có thành lập các đoàn hát cải lương nhưng Đức Minh trở lên Saigòn gia nhập đoàn hát cải lương Saigòn 3 đóng vai kép nhì, hát chung với kép chánh Minh Tâm, Thanh Kim Huệ, Tài Lương, Thanh Điền, Thúy Lan, hề An Danh…

Nghệ sĩ Đức Minh tuy đóng kép nhì trong các vở tuồng *Mái Tóc Người Vợ Trẻ, Quán Hương Tràm, Nàng Sa Rết, Tình Ca Biên Giới…* nhưng Đức Minh được khán giả nhiệt liệt khen giọng ca vọng cổ. Khi hai nghệ sĩ Minh Tâm và Tài Lương xuất ngoại định cư tại nước Pháp theo diện đoàn tụ gia đình,

nghệ sĩ Đức Minh thế vai của Minh Tâm, trở thành kép chánh của đoàn cải lương Saigòn 3.

Năm 1980, Bà Tư Yến, bầu gánh hát Trùng Dương Vũng Tàu mời Đức Minh cộng tác với số tiền hợp đồng là 5 cây vàng và lương 70 đồng một suất hát. Thời kỳ này lương của nghệ sĩ còn bị Sở Văn Hóa quy định đồng loạt cho nghệ sĩ kép đào chánh là lương hạng A, 10 đồng một suất hát. Lương định cho nghệ sĩ hạng B là 5 đồng một suất hát.

Đức Minh theo đoàn hát Trùng Dương – Vũng Tàu đi lưu diễn ở miền Trung. Đức Minh hát cặp với đào chánh Xuân Lan. Được một năm, Xuân Lan và chồng là Tấn An rời đoàn, Nữ nghệ sĩ Kiều Lan, em của nữ nghệ sĩ Kiều Hoa, đóng cặp với Đức Minh tạo thành một liên danh rất ăn khách. Đức Minh có những vai hát để đời như vai Tony Done trong tuồng *Hoa Thiên Lý*, vai Tú Uyên trong vở *Người Đẹp Trong Tranh* .

Năm 1984, Đức Minh rời đoàn hát Trùng Dương trở về Saigòn gia nhập đoàn văn công của Tp. HCM, hát chung với các nghệ sĩ Minh Phụng, Mỹ Châu, Thoại Miêu, Thanh Hồng, Tô Kiều Lan, Hoàng Giang, Hùng Minh, Khả Năng, Phi Thoàn…hát các tuồng *Nàng Hai Bến Nghé, Tiếng Sáo Đêm Trăng, Mùa Thu Trên Non Cao, Hai Phương Trời Thương Nhớ, Dốc Sương Mù…*

Nghệ sĩ Đức Minh đoạt huy chương vàng Hội diễn Sân Khấu Cải Lương chuyên nghiệp toàn quốc năm 1985.

Nghệ sĩ Đức Minh và Mỹ Châu hát chung trên một sân khấu liên tục 6 năm từ 1984 đến 1990. Đến năm 1989, Đức Minh và nữ nghệ sĩ Mỹ Châu chính thức kết hôn nhau.

Sáu tháng sau, Mỹ Châu không chánh thức cộng tác với một đoàn hát nào mà cô chỉ đi hát tăng cường cho đoàn cải lương Kiên Giang. Nghệ sĩ Đức Minh hát cho đoàn Huỳnh Long, với

thành phần nghệ sĩ Ngọc Huyền, Vân Hà, Chí Linh, Đức Lợi, Tiểu Linh, Bạch Mai…

Năm sau Đức Minh về cộng tác với đoàn hát Phước chung, hát cặp với đào chánh Kiều Phượng Loan và các nghệ sĩ Kim Tử Long, Hồng Tơ, Bảo Trang, Hiếu Liêm.

Năm 1993, Đức Minh trở về cộng tác với đoàn cải lương Saigòn 2, hát cặp với vợ anh là nữ nghệ sĩ Mỹ Châu, với thành phần nghệ sĩ Tuấn An, Hoàng Minh Vương, Thanh Vân, Ngọc Hà, Tô Kiều Lan, Mai Thành…

Năm 1994, vợ chồng Đức Minh và Mỹ Châu về hát cho đoàn hát Tiếng Chuông Vàng – Minh Phụng, hát những vở tuồng cải lương cũ trong thời hoàng kim của sân khấu Kim Chung như tuồng *Người Gọi Đò Bên Sông, Kiếp Chồng Chung, Hội Chọn Chồng*, …với thành phần diễn viên Minh Phụng, Kiều Tiên, Đức Minh, Mỹ Châu, Ngân Giang, Ngọc Cẩm Thúy, Bảo Ngọc, Đường Tử Lang, hề Giang Tâm…

Nghệ sĩ danh ca Đức Minh chỉ hát 4 năm cho đoàn hát Trùng Dương – Vũng Tàu và 6 năm cho đoàn hát Văn công của thành phố, đó là hai đoàn hát mà anh cộng tác lâu nhất. Sau đó, Đức Minh được nhiều đoàn mời về hát tăng cường, mỗi đoàn anh chỉ hát trong vòng một năm là anh thay đổi sang đoàn hát khác. Điều đó chứng tỏ giọng ca vọng cổ của Đức Minh rất ăn khách, có thể cứu giúp những đoàn hát đang suy yếu được tăng thêm doanh thu, nhưng điều đó cũng chứng tỏ là sân khấu cải lương ngày một xuống dốc. Hát tăng cường thì chỉ hát những tuồng cũ, quen thuộc, dùng sự thu hút của giọng ca lạ, nghệ sĩ mới chớ không thể đến một đoàn hát hát tăng cường mà lại phải tập tuồng mới. Sân khấu cải lương không có tuồng mới, khán giả cứ phải xem tuồng cũ, dù có giọng ca hay, khán giả cũng phải chán.

Đến năm 2001, Đức Minh được con của anh bảo lảnh sang định cư tại thành phố Atlanta, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ. Năm 2003, Đức Minh bảo lảnh cho vợ anh là nữ nghệ sĩ Mỹ Châu sang Hoa Kỳ sum hợp gia đình.

Nghệ sĩ Đức Minh đã qua đời lúc 2 giờ ngày 14 - 1- 2014 tại Atlanta, Georgia, Mỹ. Thọ 62 tuổi.

Trước đó, nghệ sĩ Đức Minh phải nhập viện để điều trị căn bệnh ung thư. Ngày 17-4-2014, vợ anh nghệ sĩ Mỹ Châu đã hoàn thành tâm nguyện khi hoàn tất mộ phần của chồng - cố nghệ sĩ Đức Minh tại quê nhà của anh ở Bến Tre.

(Xem *Con gái chị Hằng* trang 173)

Giang Châu

Giang Châu - Trần Ngọc Châu (1952-20 ..)

Nghệ sĩ Giang Châu tên thật là Trần Ngọc Châu. Ông sinh năm 1952 tại Chợ Lách, Bến Tre. Vì nhà nghèo nên từ nhỏ ông đã đi chăn trâu, làm mướn để mưu sinh. Nhưng đồng thời ông sớm thể hiện năng khiếu thiên ca hát bẩm sinh.

Khoảng 14, 15 tuổi, ông bỏ việc chăn trâu mà chuyển sang làm tài công lái tàu cho chủ tàu là ông Hai Đực, một người biết đờn. Từ đây ông bắt đầu làm quen với bài bản đờn ca tài tử. Ông được thầy khen có giọng hát hay như Minh Cảnh.

Sau Tết Mậu Thân 1968, nhân một bữa đội văn nghệ quận về hát tại ấp nhà, một người bạn giới thiệu Giang Châu lên hát mấy bài vọng cổ. Người có trách nhiệm văn thể mỹ có mặt trong buổi văn nghệ ấy khoái giọng ca của ông, đã tuyển chọn ông hát ở đội văn nghệ quận. Đó là lần đầu tiên Giang Châu chính thức trở thành người ca hát có lương. Sau đó, ông trốn nhà theo đoàn hát cải lương Phước Châu, gốc là đoàn hát bội của bầu Nhàn ở miệt Trà Ôn.

Thời gian sau ông đầu quân cho vài gánh hát khác. Thời điểm này giọng hát vang khỏe và hơi dài của ông tạo ấn tượng đặc biệt với công chúng, nhưng Giang Châu vẫn chưa trở thành một cái tên lớn.

Rồi Giang Châu theo gánh hát cải lương Hương Mùa Thu. Tại đây ông bắt đầu được giao những vai quan trọng.

Đến năm 1975, gánh hát Hương mùa thu ngưng hoạt động, tạm thời giải tán như tất cả các đoàn hát tư nhân lúc bấy giờ. Giang Châu và vợ là nữ nghệ sĩ Ngọc Hiền về quê tạm rời xa sân khấu. Đến cuối năm 1975, Giang Châu gia nhập đoàn cải lương Saigòn 2. Ở đây, nhờ có lối ca vọng cổ dài hơi và lối diễn xuất sống động nên ông nổi tiếng qua vai Trần Hùng trong tuồng cải lương *Tìm lại cuộc đời*.

Sau đó, nghệ sĩ Giang Châu lại thành công rực rỡ qua vai Thừa trong tuồng *Tiếng hò sông Hậu.* Giang Châu đã diễn vai một người nông dân bộc trực, đi chân đất, mặc áo không cài nút, hút thuốc rê vấn như một người nông dân chính hiệu. Dáng dấp cục mịch, lời ăn tiếng nói nghe rặc giọng nói của người miền quê sông nước, cùng giọng ca vọng cổ mùi mẫn ông đã làm khán giả say mê, vai Thiếu uý Thái Ngọc trong *Khách sạn Hào Hoa* cũng là vai diễn nổi tiếng. Sau đó, Giang Châu rời Sài Gòn 2 về cộng tác cho Sài Gòn 1. Tại đây, ông lại có cơ hội được những nghệ sĩ tài danh giúp đỡ, đặc biệt là sự giúp đỡ của Nghệ sĩ Thành Được. Trên sân khấu này, Giang Châu tiếp tục

ghi thêm dấu ấn vai diễn để đời, đó là Trùm Sò trong vở *Nghêu, Sò, Ốc , Hến.*

Vai Trùm Sò trong vở *Ngao Sò Ốc Hến* làm cho cái tên Giang Châu vụt sáng thành một ngôi sao trên bầu trời cải lương. Với lối diễn quá lạ và quá độc đáo, ông khiến cho khán giả vừa ghét cái tính ích kỷ keo kiệt và ác độc, lại vừa cười lăn cười bò trước những tình huống hài duyên dáng. Vai diễn này thành công đến mức, cho đến hiện chưa có ai đóng thế vai Trùm Sò mà khiến khán giả hài lòng như Giang Châu.

Đến đầu thập niên 1990 cải lương sa sút. Cái tên Giang Châu dần dần ít được nhắc đến. Ông gom góp tiền hùn với nghệ sĩ Dương Thanh mở quán rượu mưu sinh. Nghe Giang Châu mở quán khán giả hâm mộ và đồng nghiệp nhiệt tình ủng hộ. Quán đông khách nhưng được một thời gian đóng cửa vì ai đến cũng muốn được cụng ly với nghệ sĩ mà họ yêu mến. Thời gian đầu ông còn hăng hái, nhưng sau tiếp rượu nhiều quá sức khỏe ông sa sút. Chịu không thấu tình cảm kiểu này ông nhường quán lại cho nghệ sĩ Dương Thanh.

Sự khó khăn chất chồng nên ông nhận thêm show hát sinh nhật và đám ma. Nghệ sĩ tên tuổi mà hát trong khung cảnh buồn thảm như đám tang khỏi phải nói cay đắng đến mức nào. Lạ thay khi hát đám tang ông có phần an ủi hơn đám cưới. Bởi vì, trong hoàn cảnh này chủ gia chú ý và trân trọng tiếng hát của ông. Vì thế mà Giang Châu có câu trào lộng về đời nghệ sĩ qua thời hoàng kim rằng "hát đám ma vui hơn đám cưới".

Chưa dừng lại ở đó, ông còn chấp nhận lời mời đi hát ở các hội chợ, lôtô tổ chức ở các tỉnh. Ai cũng hiểu nơi tổ chức hội chợ là những bãi đất trống, hoặc là sân banh địa phương. Nơi mà khán giả đến tham quan vui chơi trong không khí khá xô bồ, ồn ào và mất trật tự. Ngôi sao từng đứng trên sân khấu lớn nhất mà hạ mình hát ở những chổ như thế còn nỗi đau nào hơn. Nhận ra mình không thể vì mưu sinh mà đánh đổi tư cách của

một người nghệ sĩ đã được khán giả yêu mến, ông đã từ giã loại hình này sau khi gắn bó với nó vài năm. Từ đó, ông chỉ nhận show là những đám tiệc mà khách mời phải là những người thực sự yêu quý nghệ thuật cải lương. Ông an phận trong vai trò này cho đến hiện tại.

(Xem *Tình mẫu tử* trang 137)

Hà Mỹ Xuân

Hà Mỹ Xuân - Nguyễn Thị Xuân (1952-20 ..)

Nghệ sĩ Hà Mỹ Xuân tên thật Nguyễn thị Xuân, sanh năm 1952 tại Long Xuyên, cha tên Nguyễn Thành Long, một nghệ nhân đờn ca tài tử và mẹ là bà Nguyễn Thị Tâm. Ông Long và bà Tâm quê quán chính là ở xã Vị Thanh - Chương Thiện, tỉnh Cần thơ, nhưng vì có chiến tranh Việt Pháp, ông bà đã phải nhiều lần tản cư, khi ông bà về ở tỉnh Long Xuyên, ông bà tìm được một nơi yên ổn để sinh sống. Tại Long Xuyên, ông bà sanh được ba người con và cả ba đều trở thành những nghệ sĩ tài danh.

Người con trai lớn tên Nguyễn Ngọc Chiếu, sanh năm 1947, người con gái kế là Nguyễn Thị Thu Hà, sanh năm 1949 được hai nghệ sĩ Kim Hoàng - Như Mai đặt cho nghệ danh là Thanh Điền và Hà Mỹ Liên khi hai bạn trẻ nầy đi hát cho đoàn cải lương Kim Hoàng Như Mai năm 1960.

Nghệ sĩ danh ca Ngọc Ẩn và vợ là nữ nghệ sĩ Kim Trâm là những người thầy đầu tiên dạy cho Thanh Điền, Hà Mỹ Liên

và Hà Mỹ Xuân ca cổ nhạc và hướng dẫn các nghệ sĩ trẻ nầy diễn xuất trên sân khấu. Năm 1962, đoàn hát Kim Hoàng – Như Mai rã gánh, Thanh Điền, Hà Mỹ Liên, Hà Mỹ Xuân gia nhập đoàn hát Bạch Vân – Út Hậu, sau đó lần lượt gia nhập các đoàn hát Thủ Đô, Trăng Mùa Thu và Kim Chung.

Năm 1972, ba ngôi sao cải lương trẻ Thanh Điền, Hà Mỹ Liên và Hà Mỹ Xuân thành lập gánh hát lấy tên là đoàn hát Xuân Liên Hoa, mời Dũng Thanh Lâm làm kép chánh hát với đào chánh Thanh Kim Huệ. Thanh Kim Huệ sau là vợ của nghệ sĩ Thanh Điền, cả hai trở thành những diễn viên nổi tiếng trên nhiều lãnh vực nghệ thuật sân khấu sau năm 1975.

Năm 1975, đoàn hát Xuân Liên Hoa cũng như tất cả các đoàn hát cải lương ở miền Nam vào thời đó đều bị giải tán. Sau vài tháng vận động, đoàn Xuân Liên Hoa được tổ chức lại và lưu diễn ở miền Hậu Giang.

Nhưng chỉ vài tháng sau, đoàn hát Xuân Liên Hoa được Sở Văn Hóa Thông Tin gọi về thành phố, đoàn hát bị giải tán lần nữa. Thanh Điền được đưa vào hát cho đoàn cải lương Saigon 3, Hà Mỹ Xuân được đưa về hát cho đoàn Thanh Minh. Hà Mỹ Liên vì có chồng là người Pháp nên cô theo chồng hồi hương về Pháp năm 1976.

Hà Mỹ Xuân là một nữ diễn viên có ưu thế về nhan sắc và giọng ca, thêm vào đó cô có những động tác múa võ, cầm kiếm gọn gàng, thể hiện oai phong dũng mãnh khi cô thủ diễn các vở tuồng ăn mặc theo cổ trang. Hà Mỹ Xuân xuất sắc trong các tuồng *Tiếng Trống Mê Linh, Bên Cầu Dệt Lụa, Bài Thơ trên Cánh Diều* bên cạnh một Thanh Nga kiều diễm.

Sau năm 1975, theo quy định của chánh quyền mới, những nghệ sĩ danh ca, đào kép chánh được định là nghệ sĩ hạng A, lãnh lương10 đồng một suất hát. Những nghệ sĩ hạng B gồm có

những đào kép phụ, vũ nữ, vệ sĩ, soạn giả và các anh công nhân sân khấu thì mỗi suất diễn được lãnh 5 đồng mỗi người.

Nghệ sĩ đào kép chánh thấy tiền lương quy định như vậy là bất công đối với họ, những người mang lợi nhuận cho gánh hát. Khán giả đến xem đào kép chánh hát chớ đâu phải để xem các anh công nhân dọn cảnh trí, nhưng nghệ sĩ chưa dám có ý kiến vì nếu nói ra, họ sẽ bị chụp mũ là phản động. Vì vậy họ chịu đựng vài năm đầu, sau đó họ lén đi hát chầu cho các đoàn hát tỉnh với một số lương cao hơn gấp trăm gấp ngàn lần số lương chết đói đó.

Có diễn viên xuống tỉnh lập gánh hát như bầu Quới, bầu hề Sa, bầu Hai Néo; bầu Xuân, nữ nghệ sĩ Hà Mỹ Xuân cũng xuống tỉnh Mỹ tho lập gánh hát cải lương với bảng hiệu là đoàn hát Tiền Giang. Nhưng rồi vài năm sau, các gánh hát của nghệ sĩ đứng ra thành lập bị nhà nước lấy mất quyền làm chủ dưới hình thức là tập thể hóa gánh hát. Người chủ gánh hát trở thành nhơn viên của đoàn hát, cán bộ do nhà nước đưa tới thành trưởng đoàn gánh hát, gánh hát tập thể đó là của nhà nước. Bà bầu Thanh Minh, ông Minh Tơ gánh hát tuồng cổ Minh Tơ, bà Bảy Hương gánh Huỳnh Long và Hà Mỹ Xuân, bầu Quới, bầu Sa đều lâm vào cảnh mất của trắng tay, số tài sản và công sức đã bỏ ra cho gánh hát đã thuộc về ”tập thể” tức là thuộc về nhà nước quản lý. Các nghệ sĩ Thanh Bạch, Bạch Lê và Hà Mỹ Xuân bỏ nước vượt biên chính là vì nguyên cớ nầy.

Hà Mỹ Xuân vượt biên bằng đường bộ, đi xuyên rừng rậm nước Cao Miên, đương đầu với biết bao cảnh khó khăn nguy hiểm, khi đến bến bờ tự do, Hà Mỹ Xuân cố gắng không ngừng trong việc học tiếng nước người, học một nghề mới, thay đổi mọi thói quen để hội nhập với một xã hội mới của nước Âu Tây.

Hà Mỹ Xuân hành nghề thợ may, thợ luông cravate, mở tiệm bán thức ăn nhanh để ổn định cuộc sống và tham gia những

show hát cải lương của nhóm nghệ sĩ Hữu Phước, Minh Đức, Kiều Lệ Mai vào những ngày cuối tuần để đở nhớ nghề.

Như một con ong siêng năng cần mẫn, hút nhụy hoa tích lủy mật và xây tổ ong, Hà Mỹ Xuân đã thành đạt vẻ vang trong cuộc sống riêng và cuộc đời nghệ thuật của cô.

Hà Mỹ Liên, Thanh Điền, Th. Kim Huệ, Hà Mỹ Xuân tại Paris

Về nghệ thuật, ngoài những suất hát cải lương mà Hà Mỹ Xuân và Hà Mỹ Liên cộng tác với nhóm nghệ sĩ Minh Đức, Kiều Lệ Mai, Lý Kim Thành, Kim Chi, Minh Thanh, Trần Nghĩa Hiệp, Bạch Nhân Trang, Quốc Hương, nữ nghệ sĩ Hà Mỹ Xuân còn hợp tác với các nghệ sĩ Pháp thực hiện những show hát lấy tên là "Chanson de geste Cai Luong", hát về truyện Kiều. Chương trình diễn cho các học sinh Pháp các học đường lấy tên *Nẻo Đường Kiều* (Aux entrailles de la tendre fleur déchirée) *Nỗi lòng đòi đoạn của một đóa hoa tan tác*. Diễn có dẫn giải bằng tiếng Pháp.

Nhóm nghệ sĩ nầy có 12 người, trong đó có 3 nữ nghệ sĩ VIệt Nam, Hà Mỹ Xuân đã bỏ công tập cho người bạn diễn Pháp để thể hiện những trích đoạn Kiều, lúc đầu bạn diễn người Pháp đó "hát nhép" theo dĩa về Truyện Kiều, Hà Mỹ Xuân cũng phải học lời dẫn giải bằng tiếng Pháp, để đáp ứng khi giao lưu với khán giả.

Được một cái may mắn là có chị Hà Mỹ Liên, có chồng Pháp từ năm 1965, qua định cư tại Phas từ năm 1976, cô Hà Mỹ Liên cũng là một diễn viên cải lương tài danh, nói tiếng Pháp như người Pháp chính cống, Hà Mỹ Liên đã tirếp tay với Hà Mỹ Xuân trong lúc tiếp chuyện với khán giả Pháp.

Hà Mỹ Xuân cho biết chương trình diễn Chanson de geste Cailuong có tiếng vang lớn, báo chí Pháp phỏng vấn, đăng tin và ngợi khen nhưng phải tốn thật nhiều công phu chuẩn bị, tập luyện. Vì yêu nghề mà Hà Mỹ Xuân muốn mở ra một lối hoạt động mới của cải lương, thu hút thêm một thành phần khán giả mới.

Hà Mỹ Xuân làm chủ một tiệm bán thức ăn Việt Nam, bảng hiệu Restaurant Hà Mỹ Xuân. Plats cuisinés traditionnels Vietnamiens ở số 106, đường Blomet Paris. Vào những giờ cao điểm, Hà Mỹ Xuân, Hà Mỹ Liên và hai người giúp việc làm không hở tay.

Về gia đình, Hà Mỹ Xuân lập gia đình với Phạm Văn Bình, làm chủ một chiếc xe taxi, anh tự lái taxi, cuộc sống tiền bạc thu nhập khá.

Hà Mỹ Xuân và anh Bình cho biết là hai anh chị có mua đất và xây một ngôi biệt thự ở VIệt Nam. Ngôi biệt thự với những phòng ốc được trang trí như biệt thự ở Pháp hay các nước Âu Mỹ, đẹp và sang trọng. Nguyện vọng của hai anh chị là hiện nay ráng làm ăn, tích lủy tiền bạc, vốn liếng để khi hưu, anh chị có thể sống hạnh phúc trong ngôi biệt thự đó.

Ngọc Đan Thanh

Ngọc Đan Thanh - Lê Thị Huệ (1952-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Ngọc Đan Thanh tên thật Lê Thị Huệ, sanh năm 1952, tại Saigon. Cô học trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon, chuyên khoa cải lương cùng lúc với các nghệ sĩ Kiều Phượng Loan, Tú Trinh. Khi lên năm thứ hai khóa cải lương, Ngọc Đan Thanh đã cùng với các nữ nghệ sĩ Phương Ánh, Tú Trinh được mời làm diễn viên của các Ban cải lương Phương Nam của soạn giả Nguyễn Phương, Ban Thành Công, Ban Mây Tần của Đài Phát Thanh Saigon và Đài Phát Thanh Quân Đội. Nữ nghệ sĩ Ngọc Đan Thanh, Tú Trinh, Phương Ánh, Mộng Tuyền cũng là diễn viên của Ban Kịch Phương Nam, Ban Kịch Thẩm Thúy Hằng, Ban Kịch Sống Túy Hồng, Ban Cải Lương Phụng Hảo, Ban Cải lương Thanh Lịch của Đài Truyền Hình Việt Nam trong những năm từ 1967 đến 1972.

Nữ nghệ sĩ Ngọc Đan Thanh rất đẹp, nước da bánh mật, nụ cười quyến rủ, đôi mắt long lanh, Ngọc Đan Thanh được đánh giá là nữ diễn viên đẹp sắc xảo, rất ăn ảnh khi được thu hình ở Đài Truyền Hình hay khi đóng phim. Giọng ca của Ngọc Đan Thanh được đánh giá là chuẩn mực khi ca các bài bản cổ nhạc dùng trong sân khấu cải lương, âm lượng khoẻ khoắn, lối ca đúng điệu, đúng bài bản như phần lớn các học viên của trường Quốc Gia Âm Nhạc, chưa có bản sắc riêng như các diễn viên Ngọc Giàu, Lệ Thủy, Mỹ Châu.

Ngọc Đan Thanh trước năm 1975 không đi hát cho các đoàn hát cải lương vì khi cô chưa tốt nghiệp trường Quốc Gia Âm Nhạc thì năm 1968 đô thành Saigon xảy ra vụ Tết Mậu Thân,

chiến sự xảy ra nhiều đợt trong đô thành Saigon, Chợlớn khiến cho nhà cầm quyền phải ban bố tình trạng thiết quân luật ban đêm. Nhiều gánh hát không hát được, có gánh hát phải tan rả, có nhiều gánh hát phải đi lưu diễn ở các tỉnh Hậu Giang và miền Trung.

Sau Tết Mậu Thân, Ngọc Đan Thanh gia nhập Ban văn nghệ Hoa Rừng của binh chủng Biệt Động Quân (1968 – 1971); Rời Biệt Đông Quân, Ngọc Đan Thanh được điều về Tiểu đoàn 50 Chiến Tranh Chánh Trị đến năm 1975.

Năm 1972, Ngọc Đan Thanh đóng phim Kiếm hiệp *Báo Kiếm Rửa Hận Thù*, do hãng phim Mỹ Ảnh của ông Trương Dĩ Nhiên sản xuất. Ông Trương Dĩ Nhiên là chủ hãng phim Mỹ Ảnh, kiêm chủ rạp hát bóng Đại Nam và rạp Kinh Thành Chợ Lớn. Đạo diễn và équipe thu hình, thu thanh, chuyên viên ánh sáng đều là người Đài Loan, những người từng thực hiện nhiều bộ phim kiếm hiệp Hồng Kông và Đài Loan.

Diễn viên phim *Báo Kiếm Rửa Hận Thù* có các nghệ sĩ Út Bạch Lan, Hoàng Long, Ngọc Đan Thanh, Văn Ngà, Bảo Lâm, Ba Nghĩa, các võ sĩ của võ đường Việt Nam với võ sư Lý Huỳnh. Lúc đó Nguyễn Phương là phụ tá đạo diễn, viết lời thoại cho phim này. Cốt truyện phim của đạo diễn Đài Loan, thông dịch viên tiếng Quan Thoại là hai sinh viên Á Trần và Á Lâm. Chụp ảnh test và quảng cáo do nhiếp ảnh viên chuyên nghiệp Á Hùng.

Các nghệ sĩ Út Bạch Lan, Hoàng Long, Ngọc Đan Thanh, Văn Ngà được chuyên viên võ thuật Đài Loan và võ sư Lý Huỳnh dạy cho đánh từng lớp, chậm như khi học đánh võ trong tuồng hát bội, đánh chậm nhưng chú trọng điệu bộ và động tác đẹp như đánh võ thiệt. Khi quay phim, họ quây tốc độ chậm, 8 frames một giây, khi chiếu hình 24 frames một giây thì động tác nhanh như đánh võ thiệt. Ngọc Đan Thanh nhờ có học vũ, múa đẹp nên thành công xuất sắc trong phim này. Ngọc Đan

Thanh còn quay thêm hai phim: *Xóm Tôi*, đạo diễn Lê Dân, và *Chàng Ngốc Gặp Hên,* đạo diễn Lưu Bạch Đàn.

Sau năm 1975, ở đoàn Kịch Kim Cương, Ngọc Đan Thanh diễn các vai quan trọng trong kịch *Dưới Hai Màu Áo, Người Tình Trễ Xe, Về Nguồn, Trở Về Mái Nhà Xưa.*

Năm 1980 – 1987, Ngọc Đan Thanh hát cho đoàn cải lương Sông Bé bầu Xuân. cựu bầu đoàn Dạ Lý Hương, sau đó cô cộng tác với đoàn hát Thanh Nga.

Vì cần tăng cường nghệ sĩ cải lương gốc miền Nam nên nữ nghệ sĩ trẻ đẹp Ngọc Đan Thanh được Sở Văn Hóa điều động về đoàn cải lương Trần Hữu Trang, Ngọc Đan Thanh thủ vai đào chánh, vai Thanh Vân trong tuồng *Tình Yêu và Lời Đáp*, cùng diễn xuất với các nghệ sĩ Phương Quang, Ngọc Giàu, Thanh Nguyệt, Phú Quý, Minh Châu, Thái Ngân, Công Tài…

Ngọc Đan Thanh diễn xuất sắc vai Thanh Vân trong tuồng *Tình Yêu và Lời Đáp*, được thu thanh và thu truyền hình trực tiếp trên sân khấu lúc đang diễn. Khán giả nhiệt liệt tán thưởng các vai do Ngọc Đan Thanh, Ngọc Giàu, Thanh Nguyệt, Phương Quang, Minh Châu thủ diễn. Ba tháng sau, đoàn Trần Hữu Trang thu nhận một nam danh ca và vợ. Ban Quản trị đoàn đã lấy vai tuồng của Ngọc Đan Thanh trao cho vợ của danh ca mới về đóng. Họ cho rằng khi đóng vai người nữ cán bộ thì lý lịch diễn viên phải trong sạch về chính trị. Họ tung tin là Ngọc Đan Thanh có chồng là cựu sĩ quan ngụy, đi tù cải tạo nên không được đóng vai Thanh Vân nửa. Thời kỳ nầy người ta thường lấy lý lịch để làm tình làm tội những kẻ yếu thế. Ngọc Đan Thanh không cần đính chánh là cô có chồng hay không mà cô trả lời bằng cách vượt biên tìm tự do và công bằng xã hội. Ngày 22 tháng 5 năm 1988, Ngọc Đan Thanh vượt biên đến đảo tỵ nạn Pulau Bidong, Malaysia.

Ngày 9 tháng 2 năm 1990 Ngọc Đan Thanh đến Hoa Kỳ, định cư tại California. Hai tháng sau cô cộng tác với Trung tâm băng nhạc Người Đẹp Bình Dương trong một số băng video ca nhạc.

Từ tháng 10 năm 1990, Ngọc Đan Thanh chuyển âm phim bộ Hồng Kông của Ánh Hằng, sau đó cộng tác với Việt Thảo trong những bộ phim Đài Loan, với Vina Film trong những bộ phim Đại Hàn.

Từ năm 2010, cộng tác với Đài Truyền hình SET tại Orange County với vai trò xướng ngôn viên tin tức, sau chuyển sang SBTN. Thời gian này Ngọc Đan Thanh làm MC cho Trung Tâm Asia với Nam Lộc, Thùy Dương và thực hiện chương trình Bảo tồn Cổ nhạc Tiếng Tơ Đồng với nghệ sĩ Chí Tâm.

Gần cuối tháng 12 năm 2017, Ngọc Đan Thanh bị đột quỵ được con trai là Andy Nguyễn đưa đi nhà thương giải phẫu kịp thời. Sau thời gian điều trị trong nhà thương, Ngọc Đan Thanh đã hồi phục sức khoẻ, về nhà và có thể tiếp tục công việc mà cô ưa thích và đã cống hiến trọn đời cho khán thính giả bốn phương.

Thông qua quá trình hoạt động nghệ thuật của Ngọc Đan Thanh trong bối cảnh chiến tranh ở VN trong hai thập niên 60, 70 và trong thời kỳ cả nước phải chịu đói nghèo và mất tự do dưới sự độc tài toàn trị của đảng CS, khán thính giả đều thương mến và thông cảm những trở lực đã ngăn bước tiến thân của nữ nghệ sĩ Ngọc Đan Thanh. Cô vượt biên, đương đầu với biển khơi sóng cả, chín chết một sống để chọn cho mình được tự do trong đời sống, tự do suy nghĩ, không bị bắt buộc phải làm, phải nói hay suy nghĩ theo định hướng của chính trị độc tài của kẻ nào cả.

Cô đã đến được đất nước Hoa Kỳ, được hưởng quyền tự do của công dân một nước văn minh tiên tiến. Cuộc sống kinh tế, vật

chất dồi dào sung túc .Về nghề nghiệp và tinh thần thì Ngọc Đan Thanh được thoải mái, hài lòng với công việc phù hợp với khả năng của cô mà lợi nhuận lại cao, cuộc sống ổn định, gia đình hạnh phúc, các con học thành tài.

Khán thính giả của Trung Tâm Asia, thưởng thức giọng ca và cách giới thiệu duyên dáng của MC Ngọc Đan Thanh bên cạnh MC Thùy Dương, Nam Lộc đều có cảm tình mến yêu Ngọc Đan Thanh, tặng cho cô mỹ hiệu Loài Hoa Nở Muộn.

Nghệ sĩ Ngọc Đan Thanh còn có một người anh ruột định cư ở Đức và hai vị thân sinh ở tuổi 90 vẫn sống khỏe tại căn nhà từ bấy lâu nay ở Xóm Sở Rác vùng Nguyễn Cư Trinh, Sài Gòn. Ngọc Đan Thanh hiện sống với hai con trai tại Quận Cam, Nam Cali.

Tú Trinh

Tú Trinh – Hà Thị Thu Ba (1952-20 ..)

Nghệ sĩ Tú Trinh tên thật là Hà Thị Thu Ba, sanh năm 1952 tại Sàigòn, là con gái của nhạc sĩ đàn cò Chín Trích, ông đã qua đời vào tháng 10 năm 1975, thọ 59 tuổi. Cô là dòng con của người vợ thứ 3 của của ông, có tất cả 9 người con mà Tú Trinh là người con thứ nhì.

Nghệ danh Tú Trinh do nghệ sĩ Năm Châu đặt cho cho cô khi cô đến với nghệ thuật cải lương

Tú Trinh khởi nghiệp với ngành Hồ Quảng, khi còn rất trẻ và chuyên được giao phó những vai… tỳ nữ trong các vở tuồng của đoàn Đồng Âu Minh Tơ, trong khi những đào kép chính thời đó la những nghệ sĩ tên tuổi như Bo Bo Hoàng, Bạch Liên, Thanh Thế, Bạch Lê, vv…

Thời gian này Tú Trinh theo học tiểu học ở trường Cầu Kho, gần nhà cô trên đường Trần Hưng Đạo. Sau đó cô theo học về môn cải lương tại trường Quốc Gia Âm Nhạc vào năm 1965 khi chưa đủ tuổi, nên chỉ được học dự thính. Mãi đến năm thứ 3, cô mới được thi lên lớp trung đẳng sau khi đậu hạng nhất. Cô theo học tại đây đến hết năm cao đẳng, nhưng gia đình quá nghèo nên cô đã không thể tiếp tục học để thi tốt nghiệp.

Tuy ở trong một gia đình nghèo túng, đầy những chật vật, khó khăn nhưng Tú Trinh không hề mang mặc cảm tự ti. Trái lại, cô còn cho rằng nhờ vậy nên đã có được một sự phấn đấu bền bỉ…

Từ đó, Tú Trinh bắt đầu làm chuyển âm cho những phim Ấn Độ và Trung Hoa. Chính do công việc này, cô đã có được cái vốn sống về nghệ thuật. Nhờ chất giọng tốt nên những bước đầu của Tú Trinh đã gây ngay được nhiều chú ý để được mời làm những công việc khác mà giọng nói là một yếu tố quan trọng. Chẳng hạn như giữ vai trò xướng ngôn cho đài phát thanh…

Và đến lúc đó, Tú Trinh mới nhận ra ưu điểm của mình để chú tâm đến việc tập luyện thường xuyên. Để rồi, cô đã nhận biết công việc chuyển âm đáng được coi như một nghệ thuật mà những diễn viên là những người ở trong bóng tối…

Nhờ giọng nói tốt cùng nghệ thuật nhập vai tài tình và khéo léo, Tú Trinh đã từng chuyển âm cho hầu hết những cuốn phim Việt Nam thực hiện trước năm 75 với những diễn viên cùng thời như: chị Hiền, hiện sống ở Mỹ, từng làm xướng ngôn viên cho đài phát thanh Quân Đội, Hồng Phúc, Lam Hưng, La Thoại Tân, Nguyên Hạnh, Đoàn Thiên Kim, vv…

Là một nghệ sĩ cổ nhạc có tiếng, thân phụ Tú Trinh đã biến căn nhà nhỏ bé của mình thành một nơi tập dượt cho ban cải lương Bích Thuận, vào lúc Tú Trinh lên 14, 15 sau khi đã làm diễn viên chuyển âm được một thời gian. Có thể một phần lớn do ông rất thích cô theo ngành cải lương, nhưng Tú Trinh tự nhận thấy mình không có hơi mặc dù cũng rất thích để chỉ cộng tác với những chương trình cải lương trên đài phát thanh, ngoài những chương trình thơ và kịch nói.

Một hôm, vì thiếu một vai cho một vở cải lương, Tú Trinh được nghệ sĩ Bích Thuận gọi vào thay thế trong vai một cô bé mù. Cô đã tỏ ra có khả năng về diễn xuất trong vai trò này, được soạn thành kịch nói phát trên đài truyền hình. Thời gian này Tú Trinh đang theo học trường Nguyễn Bá Tòng. Sau lần xuất hiện trên truyền hình trong vai cô bé mù, Tú Trinh đã nhận được lời mời cộng tác của hầu hết những ban kịch nổi tiếng trên truyền hình thời đó như Vũ Đức Duy, Sống, Thẩm Thúy Hằng, Kim Cương, vv… Thế là Tú Trinh bước chân vào lãnh vực kịch nói từ đó.

Ngoài ra, cô thỉnh thoảng còn xuất hiện trên sân khấu Đại Nhạc Hội. Nhưng do ở trong lứa tuổi *"lỡ cỡ"* nên những vai dành cho Tú Trinh rất hạn chế nên cô chỉ xuất hiện khi nào có những vai trò thích hợp. Nhưng kể từ khi bước vào lứa tuổi đôi mươi, thì tên tuổi Tú Trinh càng ngày càng nổi bật trong lãnh vực kịch nói, trong khi giọng nói thật êm tai của cô đã trở thành rất quen thuộc với những vai hiền lành, nhu mì trong những phim được chuyển âm. Riêng với ngành kịch nói, khi còn trẻ Tú Trinh rất thích hợp với những vai các cô gái bụi đời, sống một

cuộc đời phóng khoáng và buông thả. Khi bước vào lớp tuổi trung niên cô đã thủ diễn rất sống thật những vai trò được gọi là tính cách, đối với cô là những vai ác, dữ dằn và nhiều thủ đoạn.

Những vai gọi là "ác" do Tú Trinh thủ diễn khác hẳn với bản tính ôn hoà và nhã nhặn của cô ở ngoài đời mà cô cho cho là một sân khấu mà cô là một diễn viên không biết chút gì về diễn xuất…

Thời kỳ từ năm 72 đến 75 được coi là thời kỳ vàng son của Tú Trinh nhờ nơi chất giọng và tài nghệ diễn xuất của cô. Với thu nhập cao, gia đình Tú Trinh đã có được một tình trạng sáng sủa và khả quan hơn trước.

Sau năm 75, Tú Trinh không được phép diễn tại Sài Gòn nên đã đi diễn kịch ngắn hoặc tấu hài ở các tỉnh trong khoảng 2, 3 năm. Sau đó cô được phép về diễn ở Sàigòn nhưng không được dùng tên Tú Trinh nên đã lấy tên thật là Thu Ba trong thời gian cộng tác với đoàn Bông Hồng. Với đoàn Kim Cương sau đó, cô được trả lại cái tên quen thuộc Tú Trinh của mình.

Cao Phi Long và Tú Trinh

Vào năm 1979, Tú Trinh lập gia đình với nhạc sĩ Cao Phi Long khi họ cùng cộng tác với đoàn Kim Cương. Năm 1983 hai người có với nhau một con gái tên Khánh Hà. Cuộc sống vợ chồng của cặp nghệ sĩ này chỉ kéo dài một thời gian ngắn, họ

chia tay khi bé Khánh Hà mới được 15 tháng. Trước sự chia tay này, Tú Trinh rất buồn, nhưng: *"đau buồn đó để rồi không có bị đau khổ dằn vặt nữa thì Trinh chấp nhận thôi!"*

Sau đó Cao Phi Long đi Mỹ và hiện cư ngụ tại Orange County, nam California.

Sau năm 75, ngoài lãnh vực kịch nói, lồng tiếng và thuyết minh, Tú Trinh còn hoạt động về điện ảnh. Cô đã được mời diễn xuất trong phim *Sông Dài* vào năm 95 với Việt Trinh, Huỳnh Anh Tuấn, Hoàng Phúc, vv… Cũng trong năm đó, với vai Bà Hội Đồng trong phim *Người Đẹp Tây Đô*, Tú Trinh đã được mọi người đánh giá rất đạt, để từ đó cô thường được gọi với tên của vai trò rất ác độc này, nhờ nghệ thuật diễn rất sống, rất thật.

Trong khi đó, con người ngoài đời của Tú Trinh là một con người chân thật và giầu lòng từ thiện, nhờ đã trải qua một thời gian nghèo khổ, chật vật nên rất cảm thông với những người bất hạnh, xấu số. Tất cả khả năng diễn xuất của mình đã được Tú Trinh đưa lên sân khấu và trước máy thu hình, nên cô cho biết không hề để lại cuộc sống ngoài đời một chút gì liên quan đến những gì không thật. Do đó Tú Trinh chỉ muốn sống một cuộc sống thoải mái, không gò bó, ràng buộc.

Giờ đây Tú Trinh đã giã từ sân khấu sau gần 40 năm diễn xuất cho đời, cho người trong khi không hề biết diễn xuất cho chính cuộc đời và con người của cô. Điều đó đã khiến Tú Trinh có được niềm tự hào về sự phấn đấu của cô để tự vươn lên từ những khó khăn, trắc trở.

Tuy không còn được nhìn Tú Trinh trên sân khấu cô đã bỏ lại sau lưng, nhưng những người mến mộ cô vẫn sẽ được nghe giọng nói cô qua nghệ thuật lồng tiếng và thuyết minh. Và sau này, dù giọng nói mượt mà, duyên dáng và truyền cảm đó có

ngừng hẳn ở một thời điểm nào đó, nhưng âm vang của nó khó phai mờ trong tâm hồn mọi người.

Giờ đây chúng ta nên mừng cho Tú Trinh đang có được một cuộc sống êm đềm và thoải mái, sau khi đã xa rời sân khấu…

(Xem *Tình mẫu tử* trang 137)

Thoại Miêu

Thoại Miêu- Nguyễn Thị Ngọc Hoa (1953-20 ..)

Nghệ sĩ Thoại Miêu tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Hoa, sanh năm 1953, tại Sàigòn. Xuất thân trong gia đình đông con có tới tận 12 người con, trong đó 5 nam 7 nữ thì nghệ sĩ Thoại Miêu là con thứ 5 trong gia đình và em gái là nghệ sĩ thoại Mỹ. Khi còn nhỏ chị rất mê cải lương mặc dù gia đình không có điều kiện, nhưng khi thấy Thoại Miêu có năng khiếu bà nội nuôi của chị đã đưa chị đi học ca tài tử, cải lương tại thầy đờn Mười Phú.

Cũng từ đó Thoại Miêu bắt đầu theo thầy đi hát tại các quán cũng như các cuộc chơi đờn ca Tài tử. Cùng với niềm đam mê mà sau này khi học lên trên Thoại Miêu đã lựa chọn con đường ca hát là sự nghiệp cho bản thân mình, dù cho sau này con đường đi ấy không hề đơn giản chút nào, nhưng cho đến tận bây giờ chị vẫn vui, tự hào cảm thấy yêu nghề hơn nữa.

Năm 1969, Thoại Miêu trúng tuyển vào trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sàigòn khoa diễn viên cải lương. Tại đây, chị và các bạn của mình là nghệ sĩ Tài Lương, nghệ sĩ Đỗ Quyên được các thầy cải lương tài danh truyền dạy trong số đó phải kể đến Kim Cúc, Bích Thuận, Mai Thành, Duy Lân, Nguyễn Thành Châu, Phùng Há. Cũng trong thời gian này, Thoại Miêu được Ban ca kịch của nghệ sĩ Chín Sớm và ban ca kịch của nghệ sĩ Duy Chức mời cộng tác ca trên đài Sàigòn và đã nổi danh trên đài với vở Cải lương truyền thanh *Trần Minh khổ chuối*. Chị đã diễn xuất sắc trong vở *Trường hận*. Vì vậy, sau 3 năm được rèn luyện tại trường chính quy, năm 1971, chị đã vững vàng đi diễn ở khắp nơi. Tuy vậy, bà nội chị cấm cản không cho chị đi hát.

Mãi cho đến năm 1975 các đơn vị nghệ thuật cũng bắt đầu hoạt động, những người nghệ sĩ tự do được đăng ký với ngành Văn hóa Thông tin để được bố trí biên chế đơn vị theo đúng chuyên môn của người nghệ sĩ. Thoại Miêu đã thuyết phục bà nội của mình rồi đăng ký tham gia và được phân công làm diễn viên dự bị cho đoàn Cải Lương Sàigòn. Những ngày đầu ở trong đoàn chị không được nhận bất kỳ một vai diễn nào dù là vai nhỏ nhất.

Đến cuối năm 1975, khi Đoàn văn công giải phóng ra đời sát nhập ba nguồn lực lượng diễn viên từ Bắc vào, trong chiến khu ra và người ở tại Sàigòn, chị được nhận hát đào ba trong vở *Ngày tàn bạo chúa.* Đây được coi là dấu mốc trong cuộc đời đi hát của nghệ sĩ Thoại Miêu.

Sau vở diễn *Ngày tàn bạo chúa* Thoại Miêu được nhận vào vai diễn Tuyết Mai trong vở *Cây sầu riêng trổ bông* chị đã hóa thân vào nhân vật hoàn hảo đến mức khi đi tới đâu khán giả cũng đều gọi chị là Tuyết Mai và vở diễn này ăn khách kéo dài tới tận 5 năm. Không lâu sau vở diễn *Cây sầu riêng trổ bông* chị lại tiếp tục thành công với các vai diễn Ngọc Hà trong vở *Tâm sự Ngọc Hân* của tác giả Lê Duy Hạnh, vai Thiên Hương

trong *Muôn dặm vì chồng* của nhà văn Ngọc Linh, vai Hoàng Anh trong vở *Nàng hai Bến Nghé* của nhà văn Ngọc Linh.

Năm 1985, nghệ sĩ Thoại Miêu giành giải huy chương vàng với vai diễn Hồng trong vở *Dốc Sương Mù* của tác giả Lê Duy Hạnh. Sau đó nghệ sĩ về đoàn 2-84 chị tiếp tục với nhiều vai diễn đào nhì khác nhau trong các vở *Những vì sao không tên, Thiên Kiều Công Chúa, Kiếp chồng chung*,.... Đến năm 1989, chị sang Pháp biểu diễn phục vụ cho kiều bào ở nơi đây.

Có thể nói với từng vai diễn khác nhau, trong từng hoàn cảnh khác nhau, với mức độ thành công của vai diễn, nhưng từng vai diễn ấy của nghệ sĩ Thoại Miêu lại gắn liền tên tuổi của chị, nó được khắc sâu trong lòng khán giả.

Thoại Miêu lập gia đình với Trưởng đoàn Văn Công Tp. HCM Phan Quốc Hùng, sau nầy là Giám đốc Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang. Không chỉ thành công trên nghệ thuật mà cuộc sống gia đình của nghệ sĩ Thoại Miêu cũng rất hạnh phúc, hiện tại chị sống vui vẻ cùng chồng với con và cháu của mình.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Tuấn Thanh

Tuấn Thanh - Đặng Văn Đông (1953-20 ..)

Nghệ sĩ Tuấn Thanh tên thật là Đặng văn Đông, sinh năm 1953 tại Sàigòn. Song thân của anh là ông Đặng Văn Ngữ và bà Đặng Thị Nhân đều đã qua đời.

Thân phụ của anh, ông Đặng Văn Ngữ biết đờn cò, từng tham gia ban đờn ca tài tử của nhạc sĩ Hai Khuê ở đường Cao Thắng, quận ba. Ông Ngữ là một nhà buôn bán bất động sản kiêm thầu xây cất nổi tiếng ở Saigon, Chợ Lớn trong hai thập niên 1950, 1960.

Thuở bé, ngoài giờ học văn hóa, em Đông còn được theo cha học nghề. Khi ông Ngữ lãnh thầu xây cất nhà, Đông đã theo ông trong việc thực hiện xây cất. Đông học vẻ các bản kiến trúc và tính toán việc mua vật liệu. 14 tuổi Đông đã kiếm ra được nhiều tiền và giúp cha đắc lực trong nghề nghiệp của gia đình.

Đông cũng giống cha về niềm đam mê đờn ca cổ nhạc. Đông theo cha đi đờn ca với Ban đờn ca tài tử cổ nhạc của nhạc sĩ Hai Khuê, Đông đóng tiền học ca cổ nhạc với nhạc sĩ Ba Giác ở quận 6. Năm sau, Đông học thêm hai năm trong lớp cổ nhạc Văn Vĩ.

Sau đó, Đông được anh Lê Hoàng Nhi và ban cổ nhạc Ngọc Thạch – Văn Vĩ đưa đi ca ở đài phát thanh Saigon. Đông lấy nghệ danh là Thanh Tài. Nghệ sĩ Thanh Tài tham gia đờn ca tài tử ở các quận huyện đô thành như Phú Xuân, Nhà Bè, Quận 8, Bình Chánh và anh cũng được hãng dĩa Continental mời thu thanh. Tuy nhiên tên tuổi của nghệ sĩ Thanh Tài vẫn còn ít người biết đến.

Năm 1970, nghệ sĩ Thanh Tài được 17 tuổi, anh theo các đoàn hát cải lương ở tỉnh để được hát trên sân khấu. Thanh Tài đã hát qua các đoàn hát Hồng Vũ, Hoa Đăng, Quy Sắc, Tuyết Hoa.

Đến năm 1975, Thanh Tài gia nhập đoàn hát Kiên Giang. Anh thay đổi nghệ danh thành Thanh Thanh Tuấn, hát chung sân khấu với các nghệ sĩ Hà Mỹ Hạnh, Đức Anh, Vương Tùng, Hề Phi Phi, hề Tẩu Tẩu. Thanh Thanh Tuấn đã được hát chánh qua các vở tuồng *Hoa Mộc Lan, Suối Mơ Rền Pháo Cưới, Lưu Bình Dương Lễ, Bên Vòng Tay Mẹ, Manh Áo Quê Nghèo.* Thanh Thanh Tuấn được nhiều khán giả miền Tây ái mộ. Anh nổi tiếng là một nghệ sĩ trẻ ăn khách của sân khấu cải lương vùng Hậu Giang.

Năm 1977, Thanh Thanh Tuấn đổi nghệ danh thành Tuấn Thanh khi anh được đoàn cải lương Saigon 2 mời cộng tác. Ngôi sao cải lương Tuấn Thanh bắt đầu rực sáng trên bầu trời nghệ thuật. Nghệ sĩ Tuấn Thanh diễn chung với các diễn viên tài danh như nữ diễn viên Ngọc Bích, Hồng Nga, Kiều Lan, Thanh Vân, Liên Chi, Tô Kiều Lan, Ngọc Hà và các nam diễn viên Giang Châu, Tuấn An, Tư Rọm, Văn Chung, Hoàng Liêm, Hoàng Linh, Diệp Lang.

Vai hát đầu tiên của nghệ sĩ Tuấn Thanh trên sân khấu Saigon 2 là vai Cung trong tuồng *Ánh Lửa Rừng Khuya*. Tuấn Thanh hát thành công nên được vào vai chánh các vở *Tiếng Hò Sông Hậu, Khách Sạn Hào Hoa, Tìm Lại Cuộc Đời*…Tuấn Thanh đã được giới nghệ sĩ và khán giả công nhận Tuấn Khanh là một kép trẻ thinh sác lưỡng toàn.

Năm 1979, nghệ sĩ Tuấn Thanh cộng tác với đoàn cải lương Saigon 3, hát chung với các nghệ sĩ Bình Trang, Linh Huệ, Văn Chung, Kim Quang, Lan Chi, Thúy Lan, Tuấn Kiệt, tức Châu Thanh sau này, Hà Mỹ Xuân và Kiều Lệ Tâm. Tuấn Khanh đã hát qua các tuồng *Mái Tóc Người Vợ Trẻ, Tình Ca Biên Giới, Phụng và Hoàng.*

Thời gian năm 1980, Tuấn Thanh và nữ nghệ sĩ Mỹ Châu hát trên sân khấu đoàn Trúc Giang mới là thời gian mà tên tuổi của nghệ sĩ Tuấn Thanh được sáng chói nhất. Đoàn hát Trúc Giang

là một đoàn hát nhỏ, với những kịch bản thuộc loại trung bình như vở *Vòng Cưới Anh Trao, Thoại Khanh Châu Tuấn* nhưng dưới sự diễn xuất của cặp đào kép ăn khách nhất lúc bấy giờ là Mỹ Châu và Tuấn Thanh, đoàn hát Trúc Giang luôn luôn có một số thu vượt trội hơn các đoàn hát khác.

Về phương diện nghệ thuật thì phải đợi đến khi Tuấn Khanh diễn những vở tuồng có giá trị văn học như vở *Tâm Sự Ngọc Hân, Dòng Sông Đầm Lầy, Thái Hậu Dương Vân Nga,* ngôi sao sân khấu của Tuấn Thanh mới thật sự bật sáng. Nhất là sau tháng 2 năm 1979, hơn mười đoàn hát cải lương đồng loạt hát vở cải lương *Thái Hậu Dương Vân Nga*, biểu lộ ý chí chống xăm lăng Trung Cộng do Sở Văn Hóa phát động. Tuấn Thanh vào vai Lê Hoàn, anh hát thật là oai dũng, biểu dương được ý chí không khuất phục trước sự xăm lăng của nước Tàu ở phía Bắc.

Năm 1986, Tuấn Thanh gia nhập gánh hát Phước Chung, hát với nữ diễn viên Bình Trang, Trang Bích Liểu, các nam diễn viên Thanh Tú, Hồng Tơ, Hoàng Liêm, Giang Tâm, Hồng Hoa, Linh Tuấn, Dũng Tâm…

Năm 1987, Tuấn Thanh được đoàn Thanh Nga mời cộng tác, anh đứng chung sân khấu với Kiều Phượng Loan, Hương Huyền, Diệu Huê, Hoài Trúc Phương, Bích Sơn, Thanh Thanh Hoa, Tám Vân, Phương Hùng, Phương Tâm. Anh đã hát qua các vở *Thiên Phúc Hoàng Đế, Nhiếp Chính Ỷ Lan, Đầm Tiên Sa, Đường Gươm Dũng Tướng…*

Năm 1989, Tuấn Thanh trở về hát trên sân khấu đoàn Saigon 2, hát chung với các nghệ sĩ diệu Hiền, Mỹ Châu, Văn Chung, Phi Thoàn, Tô Kiều Lan, Kiều Mai Lý và hát trong hai kịch bản *Nắng Ấm Ngoại Ô* và *Nữ Tướng Cờ đào.*

Tuấn Thanh cũng từng đóng tuồng chung sân khấu với các nữ diễn viên tài danh Phượng Liên, Ngân Hà, Ngọc Giàu, Hồng

Nga và các nam diễn viên Minh Vương, Tấn Tài, Hoàng Giang, Hoàng Hải, Tám Vân…

Năm 1990, đột nhiên Tuấn Thanh xa rời sân khấu. Anh trở về cái nghề buôn bán bất động sản và thầu xây cất nhỏ. Từ năm 1990, sân khấu cải lương mất dần khán giả, cuộc sống của nghệ sĩ không được sung túc như xưa, có lẽ vì lẽ đó mà Tuấn Thanh quay trở về với nghề cũ của gia đình. Cha anh không còn nhưng Tuấn Thanh đã có nhiều kinh nghiệm nên anh trở về nghề cũ của gia đình không gặp khó khăn nào cả. Tuấn Thanh vắng bóng trên sân khấu các đoàn hát, anh kinh doanh thành công rất khả quan.

Tuy cuộc sống của anh và gia đình rất sung túc nhưng anh vẫn nhớ sân khấu và bạn diễn nên những khi rỗi rãnh, anh hát thu thanh cho hãng dĩa hoặc băng video. Trong lãnh vực băng video, Tuấn Thanh thu được nhiều tuồng hay như tuồng *Tiếng Hò Sông Hậu, Đôi Mắt Tình Yêu, Quán Khuya Sầu Viễn Khách, Đơn Hùng Tín, Lã Hậu, Hạng Võ Biệt Ngu Cơ, Anh Hùng Lương Sơn Bạc, Nữ Tú Tài, Kiếm Sĩ Dơi, Bài Thơ Trên Cánh Diều, Hoa Khuê Các Bướm Giang Hồ…*

Năm 2005, sau 15 năm xa rời sàn diễn cải lương, nghệ sĩ Tuấn Thanh xuất hiện trong vai Nguyễn Huệ trong tuồng *Hoàng đế Quang Trung*, nghệ sĩ Tuấn Thanh có một phong độ ca diễn tiến triển hơn trước.

Hiện nay Nghệ sĩ Tuấn Thanh vẫn thường xuyên tham gia các show sân khấu cải lương tại Tp.HCM và các tỉnh, các chương trình truyền hình trực tiếp. Khi trở lại sân khấu, anh vẫn oai phong, càng tỏa sáng hào khí của tướng lĩnh trong các vở cải lương lịch sử qua các vai: Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo, Thập Đạo Lê Hoàn, Trần Nguyên Hản, Bùi Hữu Nghĩa…

Có thể nói, nghệ sĩ Tuấn Thanh đã cống hiến hơn nửa đời mình cho sân khấu cải lương nhưng đối với anh gia đình vẫn là nền

tảng cơ bản nhất. Quan điểm của anh về gia đình, sống thủy chung một vợ một chồng chính là căn cơ để tạo sự nghiệp vững chắc. Chị Nguyễn Thị Hồng Nhung là người vợ duy nhất của anh, một người vợ vừa đẹp người đẹp nết, giỏi việc kinh doanh nhưng cũng rất tuyệt vời việc đảm đang chăm sóc chồng con. Vợ chồng anh có một người con trai đã thành đạt và một đứa cháu nội gái ngoan hiền mới 8 tuổi đã biết đàn violon cho ông bà Nội nghe…

(Xem *Tình mẫu tử* trang 137)

Kim Hương

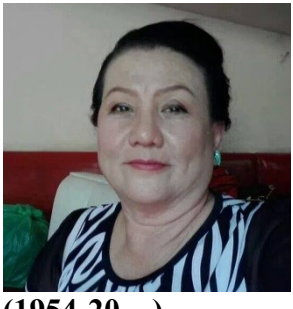

Kim Hương (1954-20 ..)

Nghệ sĩ Kim Hương sinh năm 1954 tại Sàigòn, 8 tuổi đã theo học ca cổ với thầy Út Trong nổi tiếng. Sau học thêm với thầy Hai Khuê, giảng viên trường Quốc gia Âm nhạc Sàigòn. 14 tuổi vào đoàn Trăng Mùa Thu. Sau đó đi đoàn Kim Chưởng, Thanh Minh.

Năm 1975, Kim Hương tham gia diễn Bên Cầu dệt lụa với Thanh Nga, Thanh Tú, Thanh Sang.

Năm 1977, vai nàng Tía trong vở *Tiếng trống Mê Linh*, Kim Hương lại tiếp tục khắc họa một nhân vật lém lỉnh, thông minh.

Nàng Tía giả dạng người bán rượu để trà trộn vào hàng ngũ quân Hán lấy tin tức cho thủ lĩnh Trưng Trắc. Nàng Tía vừa xinh xắn, vừa phản ứng nhanh nhẹn, rõ ràng là một "gián điệp" tin cậy. Nàng Tía lật tẩy Chương Hầu - Bảo Quốc, khiến ai nấy cười vui vẻ. Hài mà vẫn tử tế, hài mà không lạm dụng mảng miếng phá vỡ nhân vật. Hài như thế đâu phải dễ. Chỉ cần hai vai diễn đã đưa cô đào trẻ vào lòng người ái mộ.

Năm 1978, tham gia cùng với Thanh Nga diễn tuồng Thái hậu Dương Vân Nga, rồi nghệ sĩ Thanh Nga qua đời ngay sau đó, kết thúc giai đoạn rực rỡ của đoàn Thanh Minh – Thanh Nga. Kim Hương được đôn lên đóng vai Dương Vân Nga, đi diễn khắp các tỉnh và tận miền Bắc.

Kim Hương đã hát tròn vai Thái Hậu Dương Vân Nga, nhờ chịu ảnh hưởng của thần tượng Thanh Nga từ giọng ca đến nét diễn, nên khi vào vai Thái Hậu Dương Vân Nga, nữ nghệ sĩ Kim Hương có gương mặt và phong thái diễn xuất phảng phất bóng dáng của Thanh Nga. Nhất là nhờ các nghệ sĩ tài danh từng đóng với Thanh Nga trong tuồng Thái Hậu Dương Vân Nga như nghệ sĩ Thanh Sang, Hùng Minh, Hoàng Giang, Văn Ngà, Ngọc Nuôi, Xuân Lan, Bảo Quốc đều biểu diễn rất trang trọng, nghiêm túc như là các bạn đó đang hát với Thanh Nga.

Nữ nghệ sĩ Kim Hương dù thay vai đào chánh của Thanh Nga, hát thành công vai Thái Hậu Dương Vân Nga nhưng cô cũng không thể thành một cô đào chánh được. Khán giả vẫn nhớ những vai đào nhì, đào ba của Kim Hương nhất là vai Tiểu Loan trong tuồng Bên Cầu Dệt Lụa và vai Nàng Tiá trong tuồng Tiếng Trống Mê Linh.

Khi các ngôi sao từ giã đoàn Thanh Minh ra đi thì Kim Hương cũng theo gót, cô được đoàn hát Long An mời về thủ các vai chánh của đoàn hát Long An. Nhưng chỉ một thời gian sau, Kim Hương rời đoàn Long An, cô thành lập nhóm nghệ sĩ đờn ca tài tử ở Long An, chuyên đờn ca tài tử trong các dịp hội hè

đình đám ở Long An khi nhóm của cô được mời. Kim Hương dành nhiều thì giờ để đào tạo lớp nghệ sĩ trẻ, rèn luyện giọng ca cổ trong các câu lạc bộ văn hóa trong tỉnh Long An. Sau đó, gia nhập các đoàn Phước Chung, Trung Hiếu, Hương Mùa Thu.

Đến năm 1996, Kim Hương về Nhà hát múa rối Tp. HCM với vai trò người quản lý. Cải lương trở thành một kỷ niệm...

Nghệ sĩ Kim Hương dù đã nghỉ việc, hoạt động tự do, vẫn là người chuyên chạy tài trợ và tổ chức biểu diễn cho múa rối và nhiều chương trình khác. Chị học được "nghề" tiếp thị trong những tháng ngày xa sân khấu. Từ chỗ bất đắc dĩ, chị trở thành chuyên nghiệp hồi nào không hay, và mối quen biết mở rộng khiến chị sống thoải mái hơn. Chị nói: "Tôi sẽ trở lại cộng tác với đoàn Thanh Nga, trưởng đoàn là ông Hoàng Ngọc Ẩn, vì đó là mái nhà đã giúp tôi phát triển nghề nghiệp, tôi vẫn tri ân. Hôm nọ, đi xem đoàn diễn một tuồng Phật, khán giả đông quá, tôi thật xúc động. Cho nên, tôi không chỉ trở lại làm diễn viên, mà còn muốn tổ chức sự kiện gì đó cho đoàn. Mình lớn tuổi rồi, không chỉ đi hát kiếm tiền ào ào như hồi xưa, mà muốn làm việc hướng thiện nữa". Kim Hương biết cải lương đang hồi khó khăn, nên ước mơ tạo ra những cơ hội để cải lương được sống còn. Bàn tay nhỏ bé nhưng nếu vỗ thì ắt có tiếng kêu, còn hơn ngồi im lặng chờ đợi ngày cải lương tàn rụi.

Thật sự chị rất nhớ nghề. Bao nhiêu năm làm quản lý, tưởng nỗi nhớ đã ngủ yên, không ngờ nó lại sống dậy trong những ngày đi xem danh hài Hoài Linh diễn kịch. Công ty Nụ Cười Mới thuê rạp Măng Non của Nhà hát múa rối Tp. HCM, chị lui tới, rồi đam mê. Chị kể một giấc mơ rất lạ, trong mơ chị thấy Hoài Linh mặc áo vua mà đi chân đất, tới kéo tay chị: "Kim Hương, đi hát đi!". Chị choàng tỉnh, bàng hoàng linh cảm đó là tổ nghiệp lay gọi chị chứ không phải Hoài Linh ngoài đời. Sau đó tự nhiên Đài truyền hình Tp.HCM mời chị đóng hai tuồng cải lương, rồi một bộ phim dài tập cũng đang mời chị. Chị

mừng quá, lăng xăng luyện giọng mỗi ngày. Kim Hương cười rất tươi, ăn ngon lành không cần giữ eo, eo đâu nữa mà giữ! Chồng chị qua đời đã mười năm nay, chị ở vậy nuôi đứa con gái, giờ đang học ngành du lịch.

Kỷ niệm 64 năm thành lập đoàn Thanh Minh Thanh Nga, gia đình nghệ sỹ Thanh Nga thực hiện chương trình *Chút tình gởi lại nhân gian* với hai vở cải lương kinh điển *Bên cầu dệt lụa* và *Tiếng trống Mê Linh*.

Nghệ sĩ Kim Hương từng đóng vai nàng Tía, Tiểu Loan, Thái hậu Dương Vân Nga háo hức phát biểu: "Mập quá trời đi! Mắc cỡ quá! Thôi lên hát một chút để kỷ niệm với đoàn, chứ bao nhiêu tâm tư xin truyền lại các em sau này, mong giữ gìn cải lương đừng mai một".

Hai mẹ con nghệ sĩ Kim Hương đang sống vui vẻ trong căn hộ nhỏ ở chung cư tại Sàigòn. Đời nghệ sĩ xem ra cũng không đến nỗi... bèo dạt mây trôi!

(Xem *Bên cầu dệt lụa* trang 154)

Thanh Kim Huệ

Thanh Kim Huệ - Bùi Thị Huệ (1955-20.)

Nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ tên thật là Bùi Thị Huệ, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1955 tại Saigon. Thân phụ là Bùi Văn Lang, Mẹ là bà Ngô Thị Kim.

Năm 12 tuổi bé Huệ theo cha mẹ ở đoàn hát Hằng Xuân – An Khương của ông bà bầu Sáu Đặng, một gánh hát bực trung mới thành lập năm 1967. Ông Bầu Sáu Đặng nguyên là nhạc sĩ cổ nhạc đoàn Thanh Minh Thanh Nga, lập gánh hát để tạo cơ hội phát triển cho hai đứa con của ông là nữ nghệ sĩ trẻ Hằng Xuân và bé An Khương. Bé Huệ được cho ca vọng cổ ngoài màn trước giờ hát, giọng hát của bé Huệ 12 tuổi đã được các ký giả kịch trường và khán giả khen ngợi và tiên đoán có nhiều triển vọng trở thành một danh ca nhanh chóng như trường hợp của nữ nghệ sĩ Mỹ Châu. Nhưng vận số của Bé Huệ chưa thông, đoàn hát Xuân Hằng – An Khương sau đợt hát khai trương tại rạp Nguyễn Văn Hảo, lưu diễn ở các rạp quanh Saigon, Chợlớn, chuẩn bị hát bán dàn ở tỉnh Tây Ninh. Ngày đoàn hát đi Tây Ninh, xe đò chở nghệ sĩ đổ xăng tại ngã tư Bảy Hiền, nghệ sĩ Phi Hùng quẹt ống quẹt đốt thuốc hút, vòi đổ xăng bắt lửa phựt cháy, anh tài xế quăng vòi xăng bỏ chạy, xăng văng vô xe, lửa cháy trong xe nghệ sĩ, nữ nghệ sĩ Hằng Xuân, con gái của ông bà Bầu Sáu Đặng bị phỏng nặng và chết ngay sau đó. Gánh hát Hằng Xuân – An Khương tan rã. Bé Huệ được đoàn Thanh Minh Thanh Nga nhận cho vào học hát, đóng vai em bé trong các tuồng hát của đoàn.

Năm 1968, ông Lang, cha của bé Huệ thấy Bé Huệ không có cơ hội phát triển khi hát trên một sân khấu mà có quá nhiều nghệ sĩ thượng thặng như Thanh Nga, Bích Sơn, Ngọc Nuôi, Ngọc Giàu…ông dẫn bé Huệ gia nhập đoàn hát cải lương Thiên Hương, một đoàn hát nhỏ, chuyên hát ở các quận huyện và tỉnh nhỏ với hy vọng ở đoàn hát nhỏ, Bé Huệ sẽ có những vai tuồng để hát chớ không phải chỉ ca salon ngoài màn. Nhưng rồi đoàn hát Thiên Hương cũng bị rã gánh sau cái Tết Mậu Thân máu lửa.

Năm 1969, bé Huệ theo cha mẹ đi theo đoàn hát cải lương Hoa Phượng của ông Bầu Trung, lưu diễn miền Trung, sau đó đoàn cải lương Thiên Hương về hát các tỉnh Hậu Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Xuyên. Chiếc ghe chở nghệ sĩ và tranh cảnh của đoàn hát bị chìm trên sông gần Bắc Vàm Cống, nghệ sĩ Thanh Điền đã đeo phao cứu được Bé Huệ và nhiều nghệ sĩ khác. Gánh hát Hoa Phượng tan rã tại đây nhưng tình cảm giữa Bé Huệ và Thanh Điền bắt đầu chớm nở.

Năm 1970, thân phụ của nghệ sĩ Thanh Điền giới thiệu Thanh Điền và Thanh Kim Huệ với ông Bầu Long. Sau khi thử giọng ca, ông Bầu Long chấp nhận cho Thanh Điền và Thanh Kim Huệ vào hát kép nhì, đào nhì trong đoàn Kim Chung 2. Thanh Kim Huệ đã hát các vai đào nhì trong các tuồng *Manh Áo Quê Nghèo, Mây Chiều Phú Sĩ Sơn,* …Giọng ca của Thanh Kim Huệ được khán giả nhiệt liệt ngợi khen nhưng năm 1970, thời điểm sau cái Tết Mậu Thân, nghệ sĩ cải lương long đong vì đô thành Saigon giới nghiêm ban đêm, hát suất ban ngày không có khán giả, các đoàn hát hát để kiếm sống lây lất qua ngày nên Thanh Kim Huệ không được may mắn như các danh ca nổi lên trong những năm 1960, 1961, 1962….

Năm 1972, nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ được soạn giả Loan Thảo giới thiệu với bà Sáu Liên, chủ hãng dĩa Việt Nam để thu dĩa vọng cổ. Thanh Kim Huệ nổi danh qua các dĩa vọng cổ *Yêu Lầm, Biển Tình, Thà Như Giọt Mưa*… Bầu Long – Kim Chung bèn nâng Thanh Kim Huệ lên hát vai đào chánh trong đoàn Kim Chung 2.

Năm 1974, Thanh Điền thành lập gánh hát Xuân Liên Hoa, Thanh Kim Huệ là đào chánh. Hai nghệ sĩ Thanh Điền và Thanh Kim Huệ thành hôn vào dịp Tết năm 1975.

Thanh Kim Huệ có chất giọng kim, làn hơi trong suốt và cao vút, kỹ thuật ca khi vô vọng cổ có nhiều lúc lạng, bẻ, uốn éo kiểu như nhiều nghệ sĩ ca vô bài Sương Chiều nhưng giọng ca

của Thanh Kim Huệ dầu có luyến láy đến mấy thì vẫn nghe rõ lời, rõ ý, tiếng ca nghe mềm mại, uyển chuyển như vuốt ve mơn trớn, tạo thành một lối ca lạ, hấp dẫn người nghe.

Sau năm 1975, nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ sử dụng nhuần nhuyễn các bài lý, các điệu hò miền Nam vào trong lòng câu vọng cổ hoặc ca gát trước vọng cổ, Thanh Kim Huệ và nam danh ca Thanh Tuấn hợp lại thành một đôi danh ca vọng cổ được giới trẻ ưa thích với các điệu lý ca lồng trong bài vọng cổ.

Sau năm 1975, Thanh Kim Huệ đã đi hát ở các đoàn cải lương Saigon 2, Saigon 3, đoàn cải lương Kiên Giang, đoàn Saigon 1 rồi trở lại Saigon 3.

Nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ từ khi mới theo nghiệp sân khấu đến nay, đã hát qua trên cả trăm tuồng hát như *Mây Chiều Phú Sĩ, Manh Áo Quê Nghèo, Khói Cỏ Quê Hương, Áo Vũ Cơ Hàn, Mắt Em Là Bể Oan Cừu, Tiếng Hát Rừng Hoang, Linh Hồn Của Quỷ, Quỷ Kiến Sầu, Lỡ Bước Sang Ngang, Ánh Lửa Rừng Khuya, Tiếng Hạc Lưng Trời, Công Chúa Alysa…*

Thanh Kim Huệ cũng là nữ tác giả cải lương có nhiều tuồng được dàn dựng trên đoàn hát Kim Chung 2 và đoàn cải lương Saigon 1. Vở cải lương sáng tác đầu tiên của Thanh Kim Huệ là tuồng *Quỷ Kiến Sầu*. Thanh Kim Huệ có được 20 soạn phẩm cải lương được dàn dựng trên sân khấu Kim Chung 2 và Saigon 1, đó là các *tuồng Nắng Đẹp Muôn Màu, Linh Hồn Của Quỷ, Tiếng Hát Rừng Hoang, Công Chúa Alysa, Em ơi, Đừng Khóc Nữa, Xin Đừng Nói Yêu Em, Bến Tương Tư, Yêu và Ghen…*

Thanh Kim Huệ đã thu dĩa, băng, đài truyền hình hơn 300 bài vọng cổ đủ loại.

Nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ, mặc dầu có hơi rong, giọng ca lạ, uyển chuyển, có khả năng thu hút cảm tình của người nghe,

Thanh Kim Huệ cũng là một cây viết nữ có nhiều tuồng được dàn dựng trên nhiều sân khấu lớn ở Saigòn nhưng có thể nói là khả năng thiên phú cộng với sự nổ lực thường xuyên của cô cũng chỉ làm cho cô ở vào một hoàn cảnh lưng chừng, khi vừa tỏa sáng thì lại gặp khó khăn ngay trong lúc tình hình sân khấu cải lương đang hồi xuống dốc.

Thanh Điền và Thanh Kim Huệ đã bán nhà cửa, xe cộ để đổ vào việc duy trì hoạt động của đoàn cải lương Saigon 1.

Thanh Điền và Thanh Kim Huệ về sau mua được nhà, sắm được xe nhờ vào cái nghề chụp hình cho nghệ sĩ và các khách hàng.

Về gia đình, Thanh Kim Huệ và Thanh Điền có hai con: con trai là Nguyễn Đăng Quang sinh năn 1977 và con gái Nguyễn Đức Hồng Loan, sinh năm 1986. Nguyễn Đăng Quang đang nối nghiệp Thanh Điền trong nghề chụp ảnh. Hai cha con có hai tiệm chụp ảnh rất đông khách tại Saigon.

(Xem *Sân khấu về khuya* trang 88)

Hương Lan

Hương Lan - Trần Thị Ngọc Ánh (1956-20 ..)

Nghệ sĩ Hương Lan tên thật là Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 9 tháng 5 năm 1956 tại Sàigòn, là con cả trong gia đình có năm người con. Thân phụ là nghệ sĩ Hữu Phước, nghệ sĩ cải lương ở

miền Nam Việt Nam thập niên 1960. Dưới sự giáo dục của thân phụ, Hương Lan khởi nghiệp ca hát bằng thể loại vọng cổ. Năm 1961, thân phụ Hương Lan đã đưa cô lên sân khấu và cùng diễn trong vở cải lương *Thiếu phụ Nam Xương*, khi chỉ mới 5 tuổi. Nghệ danh Hương Lan được ghép từ 2 nghệ danh Thanh Hương và Út Bạch Lan, đó là 2 nghệ sĩ thân thiết với gia đình cô.

Năm 1966, Hương Lan khởi đầu sự nghiệp hát tân nhạc dưới sự dìu dắt của nhạc sĩ Trúc Phương. Nhiều bài tân nhạc do Hương Lan trình diễn đơn hoặc song ca với các danh ca khác được phát trên đài phát thanh hoặc thu âm trên các đĩa nhựa. Ca khúc tiêu biểu của Hương Lan là *Ai ra xứ Huế* của Duy Khánh nhận nhiều sự chú ý và mến mộ do có chất giọng ngọt ngào và thanh khiết. Hương Lan được hầu hết các nhật báo cũng như tạp chí ở Sàigòn lúc bấy giờ mệnh danh là "thần đồng".

Từ cuối năm 1974, nhạc sĩ Ngọc Chánh đã có những cuộc thương thảo nhằm thực hiện tuyển tập thu băng đầu tiên mang tên *Tiếng hát Hương Lan*, trong bộ băng nhạc Shotguns thời bấy giờ. Tuy nhiên, dự án này không thể thực hiện do thời cuộc đầu năm 1975.

Đầu năm 1975, Hương Lan cùng cha được mời về diễn cải lương và tuồng cổ với đoàn Kim Chung. Thời gian này, Hương Lan thường diễn chung với kép hát trẻ lừng danh thập niên 1970 với nghệ sĩ Chí Tâm. Chỉ trong một thời gian ngắn, cặp đôi Chí Tâm - Hương Lan là một trong những cặp diễn thu hút khán giả nhất ở Sài Gòn với các vở diễn *Hán đế biệt Chiêu Quân, Cây sầu riêng trổ bông, Nắng thu về ngõ trúc…*

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Hương Lan vẫn tiếp tục sự nghiệp ca hát trong đoàn cải lương Văn Công với các vở *Tình yêu và Bạo chúa*, *Cây sầu riêng trổ bông*, ... Tháng 12 năm 1975, Hương Lan lập gia đình với nghệ sĩ Chí Tâm, khi mới 20

tuổi. Năm 1977, Hương Lan sinh hạ người con trai đầu, đặt tên là Bảo Nhi.

Hữu Phước thân phụ Hương Lan, có quốc tịch Pháp, nên đã sang Pháp định cư theo diện "hồi hương" sau sự kiện 30 tháng 4 năm 1975. Tháng 2 năm 1978, Hương Lan cùng chồng và người con trai được thân phụ bảo lãnh xuất ngoại định cư tại Pháp. Khi đó Hương Lan đang mang thai người con trai thứ 2.

Thời gian đầu ở Pháp, Hương Lan cùng chồng và hai con trai cư ngụ tại Saint Tolomon, ngoại ô thủ đô Paris. Cuộc sống chật vật, dù mới sinh hạ người con trai thứ 2, bà phải đi làm thuê ở nhà hàng kiếm sống, vừa hỗ trợ chồng có thể học tiếng Pháp và học nghề. Sang năm 1979, Chí Tâm may mắn xin được việc làm ở công ty Alcatel Thompson, một liên danh sản xuất bản mạch điện tử, nhờ đó cuộc sống gia đình cũng đỡ phần nào. Sau đó, gia đình Hương Lan dọn về quận 13 ở Paris.

Hoạt động nghệ thuật của Hương Lan - Chí Tâm bấy giờ, chỉ giới hạn thỉnh thoảng đi hát trong các buổi lễ của cộng đồng Việt Nam tại Pháp. Thời gian này, giữa hai người bắt đầu nảy sinh những rạn nứt và mâu thuẫn. Năm 1982, Hương Lan ly dị và dẫn hai con trai sang Mỹ. Tại Mỹ, Hương Lan tham gia sinh hoạt văn nghệ trong cộng đồng người Việt. Năm 1983, Trung tâm Thúy Nga mời Hương Lan tham gia thu âm và ghi hình cho tuyển tập chương trình Paris By Night, Hương Lan tham gia biểu diễn với 2 nhạc phẩm *Muộn màng* của tác giả Tấn Phát, song ca với Tấn Phát và *Trên đỉnh mùa đông* của tác giả Trần Thiện Thanh. Sau khi chương trình được phát hành dưới dạng băng VHS, đã nhanh chóng phổ biến trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Cũng nhờ đó, Hương Lan có sự thành công trở lại trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Trong những năm sau đó, Hương Lan trở nên một trong những giọng ca trụ cột của Trung tâm Thúy Nga. Bên cạnh đó, Hương Lan cũng biểu diễn và thu âm cho một số chương trình âm

nhạc khác như Trung tâm Asia, Bước chân hai thế hệ, qua đó được cộng đồng người Việt hoan nghênh. Thập niên 1980 từng được mệnh danh là "thập niên của Hương Lan", khi Hương Lan liên tiếp thành công trên cả hai lĩnh vực tân nhạc lẫn cổ nhạc. Cặp Tuấn Vũ – Hương Lan được xem là cặp song ca lừng danh trong thị trường âm nhạc hải ngoại vào cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990.

Đầu năm 1986, trong buổi tiệc mừng sinh nhật của ca sĩ Elvis Phương, Hương Lan gặp ông Đặng Quốc Toàn, một kỹ sư cơ khí hàng không. Hai người nảy sinh tình cảm và chính thức đi đến hôn nhân vào năm 1988. Ông Toàn có 3 người con riêng trước khi về sống với Hương Lan.

Trong một số bài phỏng vấn, Hương Lan vẫn thường cho biết rằng cuộc đời Hương Lan chỉ phụng sự cho nghệ thuật và mơ ước của cô là được trở về hát trên chính quê hương của mình. Năm 1994, lần đầu tiên Hương Lan trở về Việt Nam cùng với những nghệ sĩ hải ngoại Quốc Anh, Đức Huy và Thảo My. Hai năm sau, Hương Lan được phép trình diễn trước khán giả tại Việt Nam nhờ ở "thiện chí phục vụ khán giả và niềm ước mơ tầm thường của mình" được nhận biết.

Tháng 5 năm 2009, Hương Lan tổ chức liveshow của mình tại Việt Nam với tên: *Ơn đời một khúc dân ca*. Tuy có nhiều trục trặc về khâu dàn dựng, cả Hương Lan và khán giả đều không vừa ý với cách làm việc của ông bầu Hữu Lộc và sự cố về tiền thù lao của công ty *Nụ cười mới*, nhưng liveshow đã kết thúc tốt đẹp và thu hút đông đảo khán giả với giá vé mức cao nhất lên đến 1,5 triệu đồng/vé.

Hiện nay, tuy tuổi đời đã cao nhưng Hương Lan vẫn hoạt động tích cực, tiếng hát của Hương Lan vẫn có sức sống vượt thời gian trong lòng thính giả.

(Xem *Nửa đời hương phấn* trang 174)

Phượng Mai

Phượng Mai - Trương Thị Bích Phượng (1956-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Phượng Mai tên thật là Trương Thị Bích Phượng sanh ngày 29 tháng 10 năm 1956, tại Tỉnh Bến Tre. Con của một gia đình đông con. Cha mẹ của Phượng Mai có tất cả 13 người con mà Phượng Mai là con gái thứ 7, vì nhà nghèo, khổng thể nuôi 1 đàn con đông như vậy nên cha mẹ của Phượng Mai cho cô làm con nuôi của bà cô ngoại là nữ nghệ sĩ tiền phong Cao Long Ngà.

Gia đình của Phượng Mai bên nội, ngoại đều là những nghệ sĩ nổi danh trong sân khấu tuồng cổ. Phượng Mai thuộc về thế hệ thứ 5 trong gia đình nghệ sĩ nầy. Ông Ngoại là nghệ sĩ tài danh Cao Tùng Châu, bầu gánh hát bội Phước Tường. Nữ nghệ sĩ Cao Long Ngà, em gái của ông Cao Tùng Châu là 1 diển viên hát bội tài danh được Hội Khuyến Lệ Cổ Ca liệt vào danh sách Ngũ Trân Châu của ngành hát bội, gồm có các viện ngọc quí như Cô Năm Nhỏ, Năm Đồ, Cao Long Ngà, Năm Sa Đét và Ba Út.

Tuy vai vế của nghệ sĩ Cao Long Ngà ngang hàng với bà nội, bà ngoại của Phượng Mai, nhưng bà cho Phượng Mai gọi bà bằng Má và gọi chồng bà, ông Sáu Xường bằng Cha. Sáu Xường là cầu thủ nổi danh của đội banh Étoile Gia Định, cùng với thủ môn Tịnh, đấu ngang ngửa với đội banh Hương Cảng mà trung phong Lý Huệ Đường của đội banh Quốc Tế này đã thán phục hậu vệ Xường và thủ môn Tịnh của Việt Nam.

Ông cậu của Phượng Mai là em vợ của ông bầu Nguyễn Phước Cương, cha ruột của nữ nghệ sĩ Kim Cương; do quan hệ gia đình nên lúc Phượng Mai được 5 tuổi, Kim Cương đã đưa Phượng Mai đi đóng phim, 1 vai con trong phim Ảo Ảnh của đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc.

Phượng Mai hát vai con trong vở *Thiếu Phụ Nam Xương* trong ban kịch Kim Cương, diễn mỗi sáng chúa nhựt tại rạp Thanh Bình Sài Gòn. Cô còn được Kim Cương tập cho các vai đào con trong các vở kịch: *Tôi Là Mẹ, Cuối Đường Hạnh Phúc, Sắc Hoa Màu Nhớ*.

Ngoài việc đóng phim, đóng kịch, hàng đêm Phượng Mai đều theo bà mẹ nuôi Cao Long Ngà đến rạp hát, xem bà hát nên từ nhỏ đến lớn, tiếng đàn, giọng ca, trống, phách và các điệu múa hát của nghệ sĩ trên sân khấu tiêm nhiễm vào tiềm thức nên Phượng Mai tuy không chánh thức được truyền nghề, cô vẫn múa hát rất có duyên.

Phượng Mai học trường tiểu học Phan Văn Trị, ngang rạp hát bóng Đại Nam ở đường Trần Hưng Đạo.

Trong những năm 1960, 1961, rạp hát bóng Đại Nam chiếu phim Đài Loan *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, Thanh Xà Bạch Xà*, nhân viên gác cửa rạp chiếu bóng quen biết các nghệ sĩ đoàn hát Bầu Thắng và Bầu Cung nên cho các nghệ sĩ vào xem hát bóng mà khỏi mua vé. Phượng Mai nhân đó được xem phim *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài*. Cô mê 2 diễn viên tài danh Trung Quốc: Lăng Ba và Lạc Đế trong 2 vai Lương Sơn Bá & Chúc Anh Đài nên trốn học, xem liền cả tuần lễ, nhập tâm học cách ca diễn của 2 diễn viên tài danh Đài Loan đó.

Nhà trường gởi thơ cho bà Cao Long Ngà, báo tin Phượng Mai thường trốn học, bà giận lắm, bắt Phượng Mai cúi xuống cho bà đánh, răn dạy. Phượng Mai mới bị 1 roi, mếu máo khóc nói:

"Má ơi, đừng đánh con đau. Để con hát bội làm đào má coi."

Bà Cao Long Ngà và Ông Sáu Xường tức cười, nói: "Được! Má không đánh nửa, con nói làm đào hát, hát cho má coi, không hát được thì ăn 5 roi về tội nói láo đó."

Phượng Mai dạ 1 tiếng thật lớn rồi chạy kiếm tấm khăn lông, choàng vào vai, cầm cây quạt, múa, ca, diễn lớp Lương Sơn Bá gặp Chúc Anh Đài lần đầu tiên gặp nhau nơi trường đình. Cô đóng cả 2 vai và nhại ca theo tiếng Tàu trong phim, dĩ nhiên là không thật đúng, nhưng nghe ra tiếng Tàu và điệu ca hát Đài Loan, điệu hát rất thịnh hành trong giới ca cổ.

Bà Cao Long Ngà sửng sốt, gọi chồng: "Anh Sáu! Con Mai nó hát giống Lăng Ba quá."

Ông Sáu cũng mừng, bảo bà đi vô Chợ Lớn đặt may cho Phượng Mai mấy bộ đồ Tàu để Phượng Mai thủ diễn 2 vai Lương Sơn Bá & Chúc Anh Đài vì nét diễn, giọng ca, cách hát của Phượng Mai rất giống Lăng Ba và Lạc Đế, 2 danh tài phim ảnh Đài Loan.

Giỗ Tổ năm đó, bà Cao Long Ngà dẫn Phượng Mai tới nhà Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ đường Cô Bắc, cho Phượng Mai lạy Tổ và hát vai Lương Sơn Bá nơi trường đình để hầu Tổ. Các nghệ sĩ tiền phong, các ký giả kịch trường đều khen hay, khen giống Lăng Ba. Ký Giả Nguyễn Ang Ca tặng cho Phượng Mai danh hiệu "Thần Đồng Tiểu Lăng Ba."

Mới 7 tuổi, Phượng Mai đã nổi danh Thần Đồng Tiểu Lăng Ba, cô đã hát trong các xuất Đại Nhạc Hội trong 2 vai của Lăng Ba và Lạc Đế và được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt.

Cha nuôi của Phượng Mai, ông Sáu Xường, cầu thủ bóng dá, phó Hội Trưởng Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ, vi ông cũng là kép hát bội lừng danh, muốn đào luyện cho Phượng Mai trở thành 1

nghệ sĩ chuyên nghiệp nên ngăn cấm không cho Phượng Mai đi học lóm như trước nay vì học lóm rất dể "hư nghề."

Ông nói: "Phượng Mai là viên ngọc quí chưa được dũa mài, nếu để tự phất sẽ không có giá trị lớn mà phải nhờ những tay thợ chuyên môn dũa mài, đào luyện 1 cách quy mô và căn bản."

Ông gửi Phượng Mai vào học lớp Đồng Ấu Minh Tơ, do chính danh sư Minh Tơ dạy ca, hát, múa theo đúng căn bản của nghành hát Bội. Về cổ nhạc cải lương, học với nhạc sĩ Tư Tần, nhạc trưởng dàn nhạc cổ Minh Tơ. Học tân nhạc với nhạc sĩ Bảo Thu. Học múa lân với nghệ sĩ Mười Vàng. Học ca Hồ Quảng với nhạc sĩ Há Thầu Chợ Lớn. Học tổng hợp, tức diễn 1 vai tuồng đã được định hình trên sân khấu như vai Lữ Bố, vai Điêu Thuyền, vai Lưu Kim Đính … thì học trực tiếp với nữ nghệ sĩ Phùng Há. Học các vai đào trong tuồng *Ngũ Biến Báo Phu Cừu*, học vai Giả Thị trong tuồng *Hoàng Phi Hổ Quy Châu* thì học nơi bà Cao Long Ngà và bà Năm Đồ. Ngoài ra, Phượng Mai vẫn phải tiếp tục học Văn Hóa ở trường Tiểu học Phan Văn Trị.

Trong thời gian học nghệ, nếu có biểu diễn ở các Đại Nhạc Hội thì Phượng Mai diễn những vai những trích đoạn học được nơi các danh sư kể trên, coi như làm bài kiểm hay học ôn.

7 năm khổ luyện, mỗi năm học nghệ, Phượng Mai đều có những thành tựu xuất sắc.

Năm 9 tuổi, Phượng Mai đã nổi tiếng với Vũ Đức ở nhóm Đồng Ấu Minh Tơ qua nhiều vở tuồng như Na Tra, Ngũ Biến, Hoa Mộc Lan, Lương Sơn Bá & Chúc Anh Đài.

Năm 1970, Phượng Mai 14 tuổi đã vững vàng trong các vai đào chánh ở Ban Cải Lương Hoa Thế Hệ, Phụng Hảo và nhiều ban kịch, cải lương trên Đài Truyền Hình, đóng cặp với Thanh

Tòng, La Thoại Tân, Vũ Đức, Thanh Bạch, Đức Lợi, Hùng Cường …

Các chương trình cải lương Hồ Quảng có Phượng Mai làm đào chánh, được Đài Truyền Hình phát đi vào các tối thứ bảy, thu hút đông đảo khán giả ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định và các vùng phụ cận.

Sau năm 1975, Phượng Mai hát vai đào chánh ở Đoàn Minh Tơ với Thanh Tòng qua các tuồng *Dưới Cờ Tây Sơn, Xuân Về Trên Đỉnh Mã Phi, Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài.*

Năm 1977 hát trên sân khấu Huỳnh Lon với Thanh Bạch, Hữu Lợi, Đức Lợi qua các tuồng *Con Tấm Con Cám, Lưu Kim Đính Giải Giá Thọ Châu, Về Đất Kinh Châu, Đường Về Núi Lam …*

Đầu năm 1979, hát cho đoàn Dạ Lý Hương – Sông Bé thay vai Mộng Tuyền trong tuồng Bao Công Xử Án Trần Thế Mỹ.

Cuối năm 1979, Phượng Mai theo chồng định cư ở Tây Đức trong 15 năm.

Năm 1982 bà Cao Long Ngà, bà cô mà cũng là má nuôi của Phượng Mai mất. Cô không về thọ tang được, chỉ biết hướng về Việt Nam van vái, và đến chùa cầu siêu cho vong hồn bà được siêu thăng.

Từ năm 1991, Phượng Mai có về Việt Nam thực hiện băng Hồ Quảng, kỷ niệm 40 năm hát Hồ Quảng, đóng chung với các diễn viên Vũ Linh, Thanh Hằng, Kim Tử Long, Chí Linh, Minh Vương, Thanh Sang, Tuấn Châu.

Từ năm 1994, gia đình đổ vở, cô sang qua California định cư, sống với 2 con. Ở hải ngoại suốt 19 năm, Phượng Mai vẫn sống bằng nghề hát vì cô giỏi về mọi mặt. trong lãnh vực tân nhạc, cô được các trung tâm băng nhạc lớn mới thu thanh thu

hình cho các trung tâm băng nhạc Thúy Nga, Làng Văn, Giáng Ngọc, được mời đi show tân nhạc, cải lương và Hồ Quảng, hát chung với Hương Lan các vở tuồng: *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, Cho Trọn Cuộc Tình, Tấm Lòng Của Biển, Áo Cưới Trước Cổng Chùa, Khi Hoa Anh Đào Nở, Người Đẹp Bạch Hoa Thôn, Hoa Đồng Cỏ Nội, Dương Quí Phi ...*

Số đông nghệ sĩ tuồng cổ như hát hội, hát bội pha cải lương, hồ quảng thường gỏi về vũ đạo mà yếu về ca, hơi khan hoặc tiếng hát rè rè, riêng Phượng Mai là cô đào hiếm hoi hội đủ hai yếu tố: ca và diễn xuất sắc.

Giọng Phượng Mai ấm áp, ngọt ngào, truyền cảm, có hơi thổ như giọng ca của Thanh Nga, Mỹ Châu. Phượng Mai ca cổ nhạc theo điệu cải lương rất chuẩn mực, đúng bài bản, đúng điệu, theo đúng chân truyền, ca Hồ Quảng cũng rất hay, rõ lời.

Phượng Mai diễn xuất đằm thắm, tinh tế, biết tiết chế hành động tối đa để các động tác vũ đạo dịu dàng, nhuần nhuyễn. Trong vai Văn cũng như vai Võ, Phượng Mai đều có những bước đi, vung tay đẹp, đúng cách, chỉ cần nhìn từng bước đi, điệu bộ của Phượng Mai, người xem khẳn định đây là 1 nghệ sĩ nhà nghề.

Hữu Huệ

Hữu Huệ - Nguyễn Công Đến (1956-20 ..)

Nghệ sĩ Hữu Huệ tên thật là Nguyễn Công Đến sanh năm 1956, con của ông Nguyễn Công Đoan, tài xế, mẹ là bà Lê Thị Lan. Bà Lê Thị Lan thứ sáu, em ruột của nghệ sĩ Ngọc Hương, thứ ba, còn vợ của ông Bầu Huỳnh, cha mẹ ruột của các nghệ sĩ Bạch Mai, Thanh Bạch. Nghệ sĩ Hữu Huệ và các nghệ sĩ Bạch Mai, Thanh Bạch là anh em bạn dì ruột, họ sống gần nhau từ nhỏ cho đến lớn trong đoàn hát, lấy rạp hát làm nhà. Nghệ sĩ tuồng cổ tài danh Minh Ngà là người cậu thứ tư của Hữu Huệ.

Từ lúc 8 tuổi, Hữu Huệ đã theo đoàn hát Chánh Thành – Kim Mai của bà Bầu Tám Chánh, vừa học văn hóa, vừa học hát. Khi gánh hát của Bà Tám Chánh trao lại cho ông Bảy Huỳnh phụ thân của Bạch Mai Thanh Bạch điều khiển, ông đổi bảng hiệu thành Thanh Bình Kim Mai, Kim Mai là tên cũ của nghệ sĩ Bạch Mai, Hữu Huệ được ông Bảy Huỳnh, ông Bữu Ngọc, thân phụ của Bữu Truyện và nghệ sĩ Minh Ngà truyền nghề, ngoài ra hàng đêm Hữu Huệ ngồi bên cánh gà, theo dõi cách ca diễn của các nghệ sĩ đàn chú bác trình diễn để học theo.

Hữu Huệ cũng bắt đầu nghề hát bắt việc đóng các vai quân hầu, quân báo, kép con, kép phụ, kép mặt vằn, kép mặt trắng, luyện cách nói lối, luyện giọng ca và nhứt là phải học rành các loại vũ đạo trên sân khấu tuồng cổ. Nghệ sĩ Hữu Huệ đã đóng nhiều vai võ tướng trong các tuồng của Ban Huỳnh Long thu trên đài truyền hình.

Sau năm 1975, khi bà Ngọc Hương thân mẫu của nghệ sĩ Thanh Bạch, thành lập đoàn hát cải lương tuồng Cổ Huỳnh Long thì nghệ sĩ Hữu Huệ là diễn viên dàn bao chánh của gánh hát. Vai trò của Hữu Huệ trên sân khấu Huỳnh Long quan trọng như vai trò của anh Việt Hùng và Hoàng Giang trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga ngày trước.

Hữu Huệ hát xuất sắc các vai Bằng Phong trong tuồng *Lá Chắn Biên Thùy*, sau đổi tựa tuồng là *Nữ Tướng Hồ Đề*, vai Tạ Ôn

Đình trong tuồng cải lương *San Hậu*, vai Ngô Tôn Quyền trong tuồng *Lưu Bị Cầu hôn Giang Tả*, sau đổi tựa là Về đất Kinh Châu. Anh cũng có nhiều vai hát thành công trong các tuồng *Hùm Thiêng Yên Thế, Tấm Cám, Đường Về Núi Lam…*

Cuối thập niên 90, nghệ sĩ Hữu Huệ được giới nghệ sĩ đánh giá là có tay nghề cao trong lãnh vực biểu diễn vũ đạo tuồng cổ, anh chỉ dạy vũ đạo tuồng cổ cho nhiều nghệ sĩ cải lương tài danh như Thanh Thanh Tâm, Thoại Mỹ, Chí Linh, Vân Hà, Ngân Tuấn, Tiểu Linh….

Tưởng cũng nên giới thiệu qua đặc trưng của nghệ thuật hát cải lương tuồng cổ mô phỏng theo lối hát Hý Khúc Trung Quốc của các đoàn hát Quảng ngày xưa ở Việt Nam như đoàn hát Tiến Hóa, đoàn Phụng Hảo, đoàn Vĩnh Xuân – Khánh Hồng, đoàn Minh Tơ…

Trong nghệ thuật biểu diễn tuồng Tàu, yếu tố âm nhạc chiếm một địa vị trọng yếu. Vì vậy những lời đối thoại giữa các nhân vật không hát tự nhiên như ngôn ngữ ngoài đời thường mà phải ngâm nga, nhấn nhá theo tiết tấu và âm điệu nhạc. Người ta gọi đó là ngôn ngữ đã được âm nhạc hóa.

Về động tác hình thể thì cũng không phải diễn như ở cuộc sống bình thường mà phải được nâng lên thành múa, thành vũ đạo. Người trong nghề gọi là các động tác được cường điệu hóa, vũ đạo hóa. Ví vụ từ việc dâng trà, cách phất tay áo, tay vuốt râu, mỗi bước đi…nói chung để biểu lộ cảm xúc của nhân vật thì động tác hình thể phải được cách điệu hóa, được nâng lên thành vũ đạo kết hợp nhuần nhuyễn với cách ca ngâm và hát thay cho những lời đối thoại bình thường.

Trong nghệ thuật hát tuồng Tàu, khi động tác hình thể được vũ điệu hóa, lời thoại được âm nhạc hóa thì tiết tấu của ca và diễn phải được cường điệu hóa. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng thanh la đệm theo diễn xuất của diễn viên làm tăng thêm biểu cảm

tâm lý của nhân vật, tăng thêm kịch tính của lớp diễn đó, đến độ diễn viên chớp mắt, đão tròng con ngươi, ngón tay run rẩy đều theo nhịp trống.

Tuy lối diễn của các đoàn hát Phụng Hảo, Khánh Hồng, Minh Tơ, Huỳnh Long sau nầy có giản lược bớt những bài bản và âm điệu nhạc Tàu nhưng cách diễn xuất, điệu bộ, nhạc nền vẫn giữ lối cách điệu hóa như xưa.

Một số nghệ sĩ còn biết theo lối diễn xuất nầy như Thanh Tòng, Công Minh, Trường Sơn, Minh Long, Hữu Huệ hiện còn sống và còn xuất hiện trên sân khấu thì Hữu Huệ là người trẻ nhất, có đầy đủ sức khoẻ và xông xáo nhất trong việc tập luyện đào tạo các diễn viên trẻ.

Nghệ sĩ Hữu Huệ có được nhiều suất hát trong nước và ở hải ngoại vì anh vừa có thể đóng nhiều vai tuồng và hướng dẫn vũ đạo tuồng cổ cho nhiều nghệ sĩ chuyên hát xã hội hay các nghệ sĩ trẻ mới thành danh sau nầy.

Nguyện vọng của nghệ sĩ Hữu Huệ là được mở một lớp dạy hát theo nghệ thuật tuồng cổ như lối truyền nghề xưa kia của ông Minh Tơ qua lớp Đồng Ấu Minh Tơ hay lớp đồng ấu Bạch Long.

Về gia đình, Hữu Huệ thành hôn năm 1980, vợ của anh tên Ngọc Bích, công nhân viên, anh chị có 4 con tên Đông, Đăng, Ngân và Hà. Đăng là diễn viên sân khấu có nghệ danh Đăng Lưng, học được khả năng ca diễn theo nghệ thuật hát tuồng cổ của cha và có giọng ca ngọt, Đăng Lưng cũng là một ngôi sao sân khấu tuồng cải lương xã hội. Các người còn lại sau khi tốt nghiệp ở học đường đều là công nhân viên của nhà nước.

Tài Linh

Tài Linh - Huỳnh Thị Phú Nhuận (1956-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Tài Linh, tên thật là Huỳnh Thị Phú Nhuận, sinh năm 1956 tại Sàigòn. Cha cô quê ở Bình Định, mẹ là người ở tỉnh Bến Tre. Hai ông bà là chủ tiệm may "Ngọc Châu" ở đường Ngô Tùng Châu, một tiệm chuyên may âu phục rất nổi tiếng ở Saigon.

Tài Linh có tên khai sinh là Phú Nhuận. Phú Nhuận là tên một làng quê xa của cha cô. Đó là thôn Phú Nhuận, tổng Tài Lương, phủ Bồng Sơn, tỉnh Qui Nhơn. Cho nên tên của chị là Tài Lương, tên em là Phú Nhuận.

Tài Linh có 7 chị em mà 3 người theo nghề hát và cùng nổi danh : Chị là nữ nghệ sĩ Tài Lương, đoàn cải lương Saigon 3. Tài Lượng đã cùng chồng là nghệ sĩ Minh Tâm đi định cư tại Pháp hồi tháng 5 năm 1981. Kế đó là nữ nghệ sĩ Tài Linh và em trai tên Huỳnh Trung Đức sanh năm 1964, nghệ danh là Chí Linh; vợ của Chí Linh là nữ nghệ sĩ Vân Hà, con gái của soạn giả Vân An.

Tài Linh theo nghề hát cải lương là do hoàn cảnh đẩy đưa chớ không phải do Tài Linh thích cổ nhạc, xin gia đình cho đi học cổ nhạc như trường hợp của Vũ Linh, hay của Kim Tử Long, Ngọc Huyền.

Về cổ nhạc, tân nhạc và tấu hài, trên lãnh vực nghệ thuật nào Tài Linh cũng thành đạt khó có người hơn cô.

Về đời sống gia đình, chồng của Tài Linh là nhạc sĩ Viết Cường, Viết Cường và Tài Linh là đôi bạn học thân thiết và yêu nhau từ khi còn cùng chung mái trường, cả hai chung sống hạnh phúc đến nay hơn hai mươi năm, có được hai con trai nay đã học thành tài.

Tài Linh phấn đấu không ngừng về nghề nghiệp, tánh tình hiền lành, dịu dàng, nếp sống bình dị nên thành công trong sự nghiệp sân khấu và đạt được hạnh phúc gia đình bền vững.

Hiện nay Tài Linh và gia đình định cư ở nước Hoa Kỳ, gần đây cô tham gia những chương trình hát cải lương ở quận Cam, ở San José và rất được khán giả đồng hương ở hải ngoại tán thưởng.

Năm 1977, cha của Tài Linh bị bệnh, mất, thời buổi này tiệm may âu phục ế ẩm, bà mẹ giao cho cô con gái lớn quán xuyến tiệm may, bà dẫn Tài Linh, Chí Linh và đứa con gái út về quê ở Bến Tre sinh sống. Nữ nghệ sĩ Tài Lương hát ở đoàn cải lương Saigon 3, khi có dịp là cô về Bến Tre thăm mẹ và các em.

Cuộc sống ở dưới quê khó khăn nên Tài Lương đưa Tài Linh về Saigon, làm nhân viên bán vé hát của đoàn cải lương Saigon 3. Năm 1977, Tài Linh được 21 tuổi, cô thường ca tân nhạc trong các dịp sinh hoạt Thanh niên trong đoàn cải lương Saigon 3, cô được các nghệ sĩ trong đoàn như Thanh Điền, Thanh Kim Huệ ngợi khen.

Các nữ nghệ sĩ Lan Chi và Thúy Lan dạy cho Tài Linh ca cổ nhạc. Tài Linh học thêm ca cổ nhạc với nhạc sĩ Duy Khanh, con của nhạc sĩ đàn tranh Vũy Chổ, trưởng ban cổ nhạc đoàn cải lương Saigon 3.

Tài Linh may mắn được các nghệ sĩ đàn anh đàn chị như Thanh Điền, Thanh Kim Huệ, Thúy Lan, Lan Chi, hề Thanh Việt trong đoàn cải lương Saigon 3 chỉ dạy nghệ thuật ca diễn nên Tài Linh đã diễn xuất thành công hai vai diễn đầu tiên trên

sân khấu đoàn Saigon 3 là vai Mai trong vở Mái Tóc Người Vợ Trẻ và vai ''Sa Rong'' trong vở Tình Ca Biên Giới. Tài Linh nghĩ đến người cha đã mất nên cô lấy tên cha là ''Ngọc Châu'' làm nghệ danh của mình.

Tài Linh (Ngọc Châu) có nét đẹp thùy mị, như một con búp bê nhỏ nhắn dể thương, giọng ca trong vút nhưng khi diễn chung với hai ngôi sao sân khấu Thanh Kim Huệ và Tài Lương thì Tài Linh (Ngọc Châu) không thể nào bật sáng lên được.

Năm 1981, dịp may mắn đã đến với Ngọc Châu khi nghệ sĩ Quốc Trầm, bầu đoàn cải lương Nha Trang mời Ngọc Châu về làm đào chánh. Ngọc Châu thay đổi nghệ danh thành tên Tài Linh. Tài Linh đã diễn ở nhiều tỉnh miền Trung với các nghệ sĩ Quốc Trầm, Phương Dung, Vương Tuấn, Lệ Huyền, Thanh Hùng, được khán giả miền Trung rất ái mộ qua các vở tuồng *Công Chúa Tóc Thơm, Cây Gậy Thần, Tình Ca Biên Giới*.

Từ năm 1981 đến năm 1988, trong 7 năm liên tục, Tài Linh đã là đào chánh của các đoàn hát Tiếng Ca Sông Cửu, Tây Ninh 2, Long Giang, Vũng Tàu 2, Cữu Long 1, Tài Linh đã đi lưu diễn qua các tỉnh miền Trung, miền Đông, miền Tây Hậu Giang với các tuồng *Công Chúa Tóc Thơm,* tức là tuồng cũ *Sĩ Vân Công Chúa* được đổi tên, tuồng *Tội Của Ai*, tức tuồng *Máu nhuộm sân chùa* và các tuồng cổ tích dân gian như *Khoai Lang Dương Ngọc, Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn, Lâm Sanh Xuân Nương…*

Đến năm 1989, Tài Linh được đoàn cải lương Minh Tơ mời về hát thế vai cho nữ nghệ sĩ Thùy Dương vì Thùy Dương theo chồng đi định cư ở Canada. Đây là một dịp may mắn đã chắp đôi cánh thiên thần cho Tài Linh, bay cao và bay cao mãi trên bầu trời nghệ thuật.

Ở đoàn Minh Tơ, Tài Linh được diễn viên kiêm đạo diễn Thanh Tòng chỉ dạy cho những vũ đạo cơ bản của sân khấu tuồng cổ, những bài ca Hồ Quảng. Tài Linh sáng dạ, tiếp thu

mau, có duyên sân khấu, có sắc đẹp đằm thắm dịu dàng lại được mặc y phục cổ trang rực rở, Tài Linh xuất hiện trong các vai Nữ Hoàng, Công Chúa, Tài Linh xinh đẹp một cách lạ lùng, sang trọng, giọng ca sâu lắng mượt mà khiến cho khán giả si mê thần tượng Tài Linh thinh sắc lưởng toàn.

Tài Linh hát trên sân khấu Minh Tơ, thành công trong nhiều vai như Hàn Tố Mai trong tuồng *Trảm Trịnh Ân*, vai Điêu Thuyền trong tuồng *Phụng Nghi Đình*, vai Chúc Anh Đài trong tuồng *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài*, vai Võ Tắc Thiên và vai Thái Bình Công Chúa trong tuồng *Thái Bình Công Chúa*, đặc biệt Tài Linh sáng chói nhất là vai Lý Thần Phi trong tuồng *Bích Vân Cung Kỳ Án* và được khán giả ưa thích qua kỹ thuật ca diễn và hình ảnh tuyệt đẹp của Tài Linh trong vai Bàng Quí Phi tuồng cải lương Hồ Quảng *Bàng Quí Phi*.

Vở *Bích Vân Cung Kỳ Án* được diễn hai năm liên tục ở Sàigòn và các tỉnh, đêm nào cũng đông nghẹt khán giả. Báo chí không ngớt khen ngợi Tài Linh, khán giả săn đón, xin ảnh thần tượng Tài Linh, xin chữ ký và gần như lúc nào Tài Linh xuất hiện trên đường phố cũng bị rất đông khán giả vây quanh, chào hỏi, chụp ảnh.

Năm 2004 theo diện đoàn tụ gia đình, nghệ sĩ Tài Linh rời quê nhà trong nước mắt. Gia đình chị được cha chồng bảo lãnh, lúc rời Việt Nam, con trai chị là Đoàn Duy An mới 23 tuổi, nay chàng trai này đã là cha của hai cô bé và nghệ sĩ Tài Linh đã lên chức bà nội. Những năm đầu sang Mỹ, chị sinh sống bằng nghề làm móng ở Victor Ville.

Ba năm sống ở đây đối với chị là những chuỗi ngày dài nhớ quê hương và ánh đèn sân khấu. So với các nghệ sĩ định cư tại Mỹ, nghệ sĩ Tài Linh ít nhận sô biểu diễn.

Năm 2008, khi gia đình Tài Linh dọn về Huntington Beach, thành phố biển nằm trong khu Santa Ana, trung tâm định cư của người Việt, ngoài nghề trang điểm và làm đẹp ở tiệm "neo"

nổi tiếng của chị, khán giả kiều bào đã gặp lại một Lý Thần Phi - Tài Linh và nhiều vai diễn khác của nghệ sĩ Tài Linh trên đất Mỹ.

Bình Trang

Bình Trang (1957-20 ..)

Nghệ sĩ Bình Trang tên thật là Đoàn Hồng Lê, sanh năm 1957 tại Saigon, gia đình khá giả, không có ai theo nghề sân khấu.

Hồng Lê bắt đầu làm quen với câu ca vọng cổ khi mới được 7 tuổi. Khi đó Hồng Lê có 2 người chị họ, là con gái của người cô thứ Tư, là chị Ngọc Mai và Ngọc Xuân, 2 chị này chỉ đi ca tài tử thôi, chứ không tham gia đoàn hát. Còn cô hai của Hồng Lê có người con trai chuyên về đàn kìm, là Ba Của, và người phụ đờn guitare phím lõm với anh là anh Triệu. Chính những giai điệu ngọt ngào của vọng cổ, cải lương từ tiếng đàn, lời ca của người anh, người chị họ trong gia đình đã dưỡng nuôi trong cô bé Hồng Lê bấy giờ một tình yêu nồng đượm với cổ nhạc miền Nam.

Hồng Lê kể: "Nhớ hồi đó, chừng 7, 8 tuổi thôi, ngoài những lần đi theo nghe 2 chị Ngọc Mai, Ngọc Xuân hát cải lương, đã khiến tôi mê mẩn, thế rồi một lần tôi có xem trên truyền hình vở cải lương "Yêu người điên" do nghệ sĩ Bạch Tuyết và Hùng Cường đóng, khi đó tôi càng thích thú hơn và mê cải lương hơn, mê cô Bạch Tuyết vô cùng. Bấy giờ gia đình tôi ở đường

Hòa Hưng- Lê Văn Duyệt, trong xóm, có mấy đứa nhỏ giống như tôi, cũng thích học ca, nên anh Ba Của gom chúng tôi lại và dạy ca. Ai cũng khen tôi có làn hơi duyên dáng, trong trẻo, dù khi ấy tôi chưa biết nhịp, chỉ ca đại thôi. Khi đó ba mẹ chỉ cho tôi học ca trong gia đình thôi, việc chính vẫn là học văn hóa, chưa muốn cho tôi theo nghề hát."

Nhưng rồi niềm yêu thích với cải lương cứ mãi lớn dần theo năm tháng trong trái tim của Hồng Lê, năm 12 tuổi, Hồng Lê đã xin ba má cho học ca để theo nghề hát. Thấy con yêu nghề quá, ba má Hồng Lê đã bằng lòng tìm thầy cho Hồng Lê học hành theo bài bản. Nhờ nhiều người giới thiệu, Hồng Lê đã được ba má đưa đến học ca với thầy Quang Phục ở đường Đề Thám, Sàigòn, sau đó học thêm với thầy Út Trong, với thầy Năm Đồng, với soạn giả Nguyễn Phương... Bấy giờ, dù tuổi còn nhỏ, nhưng Hồng Lê đã được các thầy đánh giá cao khả năng, hứa hẹn nhiều triển vọng, bởi giọng ca rất trong, âm lượng lớn, ca đúng tiết điệu và nhịp điệu như con em của các nghệ sĩ nhà nghề.

Sau thời gian "tầm sư học đạo", bài bản, nhịp nhàng đã vững vàng, lúc bấy giờ Hồng Lê bước vào tuổi 15 và chính thức đi theo đoàn hát của soạn giả Hoàng Ngọc Ẩn và Tấn An, khi đó chị được đặt nghệ danh đầu tiên là Thanh Lệ.

Nhớ lại chặng đường nghệ thuật đầu đời, Bình Trang bồi hồi kể lại: "Đoàn hát lúc đó, chỉ là đoàn nhỏ, đi hát ở những đình nhỏ, do anh Hoàng Ngọc Ẩn viết tuồng, còn anh Tấn An thì có dạy thêm cho tôi diễn xuất. Bấy giờ đoàn có diễn những vở như Hành Khất Song Hiệp, Quỷ Kiến Sầu, Hỏa Sơn Thần Nữ... tôi được đóng chánh trong 3 vở này, diễn chung với anh Dũng Thanh Hiền. Khi đó có soạn giả Thiên Lý, Mười Kiêu... về đoàn.

Một thời gian sau, Thanh Lệ được mời về đoàn Hương Mùa Thu, được ông bầu của đoàn là soạn giả Thu An đổi nghệ danh

Thanh Lệ ra là Kiều Lệ Thanh. Dẫu có nhan sắc, ca hay, nhưng cô đào Kiều Lệ Thanh bấy giờ chỉ được đóng vai đào ba, đào ca để làm dàn bao tôn vinh đào chánh Ngọc Hương, vợ của soạn giả Thu An. Dàn nghệ sĩ của đoàn Hương Mùa Thu gồm có Ngọc Hương, Ngọc Lan, em ruột của Ngọc Hương, Kim Thủy, Ngọc Thủy, Kiều Lệ Thanh, Yến Nhung, Thu Nguyệt, Lệ Châu, Kiều Thanh, Thanh Hải, Út Hiền, Minh Chí, Hà Bửu Tân, Hà Bửu Bửu, Hiếu Liêm, Thanh Liêm, Giang Châu, Minh Dịch, Hữu Lợi, Bá Lộc, Hữu Lộc, Hề Minh, Bảy Xê, Cảnh Tượng...

Tất cả các tuồng hát trên sân khấu Hương Mùa Thu đều là của soạn giả Thu An sáng tác, có những vở như: Gánh Cỏ Sông Hàn, Đám Cưới Đầu Xuân, Chuyến Đò Thương, Kiếp Chồng Chung, Con Cò Trắng, Saigon Thác Bạc, Bà Chúa Ăn Mày, Kiếm Sĩ Điên...

Sau 1975, chị tiếp tục gắn bó với Hương Mùa Thu thêm một thời gian ngắn, bấy giờ các nghệ sĩ của đoàn có thay đổi, gồm nghệ sĩ Minh Phụng, Ngọc Hương, Hoài Thanh, Đỗ Quyên, Phương Thanh, Kiều Tiên, Bích Hạnh, Khánh Tuấn, Hữu Lộc, Hữu Lợi, Vương Tâm, Kiều Lệ Thanh...

Buồn vì thấy mình ca hoài cũng chỉ dừng lại đào ba, đào ca, nên khi nhà hát cải lương Trần Hữu Trang thành lập, mở lớp ca diễn, cô đào Kiều Lệ Thanh khi đó mới 19, 20 tuổi, quyết định ghi danh vào nhà hát để nâng cao thêm nghề nghiệp cho mình.

Bình Trang kể: *"Khi đó trong nhà hát Trần Hữu Trang có má Bảy Phùng Há, có cô Kim Cúc và cô Bạch Tuyết, soạn giả Chi Lăng, cô Ngọc Giàu, cô Thanh Loan... dạy cho những nghệ sĩ trẻ lúc bấy giờ vào học nghề rất đông, tôi thích lắm và chịu khó học hỏi. Tôi học được khoảng 1 năm, thì cô Bạch Tuyết nhìn thấy tôi, cô hỏi tôi tên gì, tôi cho biết nghệ danh là Kiều Lệ Thanh, cô Bạch Tuyết bèn hỏi: "Cô ba đặt tên mới, con có chịu không?" Tôi đồng ý, cô ba Bạch Tuyết đã đặt cho tôi nghệ*

danh mới là Bình Trang, lấy 2 chữ B và T là chữ đầu của tên cô. Khi đó, ngoài tôi ra, cô ba còn đặt tên cho một nghệ sĩ trẻ khác, tên là Bảo Trang, cô này hiện sống ở Úc.

Từ đó, tôi trở thành đệ tử của cô ba Bạch Tuyết. Lần đầu tiên coi cải lương khi mới 7 tuổi, tôi đã yêu thích cô ba Bạch Tuyết rồi, không ngờ có ngày mình gặp được người nghệ sĩ thần tượng và được cô truyền dạy thêm cho nghề được vững vàng hơn, dạy về đạo đức của một nghệ sĩ chân chính theo nghiệp tổ."

Sau thời gian gắn bó với đoàn Trần Hữu Trang khoảng 4 năm, bấy giờ, nghệ sĩ Bạch Tuyết đã giới thiệu cho Bình Trang về đoàn cải lương Sài Gòn 3, có trưởng đoàn Tư Hiếu, ông từng làm cho đoàn Dạ Lý Hương trước đây, quen với nghệ sĩ Bạch Tuyết, nên ông đã nhận Bình Trang về đoàn. Khi đó, nghệ sĩ Thanh Kim Huệ đóng chánh tại đoàn, ngoài ra còn có nghệ sĩ Văn Chung, Kim Hoa, Thanh Điền, Hồng Hạnh...

Về đoàn Sài Gòn 3, nghệ sĩ Bình Trang tiếp tục đóng đào nhì, đào ba trong những vở như "Nàng Xa Rết", "Mái tóc người vợ trẻ"à Thời gian ở đoàn được hơn 1 năm, Bình Trang chịu ảnh hưởng lối ca của nghệ sĩ Thanh Kim Huệ, Bình Trang ca khá giống nghệ sĩ Thanh Kim Huệ, nhờ chất giọng kim, làn hơi thật dài, trong suốt và cao vút, khá bay bướm, nhưng rõ chữ tròn vành. Bình Trang đã học theo cách xử lý thanh điệu các dấu của nghệ sĩ Thanh Kim Huệ, đặc biệt nghệ sĩ Thanh Kim Huệ có sở trường với dấu sắc và dấu hỏi ở bài Vọng cổ thật tuyệt vời. Với dấu sắc, Bình Trang ị học nghệ sĩ Thanh Kim Huệ cách ém hơi bụng, nhấn âm tiết trong ca từ có dấu sắc rồi buông hơi sâu để ngân hoặc luyến lên; và trong lúc luyến chị buông hơi hai, ba lượt để ngân tưởng chừng như lạng qua, lách lại, vừa duyên dáng vừa mượt mà trữ tình... Còn dấu hỏi thì chị học cách nghệ sĩ Thanh Kim Huệ khép môi, ngân trong cổ khi nhấn âm tiết dấu hỏi, rồi thả âm lực sau từ từ, thấp đến cao, rồi

lại ngậm miệng ngân hơi cổ nữa nên âm thanh cao vút lên, thánh thoát nghe như tiếng gió...

Và rồi một bước ngoặt đã đến trong cuộc đời nghệ thuật của nghệ sĩ Bình Trang. Bình Trang kể: "*Khi ấy, chị Thanh Kim Huệ sắp hết hợp đồng và không tiếp tục ký nữa với đoàn, nên trưởng đoàn Tư Hiếu chọn tôi để thế vai của nghệ sĩ Thanh Kim Huệ. Hằng đêm chị Huệ hát, tôi đứng cánh gà xem và học. Sau khi tôi học hết những vai của chị Huệ, đoàn chuẩn bị đi miền Tây, vì bấy giờ Bình Trang là tên mới quá, nên đoàn đi lưu diễn ở tỉnh, để tập dợt thêm cho tôi được cứng nghề. Đi lưu diễn khắp các tỉnh miền Tây mấy tháng trời, sau đó đoàn về diễn ở Sài Gòn, ra mắt khán giả, tôi đã được khán giả ái mộ nồng nhiệt.*"

Bình Trang gắn bó với đoàn Sài Gòn 3 một thời gian, rồi phải rời đoàn, vì khi đó chị lập gia đình, chị muốn toàn tâm toàn ý chăm sóc mái ấm nhỏ của mình. Rồi chị được hưởng niềm hạnh phúc làm mẹ, sanh cho chồng một đứa con trai. Đến thập niên 1990, Bình Trang theo chồng đến định cư tại Hoa Kỳ, với ước mong con mình có một tương lai tốt hơn.

Sau khi định cư ở Hoa Kỳ, nữ nghệ sĩ Bình Trang tham gia một số chương trình của Trung Tâm Băng Nhạc Vân Sơn. Bình Trang cũng là giọng ca cổ nhạc sáng giá ở các cuộc trình diễn trong các nhà hàng có ca nhạc Paracell, Seafood, quán Thành Được. Trong các lần nghệ sĩ Việt Nam xuất ngoại sang Nam Cali biểu diễn trọn tuồng, Bình Trang cũng được mời thủ diễn một vai. Tuy không đúng như ý của Bình Trang muốn có những vai hát để đời nhưng cô cũng vui vì có dịp hát, đở nhớ sân khấu. Bình Trang càng đẹp thêm ra, làn hơi dũng mãnh hơn, cuộc sống kinh tế ổn định, chỉ thiếu một nổi là không có những tuồng hát hay để cho Bình Trang thỏa chí tung hoành.

Hương Chung Thủy

Hương Chung Thủy - Quách Thanh Thủy (1958-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Hương Chung Thủy tên thật là Quách Thanh Thủy, sinh năm 1958, tại Sài Gòn, là con của danh hề Văn Chung tên thật là Quách Văn Chung và nữ nghệ sĩ Thanh Hương, con gái của Năm Châu và Tư Sạng. Thanh Hương là danh ca làn dĩa hát, từng nổi tiếng với bài ca "Cô Bán Đèn Hoa Giấy".

Hương Chung Thủy được cha mẹ nuôi dưỡng theo đoàn hát, và đến năm 3 tuổi thì nỗi bất hạnh đã đến với cô: Cha mẹ cô đã ly dị không còn chung sống với nhau nữa, và cô phải về sống với bà, chị của ông ngoại (bà Nguyễn Thị Giàu, chị thứ ba của nghệ sĩ Năm Châu) tại trại Phước Chung ở phía bên kia Cầu Bông.

Hương Chung Thủy được bà nuôi ăn học cho đến năm cô được 10 tuổi, thì năm đó lại xảy ra biến cố Mậu Thân, nữ nghệ sĩ Thanh Hương đột nhiên trở về thành phố mang con gái đi theo đoàn. Thanh Hương định bụng khi tình hình yên ổn, cô sẽ đem con về Sài Gòn cho tiếp tục học chớ không cho đi theo con đường nghệ sĩ cải lương. Tuy nhiên, Hương Chung Thủy lại thích hát quá, cứ xin mẹ cho theo nghề này, và rồi Thanh Hương vẫn cương quyết không cho. Thế nhưng, khi đoàn thiếu vai đào con, Thanh Hương cũng phải tập cho con gái ra sân khấu hát.

Thế rồi đến năm 1973, khi nữ nghệ sĩ Thanh Hương lâm bịnh, Hùng Minh đã dạy nghề cho Hương Chung Thủy để ra sân khấu hát. Cô đã thay thế vai của Thanh Hương qua hai vở Long Nữ Thần Đao, trong vai Long Nữ và Độc Nhãn Hiệp Hành, trong vai nữ hiệp. Thấy khán giả chịu, Hùng Minh lại dạy nghề thêm cho cô và từ ngày ấy cô mang nghệ danh là Hương Dạ Thủy.

Năm 1974, nữ nghệ sĩ Thanh Hương qua đời, nghệ sĩ Hùng Minh mấy tháng sau đó đoàn hát giải tán. Cuộc đời đi hát của Hương Dạ Thủy phải một thân một mình phấn đấu kể từ ngày ấy.

Năm 1982, Hương Dạ Thủy về cộng tác với đoàn Tiếng Hát Long Xuyên do nữ nghệ sĩ Kim Chưởng làm trưởng đoàn, cô Kim Chưởng từng hát chung sân khấu với Thanh Hương trước đây.

Ngày nọ, cô Kim Chưởng gọi Hương Dạ Thủy lại nói: -*Bên nội, bên ngoại cháu hiện thời chỉ có một mình cháu là đi theo nghề cải lương. Vậy cháu nên cố gắng để xứng đáng là cháu ngoại của nghệ sĩ Năm Châu, Tư Sạng, và con của Văn Chung, Thanh Hương. Từ nay cháu mang nghệ danh có tên cha mẹ là: Hương Chung Thủy. Cháu phải cố gắng học nghề, vì Kim Chưởng này không còn ở sân khấu bao lâu nữa.*

Thế là từ ngày ấy Hương Dạ Thủy mang nghệ danh mới là Hương Chung Thủy, cô Kim Chưởng đã tận tình truyền nghề cho Hương Chung Thủy, nâng đỡ cô tối đa ở sân khấu Tiếng Hát Long Xuyên. Hai tháng sau đó, nhân dịp Kiều Minh Trang nghỉ đoàn, Hương Chung Thủy được giao cho hát chánh luôn. Và một năm sau đoàn đổi lại bảng hiệu là đoàn cải lương Châu Long, diễn viên và những vở hát của đoàn vẫn giữ y nguyên như cũ. Tuy vắng mặt thầy là Kim Chưởng, nhưng Hương Chung Thủy vẫn là diễn viên trụ cột của đoàn Châu Long từ ngày ấy cho đến năm 1987.

Hương Chung Thủy có một ước vọng duy nhất với sự phấn đấu duy nhứt là xứng đáng con cháu nối nghề của cha mẹ, và ông bà theo lời khuyên của nữ nghệ sĩ tiền phong Kim Chưởng, nhưng chẳng biết rồi đây niềm mơ ước của cô có trở thành hiện thực hay không? Côi cút từ nhỏ, khi lớn lên đơn thân đi vào nghề, sau hơn hai 20 năm ca hát ở sân khấu trải qua rất nhiều đoàn hát. Đến năm ấy (1993) Hương Chung Thủy cũng chỉ một mình với hai bàn tay trắng, không nhà cửa, không danh vọng, kém bạc tiền, chỉ còn có niềm say mê nghề nghiệp, niềm vui duy nhất với ánh đèn sân khấu hàng đêm.

Cái ngày mà Hương Chung Thủy vào nghề là lúc cải lương đã suy thoái nặng nề, cho đến sau này cũng chẳng hơn gì, thật là đáng buồn. Tuy vậy, Hương Chung Thủy vẫn cố gắng bước đi trên con đường nghệ thuật của ông bà cha mẹ, dù cho có gặp chông gai trắc trở, cô chỉ mong mình xứng đáng đi trên con đường nghệ thuật đó dù cho có thiếu thốn, bơ vơ, đau khổ trong cuộc đời…

Vũ Linh

Vũ Linh – Võ Văn Ngoan (1958-20 ..)

Nghệ sĩ Vũ Linh tên thật là Võ Văn Ngoan, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1958 tại Chợ Lớn, Thủ đô Sàigòn, Vũ Linh sinh ra trong gia đình có sáu anh chị em. Anh là người con thứ tư nên những người thân thuộc, anh em trong nhà gọi anh là Anh

Năm. Hai người em của anh cũng trong giới nghệ sĩ, đó là Hồng Nhung và Tiểu Linh.

Xuất thân trong gia đình nghèo nên việc học hành dang dở, năm 13 tuổi, gia đình cho anh học hát ở trường Văn Phát, sau chuyển qua học ca cổ với Văn Vĩ.

Năm 1972, anh theo đoàn hát Đồng Âu Hoa Thế Hệ đi lưu diễn ở các tỉnh, một thời gian sau anh về hát cho gánh Hoa Anh Đào Kim Chưởng và gặp được nghệ sĩ ưu tú Diệu Hiền và nghệ sĩ Trương Ánh Loan, hai người này được cho là đã thương mến anh như con em trong nhà và tận tình chỉ dẫn anh trong nghề nghiệp.

Anh đã từng cộng tác với những đoàn hát khác như: Khánh Hồng An Giang, Thiên Nga, Sơn Minh...

Năm 1981, anh trở về thành phố lần đầu tiên và hát cho gánh Minh Tơ và Huỳnh Long. Năm 1983, anh theo hợp tác với gánh Lâm Đồng đi lưu diễn các tỉnh. Đến năm 1988, anh cộng tác với Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang 2 và chính năm này Vũ Linh thực sự bước lên đài vinh quang sau hơn 15 năm trong nghề, cũng chính nơi đây anh đã đưa nghệ thuật sân khấu cải lương tuồng cổ trở lại với quần chúng, bắt đầu bằng vở *Xa phu đi sứ*. Không lâu sau đó là một loạt những tuồng cải lương Hồ quảng nổi tiếng khác như *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, Bàng Quý Phi, Thần Nữ dâng Ngũ Linh Kỳ, Chiêu Quân cống Hồ.....* Vài năm sau anh cũng có về cộng tác với các gánh Sông Bé 2, Sông Bé 3.

Năm 1989, đạt hạng nhì trong 10 diễn viên được ưa thích nhất trong năm. Năm 1990, đạt hạng nhất trong 10 diễn viên được ưa thích nhất trong năm. Năm 1991, đoạt Huy Chương Vàng giải Triển Vọng Trần Hữu Trang. Anh là nam nghệ sĩ duy nhất trong số 6 diễn viên đoạt giải năm đó là Vũ Linh, Thanh Thanh Tâm, Ngọc Huyền, Tài Linh, Phương Hồng Thủy, và Thanh

Hằng. Năm 1995, đoạt Huy chương Vàng giải xuất sắc Trần Hữu Trang. Đây là năm đầu tiên giải Trần Hữu Trang có phát thêm giải Diễn viên xuất sắc. Trích đoạn anh diễn khi đi dự thi là nhân vật Nguyễn Địa Lô trong tuồng *Bức Ngôn Đồ Đại Việt.*

Đến năm 1997, anh được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

Vũ Linh đã quay trên 400 video cải lương hồ quảng và xã hội. Ngoài ra anh cũng tham gia rất nhiều trong những video ca nhạc như *Duyên tình*, *Tình đời*. Anh cũng tham gia diễn xuất trong 2 cuốn phim truyện *Cô Bé Mộng Mơ* và *Búp Bê Kỳ Quái*. Vũ Linh đã diễn chung với nhiều nữ nghệ sĩ trên sân khấu cũng như trong video như: Phương Hồng Thủy, Tài Linh, Thanh thanh Tâm, Ngọc Huyền, Thoại Mỹ, Thanh Hằng, Thanh Ngân, Hương Lan, Phượng Mai...

Người nghệ sĩ nào cũng có cái chất đa tình, sự đa sầu đa cảm chảy trong huyết quản. Vũ Linh cũng không ngoại lệ. Với một nghệ sĩ điển trai, tài hoa như anh thì không có gì khó hiểu khi có nhiều cô gái vây quanh. Họ thần tượng anh, cảm mến anh và yêu anh. Thế nhưng, người nghệ sĩ càng đa tình bao nhiêu lại mang đến sầu khổ cho người và cho mình bấy nhiêu. Từ đó có thể sinh ra cờ bạc, rượu chè, hút sách sẽ đưa vào hẽm cụt của cuộc đời, nếu không có người tốt giúp đỡ, cộng thêm sự thức tỉnh kịp thời. Vũ Linh đã từng ở trong trường hợp nầy.

Thanh Hằng

Thanh Hằng (1959-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Hằng sanh năm 1959, tại Sàigòn. Là con gái của nghệ sĩ Hương Huyền và Kim Hoa, đôi nghệ sĩ nầy còn có thêm 1 trai rồi sau đó họ chia tay nhau. Hương Huyền bước thêm bước nữa với nữ ca sĩ Phương Hồng Chi và có được một người con gái là Cẩm Loan. Nữ nghệ sĩ Kim Hoa đi thêm bước nữa với nghệ sĩ cải lương Hoài Châu và có được ba con gái: Thanh Ngân, Ngân Quỳnh và Thanh Ngọc.

Thanh Hằng sinh ra trong một gia đình 4 đời là nghệ sĩ. Ông cố của nữ nghệ sĩ Thanh Hằng, là ông Hai Núi, một nghệ sĩ tiền phong trong ngành hát bội pha cải lương. Năm 1934, ông Hai Núi thành lập gánh hát Tân Hí Ban với lực lượng đào kép gồm đa phần là con cháu của ông:

Trong gánh hát có con trai lớn là Hai Tỵ, chuyên đóng vai hề, nên được gọi là Hề Tỵ, kế đó Ba Tẹt, tức kép độc Thiện Tâm và cô Tư Hélène là đào lẳng mùi. Nữ nghệ sĩ Tư Hélène sáng sân khấu, khi cô hóa trang vào thì cô có một sắc đẹp lộng lẫy, qúy phái nên cô đóng các vai đào lẳng, mùi thì nhan sắc của cô và lối diễn duyên dáng, đôi mắt đa tình quyến rũ của cô tư Hélène đã làm cho nhiều nam khán giả phải mê mẩn đảo điên.

Tư Hélène kết duyên với nghệ sĩ Văn Long, họ chung sống với nhau có hai con : con gái là nữ nghệ sĩ Kim Hoa , nổi danh trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, và một người con trai tên Vân, không theo nghề hát của cha mẹ.

Nghệ sĩ Kim Hoa có các con gái Thanh Hằng, Ngân Quỳnh, Thanh Ngọc và Thanh Ngân đều là những gương mặt được yêu mến trong lĩnh vực cải lương. Từ năm 6 tuổi, Thanh Hằng đã phải chịu cảnh rày đây mai đó do cha mẹ chia tay.

Năm 9 tuổi, Thanh Hằng trốn nhà lần đầu vì sợ bị đưa đi học nội trú. Sống với bà ngoại, cô và người em cùng mẹ khác cha Ngân Quỳnh thường hay ôm màn để ca diễn. Nhiều lúc, họ đánh nhau đến bể mũi vì giành vai với nhau. Cùng một dạ mẹ

nhưng mang khác dòng máu, vậy mà Thanh Hằng và Ngân Quỳnh thương yêu nhau hết mực.

Ở tuổi thiếu niên, Thanh Hằng chia xa người em thân thiết Ngân Quỳnh để gia nhập đoàn Thanh Nga với vai trò là một vũ công. Đợi mãi chẳng được hát, Thanh Hằng đã trốn đoàn "cô Ba Thanh Nga" để tìm cơ hội khác cho chính mình.

Tại đoàn mới, Thanh Hằng sống tập thể cùng rất nhiều anh chị em khác trong đoàn. "Sợ người ta dụ dỗ khiến mình chửa hoang", Thanh Hằng chấp nhận lấy người đàn ông làm nghề sắp ghế khán giả khi mới 16 tuổi. Cô nói: "Lúc đó thấy người ta thương mình thì lấy đại". Năm 17 tuổi, Thanh Hằng mang thai đứa con đầu lòng.

Tuy nhiên cuộc hôn nhân đầu tiên đã hằn lên đời cô những vết bầm đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần. "Khi ấy, tôi và Ngân Quỳnh theo 2 đoàn hát khác nhau. Một lần gặp lại, Ngân Quỳnh tá hỏa khi tận mắt chứng kiến tôi bị chồng đánh mắt bầm tím, sưng to bằng cái chén", Thanh Hằng nghẹn ngào kể.

Thanh Hằng thừa nhận luôn bị ám ảnh bởi sự chia tay của cha mẹ mình. Chị sợ nếu mình dứt áo ra đi thì con mình sẽ chẳng còn nơi nương tựa, rày đây mai đó. Không những thế, Thanh Hằng chỉ ước được sống "một vợ một chồng" để xã hội không dị nghị mình là "thứ nghệ sĩ lắm chồng". Cứ thế, chị nuốt mọi tủi nhục và đòn roi. Có lần Thanh Hằng tự tử bằng 6 viên thuốc trị sốt rét Ký Ninh.

Nữ nghệ sĩ thú nhận: "Sân khấu là nơi an toàn nhất đối với tôi. Nhiều lần hát xong, tôi chỉ muốn đứng mãi trên đó vì vào cánh gà là thế nào cũng bị đánh". Chồng cũ thường xuyên dùng con để gây áp lực và hăm dọa: "Mày không còn gì hết tao mới bỏ mày?".

Bị đày đọa, Thanh Hằng vẫn âm thầm chịu đựng suốt 5 năm

trời trước khi quyết định một cuộc trốn chạy.

Nữ nghệ sĩ Thanh Hằng đoạt huy chương vàng giải diễn viên xuất sắc Trần Hữu Trang năm 1991. Năm 1997, Thanh Hằng đoạt thêm giải Mai Vàng, diễn viên hay nhất trong năm do tuần báo Tuổi trẻ tổ chức.

Khi sự nghiệp đang thăng hoa thì cũng là lúc nghệ sĩ Thanh Hằng âm thầm rời xa sân khấu, khiến người hâm mộ bị bất ngờ. Thanh Hằng chọn cho mình cuộc sống riêng khá bình lặng. Sau 15 năm sống và làm việc chủ yếu ở Thành phố Canberra, nước Úc, không có quá nhiều các hoạt động nghệ thuật và gần như lùi về phía sau ánh đèn sân khấu.

Đầu năm 2016, có thông tin cho biết nghệ sĩ Hoài Linh đã thuyết phục nghệ sĩ Thanh Hằng về nước làm giám khảo cho chương trình Thử tài siêu nhí. Từ đó Thanh Hằng trở lại góp mặt trên sân khấu Việt Nam.

Linh Huệ

Linh Huệ - Trương Thị Thu Trinh (1959-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Linh Huệ tên thật là Trương Thị Thu Trinh, sinh năm 1959 tại quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, con của ông Trương Văn Sở và bà Trịnh Thị Hai. Song thân của cô là giáo chức dạy học ở trường Trảng Bàng, đã nghĩ hưu và sống ở

Saigon. Nữ nghệ sĩ Linh Huệ có 7 người em, 3 trai, 4 gái đều trưởng thành và sinh sống ngoài ngành nghệ thuật sân khấu.

Từ thuở nhỏ Linh Huệ rất thích ca hát nên những khi bải trường, cô được cha mẹ cho về Saigon ở nhà một người bà con để học ca tân nhạc với nhạc sĩ Bảo Thu.

Năm 1973. Thu Trinh đã trình diễn trên các show đại nhạc hội và Đài truyền hình trong Ban nhạc của nhạc sĩ Bảo Thu tổ chức, cô biểu diễn thành công các bài như *Làng Tôi, Em Bé Quê, Ly Rượu Mừng, Nếu một ngày…*

Năm 1976, cô tiếp tục học văn hóa ở Trảng Bàng, đến lớp 12. Dượng rể của Thu Trinh là ông Ba Đa, trưởng đoàn cải lương Tây Ninh xin cha mẹ của Thu Trinh cho cô theo đoàn cải lương Tây Ninh để học hát cải lương. Vì có giọng ca dài hơi và kỹ thuật ca luyến láy giống như nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ nên ông Ba Đa đặt cho Thu Trinh nghệ danh là nữ nghệ sĩ Linh Huệ.

Trưởng ban cổ nhạc đoàn hát Tây Ninh, nhạc sĩ Tám Khích dạy cho Linh Huệ ca rành ba Nam, sáu Bắc, vọng cổ và hàng trăm bài bản cổ nhạc thường dùng trên sân khấu cải lương. Cô cũng được cho học diễn xuất và đóng thế các vai tuồng của các nghệ sĩ đàn chị trong đoàn trong thời gian học hát.

Đến năm 1978, chỉ hai năm sau từ khi mới theo học hát học ca, nữ nghệ sĩ Linh Huệ sáng dạ, học mau thuộc tuồng, tiến bộ về diễn xuất và nhờ có giọng ca dài hơi và kỹ thuật luyến láy độc đáo nên được đưa lên làm diễn viên chánh của đoàn hát cải lương Tây Ninh.

Cô đã diễn vai chánh qua các tuồng *Đời Cô Lựu, Chim Việt Cành Nam, Đêm Lạnh Chùa Hoang* cùng với các diễn viên Phượng Nhung, Ánh Hồng, Lê Phát, Kim Ấn, Quốc Ngữ, hề

Lê Xệ…

Năm 1979, nữ nghệ sĩ Linh Huệ được đoàn cải lương Sông Bé 1 mời về cộng tác, hát chung với các nghệ sĩ nổi danh trước năm 1975 như Bảo Vương, Phước Trọng, Thúy Nga, Bé Hoàng Vân, hề Lý Lắc. Linh Huệ hát xuất sắc các vai Thúy Kiều vở *Thúy Kiều*, vai Kiều Nguyệt Nga vở *Lục Vân Tiên*, vai Bùi Thị Xuân tuồng *Bảy Mùa Mai Nở.*

Với hơi ca khoẻ khoắn, giọng kim cao vút, nghệ thuật luyến láy trữ tình, Nữ nghệ sĩ Linh Huệ lại có nhan sắc dịu dàng, nước da trắng mịn, cô ca diễn các vai chánh đều thành công xuất sắc nên khán giả bốn phương rất ái mộ. Các ông trưởng đoàn hát nghe danh biết tiếng nên liên hệ để mời Linh Huệ về cộng tác với đoàn hát của mình với những điều kiện tài chánh hậu hỉ nhưng nữ nghệ sĩ Linh Huệ chọn đoàn hát Trúc Giang là một đoàn hát trung ban của thành phố để về cộng tác chỉ vì cô muốn theo học hỏi kỹ năng ca diễn của nữ nghệ sĩ Mỹ Châu,thần tượng của cô.

Năm 1980, Đoàn hát Trúc Giang lúc đó có các nghệ sĩ Mỹ Châu, Tuấn Thanh, Minh Minh Vương, Minh Thuận, Đổ Quyên, Phương Loan, hề Bé. Khi nũ nghệ sĩ Linh Huệ về cộng tác với đoàn Trúc Giang thì chỉ một thời gian ngắn sau đó, nữ nghệ sĩ Mỹ Châu được một đoàn hát đại ban của thành phố mời cộng tác, nữ nghệ sĩ Linh Huệ thế vai của Mỹ Châu, đảm nhiệm vai đào hát chánh, hát qua vai Giao, tuồng Vòng Cưới Anh Trao, vai Thoại Khanh tuồng Thoại Khanh Châu Tuấn, vai Nguyệt Nga tuồng Lục Vân Tiên.

Năm 1981, Đoàn cải lương Saigon 3 mời nữ nghệ sĩ Linh Huệ cộng tác. Đoàn cải lương Saigon 3 lúc ấy là một đại ban chuyên hát những vở tuồng xã hội nên Linh Huệ được dịp hát qua những tuồng xã hội, một phong cách hát khác với những tuồng dã sử và màu sắc mà Linh Huệ được đào luyện từ các đoàn hát Tây Ninh, Sông Bé 1 và đoàn hát Trúc Giang. Linh

Huệ đã hát vai Hoàng trong tuồng *Phụng và Hoàng*, vai Trà Mi tuồng *Hương Sắc Trà My*, vai Lan, tuồng *Hoa Phong Lan.*

Ngoài ra Linh Huệ còn diễn rất thành công các vai khác như Sarết tuồng *Nàng Sarết*, vai Sao Ly tuồng *Tình Ca Biên Giới*, vai Tuyết tuồng *Ngày Bước Vào Đời*, vai Thiếu Dương tuồng *Nữa Vầng Trăng Kỳ Lạ*, vai Thị Lộ tuồng *Hạt Bụi và Non Cao*. Khán giả rất tán thưởng giọng ca dài hơi và ngọt ngào của Linh Huệ và lối diễn xuất tinh tế, tươi mát của một cô đào trẻ rất là xinh đẹp.

Nữ nghệ sĩ Linh Huệ càng thêm nổi bật sáng chói nhờ cùng đóng tuồng với các diễn viên tài danh của đoàn cải lương Saigon 3 như các nghệ sĩ Tuấn Thanh, Bảo Linh, Chí Hải, Vương Ngọc, Minh Phương, Dương Thanh, Mỹ Hiền, Bội Ngọc, Đăng Quang, Lan Chi, Thúy Lan, Hoàng Dũng, và ba danh hề Văn Chung, Kim Quang, Bảo Chung.

Kể từ ngày mới bắt đầu học ca cổ nhạc nơi đoàn hát Tây Ninh của ông Bầu Ba Đa cuối năm 1976 đến năm 1981, chỉ mới 5 năm năm mà nữ nghệ sĩ Linh Huệ, một cô gái mới học cổ nhạc đã đạt được vị trí diễn viên đào chánh của một đại ban cải lương trong thành phố, điều đó chứng tỏ Linh Huệ có một sự cố gắng phi thường và có một giọng ca trong trẻo, một lối ca điêu luyện hiếm có.

Đây cũng là nhờ ở một sự may mắn, vì nhu cầu của đoàn hát, vì cần thay thế một diễn viên chánh, một giọng hát ăn khách vừa rời đoàn hát mà Linh Huệ được mời về để thế vai. Lối diễn, giọng ca và nhan sắc của Linh Huệ giúp cho cô đóng thế vai các diễn viên thượng thặng một cách dễ dàng và thành công trọn vẹn.

Năm 1987, nữ nghệ sĩ Linh Huệ được đoàn cải lương Saigon 1 mời về hát thế vai cho nữ nghệ sĩ tài danh Thanh Kim Huệ, Linh Huệ hát các vai như Thị Hến trong tuồng *Ngao, Sò, Ốc,*

Hến, Chị Ba trong tuồng *Lọ Nước Thần*, vai An Tư trong tuồng *An Tư Công Chúa*, vai Cô Gái trong tuồng *Cô Gái Hát Rong*, vai Cô Gái quê trong tuồng *Tình Nào Cho Nhau*, vai cô gái dệt lụa tuồng *Đôi Tay Vàng*, vai Hoàng Hậu trong tuồng *Vua Hoá Hổ.*

Năm 1989 đến năm 1992, nữ nghệ sĩ Linh Huệ được mời về hát cho bốn đoàn hát cải lương lớn nhứt ở thành phố Sàigòn và Cần Thơ, cô đã để những dấu ấn sâu sắc trong lòng khán giả ái mộ cải lương từ Nam ra Bắc, đặc biệt nhất là khán giả Sàigòn và Cần Thơ qua các tuồng hát như : *Tiếng Sáo Đêm Trăng, Khúc Hát Đoạn Tình, Tình Hận Vạn Niên Cơ, Lâu Đài Trên Cát, Tiếng Chuông Thiên Mụ, Chuyện Tình Hai Thế Hệ, Lan Huệ Sầu Ai, Bóng Hồng Sa Mạc, Võ Tòng Sát Tẩu…*

Các ký giả phỏng vấn : Trong 12 năm theo nghề hát, Linh Huệ đã thay đổi qua 9 đoàn hát : Tây Ninh, Sông Bé 1, Trúc Giang, Saigon 3, Saigon 1, Văn Công, 2/84, Trần Hữu Trang 1, Tây Đô, đã hát qua hơn 40 vai trò khác nhau của đủ các loại tuồng, thay đổi quá nhiều đoàn hát, Cô thấy thuận lợi hay bất lợi cho nghề hát của cô?

Theo Linh Huệ thì thay đổi sân khấu là tìm con đường đi lên để phát triển nghề nghiệp, vì đến một đoàn mới mình phải cố gắng nhiều hơn, đồng thời được học hỏi thêm nhờ diễn chung với những bạn diễn mới. Khi đoàn mới cần mình thế vai chánh đã ra đi, mình hát thành công, giữ được khán giả cho đoàn, điều đó chứng tỏ mình có tiến bộ về nghệ thuật.

Năm 1990, nữ nghệ sĩ Linh Huệ được bình chọn là danh ca vọng cổ được ưa thích nhất trong năm.

Năm 1993, cô được tặng thưởng huy chương vàng giải Trần Hữu Trang. Cũng trong năm nầy cô Linh Huệ kết hôn với anh Võ Viết Triều, kỷ sư cơ khí ô tô.

Sau một thời gian dài, cô Linh Huệ đã tạo dựng sự nghiệp sân khấu của mình bằng mồ hôi và nước mắt, với một sự phấn đấu kiên cường không biết mệt mõi để đạt được những vinh quang nghề nghiệp. Nhưng rồi tình hình sân khấu cải lương xuống dốc, mất dần khán giả đến độ quá nhiều đoàn hát phải tan rã, không còn rạp hát để hát.

Nghệ sĩ cải lương phải chuyển qua tấu hài và hát trích đoạn cải lương, nữ nghệ sĩ Linh Huệ đã đi định cư tại Toronto Canada. Một điều thật tế cho thấy giọng ca vọng cổ tuyệt vời của nữ nghệ sĩ Linh Huệ bị mai một, bị lảng quên dần vì ở Canada không có môi trường thuận tiện cho nghệ thuật hát cải lương.

Phương Hồng Thủy

Phương Hồng Thủy – Đinh Hồng Đào (1960-20 ..)

Nữ nghệ sĩ Phương Hồng Thủy tên thật là Đinh Hồng Đào, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1960, tại xã Bình Phước, tỉnh Biên Hòa, Đồng Nai, là chị lớn trong gia đình có 6 chị em.

Cha của của Phương Hồng Thủy là người quê ở xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Mẹ quê ở tỉnh Cần Thơ. Trong gia đình không có người theo nghề ca hát nhưng khi ở Biên Hòa, cha mẹ của cô thích xem hát, thích nghe cổ nhạc nên thường mời các ca sĩ, nhạc sĩ đến nhà đờn ca tài tử chơi. Lúc Phương Hồng

Thủy còn rất trẻ, cô đã ái mộ và thích giọng ca của ca sĩ Bạch Huệ, con của danh cầm cổ nhạc Sáu Tửng.

Năm 1972, Đinh Hồng Đào học trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn, khóa cải lương, cô được thầy Phùng Há đặt cho nghệ danh là Phương Hồng Thủy.

Đến tháng 4 năm 1975, trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon đóng cửa, các học sinh tạm ngưng học, Phương Hồng Thủy trở về quê ở Biên Hòa, đi hát cho đoàn hát cải lương của tỉnh. Sau đó cô được trở lại học khóa 1 của Trường Nghệ Thuật Sân Khấu 2.

Năm 1978, Phương Hồng Thủy thi tốt nghiệp, cô đậu thủ khoa với vai Bùi Thị Xuân trong vở *Thanh Gươm và Nữ Tướng.*

Sau khi ra trường, nữ nghệ sĩ Phương Hồng Thủy được đoàn cải lương Đồng Nai của tỉnh Biên Hòa mời về thủ các vai đào chánh của đoàn. Phương Hồng Thủy có một giọng ca rất là truyền cảm, diễn xuất sống thực nên Phương Hồng Thủy sớm được sự ái mộ nồng nhiệt của khán giả và của các bạn nghệ sĩ đồng diễn.

Lúc đó Phương Hồng Thủy mới được 18 tuổi, là một cô gái hồn nhiên, yêu đời, sớm thành đạt trong nghề nghiệp nên cô nhìn cuộc sống và nghệ thuật toàn màu hồng rực rỡ. Tình yêu đến với cô ngay trong đoàn hát, cô thành hôn với một nghệ sĩ đồng trang lứa. Khi biết cô đã mang thai, chồng cô ra đi một cách âm thầm với lý do là tìm việc làm và không trở về.

Phương Hồng Thủy lên thành phố tìm kiếm, hoang mang và đau khổ. Quẫn trí, cô quyên sinh, được cứu kịp thời. Tỉnh ra trong bệnh viện Chợ Rẫy, mấy tháng sau mới phục hồi trí nhớ, cô nhớ còn có mẹ già, em dại, còn có sân khấu và con thơ nên Phương Hồng Thủy hàn gắn vết thương lòng bằng cách để hết tâm tư vào sự nghiệp sân khấu và chăm sóc đứa con thơ.

Phương Hồng Thủy trở về đoàn hát Đồng Nai, tiếp tục khẳng định tài nghệ ca diễn qua các vai chánh trong các tuồng của đoàn hát. Khán giả ở các địa phương mà đoàn Đồng Nai đến diễn đều tán thưởng tài nghệ và yêu mến Phương Hồng Thủy, một cô diễn viên trẻ đẹp, dịu hiền và luôn luôn có một nụ cười khả ái trên môi.

Phương Hồng Thủy đã cộng tác với nhiều đoàn hát. Năm 1982 Phương Hồng Thủy được đoàn cải lương Tây Ninh 3 mời cộng tác. Năm 1984, Phương Hồng Thủy hát cho đoàn cải lương Hương Biển, Vũng Tàu. Nam 1985, Phương Hồng Thủy đi hát cho đoàn Tiếng Ca Sông Cửu Cà Mau. Năm 1986, Phương Hồng Thủy đi đoàn Võ Thị Sáu Đồng Nai. Năm 1988, đi đoàn Kiên Giang. Năm 1989, Phương Hồng Thủy được mời về cộng tác với Câu Lạc Bộ Cải lương Năm Châu ở Sàigòn và năm 1990, cô về hát cho đoàn cải lương 2-84.

Năm 1990, Phương Hồng Thủy đoạt huy chương vàng giải diễn viên xuất sắc trong hội diễn cải lương toàn quốc.

Năm 1991, cô đoạt huy chương vàng giải Trần Hữu Trang.

Phương Hồng Thủy đã nổi bậc qua các vai diễn như Thúy Kiều trong tuồng *Ai Giết Nàng Kiều,* vai Diệu trong tuồng *Lá Sầu Riêng*, vai Ái Nhân tuồng *Lời Ru Của Biển*, vai Mộng Cầm tuồng *Hàn Mạc Tử*, vai Hoàng hậu Thượng Dương tuồng *Nguyên Phi Ỷ Lan*, vai Lan tuồng *Lan và Điệp*, vai Hồng tuồng *Thảm Kịch Tuổi Xanh, ...*

Đứa con gái đầu lòng sanh năm 1981 mang tên Nguyễn Thanh Hồng Vân được Phương Hồng Thủy dành cho tất cả tình thương và một sự chăm nom dạy dỗ chu đáo, cô bé Hồng Vân học giòi, có hiếu với mẹ, đã du học Úc Châu năm 1999 và hiện nay đã tốt nghiệp ngành kinh tế học và vi tính. Cô Hồng Vân yêu nghề hát của mẹ nhưng Hồng Vân sống theo nghề đã được đào luyện ở trường Đại học bên Úc, sống và làm việc tại đây.

Phương Hồng Thủy mua được một ngôi nhà xinh xắn, cô rước mẹ và các em về sống chung. Khi làm ở trung tâm băng nhạc Long An, Phương Hồng Thủy và đạo diễn Hoa Hạ là hai người bạn tâm đắc. Phương Hồng Thủy cũng ghi ơn nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan đã nâng đỡ tinh thần cho Phương Hồng Thủy và sống trong tình cảm mẹ con, đã yêu thương và giúp cho Phương Hồng Thủy đứng lên khi cô vấp ngã trên đường đời.

Do tình yêu thương của người mẹ nuôi Út Bạch Lan và các bạn diễn khác nên khi Phương Hồng Thủy có cuộc sống ổn định, phát đạt, cô dành nhiều thì giờ và tiền bạc để biểu diễn, gây qủy giúp đở những nghệ sĩ và đồng bào nghèo yếu, neo đơn hoặc bị thiên tai, hỏa hoạn.

Phương Hồng Thủy có chồng Việt Kiều nên năm 2005, cô theo chồng định cư bên nước Hoa Kỳ. Phương Hồng Thủy cho biết là ông xã của cô rất ủng hộ vợ đi hát. Bên Hoa Kỳ, khi có show diễn phục vụ cộng đồng người Việt định cư tại Hoa Kỳ thì Phương Hồng Thủy tích cực tham gia và ông xã của cô làm tài xế đưa cô đến các điểm diễn.

Năm 2007, Phương Hồng Thủy về thăm quê hương, cô tham gia chương trình "Sắc màu thời gian", gây qũy giúp các nghệ sĩ nghèo, bịnh hoạn và kém may mắn hơn mình.

Năm 2016, khi Út Bạch Lan mất, Phương Hồng Thủy từ Mỹ về Việt Nam thọ tang cho người mẹ nuôi.

Ngoại trừ vai Thượng Dương Hoàng Hậu, một vai đào độc mùi trong tuồng Nguyên Phi Ỷ Lan, tất cả các vai hát để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả của Phương Hồng Thủy là những vai đào thương, nhân vật có số phận bi thương, có nhiều uẩn khuất nội tâm giống như hoàn cảnh và tâm sự của chính Phương Hồng Thủy nên khi diễn thì tâm hồn và tình cảm của Phương Hồng Thủy trộn lẫn vào nhân vật, cô có một giọng ca thương cảm, nét diễn sâu lắng niềm đau nên nước mắt của nhân

vật bi thương trong tuồng cũng chính là nước mắt thật của Phương Hồng Thủy.

Cô khóc bằng những dòng nước mắt thoát ra từ nội tâm sâu kín của mình, vết thương lòng khi mới bước vào đời tưởng đã được hàn gắn, tưởng đã chìm trong quên lãng với thời gian nhưng mỗi đêm khi sân khấu sáng đèn, cô sống lại với nhân vật có số phận bi thương thì dường như vết thương lòng lại vỡ oà ra.

Khi xem Phương Hồng Thủy đóng vai cô Diệu trong tuồng Lá Sầu Riêng, mô cô gái ngây thơ sớm lỡ làng duyên phận, dồn hết tình cảm cho đứa con thơ của mình, khán giả thấy rõ là Phương Hồng Thủy đang sống lại với câu chuyện bi thương của chính cô.

(Xem *Con gái chị Hằng* trang 173)

Cẩm Thu

Cẩm Thu – Võ Thị Cẩm Thu (1960-20 ..)

Nghệ sĩ Cẩm Thu tên thật là Võ Thị Cẩm Thu, sinh năm 1960 tại Kiên Giang. Cẩm Thu là con gái của soạn giả Trương Vũ và bà Trương Cẩm Vân - trưởng đoàn Mây Tần. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật, chính vì vậy mà Cẩm Thu đã nhanh chóng thành danh.

Năm 1980, Cẩm Thu là diễn viên của đoàn cải lương Sông Hàn, đoàn hát của gia đình. Tại sân khấu Sông Hàn Cẩm Thu

đã tham gia các vở diễn như: *Thoại Khanh Châu Tuấn, Nhụy Kiều Tướng Quân, Âm mưu tình yêu,Trần Bình Trọng...*

Năm 1981, nghệ sĩ Linh Tâm đầu quân cho đoàn hát Sông Hàn, Linh Tâm và Cẩm Thu trở thành một cặp diễn trên sân khấu này.

Năm 1982, nghệ sĩ Cẩm Thu đoạt huy chương vàng giải thưởng Trần Hữu Trang, khi đó chị đang làm diễn viên chính của đoàn tuồng cổ Minh Tơ.

Sau đó, Cẩm Thu và Linh Tâm tham gia nhiều đoàn khác như đoàn Tiếng ca Sông Cửu từ năm 1982-1984, đoàn cải lương Lâm Đồng từ năm 1984-1986. Năm 1986, Cẩm Thu về diễn cho đoàn Sông Bé 2 của bầu Quới. Thời gian này, Cẩm Thu diễn các vở như: *Ta là vua, Công chúa tóc thơm, Cây gậy thần, Bức ngôn đồ Đại Việt, Xuân về đỉnh Mã Phi, Tình sử A Nàng, Rừng đêm hóa trắng, Tàu ô huyết sử, Mùa xuân trên biển, Thúy Kiều 1 và 2, Lửa hồng Đông đô...*

Tại đoàn Sông Bé, Cặp đôi Cẩm Thu - Linh Tâm đã tạo nên một cơn sốt trên sân khấu cải lương thời bấy giờ. Giữa năm 1989, Cẩm Thu cùng Linh Tâm được Đoàn Trần Hữu Trang 1 về hát chính cho đoàn. Trên sân khấu của đoàn Trần Hữu Trang, Cẩm Thu đã xuất hiện trong vai Tịnh Tâm, trong vở tuồng *Cha con người hát rong,* vai Hoàng hậu Magarit trong vở tuồng *Tháp đoạn hồn,* vai Diễm Châu trong vở tuồng *Khát vọng giai nhân*,vai Phan Kim Liên trong vở tuồng *Võ Tòng sát tẩu ...* và các vở khác như Chuyện tình trên sông, *Bốn trái đào, Xác quỷ tình người, Lan Huệ sầu ai*. Đặc biệt với vai diễn Tịnh Tâm trong vở tuồng *Cha con người hát rong*. Cẩm Thu đã gây được ấn tượng mạnh đối với khán giả yêu cải lương.

Năm 1993, Cẩm Thu được mời về Đoàn Văn Công Thành Phố. Tại đây, Cẩm Thu thường diễn cặp cùng nghệ sĩ Minh Vương,

cặp đôi Cẩm Thu - Minh Vương cũng tạo được sự yêu mến của khán giả không kém cặp Minh Vương - Lệ Thủy.

Năm 1982, nghệ sĩ Cẩm Thu và Linh Tâm cặp đôi của đoàn Sông Hàn đã chính thức kết hôn. Vợ chồng chị sinh được hai người con là Võ Vũ Linh Thanh và Võ Vũ Thu Tâm. Nhưng sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị đã chính thức ly hôn. Sau khi ly hôn, nghệ sĩ Cẩm Thu sống cùng con trai tại Việt Nam còn nghệ sĩ Linh Tâm thì định cư tại Hoa Kỳ.

Philipp Nam và Cẩm Thu ngồi giữa

Sau nầy nghệ sĩ Cẩm Thu đã kết hôn cùng nghệ sĩ Philip Nam một doanh nhân thành đạt tại Mỹ, có tấm lòng và niềm đam mê dành cho sân khấu cải lương. Do đó nghệ sĩ Cẩm Thu được định cư ở Mỹ, cả hai vợ chồng Philipp Nam và Cẩm Thu thường xuyên sinh hoạt với Cổ nhạc Phương Nam hàng tuần phát sóng trên đài truyền hình SBTN ở Little Saigon.

Tuấn Châu

Tuấn Châu – Bùi Văn Khanh (1963-20 ..)

Nghệ sĩ Tuấn Châu tên thật là Bùi Văn Khanh, sanh năm 1963, tại quận 5 Chợ lớn, cha mẹ là người Hoa kiều. Đến năm 12 tuổi, bé Khanh không được đi học nữa mà phải ở nhà giúp cha mẹ trong việc mua bán hàng xén trên lòng đường Nguyễn Trải ngang hông rạp hát Thủ Đô trong Chợ Lớn. Vì vậy bé Khanh có nhiều dịp vô rạp hát coi các nghệ sĩ tập tuồng, em rất thích hát cải lương tuồng cổ.

Năm 18 tuổi, Khanh học ca tân và cổ nhạc với nhạc sĩ Thanh Sơn, nhờ có giọng tốt, hơi rông nên Khanh được hoan nghinh trong các buổi biểu diễn văn nghệ ở phường, khóm. Năm 1981, Khanh được nữ nghệ sĩ Thúy Manh giới thiệu với trưởng đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long. Trưởng đoàn Bạch Tùng Hương yêu cầu nghệ sĩ Thanh Bạch thử giọng ca, mọi người đều công nhận em Khanh có giọng tốt, ca chắc nhịp.

Bạch Tùng Hương chấp nhận cho Khanh gia nhập đoàn Huỳnh Long và đặt cho tên là nghệ sĩ Tuấn Châu. Em Khanh chưa hiểu tại sao, ông trưởng đoàn Bạch Tùng Hương giải thích : *"Giọng ca của mày mùi như giọng ca của Thanh Tuấn và có vẻ cợt cợt diểu diểu như Giang Châu của đoàn Saigon 2, tao cho mày tên Tuấn Châu là trong đoàn mình có một nghệ sĩ ngon lành bằng hai nghệ sĩ Thanh Tuấn và Giang Châu cộng lại."*

Vai đầu tiên Tuấn Châu được hát là vai Ba Trạo trong tuồng *Tình Sử A Nàng*, sau đó Tuấn Châu hát vai Già Làng trong tuồng *Lá Chắn Biên Thùy*.

Buổi tiệc thịt heo giả cầy bên hông rạp Thủ Đô thay đổi số phận Tuấn Châu. Tuấn Châu là người Hoa nên hành xử theo cách của người Hoa, anh tổ chức một buổi tiệc nhậu *"thịt giả cầy"* để cám ơn những người đã dẫn dắt anh vào nghề hát.

Tuấn Châu rót ly rượu mời trưởng đoàn hát và mời nữ nghệ sĩ Thúy Manh là người đã giới thiệu anh vào đoàn. Bạch Tùng Hương bảo Tuấn Châu rót thêm hai ly rượu cho Thanh Bạch và

Bửu Truyện, xong anh nâng ly mời bốn người cùng uống một lượt. Thanh Bạch bảo là Tuấn Châu mới vào nghề hát mà hát vai Già Làng trong tuồng *Lá Chắn Biên Thùy* được khán giả nhiệt liệt ngợi khen, đó là nhờ Tổ đải.

Bạch Tùng Hương chỉ cái lẩu thịt cầy, hỏi Tuấn Châu : *"Mầy nói đây là thịt cầy thiệt hay là thịt heo giả cầy?"* Tuấn Châu chưa biết trả lời sao, Bạch Tùng Hương tiếp : *"Lời của khán giả khen Tuấn Châu giống như chúng mình đang ăn thịt heo giả cầy mà khen ngon, giống như thịt cầy chớ không phải thịt cầy thiệt.*

Tuấn Châu hát được khán giả khen, ngoài cái giọng tốt, còn nhờ đóng vai Già Làng, nghĩa là không cần diễn xuất nhiều, cứ lụm cụm, khom lưng, hát chậm chạp là đạt được kết quả. Như vậy chưa phải là kép hát tuồng cổ, chỉ là giống kép hát chớ chưa phải thật sự một kép hát có tay nghề. Tao nói vậy, mầy có hiểu không? "

Tuấn Châu dạ dạ, gải đầu gải tai, hiểu ông Trưởng đoàn nhắc nhở là mình chưa phải thật sự có tài hát tuồng cổ nhưng không hiểu ông muốn ám chỉ gì. Bạch Tùng Hương nói tiếp : *"Tao đã nói vậy, sao mầy không làm lễ bái sư phụ để học nghề, để trở thành một kép hát thực thụ chớ không phải hữu danh vô thực. Bái sư phụ đi!"*

Tuấn Châu chấp tay xá xá Bạch Tùng Hương: *"Con bái sư phụ"* .

Bạch Tùng Hương gạt ngang: *"Bậy ! Bậy ! Hồi nảy tao biểu rót thêm hai ly rượu mời Thanh Bạch và Bữu Truyện là có ý nhắc mầy bái hai người đó làm sư phụ"*.

Tuấn Châu mừng quá, dạ râng, chấp tay xá xá Thanh Bạch và Bửu Truyện. Cả hai anh nầy từ chối vì thông thường thì thầy thích truyền nghề cho ai thì thầy tự chọn, ít khi bị ép nhận học

trò, nhưng Bạch Tùng Hương nói: *"Lúc khởi đầu buổi tiệc, hai anh đã nhận hai ly rượu cám ơn, đó là rượu bái sư. Với lại tôi tin hai anh sẽ không thất vọng vì đứa học trò nầy đây."*

Thanh Bạch và Bửu Truyện nhận thêm bốn xá của Tuấn Châu và thêm một tuần rượu nữa. Tôi nhắc lại giai thoại nầy vì hiện nay Bạch Tùng Hương và Bửu Truyện đã ra người thiên cổ, Thanh Bạch định cư ở Pháp, các anh đã có được một đệ tử xuất sắc: nghệ sĩ Tuấn Châu, người nối nghiệp các anh trong nghệ thuật hát cải lương tuồng cổ và hồ quảng.

Sau vở *Lá Chắn Biên Thùy*, đoàn Huỳnh Long còn có các vở tuồng: *Về Đất Kinh Châu, Lưu Kim Đính Giải Gía Thọ Châu, Đường Về Núi Lam, Hùm Thiêng Yên Thế, Con Tấm Con Cám…* Qua từng vở tuồng, Thanh Bạch và Bửu Truyện dạy cho Tuấn Châu từng điệu bộ, cách nói lối, cách ca ngâm và hát các bản nhạc Hồ Quảng.

Hai năm sau, Tuấn Châu được mời về làm kép chánh, hát với đào chánh Mỹ Tiên trong đoàn hát Thanh Nga. Tuấn Châu đã đóng vai Lê Hoàn hát với Kiều Phượng Loan trong tuồng *Thái Hậu Dương Vân Nga*, vai Lê Qúy Đôn trong tuồng *Thiên Phúc Hoàng Đế*, vai Lý Thánh Tông trong tuồng *Nhiếp Chính Ỹ Lan*. Tuấn Châu hát chia vai với Châu Thanh, tuồng *Nữ Kiệt Sang Sông* hát với Phượng Hằng.

Năm 1988, Tuấn Châu gia nhập đoàn hát Minh Tơ hát với các diễn viên tài danh : Tài Linh, Linh Châu, Bạch Lan. Trường Sơn, Thanh Loan, Xuân Yến, Thảo Nguyên, Công Minh, Thanh Tòng. Ở sân khấu cải lương tuồng cổ, Tuấn Châu như con cá được trở về ao hồ xưa, mặc sức vẫy vùng. Tuấn Châu có một số vai hát thành công : vai Trần Lâm tuồng *Bích Vân Cung Kỳ Án*, vai Tiết Đinh San tuồng *Thần Nữ Dâng Ngũ Linh Kỳ*, vai Hồng Đại Lỉnh tuồng *Thanh Xà Bạch Xà.*

Năm 1988, vợ con của Tuấn Châu xuất cảnh, Tuấn Châu trực trặc giấy tờ, phải ở lại. Anh phải nghĩ việc vì lúc đó nghệ sĩ nào đăng ký xuất ngoại thì không được hành nghề nữa. Anh bổ túc hồ sơ và chờ đợi.

Nhờ có Duy Phương giúp cho đi hát chui bên tân nhạc và tấu hài trong các show của Duy Phương tổ chức nên Tuấn Châu cũng kiếm sống qua ngày. Tuấn Châu tấu hài cũng rất thành công nhất là khi anh diễn vai chú Ba Tàu, nói giọng lơ lớ rồi ca Hồ Quảng, vô vọng cổ nghe ngọt xớt.

Năm 1992, Tuấn Châu trở về hát trên sân khấu Minh Tơ, diễn viên có : Vũ Linh, Tài Linh, Kim Tử Long, Bửu Truyện, Thanh Thế, Ngọc Đáng, Tuấn Châu thành công vai Vua trong tuồng *Ngai Vàng và Tội Ác*, vai lão trong tuồng *Bụi Mờ Ải Nhạn.*

Năm 1994, Tuấn Châu hát cho đoàn Huỳnh Long hai vở tuồng *Lê Long Đỉnh* và *Bao Công Xử Án Trần Thế Mỹ.* Năm 1996, đoàn Huỳnh Long, đoàn cải lương Saigon 2, Saigon 3 rã gánh, Tuấn Châu về nhà giúp mẹ trong việc kinh doanh thương mãi, vật chất tiền nông không thiếu thốn nhưng Tuấn Châu rất nhớ sân khấu và các bạn diễn. Anh thu vidéo cải lương được hai chục vở, sau đó anh xuất ngoại qua Hoa Kỳ, đoàn tụ với vợ con.

Ở khu Phước Lộc Thọ, Tuấn Châu gặp lại các nghệ sĩ đàn anh đàn chị nên được mời tham gia khi có show ca nhạc trong các nhà hàng. Thỉnh thoảng Tuấn Châu được mời về Việt Nam thâu vidéo cải lương hồ quảng nên tuy định cư ở hải ngoại, Tuấn Châu vẫn còn sống được với nghề hát sân khấu.

Tuấn Châu có giọng ca trầm ấm, âm vực mạnh, vang vang lại có vóc dáng cao lớn nên anh thích hợp với các vai võ tướng, vai các quan trung thần, vai vua hoặc vào các vai nông dân lực điền, Tuấn Châu có khả năng hát nhiều loại vai tuồng và rất

đứng đắn trong việc làm, không bỏ show, không khó dễ nên anh vẫn là một nghệ sĩ sáng giá và đắc show nhất hiện nay.

Tuấn Châu cùng Văn Chung, Ngọc Đáng, Hoàng Nam, Hoàng Phúc là những người sáng lập chương trình Cổ nhạc Phương Nam năm 2011 trên đài VHN, đến năm 2015 thì chuyển sang đài SBTN rất nổi tiếng tại Mỹ.

Thanh Thanh Tâm

Thanh Thanh Tâm - Nguyễn Thị Thanh Thanh (1963-20 ..)

Thanh Thanh Tâm tên thật là Nguyễn Thị Thanh Thanh, sinh sanh ngày 6 tháng Giêng năm 1963 tại Saigon, con của nam

nghệ sĩ tài danh Nam Hùng và nữ nghệ sĩ huy chương vàng giải Thanh Tâm Thanh Thanh Hoa.

Thanh Thanh Tâm theo cha mẹ sống trong đoàn hát nên Thanh Thanh Tâm thường nghe tiếng đàn giọng ca của các nghệ sĩ trưởng bối trong đoàn, cô thường ngồi bên cánh gà xem hát, sau nhiều năm nghệ thuật ca múa thẩm thấu vào tâm hồn của bé Thanh Thanh Tâm. Năm lên 4 tuổi Thanh Thanh Tâm được báo chí kịch trường tặng cho danh hiệu Thần Đồng khi cô ca tân nhạc trên sân khấu đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga tại rạp Hưng Đạo, Sàigòn.

Năm lên 8 tuổi, Thanh Thanh Tâm đã được phân vai nhát những vai đào con trên sân khấu đoàn Tiếng Hát Dân Tộc.

Năm 9 tuổi, Thanh Thanh Tâm được cha mẹ cho học chử ở trường Ba Đình quận 8, nhưng khi cô đang học thì Ban kịch Kim Hoàng Như Mai mời cô đóng vai em bé trong vở *Mưa Bão* Kịch truyền hình. Thanh Thanh Tâm cũng đã được hãng phim Alfa Thái Thúc Nha mời đóng một vai bé con trong phim Người Cô Đơn và phim *Phận Má Hồng*. Hãng phim Thẩm Thúy Hằng mời Thanh Thanh Tâm đóng một vai trong phim *Sóng Tình* do Bùi Xuân Dung làm đạo diễn..

Năm 1978, Thanh Thanh Tâm được tuyển vào học trường Nghệ Thuật diễn xuất, khóa đầu tiên của đoàn hát Trần Hữu Trang, Thanh Thanh Tâm đã được học với các thầy Phùng Há, Kim Cúc, Ngọc Hùng, Thu Vân nên diễn xuất sắc vai Trần Quốc Toản tuồng *Trần Quốc Toản ra quân*. Cô cũng thành công qua các vai tuồng *Mùa Xuân Cho Em, Đời Cô Lựu*....

Năm 1981 cô thành hôn với con trai của đạo diễn Lưu Chi Lăng, Năm 1982, cô sanh đứa con gái đầu lòng, đặt tên Lưu Thị Ca Dao. Đến năm 1988, cô và chồng ly dị nhau và con gái sống cùng với cô.

Năm 1983, nữ nghệ sĩ Thanh Thanh Tâm về đoàn hát Trần Hữu Trang 1, hát chia vai với nữ nghệ sĩ Phượng Liên qua những vở tuồng như *Đêm Phán Xét, Kiều Nguyệt Nga, Rạng Ngọc Côn Sơn, Chuyện Cổ Bát Tràng, ...*

Năm 1987, Thanh Thanh Tâm được chuyển qua đoàn hát Trần Hữu Trang 2, thành phần diễn viên có Vũ Linh, Thanh Thanh Tâm, Thanh Hằng, Hồng Tơ, Linh Trung, Minh Châu, Lê Thiện, Chí Linh, Vân Hà… tại đây cô cùng với nghệ sĩ Vũ Linh đã trở thành cặp diễn ăn ý nhất và thu hút được nhiều khán giả.

Cuối năm 1989, nữ nghệ sĩ Thanh Thanh Tâm ký hợp đồng hát cho đoàn tuồng cổ Huỳnh Long. Cô đã gây ấn tượng đặc biệt trong vai diễn của mình cùng với nghệ sĩ Minh Vương trong vở tuồng *Vị Án Phi Giao* và tuồng *Sở Vân*. Từ năm 1990, cô cộng tác hát cho đoàn Sân khấu tài năng sau đó năm 1992 là đoàn Huỳnh Long.

Trong cuộc đời ca hát, Thanh Thanh Tâm đã được các giải thưởng:

Giải Triển vọng Trần Hữu Trang vào năm 1991 và Giải Tài năng Trần Hữu Trang vào năm 1997.

Đến năm 1998, cô được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

Năm 2000, Thanh Thanh Tâm kết hôn với một người chồng ngoài nghề hát. Cô sanh được một con trai. Chồng cô luôn giúp đở và khuyến khích khi Thanh Thanh Tâm có dịp xuất hiện trên sân khấu.

Ngoài niềm say mê nghệ thuật, hai đứa con chính là "tác phẩm" mà chị dồn sức và say mê chăm chút rất nhiều. Chị kể, đã mấy chục năm nay, buổi sáng chị phải dậy từ 5 giờ để chuẩn bị cơm nước, lo chợ búa, đưa con tới trường. Với chị, đó là trách

nhiệm và cũng là nguồn vui ngoài nghệ thuật. "Thậm chí, hôm nào phải đi diễn xa, không đưa con đi học được tôi lại thấy nhớ". Ca Dao, cô con gái lớn, đang du học ngành marketing bên Mỹ, còn bé Kim Tuyền đang học lớp 1.

Kim Tử Long

Kim Tử Long – Hoàng Kim Long (1966-20 ..)

Nghệ sĩ Kim Tử Long tên thật là Hoàng Kim Long, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1966, tại quận 8, Sàigòn. Trong gia đình có 4 anh chị em, gồm có 3 nam và 1 nữ. Thân phụ là ông Hoàng Sinh, hành nghề đông y, mẹ là bà Châu Thanh Nguyên, buôn bán nhỏ.

Năm 1975 đã làm đảo lộn cuộc sống của mọi người, mọi gia đình. Cha của Kim Tử Long không được hành nghề đông y vì phải chờ sự cấp giấy phép hành nghề của Bộ Y Tế và Hội đông y miền Bắc, tiệm thuốc Bắc của ông ở quận 8 bị tịch thu vì bị "đánh tư sản". Mẹ của Hoàng Kim Long cũng bị dẹp sạp bán hàng chạp phô trong chợ quận, cuộc sống lâm vào cảnh túng hụt khó khăn.

Các anh em của Hoàng Kim Long phải bỏ học, mỗi đứa phải kiếm một nghề mới để khỏi bị đưa đi vùng kinh tế mới. Người anh cả Hoàng Kim Hoàng học nghề điêu khắc tượng Phật, đúc hình bằng thạch cao, học của ông Nguyễn Thành Ý, giáo sư trường Mỹ Thuật Gia định, ông nầy vừa bị chế độ mới sa thải

nên dạy học trò ở địa phương để kiếm sống. Hoàng Kim Long lúc đó mới có 10 tuổi, để giúp cho gia đình qua cơn túng ngặt, Hoàng Kim Long đi bán bánh in ở vùng cầu chữ Y.

Ảo thuật gia Z27 dạy nghề ảo thuật miễn phí cho Hoàng Kim Long để đền ơn cha cậu đã trị bịnh cho ông. Từ đó Hoàng Kim Long theo ảo thuật gia Z27 đi diễn ảo thuật trong chương trình tạp kỷ của đoàn Hương Miền Nam do nhạc sĩ Nguyễn Hữu Thiết làm trưởng đoàn.

Từ năm 1978, Kim Long gia nhập đoàn cải lương Tuổi Trẻ của Sở Thương Nghiệp thành phố, biểu diễn ảo thuật trước khi đoàn mở màn hát cải lương. Kim Long cũng bắt đầu học ca cổ nhạc, học các vai tuồng của các diễn viên trong đoàn để thế vai khi các diễn viên nầy bịnh hay vắng mặt.

Sau đó Kim Long theo đoàn hát Tiếng Hát Quê Hương của Phường 2 quận 8, tiếng ca vọng cổ rất ngọt của Kim Long được nhà hát Trần Hữu Trang chú ý, nhà hát thu nhận Kim Long vào Đoàn Tuổi Trẻ Xung Kích Trần Hữu Trang.

Năm 1982, Hoàng Kim Long học trường nghệ thuật sân khấu của nhà hát Trần Hữu Trang, khóa 2 , một lượt với các bạn : Viết Chánh, Hồng Dào, Thủy Trang, Thoại Mỹ, Bích Thu, Hồng Hoa, Linh Sơn…Kim Long đã thụ giáo qua các thầy Phùng Há, Kim Cúc, Tấn Đạt, Ngô Thị Hồng. Năm 1985, Kim Long thi ra trường qua vai Y Mây, tuồng Y *Ban và nàng tiên.* Nghệ sĩ Phùng Há đặt cho Kim Long nghệ danh Kim Tử Long.

Năm 1987, nghệ sĩ Kim Tử Long về làm diễn viên cho đoàn Trần Hữu Trang 1. Tại đây anh tham gia các vai diễn Tư Hùm trong vở "*Trả Lại Tình Xưa,",* Lý Thân trong vở "*Lý Thân và công chúa nước Tần*)", Keo Đinh trong vở "*Nữ ca sĩ hoàng gia*"…

Từ năm 1989, nghệ sĩ Kim Tử Long về đầu quân cho các đoàn hát Minh Tơ (1989), Sài Gòn 1 (1990), Minh Tơ(1992-1993), Sông Bé 2 (1993-1994), Minh Tơ (1994-1996), đoàn Văn Công Thành Phố(1996), Đoàn Sài Gòn I(1999-2000), Trần Hữu Trang (2000-2001), Sân khấu thể nghiêm 5B (2001).

Là kép chánh, Kim Tử Long đóng tuồng cặp với nhiều nữ nghệ sĩ tài danh như Tài Linh, Ngọc Huyền, Thanh Ngân, Thanh Thanh Tâm, Thoại Mỹ, Tố Loan, Phượng Mai, Mỹ Châu …

Trong thời gian này, anh đã diễn các vở như: Lữ Bố trong vở *Phụng Nghi Đình*, Đổng Thừa trong vở *Mã Siêu báo phụ thù*, Trí Bình trong vở *Xin đừng nói yêu em*, Nguyễn Khắc Cường trong vở *Em ơi đừng khóc nữa*, Đạt Sơn trong vở *Ben suối đợi chàng*, Lưu Bị trong vở *Về Đất Kinh Châu*, Trần Bình Trọng trong vở *Bài Ca Ly biệt*, và các vở tuồng *Yêu em từ đó, Yêu và ghen, Quỷ kiếm sầu, Ngai vàng và tội ác, Thanh Xà Bạch Xà, Bụi Mờ Ải Nhạn, Con gái Hoa Mộc Lan, Tứ Hỷ Lâm Môn*, Chung Vô Diệm trong vở *Tề Vương*, Văn Võ Kỳ Duyên trong vở *Cao Khánh Văn…*

Kim Tử Long đoạt huy chương vàng giải Trần Hữu Trang, giải diễn viên xuất sắc năm 1992 và được đọc giả qua trưng cầu ý kiến của các báo, bầu Kim Tử Long và Ngọc Huyền là đôi diễn viên được ưa thích nhất trong năm 1992 và liên tiếp ba năm liền sau đó.

Kim Tử Long và các diễn viên tài danh vừa kể có thu nhiều băng video rất hay, đặc biệt, Kim Tử Long và Ngọc Huyền, rất thành công qua các băng video tuồng như *Chiếc Hổ Phù, Dương Quí Phi – An Lộc Sơn, Con Ma nhà họ Hứa, Xử án Phi Giao, Mạnh Lệ Quân…* và ca tân cổ giao duyên.

Năm 1997, Kim Tử Long lập gia đình với em gái một cầu thủ danh tiếng, họ có con gái đầu lòng tên Hoàng Kim Phụng, có nghệ danh Maika, đã lập gia đình năm 2017. Sau đó, Kim Tử

Long lập gia đình với người vợ thứ 2 là Cẩm Tú có 2 con gái là Hoàng Gia Linh và Hoàng Gia Hân, rồi lại chia tay, người vợ hiện nay là Trinh Trinh, cháu gái của nghệ sĩ Thanh Tòng, họ đã có với nhau cậu con trai, ngoài ra Kim Tử Long có con nuôi là nghệ sĩ Bình Tinh, con gái của cố nghệ sĩ Đức Lợi và Bạch Mai.

Kim Tử Long là một nghệ sĩ cải lương được nhiều người hâm mộ khi diễn chung với Ngọc Huyền, đồng thời cũng đóng góp nhiều vào tân nhạc.

(Xem *Chấp cánh chim bằng* trang 139)

Thanh Thủy

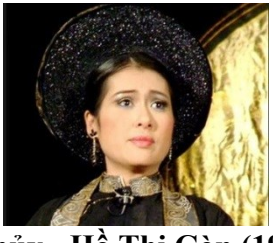

Thanh Thủy - Hồ Thị Gòn (1966-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Thủy tên thật là Hồ Thị Gòn, sanh năm 1966, tại Cai Lây, Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang, theo mẹ lên Sàigòn từ nhỏ. Năm 11 tuổi theo thầy Tư Nghi học đờn tranh.

Đến năm 1980, Thanh Thủy được thầy Nghi đưa vào trường Nghệ Thuật sân khấu II, nay là trường Sân Khấu -Điện ảnh Tp. HCM, thi đậu vào khoa đờn. Thấy Thủy có giọng ca khá tốt, nhan sắc dễ coi, cô Ca Lê Hồng, Hiệu trưởng của trường lúc bấy giờ đề nghị chuyển Thủy qua học khóa 6 khoa Cải lương, cùng lớp Nguyệt Hồng, Bảo Trang, Hữu Châu, sau đó Hữu Châu chuyển qua học kịch với Hữu Nghĩa, Quang Minh, Hồng Đào. Năm 1986 Thanh Thủy tốt nghiệp ra trường, chính thức bước lên sân khấu chuyên nghiệp ở đoàn Văn Công Tp. HCM.

Như bao nhiêu nghệ sĩ trẻ mới ra trường, luôn mang nhiều ước mơ, hoài bảo, cứ tưởng với tấm bằng tốt nghiệp ở trường mình sẽ dễ dàng thành công ở sân khấu chuyên nghiệp. Thực tế luôn nghiệt ngã, tạo ra một khoảng cách rất lớn, mà sự thất bại luôn chực chờ trước mắt. Thanh Thủy không tránh khỏi bỡ ngỡ khi được vào hát một đoàn lớn, thời gian đầu không tạo được ấn tượng gì, dù được hát đào nhì, đóng đúp vai với nghệ sĩ Thoại Miêu. Nhờ vào tính ham học, chịu khó Thủy đã vượt qua những áp lực ban đầu, để trở thành cô đào nhì sáng giá, và có lúc đoàn đã chọn cô cho phương án thay thế Mỹ Châu, khi Mỹ Châu có ý định rời đoàn. Thời gian cộng tác với đoàn Văn Công thành phố, Thanh Thủy và Vũ Minh Vương tạo thành một đôi ăn ý được khán giả yêu mến. Nhưng để đạt đến thành công, sân khấu Trần Hữu Trang mới chính là nơi tài nghệ Thanh Thủy thăng hoa.

Năm 1992 Thanh Thủy – Linh Cường là cặp đào kép chánh của đoàn 1 nhà hát Trần Hữu Trang, cùng với danh hài Vũ Đức trở thành bộ ba ăn khách, đủ sức thay thế những nghệ sĩ tài danh khác đã rời đoàn. Gần như đoàn 1 đã có một cuộc thay máu. Vở tuồng *15 năm tình hận* của tác giả Thạch Tuyền được đạo diễn Đoàn Bá chọn ra mắt lực lượng mới, đây là vở rất đông khách, đánh dấu bước thành công đầu tiên của lớp nghệ si trẻ ở nhà hát, từ vị trí cô đào nhì chỉ dành đóng thế vai ờ đoàn Văn Công thành phố, Thanh Thủy đã đàng hoàng trở thành cô đào chánh trẻ trung, tương lai nhiều hứa hẹn. Vở *Sự tích con muỗi* của Hùng Tấn, đạo diễn Nguyễn Phú Hải, Thanh Thủy lần đầu tiên kết hợp với Trọng Nhân, một vở diễn được dàn dựng công phu, có nhiều sáng tạo, nhưng lại không đạt về doanh thu.

Sau đó, đoàn dựng tiếp vở *Giấc mộng không tên* của tác giả Hoàng Song Việt. Thanh Thủy coi như mình có duyên khai trương những vở mới. *Sự tích con muỗi* là vở đầu tiên do Nguyễn Phú Hải dàn dựng Cải lương, vở *Giấc mộng không tên* được giải cao của Hội sân khấu Thành phố về kịch bản, cũng là

kịch bản của Hoàng Song Việt lần đầu tiên được ra mắt ở một sân khấu lớn, trước đó Hoàng Song Việt cũng có vài vở ra mắt ở sân khấu khác, không được đình đám như vở *Giấc mộng không tên*.

Đến năm 1995 Thanh Thủy cùng Đặng Quang Vinh, Kim Phương, Thanh Ngân phối với đạo diễn Lê Thụy ra mắt Câu Lạc Bộ Cải lương Ba Thế Hệ trực thuộc nhà hát Trần Hữu Trang với vở cải lương *Những mảnh đời côi cút* hay *Ánh sáng phù du,* cũng là vở đầu tiên Lê Thụy dựng Cải lương ở sân khấu.

Suốt một thời gian gần 10 năm đi hát liên tục, Thanh Thủy có những đóng góp nhất định cho sân khấu Thành phố, tuy không ào ạt, nhưng đó là những cột mốc đáng nhớ. Tuy không phải là diễn viên ăn khách ồn ào như một số đồng nghiệp cùng trang lứa, song Thanh Thủy đến với sân khấu bằng bản lĩnh của người nghệ sĩ được đào tạo chính qui, mỗi vai diễn là một sự sáng tạo mới có chiều sâu.

Nhìn chung, Thanh Thủy là một nghệ sĩ tài sắc vẹn toàn. Từ năm 1998 trong cuộc đời Thanh Thủy có một khoảng lặng về sự nghiệp sân khấu sàn diễn, vì cô dành nhiều thời gian cho sân khấu truyền hình. Ở HTV Thanh Thủy có người bạn học sau một khóa là biên tập viên Hiền Phương, rất quí mến tài năng của Thủy nên cô được mời vào khá nhiều vai chánh.

Có một vở cải lương Thanh Thủy rất nhớ, vở *Nước chẳng về nguồn*, Soạn giả Đăng Minh, đạo diễn Tài Bửu Bửu, đó là kỷ niệm lần đầu tiên HTV thực hiện cải lương nhiều tập, mỗi tập 90 phút, do ông Huỳnh Minh Nhị khởi xướng, mà Thanh Thủy đóng chánh với nghệ sĩ Lương Tuấn, vở chia ra thành 6 tập qui tụ khá đông nghệ sĩ, đó là vở lần đầu tiên Minh Béo hát Cải lương trên truyền hình, Thanh Thủy luôn có duyên với những công trình đầu tiên.

Chính sân khấu truyền hình đã giúp cho Thanh Thủy đỡ nhớ nghề, khi sân khấu bước vào cuộc khủng hoảng lớn. Gia đình Thanh Thủy có nếp sinh hoạt thường kỳ: cuối tuần tụ họp lại ăn cơm, rút tỉa những kinh nghiệm trong cuộc sống, đồng thời giữ mối quan hệ chặt chẽ giữa những thành viên trong gia đình với nhau. Nếp sinh hoạt nầy thường bị gián đoạn khi mẹ phải theo Thanh Thủy đi sớm về khuya. Là con gái áp út lại theo nghề hát nên mẹ rất thương, càng đi theo chăm sóc con gái bà càng thông cảm cho những vất vả, những chuyến lưu diễn xa nhà từ miền Trung, miền Tây của con. Chính bà là người duy nhất vẫn luôn kề cận cô trên muôn nẻo đường đời.

Năm 2002 sau nhiều năm vắng bóng ở sân khấu, Thanh Thủy trở lại với Liên hoan sân khấu các tỉnh phía Nam với vở *Nhảy múa với quỉ dữ*, lần đầu tiên đóng vai phản diện nhưng Thủy đã được trao Huy Chương Vàng. Vai diễn mở ra cái nhìn khác về Thanh Thuỷ đa tài. Với Thanh Thủy nghệ thuật cải lương đã thấm vào máu, chỉ cần có cơ hội là tài năng ấy sẽ có dịp bộc phát, tạo nên những khoảnh khắc tuyệt vời trên sân khấu. Nhìn Thanh Thủy ca diễn cứ thấy vẻ tự nhiên, nhẹ như không, thế nên vai diễn có sự sống động mà gần gũi đời thường. Ngoài một Thanh Thủy là nghệ sĩ biểu diễn tài năng với nhiều vai diễn ấn tượng, nhiều người đã ngạc nhiên khi biết còn một Thanh Thủy khác – một cây đờn tranh xuất sắc.

Thoại Mỹ

Thoại Mỹ - Nguyễn Thị Ngọc Mỹ (1969-20 ..)

Nghệ sĩ Thoại Mỹ tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Mỹ, sinh ngày 28 tháng 4, năm 1969 tại Sàigòn.

Khoảng thập niên 1950, cha mẹ Thoại Mỹ rời quê hương Quảng Nam – Đà Nẵng vào Sàigòn lập nghiệp. Cũng chính nơi đây, họ đã sinh cô con gái Thoại Mỹ. Nhìn gương mặt xinh xắn như thiên thần của con, cha mẹ cô cẩn thận chọn cái tên Nguyễn Thị Ngọc Mỹ để hy vọng tương lai của con sẽ được tốt lành, hạnh phúc. Nhà có tới 12 anh, chị em nên cuộc sống gia đình Ngọc Mỹ trở nên chật vật hơn bao giờ hết, cô bé Ngọc Mỹ sớm phải bươn chải với cuộc sống.

Ngày còn nhỏ, Thoại Mỹ đã lon ton đi bán khoai, bán bắp, bưng hủ tiếu thuê để có tiền phụ cha mẹ. Thậm chí, có những lúc Thoại Mỹ còn đi ở đợ. Vất vả, cơ cực nên niềm vui của Thoại Mỹ là những giây phút hiếm hoi được theo chị năm Thoại Miêu đến rạp xem cải lương.

Thoại Mỹ đến với nghệ thuật cũng là một cái duyên. Một hôm cô theo chị Thoại Miêu đi xem hát như thường lệ, nhưng hôm đó người diễn vai cô bé Sầu Riêng không đến. Mọi người trong đoàn cuống cuồng đi tìm người diễn thế, và họ thấy cô bé Thoại Mỹ đen, gầy gò đang đứng chơi ở gần đó. Biết cô là em của Thoại Miêu, họ lên tiếng: "Đâu nhỏ hát thử nghe coi được không?". Khi cô bé cất giọng hát thử một đoạn ngắn bằng một phong thái rất nhẹ nhàng kèm theo một chất giọng vô cùng trong trẻo. Nghe hát xong mọi người trong đoàn ai nấy đều mừng rỡ. Và mọi người đã dạy cho cô các động tác phụ họa và hát, và sau đó Thoại Mỹ lên sân khấu hát một cách dạn dĩ. Lối diễn xuất mộc mạc của cô bé đã khiến biết bao khán giả không cầm được nước mắt.

Khi ấy Thoại Mỹ chỉ mới 11 tuổi. Sau đó cô được nghệ sĩ Lệ Thủy khuyên Thoại Miêu cho cô em đi học nhạc. Năm 13 tuổi

Thoại Mỹ thi đỗ vào khoa đào tạo diễn viên của nhà hát Trần Hữu Trang với tỉ lệ chọn 40 học viên chính thức trên tổng số 5000 thí sinh dự thi. Cùng khóa với các nghệ sĩ, ca sĩ nổi tiếng sau nầy như: Kim Tử Long, Ngọc Huyền, Tô Châu, Thùy Trang,..

Năm 16 tuổi, sau khi ra trường, Thoại Mỹ bắt đầu đi hát ở nhiều nơi như Đoàn S àigòn 3, Đoàn Huỳnh Long, đoàn Sông Bé, Nhà hát Trần Hữu Trang. Đi đến đâu chị cũng được tiếng không bao giờ kén chọn vai diễn. Vai nào vào tay Thoại Mỹ đều được cô hoàn thành xuất sắc. Khán giả thì hồi hộp nhìn Thoại Mỹ lột xác từ vai ác, vai mùi, vai độc, vai lẳng, sang con nít, bà già... ngọt xớt mà lòng tràn đầy cảm xúc.

Khi học ở Nhà hát Trần Hữu Trang Thoại Mỹ và Kim Tử Long yêu nhau, nhưng khi ra truờng mỗi người đi một đoàn hát, họ xa nhau từ đó. Sau đó Thoại Mỹ kết hôn với người làm cho công ty Đoài Loan, khi có tiền của xảy ra mâu thuẩn, Thoại Mỹ tự tử không được, xin vào chùa tu cũng không xong, nên cô quyết định ly dị, rồi cô gặp người thứ hai nhưng cũng không thành, đến nay cô vẫn sống độc thân. Có lúc Kim Tử Long quay lại, nhưng cô xem là bạn một thuở xa xưa.

Sau nhiều năm cống hiến cho nghệ thuật, Thoại Mỹ đã giành được rất nhiều giải thưởng cao quý:

Năm 1990, Thoại Mỹ đoạt huy chương Bạc tại Liên hoan sân khấu toàn quốc, vai Lan trong vở *Giũ áo Bụi Đời.*

Năm 1992, Thoại Mỹ đạt huy chương Vàng Giải Trần Hữu Trang trong vai Hồng Phụng, tuồng *Ngọc Kỳ Lân* và đạt danh hiệu "Diễn viên được yêu thích nhất" do báo Sân khấu và Hội Sân khấu tổ chức trưng cầu ý kiến đọc giả và khán giả.

Năm 1995, là diễn viên xuất sắc giải Trần Hữu Trang, "Diễn viên được yêu thích nhất" do Báo Sân Khấu và Hội Sân Khấu tổ chức trưng cầu ý kiến và đoạt Giải Mai Vàng, vai Võ Tắc Thiên trong vở *Thái Bình Công Chúa*.

Ngày 12 tháng 09 năm 2003, Huy chương vì sự nghiệp sân khấu và Giải mai vàng do báo người lao động bình chọn vai Lan, trong vở *Lời Thú Tội Muộn Màng* và Huy Chương Văn Hóa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2004, đạt giải mai vàng do báo người lao động bình chọn, đạt danh hiệu "Là gương mặt nghệ sĩ sân khấu ấn tượng" do bạn đọc báo Tuổi Trẻ bình chọn.

Ngày 21 tháng 04 năm 2004, đạt huy chương vàng diễn viên tài sắc vai Ngọc Hân trong vở *Hồn Thơ Ngọc*

Năm 2005, đạt huy chương Vàng tại Hội diễn cải lương chuyên nghiệp toàn quốc và Giải mai vàng do báo người lao động bình chọn vai Phượng trong vở *Rồng Phượng*.

Năm 2007, Giải Mai vàng do báo người lao động bình chọn vai Thúy Kiều, trong vở *Kim Vân Kiều*.

Năm 2007, Đạt danh hiệu nghệ sĩ ưu tú.

Chăm chỉ như con ong hút từng giọt mật ngọt thơm nghệ thuật, rồi cũng có ngày Thoại Mỹ được bước lên vai đào... nhì. Và như một duyên phận, vị trí đào nhì gắn bó với cô cả quãng đường dài.

Cái cách làm nghề nghiêm túc ở bất cứ vị trí nào khiến Thoại Mỹ trở thành một người "đặc biệt" của làng cải lương: đào nhì mà vẫn nổi tiếng, đào nhì mà khó ai có thể thay thế! Thậm chí trong một số vở, người ta còn nói đùa đào nhì Thoại Mỹ...

"giết" đào chính vì diễn xuất có thần của cô làm mờ đi vị trí của sao!

Năm, sáu năm gần đây, từ đào nhì Thoại Mỹ đường hoàng bước lên vị trí đào chánh với nhiều vai: Thái Bình công chúa trong vở *Thái Bình công chúa*, vai Võ Tắc Thiên trong vở *Võ Tắc Thiên*, vai Hương trong vở *Nửa đời hương phấn*, vai nàng Én trong vở *Người đẹp đến Tiền Châu*, vai Phượng trong vở *Rồng phượng*…

Là đào chánh rồi mà Thoại Mỹ vẫn còn "vương vấn" với thời đào nhì, có lẽ nó "vận" vào cô quá lâu nên cô đã quen hủ hỉ, vui buồn cùng nó. Cô thật thà tự nhận thích đóng những vai này vì thường có tâm lý phức tạp, nhiều đất diễn. Kinh nghiệm làm đào nhì cũng khiến Thoại Mỹ có thể hóa thân vào nhiều tính cách khác nhau chứ không đóng khung ở một dạng vai nào cả.

Chinh Nhân

Chinh Nhân - Nguyễn Ngọc Thâu (1970-2016)

Nghệ sĩ Chinh Nhân tên thật là Nguyễn Ngọc Thâu, sanh ngày 01 tháng 4 năm 1970, con của hai nghệ sĩ tuồng cổ tài danh Đức Lợi và Bạch Mai.

Nhắc đến hai nghệ sĩ Đức Lợi và Bạch Mai, khán giả ái mộ cải lương tuồng cổ chắc chưa quên đại gia đình nghệ sĩ cải lương tuồng cổ nầy. Hai nghệ sĩ tiền phong cải lương tuồng cổ Bảy Huỳnh và Ngọc Hương nổi danh. Trong thập niên 1960, đứng ra thành lập gánh hát Thanh Bình – Kim Mai, hát cải lương tuồng cổ ở rạp hát đình Cầu Muối.

Sau năm 1975, Bà Bảy Hương đứng ra thành lập gánh hát Huỳnh Long, một thời nổi danh có nhiều nghệ sĩ giỏi, tuồng hay. Hai đoàn hát Huỳnh Long và Minh Tơ là hai đoàn hát ăn khách nhất từ năm 1976 đến năm 1996.

Ông bà Bảy Hương có được 6 người con nghệ sĩ tài danh : Bạch Mai, Thanh Bạch, Bạch Lan, Trung Ảnh, Kim Phượng, Bạch Nga . và có các con rể cũng là nghệ sĩ tài danh như Đức Lợi, Minh Long và cô dâu là nữ nghệ sĩ Bạch Lê.

Khi Nguyễn Ngọc Thâu lớn lên thì tình hình sân khấu sa sút, gánh hát Huỳnh Long của bà ngoại bị tập thể hóa, do đó Bạch Mai và Đức Lợi đi hát các đoàn ở tỉnh để kiếm sống. Có một lúc Bạch Mai và Đức Lợi vay tiền lãi nặng để lập gánh hát, mong phục hồi những ngày thịnh vượng cũ của đoàn Huỳnh Long, nhưng rồi thua lổ đến nổi phải chạy ra Vũng Tàu để trốn nợ và ca cổ nhạc trong các quán nghệ sĩ để kiếm sống qua ngày.

Chính vì Đức Lợi và Bạch Mai thấy nghề hát cải lương khó có cơ hồi tìm lại thời hoàng kim cũ, cuộc sống của nghệ sĩ lâm vào cảnh khó khăn nên họ đã quyết định không cho con cái theo nghề hát nữa. Đức Lợi cho Thâu đi học sửa xe gắn máy. Tuy nhiên dòng máu nghệ sĩ di truyền trong người lúc nào cũng thôi thúc, Thâu tuy đi học sửa xe gắng máy nhưng cậu ta cũng học ca cổ nhạc và học nhanh chóng hơn những bạn đồng lứa.

Có lẽ lời ca ý nhạc, âm điệu cổ nhạc đã thẩm thấu vào tâm hồn Thâu, vì từ khi sơ sinh đến khi lớn lên, Thâu được sống cùng

cha mẹ trong đoàn hát. Thâu xin theo thầy Bạch Long học hát trong lớp đồng ấu Bạch Long, cùng chung khóa với Kim Tử Long, Tú Sương, Trinh Trinh.

Thâu được cha mẹ đặt cho nghệ danh là Chinh Nhân. Chinh Nhân nhờ thầy Bạch Long và cha mẹ Bạch Mai - Đức Lợi chỉ dạy, nên Thâu có vũ đạo sân khấu thật là đẹp, sắc vóc đẹp trai, giọng ca cổ nhạc và hồ quảng được kể là trên mức trung bình.

Năm 1997, nghệ sĩ Chinh Nhân đoạt huy chương vàng giải Trần Hữu Trang với vai An Dương Vương trong tuồng *Trọng Thủy - Mỵ Châu*.. Ngoài đoàn hát Huỳnh Long, Chinh Nhân có một thời gian đi hát cho các đoàn hát ở tỉnh để kiếm sống. Anh hát ở đoàn Sông Bé 2 và tại đây anh với nữ nghệ sĩ Bảo Ngọc yêu nhau, đi đến hôn nhơn. Nữ nghệ sĩ Bảo Ngọc cũng là một nghệ sĩ con nhà nòi, cha là nghệ sĩ Thanh Phú, mẹ là nữ nghệ sĩ Lan Hương. Hai nghệ sĩ Thanh Phú và Lan Hương từng nổi danh trên các sân khấu Hương Mùa Thu, Trần Hữu Trang.

Nghệ sĩ Chinh Nhân thành công trong các vai võ tướng, được khán giả ái mộ qua các tuồng *Trọng Thủy Mỵ Châu, Kim Hồ Điệp, Quan Công Đại chiến Bàng Đức, Thất Hiền Quyến, San Hà Xã Tắc, Giang Sơn và Mỹ Nhân, Lưu Kim Đính Giải Giá Thọ Châu*. Chinh Nhân cũng hát được những vai khó của các nghệ sĩ bực thầy Thanh Tòng, Trường Sơn, Minh Long như vai Lý Đạo Thành, vai Tô Hiến Thành trên các chương trình truyền hình.

Chinh Nhân và Bảo Ngọc có với nhau một con trai, đó là bé Ngọc Cương – từng đóng vai bé Sang trong vở *Lá sầu riêng* của Kim Cương, khi tác phẩm này được chuyển sang cải lương, do Sân khấu Vàng dàn dựng năm 2007..

Không hiểu do nguyên nhân nào, gia đình Chinh Nhân và Bảo Ngọc gãy đổ. Nghệ sĩ Chinh Nhân đeo đuổi theo nghiệp cầm ca trên sân khấu các rạp hát. Nữ nghệ sĩ Bảo Ngọc im hơi lắng

tiếng một thời gian. Sau đó Bảo Ngọc đứng ra lập quán nghệ sĩ ở đường Nguyễn Biểu.

Quán nghệ sĩ của Bảo Ngọc nổi tiếng có nhiều món nhậu ngon, giá phải chăng và chương trình ca hát tập hợp được nhiều nghệ sĩ tài danh, ca hát rất hay và đúng theo nghề nghiệp đàn ca tài tử cổ nhạc. Vào các dịp giỗ Tổ mỗi năm, quán nghệ sĩ của Bảo Ngọc tập trung nhiều nghệ sĩ của các đoàn hát Kim Chung cũ đến đờn ca nên được thực khách và nghệ sĩ đến tham gia đông đảo.

Với 15 năm đi hát, nghệ sĩ Chinh Nhân đã tích lũy nhiều vốn liếng nghệ thuật. Anh đã đi hát nhiều đoàn ở tỉnh, thậm chí đi hát cải lương trích đoạn hoặc ca cổ ở các tổ chức Hội Chợ có ca nhạc để kiếm sống và thực hiện ý nguyện được hát cải lương. Trong những dịp nầy, nghệ sĩ Chinh Nhân gặp được người yêu là nghệ sĩ Cát Tuyền.

Nghệ sĩ Cát Tuyền là một nghệ sĩ chuyển đổi giới tính, nên Chinh Nhân và Cát Tuyền dự định tổ chức hôn lễ thì gặp rắc rối về thủ tục giấy tờ. Tuy nhiên hai người ý hợp tâm đầu,

Chinh Nhân và Cát Tuyền bỏ vốn ra thực hiện chương trình hát tuồng cổ - *Giữ Mãi Cội Nguồn* ở rạp hát Hưng Đạo với hy vọng là qua chương trình *Giữ Mãi Cội Nguồn*, nghệ sĩ Chinh Nhân và Cát Tuyền sẽ hát những vở tuồng một thời nổi tiếng của đoàn hát Huỳnh Long. Qua đó anh sẽ làm cho khán giả thích trở lại rạp hát, xem hát như trong thời hoàng kim của cải lương để cho nghệ sĩ cải lương có thể đường hoàng kiếm sống được với nghề hát cải lương.

Nghệ sĩ Chinh Nhân còn nuôi cao vọng dựng lại đoàn hát Huỳnh Long của ông bà ngoại và qua việc tổ chức hát thường xuyên. Chinh Nhân góp phần với các nghệ sĩ có giọng ca vàng thực sự vực dậy nghệ thuật cải lương, từng bước phục hồi thời hoàng kim của sân khấu cải lương.

Một nghệ sĩ trẻ, lớn lên giữa một thời kỳ mà nghệ thuật cải lương sa sút đến thảm hại, vậy mà vẫn giữ tâm ý muốn làm phục hồi lại cái thời vàng son của sân khấu cải lương. Trước nhứt, nghệ sĩ Chinh Nhân nhớ lại những thành công huy hoàng của ông bà ngoại: hai nghệ sĩ tiền phong Bảy Huỳnh và Ngọc Hương,

Chinh Nhân cũng rất hãnh diện với tài năng và thành tựu của ba mẹ em là hai nghệ sĩ tài danh Bạch Mai và Đức Lợi. Nghệ sĩ Chinh Nhân tin tưởng tuyệt đối là nghệ thuật cải lương không thể chết, nhất là nghệ thuật hát tuồng cổ vẫn được đông đảo khán giả ưa thích.

Chinh Nhân là nam nghệ sĩ đầu tiên thành hôn với ca sĩ chuyển giới Cát Tuyền. Tuy nhiên chỉ sau vài năm họ đã chia tay, vì áp lực gia đình và xã hội. Sau đó, Cát Tuyền định cư tại Mỹ.

Nghệ sĩ Chinh Nhân qua đời ngày 28 tháng Giêng năm 2016, sau thời gian chống chọi với căn bệnh viêm phổi cấp tính. Thọ 46 tuổi.

Cẩm Tiên

Cẩm Tiên – Võ Thị Cẩm Tiên (1970-20)

Nghệ sĩ Cẩm Tiên tên thật là Võ Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 4 tháng Giêng năm 1970 tại Sàigòn. Thân phụ là Võ Văn Mười

và th ân mẩu là bà Lê Thanh Xương.Anh của Cẩm Tiên tên Võ Hiệp là nhạc sĩ organ đoàn Trần Hữu Trang,và em trai Võ Thành Nhàn, nhạc sĩ guitatre cổ nhạc đoàn cải lương Hương Bưởi, chỉ có cô em út của Cẩm Tiên là Võ thị Cát Tiên làm nghề uốn tóc.

Sau năm 1975, cô cùng với gia đình chuyển về sinh sống tại quê nhà ở huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh. Tại đây, cô theo học ở trường phổ thông trung học Gò Dầu. Ngay từ nhỏ, Cẩm Tiên đã được cha mẹ dạy ca vọng cổ và thường được theo cha đi đờn ca tài tử.

Năm 1977 khi đó cô mới 7 tuổi khi được cha dẫn đến thăm đoàn cải lương Tây Ninh cô đã ca hai bài vọng cổ *Rẽ mạ đầu mùa* và *Hoa Tím Bằng Lăng*, được khán giả nhiệt liệt tán thưởng. Sau đó cô tiếp tục theo học văn hóa đến hết trung học phổ thông. Khi còn học ở trường cô giành được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ ở trường và ở địa phương.

Đến năm 1978, cô thi đậu vào trường Đại học sư phạm, sau đó cô được người bạn của cha là nhạc sĩ Minh Hữu và nghệ sĩ Châu Thanh khuyến khích Cẩm Tiên theo nghề hát. Cô đã bỏ sự nghiệp trước mắt là trở thành một cô giáo dạy học mà theo chân nghệ sĩ Châu Thanh gia nhập vào đoàn hát Trung Hiếu và theo đoàn đi lưu diễn khắp miền Trung và miền Bắc. Cẩm Tiên hát thành công vai hát đầu tiên trong đời sân khấu của cô, và được soạn giả và các nghệ sĩ ủng hộ ; cô liên tiếp thành công một cách xuất sắc qua các vai diễn đào nhì sau đào chánh Phượng Hằng như vai Hường trong tuồng *Vụ Án Mã Ngưu*, vai Dung trong tuồng *Đồng Tiền Đẫm Máu*,...

Năm 1989, sau khi được ông bầu Hề Sa của đoàn hát Hoa Hồng mời về biểu diễn các vai chánh qua các vở tuồng *17 Năm Trường Hận, Kiếm Sĩ Dơi*; với giọng ca dài hơi, ngọt ngào và điêu luyện Cẩm Tiên đã thu hút một lượng lớn khán giả. Sau

đó, cô được các ông bà bầu các gánh hát tranh nhau mời Cẩm Tiên về cộng tác với mức lương càng ngày càng cao.

Năm 1990, Cẩm Tiên về đoàn Sông Hậu, hát các vở tuồng *Công Chúa Tóc Vàng, Đường Gươm Nguyên Bá, Lan Và Điệp*.

Năm 1995, Cẩm Tiên đoạt huy chương vàng giải Trần Hữu Trang sau đó đến năm 2005, cô giành huy chương vàng hội diễn sân khấu cải lương toàn quốc.

Từ năm 1992. Cẩm Tiên có thêm một nghề tay trái là Phó Giám Đốc Công ty xử lý môi trường, trực tiếp ký những hợp đồng xử lý nguồn nước dùng bị nhiễm phèn tại các vùng sâu, vùng xa của tỉnh Cà Mau đồng thời cô vẫn tiếp tục đi diễn.

Cô kết hôn với một doanh nhân người Việt Kiều, hiện nay cô đang sống cùng chồng và hai con tại Mỹ.

Cẩm Tiên vẫn tham gia hát cải lương mỗi khi Cộng đồng người Việt tại tiểu bang của cô tổ chức. Khi có dịp về Việt Nam, cô tham gia các xuất hát gây qủy từ thiện giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt.

Ngọc Huyền

Ngọc Huyền - Vũ Hà Ngọc Huyền (1970-20 ..)

Nghệ sĩ Ngọc Huyền tên thật là Vũ Hà Ngọc Huyền sinh ngày 28 tháng 6 năm 1970 tại Sàigòn. Song thân cô là người miền Bắc di cư vào Nam năm 1954. Thân phụ cô là kiến trúc sư gốc Hà Nội, và thân mẫu cô theo nghề buôn bán nguyên quán ở Hà Tây.

Ngọc Huyền chính thức bước vào nghề rất sớm, cô bước lên sân khấu từ khi 14 tuổi trong vở *Tấm Cám*. Do ảnh hưởng từ bố mẹ và người bác gái đều là những người yêu thích bộ môn cải lương. Những vở tuồn cải lương được nghe trong gia đình đã sớm thấm vào đầu ốc non nớt của Ngọc Huyền để cô đã sớm cất tiếng hát theo những nghệ sĩ nỗi tiếng.

Năm 1985, Ngọc Huyền hát trên sân khấu Thanh Nga vở tuồng đầu tiên là *Những đêm trăn trở.*

Từ 1985 đến năm 1989, Ngọc Huyền được học cách hát tuồng Tàu qua các vở tuồng kinh điển. Sau khi gia nhập đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, cô được các nghệ sĩ đào tạo hát Hồ Quảng, rồi tiếp tục được các nghệ sĩ có tiếng khác trong lĩnh vực trình diễn sân khấu đào tạo. Cô diễn thành công nhiều loại tuồng, từ tuồng cổ, Hồ Quảng đến các vở ca kịch xã hội hiện đại.

Năm 1992, từ lĩnh vực cải lương, cô tham gia sang lĩnh vực ca nhạc, điện ảnh.

Ngọc Huyền từng là diễn viên xuất hiện nhiều nhất trong các chương trình băng đĩa trong nước và được khán giả ái mộ gọi cô là "Nữ hoàng chi bảo vidéo", là nghệ sĩ trẻ nhất miền Nam trong lĩnh vực cải lương được trao tặng danh hiệu nghệ sĩ ưu tú vào năm 2001. Tháng 12 năm 2002, cô còn tổ chức liveshow *Mãi mãi ước mơ* tại Nhà hát Hoà Bình ở Tp. HCM trong 3 đêm liền, thu hút hơn 5.000 khán giả tham dự. Giáo sư Trần Văn Khê nhận xét:

"*Qua chương trình này, cải lương đã bứt phá ra ngoài những khuôn mẫu cũ để tiếp cận với giới trẻ bằng hơi thở, nhịp sống của thời đại nhưng vẫn giữ được chất mộc mạc, truyền cảm, trữ tình của sân khấu truyền thống.* "

Sau một thời gian bay show qua Mỹ bằng con đường du lịch và ngụ tại nhà ca sĩ Thanh Tuyền. Năm 2002, Ngọc Huyền quyết định tiến tới hôn nhân với Don Nguyễn - con trai Thanh Tuyền, một sĩ quan Không quân trong quân lực Hoa Kỳ. Sau khi kết hôn, Ngọc Huyền sang Mỹ định cư. Sau đó cô chuyển sang lĩnh vực ca tân nhạc, tân cổ giao duyên và phát hành DVD những trích đoạn Hồ Quảng *Tứ đại Mỹ Nhân*, giành được sự yêu mến của khán thính giả hải ngoại.

Tháng 8 năm 2010, Ngọc Huyền tổ chức liveshow tại Dallas, mang tên *Giữ Mãi Tình Yêu* kỷ niệm 25 năm ca hát, với hai suất diễn trong cùng một ngày, do Trung tâm Asia thu hình và phát hành thành DVD.

Tại Dallas, Ngọc Huyền cũng đào tạo một số người hâm mộ cải lương để trở thành những nghệ sĩ cải lương, ngõ hầu giữ được mạch sống cải lương nơi hải ngoại.

Thanh Ngân

Thanh Ngân - Nguyễn Thị Ngà (1972-20 ..)

Nghệ sĩ Thanh Ngân tên thật là Nguyễn Thị Ngà, sanh ngày 24 tháng 12 năm 1972, tại tỉnh Tiền Giang. Cô là con gái út của nghệ sĩ Hoài Châu – Kim Hoa, thuộc về thế hệ thứ tư trong đại gia đình nghệ sĩ tài danh có 4 đời theo nghề hát từ thập niên 1930 đến nay. Ông Hai Nuôi, bầu gánh hát Tân Hí Ban, thuộc trường phái kiếm hiệp Mộng Vân, ông Hai Nuôi là ông cố của nữ nghệ sĩ Thanh Hằng và Thanh Ngân. Các diễn viên Hề Ty, Ba Tẹt là ông cậu, nữ diễn viên tiền phong Tư Hélène là bà ngoại, kép chánh Hai Long là ông ngoại của Thanh Ngân. Gia đình của Thanh Ngân có bốn người con gái tài sắc đều là diễn viên sân khấu: Thanh Hằng, Ngân Huỳnh, Thanh Ngọc, Thanh Ngân.

Ngay từ khi lên 3 tuổi, dù ngọng líu, ngọng lô nhưng cô bé đã bập bẹ bắt chước bà và mẹ trong những lúc mọi người tập tuồng. Thông minh, lanh lợi, nên bé Ngân học lóm rất nhanh. Có một dịp, Ngân được theo bà ngoại sang nhà nghệ sĩ Phùng Há chơi, khi nghe bà kêu biểu diễn thử, bé đã không ngần ngại, mạnh dạn chạy ra giữa nhà vừa ca cải lương vừa làm những điệu bộ minh họa, mọi người khi đó không ai nhịn được cười và ai cũng thầm nghĩ rằng sau này Ngân sẽ là một nghệ sĩ cải lương có tài.

Lớn lên trong niềm đam mê sân khấu, ước mình sẽ trở thành một nghệ sĩ tài danh được nhiều người yêu mến, nhưng bên cạnh niềm đam mê lớn lao đó, Thanh Ngân còn ấp ủ cho mình một ước mơ khác: sẽ trở thành một Luật sư giỏi, đem công bằng đến cho mọi người, cho xã hội. Chính vì thế mà Thanh Ngân rất chăm học và năm nào cô cũng đạt danh hiệu học sinh khá, giỏi của lớp.

Từ lúc còn ấu thơ, Thanh Ngân đã theo cha mẹ là cập nghệ sĩ Hoài Châu và Kim Hoa, lưu diễn qua các đoàn hát Tiền Giang, đoàn Hậu Giang, đoàn Cà Mau, đoàn sông Hương (Huế), đoàn Sàigon 1, đoàn Trần Hữu Trang, đoàn Minh Tơ, đoàn Huỳnh Long.

Thanh Ngân lớn dần theo dấu chân lăn lộn của cô qua các gánh hát từ miền Tây, miền Đông tới các tỉnh miền Trung, miền Bắc, cho tới khi Thanh Ngân được về nhà hát Trần Hữu Trang thì Thanh Ngân đã là một nghệ sĩ khá vững tay nghề, giọng ca điêu luyện, ngọt ngào và lối diễn xuất đã đạt được những chuẩn mực trong nghề hát.

Thanh Ngân bắt đầu đến với sân khấu cải lương khi cô vừa tròn 18 tuổi. Theo các đoàn hát như Hương Tràm, Hương Bưởi, Minh Tơ... đi diễn khắp các tỉnh, khó khăn, vất vả trăm bề đối với một cô gái nhỏ nhắn, yếu ớt như Ngân. Nhưng cũng chính từ đó Thanh Ngân mới thấy rằng cô không thể dứt "cái nghiệp" này ra được và thấy mình cần phải phấn đấu hơn nữa để khẳng định tài năng của mình. Có những lúc quá khó khăn, cô cảm thấy bi quan, chán nản nhưng rồi ý chí sắt đá đã giúp Thanh Ngân vượt qua tất cả để có ngày hôm nay.

Nữ nghệ sĩ Thanh Ngân thuộc về loại đào đẹp, thật khó mà cầm lòng trước nét tươi tắn duyên dáng kỳ lạ trong nụ cười của Thanh Ngân. Thanh Ngân được khán giả cho là hậu duệ của cố nữ nghệ sĩ Thanh Nga. Thanh Ngân có một mái tóc dài đen tuyền như mái tóc của Thanh Nga ngày xưa, nét mặt xinh đẹp một cách thanh tú, nước da trắng hồng, đôi mắt long lanh gợi cảm, miệng cười có đôi má núng đồng tiền, Thanh Ngân toát lên được vẻ nữ tính dịu dàng khả ái trong dáng đi, điệu đứng, từ trong giọng nói tiếng cười, cô gái tuyệt sắc Thanh Ngân thành công dễ dàng khi cô xuất hiện lần đầu trên sân khấu.

Nữ nghệ sĩ Thanh Ngân là đào đẹp, được khán giả cho là hậu duệ của cố nữ nghệ sĩ Thanh Nga khi cô xuất hiện lần đầu trên sân khấu trong các tuồng dã sử, tuồng Tàu, với y phục cổ trang như *Thái Hậu Dương Vân Nga, Bên cầu dệt lụa, Tiếng trống Mê Linh…*

Cô có được diễm phúc ít nữ diễn viên nào đạt được là luôn tìm được bạn diễn nam phù hợp từng vai tuồng, đặc biệt cặp diễn

viên Kim Tiểu Long và Thanh Ngân là cặp diễn viên được khán giả và báo chí kịch đánh giá là cặp đôi Kim đồng, Ngọc nữ trên sân khấu.

Những vở cải lương Thanh Ngân đã tham gia trình diễn: *Nhụy Kiều tướng quân, Tiếng trống Mê Linh, Thái Hậu Dương Vân Nga, Bên cầu dệt lụa.*

Thanh Ngân hôm nay là ngôi sao sáng trên vườn trời cổ nhạc. Nhưng Thanh Ngân lúc nào cũng ví mình như vì sao nhỏ trong muôn ngàn vì sao khác. Thanh Ngân luôn luôn cố gắng trao dồi và học hỏi thêm nghệ thuật cải lương; với niềm hy vọng góp một phần nào đó để có thể bảo tồn nền văn hóa nghệ thuật dân tộc cho những thế hệ sau.

Kim Tiểu Long

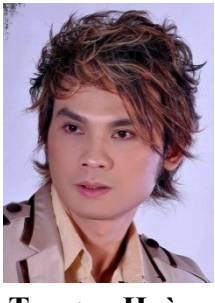

Kim Tiểu Long - Trương Hoàng Kép (1975-20 ..)

Nghệ sĩ Kim Tiểu Long sanh ngày 01 tháng 5 năm 1975, tại quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Anh là con trai út trong gia đình có 7 anh chị em. Cha của anh là một nông dân, thích đàn ca tài tử nên thường vắng nhà. Khi mẹ anh sanh người con gái thứ năm, vì cha anh vắng nhà, mẹ giận đặt tên con là con đào, ngụ ý trách là ông mê ca hát, mê đào kép mà vắng nhà luôn. Vì vậy khi mẹ anh sanh ra anh, mẹ đặt luôn tên là Kép và đứa con gái sau rốt, đặt tên là Đào Em.

Cái tên Trương Hoàng Kép phải chăng là định mệnh đã an bài? Anh Kép học ở trường làng nhưng anh thừa hưởng tính văn nghệ di truyền của cha nên học chữ thì không xuất sắc, nhưng các bài ca cải lương trong radio phát thanh thì anh Kép lại thuộc nằm lòng…

Bước ngoặt tình cờ đã thay đổi cuộc đời của Trương Hoàng Kép, anh theo cha ra miền Trung thăm một người anh ruột là Châu Tuấn, đang là diễn viên của đoàn cải lương La Ngà. đêm nào anh Kép cũng ngồi bên cánh gà, xem anh mình diễn nên Kép thích thú. Khi cha về, bỏ Kép ở lại với anh Châu Tuấn để học nghề hát. Kép được anh Châu Tuấn dạy ca, dạy diễn và thỉnh thoảng được cho ra làm quân sĩ trên sân khấu, chỉ là la ó rồi chạy qua chạy lại, đánh kiếm lăng nhăng vậy thôi.

Nhưng ngày đầu tiên ra làm quân sĩ thì Kép cũng run, cũng hồi hộp như sắp đóng một vai tuồng nào lớn vậy. Kép cũng không nề hà cực khổ, sẵn lòng giúp việc khuân vác dàn cảnh nên được ông bầu và các diễn viên trong đoàn hát La Ngà ưa thích. Nhân có vai chú tiểu trong tuồng Lan và Điệp bịnh, Kép được ra hát thế vai đó và được đặt cho nghệ danh là Châu Kiệt.

Sau đoàn hát La Ngà, Châu Kiệt đi theo đoàn Tiếng hát Vương Linh ở miền Trung, rồi về thành phố, Châu Kiệt đổi tên là Tiểu Long, đi ca ở các quán nghệ sĩ một thời gian. Ở đây Tiểu Long gặp thần tượng của anh là Kim Tử Long, Tiểu Long xin theo làm "em nuôi", được KimTử Long đặt nghệ danh lại cho là Kim Tiểu Long.

Kim Tiểu Long vụt sáng khi anh đóng tuồng có Thanh Ngân bên cạnh. Lúc vào tuồng *Gió bấc lạnh lùng*, Kim Tiểu Long và Thanh Ngân trong vai hai anh em, người xem vidéo cứ tiếc mãi. Sao lại hai anh em mà không phải là hai người tình? Xứng đào xứng kép quá, hình ảnh của cặp diễn viên tài danh Năm Châu Phùng Há trong tuồng *Vợ và Tình*, hình ảnh Thành được - Thanh Nga trong tuồng *Bọt Biển*, tuồng *Chuyện Tình 17*, là

những hình ảnh đẹp đôi của hai diễn viên thinh sắc lưởng toàn của sân khấu cải lương mấy chục năm trước,

Sau đó Kim Tiểu Long và Thanh Ngân xuất hiện trong những cặp tình yêu lý tưởng. Dù Kim Tiểu Long thủ diễn vai một người thanh niên sang trọng hay trong vai kẻ tù đày trong tuồng *Mùa Thu trong mắt mẹ*, Kim Tiểu Long vẫn nỗi bật một cách nồng nàn đầy nam tính nhưng lời ca tiếng hát thì lại nghe êm êm như mơn trớn như vuốt ve. Kim Tiểu Long có một mái tóc bồng bềnh vừa ngổ ngáo vừa ngây thơ, nhất là đôi lông mày dài gần chạm đến mái tóc mai khiến cho Kim Tiểu Long đẹp một cách mạnh mẽ và sang trọng, anh hát chung với Thanh Ngân, khán giả đã phải trầm trồ và không ngớt lời khen là cả hai Kim Tiểu Long và Thanh Ngân là một đôi tiên đồng ngọc nữ vừa xuất hiện trên vòm trời nghệ thuật.

Người ta nhắc mãi hai diễn viên Năm Phỉ - Bảy Nhiêu, Năm Châu - Phùng Há, Thành được - Thanh Nga, Hùng Cường - Bạch Tuyết, Minh Vương - Lệ Thủy, Vũ Linh - Tài Linh là những đôi uyên ương gắn bó với nhau hơn 30 năm trời trên sân khấu, đó là sự hòa điệu tuyệt vời trong chất giọng, điệu hát và sắc đẹp nam thanh nữ tú, người quốc sắc kẻ thiên tài.

Thế nên khi Kim Tiểu Long và Thanh Ngân xuất hiện, sân khấu cải lương xôn xao, mừng vui và phấn khởi. Mọi người hy vọng Kim Tiểu Long và Thanh Ngân, hiện thân của cái đẹp cổ điển, của mày ngài mắt phụng, của vóc dáng cao ráo sang trọng, sẽ là những hình ảnh thinh sắc lưởng toàn, có sức hút mãnh liệt làm cho sân khấu cải lương tìm lại được những ngày huy hoàng cũ, đó là những ngày xưa, mà khán giả đã chen chúc nhau mua vé hát xem các vở tuồng có Thanh Nga và Thành Được, hoặc Hùng Cường và Bạch Tuyết, Minh Vương và Lệ Thủy hay Vũ Linh và Tài Linh….

Người ta có đặt câu hỏi với Kim Tiểu Long về Thanh Ngân. Kim Tiểu Long đã trả lời: *"Lúc nào tôi cũng thương, cũng quý*

Thanh Ngân hết. Cô ấy từng là người tình trên sân khấu và người vợ trong cuộc đời. Đó là quá khứ đẹp mà tôi luôn trân quý. Dẫu duyên vợ chồng có ngắn ngủi thì tôi cũng không quên thời hoa mộng ấy."

Sau nầy Kim Tiểu Long kết hôn với Bảo Bảo, gia đình anh hạnh phúc với cậu con trai trên đất nước Hoa Kỳ. Năm 2016, trong cuộc phỏng vấn, Kim Tiểu Long đã trải lòng: Đúng là tôi hạnh phúc vì có một mái ấm gia đình tại Mỹ, nơi có đứa con trai tên Trương Bảo Phước rất dễ thương. Cháu lớn lên từng ngày, kháu khỉnh và ngoan hiền. Nhưng rất buồn vì gần 10 năm qua tôi chưa gặp lại con trai chung với người vợ cũ của mình tên Tiểu Long Nhi. Do hận chồng, mẹ của cháu đã tách tôi khỏi con mình. Nhưng tôi tin rằng lá rụng sẽ về cội, rồi con tôi lớn khôn sẽ biết cha của nó là ai và tìm về.

Tú Sương

Tú Sương - Lê Tú Sương (1977-20 ..)

Tú Sương tên thật là Lê Tú Sương, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1977, là con gái thứ 3 của đôi vợ chồng nghệ sĩ tuồng cổ Trường Sơn - Thanh Loan. Chị cả Ngọc Trinh và em gái Lê Thanh Thảo của cô cũng đều theo nghề hát. 3 chị em cô là hậu duệ 5 đời của nghệ nhân hát bội Vĩnh - Xuân, cháu cố của nghệ

sĩ tài danh Bầu Thắng, cháu ngoại của nghệ sĩ bậc thầy Minh Tơ - Bảy Sự, cháu nội của nghệ nhân đánh trống Bảy Đực.

Do sinh trưởng trong một gia đình nhiều đời theo nghiệp nghệ sĩ, sinh hoạt trong môi trường diễn xuất, từ năm 4 tuổi, cô bắt đầu học thuộc từng câu thoại của cha mẹ trong các trích đoạn cải lương. Cô thường xuyên cùng bạn hữu trong xóm trốn ra đình rồi bắt chước người lớn diễn tuồng. Nhờ đó, cô được các nghệ sĩ trong đoàn phát hiện tài năng và cho tham gia đi theo đoàn hát lưu diễn.

Năm 1990, cô tham gia nhóm Đồng ấu Bạch Long do nghệ sĩ Bạch Long tổ chức và nhanh chóng được giao hát các vai chính trong các vở tuồng của sân khấu thiếu nhi này như: Chú ngựa bạch và Củ cải khổng lồ, Cóc kiện trời... Năm 1992, nghệ sĩ trẻ Vũ Luân tham gia nhóm Đồng ấu Bạch Long và trở thành bạn diễn ăn ý nhất với cô cho đến tận ngày nay.

Năm 1994, sau khi nhóm Đồng ấu Bạch Long giải thể, cô được Đoàn tuồng cổ Minh Tơ mời về hát chính trong một số vở như *Oan oan tình,...,* khi vừa tròn 17 tuổi, diễn xuất chung với các nghệ sĩ tiền bối như Ánh Tuyết, Hoàng Tuấn...

Năm 1995, cô đoạt Huy chương vàng giải Triển vọng của Giải thưởng Trần Hữu Trang cùng với Cẩm Tiên, Phượng Ngân, Trinh Trinh.

Những năm sau này, cô hoạt động liên tục trên sân khấu Nhà hát Trần Hữu Trang, xuất hiện trong các vở *Đêm phán xét, Ra Giêng anh cưới em*…… cũng như thu video nhiều tuồng cải lương…….

Hiện nay, Tú Sương đang là đào chánh của Đoàn Thắp sáng Niềm tin – trực thuộc Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang. Cô đã hát qua các vở: *Hoa Vương Tình Mộng, Phước Lộc Thọ, Máu nhuộm sân chùa, Đứa con họ Triệu...* Đặc biệt với vai

Trần Thị Dung trong vở cải lương lịch sử *Dấu Ấn Giao Thời*, Tú Sương đã đoạt Huy chương vàng tại Hội diễn Sân khấu Cải lương Chuyên nghiệp Toàn quốc năm 2009.

Song song đó, cô còn cộng tác với Nhóm xã hội hóa của nghệ sĩ Vũ Luân và hát chánh với Vũ Luân trong các vở *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài, Võ Tắc Thiên và Thái Bình công chúa,…*

Các vai diễn nổi bật của Tú Sương là vai Chúc Anh Đài trong vở tu ồng *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài,* diễn chung với Vũ Luân.

Các danh hiệu, giải thưởng Tú Sương đã đạt được:

- Nghệ sĩ Ưu tú năm 2015

- Huy chương vàng Triển vọng Giải thưởng Trần Hữu Trang năm 1995.

- Giải Diễn viên Tài sắc, do báo Sân khấu Thành phố tổ chức, năm 2004

- Giải Mai Vàng, do báo Người Lao động tổ chức, năm 2004

- Giải Tài năng Trẻ toàn quốc, do Cục Nghệ thuật Biểu diễn tổ chức, năm 2007.

- Huy chương vàng Hội diễn Sân khấu Cải lương Chuyên nghiệp toàn quốc năm 2009.

Nghệ sĩ Tú Sương kết hôn và làm mẹ khi mới 23 tuổi, nhưng cũng trở thành người mẹ đơn thân khi còn rất trẻ. Chị có hai người con gái là Hồng Quyên sinh năm 1999 và Tú Quyên sinh năm 2002.

Lê Thanh Quang một Việt kiều Mỹ và Tú Sương đã từng có mối tình đẹp, nhưng sau đó, anh theo gia đình sang Mỹ định cư, hai anh chị mất liên lạc. Sau đó nghe tin Tú Sương có chồng thì Lê Thanh Quang buồn khổ, bị tai nạn ô tô. Sau đó, gia đình khuyên nhủ nên anh quên mối tình cũ và lập gia đình. Nhưng cả hai đều không hạnh phúc trong hôn nhân, đầu năm 2013 họ tái hợp và kết hôn với nhau.

Bình Tinh

Bình Tinh - Huỳnh Ngọc Trinh (1981-20 ..)

Nghệ sĩ Bình Tinh tên thật là Huỳnh Ngọc Trinh, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1981, là con gái của nghệ sĩ Đức Lợi và Bạch Mai, trong đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, là cháu ngoại của Bầu Bảy Huỳnh - Ngọc Hương.

Bình Tinh được đứng trên sân khấu khi chị mới 4 tuổi, vai diễn đầu tiên của chị đó là "vai gà con", gà con ra sân khấu chẳng nói một lời nào, chỉ quay mấy vòng rồi lăn ra chết. Khi lớn hơn một chút, chị cùng Linh Tý tham gia vở diễn "*Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài*", cả hai đã quậy tung sàn diễn làm khán giả cười nghiêng ngả.

Tuy cha mẹ đều là người theo nghề nhưng không ai dạy Bình Tinh cách diễn vì họ không muốn chị bị ảnh hưởng bởi nét diễn của họ. Bình Tinh học được nhiều từ thầy Bạch Long, thầy chỉ dạy nhiệt tình, uốn nắn, bảo ban Bình Tinh trong từng

động tác vũ đạo, bước đi hay trong từng cái liếc mắt trên sân khấu.

Với các vai kép Bàng Đức trong Q*uan Công đại chiến Bàng Đức*,Triệu Lân trong *Long Lân Quy Phụng,* hay quận chúa Phi Loan trong *Sở Vân cưới vợ*, Bình Tinh đã chứng minh cho khán giả thấy chị có một lối diễn sâu và đa dạng. Bình Tinh cũng tỏa sáng với nhiều vai đào có tính cách khác biệt nhau trong các vở diễn như: Mộc Quế Anh, Ngũ Tiểu Thanh, Võ Tắc Thiên, Đào Tam Xuân, Phi Giao, Thái Bình công chúa...

Nhưng khi cô lớn lên, cải lương bắt đầu suy thoái nên không còn cơ hội tỏa sáng. Sau này ba mất, lại thêm anh trai qua đời, mẹ vào chùa lánh nạn nên một mình Bình Tinh gồng gánh đoàn cải lương Huỳnh Long để các bậc cha chú có miếng cơm ở tuổi xế chiều.

Trong một lần diễn ở đình Thắng Tam - Vũng Tàu, Bình Tinh được diễn chung cùng cha - Nghệ sĩ Đức Lợi trong vở diễn *Na Tra* . Sau đó vài tháng, nghệ sĩ Đức Lợi qua đời trong một tai nạn sau đêm diễn ở rạp Hưng Đạo. Trước khi bị tai nạn, Đức Lợi đã gọi Bình Tinh ra và đưa một phần tiền ông thu được từ chương trình giúp đỡ các nghệ sĩ có hoàn cảnh khó khăn của Ban Ái hữu Hội Sân khấu. Cũng chính vì thế, chị luôn cảm thấy day dứt vì sự ra đi của cha mình.

Bình Tinh đã kết hôn, chồng Bình Tinh là ca sĩ Nhật Minh. Vợ chồng cô đã gắn bó với nhau hơn 10 năm và sinh được một bé gái đầu lòng tên thương gọi là Bella.

Sau khi đăng quang cuộc thi Sao nối ngôi, con gái nuôi Kim Tử Long bắt đầu được biết đến nhiều hơn. Suốt gần 30 năm gắn bó với bộ môn nghệ thuật cải lương, cầm trên tay cúp chiến thắng đầu tiên, nghệ sĩ Bạch Mai đã khóc thay cho con gái.

Trong cuộc trò chuyện với báo, Bình Tinh nhiều lần rơi nước mắt. Cô khóc khi gợi nhớ những ký ức đau buồn của gia đình, cô khóc vì bắt đầu được mọi người yêu mến và bầu show gọi điện nhiều hơn.

Bình Tinh tâm sự: – *Tôi biết con đường mình đi chông gai nhưng cải lương đã thấm vào máu thịt, dù sau này có ra sao, cải lương mãi mãi trường tồn trong tôi. Ngày bé, lúc theo bố mẹ lên sân khấu, tôi cũng biết nghề này gian truân lắm. Nhưng không hát cải lương không được. Hiện tại, tôi là hậu duệ duy nhất của tuồng cổ Huỳnh Long, nếu tôi bỏ đôi gánh khỏi vai mình, bao nhiêu người sẽ chơ vơ, không nơi nương tựa.*

Gần 30 năm theo nghề, tôi chưa bao giờ được có cơ hội xuất hiện trên truyền hình. Có lẽ mình gánh vác nhiều thứ quá, người ta cũng quên mình. Nên giải thưởng này có giá trị rất lớn với tôi. Sau một thời gian dài sống với nghề, tôi cũng được cầm trên tay giải quán quân. Đây cũng là cơ hội để tôi xuất hiện trong các chương trình cải lương. Tôi kiếm được miếng cơm mới nuôi được cả gánh hát.

Để tri ân tổ nghiệp, gia đình cải lương mấy đời và cha nuôi là nghệ sĩ Kim Tử Long đã nâng đỡ mình, trong đêm thi cuối cùng của *Sao nối ngôi*, Bình Tinh mời Kim Tử Long và gần hết những nghệ sĩ lão thành đoàn Huỳnh Long của gia đình mình lên sân khấu trong tiết mục của mình như một sự cảm tạ sâu sắc.

Những nhân tố thúc đẩy cải lương phát triển.

Bất kỳ sự thịnh suy của một sự kiện nào, tùy thuộc vào sự quan trọng nhiều hay ít, tùy thuộc vào mức độ nhỏ, to đều có những nguyên nhân, yếu tố góp phần vào. Cho nên sự thịnh suy của Cải lương cũng vậy, chúng ta thử nhìn qua vài khía cạnh đã góp phần vào sự phát triển sân khấu cải lương.

Đất nước thanh bình.

Thời Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa vào những năm đầu, cũng là những năm cuối thập niên 1950, miền Nam hưởng được thanh bình, không còn những lực lượng giáo phái hùng cứ vài nơi như Tây Ninh, Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ nhờ đó người dân đi lại, giao thương được dễ dàng. Miền Nam là vùng đất nông nghiệp trù phú nhờ phù sa sông Cửu Long, có an ninh đi lại được dễ dàng, người dân bắt đầu làm ruộng, khai thác những đất đai bị bỏ hoang từ thời khủng hoảng kinh tế, thời chiến tranh 1945 làm cho lúa gạo không xuất cảng được, nay

nhờ giao thương được dễ dàng, người dân sản xuất lúa gạo có nơi tiêu thụ.

Ở đô thị phát triển kỷ nghệ dệt, nhà máy xi-măng thu hút một số nhân công. Nông thôn phát triển nông nghiệp sản xuất lúa gạo, thành thị phát triển kỷ nghệ tạo ra công ăn việc làm, người dân có của cải vật chất, đời sống ấm no.

Thời đó, cũng chưa có du kích, do đó xã hội được an ninh. Một xã hội được an ninh, sung túc người dân sẽ hưởng thụ, người ta đi mua sắm những phương tiện vật chất như cái bàn, cái ghế, chiếc xe, người ta cũng giải trí bằng cách đi xem hát bội, cải lương cho khuây khỏa tâm hồn, sau những ngày mùa vất vả vì công việc đồng áng hay bận rộn vì công ăn việc làm hàng tuần nơi xí nghiệp, văn phòng ở thành thị.

Cải lương là nhu cầu giải trí thích hợp cho người miền Nam, bởi vì người miền Nam có đất rộng, sông dài được thiên nhiên ưu đãi cá tôm đầy sông, lúa đầy đồng. Muốn có một chỗ trú ngụ người ta chỉ cần đi vào rừng tràm ở U Minh, ở đồng Tháp Mười chặt, đốn những cây tràm, cây rừng làm cột, làm kèo dùng lá dừa nước mọc hoang để lợp mái, che vách. Cái ăn, cái ở không phải là vấn đề lớn, chỉ có cái mặc là phải mua vải nhập của ngoại quốc, để cắt may quần áo. Tuy nhiên vào những năm 1945, Việt Nam không xuất cảng, nhập cảng được, người ta trồng dâu nuôi tằm để dệt lụa, trồng cây bông vải để dệt vải ta, trừ tơ lụa ra, vải ta không được đẹp vì hầu hết được làm thủ công từ se sợi, cho đến dệt vải với khung dệt thô sơ.

Tâm lý chung, người miền Nam thích những chi nhẹ nhàng, êm đềm mà 6 câu vọng cổ thì rất ngọt ngào, đáp ứng được thị hiếu của người miền Nam, vì thế nó được phát triển từ thành thị cho đến thôn quê.

Các giải thưởng:

Người ta nghĩ rằng, các giải thưởng là đòn bẩy làm cho người nghệ sĩ cố gắng trình diễn cho hay hơn, đáp ứng lại thị hiếu của người xem, phần nào đã góp phần làm cho sân khấu Cải lương hay hơn, đẹp hơn về cá nhân cũng như tập thể, về nghệ sĩ diễn suất cũng như soạn giả, nhờ đó giới thưởng ngoạn được thưởng thức những vở tuồng như *Sân khấu về khuya, Nửa đời hương phấn, Tuyệt tình ca…*

Cho nên cần phải nói tới giải Thanh Tâm của Nhật báo Tiếng Dội do Trần Tấn Quốc sáng lập và giải Kim Khánh của nhật báo Trắng Đen do Việt Định Phương chủ trương.

Trần Tấn Quốc và Giải Thanh Tâm

Đất nước thanh bình, đời sống dân chúng được ấm no, hạnh phúc nhu cầu giải trí cần. Do đó Cải lương được thành lập các nơi, nhật báo mở ra mục Kịch trường, có khi để cả trang dành cho Cải lương và ca kịch, có những ký giả chuyên môn săn đón những tin tức cho trang, mục kịch trường như Hoài Ngọc, Đức Hiền, Phong Vân, Tình Thiệt, Văn Thà, Văn Lương, Trần Minh Ý, tức nhà thơ Hoài Hương Tử, Trọng Viễn, Phi Sơn, Thiện Mộc Lan, Huy Trường, Huỳnh Công Minh. Nhưng ký giả kịch trường kỳ cựu phải nói đến là Nguyễn Ang Ca và Trần Tấn Quốc.

Không rõ Trần Tấn Quốc muốn thúc đẩy Cải lương như điện ảnh chăng ? Ông là người lập ra Giải Thanh Tâm, phát giải cho Cải Lương từ năm 1958 đến năm 1967, sau đó ngưng vì chiến cuộc Mậu Thân. Điện ảnh có giải thưởng Oscar cao quý. Nó là Giải thưởng Viện Hàn lâm, tiếng Anh là Academy Awards, là giải thưởng điện ảnh hằng năm của Viện Hàn lâm Khoa học và Nghệ thuật Điện ảnh Hoa Kỳ, tiếng Anh là *Academy of Motion*

Picture Arts and Sciences. Kể từ năm 1928, giải Oscar được trao hàng năm tại thành phố Los Angeles, để ghi nhận những thành tựu xuất sắc của điện ảnh trong năm của các đạo diễn, diễn viên, kịch bản và nhiều lĩnh vực khác qua cuộc bỏ phiếu kín của các thành viên Viện Hàn lâm. Năm 1930, được trực tiếp truyền thanh đến năm 1953, truyền hình.

Tưởng cùng nên giới thiệu qua ông Trần Tấn Quốc và Giải Thanh Tâm.

Ông Trần Tấn Quốc, tên khai sinh Trần Chí Thành, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1914, tại làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, nay là xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ Trần Tấn Hưng (1884 - 1960) - Đông y sĩ khá nổi tiếng tại Cao Lãnh. Thân mẫu là bà Lê Thị Lư (1884 - 1975).

Thuở nhỏ, ngoài việc học ở nhà trường với các thầy giáo tên tuổi như: Trần Quang Hạo, Trần Nhựt Ưởng, Nguyễn Văn Hằng còn gọi là Hằng lớn, Bùi Văn Hiển; Trần Chí Thành học thêm chữ Nho với thân phụ và với ông Trà Giang thôn lão, thân phụ của ông tòa Phan Văn Thiết.

Năm 1930, Trần Chí Thanh đậu bằng Sơ học, sau đổi tên là bằng tiểu học: Certificat d' Etudes primaires, tức là bằng cấp Tiểu học, lúc đó được 16 tuổi. Hai người mà ông ngưỡng mộ và thán phục thời bấy giờ là ông Nguyễn An Ninh và ông Diệp Văn Kỳ.

Ảnh hưởng tuyên truyền giáo dục của người cậu là Lê Ngọc Ấn và mợ là Trần Thị Nhượng, Trần Chí Thành tham gia rải truyền đơn, biểu tình ngày 03-5-1930 tại Cao Lãnh. Sau đó, Trần Chí Thành bị Pháp bắt với tội danh *"Hoạt động phá hoại chống nhà nước*", tòa Vĩnh Long kêu án 5 năm tù, đày Côn Đảo vào đầu năm 1931.

Tháng 10 năm 1934, ông ra tù sớm hơn 1 năm. Tháng 6 năm 1936, ông chính thức gia nhập vào làng báo Sàigòn, với tư cách phóng viên tờ nhật báo Việt Nam.

Từ năm 1936 đến 1975, Trần Tấn Quốc đã nếm trải đủ cung bậc của nghề làm báo suốt 40 năm, qua 7 chế độ chính trị khác nhau.

Thu Tâm và Trần Tấn Quốc

Ông cộng tác với nhiều tờ báo ở Sàigòn, từng biên tập và làm chủ bút các tờ: *Điểm tín* năm 1940 - 1945, *Tin Điển, Tin Mới, Dư Luận, Việt Thanh* năm 1946 - 1947, Tiếng Dội, Lẽ Sống, Buổi sáng, Tiếng Dội Miền Nam, *Đuốc Nhà Nam* năm 1968 - 1972. Ông đã sử dụng 12 bút hiệu: Chí Thành, Trần Chí Thành, Trần Tấn Quốc, Cao Trần Lãnh, Thanh Tâm, Trần Tích Lương, Trần Tử Văn, Thanh Huyền, Anh Thành, Chàng Ba, Nghệ Sĩ Mù, Cô Hạnh. Bên cạnh, ông còn đóng góp tích cực cho bộ môn sân khấu cải lương. Đó là sáng kiến mở ra trang "kịch trường" đầu tiên trên tờ báo *Tiếng đội* vào năm 1950 và đặc biệt là giải "*Thanh Tâm*", nhằm khuyến khích các nghệ sĩ trẻ "nhiều triển vọng" của ngành sân khấu "*với cao vọng xây dựng một thế hệ nghệ sĩ cải lương tài và đức đi đôi, hầu xóa bỏ ít nhiều thành kiến đối với nghề hát xứ ta…*".

Chính vì vậy mà ông giao du, quen biết rộng rãi, từ các bậc ký giả lão thành như: Nguyễn Phan Long, Đào Trinh Nhứt, Nam Đình - Nguyễn Thế Phương… đến các nghệ sĩ tài danh như; Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Năm Nở, Tư Chơi, Bảy Nam, Từ Anh, tư Út ...

Ông viết các tác phẩm: *Sàigòn Septembre 1945, Nam Bộ kháng chiến, Cô gái Côn Đảo, Kỷ niệm làm báo 1936 - 1975.*

Ngoài ra, ông còn viết nhiều hồi ký, phóng sự, sưu khảo rất giá trị về sử liệu. Chẳng hạn, bài *Cảm nghĩ khi xem lễ 14 Juillet tại Cao Lãnh*, ký tên CT, đăng trên một nhật báo ở Sàigòn, khoảng năm 1935, đã làm xôn xao dư luận lúc bấy giờ.

Tháng 6 năm 1975, Trần Tấn Quốc thu xếp gia đình tại Sàigòn và đến cuối năm ông về hẳn quê nhà tại xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông qua đời vào lúc 2 giờ khuya, ngày 28 tháng 7 năm 1987, hưởng thọ 73 tuổi, sau một cơn đau tim và khó thở.

Cuộc đời tình cảm của ông Trần Tấn Quốc, ông có tất cả 6 mối tình:

Người đầu tiên tên Xuân Hoa, cô gái Côn Đảo, con của ông giám thị đề lao, mà ông Quốc lại là tù nhân, lúc ấy mới 17 tuổi, ông Quốc hoạt động chống chính quyền thuộc địa Pháp, bị bắt lưu đày Côn Đảo. Mối tình chấm dứt khi cha cô Xuân Hoa thuyên chuyển về đất liền, cô vâng lệnh cha thành hôn với một nhà giáo.

Mối tình thứ hai là cô Bảy Tới. Lúc ông Quốc mãn tù về hai người yêu nhau, chuẩn bị để "người lớn" đến gặp nhau đặng hôn lễ tiến hành thì thân mẫu của cô Bảy lại trả lời dứt khoát với con gái rằng: "Nó là một thằng ở tù chánh trị ngoài đảo mới về, lại đi làm nghề... viết nhựt trình. Má ghét mấy thằng

viết báo dữ lắm, nên tao không chấp nhận nó trở thành con rể nhà này". Lời "phán quyết" của má cô Bảy Tới làm đứt mối tơ vương giữa ông Quốc và người yêu.

Sau lần dang dở đó, ông Quốc lại gặp cô Ba Liên, hành nghề buôn bán vải, và có tiệm vải "Chí Thành" rất bề thế ở chợ Thái Bình – Sài Gòn. Nhưng quảng đường tình của ông Quốc và bà chủ tiệm vải cũng chỉ gắn bó được mấy năm thì đường ai nấy bước.

Người bạn đời đến với ông Quốc sau cô Ba Liên là cô Bảy Tuất, má của nữ nghệ sĩ Kiều Mai Lý. Có nhiều người lầm tưởng Kiều Mai Lý là con ruột của Trần Tấn Quốc. Thực tế không phải như vậy, bởi sau khi chia tay với ông Trần, cô Bảy Tuất bước thêm một bước nữa với ông Nguyễn Văn Kỷ mới sanh ra Kiều Mai Lý.

Người vợ thứ Năm là cô đào Thanh Loan như đã nói, sống chung với ông 10 năm. Cô Thanh Loan vào bưng biền khoảng hơn một năm thì người vợ sau cùng là cô Thu Tâm. Bà nhỏ hơn ông 19 tuổi, nên ông thường nghĩ: thế nào ông cũng "ra đi" trước bà, nhưng nào ngờ bà lại chết trước ông mười lăm năm.

Năm 1952, lúc ông Trần Tấn Quốc làm chủ nhiệm báo Tiếng Dội, cô Thu Tâm 19 tuổi người cùng quê Cao Lãnh với ông, cô từ giã đời học sinh để làm thơ ký cho báo này. Và cũng từ năm ấy cô là nhân viên tòa soạn của các tờ báo do ông Quốc nắm bút quyền, liên tục cho đến đầu tháng giêng năm 1962 cô Thu Tâm mới chánh thức trở thành phu nhơn của Trần Tấn Quốc.

Bà Thu Tâm đột ngột ra đi năm 1972, an táng tại nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi, Sài Gòn. Năm 1976 ông Quốc cải táng về chôn ở phần đất sau nhà, ngôi mộ nằm cạnh con sông Đình Trung, Cao Lãnh.

Mấy năm sau soạn giả Yên Lang theo đoàn hát xuống Cao Lãnh, có đến thăm ông Quốc, ông dẫn ra ngôi mộ nói rằng, bà Thu Tâm chôn sâu đến 2 thước 3, chừa phần trên cho ông, ngày ông Quốc mất, theo lời trăn trối của ông, người con nuôi hỏa thiêu và tro cốt chôn ở phần trên.

Trong số 6 bà vợ, có 2 bà sống lâu năm hạnh phúc với ông Quốc là cô Ba Thanh Loan 10 năm và bà Thu Tâm cũng 10 năm. Tất cả 6 bà nói trên không bà nào có con với ông Quốc. Con của các bà là có trước, hoặc sau ngày chia tay với ông Quốc. Người ta nói cái số của ông Quốc là... tuyệt tự.

Trong những năm cuối đời, cô Bảy Tuất trở về sống với ông Quốc. Hai người "bạn già" gặp nhau sau 1975, cô Bảy Tuất cư xử đầy tình nghĩa với... cố nhân.

Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Tấn Quốc đã được cố soạn giả Viễn Châu đúc kết qua 2 câu đối gởi tặng ông vào năm 1977:

Công nhân, Tiếng dội, Buổi sáng, Đuốc Nhà Nam, giải Thanh Tâm gắng sức vun bồi, duyên bút mực, nghiệp báo chương, xếp lại hành trang, đất Cao Lãnh bao dài bao nuối tiếc".

Giải Thanh Tâm là giải thưởng danh giá trong nền sân khấu cải lương Việt Nam, tồn tại từ năm 1958 đến 1968. Giải được đặt theo bút danh Thanh Tâm của nhà báo Trần Tấn Quốc, cũng là người sáng lập giải thưởng này "*với cao vọng xây dựng một thế hệ nghệ sĩ cải lương tài và đức đi đôi, hầu xóa bỏ ít nhiều thành kiến đối với nghề hát xứ ta…*". Giải thưởng cao nhất là huy chương vàng, nhưng từ năm 1965 có thêm 2 giải Diễn viên xuất sắc và Tuồng hay nhất trong năm.

Theo một bài báo : "Sau khi ra mắt, giải Thanh Tâm trở nên danh giá trong làng sân khấu. Ngoài tiêu chuẩn ca diễn xuất sắc, giải Thanh Tâm còn đòi hỏi tiêu chuẩn đạo đức, cho nên nghệ sĩ luôn rèn luyện, phấn đấu. Việc chấm giải rất lạ, không

hề có một cuộc thi nào diễn ra. Ban giám khảo sẽ đi xem tất cả các vở tuồng trong năm, chọn ra tuồng hay, nghệ sĩ giỏi rồi cuối cùng mới ngồi lại bình bầu. Vì thế, nghệ sĩ phải luôn trong tư thế "thi" suốt cả năm, hết năm này lại năm khác, hết suất này tới suất khác. Thậm chí phải luôn sống tử tế, vì chỉ cần tai tiếng là coi như bị loại."

Các đợt trao giải

Năm[4]	Huy chương vàng[4]	Giải Diễn viên xuất sắc[4]	Tuồng hay nhất trong năm[4]
1958	Thanh Nga	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1959	Lan Chi Hùng Minh	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1960	Bích Sơn Ngọc Giàu	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1961	Thanh Thanh Hoa	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1962	Ngọc Hương Ánh Hồng	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1963	Bạch Tuyết Kim Loan Trương Ánh Loan Tấn Tài Diệp Lang Thanh Tú	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1964	Lệ Thủy Thanh Sang	*(chưa có)*	*(chưa có)*
1965	Thanh Nguyệt Bo Bo Hoàng	Hữu Phước (*Chuyện tình 17*) Bạch Tuyết (*Nỗi buồn con gái*)	*Nỗi buồn con gái* (hay *Tản Nương Thất*) của Hà Triều và Hoa Phượng
1966	Phượng Liên Phương Quang	Thành Được (*Tiếng hạc trong trăng*) Thanh Nga (*Sân khấu về khuya*)	*Nước biển mưa nguồn* của Nguyễn Thành Châu *Tiếng hạc trong trăng* của Yên Ba và Loan Thảo
1967	Mỹ Châu Ngọc Bích Bảo Quốc Phương Bình	Ngọc Giàu Thanh Hải	-

Vài nghệ sĩ được trao giải:

Thanh Nga, Ngọc Giàu, Lan Chi, Bích Sơn

Giải Kim Khánh của Nhật báo Trắng Đen.

Đến thời Đệ Nhị Công Hòa, từ cuối năm 1972 tờ nhật báo Trắng Đen đi theo con đường Đuốc Nhà Nam qua Giải Thanh Tâm, cho ra đời Giải Kim Khánh Nghệ Thuật, nhưng hình thức tổ chức lại khác biệt.

Tờ Trắng Đen có chủ trương, mời đọc giả tham dự cuộc thi bằng hình thức điền tên nghệ sĩ mà mình hâm mộ yêu thích vào phiếu tham dự để đề cử, rồi gửi về tòa báo chờ kiểm phiếu. Nghệ sĩ nào có số phiếu cao nhất sẽ được trao tặng từ Huy chương vàng đến huy chương bạc và đồng. Riêng đọc giả dự đoán trúng hoặc gần trúng với tổng số phiếu tham dự, được nhận giải thưởng bằng hiện kim.

Giải Kim Khánh có danh hiệu dành cho các nghệ sĩ đoạt giải mang những tên gọi như, về Điện ảnh là Ảnh Hậu, Ảnh Đế theo danh từ điện ảnh Hong Kong thường bầu chọn. Tân nhạc có Giọng ca vàng hay bên cải lương được mệnh danh là Cải lương chi bảo … ngoài ra có những giải trao cho Quái kiệt sân khấu, nhạc phẩm đang thịnh hành, phim Việt Nam hay nhất,

đạo diễn xuất sắc nhất, và các tài năng mới được ưa chuộng nhất…

Chính vì hình thức đọc giả tham gia bỏ phiếu, có một số tên tuổi đang lu mờ phải cần đến Giải Kim Khánh, họ cắt phiếu điền tên để được hàng ngày có tên trên mặt báo qua những bài tường thuật sau những buổi kiểm phiếu nhằm giúp đọc giả đánh giá và tham khảo.

Giải Kim Khánh Nghệ Thuật, có một Hội đồng Giám Sát nhưng không có chức năng Giám khảo, nói đúng hơn chỉ làm nhiệm vụ quan sát và tiện liên hệ với các nghệ sĩ theo ngành nghề của mình. Chủ khảo tức chủ nhiệm báo, còn các vị khác gồm các ký giả như Thiên Hà, Quỳnh Như, Ngọc Hoài Phương và các người viết phụ trách bộ môn Điện ảnh – Tân nhạc; ký giả Trọng Viễn, Huy Trường, soạn giả Trần Hà, thi sĩ Cẩm Thi Lý Dũng Tâm coi về bộ môn Cải lương; ký giả Phong Vân, Hoài Ngọc làm phụ tá cho chủ khảo, cùng với soạn giả Duy Lân và ông Tam Mộc nguyên chủ nhiệm báo Buổi Sáng làm cố vấn.

Giải Kim Khánh Nghệ Thuật tổ chức được hai lần. Năm 1973 là lần đầu tiên trao giải thưởng tại rạp Quốc Thanh trên sân khấu của đoàn cải lương Hùng Cường – Bạch Tuyết, năm đó Phượng Liên cũng ở trong đoàn, đoạt Huy Chương Bạc nhưng không ra nhận giải vì cho rằng mình nổi tiếng mà chỉ về nhì; năm thứ hai 1974 được tổ chức làm hai buổi, đêm đầu ở nhà hàng Champions góc đường Trần Hưng Đạo – Nguyễn Khắc Nhu bây giờ. Đêm sau trao giải Huy chương vàng tại nhà hàng Maxim's nằm trên đường Tự Do.

Tượng vàng và các loại huy chương do họa sĩ Nguyễn Tăng của đoàn Dạ Lý Hương thiết kế tạo mẫu, được mạ vàng 24K rất giá trị. Nói chung Giải Kim Khánh Nghệ Thuật có tiếng vang từ các giới nghệ sĩ từ điện ảnh, tân nhạc, thoại kịch và cải lương cho đến người hâm mộ bộ môn nghệ thuật bấy giờ.

Về Giải Kim Khánh cho Cải lương năm 1973 có:

– Nam nữ "Cải lương chi bảo" : Hùng Cường – Bạch Tuyết
– Nam nữ nghệ sĩ Hồ Quảng : Thanh Bạch – Bạch Lê

Hùng Cường - Bạch Tuyết, Thanh Bạch - Bạch Lê

Những yếu tố làm cho Cải lương tuột dốc.

Ở trước đã nêu ra những yếu tố góp phần làm cho Cải lương phát triển, nhưng từ những năm 1963 trở về sau, do tình hình chánh trị bất ổn, do vấn đề an ninh, do chiến tranh Cải lương bắt đầu xuống dốc, những nguyên nhân nầy cần được nêu ra:

Do tình hình chánh trị và an ninh.

Tình hình cánh trị ở miền Nam bất ổn từ năm 1963, chánh phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành lệnh giới nghiêm ở Thủ đô Sàigòn. Đây là trung tâm hành chánh, văn hóa, chánh trị, do giới nghiêm, ban đêm bị thu ngắn, làm cho những đêm diễn khó khăn, một số đoàn hát phải đi tỉnh không bị giới nghiêm để có khán giả.

Chiến sự Tết Mậu Thân 1968 xảy ra ở Thủ đô và nhiều tỉnh thành, giờ giới nghiêm được nới rộng ra ở Thủ đô Sàigòn và nhiều tỉnh thành khác cũng bị giới nghiêm, chiến tranh làm cho đất nước không an ninh, góp phần làm hạn chế khán giả.

Do phương tiện truyền hình.

Truyền hình đã góp phần không nhỏ vào việc giết hại bộ môn Cải lương. Hình như ít người để ý đến việc nầy.

Đài Truyền hình Việt Nam được thành lập năm 1965; buổi phát hình đầu tiên của Đài là ngày 7 tháng 2 năm 1966 vào lúc 18 giờ 58 phút và lần cuối cùng là 23 giờ 58 phút ngày 29 tháng 4 năm 1975. Trong thời gian đầu phát điểm là từ trên không trung bằng kỹ thuật stratosvision do phi cơ gài ăng ten bay trên không phận Sàigòn cách mặt đất 3–6 km. Kỳ phát hình đó ghi hình ảnh của Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ và đại sứ Mỹ Cabot Lodge. Khu vực bắt sóng bao trùm đông Nam phần và nam Trung phần, từ Phan Thiết đến Long An đều xem được. Lúc đầu phát hình một giờ đồng hồ sau tăng thời lượng lên hai giờ

đồng hồ. Ngày 25 tháng 10 năm 1966 mới lập cơ sở trên mặt đất trong thành phố. Đoàn cải lương Dạ Lý Hương với vở *Yêu Người Điên* do nghệ sĩ Hùng Cường,Bạch Tuyết thủ vai chính được thu hình và phát sóng đầu tiên.

Sang đầu thập niên 1970 miền Nam đã đó có tới năm đài truyền hình, ngoài đài chính ở Sàigòn, Việt Nam Cộng hòa còn có bốn đài truyền hình địa phương ở Huế, Quy Nhơn, Nha Trang và Cần Thơ.

Hàng tuần các đài trên đều có phát chương trình Cải lương, kịch. Người ta ở tại nhà xem truyền hình, vừa thoải mái lại khỏi tốn tiền. Đó là một trong những nguyên tố góp phần làm cho Cải lương ngày càng suy giảm khán giả, dẫn đến hệ quả Cải lương tuột dốc.

Khán giả thay đổi quan điểm giải trí.

Ngày nay tầng lớp giới thưởng ngoạn từ tuổi thanh niên cho đến trung niên đã có quan điểm giải trí khác người xưa, họ ít đến rạp xem chiếu bóng, lại càng không đến rạp để xem Cải lương, nếu có để xem kịch hay tân nhạc, cùng là loại hình trình diễn trên sân khấu, nhưng nội dung ngắn, gọn hơn. Cũng chỉ là thỉnh thoảng, còn thời giờ giải trí của họ bỏ trong những phút ngắn trên vi tính hay điện thoại thông minh.

Là phương tiện nghệ thuật vị xã hội chủ nghĩa

Sau năm 1975, đất nước rơi vào tình trạng nghèo khó, người dân chỉ lo thắt lưng buộc bụng để sống còn, đâu có dư giả để giải trí qua việc xem hát Cải lương. Hơn nửa, Cải lương là phương tiện dùng để giáo dục tiến lên xã hội chủ nghĩa theo chủ trương của nhà nước. Ngày trước nghệ thuật vị nghệ thuật hay vị nhân sinh, ngày nay nghệ thuật vị xã hội chủ nghĩa, nên khán giả không muốn mất tiền mà không được giải trí.

Phần sau cùng

Không hẳn do những yếu tố vừa nêu trên đã làm cho Cải lương suy tàn, người ta còn nhìn thấy không có những soạn giả tài ba như Năm Châu hay cặp Hà Triều Hoa Phượng hoặc là thiếu sân khấu cho Cải lương.

Ngày nay tại Sàigòn, có 1 sân khấu dành cho Hát bội, đó là Rạp hát Thủ Đô Quận 5, Tp. HCM thay cho Rạp Long Phụng nằm trên đường Gia Long cũ nay là Lý Tự trọng, không có đoàn hát bội trình diễn, vì không có khán giả thường xuyên đến thưởng ngoạn nghệ thuật nầy, nó trở thành thứ nghệ thuật cần phải bảo tồn. Năm 2017 có 140 xuất được trình diễn tại Rạp cũng như tại Câu Lạc Bộ Thể Dục Thể Thao, Phố đi bộ Nguyễn Huệ, Phố đi bộ Bùi Viện, công viên 23-9.

Có lẽ chúng ta nhìn lại giới thưởng ngoạn Cải lương, họ là ai, thuộc giới nào, tuổi nào ? Theo tôi, mỗi thời đại mỗi khác,

ngày xưa cho đến khoảng năm 1970 hay 1980 người ta ru em, hát những câu ca dao hay nghêu ngao ca vài câu vọng cổ cho đứa bé nghe êm tai, thả hồn vào giấc ngủ, ngày nay người ta ru em bằng những bài hát tân nhạc.

Chắc chắn do từ nhỏ được nghe những lời ru, lời ca em ái, ngọt ngào, nên lớn lên thưởng thức bài ca vọng cổ hay tuồng cải lương thích hợp hơn, còn những người nghe quen tân nhạc chắc sẽ không thích cải lương. Cải lương là một loại hình nghệ thuật trình diễn, cần có người thưởng ngoạn, ít người thưởng ngoạn đương nhiên Cải lương đi vào ngõ cụt.

Còn những thanh niên ngày nay có thú tiêu khiển khác xưa, như lên Mạng kết nối bạn, nghe nhạc qua phương tiện Internet. Có thể những thú tiêu khiển qua máy vi tính, qua điện thoại thông minh từ trẻ con lên 6, lên 7 đã biết sử dụng các phương tiện vừa kể. Do đó nó đã thay đổi cách sống trong xã hội hiện nay, họ đã và sẽ không có nhu cầu thưởng ngoạn Cải lương. Tại Mỹ ngày nay những nhà sách, những rạp chiếu bóng đã phải dẹp tiệm rất nhiều chỉ còn lại một vài nhà sách và 5, 3 rạp chiếu bóng cho thành phố có vào khoảng 800.000 dân nơi tôi định cư.

Cho nên Cải lương mất dần khán giả, không phải vì thiếu soạn giả, không có tuồng tích hay, thiếu rạp hát dành cho Cải lương mà là vì mỗi thời đại nhu cầu giải trí, thưởng ngoạn khác nhau. Rồi một ngày kia gần hay xa cũng sẽ phải có một hội bảo tồn Cải lương, ngay trên quê hương đã sinh ra nó.

Tài liệu sử dụng:

- *Ái Liên.* Web: Wikipedia
- *Ba Vân.* Web: Wikipedia
- *Bạch Tuyết.* Web: Wikipedia
- Băng Huyền. *Nghệ sĩ Bảo Quốc và con đường nghiệp dĩ với sân khấu cải lương, kịch nói* Web: viendongdaily.com
- Băng Huyền. *Nghệ sĩ Bình Trang và giọng ca luyến láy trữ tình*. Web: cailuongvietnam.com
- Cải Lương Việt Nam: *Kiều Phượng Loan Sau 22 Năm Trở Lại* Web: music.quehuong.org
- *Cẩm Thu.* Web: nguoinoitieng.tv
- Đăng Minh. *Nghệ sĩ Thanh Thủy: mê đàn tranh từ thời còn con nít.* Web: tranquanghai1944.com
- *Diệu Hiền* Web: Wikipedia
- Đỗ Dũng. *Nhớ soạn giả Yên Ba.* Web: diendan.cailuongso.com
- Đoàn Dự, *Nghệ sĩ Út Hậu.* Web: cailuong.net
- Dương Đức. *Nghê sĩ Năm Phỉ: Người đàn bà tài hoa bạc mệnh.* Web: cand.com
- *Hà Triều* Web: Wikipedia
- *Hoa Phượng* Web: Wikipedia
- Hoàng Châu *Danh ca Năm Cần Thơ một thời lừng lẫy* Web: vnca.cand.com.vn
- Hoàng Dũng. *Nghệ sĩ Phương Bình.* Web: cailuongpho.com
- Hoàng Kim. *Vang bóng một thời: Kim Hương - nàng Tiểu Loan "Bên cầu dệt lụa"* Web: thanhnien.vn

- *Hùng Cường.* Web: Wikipedia
- *Hương Lan* Web: Wikipedia
- Huy Sương. *Vĩnh Long một vườn ươm nghệ thuật*. Web: http://trangvangnguoicaotuoi.vn/vinh-long-mot-vuon-uom-nghe-thuat.html
- *Kiên Giang* Web: Wikipedia
- *Kim Ngọc* Web: Wikipedia
- *Kim Tử Long* Web: Wikipedia
- Lê Quang Thanh Tâm. *Những nhan sắc Sài Gòn*. Web: ilovesaigon.net
- *Lệ Thủy.* Web: Wikipedia
- *Minh Chí* Youtube: youtube.com/watch?v=yReg-eu8VOg
- Minh Khánh. *NSUT Phương Quang: Hạnh phúc viên mãn.* Web: vietbao.vn
- *Minh Phụng.* Web: Wikipedia
- *Minh Vương* Web: Wikipedia
- *Mộng Tuyền.* Web: nguoinoitieng.tv
- Nam Hùng. *Chuyện đời như tiểu thuyết của NSND Phùng Há* Web: vtc.vn
- Ngành Mai. *Bích Sơn, nữ nghệ sĩ miền Bắc, trưởng thành trên sân khấu miền Nam.* Web: RFA
- Ngành Mai. *Cô Ba Bến Tre chưa hề ở xứ dừa Bến Tre*. Web: nguoi-viet.com
- Ngành Mai. *Nữ nghệ sĩ Hương Chung Thủy con nhà nòi.* Web: nguoi-viet.com
- Ngành Mai. *Soạn giả Quy Sắc – nhà giáo bước vào cải lương* Web: nguoi-viet.com
- Ngành Mai. *Soạn giả Thu An lập gánh hát Hương Mùa Thu*. Web: nguoi-viet.com
- *Nghệ Sĩ Ba Du.* Web: maxreading.com
- *Nghệ sĩ Bảy Nhiêu* Web: nguoinoitieng.tv
- *Nghệ sĩ cải lương Cẩm Tiên*. Web: nguoinoitieng.tv
- *Nghệ sĩ Kiều Mai Lý ...* Web: soha.vn
- *Nghệ sĩ Tấn Tài.* Web: maxreading.com
- *Nghệ sĩ tiền phong Năm* Nghĩa Web: youtube.com/watch?v=VBRpn3BneFs

- *Ngọc Giàu.* Web: Wikipedia
- *Ngọc Hương (nghệ sĩ).* Web: Wikipedia
- Nguyễn Đức Hiệp *Tuyển tập Nguyễn Đức Hiệp*. Blog: Nam Kỳ Lục Tỉnh
- Nguyễn Huy. *Rơi nước mắt với tuổi già bất hạnh của "Trùm Sò" Giang Châu* Web: baomoi.com
- Nguyễn Phương *Nghệ sĩ Hùng Minh.* Web: RFA
- Nguyễn Phương *Nghệ sĩ Chinh Nhân, giữ mãi cội nguồn*. Web: RFA
- Nguyễn Phương. *... Hoa hậu Cải lương Kim Lan…* Web: cailuongvietnam.com
- Nguyễn Phương. *Bạch Mai - Đức Lợi, chứng nhân thời hoàng kim và mạc vận của nghệ sĩ sân khấu.* Web: rfa
- Nguyễn Phương. *Kim Tiểu Long, Con rồng nhỏ trên bầu trời nghệ thuật.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Năm Châu, cuộc đời như sân khấu*. Web: amnhac.fm
- Nguyễn Phương. *Nghệ sĩ danh ca Minh Cảnh.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nghệ sĩ Đức Minh, người đưa đò thành kép chánh đại ban*. Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nghệ sĩ Hữu Huệ, một tài năng lớn chìm trong quên lãng!* Web: RFA
- Nguyên Phương. *Nghệ sĩ Thành Được.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nghệ sĩ Trường Sơn, ngôi sao Hồ Quảng sáng ngời trên đất Hoa Kỳ.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. Nghệ sĩ Tuấn Thanh. Web: RFA
- Nguyên Phương. *Nghệ sĩ Út Hiền* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ danh ca Thanh Kim Huệ* . Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Bo Bo Hoàng, con vua leo núi Lê Thành Cát.* Web: RFA.
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Hà Mỹ Xuân.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Kiều Hoa Ngọc Đáng*. Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Linh Huệ, Một giọng ca tuyệt vời sớm bị lãng quên!* Web: RFA

- Nguyễn Phương. Nữ nghệ sĩ Ngọc Bích, một thời vang bóng Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Ngọc Đan Thanh. Loài hoa nở muộn.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Ngọc Nuôi.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Phương Hồng Thủy.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Phượng Liên, giọng ca vàng trên đất Mỹ.* Web: RFA
- Nguyên Phương. *Nữ nghệ sĩ tài danh Kim Cúc: người vợ thứ ba của Năm Châu.* Web: cailuongpho.com
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa và giải Thanh Tâm.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Nữ nghệ sĩ Tô Kim Hồng.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Soạn giả Lê Hoài Nở - người chuyên viết tuồng trào phúng.* Web: cailuongvietnam.com
- Nguyễn Phương. *Soạn giả Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, Hậu Tổ Cải Lương* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Soạn giả Tư Chơi, mảnh vụn của một vì sao.* Web: cailuongviet.com
- Nguyễn Phương. *Thanh Bạch, nghệ sĩ Hồ Quảng.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Tuấn Châu, nghệ sĩ Hồ Quảng đa tài ở Hải ngoại.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Tưởng nhớ cố nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm.* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Tưởng niệm cố nghệ sĩ Ba Xây* Web: RFA
- Nguyễn Phương. *Vua Tao Đàn Thanh Hải.* Web: music.quehuong.org
- *Nguyễn Tri Khương.* Web: Wikipedia
- Như Hoa. *Huyền Thoại Bích Thuận, Một Đời Cống Hiến Cho Nghệ Thuật* Web: t-van.net/
- Phạm Điền. *Soạn giả Nguyễn Phương, người soạn tuồng nổi tiếng của Việt Nam.* Web: RFA.
- Phương Kiều. *Soạn giả Điêu Huyền - người vẽ hào quang cho nghệ sĩ.* Web: cailuongvietnam.com
- *Phượng Mai.* Web: hopampro.com
- *Soạn giả Năm Châu* Web: cailuongviet.com

- Thanh Hiệp. *Nghệ sĩ Kim Chung qua đời.* Web: nld.com.vn
- *Tám Danh* Web: Wikipedia
- Trần Quốc Thuận. *Tiểu sử Bảy Cao* Web: music.quehuong.org
- *Thanh Điền.* Web: Wikipedia
- Thanh Hằng. *Nghệ sĩ Thanh Hằng: Lấy chồng năm 16 tuổi, bị đánh đến mức muốn tự tử.* Web: baomoi.com
- Thanh Hiệp. *"Tô Định" Văn Ngà đã qua đời* Web: nld.com.vn
- Thanh Hiệp. *Nghệ sĩ Hoài Trúc Phương từ trần.* Web: nld.com.vn
- Thanh Hiệp. *Nghệ sĩ Hoàng Ấn từ trần.*Web: nld.com.vn
- Thanh Hiệp. *NSƯT Thanh Nguyệt - Cuộc đời vinh quang và nước mắt.* Web: nld.com.vn
- Thanh Hiệp. *NSUT Thanh Tuấn từ thợ đan ghế mây thành danh ca vọng cổ.* Web: nld.com.vn
- Thanh Hiệp. *Vĩnh biệt nữ soạn giả Nhị Kiều* Web: nld.com.vn
- *Thanh Hương.* Web: Wikipedia
- *Thanh Nga.* Web: Wikipedia
- *Thanh Ngân.* Web: Wikipedia
- Thanh Quang. *Nghệ sĩ Văn Hường, vua vọng cổ hài*. Web: RFA
- Thanh Quang. *Tưởng nhớ cố nghệ sĩ tài danh Bảy Nam.* Web: RFA
- *Thanh Sang.* Web: Wikipedia
- *Thanh Thanh Tâm.* Web: Wikipedia
- *Thanh Tòng* Web: Wikipedia
- Thảo Vân. *Kép độc Nam Hùng - một đời đau đáu với cải lương.* Web: cailuongvietnam.com
- Thi Nhân *Soạn Giả Thế Châu* Web: thuvienbinhduong.org.vn
- Thiện Giả. *Người xưa - Chuyện cũ: Soạn giả Loan Thảo - Một bậc kỳ tài bạc mệnh.* Web: sankhau.com.vn
- *Thoại Miêu* Web: Wikipedia
- *Thoại Mỹ* Web: Wikipedia
- *Tiểu sử Bảy Cao* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu sử Diệp Lang.* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu sử Út Bạch Lan.* Web: music.quehuong.org

- *Tiểu Sử Cô Ba Thanh Loan* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu sử Hoàng Giang* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu sử Hồng Nga.* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu sử Hữu Phước.* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu sử nghệ sĩ cải lương Bình Tinh* Web: timhieu.net
- *Tiểu sử nghệ sĩ Ngọc Huyền.* Web: yeucailuong.com
- *Tiểu sử nghệ sĩ Tài Linh.* Web: yeucailuong.com
- *Tiểu sử Sáu Ngọc Sương* Web: music.quehuong.org
- *Tiểu Sử Tư Út* Nguồn: maxreading
- Trần Dũng. *Nhớ một giọng ca vàng.* Web: vanchuongviet.org
- *Trần Hà* Web: Wikipedia
- *Trần Hữu Trang* Web: Wikipedia.
- Trần Phước Thuận. *Soạn giả Mộng Vân* Web: http://www.phatgiaobaclieu.com/content/view/2103/1/
- Trần Quốc Bảo. *Tiểu sử Nghệ Sĩ kiêm Soạn Giả Hương Sắc.* Web: cailuongvietnam.com
- *Trương Duy Toản.* Web: Wikipedia
- *Tư Sạng* Web: Wikipedia
- *Tú Sương* Web: Wikipedia
- *Út Trà Ôn.* Web: Wikipedia.
- *Văn Chung.* Web: Wikipedia
- *Viễn Châu* Web: Wikipedia
- *Việt Hùng* Web: tainhaccho.vn
- *Vũ Linh (nghệ sĩ cải lương).* Web: Wikipedia
- *Vua xàng xê Minh Chí - Trích đoạn cải lương "Thuyền Ra Cửa Biển" với Ns Thành Được.* Youtube.com
- Vương Hồng Sển *Lịch sử hình thành Cải lương* Web: http://diendan.cailuongso.com
- *Yên Lang* Web: Wikipedia

Bảng tra Phương danh soạn giả và nghệ sĩ

- Ái Liên (1918-1991) …….…….. 248
- Ánh Hoa (1941-20 ..) ……. 395
- Ánh Hồng (1944-20 ..) …….. 431
- Ba Du (1904-1984) ……. 185
- Bà Năm Sa Đéc (1907-1988) …….. 195
- Ba Vân (1908-1988) ……... 204
- Ba Xây (1920-2009) …….…….. 253
- Bạch Lê (1951-20 ..) …….. 574
- Bạch Mai (1948-20 ..) …… 510
- Bạch Tuyết (1945-20 ..) …….…… 445
- Bảo Quốc (1949-20 ..) ……...…… 526
- Bảy Cao (1916-1996) ……. 233
- Bảy Nam (1913-2004) …… 111
- Bảy Nam (1913-2004) …… 222
- Bảy Nhiêu (1902-197X) …….. 181
- Bích Hợp (192X-1978) ……..…… 259
- Bích Sơn (1939-20..) ……...……... 370
- Bích Thuận (1930-20..) …….. 307
- Bình Tinh (1981-20 ..) ……... 690
- Bình Trang (1957-20 ..) ……. 632
- Bo Bo Hoàng (1949-20 ..) ……. 521
- Bửu Truyện (1945-199X) …….…….. 437
- Cẩm Thu (1960-20 ..) …… 653
- Cẩm Tiên (1970-20 ..) ……...…… 677
- Chí Tâm (1950-20 ..) ……. 565

- Chinh Nhân (1970-2016) …… 673
- Cô Ba Bến Tre (1914-19..) …… 229
- Cô Ba Thanh Loan (1917-1982) …… 245
- Cô Ba Trà Vinh (1917-2004) …… 240
- Cô Năm Cần Thơ (1917-1997) …… 235
- Cô Tư Sạng (1911-1954) …… 214
- Diệp Lang (1941-20..) …… 401
- Diệu Hiền (1945-20 ..) …… 453
- Điêu Huyền(1915-1983) …… 113
- Đỗ Quyên (195X-20 ..) …… 543
- Đức Lợi (1948-20 ..) …… 506
- Đức Minh (1952-2014) …… 579
- Dũng Thanh Lâm (1942-2004) …… 409
- Duy Lân (1910-1973) …… 109
- Giang Châu (1952-20 ..) …… 584
- Hà Mỹ Xuân (1952-20 ..) …… 587
- Hà Triều (1931-2003) …… 143
- Hề Minh (1929-1985) …… 296
- Hề Sa (1941-20 ..) …… 398
- Hoa Phượng (1933-1984) …… 147
- Hoài Thanh (1947-20 ..) …… 477
- Hoài Trúc Phương (1943-2014) …… 417
- Hoàng Ấn (1944-2008) …… 436
- Hoàng Giang (1922-2002) …… 267
- Hồng Nga (1945-20 ..) …… 449
- Hùng Cường (1936-1996) …… 346
- Hùng Minh (1938-20 ..) …… 359
- Hương Chung Thủy (1958-20 ..) …… 637
- Hương Huyền (1947-20 ..) …… 482
- Hương Lan (1956-20 ..) …… 615
- Hương Sắc (1940-2014) …… 155
- Hương Sắc (1940-2014) …… 392

- Hữu Huệ (1956-20 ..) …… 624
- Hữu Phước (1932-1997) ……. 316
- Huỳnh Thái (1920-1970) …….……... 256
- Huỳnh Thủ Trung (1907-1964) …… 93
- Kiên Giang (1929-2014) …….…… 139
- Kiều Lệ Mai (1949-20 ..) ……... 541
- Kiều Mai Lý (1949-19 ..) ……...…… 535
- Kiều Phượng Loan (1951-20 ..) ……. 570
- Kim Chung (1923-2008) ……..…..… 273
- Kim Chưởng (1926-2014) …….. 285
- Kim Cúc (1922-1991) ……..…..…….. 265
- Kim Giác (1939-20 ..) …… 368
- Kim Hoàng (1932-2017) ……...……. 322
- Kim Hương (1954-20 ..) …… 608
- Kim Lan (1926-2000) ……. 291
- Kim Ngọc (1943-2011) …….. 421
- Kim Quang (1929-1989) …… 299
- Kim Tiểu Long (1975-20 ..) …….. 684
- Kim Tử Long (1966-20 ..) ……. 663
- Kim Tuyến (1947-20 ..) ……. 480
- Kim Xuân (192X-20 ..) ……..…… 260
- Lan Chi (1939- ?) …….. 366
- Lê Hoài Nở (1909-2000) …….. 99
- Lệ Thủy (1948-20 ..) …….…… 500
- Linh Huệ (1959-20 ..) …… 644
- Loan Thảo (1942-1982) …….……. 165
- Minh Cảnh (1937-20..) …….…… 351
- Minh Chí (1924-1995) ……..….. 279
- Minh Điển (1924-1996) …….. 280
- Minh Đức (1938-20 ..) …….…….. 364
- Minh Phụng (1944-2005) ……... 428
- Minh Tơ (1922-1984) …….…….... 263

- Minh Vương (1949-20 ..) ……...……... 518
- Mộng Tuyền (1947-20 ..) …….. 486
- Mộng Vân (1910-1950) ……..…… 103
- Mỹ Châu (1950-20 ..) ……...……. 560
- Năm Châu (1906-1978) …….. 186
- Năm Châu (1906-1978) …… 81
- Nam Hùng (1937-20 ..) …….…… 356
- Năm Nghĩa (1911-1959) ……. 218
- Năm Phỉ (1908-1954) ……. 200
- Ngọc Bích (1947-20 ..) …….. 462
- Ngọc Đan Thanh (1952-20 ..) …… 592
- Ngọc Đáng (1949-20 ..) ……. 530
- Ngọc Giàu (1945-20 ..) …….…… 443
- Ngọc Hương (1942-2017) …….. 408
- Ngọc Huyền (1970-20 ..) …….…….. 679
- Ngọc Nuôi (1930-2002) ……. 311
- Nguyễn Phương (1922-20 ..) ……. 121
- Nguyễn Tri Khương (1890-1962) ……...…. 79
- Nguyễn Trọng Quyền (1876-1953) …….. 75
- Nhị Kiều (1921-2010) ……...……. 117
- Phú Quý (1946-20 ..) ……. 458
- Phùng Há (1911-2009) ……... 206
- Phương Bình (1947-20 ..) …….. 467
- Phương Hồng Thủy (1960-20 ..) ……...… 649
- Phượng Liên (1947-20 ..) …….. 491
- Phượng Mai (1956-20 ..) ……...… 619
- Phương Quang (1942-2018) ……...… 413
- Quy Sắc (1924-2010) …….…… 131
- Sáu Ngọc Sương (1915-2000) …… 230
- Sáu Trâm (190?-197?) ……...……. 198
- Tài Linh (1956-20 ..) ……..... 628
- Tám Danh (1901-1976) …….. 177

- Tám Vân (1924-2010) ……...…. 275
- Tấn Tài (1940-2011) …….. 387
- Thanh Bạch (1950-20 ..) …… 552
- Thanh Cao (1923-2013) …….…… 123
- Thanh Điền (1947-20 ..) ……...…. 470
- Thành Được (1934-20..) …… 331
- Thanh Hải (1933-2014) …….. 325
- Thanh Hằng (1959-20 ..) ……...……. 641
- Thanh Hương (1936-1974) …….…… 344
- Thanh Kim Huệ (1955-20 ..) ……. 611
- Thanh Nga (1942-1978) ……..... 404
- Thanh Ngân (1972-20 ..) ……...…… 681
- Thanh Nguyệt (1947-20 ..) …… 495
- Thanh Sang (1943-2017) …… 423
- Thanh Thanh Hoa (1943-2009) …….. 425
- Thanh Thanh Tâm (1963-20 ..) ……. 660
- Thanh Thế (1945-20 ..) ……..... 440
- Thanh Thủy (1966-20 ..) …… 666
- Thành Tôn (1913-1997) …….…… 225
- Thanh Tòng (1948-2016) …… 504
- Thanh Tú (1939-20 ..) …….…….. 374
- Thanh Tuấn (1948-20 ..) …… 513
- Thế Châu (1936-2005) …….…….. 151
- Thoại Miêu (1953-20 ..) ……...……. 601
- Thoại Mỹ (1969-20 ..) ……...…… 669
- Thu An (1923-2005) …….…….. 127
- Tô Kim Hồng (1950-20 ..) ……. 546
- Trần Hà (1928-2016) …….……. 137
- Trần Hữu Trang (1906-1966) …….…... 89
- Trần Phong Sắc (1873-1928) …… 73
- Trương Ánh Loan (194X-1979) ……. 456
- Trương Duy Toản (1885-1957) …… 69

- Trường Sơn (1950-20 ..) …… 556
- Trường Xuân (1929-1998) …… 302
- Tư Chơi (1907-1964) …….. 191
- Tú Sương (1977-20 ..) ……... 687
- Tú Trinh (1952-20 ..) ……. 596
- Tư Út (1912-1948) …….. 220
- Tuấn Châu (1963-20 ..) ……. 655
- Tuấn Thanh (1953-20 ..) …… 603
- Út Bạch Lan (1935-2016) …….. 339
- Út Hậu (1940-2001) ……... 384
- Út Hiền (1940-1986) …….. 380
- Út Trà Ôn (1919-1997) …….. 251
- Văn Chung (1927-2018) ……. 294
- Văn Hường (1934-20..) ……. 337
- Văn Ngà (1926-2010) ……. 288
- Viễn Châu (1924-2016) ……. 133
- Việt Hùng (1923-2001) …… 270
- Vũ Linh (1958-20 ..) …….. 639
- Xuân Yến (1947-20 ..) ……... 472
- Yên Ba (1941-2001) …….. 161
- Yên Lang (1940-2016) …….. 157

Hiên **PHẬT HỌC**
2018